TỦ SÁCH VĂN HỌC THẾ GIỚI

LÉP TÔNXTÔI

TRUYỆN CHỌN LỌC





NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LÉP TÔN-XTÔI

TRUYỆN CHỌN LỌC

Kính mời dịch giả đến Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin - 80 Nguyễn Du, Hà Nội (gác 3) để nhận sách tác giả và nhuận bút.

Xin liên hệ trước với chị Bích Hằng, số điện thoại 8472017.

LÉP TÔN-XTÔI

Truyện chọn lọc

Người dịch:
NGUYỄN HẢI HÀ - THÚY TOÀN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Hà Nội - 2000

Theo bản dịch của Nhà xuất bản
Cầu Vồng - Liên Xô - 1986

LỜI NÓI ĐẦU

Đại văn hào Nga Lép Tônxtôi (1828-1910), tác giả của những bộ tiểu thuyết nổi tiếng thế giới : "Chiến tranh và hòa bình", "Anna Karênhina", "Phục sinh"; đồng thời, ông cũng là bậc thầy kỳ tài của các tác phẩm truyện vừa và truyện ngắn.

Tập sách ***Lép Tônxtôi truyện chọn lọc*** *bao gồm các kiệt tác truyện vừa và truyện ngắn được ông sáng tác trong các thời kỳ khác khau - Các truyện ký nghệ thuật "Truyện ngắn Xêvaxtôpôn"(1855-1856); Các truyện vừa : "Buổi sáng của một trang chủ" (1856), "Cái chết của Ivan Ilích" (1886); "Đức cha Xerghi" (1898), "Khátgi-Murát"(1904); Các truyện ngắn: "Luyxernơ" (1857) và "Sau đêm vũ hội" (1903).*

Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin trân trọng giới thiệu Lép Tônxtôi truyện chọn lọc cùng bạn đọc gần xa.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NÓI VỀ TÔNXTÔI (*)

Vai trò của Tônxtôi trong tư tưởng xã hội của chúng ta đã được các nhà văn Nga nhiều lần nhấn mạnh. Mười năm trước khi Tônxtôi qua đời, Tsêkhốp[2] đã viết từ Ianta[3]:

"...tôi rất lo trước cái chết của Tônxtôi. Giả sử ông mất đi, thì trong cuộc đời tôi sẽ có một khoảng trống quá lớn... không có ông, nền văn học của chúng ta sẽ biến thành một bầy gia súc không người chăn dắt..." Hai mươi năm trước đó Ivan Turghênhép[4] và hai năm trước khi Tônxtôi qua đời Alếchxanđrơ Blốc[5] cũng đã nghĩ đến điều đó. Cái chết của Tônxtôi đã gợi lên ở tầng lớp trí thức tiến bộ cảm xúc của kẻ bị mồ côi, thậm chí không có người cầm đầu. Ngay cả những tầng lớp dưới của nước Nga cũng cảm thấy nỗi đau mất Tônxtôi... Thật vậy, trong những điều kiện của thời kỳ đó các sáng tác văn học nổi tiếng nhất đã đến với các tầng lớp dưới bằng những con đường vòng đòi hỏi rất nhiều thời gian; nhiều khi người dân thường chỉ có ý niệm về một nhà văn đang sống qua lời đồn đại về tư cách xã hội của nhà văn đó. Nhưng Tôixtôi đã sống trọn cả cuộc đời mình trước mắt

* Trích bài nói chuyện của nhà văn Lêônhít Lêônốp [1] ngày 19 tháng Mười một năm 1960 tại phiên họp trọng thể kỷ niệm 50 năm ngày L. Tôixtôi qua đời, tổ chức tại Nhà hát lớn Mátxcơva.

nhân dân, không hề giữ kín những bí mật, khi thì dưới tên thật, khi thì dưới bút danh Ôlênhin, Lêvin, Nhêkhơliuđốp [6], *- luôn luôn đi ngược chiều với những luồng gió và dòng nước đang có ưu thế thống trị, đấu tranh chống sự giàu có phi đạo lý, tình trạng nhàn cư và bạo lực, chống những điều kỳ quái đã tích tụ lại trong một nền văn minh quá già cỗi. Và vì rằng cuộc đời của nhà văn đã được tuổi thọ ghi nhận, nên những bậc trí tuệ tiên tiến của các tầng lớp dưới đã quen với ý nghĩ được an ủi rằng có một trái tim trung thực đang đập gần họ, một đôi tai thính nhạy đang lắng nghe tiếng rên xiết và lời ca của họ và, như vậy có nghĩa là, với thời gian tất cả những cái đó sẽ như những sợi vàng ròng vô giá được rót vào kho tàng quý báu chung của trái đất ngày mai sẽ được cải tạo. Những ý tưởng và cảm hứng, những hoài nghi đã được khắc phục và những hy vọng của thời đại cũng tạo nên khối vàng ròng của những nền văn học mà sức sống của chúng hoàn toàn tuỳ thuộc ở mức độ đảm bảo bằng kinh nghiệm lịch sử của những người đương thời, đối với tài năng - đó là tài sản của quốc dân, đối với thiên tài - đó là tài sản của toàn nhân loại... Tóm lại, chỉ có vàng ròng mới có thể chịu đựng được thử thách của sự lãng quên...*

Ngay cả trong số lượng ít ỏi như vậy, các tác phẩm của Tônxtôi cũng hoàn toàn không phải chịu sự thử thách đó của thời gian. giống như Puskin [7], *người đã mở ra cho chúng ta thấy chất nhạc huyền diệu của tiếng mẹ đẻ, Tônxtôi đã thể hiện một cách tuyệt vời những sự nghiệp, những niềm vui và nỗi buồn thiêng liêng của người Nga, trong đó có trận quyết đấu mang tính chất hiệp sĩ của họ với châu Âu nhiều ngôn ngữ dưới ách thống trị của*

Napôlêông! - và qua tấm gương lịch sử của họ ông đã cho thấy rõ cơ chế của sự cải tạo anh hùng đã được kiểm nghiệm biết bao lần từ đó tới nay trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa - của các dân tộc, cũng như của mỗi con người bình thường nói chung. Tác giả "Chiến tranh và hoà bình", "Những người Kô-dắc", "Anna Karênhina" và "Sống lại" cảm nhận được tất cả - cả những cơn bão tố và làn gió thoảng qua khó nhận thấy, đồ sộ đến mức mắt thường không thu hết được, cả những điều nhỏ nhặt tưởng như hư hư thực thực, dễ thoát khỏi cái nhìn lơ đãng, cả cảnh hùng tráng buổi ban trưa và cả buổi chiều hôm của mỗi cá nhân con người. Ngoài ra, những mâu thuẫn và tiểu sử phức tạp của Tônxtôi đã giúp ông thể hiện được tâm hồn con người trong những bình diện bất ngờ nhất và, tất nhiên, sau Ruxô[(8)] không còn ai có thể mở toang nó ra trước mắt bạn đọc đến mức độ như vậy được. Ngày nay, đứng từ xa, không cần một sự chiếu sáng bất kỳ nào, chúng ta cũng thấy rõ Tônxtôi với tất cả tầm vóc khổng lồ không chỉ của những thành công, mà của cả những sự dao động, những nét cực đoan, những phút lầm lạc không tránh khỏi đối với những người đang đi tìm kiếm chân lý mà lúc đó chưa một ai thấy được dưới dạng thuần khiết của nó.

Dung mạo của con người đó không thể khuôn vào trong những chiếc khung ngay cả của những số phận văn học lỗi lạc đi nữa. Cũng giống như khi nói về Puskin, theo lời của Biêlinxki[(9)], thật đáng xấu hổ khi phải nói bằng thứ văn xuôi khiêm nhường: tên tuổi của Tônxtôi hôm nay đang đòi hỏi một tấm khung ngôn ngữ của ngày hội. Tên tuổi đó đã đi vào danh sách vị tất đã được đủ một tá các bậc vĩ nhân của ngôn từ, mở đầu từ chiếc

nôi cổ đại của nền văn hoá chúng ta. Ngay chính sức lao động của ông đối với chúng ta đã thật sự là một chiến công của Hécquyn[10], - ông hệt như một trái núi trên con đường thiên lý dẫn tới tiến bộ, mà từ đỉnh cao của nó có thể thấy rõ khoảng xa xăm vĩnh hằng với những con đường mòn ngang dọc của tư tưởng con người...

LÊÔNHÍT LÊÔNỐP

TRUYỆN NGẮN XÊVAXTÔPÔN

XÊVAXTÔPÔN THÁNG CHẠP

Bình minh vừa mới bắt đầu tô điểm chân trời trên rặng núi Xapun, thì mặt biển màu xanh sẫm đã hất bóng đêm khỏi mình và đợi chờ tia nắng đầu tiên để hân hoan lấp lánh. Vịnh biển lạnh lẽo và mù sương; không có tuyết - tất cả đều tối om, băng giá ban mai lạnh buốt táp vào mặt và lép nhép ở dưới chân, riêng chỉ có tiếng biển gào không dứt ở phía xa, thỉnh thoảng bị ngắt quãng bởi tiếng súng rền ở Xêvaxtôpôn, là phá vỡ cảnh tĩnh mịch của buổi sáng. Trên các chiến hạm, đồng hồ cát trầm trầm điểm bốn giờ.

Ở khu vực phía Bắc[1] hoạt động ban ngày thay thế dần sự tĩnh mịch ban đêm : nơi thì lính canh đổi gác, khua súng ống lách cách, nơi thì bác sĩ vội vã đến nhà thương, nơi thì một chú lính bò ra từ hầm đất, rửa khuôn mặt rám nắng bằng nước lạnh và quay mặt về phương Đông ửng hồng,

nhanh nhẹn làm dấu, cầu Chúa ; nơi thì một chiếc xe thổ mộ mát-gia-ra nặng nề cao lênh khênh do lạc đà kéo, ken két lăn bánh đến nghĩa địa để làm cái việc chôn cất những xác chết đẫm máu xếp gần như đầy có ngọn trong xe... Bạn đến gần bến cảng, mùi vị đặc biệt của than đá, của phân rác, mùi ẩm ướt và mùi thịt bò rán khiến bạn sửng sốt, hàng nghìn thứ đủ loại: gỗ, thịt, những sọt đất dùng làm công sự, bột, sắt v.v., nằm chất đống gần bến cảng. Những người lính thuộc các trung đoàn khác nhau, kẻ đeo túi, mang súng, người đi không, chen chúc nhau ở đây, họ hút thuốc, chửi rủa, khuân các kiện hàng nặng lên chiếc tàu thuỷ đang nhả khói, đậu ở gần cầu tàu. Những chiếc thuyền nhỏ của tư nhân chở đầy ắp đủ mọi hạng người - lính tráng, thuỷ binh, lái buôn, phụ nữ - không ngừng vào, ra bến cảng.

- Bẩm ngài, ngài đi Grápxkaia[2] ạ? Xin mời ngài, - hai, ba thuỷ binh đã xuất ngũ nhổm dậy từ những chiếc thuyền nhỏ, lên tiếng mời mọc bạn.

Bạn lựa chọn chiếc thuyền ở gần bạn nhất, bước nhanh qua xác một con ngựa tía đã thối rữa nằm chềnh ềnh trong bùn, gần chiếc thuyền và bạn đi về phía tay lái. Bạn rời khỏi bến. Xung quanh bạn biển sáng lên lấp lánh dưới ánh ban mai, đằng trước bạn một thuỷ thủ già mặc chiếc áo khoác bằng lông lạc đà và một chú bé tóc sáng cần mẫn đẩy mái chèo một cách lặng lẽ. Và bạn

nhìn lên những con tàu khổng lồ sơn kẻ sọc đậu rải rác gần xa trên vịnh biển, những chiếc tàu thuỷ nhỏ như những chấm đen li ti đang di động giữa màu thanh thiên lấp lánh, những ngôi nhà sáng sủa đẹp đẽ của thành phố thắm ánh nắng hồng ban mai hiện ra ở phía bờ bên kia, hàng luỹ phòng ngự nổi sủi bọt trắng xóa, đó đây đầu cột buồm đen ngòm của những chiến hạm bị đánh đắm (3) buồn bã nhô lên và tít đằng xa hạm đội của địch nổi lên mờ mờ nơi chân trời trong suốt như pha-lê của biển cả, những tia nước ngầu bọt trong đó vọt lên những bong bóng nước biển do mái chèo khua dậy. Bạn nghe thấy tiếng mái chèo đều đều, tiếng người nói vọng trên mặt nước tới tai bạn và tiếng súng uy nghiêm mà bạn tưởng như ngay càng rộ lên ở Xêvaxtôpôn.

Chẳng lẽ khi nghĩ rằng chính mình đã có mặt ở Xêvaxtôpôn, trong lòng bạn lại không dậy lên tinh thần dũng cảm, lòng tự hào và máu lại không chảy mạnh hơn trong huyết quản bạn sao...

- Bẩm ngài, xin ngài cứ hướng thẳng tới tàu Kixten-tin(*), - người thuỷ thủ già vừa nói với bạn vừa ngoái lại đằng sau để kiểm tra xem bạn cho thuyền đi có đúng hướng không, - lái sang phải đi.

- Trên tàu hãy còn đủ cả súng đại bác, - chú

* Tức là tàu "Kônxtantin" (*chú thích của tác giả*).

bé tóc sáng nhận xét khi đi ngang qua con tàu và đưa mắt nhìn lên.

- Chứ còn gì nữa! Tàu mới, Kornilốp[4] đã sống trên ấy, - bác thuỷ thủ già nhận xét và cũng đưa mắt nhìn con tàu.

- Bác xem nó nổ kìa! - chú bé nói sau khi im lặng hồi lâu, chú đưa mắt nhìn đám khói trắng bất chợt xuất hiện trên cao đang tản ra ở trên vịnh phía Nam, kèm theo đó là tiếng trái phá nổ ầm ầm.

- Nó bắn ở trận địa pháo mới đấy, - bác thuỷ thủ già nói thêm, dửng dưng nhổ nước bọt vào bàn tay. - Nào, chèo mạnh tay lên, Mikhain, ta sẽ vượt chiếc xuồng máy. - Và chiếc thuyền nhỏ của bạn lướt nhanh về phía trước trên vụng biển mênh mông gợn sóng, quả thực nó vượt chiếc sà-lúp nặng nề, trên đó ngổn ngang những bao hàng, do những người lính vụng về chèo không đều tay và vào tới bến cảng Grápxkaia giữa đủ loại thuyền bè đã cập bến.

Trên bến những đám lính tráng mặc áo xám, những thuỷ thủ vận đồ đen và phụ nữ áo quần sặc sỡ đi lại náo nhiệt. Các bà bán những chiếc bánh mì nhỏ, những người mu-gích Nga xách ấm xa-mô-va miệng rao to : "Xbi-ten"[5] nóng đây". Và ở đây, ngay trên những bậc đầu tiên của bến cảng, những quả đạn gỉ, những quả trái phá, đạn súng

máy và những cỗ đại bác bằng gang đủ các cỡ nằm lăn lóc. Xa hơn một chút là một quảng trường lớn, trên đó ngổn ngang những thanh gỗ lớn, những giá đại bác, những người lính đang nằm ngủ ; ngoài ra còn có ngựa, xe cộ, những cỗ súng và những hòm đạn sơn xanh, những bó súng bộ binh; binh lính, thuỷ thủ, sĩ quan, phụ nữ, trẻ em, lái buôn đi lại nườm nượp, xe bò chở cỏ khô cùng các kiện hàng và những cái thùng; một người lính Kô-dắc, viên sĩ quan cưỡi ngựa và một vị tướng ngồi trên xe đi ngang qua đâu đó trên quảng trường. Phía bên phải là phố xá có chiến lũy ngăn chặn, những khẩu đại bác nhỏ ló ra qua các lỗ châu mai trên chiến lũy, một người thủy thủ ngồi hút thuốc gần đó. Phía bên trái là một ngôi nhà đẹp, mặt trước nhà có ghi chữ số La Mã, núp dưới đó là những người lính và những chiếc cáng bết máu, bạn trông thấy khắp nơi những dấu vết khó chịu của một binh trạm. Ấn tượng đầu tiên của bạn dứt khoát là khó chịu lắm: sự pha tạp kỳ quặc giữa sinh hoạt của lính tráng và cuộc sống đô thị, giữa một thành phố đẹp đẽ và trạm trú quân, bẩn thỉu không những chỉ không đẹp mắt mà dường như còn là một sự hỗn độn kinh tởm, thậm chí bạn tưởng như tất cả mọi người đều hoảng sợ, lăng xăng, chẳng biết làm gì. Nhưng bạn hãy nhìn kỹ khuôn mặt những con người đang đi lại xung quanh bạn và bạn sẽ hiểu ra một điều hoàn toàn

khác. Bạn hãy nhìn chú lính ở đội vận chuyển kia chẳng hạn, chú đang dẫn ba con ngựa tía đi uống nước và khe khẽ hát điệu gì đó một cách bình thản đến mức thấy rõ là chú không hề lạc lõng trong cái đám đông gồm đủ loại người này, cái đám đông không tồn tại đối với chú, nhưng khi chú hoàn thành công việc của mình, dù đó là việc gì - cho ngựa uống nước hay chuyển vũ khí - chú cũng đều làm bình thản, tự tin và dửng dưng tựa hồ tất cả những điều này xảy ra ở đâu đó tận Tula hay Xaranxcơ. Bạn cũng nhìn thấy biểu hiện đó cả trên nét mặt của viên sĩ quan đeo đôi găng tay trắng không chê vào đâu được đi ngang qua đó, trên khuôn mặt người thủy thủ ngồi hút thuốc trên chiến lũy, cả trên khuôn mặt những người lính tải thương đang đứng bên cáng chờ đợi trên thềm của ngôi nhà Hội đồng cũ, lẫn trên khuôn mặt của cô gái sợ ướt mất chiếc áo dài màu hồng của mình đang nhảy thoăn thoắt trên những phiến đá băng ngang phố.

Phải, nhất định là bạn sẽ ngao ngán nếu như lần đầu tiên bạn đến Xêvaxtôpôn. Bạn sẽ uổng công nếu như bạn định tìm dù là trên một khuôn mặt thôi những dấu hiệu của sự lăng xăng, bối rối hay thậm chí của lòng nhiệt tình, tinh thần sẵn sàng hy sinh, chí kiên quyết, - không hề có như vậy ! Bạn sẽ nhìn thấy những con người thường ngày, bình tĩnh làm những việc hàng ngày, đến

nỗi có lẽ bạn tự trách mình vì đã phấn khởi thái quá, bạn hơi nghi ngờ không hiểu quan niệm về tính anh hùng của những người bảo vệ Xêvaxtôpôn đã đúng đắn chưa, cái quan niệm hình thành trong bạn qua các câu chuyện, qua các đoạn văn mô tả cảnh tượng và âm thanh ở vùng phía Bắc. Nhưng trước khi nghi ngờ, bạn hãy ghé lại những pháo đài, hãy nhìn những người bảo vệ Xêvaxtôpôn ngay tại vị trí phòng ngự, hay, tốt hơn bạn hãy đến thẳng ngôi nhà trước đây là nhà Hội đồng của Xêvaxtôpôn, nơi những người lính mang cáng đang đứng bên thềm, bạn sẽ nhìn thấy ở đó những người bảo vệ Xêvaxtôpôn, sẽ thấy những cảnh tượng khủng khiếp và buồn bã, vĩ đại và khôi hài, nhưng kỳ diệu, làm nức lòng người.

Bạn bước vào căn phòng lớn của nhà Hội đồng. Vừa mới mở cánh cửa ra vào, bạn bỗng sững sốt trước cảnh tượng và mùi của bốn năm chục thương binh nặng nhất, đã bị cưa chân, tay; một số nằm trên giường, số đông nằm trên nền nhà. Chớ tin vào cái cảm giác đang giữ chân bạn lại trên ngưỡng cửa - đó là một cảm giác tồi tệ, - hãy tiến lên, đừng hổ thẹn về việc chừng như bạn đến để xem những con người đang bị đau đớn, đừng ngại lại gần và nói chuyện với họ: những kẻ bất hạnh thích nhìn thấy một khuôn mặt thông cảm của đồng loại, thích kể về những đau khổ của mình và thích nghe những lời lẽ âu yếm, cảm thông. Bạn đi đến

giữa những dãy giường và bạn tìm một khuôn mặt ít khắc khổ và đau đớn hơn cả mà bạn định lại gần để bắt chuyện.

- Bác bị thương ở đâu ? - bạn do dự, rụt rè hỏi một người lính già hốc hác đang ngồi trên giường đưa cặp mắt đôn hậu dõi theo bạn và tựa hồ như mời bạn đến với mình. Tôi dùng chữ: "bạn hỏi một cách rụt rè" bởi vì những nỗi đau khổ, ngoài sự đồng cảm sâu sắc ra, không hiểu sao gợi nên nỗi e sợ xúc phạm và lòng kính trọng cao cả đối với con người đang chịu đựng những đau khổ đó.

- Bị ở chân, - người lính trả lời, nhưng ngay lúc ấy, qua nếp chăn, chính bạn nhận ra rằng chân bác ta đã bị cưa quá đầu gối. - Ơn Chúa bây giờ thì ổn rồi, - người lính nói thêm, - tôi muốn xin ra viện.

- Thế bác bị thương đã lâu chưa ?

- Dạ bẩm ngài, đã sáu tuần lễ rồi !

- Thế bây giờ còn đau nữa không ?

- Không, bây giờ chả đau gì cả, chỉ có khi giở giời chỗ bắp chân tựa hồ như nhức nhối, còn không thì chả sao cả.

- Bác bị thương như thế nào ?

- Bẩm ngài ở pháo đài năm, ngay trận pháo kích đầu tiên, tôi đã nghếch nòng đại bác lên, định kéo nó sang một lỗ châu mai khác, như thế này

này, thì nó quật ngay vào chân tôi y như hất tôi vào hố vậy. Nhìn lại, mất chân rồi !

- Chả lẽ giây phút ấy lại không thấy đau à?

- Chả thấy gì. Chỉ thấy có cái gì nóng bỏng ở chân.

- Sau rồi sao ?

- Sau cũng chả sao cả, có điều khi người ta kéo căng da mình ra thì tựa hồ như thấy rát. Bẩm ngài, việc trước tiên là chớ có nghĩ nhiều : cứ không nghĩ đến là không sao cả. Con người ta hễ cứ nghĩ ngợi là sinh to chuyện.

Vừa lúc đó, một người đàn bà vận chiếc áo dài màu xám kẻ sọc và choàng chiếc khăn đen lại gần bạn và xen vào câu chuyện giữa bạn với người thuỷ thủ. Bà ta bắt đầu kể về bác, về những nỗi đau khổ của bác, về tình trạng tuyệt vọng của bác bốn tuần lễ trước, về việc khi đã bị thương bác còn bảo dừng cáng lại để nhìn loạt đạn của khẩu đội ta, về việc các vị đại công tước đã trò chuyện với bác và ban cho bác hai mươi nhăm rúp và về việc bác đã bảo họ rằng bác lại muốn ra pháo đài để dạy dỗ bọn trẻ, nếu như bản thân bác không thể làm việc được. Người đàn bà này nói tất cả những điều đó liền một mạch, khi thì nhìn bạn, khi thì nhìn người thuỷ thủ đang quay đi, tựa hồ không nghe bà nói, lấy tay rứt mớ chỉ

rối dùng thay bông băng nhồi trong gối của mình, và mắt bà ánh lên niềm hân hoan đặc biệt.

- Bẩm ngài, bà xã nhà tôi đấy ! - người thuỷ thủ lưu ý bạn với cái vẻ tựa hồ như muốn nói: "Xin ngài thứ lỗi cho mụ ấy. Ai chả biết đàn bà là hay nói những điều ngốc nghếch"

Bạn bắt đầu hiểu những người bảo vệ Xêvaxtôpôn, chả hiểu sao bạn đâm ra xấu hổ về chính mình trước con người đó. Chừng như bạn muốn nói với bác ta rất nhiều để bày tỏ lòng thông cảm và sự ngạc nhiên của mình, nhưng bạn không tìm ra lời lẽ để nói hoặc không hài lòng với những lời chợt nảy ra trong đầu bạn, và thế là bạn lặng lẽ nghiêng mình trước sự vĩ đại thầm lặng, không có ý thức và sự cứng cỏi của tinh thần, sự bẽn lẽn không muốn phô bày phẩm giá của riêng mình kia.

- Thôi, cầu Trời cho bác chóng khỏi, - bạn nói với bác ta và dừng lại trước một thương binh khác nằm trên sàn và dường như đang vô cùng đau đớn đợi chờ cái chết.

Đó là một người tóc vàng, khuôn mặt xanh xao và sưng mọng. Anh ta nằm ngửa, tay trái quặt ra đằng sau, trong tư thế đau đớn ghê gớm. Hơi thở khò khè chật vật bật ra từ cái miệng ráo hoảnh, cặp mắt xanh ánh thiếc trợn ngược lên và phần còn lại của cánh tay phải quấn đầy băng thò ra dưới chiếc chăn xộc xệch. Mùi xác chết nặng nề

tác động mạnh mẽ tới bạn và cơn sốt bên trong đang hành hạ xuyên thấm khắp tứ chi nạn nhân chừng như xâm nhập cả vào bạn.

- Thế nào, anh ta mê man hả ? - bạn hỏi người đàn bà đi sau bạn và âu yếm nhìn bạn như nhìn người thân.

- Không, anh ta còn hơi nghe được, nhưng đã nguy kịch lắm rồi, - chị thì thào nói. - Tôi vừa đổ nước chè cho anh ta, dẫu là người xa lạ cũng cứ thấy thương, nhưng anh ta hầu như không uống được ngụm nào.

- Anh thấy thế nào ? - Bạn hỏi anh ta.

Người bị thương đảo tròng mắt hướng về phía tiếng bạn nhưng không nhìn thấy gì và không hiểu lời bạn nói.

- Tim tôi nóng rực.

Xa hơn một chút, bạn thấy một người lính già đang thay quần áo. Khuôn mặt và thân hình màu nâu nâu của bác ta gầy đét như một bộ xương. Một cánh tay bác ta không còn nữa, bị cụt sát vai. Bác đã bình phục và ngồi đó với vẻ phấn khởi. Nhưng qua cặp mắt đục, đờ đẫn, qua thân hình gầy còm khủng khiếp và những nếp nhăn trên mặt, bạn hiểu rằng bác ta đã phải chịu bao đau khổ để có được quãng đời đẹp đẽ nhất đó của mình.

Bạn nhìn thấy trên giường phía bên kia một khuôn mặt dịu dàng, tái nhợt và đau khổ của người đàn bà má đỏ bừng vì cơn sốt.

- Đây là vợ một người thuỷ thủ của chúng tôi, bị đạn trái phá bắn vào chân hôm mùng năm[6], - người dẫn đường cho bạn nói, - chị ta mang bữa ăn trưa lên cho chồng ở pháo đài.

- Thế người ta cưa chân chị ấy à ?

- Cưa cụt đến trên đầu gối.

Bây giờ nếu thần kinh bạn vững, bạn hãy đi qua cửa sang phía bên trái : trong phòng đó người ta đang thay băng và mổ xẻ. Ở đó bạn sẽ thấy bác sĩ tay bê bết máu đến tận khuỷu, diện mạo lầm lì nhợt nhạt, đang tíu tít cạnh một giường bệnh. Người bị thương nằm trên giường, mắt mở to do ảnh hưởng của thuốc mê, miệng lảm nhảm những lời vô nghĩa, đôi khi đơn giản và cảm động. Các bác sĩ đang làm công việc mổ xẻ ghê sợ, nhưng từ thiện. Bạn thấy lưỡi dao cong sắc bén rạch vào thân thể khoẻ mạnh trắng lốp và người bị thương bất chợt tỉnh lại kêu ré lên khủng khiếp, xé lòng, và tuôn ra những lời nguyền rủa. Người y tá vứt cánh tay bị cắt rời vào một xó. Bạn thấy một thương binh khác nằm trên cáng cũng ở ngay trong phòng đó, nhìn việc mổ xẻ bạn mình anh ta vặn người và rên lên vì những đau khổ tinh thần trong cảnh

chờ đợi nhiều hơn là vì sự đau đớn thể xác. Nhìn những cảnh khủng khiếp làm chấn động lòng người đó, bạn sẽ thấy chiến tranh không phải qua những đội ngũ chỉnh tề, đẹp đẽ và hào nhoáng, với trống rong cờ mở và các tướng lĩnh nghênh ngang trên chiến mã, mà bạn sẽ thấy chiến tranh trong biểu hiện thật sự của nó, trong máu me, đau khổ và chết chóc...

Ra khỏi căn nhà đau khổ đó, nhất định bạn sẽ cảm thấy niềm vui sướng, bạn căng ngực hít thở làn không khí tươi mát, cảm thấy hài lòng vì nghĩ rằng mình vẫn còn khoẻ mạnh, nhưng đồng thời ngắm nhìn những đau khổ đó, bạn ý thức được sự nhỏ bé vô nghĩa của mình và bạn bình thản, không chút do dự đi lên pháo đài...

"Cái chết và những đau khổ của hạng con sâu cái kiến như ta nào có nghĩa gì so với ngần ấy cái chết và ngần ấy đau khổ ?". Nhưng cảnh bầu trời trong sáng, vầng thái dương rực rỡ, thành phố đẹp đẽ, ngôi nhà thờ mở rộng và binh lính chuyển động đi về các ngả khác nhau khiến bạn trở lại ngay tâm trạng bình thường nông nổi với những lo âu nhỏ nhặt và bạn bị cuốn hút vào những công việc hiện tại.

Có lẽ bạn sẽ gặp đám tang của một sĩ quan nào đó đi từ nhà thờ ra, chiếc quan tài màu hồng

kèm theo tiếng nhạc và cờ xí phấp phới. Có lẽ tiếng súng nổ từ các pháo đài sẽ vọng tới tai bạn. Nhưng tất cả những cái đó không đưa bạn tới những suy nghĩ trước đây ; đối với bạn đám tang dường như là một cảnh chinh chiến rất đẹp và tiếng súng là những âm thanh chinh chiến rất đẹp và bạn sẽ không gắn cả cảnh tượng đám tang lẫn những tiếng súng đó với ý nghĩ, rõ ràng đã vận vào bạn, về những đau khổ và chết chóc như lúc bạn ở trạm cứu thương.

Băng qua trước nhà thờ và chiến luỹ, bạn đi vào khu vực sinh hoạt náo nhiệt nhất của thành phố. Hai bên đường phố là những biển hàng quán. Các nhà buôn, những người phụ nữ đội mũ và choàng khăn, các sĩ quan trưng diện - tất cả những cái đó đều nói với bạn về tinh thần cứng cỏi, lòng tự tin và sự yên ổn của dân cư vùng này.

Bạn hãy ghé vào một quán ăn ở bên phải, nếu bạn muốn nghe những lời bàn tán của các thuỷ thủ và các sĩ quan. ở đó chắc chắn người ta đang nói chuyện về đêm vừa rồi, về cô Phêđôxia, về trận đánh xảy ra ngày hai mươi bốn(7), về món thịt băm viên vừa đắt vừa tồi và về việc anh bạn này nọ đã bị giết.

- Quỷ thật, ở chỗ bọn mình hiện nay tệ quá ! - một sĩ quan hải quân nhỏ nhắn, tóc màu sáng

nhạt, không để ria mép, cổ quấn chiếc khăn quàng len đan màu xanh, nói giọng trầm.

- Các cậu ở đâu ? - một người khác hỏi.

- Trên pháo đài bốn[8], - người sĩ quan trẻ đáp, và nhất định bạn sẽ rất chăm chú và thậm chí hơi kính nể nhìn người sĩ quan tóc màu sáng nhạt khi nghe anh ta nói : "Trên pháo đài bốn". Vẻ suồng sã quá đáng của anh ta, cái lối khoa chân múa tay, tiếng cười to và giọng nói oang oang có vẻ lấc cấc của anh ta khiến bạn tưởng như đây là cái lối khoa mẽ đặc biệt thường có ở những người quá trẻ sau khi trải qua cơn nguy hiểm. Nhưng dầu sao bạn vẫn cứ nghĩ rằng anh ta sắp kể cho bạn nghe tình hình trên pháo đài bốn tồi tệ vì bom đạn như thế nào. Không hề có chuyện như vậy ! Tình hình tồi tệ vì bẩn quá.

"Không thể đi đến khẩu đội pháo được", - anh ta nói, chỉ vào đôi giày bị ngập bùn đến mắt cá.

"Còn ở chỗ mình, ông khẩu đội trưởng cừ nhất vừa bị giết, đạn xuyên thẳng vào trán", - một người khác nói.

"Ai thế ? Michiukhin hả ?".

"Không phải... Hừ, có đem món thịt bê rán ra đây cho tôi không ? Quân bịp bợm ! - Anh ta nói thêm với người hầu bàn. - Không phải Michiukhin

mà là Abrôximốp. Tay ấy cừ lắm, đã sáu lần đánh phá vây".

Hai sĩ quan bộ binh ngồi ở một góc bàn khác cạnh những đĩa thịt băm viên rán với đậu và một chai rượu vang chua vùng Krưm gọi là "Borđô". Người sĩ quan trẻ mặc áo choàng lính, cổ áo màu đỏ có đính hai ngôi sao[9], đang kể cho người sĩ quan già mặc áo cổ màu đen và không đeo sao nghe về trận Alma[10]. Người sĩ quan trẻ đã hơi quá chén, căn cứ vào những đoạn ngập ngừng trong câu chuyện của anh ta, vào cái nhìn do dự, ngại người ta không tin mình và chủ yếu là vai trò quá lớn lao của anh ta trong tất cả những chuyện đó, toàn những chuyện ghê gớm cả, có thể thấy rằng anh ta đã đi trệch khỏi sự thật khá xa khi kể chuyện. Nhưng bạn chẳng bận tâm tới những chuyện kể đó, bạn sẽ còn nghe mãi về chúng ở khắp mọi xó xỉnh của nước Nga: bạn muốn lên ngay pháo đài, đến chính pháo đài số bốn là nơi người ta đã kể với bạn nhiều như vậy và khác nhau đến như vậy. Khi có người nào đó nói rằng anh ta đã ở trên pháo đài bốn, anh ta sẽ nói điều đó với vẻ thoả mãn và kiêu hãnh đặc biệt, khi có người nói : "Tôi đi lên pháo đài bốn", - thì nhất định thấy rõ ở anh ta sự xúc động nho nhỏ hoặc vẻ dửng dưng quá lớn. Khi muốn trêu chọc ai người

ta nói : "Lẽ ra phải đưa mày lên pháo đài bốn mới phải". Khi gặp các cáng tải thương người ta hỏi : "Ở đâu về thế ?" - phần lớn trả lời : "Từ pháo đài bốn". Nói chung, có hai ý kiến hoàn toàn khác nhau về pháo đài khủng khiếp này : ý kiến của những người chưa từng bao giờ đến đó, những người tin chắc rằng pháo đài bốn là nấm mồ chắc chắn của mỗi người tới đó, và ý kiến của những người sống ở đó, như người sĩ quan hải quân tóc màu sáng nhạt, những người khi nói về pháo đài bốn sẽ cho bạn biết ở đó khô ráo hay lầy lội, trong hầm đất ấm hay lạnh v.v...

Qua nửa giờ bạn ngồi trong quán ăn, thời tiết đã kịp thay đổi : sương mù lan toả trên mặt biển, chụm lại thành những đám mây màu xám, ẩm ướt, tẻ ngắt và che khuất mặt trời. Trời mưa lâm thâm buồn bã làm ướt mái nhà, vỉa hè và áo choàng của lính...

Đi qua một chiến luỹ nữa, ra khỏi những khung cửa về bên phải, bạn sẽ leo lên một đường phố lớn. Sau chiến luỹ này, các nhà ở hai bên đường phố đều không có người ở, không có biển hàng, cửa ra vào đóng kín bằng ván gỗ, cửa sổ bị bịt lại, nơi thì góc tường bị sứt sẹo, nơi thì mái thủng. Các công trình xây dựng dường như giống các bậc lão thành đã từng trải mọi đau khổ, thiếu thốn

và tựa hồ như đang nhìn bạn một cách kiêu hãnh và hơi khinh khỉnh. Dọc đường bạn vấp phải những viên đạn nằm lăn lóc và các hố nước do trái phá đào trên nền đường đá. Trên phố xá, bạn gặp và vượt qua những đội lính bộ binh Kô-dắc và các sĩ quan. Hãn hữu lắm bạn mới gặp một người đàn bà hoặc là một đứa trẻ, nhưng đàn bà không đội mũ nữa, còn vợ thuỷ thủ thì mặc áo choàng lông cũ và đi giày lính. Đi quá phố một chút theo đường dốc thoai thoải, bạn nhận thấy xung quanh mình không còn là những ngôi nhà nữa, mà là những đống đá, ván gỗ, đất sét, gỗ súc hỗn độn kỳ quặc. Phía trước bạn, trên triền núi dốc đứng, bạn nhìn thấy một khoảng đen bẩn thỉu đầy hầm hào và cái khoảng phía trước ấy chính là pháo đài bốn... Ở đây càng gặp ít người hơn, hoàn toàn không thấy phụ nữ, binh lính rảo bước, trên đường thấy có những giọt máu và nhất định bạn sẽ gặp ở đây bốn người lính khiêng cáng và trên cáng là một khuôn mặt tái mhợt vàng vọt và một chiếc áo choàng đẫm máu. Nếu như bạn hỏi: "Bị thương vào đâu ?"- những người khiêng cáng bực bội không quay lại phía bạn, sẽ nói : vào chân hoặc tay, nếu như người nằm trong cáng bị thương nhẹ, hoặc họ im lặng vẻ ảm đạm, nếu như trong cáng không thấy có mái đầu nào và người ấy đã chết hoặc bị thương nặng.

Đúng lúc bạn bắt đầu leo lên núi, tiếng bom đạn rít ở gần đó làm bạn ngạc nhiên một cách khó chịu. Bạn chợt hiểu ngay và hiểu hoàn toàn khác trước ý nghĩa của những tiếng súng mà bạn đã được nghe thấy trong thành phố. Một hồi ức nào đó, êm dịu vui vẻ, bất chợt loé lên trong trí tưởng tượng của bạn. Bạn bắt đầu quan tâm đến chính bản thân mình nhiều hơn là quan sát. Bạn sẽ ít chú ý tới xung quanh và một cảm giác do dự khó chịu bỗng xâm chiếm lấy bạn. Mặc cho giọng nói đê tiện trước hiểm nguy này bất chợt thốt lên trong lòng bạn, bạn buộc nó phải im tiếng, đặc biệt khi bạn nhìn thấy một người lính đang huơ tay và trượt chân trên đám bùn trơn tuột ở sườn núi, vừa cười vang vừa phóng ngang qua bạn, và bất giác bạn ưỡn ngực, ngẩng cao đầu và leo lên sườn đất sét trơn tuột. Bạn vừa chớm leo lên núi, tiếng đạn bắt đầu rít vèo vèo bên phải, bên trái bạn và có lẽ bạn sẽ suy nghĩ: hay là đi theo giao thông hào chạy song song với con đường, nhưng giao thông hào này đầy thứ bùn sột sệt vàng, hôi thối, ngập quá đầu gối đến nỗi nhất định bạn sẽ chọn con đường núi, nhất là khi bạn thấy *mọi người đều đi theo con đường đó*. Đi chừng hai trăm bước, bạn lọt vào một khoảng đất bị đào xới lầy lội, bao bọc tứ phía bởi những ụ đất, những đường đắp, những mặt bằng, những hầm hố, trên khoảng

đất đó là những khẩu súng lớn bằng gang và những đống đạn dược xếp ngay ngắn. Bạn tưởng như tất cả những thứ đó đều chồng chất không có mục đích, không có liên hệ, trật tự gì. Tại khẩu đội này chỗ thì có một toán thuỷ thủ ngồi, chỗ giữa mặt bằng có một khẩu đại bác bị phá huỷ nằm ngập lút nửa ở trong bùn, chỗ thì một chú lính bộ binh tay cầm súng đi ngang qua khẩu đội và chật vật rút chân khỏi bùn dính lép nhép. Nhưng khắp nơi, từ mọi phía và ở mọi chỗ, bạn nhìn thấy những mảnh bát đĩa vỡ, những quả trái phá không nổ, những quả đạn, những dấu vết của doanh trại và tất cả những thứ đó đều bị nhấn chìm trong thứ bùn sột sệt nhầy nhụa. Bạn tưởng như nghe thấy tiếng đạn nổ không xa mình lắm, tưởng như nghe thấy từ mọi phía những tiếng đạn khác nhau - khi thì vù vù như tiếng ong, khi thì réo nhanh hoặc rít như dây đàn - bạn nghe thấy tiếng súng đạn gầm lên ghê rợn, làm toàn thân bạn rung lên và bạn tưởng như đó là một cái gì đáng sợ khủng khiếp.

"Thế ra nó đây, pháo đài bốn nó đây, cái nơi đáng sợ, thật sự khủng khiếp đó là đây !" - bạn thầm nghĩ, cảm thấy hơi kiêu hãnh và tràn ngập một cảm giác sợ hãi cố nén. Nhưng bạn chán ngán vì đó còn chưa phải là pháo đài bốn. Đó là cứ điểm Iadôn[(11)], nơi tương đối an toàn, và hoàn

toàn không đáng sợ. Muốn đi đến pháo đài bốn bạn phải rẽ sang phải, theo một giao thông hào hẹp, nơi chú lính bộ binh đã khom mình vượt lên. Trong giao thông hào đó, có lẽ bạn lại gặp cáng tải thương, thuỷ thủ, lính cầm xẻng, bạn nhìn thấy những dây mìn, những hầm đất lầy bùn chỉ hai người khom lưng mới chui lọt được vào. Và bạn sẽ trông thấy ở đó những tiểu đoàn bộ binh Kô-dắc vùng biển Đen. Họ đang thắt lại dây giày, ăn uống, hút thuốc bằng tẩu và sống. Bạn sẽ lại thấy ở khắp nơi vẫn thứ bùn lầy hôi thối đó, những dấu vết của doanh trại và những mảnh gang bỏ đi với đủ loại hình thù. Đi thêm độ ba trăm bước nữa, bạn lại lọt vào một khẩu đội, trên một khoảnh đất nhỏ lỗ chỗ những hố bom đạn được bao quanh bởi ngững ụ đất, những đám đất vung vãi, những khẩu súng trên công sự và những luỹ đất. Ở đây có lẽ bạn sẽ thấy bốn năm người lính thuỷ đang đánh bài ở dưới ụ đất ngoài chiến hào, và một sĩ quan hải quân nhận thấy bạn là người mới đến, hiếu kỳ, liền vui lòng chỉ cho bạn thấy cơ ngơi của mình và tất cả những gì có thể khiến bạn quan tâm. Người sĩ quan đó ngồi trên một khẩu đại bác bình thản cuốn điếu thuốc bằng mẩu giấy màu vàng, và bình thản đi từ lỗ châu mai nay đến lỗ châu mai khác, rất thản nhiên, không chút bộ tịch nói chuyện với bạn mặc cho đạn réo rít ngày càng dồn dập trên đầu bạn, đến mức bản

thân bạn cũng trở nên bình tĩnh và chăm chú hỏi han, lắng nghe câu chuyện của người sĩ quan. Chỉ khi được bạn hỏi, người sĩ quan đó mới kể cho bạn nghe về trận pháo kích hôm mùng năm, về chuyện ở khẩu đội của ông chỉ còn mỗi một khẩu súng có thể hoạt động được và toàn khẩu đội chỉ còn lại có tám người, ấy thế nhưng sáng hôm sau, mùng sáu, tất cả những khẩu súng của ông đều nện được. Ông sẽ kể cho bạn biết rằng ngày mùng năm đạn trái phá rơi đúng hầm thuỷ thủ và quật ngã của ông mười một người. Qua lỗ châu mai của khẩu đội, ông sẽ chỉ cho bạn thấy những giao thông hào của địch cách đấy không quá ba bốn chục xa-gien (*). Tôi chỉ sợ một điều là do ảnh hưởng của tiếng đạn réo, bạn thò đầu ra khỏi lỗ châu mai để nhìn kẻ địch, bạn sẽ không thấy gì hết, còn nếu như thấy thì bạn sẽ rất ngạc nhiên vì cái luỹ đá trắng đó, cái luỹ thật gần chỗ bạn và trên đó bùng lên những làn khói trắng, cái luỹ trắng đó chính là kẻ địch, là nó, như binh lính và thuỷ thủ thường gọi.

Thậm chí rất có thể người sĩ quan hải quân do huênh hoang hoặc chỉ để mua vui cho bản thân muốn nổ súng một tí ngay trước mặt bạn. "Bảo khẩu đội trưởng và các pháo thủ tới đại bác !" - và thế là khoảng mười bốn thuỷ thủ sôi nổi,

* Xa-gien: một đơn vị đo chiều dài của nước Nga cổ xưa, bằng 2,13 mét.

vui vẻ, người thì giắt tẩu thuốc vào túi, kẻ nhai nốt miếng lương khô, gót giày nện cồm cộp trên nền công sự đi tới cỗ đại bác và nạp đạn. Bạn hãy nhìn vào những khuôn mặt, vào phong thái, vào động tác của những con người đó : trong mỗi nếp nhăn của khuôn mặt rám nắng có gò má cao, trong từng bắp thịt nhỏ, trong những bờ vai rộng, trong những đôi chân mập đi giày to tướng, trong mỗi cử động bình thản, vững chắc không vội vã, ta đều thấy rõ những nét chủ yếu tạo nên sức mạnh của người Nga - đó là sự giản dị và tính ngoan cường. Nhưng ở đây trên từng khuôn mặt ngoài những dấu hiệu chủ yếu như nỗi hiểm nguy, lòng hận thù và những đau khổ của chiến tranh, bạn tưởng như còn nhìn thấy những dấu vết của ý thức về phẩm giá của chính mình, của ý nghĩ và tình cảm cao cả.

Bỗng nhiên, một tiếng gầm khủng khiếp nhất làm chấn động không chỉ cơ quan thính giác mà toàn thân bạn, khiến cho bạn bàng hoàng đến rùng mình. Tiếp đó bạn nghe thấy tiếng rít của trái phá xa dần và đám khói thuốc súng dày đặc bao phủ lấy bạn, lấy công sự và những hình dáng đen đen của các thuỷ thủ đang vận động trên đó. Nhân phát đạn đó của ta bắn đi, bạn nghe thấy những lời bàn tán khác nhau của các thuỷ thủ và nhìn

thấy sự phấn chấn của họ, sự biểu hiện cái tình cảm mà bạn không ngờ tới, có lẽ đó là lòng hận thù, ý muốn trả thù quân địch mà mỗi người đều nuôi trong tâm hồn mình. Bạn nghe thấy những tiếng kêu sung sướng : "Rơi trúng lỗ châu mai, hình như hạ được hai thằng, chúng đã khiêng ra kìa". Có người nói : "Chọc tức nó...nó sẽ bắn sang ngay bây giờ đấy". Quả thật, ngay sau đó, bạn nhìn thấy trước mặt mình một tia chớp, rồi một làn khói ; người lính canh đứng trên bờ chiến hào kêu lên : "Trái phá-á !" Và tiếp đó quả đạn rít lên ngay sát bạn, rơi xuống đất, khoét thành một cái hố hình phễu và làm bùn đá bắn tung toé ra xung quanh. Chỉ huy khẩu đội tức giận vì phát đạn đó, ra lệnh nạp đạn khẩu pháo thứ hai và thứ ba, kẻ thù cũng sẽ được nghe và nhìn thấy những điều lý thú. Người lính canh sẽ lại kêu lên: "Trái phá !" và bạn sẽ nghe cũng cái âm thanh ấy, tiếng nổ ấy và những tia đất đá ấy. Hoặc giả anh ta kêu : " Đại bác !" và bạn sẽ nghe thấy tiếng réo đều đều của quả đạn khá dễ chịu, khó mà kết hợp nó với ý nghĩ về những điều khủng khiếp. Tiếng réo xích lại gần bạn, ngày càng nhanh, tiếp đó bạn nhìn thấy một khối cầu đen, tiếng đập mạnh vào đất, tiếng đạn nổ gay gắt, chói tai. Cùng với tiếng réo và tiếng rít là những mảnh đạn bay tung toé, đất đá rơi rào rào trong không

trung và bùn đất vấy bẩn người bạn. Nghe âm thanh đó, bạn sẽ thấy cảm giác là lạ vừa thích thú lại vừa sợ hãi. Trong giây phút đó, khi biết quả đạn trái phá bay về phía bạn, nhất định bạn nghĩ rằng quả trái phá này sẽ giết bạn, nhưng lòng tự ái nâng đỡ bạn và chẳng ai nhận thấy có lưỡi dao đang cưa vào tim bạn. Nhưng bù lại, khi quả trái phá bay qua không đụng đến bạn, bạn hoàn hồn và một cảm giác dễ chịu khó tả náo nức choán lấy bạn, nhưng chỉ trong chốc lát, đến mức bạn cảm thấy một nỗi thú vị đặc biệt trong hiểm nguy, trong trò chơi giữa cái sống và cái chết này, bạn muốn sao cho quả đạn trái phá hoặc đại bác rơi gần và gần bạn hơn nữa. Nhưng kìa, người lính canh lại kêu bằng cái giọng vang to và trầm : "Đại bác !" Thế là lại nghe tiếng đạn réo, rơi và nổ và cùng với tiếng réo đó bạn thấy sửng sốt bởi tiếng người rên. Cùng một lúc với những người tải thương bạn lại gần người bị thương nằm trong bùn và máu, có bộ dạng kỳ lạ, không phải của con người. Người thuỷ thủ bị rách toạc một phần ngực. Trong những giây phút đầu tiên, trên khuôn mặt vấy bùn của anh ta chỉ thấy độc có nỗi sợ hãi và một biểu hiện đau đớn giả tạo quá sớm vốn quen thuộc với con người trong tình trạng đó. Nhưng khi người ta đem cáng đến và đặt anh ta nằm nghiêng bên sườn lành vào cáng,

bạn sẽ thấy biểu hiện này được thay thế bằng biểu hiện của niềm hân hoan, của ý nghĩ cao cả nào đấy, khó nói nên lời : mắt lấp lánh sáng, răng nghiến chặt, đầu cố cất cao lên. Và khi người ta nâng cáng lên, anh ra hiệu ngừng lại và giọng run run khó nhọc, anh nói với đồng đội : "Anh em hãy tha thứ cho tôi !" Anh còn muốn nói điều gì nữa và rõ ràng là anh muốn nói một điều gì cảm động, nhưng rồi chỉ lặp lại một lần nữa : "Anh em hãy tha thứ cho tôi !" Lúc ấy, một người bạn thuỷ thủ lại gần anh, đội cái mũ lên đầu anh thương binh đang nghển về phía mình, rồi bình thản, dửng dưng khoát tay quay về khẩu pháo của mình. "Ngày nào cũng bảy tám người bị như thế", - người sĩ quan hải quân vừa nói để đáp lại vẻ sợ hãi hiện trên mặt bạn, vừa ngáp và cuốn điếu thuốc bằng mảnh giấy màu vàng...

. . . .

Thế là bạn đã nhìn thấy những người bảo vệ Xêvaxtôpôn ngay tại nơi phòng ngự và khi quay trở lại, không hiểu tại sao bạn không hề chú ý gì đến bom đạn vẫn tiếp tục gào réo trên suốt dọc đường đi của bạn cho đến tận rạp hát bị phá huỷ, bạn bước đi, tinh thần bình thản và được nâng cao. Cái chính là bạn hân hoan tin chắc rằng địch không thể nào chiếm được Xêvaxtôpôn và không

những chúng không chiếm được Xêvaxtôpôn mà còn không thể lay chuyển được bất kỳ ở nơi nào sức mạnh của nhân dân Nga. Bạn tin rằng địch không thể làm được như thế không phải do bạn nhìn thấy ở đây nhiều hào, luỹ, những giao thông hào ngoắt ngoéo, những loại mìn và súng ống mà bạn chẳng hề am hiểu tí gì chồng chất lên nhau, mà vì bạn đã nhìn thấy điều đó trong ánh mắt, lời lẽ, phong độ, trong cái mà người ta gọi là tinh thần của những người bảo vệ Xêvaxtôpôn. Điều họ đang làm, họ làm một cách giản dị, ít căng thẳng và gắng sức đến mức bạn tin chắc rằng họ còn có thể làm gấp trăm lần hơn thế... Họ có thể làm tất cả. Bạn hiểu rằng cái tình cảm buộc họ hoạt động không phải là một thứ tình cảm nhỏ nhen, háo danh, hời hợt và chính bạn đã thể nghiệm, mà là một tình cảm khác có uy lực hơn, cái tình cảm đã biến họ thành những con người đang sống bình thản đến như vậy dưới bom đạn, bị hàng trăm cái chết ngẫu nhiên rình mò trong khi mọi người chỉ bị có một. Họ đang sống trong những điều kiện đó, phải lao động không ngừng, bị thiếu ngủ và ở giữa bùn lầy. Con người không thể chấp nhận những điều kiện khủng khiếp đó vì hám huân chương thánh Ghêorghi[12], hám danh vị, vì sự đe dọa : phải có một động cơ khác cao cả thúc đẩy họ. Động cơ này là cái tình cảm bẽn lẽn, ít

biểu lộ ở người Nga, nhưng nằm sâu trong đáy lòng mỗi người - đó là lòng yêu nước. Chỉ đến lúc này đây chuyện kể về những ngày đầu Xêvaxtôpôn bị bao vây, khi ở đó còn chưa có công sự, chưa có quân đội, chưa có khả năng vật chất để duy trì nó, ấy thế nhưng ta vẫn không mảy may nghi ngờ rằng nó sẽ bị lọt vào tay kẻ thù, chuyện kể về những ngày mà Kornilốp, người anh hùng xứng đáng với Hy Lạp cổ đại, khi điểm quân đã nói: "Chúng ta sẽ chết anh em ạ, nhưng ta sẽ không để mất Xêvaxtôpôn", - và binh lính Nga của chúng ta, những người không quen ăn nói khoa trương đã đáp lại : "Chúng ta sẽ chết ! xung phong !" - chỉ đến lúc này đây chuyện kể về những ngày đó đối với chúng ta không còn là truyền thuyết lịch sử đẹp đẽ, mà đã trở thành sự thật đáng tin, thành sự kiện. Bạn sẽ hiểu rõ, bạn sẽ hình dung được những con người bạn vừa gặp, những người anh hùng trong lúc khó khăn đã không ngã lòng, mà còn sẵn sàng với tinh thần được nâng cao, với niềm hân hoan đón nhận cái chết không phải vì thành phố mà vì Tổ quốc. Thiên anh hùng ca Xêvaxtôpôn trong đó nhân dân Nga là người anh hùng sẽ còn để lại mãi mãi những dấu vết vĩ đại trên đất nước Nga...

Đã xế chiều. Trước khi lặn, mặt trời ló ra khỏi

đám mây xám xịt che phủ bầu trời và bất chợt ánh hồng của nó rọi sáng những tàu thuyền đang vỗ sóng nhịp nhàng, rọi sáng những dáng nhà trắng của thành phố và những người dân đang đi lại trên các đường phố. Đoàn nhạc binh chơi một điệu van-xơ cổ điển trên đại lộ, âm thanh vang xa trên mặt biển và được tiếng súng từ các pháo đài lặp lại một cách lạ kỳ.

Xêvaxtôpôn,
ngày 25 tháng Tư năm 1855

XÊVAXTÔPÔN THÁNG NĂM

1

Sáu tháng đã trôi qua kể từ khi quả đạn đầu tiên từ các pháo đài của Xêvaxtôpôn rít lên và làm nổ tung các công trình đắp đất của kẻ thù, kể từ khi hàng ngàn trái bom, đạn trái phá không ngừng bay từ các pháo đài xuống các giao thông hào và từ các giao thông hào lên các pháo đài, và thần chết không ngừng bay lượn trên đầu chúng.

Lòng tự ái của hàng nghìn con người đã kịp bị tổn thương, hàng nghìn người đã kịp thoả mãn, bực bội, hàng nghìn người đã yên nghỉ trong cánh

tay thần chết. Đã có biết bao những ngôi sao được gắn thêm, biết bao ngôi sao bị tháo bỏ, biết bao nhiêu huân chương thánh Anna, Vlađimia(13), biết bao nhiêu quan tài màu hồng và những tấm khăn liệm ! Thế nhưng cũng vẫn những âm thanh ấy vang lên từ các pháo đài, cũng vẫn những quân Pháp ấy - với cơn rùng mình bất giác, với nỗi khiếp sợ mê tín - vào buổi chiều sáng sủa từ doanh trại của chúng nhìn sang mảnh đất đen đen bị đào xới trên những pháo đài Xêvaxtôpôn, nhìn sang những hình dáng đen của các thuỷ thủ chúng ta đi lại trong các pháo đài đó, và đếm các lỗ châu mai, nơi những cỗ đại bác bằng gang giận dữ nhô ra. Cũng vẫn người hạ sĩ quan hoa tiêu ấy đứng trên chòi cao của đài điện báo, dùng ống nhòm nhìn những hình dáng sặc sỡ của quân Pháp, những khẩu đội, lều trại, những đội quân của chúng đang vận động trên núi Xanh(14) và những làn khói bùng lên từ các giao thông hào; và cũng vẫn với lòng hăng hái như thế, những tốp người khác nhau từ mọi phương trời khác nhau của quả đất, với những ước muốn còn khác nhau hơn thế nữa, ùn ùn kéo về nơi khốc liệt này.

Nhưng cái vấn đề không thể giải quyết được nhờ các nhà ngoại giao, lại càng khó giải quyết được bằng máu và thuốc súng.

Tôi thường có ý nghĩ kỳ quặc như thế này : tình hình sẽ ra sao nếu mỗi bên tham chiến đề nghị đối phương bỏ bớt đi một người lính trong đạo quân của mình ? Mong muốn đó có thể là kỳ quặc, nhưng tại sao lại không thực hiện được? Sau đó mỗi bên sẽ bỏ bớt đi một người khác, rồi lại bỏ bớt người thứ ba, người thứ tư v.v., cho đến khi trong mỗi đạo quân chỉ còn một người lính (giả dụ là các đạo quân mạnh như nhau và số lượng được thay thế bằng chất lượng). Và khi ấy, nếu như những vấn đề chính trị thật sự phức tạp giữa các đại diện khôn ngoan của những con người khôn ngoan cần phải được giải quyết bằng đánh nhau, thì cứ để hai người lính đó ra đánh nhau, một người sẽ bao vây thành phố, còn người kia thì sẽ bảo vệ nó.

Luận điểm này tưởng như chỉ là một nghịch lý, nhưng nó đúng. Thực thế, có gì khác nhau giữa một người Nga chiến đấu chống lại một đại biểu của quân đồng minh với một đạo quân tám vạn người chống lại tám vạn người ? Tại sao lại không phải là mười ba vạn rưỡi chống lại mười ba vạn rưỡi ? Tai sao lại không phải là hai vạn người chống lại hai vạn người ? Tại sao không phải là hai mươi người chống lại hai mươi người ? Tại sao không phải là một chọi một ? Điều này cũng

chả lô-gích gì hơn điều kia cả. Ngược lại, điều sau còn lô-gích hơn điều trước nhiều, vì nó nhân đạo hơn. Phải chọn một trong hai điều sau đây : hoặc chiến tranh là một sự điên rồ, hoặc nếu như con người muốn làm cái trò điên rồ đó, thì họ là những người hoàn toàn không khôn ngoan như ta, không hiểu sao, vẫn thường nghĩ vậy.

2

Tại thành phố Xêvaxtôpôn bị bao vây đội quân nhạc đang tấu nhạc trên đại lộ, gần một lầu hóng mát, các toán binh sĩ và phụ nữ nhàn tản dạo bước trên các ngả đường. Vầng mặt trời mùa xuân rạng rỡ mọc lên từ sáng, phía trên các công sự của quân Anh, đã chuyển về phía các pháo đài, rồi đến trên thành phố, trên trại lính Nhicôlai, vui sướng toả sáng đều đặn xuống tất cả mọi người, giờ đây đã lặn về phía biển xanh xa xa đang nhịp nhàng xao động, sáng lấp lánh như bạc.

Một sĩ quan bộ binh cao lớn, hơi gù, vừa xỏ vào tay chiếc găng không trắng lắm nhưng sạch sẽ, vừa đi ra khỏi cổng một trong những căn nhà nhỏ của thủy thủ dựng bên mé trái phố Morxcaia, và trầm ngâm nhìn xuống chân, rồi leo dốc đi về phía đại lộ. Vẻ mặt xấu xí với vầng trán thấp

của người sĩ quan đó biểu lộ khả năng trí tuệ đần độn của anh ta, nhưng đồng thời cũng cho thấy anh là người biết điều, trung thực ưa chuộng sự đứng đắn. Bộ dạng anh xấu xí, chân dài nghêu, dáng điệu vụng về và tựa hồ ngượng nghịu. Chiếc mũ anh đội chưa đến nỗi nhàu nát, chiếc áo choàng mỏng mảnh màu tím nhạt hơi kỳ quặc, dưới ve áo lộ rõ sợi dây đeo đồng hồ bằng vàng. Chiếc quần có dây buộc túm ống và đôi giày da bê của anh sạch sẽ bóng lộn, tuy gót có hơi mòn vẹt tứ phía. Nhưng không chỉ căn cứ vào cách ăn mặc thường ít gặp ở một sĩ quan bộ binh, mà căn cứ vào bộ điệu chung của anh ta, cặp mắt nhà binh lọc lõi cho thấy ngay anh ta không hoàn toàn là một sĩ quan bộ binh bình thường, mà thuộc binh chủng cao sang hơn một chút. Nếu như nét mặt của anh ta không lộ rõ gốc gác Nga thuần tuý, người ta có thể tưởng anh ta hoặc là người Đức, hoặc là một sĩ quan tuỳ tùng, một viên quản lý trung đoàn (nhưng nếu thế giày anh ta phải có đinh thúc ngựa), loặc là một sĩ quan chuyển từ ky binh, hay có lẽ từ quân cận vệ sang trong thời gian chiến dịch. Quả thực anh ta từ ky binh chuyển sang, và lúc này khi leo dốc đi về phía đại lộ, anh đang nghĩ về bức thư mà anh vừa nhận được của một người bạn cũ, lúc này đã về hưu, một địa chỉ ở tỉnh T. và của vợ anh ta, cô Natalia

mắt xanh, nước da nhợt nhạt, người bạn lớn của anh. Anh nhớ tới một đoạn trong thư bạn viết:

"Khi người ta đưa báo "Thương binh"15 đến cho chúng tôi thì Púpka (người lính khinh ky về hưu gọi vợ mình như vậy) nhảy bổ ngay ra phòng ngoài, giằng lấy những tờ báo và chạy tới chỗ chiếc *ghế hình chữ C ở lầu hóng mát, chạy vào phòng khách* (cậu nhớ không, đó là nơi bọn mình đã cùng tận hưởng những buổi tối mùa đông thú vị khi trung đoàn của cậu đóng tại thị trấn của bọn mình). Cậu không thể hình dung nổi cô ấy say sưa đọc những chiến tích anh hùng của các cậu như thế nào. Cô ấy thường nói về cậu: "Mikhailốp đấy, thật là một người *đáng quý*, khi gặp anh ấy là em sẵn sàng hôn anh ấy lia lịa, - cô ấy nói thế đấy, - anh ấy *chiến đấu trên các pháo đài* và nhất định anh ấy sẽ được thưởng huân chương Ghêorghi và báo chí sẽ viết về anh ấy" v.v., và v.v., đến nỗi tôi phải bắt đầu ghen với cậu đấy". Ở một đoạn khác anh bạn viết: "Báo chí đến chỗ bọn tôi chậm kinh khủng và tuy tin truyền miệng thì nhiều, nhưng không thể nào tin tất cả được. Chẳng hạn như các tiểu thư *sính nhạc* có quen biết cậu đã kể với tôi chiều qua rằng hình như Napôlêông(16) đã bị quân Kô-dắc của ta bắt và giải đi Pêterburg, nhưng cậu cũng biết là tôi chẳng tin cho lắm. Một người từ Pêterburg tới kể cho chúng tôi nghe ông

ta là trợ lý của bộ trưởng, được giao nhiệm vụ đặc biệt, một con người rất dễ thương và giờ đây, khi trong thị trấn của chúng ta chẳng có ai thì đối với chúng tôi, ông ta là một kho *tài nguyên* như thế nào, (cậu khó có thể hình dung nổi). Ông ta đoán chắc rằng quân ta đã chiếm được Epatôria làm cho *quân Pháp đứt liên lạc với Balaklava*(17), trong trận đó quân ta bị thiệt hai trăm người, còn quân Pháp chết tới vạn rưởi. Nhân dịp này nhà tôi phấn khởi quá, *tiệc tùng thâu đêm* và bảo rằng theo như cô ấy linh cảm, chắc chắn là cậu sẽ nổi bật lên trong trận này..."

Mặc dầu những từ ngữ và cách diễn đạt mà tôi đã cố ý đánh dấu bằng hàng chữ viết ngả và toàn bộ giọng điệu bức thư theo đó bạn đọc kiêu căng chắc hẳn đã nảy ra ý nghĩ đúng, nhưng bất lợi về sự đứng đắn của chính thượng uý Mikhailốp đi đôi giày cũ nát, về người bạn của anh ta, con người đã viết chữ *tài nguyên* theo âm Pháp và có những khái niệm địa lý kỳ quặc, về cô bạn nước da tái nhợt ngồi trên ghế hình chữ C (thậm chí có lẽ bạn còn tưởng tượng được, không phải là không có cơ sở, cái cô Natalia có những ngón tay cáu ghét đó) và nói chung về toàn bộ cái nhóm người ở tỉnh lẻ nhàn rỗi, dơ dáy và theo anh, đáng khinh, thượng uý Mikhailốp vẫn có cái vẻ khoái trá buồn buồn khó tả khi nhớ cô bạn tỉnh lẻ có

nước da tái nhợt của mình. Anh nhớ những buổi chiều khi anh cùng ngồi với bạn trong lầu hóng mát, anh đã nói về tình cảm, anh nhớ lại cảnh người bạn khinh kỵ tốt bụng thua bài đã nổi khùng lên như thế nào lúc họ chơi bài mỗi ván một cô-pếch ở trong phòng và cô vợ đã cười anh ta ra làm sao. Anh nhớ tới tình bạn của những con người đó đối với mình (có lẽ anh tưởng như có một cái gì thái quá về phía cô bạn có nước da tái nhợt). Tất cả những con người đó cùng với hoàn cảnh của họ thoáng hiện lên trong trí tưởng tượng của anh dưới ánh sáng màu hồng tươi vui, ngọt ngào kỳ lạ, và vừa mỉm cười với những hồi ức của mình, anh vừa cho tay vào túi sờ bức thư *đáng yêu* đối với anh đó. Những hồi ức đó càng rất thú vị đối với thượng uý Mikhailốp, vì môi trường anh phải sống hiện nay, tại trung đoàn bộ binh, còn thấp hơn nhiều so với nơi trước đây anh thường giao du với tư cách là một sĩ quan kỵ binh và một bạn nhảy nam được đón tiếp nồng nhiệt ở khắp nơi trong thị trấn T.

Môi trường sống cũ của anh cao hơn môi trường hiện nay, tới mức vào những phút tâm sự khi kể cho các đồng đội bộ binh nghe anh đã từng có những cỗ xe ngựa như thế nào, anh đã khiêu vũ tại các vũ hội ở nhà quan tổng trấn ra sao và anh đã chơi bài với một vị tướng làm trong ngạch

hành chính như thế nào, thì người ta nghe anh với vẻ thờ ơ, không tin, tựa như người ta chỉ không muốn nói ngược và chứng minh ngược lại - "cứ kệ cho hắn nói". Và nếu như anh đã không tỏ lòng khinh bỉ rõ rệt đối với thói ăn chơi rượu chè cờ bạc của đồng đội, nói chung là không khinh bỉ thái độ thô lỗ trong quan hệ của họ, thì đó chỉ là do tính hiền lành, dễ sống, đặc biệt là sự biết điều của anh.

Từ những hồi tưởng, thượng uý Mikhailôp bất giác chuyển sang ước mơ và hy vọng. Chân xỏ giày mòn vẹt, anh vừa bước đi trên đường phố hẹp vừa nghĩ: "Natalia sẽ ngạc nhiên và sung sướng xiết bao khi bất trợt đọc thấy trong báo "Thương binh" đoạn mô tả mình là người đầu tiên lao lên khẩu đại bác và được thưởng huân chương Ghêorghi. Theo đề nghị cũ hẳn mình phải được phong đại uý. Rồi trong năm nay mình sẽ rất dễ dàng được phong thiếu tá theo thứ bậc, bởi vì có nhiều người bị chết và chắc là sẽ còn có nhiều nữa trong chiến dịch này. Thế rồi chiến cuộc lại xảy ra và mình lúc ấy đã nổi tiếng, huân chương thánh Anna đeo trên cổ... đại tá" - khi đã lên cấp tướng anh hạ cố tới thăm Natalia, vợ goá của người đồng đội, mà trong cơn mơ tưởng của anh, lúc ấy đã chết. Anh vừa mơ mộng tới đó thì nghe tiếng nhạc từ trên đại lộ vọng đến rõ hơn, một đám đông dân

chúng ào tới trước mắt anh, và anh lại thấy mình đang đứng trên đại lộ, là một thượng uý bộ binh xoàng xĩnh, vụng về và bẽn lẽn như trước.

3

Thoạt đầu anh đi về phía lầu hóng mát cạnh chỗ đội quân nhạc, không có giá để bản nhạc nên những người lính cùng trung đoàn phải cầm ở nhạc xoè ra trước mặt nhạc binh. Xung quanh dàn nhạc là một nhóm người đến xem hơn là nghe nhạc, gồm các viên thư ký, học sinh sĩ quan, các vú em cùng tụi trẻ và các sĩ quan mặc quân phục *cũ kỹ*. Số đông những người đứng, ngồi và đi lại quanh lầu hóng mát là các thuỷ thủ, sĩ quan tuỳ tùng và sĩ quan đeo găng tay trắng, mặc áo choàng mới. Dạo bước trên con đường lớn có trồng cây là đủ các cỡ sĩ quan và đủ hạng phụ nữ, thỉnh thoảng có những người đội mũ, còn phần lớn choàng khăn (có cả những người không choàng khăn, không đội mũ), nhưng không có một người nào già, tất cả đều trẻ lạ lùng. Các nhóm người riêng rẽ đi lại hoặc ngồi ở mé dưới, trên những con đường trồng cây keo trắng rợp bóng và ngào ngạt hương thơm.

Khi gặp thượng uý Mikhailốp trên đại lộ có lẽ chẳng ai tỏ ra đặc biệt vui mừng, ngoài đại uý Ốpgiôgốp và Xuxlikốp ở trung đoàn anh. Họ nồng nhiệt bắt tay anh. Nhưng vì Ốpgiôgốp mặc quần dệt bằng lông lạc đà, không đeo găng tay, áo choàng nhàu nát, khuôn mặt đỏ lựng, nhễ nhại mồ hôi, còn Xuxlikốp thì gào to và suồng sã, đến nỗi đi với họ anh phát ngượng, đặc biệt là trước mặt các sĩ quan đi găng tay trắng mà một người trong bọn họ, một viên sĩ quan tuỳ tùng, thượng uý Mikhailốp vừa nghiêng mình chào, còn người kia nữa, viên sĩ quan tham mưu mà anh cũng có thể chào hỏi vì đã gặp ông ta hai lần ở nhà một người cả hai đều quen biết. Vả chăng đi dạo chơi với các ngài Ốpgiôgốp và Xuxlikốp thì vui thú nỗi gì, bởi vì ngày nào anh chả gặp gỡ và bắt tay họ đến năm sáu lượt. Chả phải vì thế mà anh đến *chỗ chơi nhạc* này.

Anh muốn bước lại phía viên sĩ quan tuỳ tùng mà anh vừa chào hỏi, anh nói chuyện với các ngài ấy hoàn toàn không phải cốt để cho đại uý Ốpgiôgốp, Xuxlikốp và trung uý Pastexki cùng những người khác trông thấy anh nói chuyện với họ, mà vì họ, những con người nhã nhặn và biết lắm tin tức ấy, biết đâu lại chẳng kể cho anh nghe nhiều tin mới mẻ...

Nhưng tại sao thượng uý Mikhailốp thấy sợ và không dám lại gần họ. Anh nghĩ: "Thế ngộ nhỡ họ không chào mình, hoặc là họ chào đấy rồi tiếp tục nói chuyện với nhau tựa hồ như không có mình ở đó, hoặc là họ rời bỏ mình và mình sẽ đứng trơ đó một mình giữa những *người quý tộc* thì sao?" Chữ những *người quý tộc* (với ý nghĩa là nhóm người thượng lưu được chọn lọc ở bất kỳ đẳng cấp nào) gần đây rất phổ biến ở nước Nga chúng ta, là nơi tưởng như không nên có chữ này và nó đã thâm nhập vào mọi miền, vào mọi tầng lớp trong xã hội bị nhiễm thói háo danh (có thời gian và hoàn cảnh nào mà cái dục vọng đê tiện này lại không len lỏi vào?) Chữ đó phổ biến giữa đám thương gia, quan chức, thơ lại, sĩ quan ở Xaratốp, ở Mamađưsi, ở Vinítxa, ở bất kỳ nơi nào có con người. Vì thành phố Xêvaxtôpôn bị bao vây có lắm người cho nên cũng có nhiều thói háo danh, nghĩa là có nhiều người quý tộc, mặc dầu từng giây từng phút cái chết treo lơ lửng trên đầu mỗi *người quý tộc* cũng như *người không quý tộc*. Đối với đại uý Ốpgiôgốp, thượng uý Mikhailốp là một người quý tộc vì anh ta mặc áo choàng sạch sẽ, đeo găng tay và bởi thế đại uý không thể chịu đựng được anh ta mặc dầu cũng hơi kính trọng. Đối với thượng uý Mikhailốp sĩ quan tuỳ tùng Kalughin là một người quý tộc vì anh ta

là sĩ quan tuỳ tùng, anh ta "cậu cậu tớ tớ" với các sĩ quan tuỳ tùng khác và vì thế Mikhailốp không thú anh ta lắm, dù rằng e sợ anh ta. Đối với sĩ quan tuỳ tùng Kalughin, bá tước Norđốp là một người quý tộc và Kalughin luôn luôn ngấm ngầm chửi rủa, khinh miệt ông ta vì ông là sĩ quan phụ tá ngự tiền. Chữ *người quý tộc* thật khủng khiếp. Vì sao thiếu uý Dobốp buộc phải cười vang, mặc dù chẳng có gì đáng buồn cười khi đi ngang qua người đồng đội của mình đang ngồi cùng với viên sĩ quan cấp tá. Chỉ vì anh ta muốn chứng tỏ rằng tuy không phải là một người quý tộc anh ta vẫn không hề thua kém họ. Viên sĩ quan cấp tá nói bằng cái giọng yếu ớt, ẻo lả, buồn bã, không phải giọng của anh ta, để làm gì? Để chứng tỏ với người nói chuyện với mình rằng anh ta là một *người quý tộc* và rất hảo tâm khi trò chuyện với một viên thiếu uý. Anh học sinh sĩ quan hoa tay và nhảy mắt như thế lúc đi sau một cô tiểu thư lần đầu tiên anh ta nhìn thấy và không định lại gần vì bất cứ lý do gì, để làm gì vậy? Để chứng tỏ cho tất cả các sĩ quan biết rằng mặc dầu anh phải ngả mũ chào họ, anh vẫn cứ là một người quý tộc và anh rất vui. Viên đại uý pháo binh đối xử thô bạo với người phụ tá tốt bụng để làm gì? Để chứng tỏ cho tất cả mọi người biết rằng anh ta không bao giờ quy luy và không cần tới những người quý tộc đó v.v. và v.v..

Thói háo danh, thói háo danh và thói háo danh ở khắp mọi nơi - ngay cả ở bên mép quan tài và giữa những người sẵn sàng chết vì niềm tin cao cả. Thói háo danh! Có lẽ nó là nét tiêu biểu và căn bệnh đặc biệt của thế kỷ chúng ta. Tại sao những người ngày xưa không nghe nói về cái dục vọng đó như nghe nói về bệnh đậu mùa hay bệnh tả? Tại sao trong thế kỷ chúng ta chỉ có ba hạng người: một hạng coi nguyên tắc háo danh như là một thực tế cần phải có vì thế nó được coi là đúng đắn, và hạng người này tự nhiên phục tùng nó; hạng thứ hai chấp nhận nó như một điều kiện bất hạnh không cưỡng được và hạng thứ ba hành động một cách vô ý thức, nô lệ dưới ảnh hưởng của nó ? Tại sao những Hôme[18] và những Sếch-xpia[19] đã nói về tình yêu, về quang vinh và về đau khổ, còn văn học thế kỷ chúng ta chỉ có mỗi một chuyện bất tận về "Cuốn sách của những kẻ đua đòi" và "Hội chợ phù hoa" [20] ?

Thượng uý Mikhailốp đã hai lần do dự đi ngang qua nhóm những *người quý tộc* của mình, lần thứ ba anh đánh bạo lại gần họ. Nhóm này gồm bốn viên sĩ quan: sĩ quan tuỳ tùng Kalughin, người quen của Mikhailốp, công tước Gantxin, sĩ quan tuỳ tùng, đối với chính Kalughin, ông này trước đây thậm chí còn là hạng trên *quý tộc* một chút,

trung tá Nêpherđốp, một trong số *một trăm hai mươi hai* người được gọi là thượng lưu, tuy đã về hưu nhưng lại ra làm việc, một phần do ảnh hưởng của lòng yêu nước, một phần do thói háo danh và chủ yếu là do tất cả mọi người đều làm như vậy; một thành viên già trong hội những người độc thân ở Mátxcơva đến đây nhập vào phe những kẻ bất mãn không làm gì, không hiểu gì và phê phán mọi mệnh lệnh của cấp trên; thượng uý Praxkukhin, cũng là một trong số một trăm hai mươi hai vị anh hùng. May thay cho Mikhailốp, Kalughin đang lúc hởi lòng hởi dạ (một vị tướng vừa nói chuyện rất tin cậy với anh ta, và công tước Gantxin từ Pêterburg tới đã dừng chân ở chỗ anh ta), anh ta không coi việc bắt tay thượng uý Mikhailốp là hạ mình, vì vậy mà Praxkukhin đã không làm như vậy, mặc dầu anh ta thường hay gặp Mikhailốp tại pháo đài, nhiều lần uống rượu vang và rượu vốt-ka của anh, thậm chí còn nợ anh mười hai rúp rưỡi tiền chơi bài. Vì còn chưa hiểu rõ công tước Gantxin, cho nên anh ta không lộ cho ông thấy việc anh quen biết một thượng uý bộ binh xoàng xĩnh, anh ta khẽ nghiêng mình chào Mikhailốp.

- Thế nào, đại uý, - Kalughin nói, - bao giờ lại lên pháo đài? Anh có nhớ chúng ta đã gặp nhau ở công sự Svarxơ ra sao không? Gay quá, hả?

- Vâng, gay thật, - Mikhailốp nói, anh đau xót nhớ lại bộ dạng rầu rĩ của mình trong cái đêm anh khom lưng đi theo giao thông hào lên pháo đài, anh đã gặp Kalughin vừa đi một cách ngang tàng, vừa tươi tỉnh để bao kiếm kêu lách cách.

- Chính ra ngày mai tôi mới phải đi, - Mikhailốp nói tiếp, - nhưng ở chỗ tôi có một sĩ quan bị ốm, thành thử... - Anh muốn kể rằng chưa đến lượt anh, nhưng viên chỉ huy đại đội tám không khoẻ mà trong đại đội chỉ còn lại viên chuẩn uý, vì thế anh thấy mình có nhiệm vụ thay thế trung uý Népsitsétxki, cho nên bây giờ anh đi lên pháo đài. Kalughin không nghe anh nói hết.

- Tôi cảm thấy sẽ xảy ra một chuyện gì đó trong những ngày tới, - anh ta nói với công tước Gantxin.

- Thế hôm nay liệu có xảy ra chuyện gì không? - Mikhailốp rụt rè hỏi, khi thì nhìn Kalughin khi thì nhìn Gantxin. Chẳng ai trả lời anh. Công tước Gantxin chỉ hơi nhăn mặt, liếc nhìn lướt trên mũ của Mikhailôp, im lặng một lát, rồi nói:

- Cô bé đội khăn đỏ kháu khỉnh đấy chứ nhỉ. Anh có biết cô ta không, đại uý?

- Đấy là con gái một người thuỷ thủ, ở gần nhà tôi, - viên thượng uý đáp. - Chúng mình lại gần nhìn cô ta cho rõ đi.

Và công tước Gantxin khoác tay Kalughin ở một bên, và bên kia là thượng uý, tin chắc rằng cử chỉ đó hẳn phải làm cho viên thượng uý rất vui sướng. Quả thực ông ta đã không lầm.

Thượng uý là một người mê tín và coi việc bận tâm đến phụ nữ trước khi ra trận là một tội lỗi lớn. Nhưng trong trương hợp này anh làm ra vẻ là một tay ăn chơi dày dạn. Nhưng hình như công tước Gantxin và Kalughin không tin như thế, còn cô gái đội khăn đỏ thì rất ngạc nhiên vì cô đã nhận thấy không phải một lần khi đi ngang qua cửa sổ nhà cô thượng uý thường đỏ mặt. Praxkukhin đi ở đằng sau và luôn luôn hích vào tay công tước Gantxin, đưa ra đủ mọi nhận xét bằng tiếng Pháp. Nhưng vì không thể đi hàng bốn trên con đường hẹp, nên anh buộc phải đi một mình và chỉ tới quãng ngoặt thứ hai anh mới khoác tay Xerviaghin, một sĩ quan hải quân nổi tiếng can đảm, đi sát lại gần và trò chuyện với anh, anh ta cũng muốn nhập bọn với nhóm những *người quý tộc*. Và con người can đảm nổi tiếng đó vui sướng đưa bàn tay gân guốc trung thực của mình ra nắm lấy khuỷu tay mọi người, kể cả Praxkukhin, người mà tất cả mọi người và ngay chính anh cũng biết là không tốt lắm. Praxkukhin giảng giải cho công tước Gantxin biết

mình đã quen người thuỷ thủ này như thế nào, anh thì thào với ông rằng đó là một người can đảm nổi tiếng. Nhưng công tước Gantxin hôm qua đã từng ở trên pháo đài bốn và đã nhìn thấy đạn đại bác nổ cách mình hai chục bước, ông tự coi mình cũng là một người can đảm không kém gì Xerviaghin và cho rằng rất nhiều người nổi danh một cách dễ dãi, nên không hề chú ý đến Xerviaghin.

Được đi dạo giữa đám người này thượng uý Mikhailốp thấy thích thú quá, đến nỗi anh quên khuấy mất bức thư *đáng yêu* từ tỉnh T. gửi tới, quên những ý nghĩ rầu rĩ chi phối anh bởi chuyến đi lên pháo đài lần này và cái chính là anh quên mất rằng bấu giờ tối nay anh đã phải có mặt ở nhà. Anh dạo bước với họ cho tới lúc họ chỉ nói chuyện riêng với nhau, tránh cái nhìn của anh, bằng cách đó cho anh biết rằng anh có thể ra đi, rồi sau cùng họ hoàn toàn bỏ rơi anh. Nhưng thượng uý vẫn cứ cảm thấy hả hê và khi đi ngang qua người học sinh sĩ quan, nam tước Pextơ ưỡn thẳng người và ngả mũ chào anh với dáng vẻ kiêu ngạo, ngờ vực. Anh chàng này đặc biệt kiêu hãnh và tự đắc từ đêm qua, khi lần đầu tiên anh ta ở lại trong căn hầm ngầm trên pháo đài năm, và do đó, tự coi mình là một trang anh hùng.

4

Nhưng thượng uý Mikhailốp vừa bước qua ngưỡng cửa nhà mình thì những ý nghĩ hoàn toàn khác ập đến trong đầu anh. Anh trông thấy căn phòng nhỏ xíu của mình với nền đất khấp khểnh và những cửa sổ xiêu vẹo, dán giấy thay kính, chiếc giường cũ kỹ của mình, phía trên tường sát giường đính tấm thảm vẽ người đàm bà cưỡi ngựa, hai khẩu súng lục Tula treo lơ lửng, chiếc giường bẩn thỉu với tấm chăn vải hoa của người học sinh sĩ quan ở chung với anh. Anh thấy anh chàng Nhikita, cần vụ của mình với mớ tóc rối bù nhờn bóng, vừa bật dậy khỏi sàn vừa gãi. Anh nhìn thấy chiếc áo choàng của mình, đôi giày, mẩu phó-mát và chai rượu vốt-ka thò cổ ra khỏi chiếc túi mà anh định chuẩn bị mang lên pháo đài. Với một cảm giác gần giống như sợ hãi, anh sực nhớ suốt đêm nay anh sẽ phải cùng đại đội đi trong chiến hào.

"Chắc hôm nay mình sẽ bị giết mất, - thượng uý nghĩ, - mình cảm thấy thế. Và cái chính là chưa đến lượt mình phải đi, nhưng mình đã tự nguyện xin đi.

Mà những anh đòi đi như thế thường hay bị chết. Cái anh chàng khốn kiếp Népsitsétxki ốm bệnh gì chả biết? Rất có thể là anh ta chả ốm

đau gì cả, thế rồi vì anh ta mà sẽ có người phải chết, nhất định như thế. Ấy thế nhưng nếu mình không bị giết, thì chắc chắn là sẽ được đề nghị khen thưởng.

Mình thấy chỉ huy trưởng trung đoàn tỏ ra hài lòng khi mình nói rằng xin ông cho phép mình đi, nếu như trung uý Népsitsétxki ốm. Nếu không thăng thiếu tá thì chắc cũng được huân chương thánh Vlađimia. Bởi mình đã lên pháo đài tới mười ba lần. Chà mười ba! Con số độc lắm. Nhất định mình sẽ bị giết, mình cảm thấy thế, mình sẽ chết. Nhưng phải có ai đó đi chứ, không thể để một anh chuẩn uý dẫn đại đội đi được, ngộ nhỡ xảy ra chuyện gì thì danh dự của trung đoàn, danh dự của quân đoàn sẽ ra sao. *Bổn phận* của mình là phải đi... phải, *bổn phận*. Mình vẫn có linh cảm..." Thượng uý quên mất rằng cứ mỗi lần phải lên pháo đài anh lại linh cảm như thế, chỉ có mức độ khác nhau ít nhiều, và anh không biết rằng bất kỳ ai ra trận cũng đều có linh cảm đó, ở mức độ nhiều ít khác nhau mà thôi. Nghĩ đến bổn phận anh thấy hơi yên tâm, cũng như ở tất cả những người thiển cận, khái niệm bổn phận được đặc biệt phát triển và ăn sâu trong anh. Anh ngồi vào bàn và bắt đầu viết thư từ biệt người cha mà gần đây quan hệ cha con không được tốt đẹp lắm vì

chuyện tiền nong. Mười phút sau, viết xong bức thư, anh đứng dậy khỏi bàn, mắt đẫm lệ. Anh thầm đọc các bài kinh anh thuộc (vì anh xấu hổ với người cần vụ của mình khi cầu kinh to), rồi anh bắt đầu thay quần áo. Anh còn rất muốn hôn ảnh thánh Mitơrôphani của bà mẹ đã quá cố để lại cho anh lấy khước, mà anh rất sùng tín. Nhưng vì xấu hổ phải làm việc đó trước mắt Nhikita, nên anh kéo ảnh thánh ra khỏi áo đuôi én, sao cho dễ lấy, không phải cởi khuy áo lúc đã ra phố. Người cần vụ say mềm và thô lỗ uể oải đưa cho anh chiếc áo đuôi én khác (chiếc áo cũ kỹ, chưa vá mà thượng uý thường mặc khi lên pháo đài).

- Tại sao không vá chiếc áo đuôi én? Mày thì chỉ được mỗi một việc là ngủ cho béo mắt, cái đồ!.. - Mikhailốp tức giận nói. - Ngủ đâu? - Nhikita càu nhàu. - Suốt ngày chạy rông như con chó, mệt bở hơi tai, còn thiếu ngủ ấy chứ?

- Mày lại say rồi, trông là tao biết.

- Tôi có uống bằng tiền của ông đâu mà ông trách.

- Câm mồm, đồ súc sinh! - thượng uý hét toáng lên. Ngay trước khi bị chọc tức anh cũng đã định choảng cho hắn một trận, còn bây giờ anh thật sự nổi khùng và đau lòng vì sự thô bạo của Nhikita, anh chàng cần vụ mà anh yêu quý, thậm chí nuông

chiều và đã cùng sống với hắn trong mười hai năm trời.

- Đồ súc sinh! - người cần vụ nhại lại. - Tại sao ông lại chửi tôi là đồ súc sinh, thưa ông? Lúc này là lúc nào thế nhỉ? Không hay ho gì chuyện chửi mắng đâu.

Mikhailốp sực nhớ mình phải đi đâu và anh cảm thấy xấu hổ.

- Ai mày cũng làm cho điên tiết lên, Nhikita ạ, - anh nói bằng giọng hiền lành. - Thư viết cho ông cụ, cứ để trên bàn ấy đừng có đụng vào, - anh nói thêm, đỏ mặt lên.

- Vâng ạ, - Nhikita nói, hắn đâm ra xúc động do tác dụng của rượu vang mà hắn đã uống "bằng tiền của mình", theo lời hắn nói và mi mắt hắn chớp chớp, như muốn khóc.

Khi thượng uý đã đứng trên bậc thềm và nói: "Tạm biệt Nhikita!" - thì Nhikita bỗng nhiên oà lên khóc và nhảy bổ ra hôn tay chủ mình. Hắn vừa sụt sịt vừa nói: "Tạm biệt ông chủ!"

Bà lão vợ người thuỷ thủ đứng trên bậc thềm, vì là phụ nữ nên bà không thể không tham dự vào cái cảnh cảm động này. Bà bắt đầu đưa ống tay áo lọ lem lên mắt và lẩm bẩm tự hỏi vì sao các ông chủ cũng phải chịu đựng những đau khổ như thế, và vì sao một con người khốn khổ như

bà đã phải lâm vào cảnh goá bụa. Bà đã kể cho anh chàng Nhikita say khướt nghe hàng trăm lần về nỗi khổ của mình: nào là chồng đã bị giết như thế nào ngay trong trận oanh tạc đầu tiên, nào là ngôi nhà nhỏ của bà đã bị tan tành như thế nào (ngôi nhà trong đó bà đang sống không phải của bà) v.v. và v.v.. Chủ vừa đi khỏi Nhikita đã hút tẩu thuốc, nhờ con bà chủ nhà đi mua rượu và thôi khóc rất nhanh. Chẳng những thế hắn còn cãi nhau với bà già về chuyện cái xô nào đó hình như đã bị bà làm bẹp.

"Hay có lẽ mình chỉ bị thương thôi, - thượng uý lý sự với mình vào lúc trời xẩm tối khi anh cùng đại đội đi lên pháo đài. - Nhưng bị vào đâu? Bị như thế nào? Ở đây hay ở đây? - Anh vừa nghĩ vừa thầm chỉ vào bụng và vào ngực. - Nếu như vào đây, - anh nghĩ tới phía trên chân, - thì rồi cũng thoát. Nhưng nếu mảnh đạn bắn vào đây - thì tong đời!"

Tuy nhiên thượng uý khom mình lần theo các giao thông hào đi trót lọt tới chiến hào. Cùng với một sĩ quan công binh anh cắt đặt công việc cho mọi người khi trời đã tối hẳn, rồi ngồi vào một hố nhỏ dưới chân luỹ. Bắn nhau ít, chỉ thỉnh thoảng mới có những tia chớp bùng lên, khi thì ở bên ta, khi thì ở bên nó và những làn đạn lấp lánh vạch một quầng lửa trên nền trời sao tối thẫm.

Nhưng tất cả các quả đạn đều rơi xa ở phía sau, mé bên phải chiến hào khiến thượng uý ngồi trong hầm đã yên tâm phần nào. Anh uống từng ngụm rượu vốt-ka nhắm với phó-mát, hút thuốc lá và sau khi cầu Chúa anh muốn chợp mắt một tí.

5

Công tước Gantxin, trung tá Nêpherđốp, học sinh sĩ quan nam tước Pixtơ, người gặp họ trên đại lộ và Praxkukhin, người chẳng được ai mời, không được ai nói chuyện với, nhưng vẫn bám theo họ, cả mấy người rời đại lộ tới nhà Kalughin uống nước chè.

Kalughin cởi áo choàng, ngồi trên chiếc ghế bành mềm mại yên tĩnh cạnh cửa sổ và cởi khuy cổ chiếc áo sơ-mi sạch sẽ bằng lụa Hà Lan hồ cứng, rồi nói:

- Thế là cậu vẫn chưa kể hết cho mình nghe về Vaxili Menđen. Hắn ta lấy vợ như thế nào?

- Buồn cười lắm, người anh em ạ. *Je vous dis, il y avait un temps où on ne parlait que de ça à Pétersbourg* (*), - công tước Gantxin vừa cười vừa

---

* Nói để anh biết, có một thời ở Pêterburg người ta chỉ nói đến chuyện này (*tiếng Pháp*).

nói, đang ngồi ở cạnh bàn pi-a-nô ông nhảy bổ ra chỗ cửa sổ và ngồi cạnh Kalughin, - quả là buồn cười thật. Tôi biết rõ ngọn ngành câu chuyện, - và ông bắt đầu vui vẻ hóm hỉnh và sôi nổi kể một câu chuyện tình nào đó mà chúng tôi bỏ qua, vì nó không thú vị đối với chúng ta.

Nhưng đáng chú ý là không chỉ có công tước Gantxin mà tất cả các ngài đây, kẻ ngồi trên bậu cửa sổ, người ngồi trên ghế chân vắt ngược lên, người ngồi cạnh chiếc đàn pi-a-nô, tất cả bọn họ dường như đã là những con người khác với khi họ ở trên đại lộ: không còn cái vẻ làm bộ nực cười, thói kiêu ngạo mà họ phô trương trước các sĩ quan bộ binh. Giờ đây ngồi giữa những người cùng cánh, họ để lộ bản chất của mình, đặc biệt là Kalughin và công tước Gantxin, đó là những anh chàng rất dễ thương, vui vẻ và tốt bụng. Họ trò chuyện về các đồng sự và những người quen biết ở Pêterburg.

- Maxlốpxki ra sao?

- Maxlốpxki nào? Tay khinh ky binh hay là ky binh cận vệ?

- Tôi biết cả hai tay này. Đối với tôi tay ky binh cận vệ chỉ là một thằng nhãi mới lớn vừa ra trường. Còn anh của hắn là thượng uý ky binh phải không?

- Ồ! Lâu lắm rồi.

- Hắn vẫn đi lại với con bé Di-gan của hắn đấy chứ?

- Không, hắn bỏ rồi, - toàn những câu chuyện đại loại như thế.

Sau đó công tước Gantxin ngồi vào đàn pi-a-nô hát rất hay một điệu Di-gan. Tuy không ai yêu cầu, Praxkukhin vẫn cất giọng lặp lại khúc hát và anh ta hát hay đến nỗi được mọi người yêu cầu hát lại, điều ấy khiến anh rất thích.

Người đầy tớ bê chiếc khay bằng bạc vào, trên khay có nước chè, kem và bánh quấn thừng.

- Đưa mời công tước, - Kalughin nói.

Công tước Gantxin cầm một chén nước, đi lại phía cửa sổ, rồi nói:

- Nghĩ cũng lạ thật. Cánh mình đang ở trong một thành phố bị bao vây mà có đủ cả: *nào là pi-a-nô*, nước chè với kem và căn nhà tuyệt đến nỗi quả thực tôi ao ước có được một căn nhà như vậy ở Pêterburg.

Ông trung tá già, con người bất mãn với tất cả mọi thứ noi:

- Giá mà không có được như thế này, quả thật làm sao chịu đựng nổi cái cảnh thường xuyên chờ đợi một cái gì đó... Hàng ngày chứng kiến cảnh giết chóc liên miên không dứt, ấy thế mà lại còn phải sống giữa bùn lầy và không có tiện nghi.

- Thế còn các sĩ quan bộ binh của chúng ta, - Kalughin nói, - những người đang sống cùng binh lính trên các pháo đài, trong các căn hầm và ăn món cháo lính, thì họ sống ra sao nào?

- Ấy, đấy chính là điều tôi không hiểu được, - công tước Gantxin nói, - và thú thật tôi không thể tin được rằng những người ăn mặc bẩn thỉu, quần áo đầy rận và chân tay không rửa lại có thể là những người can đảm. Các anh biết đấy, không thể có *cette belle bravoure de gentilhomme* (*).

- Ngay chính họ, họ cũng chẳng hiểu tinh thần dũng cảm đó, - Praxkukhin nói.

- Sao cậu lại nói vớ vẩn thế, - Kalughin bực bội cắt ngang, - ở đây tôi nhìn họ rõ hơn cậu, và bao giờ, ở đâu, tôi cũng sẽ nói rằng các sĩ quan bộ binh của chúng ta là những người anh hùng, những người kỳ diệu, tuy quả thật họ đầy rận và hàng chục ngày không thay quần áo.

Vừa lúc đó một sĩ quan bộ binh bước vào phòng:

- Tôi... được lệnh... của tướng N. N... tôi có thể tới trình trước... tới trình quan lớn được không ạ? - anh hỏi và bẽn lẽn cúi chào.

Kalughin đứng dậy, nhưng không chào viên sĩ quan và cũng không mời anh ta ngồi, với một vẻ

---

* Cái tinh thần dũng cảm quý phái đẹp đẽ đó đâu (*tiếng Pháp*).

lịch thiệp khó chịu và nụ cười quan cách gượng gạo, anh xin viên sĩ quan vui lòng chờ đợi, rồi chẳng chú ý gì đến viên sĩ quan nữa, anh quay lại phía Gantxin nói bằng tiếng Pháp, khiến cho viên sĩ quan khốn khổ đứng trơ ở giữa phòng, chẳng biết làm gì với bản thân cùng đôi bàn tay không đeo găng đang buông thõng.

- Tôi đến vì một việc cực kỳ quan trọng đấy ạ, - viên sĩ quan nói sau một phút im lặng.

- Ra thế! Vâng thì xin mời, - Kalughin nói, vẫn với nụ cười khó chịu đó, anh mặc áo choàng và dẫn viên sĩ quan về phía cửa.

- *Eh bien, messieurs, je crois que cela chauffera cette nuit* (*), - Kalughin nói sau khi anh từ chỗ vị tướng quay về.

- Thế nào? Sao? Sao? Đánh vây hả? - tất cả mọi người đều hỏi.

- Tôi cũng chả biết nữa, rồi các anh sẽ thấy, - Kalughin đáp với một nụ cười bí ẩn.

- Cậu bảo cho mình biết đi, - nam tước Pextơ nói, - bởi nếu có chuyện gì thì mình phải đi với trung đoàn T. tham gia ngay trận phá vây đầu tiên.

- Thế thì đi đi, và cầu Chúa che chở cho cậu.

---

* Này các ngài này, tôi tin rằng đêm nay sẽ gay go đấy (*tiếng Pháp*).

- Vì thượng cấp của tôi đang ở trên pháo đài cho nên tôi cũng phải đi, - Praxkukhin vừa nói vừa đeo kiếm, nhưng không ai đáp lời anh: tự anh ta phải cân nhắc xem mình có nên đi hay không.

- Sẽ chả có chuyện gì đâu, tôi cảm thấy thế, - nam tước Pextơ nói, tim anh thót lại khi nghĩ đến trận đánh sắp tới, nhưng vẫn ngang tàng đội mũ lệch và gõ gót giày cồm cộp bước ra khỏi phòng cùng Praxkukhin và Nêpherđốp, lúc này trong lòng cũng đang nặng trĩu nỗi sợ hãi và vội vã đi về vị trí của mình. "Vĩnh biệt các ngài". - "Tạm biệt các ngài! Đêm nay ta lại gặp nhau", - Kalughin từ cửa sổ hét theo, khi Praxkukhin và Pextơ đã rạp mình trên bộ yên cương Kô-dắc, có lẽ họ tưởng mình là những tay Kô-dắc thực thụ, và phóng nước kiệu trên đường.

- Phải, một chút thôi, - anh học sinh sĩ quan nghe không rõ người ta nói gì với mình, gào lên để trả lời. Và chả mấy chốc tiếng vó ngựa Kô-dắc đã lặng đi trên đường phố tối.

- *Non, dites moi, est-ce qu'il y aura véritablement quelque chose cette nuit?* (*) - Gantxin nói, ông cùng với Kalughin nhoài người qua khung cửa

---

* Này, nói cho mình biết đi, đúng là đêm nay có chuyện gì thật hả ? (*tiếng Pháp*).

sổ, ngước nhìn những quả đạn trái phá từ các pháo đài bắn lên.

- Mình có thể kể cho cậu biết, bởi vì hình như cậu đã lên pháo đài rồi thì phải? (Gantxin gật đầu đồng ý, mặc dầu ông ta chỉ mới đến pháo đài bốn có một lần). Thế này nhé, trước mặt công sự của chúng ta là một giao thông hào, - là một người không am hiểu chuyên môn, tuy vẫn cứ tự coi những phán đoán về quân sự của mình là rất đúng đắn, và bằng những lời lẽ hơi rối rắm và dùng sai nhiều thuật ngữ, Kalughin bắt đầu kể về tình hình các công sự của ta và địch và kế hoạch trận đánh sắp tới.

- Tuy nhiên người ta đang bắt đầu dọa nhau ở gần các chiến hào. Ô hô! Đạn của ta hay của nó nổ ở đằng kia thế nhỉ, - họ nói, nhoài người trên cửa sổ, ngước mắt nhìn những vệt lửa đạn đan chéo trong không trung, những chớp lửa soi sáng chốc lát bầu trời xanh thẳm và khói thuốc súng màu trắng, và họ lắng nghe tiếng súng bắn nhau ngày càng dồn dập.

- *Quel charmant coup d'oeil* (*), - Kalughin nói, lưu ý vị khách của mình tới cảnh tượng quả thất là đẹp đó. - Cậu biết không, đôi khi thật khó phân biệt các ngôi sao với những đạn trái phá.

---

* Thích mắt qua nhỉ (*tiếng Pháp*).

- Đúng, tôi vừa mới nghĩ rằng đấy là một ngôi sao, thì nó đã lao dần xuống rồi nổ bung, còn ngôi sao lớn kia tên là gì nhỉ? Nó giống y như một quả đạn trái phá vậy.

- Cậu biết không, mình đã quen với những quả đạn đó, đến nỗi mình tin chắc rằng trong đêm sáng sao ở nước Nga, mình cứ tưởng trên trời toàn là những quả đạn. Rồi cậu cũng sẽ quen như thế cho mà xem.

- Nhưng không biết mình có nên tham gia trận phá vây này không? - công tước Gantxin nói sau một phút im lặng. Ông rùng mình khi nghĩ rằng mình có mặt ở đó trong đợt bắn phá khủng khiếp nay và khoan khoái nghĩ rằng không đời nào người ta lại cử ông tới đó đêm nay.

- Đủ rồi, người anh em ạ! Đừng nghĩ tới chuyện đi, mà mình cũng không thả cho cậu đi đâu, - Kalughin đáp, tuy anh biết rất rõ rằng chả đời nào Gantxin đi tới đó. - Còn kịp chán, người anh em ạ!

- Nghiêm chỉnh đấy chứ? Thế cậu nghĩ là mình không cần phải đi hả?

Vừa lúc ấy, ở hướng họ đang nhìn, tiếp theo tiếng pháo gầm là tiếng nổ khủng khiếp của hàng nghìn loại súng nhỏ không ngừng bùng lên, loé sáng trên toàn tuyến.

- Đánh nhau thật sự rồi đấy! - Kalughin nói. - Chả hiểu sao mình không thể bình tĩnh khi nghe những tiếng súng này, cậu biết không, ruột gan cứ thắt lại. Kìa lại có cả tiếng hô "xung phong" nữa, - anh nói thêm, chăm chú lắng nghe tiếng vọng từ xa, phía pháo đài, của hàng trăm giọng rền rĩ vọng lại: "ong-ong... ong..."

- Bên nào hô "xung phong" thế nhỉ? Nó hay ta.

- Tôi không biết, nhưng chắc là đánh giáp lá cà rồi, vì tiếng súng đã lặng hẳn.

Lúc ấy, một sĩ quan tuỳ tùng, có lính Kô-dắc hộ tống phóng ngựa tới thềm và xuống ngựa.

- Các anh từ đâu tới?

- Từ pháo đài. Tôi cần gặp tướng quân.

- Đi theo tôi. Tình hình thế nào?

- Chúng đã tấn công vào chiến hào... Chúng chiếm mất... quân Pháp đã điều tới những lực lượng dự bị lớn... Chúng đã tấn công quân ta... Lúc ấy ta chỉ có hai tiểu đoàn, - viên sĩ quan vừa thở hổn hển vừa nói. Đó chính là viên sĩ quan đã tới đây vào buổi tối. Tuy còn thở hổn hển anh ta đi rất ung dung về phía cửa.

- Sao, quân ta rút lui rồi hả? - Gantxin hỏi.

- Không, - viên sĩ quan tức giận đáp, - một tiểu đoàn đã đến kịp, quân ta đã đánh lui chúng,

nhưng chỉ huy trung đoàn và nhiều sĩ quan bị giết, tôi được lệnh về xin tiếp viện...

Nói tới đó anh ta cùng với Kalughin bước vào chỗ vị tướng. Chúng ta sẽ không đi theo họ.

Năm phút sau Kalughin đã ngồi trên lưng con nhựa Kô-dắc (và lại vẫn với cái tư thế đặc biệt giống như người Kô-dắc, cái tư thế mà tôi nhận thấy không hiểu sao tất cả các sĩ quan tuỳ tùng đều đặc biệt ưa thích) đi nước kiệu nhỏ lên pháo đài để truyền đạt vài mệnh lệnh và đợi hỏi biết tin tức về kết cục trận đánh. Trong lòng hết sức xúc động, sự xúc động của những người tuy không trực tiếp tham gia trận đánh, nhưng quan sát ở gần, công tước Gantxin liền ra phố và đi tản bộ vô mục đích trên đường.

6

Từng tốp lính khiêng cáng và dìu những người bị thương đi. Ngoài phố trời đã tối hẳn. Chỉthỉnh thoảng mới thấy le lói ánh đèn từ các cửa sổ bệnh viện hoặc nhà các sĩ quan còn thức. Vẫn tiếng đại bác gầm và tiếng súng bắn nhau như thế từ phía pháo đài vọng lại và cũng vẫn những tia lửa đó bùng loé lên trên nền trời đen kịt. Thỉnh thoảng

lại nghe tiếng vó ngựa của một sĩ quan tuỳ tùng phóng qua, tiếng rên của người bị thương, bước chân đi và tiếng nói của những người khiêng cáng hoặc giọng các bà sợ sệt bước ra thềm nhà xem cảnh bắn nhau.

Trong số này có Nhikita mà chúng ta đã quen biết, bà vợ già của người thuỷ thủ mà anh ta đã làm lành và đứa con gái nhỏ mười tuổi của bà ta.

- Lạy Chúa, lạy Đức mẹ đồng trinh tối linh! - bà già lẩm bẩm và thở dài, ngước nhìn những quả cầu lửa không ngừng bay từ phía này sang phía khác. - Khiếp quá, khủng khiếp quá, i-hi-hi, hê-hê-hê. Ngay trận pháo kích đầu cũng không như thế này. Trông kìa, quả đạn chết tiệt kia sẽ nổ ở đâu, chắc lại rơi vào các nhà trong xóm mình mất thôi.

- Không, rơi xa hơn, rơi cả vào vườn nhà thím Arina mất, - em bé gái nói.

- Còn ông chủ của tôi ở đâu, ở đâu? - Nhikita rền rĩ, hắn vẫn còn hơi say. - Tôi yêu ông chủ của tôi xiết bao, yêu không biết ngần nào. Ông ấy nện tôi, ấy thế nhưng tôi vẫn yêu ông ấy vô chừng. Yêu đến mức nếu như, lạy Chúa cứu giúp, ông ấy mà bị giết thì quả thật thím ơi, thím có tin không, sau đó tôi chả còn biết làm gì nữa với cái thân tôi. Thất có trời chứng giám, người như ông chủ của tôi quả là có một không hai! Thay

ông ấy bằng cái bọn đang cờ bạc kia sao, không, Phi phui ! Không thể được ! - Nhikita kết luận, hắn chỉ tay vào khung cửa sổ sáng ánh đèn ở căn phòng ông chủ, tại đây, trong lúc thượng uý vắng nhà, anh học sinh sĩ quan Giovátséxki đã mời khách khứa đến tiệc tùng nhân dịp anh ta được huân chương: đó la thiếu uý Ugrôvích và trung uý Népsitsétxki, cái anh chàng đáng lẽ phải lên pháo đài, nhưng lại bị sưng bọng răng ấy.

- Ồ, những ngôi sao bé tí, những ngôi sao bé tí đang lăn đi kia kìa, - em bé gái ngước nhìn bầu trời, tiếp lời Nhikita, phá tan sự im lặng,- kia kìa, lại một ngôi sao nữa lăn đi ở đằng kia kìa. Nó lăn thế để làm gì hở mẹ?

- Bom đạn sắp phá tan căn nhà của ta rồi, - bà già vừa nói, vừa thở dài, không trả lời câu hỏi của cô bé.

Cô bé láu táu nói tiếp bằng một giọng nghe như hát:

- Thế bây giờ mẹ con mình làm thế nào cùng với chú ấy đi đến đó được, hở mẹ, vì một quả đạn đến là to rơi vào trong phòng nằm ngay cạnh tủ, chắc là nó đã chọc thủng mái rồi rơi vào phòng. Quả đạn to đến nỗi không nhấc nổi mất.

- Ai có chồng, có tiền thì người ta đã đi khỏi thành phố cả rồi, - bà già nói, - còn mình ở đây,

chao ôi, khổ ơi là khổ, còn căn nhà cuối cùng chúng nó cũng phá mất. Trông kìa, trông xem lũ khốn kiếp nó bắn kìa! Chúa ơi, lạy Chúa tôi!

- Chúng ta chỉ vừa mới ra khỏi nhà thế là một quả đạn đại bác ba-a-ay đến, nổ-ổ tung, hất đất lên tung toé, làm cho mẹ con mình với chú ấy suýt trúng mảnh đạn.

- Bà lão này phải được thưởng huân chương, - anh học sinh sĩ quan nói, anh vừa cùng với các sĩ quan bước ra thềm xem hai bên bắn nhau.

Viên trung uý Népsitsétxki vỗ vai bà già nói:

- Bà lão này, bà hãy đi đến chỗ tướng quân đi, thật đấy!

Rồi anh ta nói thêm khi xuống cầu thang:

- *Pójde na ulice zobaczyc co tam nowego*(*).

Học sinh sĩ quan Giovátséxki vui tính vừa cười vừa nói:

- *A my tym czasem napijmy sie wódki, bo cos dusza w piety ucieka* (**)

---

* Tôi đi ra phố xem có tin tức gì mới không? (*tiếng Ba Lan*).
** Còn trong lúc ấy bọn mình sẽ uống rượu, nếu không thì khủng khiếp lắm (*tiếng Ba Lan*).

7

Công tước Gantxin gặp ngày càng nhiều người bị thương được khiêng trên cáng hoặc đi bộ, người nọ vịn vào người kia, vừa đi vừa lớn tiếng trò chuyện với nhau.

Một người lính cao lớn vác hai khẩu súng trên vai, nói bằng giọng trầm:

- Chúng nó nhảy bổ vào, anh em ạ, chúng nó nhảy bổ vào và hét lên: alla, alla! cứ như thể chúng trèo lên nhau. Ta giết được bọn này thì bọn khác lại trèo lên - chả làm gì được. Bọn chúng đông vô kể...

Nghe nói vậy Gantxin chặn người lính lại:

- Anh từ pháo đài về đây à?

- Thưa quan lớn, đúng thế.

- Thế tình hình ở đó ra sao? Kể nghe nào.

- Tình hình ra sao ấy ạ? Thưa quan lớn *lực lượng* của chúng tấn công vào, chúng leo lên thành luỹ và thế là đi tong rồi. Chúng đã thắng hoàn toàn, thưa quan lớn!

- Sao lại thắng? Vì các anh đã đẩy lùi chúng cơ mà?

- Đẩy lùi ở đâu mới được chứ, khi mà toàn bộ lực lượng của nó xông lên: nó giết sạch quân

ta, mà bọn tôi lại không được tăng cường! (Anh lính này nhầm vì giao thông hào vẫn nằm trong tay quân ta. Nhưng đây là một điều kỳ lạ mà bất kỳ ai cũng có thể nhận thấy: người lính bị thương trong trận đánh bao giờ cũng coi trận đó là thất bại và đẫm máu).

- Sao người ta lại nói với tôi rằng quân ta đã đánh lui bọn chúng! - Gantxin buồn bực nói.

Vừa lúc ấy, trung uý Népsitsétxki nhận ra công tước Gantxin qua vành mũ trắng ánh lên trong đêm tối, và muốn lợi dụng dịp này để nói chuyện với một nhân vật quan trọng như vậy, bèn đi lại gần. Anh đưa bàn tay lên mũ chào và hỏi một cách lễ phép:

- Xin ngài vui lòng cho biết thế nghĩa là thế nào?

- Thì chính tôi đang hỏi đây, - công tước Gantxin nói và lại quay về phía người lính vác hai khẩu súng. - Có thể là sau khi anh bị thương, ta mới đánh lui chúng? Anh rời khỏi đó lâu chưa?

- Thưa quan lớn, mới thôi ạ! - người lính tiếp. - Có lẽ chưa chắc giao thông hào vẫn còn trong tay quân ta, vì quân địch đã thắng thế hoàn toàn.

- Hừ, thế các anh để mất giao thông hào mà không xấu hổ à. Khủng khiếp thật! - Công tước Gantxin nói, ông cảm thấy cay đắng vì sự thờ ơ

của người lính. - Sao các anh không thấy xấu hổ! - ông lặp lại và quay ngoắt khỏi người lính.

- Ồ, đó là đám người đáng sợ! Chắc ngài chưa biết rõ bọn chúng, - trung uý Népsitsétxki đế vào, - tôi xin nói để ngài rõ lũ người này chẳng có lòng tự hào, chẳng có lòng yêu nước mà cũng chẳng có tình cảm gì, tốt nhất là đừng có hỏi bọn chúng. Ngài cứ nhìn những đám đông đang đi kia mà xem, ở đấy chỉ độ một phần mười số người là bị thương còn thì toàn là *những trợ lý* chỉ muốn chuồn khỏi mặt trận. Quân đểu! Xử sự như thế thật nhục nhã, anh em ạ, thật nhục nhã! Để mất giao thông hào của ta! Anh ta nói thêm, hướng về phía những người lính.

- Làm thế nào chống lại *lực lượng của chúng được*? - người lính càu nhàu nói.

Vừa lúc ấy một người lính bị thương nằm trên cáng nói khi chiếc cáng đi qua chỗ họ:

- Xì! Thưa các quan lớn, làm thế nào không để mất được khi mà, tôi tin chắc rằng, chúng đã giết sạch cả quân ta? Giá như ta có lực lượng thì không đời nào chúng tôi để mất chiến hào. Đằng này biết làm gì được? Tôi đã chém được một thằng, ấy thế là chúng nó nện tôi... ối, ối... nhẹ chứ anh em ơi, đều tay hơn anh em, đều bước hơn... ối, ối! -người thương binh rên ri.

- Mà quả thật hình như trong đám người đang đi này có nhiều người thừa,- Gantxin nói và ông lại chặn người lính cao lớn vác hai khẩu súng lại. - Vì sao anh bỏ đi? Này anh kia, đứng lại.

Người lính dừng lại và đưa tay trái lên ngả mũ.

- Anh đi đâu và tại sao lại đi? - Gantxin nghiêm khắc quát người lính. - Hắn...

Nhưng đúng lúc ấy, khi đi sát bên người lính, ông đã nhận ra rằng cánh tay phải của anh ta thò ra ngoài ống tay áo và đẫm máu đến quá khuỷu.

- Thưa quan lớn tôi bị thương!

- Bị thương thế nào?

- Tôi bị vào đây, có lẽ trúng đạn, - người lính nói, chỉ vào cánh tay mình, - còn đầu tôi thì tôi chả biết bị cái gì xuyên thủng, - rồi anh cúi đầu xuống, chìa cho ông xem những mảng tóc bê bết máu ở sau gáy.

- Còn khẩu súng kia của ai?

- Đó là khẩu ca-ra-bin của Pháp, thưa quan lớn, tôi đã đoạt được. Tôi chả ra đi nếu như không phải dẫn chú lính kia, chú ta đi có vững đâu, - anh nói thêm, tay chỉ vào một người lính đi trước anh một chút, tựa mình vào khẩu súng, khó nhọc lê đi bằng chân trái.

- Còn đồ chết giẫm kia *đi đâu*! - trung uý Nép-

sitsétxki quát một người lính khác đang đi về phía anh ta, thầm mong sẽ làm vừa lòng vị công tước có bộ dạng quan trọng. Người lính đó cũng bị thương.

Công tước Gantxin bỗng thấy vô cùng xấu hổ cho trung uý Népsitsétxki và cảm thấy xấu hổ hơn thế nữa cho chính mình. Ông cảm thấy mặt đỏ bừng, điều ít khi xảy ra với ông. Ông quay ngoắt khỏi viên trung uý và không hỏi han gì thêm những người bị thương, không quan sát họ nữa, ông đi về phía trạm cứu thương.

Gantxin chật vật lách lên thềm giữa những người bị thương đi bộ, những người khiêng cáng đưa thương binh vào và đưa các xác chết ra ngoài. Ông bước vào căn phong thứ nhất, ngó qua, bất giác trở lại ngay và vùng chạy ra phố. Cảnh tượng ông nhìn thấy quá khủng khiếp.

8

Căn phòng to, cao, tối, chật ních những người, chỉ được soi sáng bởi bốn năm ngọn nến do các bác sĩ cầm để đi khám cho các thương binh. Những người khiêng cáng không ngừng đưa thương binh vào, đặt họ nằm trên sàn, người nọ sát người kia. Sàn nhà chật cứng đến nỗi những người bất hạnh

chen lấn nhau và làm giây máu sang nhau. Rồi những người khiêng cáng lại tiếp tục đi khiêng về những thương binh mới. Những vũng máu ở những chỗ chưa có người nằm, hơi thở nóng hổi của mấy trăm con người trộn lẫn mùi mồ hôi của những người khiêng cáng tạo ra một mùi mồ hôi đặc biệt, nồng nặc, nặng nề. Bốn ngọn nến rầu rĩ cháy sáng ở bốn góc phòng. Khắp phòng vang lên tiếng rên rỉ, tiếng thở dài, tiếng thở khò khè, đôi khi bị ngắt quãng bởi một tiếng kêu thét. Các cô y tá nét mặt bình tĩnh không có cái vẻ thương hại sướt mướt quá đáng trống rỗng kiểu đàn bà, đang bắt tay vào việc một cách tháo vát thực thế, có hiệu quả. Các cô len lỏi chỗ này, chỗ kia, giữa các thương binh, đưa thuốc, đưa nước, mang băng, bóng họ thấp thoáng giữa những tấm áo choàng và sơ-mi bết máu. Các bác sĩ mặt mày rầu rĩ, tay áo xắn cao, quỳ trước các thương binh. Đứng cạnh họ là những nam y tá cầm nến.

Các bác sĩ thò ngón tay vào vết thương, thăm dò và nắn lại các chi bị sai khớp lủng lẳng, mặc tiếng rên rỉ khủng khiếp và lời cầu xin của các nạn nhân. Một bác sĩ ngồi sau chiếc bàn nhỏ cạnh cửa ra vào và lúc Gantxin bước vào phòng, ông ta đã ghi vào sổ đến người thương binh thứ năm trăm ba mươi hai.

- Ivan Bôgaép, lính thuộc đại đội 3, trung đoàn X, *fractura femoris complicata*(*), - một bác sĩ khác từ đầu phòng kia vừa hét to vừa thăm dò cẳng chân bị giập nát. - Lật nghiêng anh ta đi.

- Ái, ối các bố của con ơi, các bố thương con với ! - người lính kêu lên, van xin họ đừng đụng đến mình.

- *Perforatio capitis* (**).

- Xêmen Nêpherđốp, trung tá trung đoàn bộ binh N. Đại tá gắng chịu đựng một chút, nếu không tôi đành chịu không làm được, - bác sĩ thứ ba vừa nói vừa ngoáy một que móc gì đấy vào đầu viên trung tá bất hạnh.

- Ối, ấy đừng! Ối, lạy Chúa, mau lên, mau lên, lạy...a-a-a-a!

- *Perforation pectoris* (***)... Xevaxchian Xêrêđa, lính... thuộc trung đoàn nào nhỉ ?... Mà thôi, đừng ghi nữa: *moritur* (****). Mang anh ta đi, - bác sĩ nói, rời khỏi người lính đang trợn mắt và thở hắt ra.

Khoảng bốn chục người lính khiêng cáng chờ đợi để khênh những người đã được băng bó đến

---

* Bị gãy xương chậu có biến chứng (*tiếng La-tinh*).
** Bị thủng sọ (*tiếng La-tinh*).
*** Bị thủng khoang ngực (*tiếng La-tinh*).
**** Tử vong (*tiếng La-tinh*).

quân y viện và những người chết đến giáo đường. Họ lặng lẽ đứng ở các cửa ra vào, thỉnh thoảng lại thở dài nặng trĩu khi nhìn cảnh tượng này...

9

Dọc đường đến pháo đài, Kalughin gặp nhiều thương binh, nhưng qua kinh nghiệm, anh biết rằng cảnh tượng này tác động xấu đến tinh thần người ra trận; nên không những anh không dừng lại hỏi han họ, mà ngược lại còn cố gắng không mảy may chú ý đến họ. Tới chân núi anh thấy một sĩ quan tuỳ tùng đang phóng ngựa như bay từ pháo đài xuống.

- Đốpkin! Đốpkin! Dừng lại đã?

- Sao, gì vậy?

- Anh từ đâu về?

- Từ chiến hào.

- Tình hình ở đấy thế nào? Gay lắm hả?

- Đúng là cảnh địa ngục, khủng khiếp!

Và viên sĩ quan tùy tùng phóng ngựa đi tiếp

Quả thực tiếng súng bộ binh đã dịu bớt, nhưng tiếng pháo kích lại rộ lên mạnh mẽ và kịch liệt.

"Chà, hỏng rồi!" - Kalughin nghĩ, anh cảm thấy

khó chịu thế nào ấy và cái linh cảm, nghĩa là ý nghĩ rất thường tình, ý nghĩ về cái chết, ập tới đầu anh. Nhưng Kalughin không phải là thượng uý Mikhailốp, anh có lòng tự ái và được trời phú cho những dây thần kinh bằng gỗ, tóm lại anh là một người mà người ta thường gọi là dũng cảm. Anh không bị chi phối bởi ấn tượng đầu tiên và anh bắt đầu cổ vũ mình. Anh nhớ lại câu chuyện về một sĩ quan tuỳ tùng, hình như của Napôlêông, sau khi truyền đạt mệnh lệnh, người sĩ quan tuỳ tùng đầu bê bết máu đã phóng ngựa như bay về chỗ Napôlêông.

- *Vous-êtes blessé?*(*) - Napôlêông nói với anh ta.

- *Je vous demande pardon, sire, je suis tué*(**), - và người sĩ quan tuỳ tùng ngã từ trên ngựa xuống chết tại chỗ.

Anh thấy câu chuyện đó rất hay và thậm chí anh tưởng tượng mình hơi hơi giống người sĩ quan tuỳ tùng đó, rồi anh quất ngựa, giữ tư thế Kô-dắc hiên ngang hơn nữa, ngoái nhìn người lính Kô-dắc đang đứng trên bàn đạp phi ngựa theo anh, anh ngang tàng phi tới địa điểm cần phải xuống ngựa đi bộ. Tại đây anh thấy bốn người lính đang ngồi trên các tảng đá hút tẩu thuốc.

---

* Anh bị thương à? (*tiếng Pháp*).

** Xin bệ hạ tha lỗi cho, tôi bị giết (*tiếng Pháp*).

- Các anh làm gì ở đây? - anh quát to hỏi họ.

- Thưa quan lớn, chúng tôi chuyên chở thương binh và ngồi nghỉ một lát,- một người trong bọn họ đáp, giấu tẩu thuốc ra sau lưng và ngả mũ.

- Nghỉ ngơi gì ! Đi về vị trí ! Tôi sẽ nói cho chỉ huy trung đoàn của các anh biết.

Và anh cùng với họ đi theo giao thông hào lên núi, chốc chốc họ lại gặp thương binh. Lên tới đỉnh núi anh rẽ vào giao thông hào phía bên trái, đi thêm vài bước nữa anh cảm thấy mình hoàn toàn đơn độc. Một mảnh đạn rít lên gần anh, rồi cắm phập vào giao thông hào. Một quả đạn khác vút lên trước mặt anh và hình như bay thẳng tới anh. Anh chợt thấy khiếp sợ: anh phóng vụt lên chừng năm bước và ngã vật xuống đất. Khi quả đạn đã nổ ở xa chỗ anh, anh cảm thấy bực mình vô cùng, anh nhổm dậy và ngó quanh xem có ai thấy mình ngã không, nhưng không thấy có ai cả.

Một khi nỗi sợ đã len lỏi được vào lòng người, nó sẽ chẳng nhanh chóng nhường chỗ cho một cảm giác nào khác. Kalughin, ngày thường hay huênh hoang là không bao giờ chịu cúi mình, nay rảo bước và gần như bò đi trong giao thông hào. "Chà, không hay ho gì! Nhất định mình sẽ bị giết!" - anh đang nghĩ thì bị vấp. Anh cảm thấy khó thở

và toàn thân toát mồ hôi. Ngạc nhiên về chính bản thân mình, nhưng anh cũng chẳng có ý định khắc phục cảm xúc của mình nữa.

Bỗng nhiên có tiếng chân ai đó bước vang lên trước mặt anh. Anh vụt đứng thẳng dậy, ngẩng đầu, phấn khởi khua kiếm và không còn bước nhanh như trước đây nữa. Anh không còn nhận ra mình. Khi anh tiến lại phía người sĩ quan công binh và người thuỷ thủ đang đi ngược chiều với anh, chợt người sĩ quan thét lên bảo anh: "Nằm xuống!" và lấy tay chỉ quả đạn sáng loé như một cái chấm, ngày càng sáng và ngày càng nhích lại nhanh hơn, rồi nổ gần giao thông hào, thì anh chỉ bất giác hơi cúi đầu do ảnh hưởng của tiếng thét sợ hãi đó, rồi lại tiếp tục đi.

- Này, tay ấy can đảm thật, - người thuỷ thủ nói, rất thản nhiên nhìn trái đạn đang rơi và với con mắt từng trải, anh đã tính ngay được rằng mảnh đạn không thể nào chạm tới giao thông hào, - hắn không chịu nằm xuống kia chứ.

Khi chỉ còn phải đi vài bước nữa để vượt qua một khoảng đất nhỏ tới hầm ngầm chỉ huy của tư lệnh pháo đài, Kalughin bỗng lại lặng người đi bởi nỗi sợ ngu xuẩn khi trước. Tim anh đập rộn lên, máu dồn lên đầu và anh phải cố nén mình lắm mới chạy được đến hầm ngầm.

- Sao mà anh thở hổn hển thế? - vị tướng nói khi anh chuyển mệnh lệnh cho ông.

- Thưa quan lớn, vì tôi đi quá nhanh!

- Anh có muốn làm một cốc vang không?

Kalughin uống cạn cốc rượu vang và châm điếu thuốc hút. Trận đánh đã ngừng, chỉ còn cuộc đấu pháo mạnh mẽ tiếp tục giữa đôi bên. Tướng N.,tư lệnh pháo đài, ngồi trong hầm ngầm cùng với khoảng sáu sĩ quan nữa; trong số đó có Praxkukhin. Họ nói với nhau về mọi chi tiết của trận đánh. Ngồi trong căn hầm tiện nghi, tường dán giấy màu xanh da trời này với nào là đi-văng, giường ngủ, bạn làm việc trên đó có giấy tờ, đồng hồ treo tường và ảnh thánh cùng ngọn đèn nhỏ lập loè trước đó, ngắm nhìn những dấu hiệu của nhà ở đó và những rầm nhà to chắc dài hàng mấy mét ở trên trần, lắng nghe tiếng súng vọng yếu ớt vào hầm, Kalughin đâm ra không thể hiểu nổi làm sao anh ta lại có thể hai lần cho phép mình chịu khuất phục sự yếu đuối không thể tha thứ được như vậy. Anh giận mình và muốn có ngay cảnh hiểm nguy để lại thử thách mình.

Vừa lúc đó một sĩ quan hải quân mặc áo choàng cấp tá, có hàng ria lớn và đeo huân chương thánh Ghêorghi bước vào hầm ngầm, xin vị tướng cho anh ta nhân công để sửa chữa hai lỗ châu mai

bị lấp tại khẩu đội pháo của anh ta. Kalughin nói với người sĩ quan vừa tới:

- Rất sung sướng được gặp đại uý ở đây, - khi viên sĩ quan này ngừng nói với vị tướng, Kalughin tiếp tục nói. - Tướng quân đã ra lệnh cho tôi hỏi xem súng ở chỗ đại uý có thể bắn đạn lia dọc theo giao thông hào không?

- Chỉ có một khẩu bắn được thôi, - viên đại uý cau có đáp.

- Tuy vậy, ta cùng đi xem...

Viên đại uý cau mày và tức giận càu nhàu:

- Tôi đã đứng suốt đêm ở đó, bây giờ đến đây nghỉ một lát, anh có thể đi một mình được không. Đến đó, trung uý Karxơ, người trợ thủ của tôi, sẽ chỉ dẫn cho anh mọi sự.

Đại uý đã chỉ huy sáu tháng liền tại một trong những khẩu đội pháo nguy hiểm nhất này và thậm chí từ lúc chưa có các hầm ngầm, từ ngày đầu thành phố bị bao vây anh vẫn sống tại pháo đài và không rời khỏi đấy. Giữa *các thuỷ thủ* anh nổi tiếng là người can đảm. Chính vì thế, sự từ chối của anh khiến Kalughin đặc biệt kinh ngạc.

"Đấy, nổi tiếng là thế đấy!" - anh nghĩ.

- Thôi thế tôi đi một mình vậy, nếu anh cho phép, - anh nói bằng một giọng hơi giễu cợt với

viên đại uý. Tuy nhiên đại uý không hề chú ý đến lời nói của anh.

Nhưng Kalughin quên mất rằng cộng tất cả mọi thời gian lại, anh cũng mới chỉ ở trên pháo đài chừng năm chục giờ, còn đại uý đã sống ở đây sáu tháng. Kalughin lại còn bị kích động bởi thói háo danh: mong ước được nổi bật, hy vọng được khen thưởng, được nổi tiếng và hưởng cái thú của sự liều lĩnh. Còn đại uý thì đã trải qua tất cả những cái đó: thoạt đầu anh cũng háo danh, tỏ ra can đảm, liều lĩnh, hy vọng được khen thưởng và nổi tiếng, thậm chí anh đạt được những cái đó, nhưng giờ đây tất cả phương tiện kích thích ấy đều đã mất hiệu lực đối với anh và anh nhìn công việc một cách khác đi: anh đã hoàn thành đúng nhiệm vụ của mình. Nhưng hiểu rõ rằng cuộc đời còn để lại cho anh ít dịp may sau sáu tháng sống ở pháo đài, cho nên anh không liều sử dụng những dịp may đó nếu không thật cần thiết. Thành thử viên trung uý trẻ mới đến khẩu đội này từ tuần lễ trước, giờ đây đang hướng dẫn Kalughin đi thăm khẩu đội hoá ra lại can đảm hơn đại uý hàng chục lần: để khoe mẽ trước mặt nhau, hai anh chàng này thi nhau thò đầu một cách vô ích ra khỏi lỗ châu mai, rồi leo lên gờ luỹ nhìn ra ngoài.

Sau khi quan sát khẩu đội pháo và quay trở lại hầm ngầm, trong đêm tối Kalughin chạm trán với vị tướng đang cùng với các sĩ quan tuỳ tùng của mình đi lên chòi quan sát.

- Thượng uý Praxkukhin! - vị tướng nói. - Xin anh đến chiến hào bên phải nói với tiểu đoàn hai trung đoàn M. đang làm việc ở đó để họ ngừng công việc, lặng lẽ rút khỏi đó và tập hợp về trung đoàn của mình là lực lượng hậu bị đóng dưới chân núi. Rõ chưa? Anh đích thân dẫn tiểu đoàn đó về trung đoàn của nó.

- Xin tuân lệnh.

Praxkukhin chạy vút tới chiến hào.

Tiếng súng bắn ngày càng thưa thớt.

10

- Đây có phải là tiểu đoàn hai trung đoàn M. không ? - Praxkukhin hỏi khi anh chạy tới địa điểm và vấp phải những người lính đang khiêng các túi đất.

- Đúng thế ạ.

- Chỉ huy trưởng đâu ?

Mikhailốp tưởng người ta hỏi chỉ huy đại đội bèn trườn từ trong hố ra và vì tưởng Praxkukhin

là thủ trưởng nên tiến về phía anh ta, tay đặt lên vành mũ chào.

- Tướng quân ra lênh... cho các anh... xin hãy đi... mau lẹ lên... và cái chính là im hơi lặng tiếng... quay trở lại, à không phải quay trở lại mà là quay về với đơn vị hậu bị, - Praxkukhin nói, mắt liếc nhìn về phía loả lực của kẻ thù.

Nhận ra Praxkukhin, Mikhailốp bỏ tay xuống và khi đã hiểu rõ sự tình, Mikhailốp truyền lệnh, cả tiểu đoàn nhộn nhạo một cách vui vẻ, thu nhặt súng ống, mặc áo choàng, rồi lên đường.

Ai chưa trải qua, người đó không thể hình dung nổi cảm giác khoan khoái của con người ta khi rời khỏi một nơi nguy hiểm như chiến hào, sau ba giờ đồng hồ bị pháo kích. Trong ba giờ đó, Mikhailốp đã mấy lần tưởng mình thôi thế là đi đứt và đã mấy lần anh kịp hôn lia lịa vào những ảnh thánh mang trên mình. Rốt cuộc, anh hơi yên tâm do ảnh hưởng của niềm tin chắc rằng nhất định mình sẽ bị giết, và mình đã không còn thuộc về cõi đời này. Ấy vậy mà, dù sao anh ta cũng phải cố gắng lắm mới kìm cho đôi chân mình khỏi bỏ chạy, khi anh ta đi trước đại đội, bên cạnh Praxkukhin, rời khỏi chiến hào.

Viên thiếu tá chỉ huy một tiểu đoàn khác, người còn phải ở lại trong chiến hào này và đã cùng

Mikhailốp nhấm nháp phó-mát khi ngồi trong cái hố gần luỹ đất, nói với theo :

- Tạm biệt, chúc lên đường may mắn !

- Tôi cũng xin chúc các anh trụ lại may mắn, hình như bây giờ tình hình đã dịu đi.

Nhưng Mikhailốp chỉ vừa mới kịp nói như vậy, thì kẻ thù đã bắt đầu bắn ngày càng dồn dập, có lẽ nó đã nhận ra xó sự chuyển quân trong các chiến hào. Quân ta bắt đầu bắn trả lại và cuộc đấu pháo lại rộ lên mạnh mẽ. Các vì sao lấp lánh tít trên trời cao nhưng không sáng lắm. Đêm tối đen, căng mắt ra cũng chẳng nhìn thấy gì, chỉ có những vệt lửa đạn, và đạn trái phá nổ soi sáng chớp nhoáng mọi cảnh vật. Binh lính đi nhanh và bất giác dồn bước vượt lên nhau. Sau tiếng súng rền không dứt chỉ còn nghe thất âm thanh đều đặn những bước chân của họ trên con đường khô ráo, âm thanh của những lưỡi lê va chạm nhau hoặc tiếng thở dài, lời cầu nguyện của một chú lính nhút nhát nào đó : "Lạy Chúa, lạy Chúa ! Thế này là thế nào !" Đôi khi vọng lên tiếng rên của một thương binh và những tiếng thét : "Cáng đâu !" (Trong đại đội do Mikhailốp chỉ huy, chỉ riêng một đợt pháo kích của địch đêm hôm đó đã quật ngã mất hai mươi sáu người). Một làn chớp bùng lên trên chân trời ảm đạm phía xa. Người

lính canh từ pháo đài thét lớn : "Đại bác !" và quả đạn rít lên trên đầu đại đội, nổ bùng làm đất đá tung tóe.

"Quỷ bắt họ đi ! Sao họ đi lặng lẽ thế chả biết, - Praxkukhin nghĩ, khi đi bên cạnh Mikhailốp, anh không ngừng ngoái nhìn lại phía sau, - quả thật tốt hơn cả là mình chạy đi lên trước vì mình truyền đạt mệnh lệnh rồi cơ mà... Nhưng mà thôi, chả rồi sau đó tên súc sinh này có thể kể lể rằng mình là thằng hèn, cũng như hôm qua mình đã nói về hắn vậy. Muốn ra sao thì ra, ta cứ đi cạnh hắn".

Về phần mình Mikhailốp nghĩ: "Hắn đi với mình để làm gì, mình đã nhận thấy biết bao lần rằng hắn luôn luôn mang lại tai họa. Kìa lại một quả đạn nữa đang bay thẳng đến đây, hình như thế".

Đi được độ vài trăm bước nữa, họ đụng phải Kalughin đang phấn khởi khua kiếm đi về phía chiến hào để theo lệnh của vị tướng hỏi xem công việc ở đó tiến hành ra sao. Nhưng khi gặp Mikhailốp anh nghĩ bụng việc gì anh phải đi tới đó dưới lửa đạn khủng khiếp ấy, anh có được lệnh làm thế đâu, anh có thể hỏi tỉ mỉ mọi sự qua người sĩ quan đã từng ở đấy. Và quả thực Mikhailốp đã kể tỉ mỉ về mọi công việc, tuy không hề chú ý gì đến súng đạn, buồn cười không ít vì lẽ cứ mỗi

khi lúc kể đã làm cho Kalughin, con người tưởng như không đạn trái phá rơi và nổ rất xa, anh ta lại ngồi sụp xuống, cúi đầu như buộc mọi người phải tin rằng "đạn bay thẳng tới đây".

- Đại uý nhìn xem kìa, nó bay thẳng đến đây đấy, - Kalughin bông đùa và huých Praxkukhin. Đi với họ thêm một quãng nữa, anh rẽ ngoặt vào giao thông hào dẫn tới hầm ngầm. "Không thể nói được rằng anh chàng đại uý này là một người rất can đảm", - anh nghĩ khi bước vào cửa hầm ngầm.

- Này, có gì mới không ? - viên sĩ quan đang ăn bữa tối một mình ở trong phòng hỏi.

- Chả có gì đâu, hình như sẽ không đánh nhau nữa.

- Sao lại không ? Ngược lại, tướng quân vừa đi lên đài quan sát, Thêm một trung đoàn nữa tới. Lại có tiếng súng bắn đấy, anh nghe thấy không? Anh đừng đi. Anh đi để làm gì ? - viên sĩ quan nói thêm khi nhận thấy cử chỉ của Kalughin.

"Nhưng mình, đúng ra, mình nhất thiết phải có mặt ở đó, - Kalughin nghĩ, - nhưng hôm nay mình đã liều thân nhiều rồi. Mình hy vọng rằng mình không phải chỉ là một thứ *chair à canon*(*).

- Quả thật tốt hơn là tôi đợi họ ở đây, - anh nói.

(*) Mồi thịt cho đại bác (tiếng Pháp).

Quả nhiên hai mươi phút sau, vị tướng trở về cùng với các sĩ quan tuỳ tùng của ông, trong số đó có cả anh chàng học sinh sĩ quan, nam tước Pextơ, nhưng không thấy Praxkukhin. Quân ta đã đẩy lui địch và chiếm lại các chiến hào.

Sau khi đã được biết những tin tức chi tiết về trận đánh, Kalughin cùng với Pextơ rời khỏi căn hầm ngầm.

11

- Áo choàng của cậu có máu kìa, lẽ nào cậu đã đánh giáp là cà ? - Kalulghin hỏi.

- Chà, khủng khiếp qua, người anh em ạ! Cậu có thể hình dung được... - Và Pextơ bắt đầu kể anh ta đã dẫn toàn đại đội như thế nào, viên chỉ huy đại đội bị giết ra sao, anh đã đâm chết một tên Pháp như thế nào và nếu như không có anh, thì không khéo mọi sự sẽ chẳng ra đâu vào đâu v.v..

Những nét chính của câu chuyện như viên chỉ huy đại đội bị giết và Pextơ đã giết được một tên Pháp là có thực. Nhưng khi kể vào chi tiết thì anh chàng học sinh sĩ quan đã bịa đặt và khoác lác.

Anh bất giác khoác lác, vì lúc xảy ra trận đánh anh như ở trong đám sương mù và mụ người đi đến mức tất cả mọi chuyện xảy ra đối với anh dường như xảy ra ở đâu đó, vào lúc nào đó, và với một ai đó. Và đương nhiên anh đã cố gắng dựng lại mọi chi tiết theo khía cạnh có lợi cho mình. Nhưng câu chuyện thật ra là thế này.

Cái tiểu đoàn mà anh chàng học sinh sĩ quan Pextơ tham gia chỉ huy để đánh phá vây đã đứng hai giờ đồr.g hồ dưới hoả lực gần một bức tường nhỏ nào đó. Sau đó chỉ huy tiểu đoàn đứng ở phía trước nói gì đấy, các chỉ huy đại đội hoạt động, tiểu đoàn lên đường, vượt qua khỏi thành luỹ và tiến độ một trăm bước thì dừng lại, tập hợp theo đội hình đại đội. Người ta bảo Pextơ đứng ở cánh phải của đại đội hai.

Chẳng hiểu mô tê gì, chẳng hiểu mình đứng ở đâu và đứng để làm gì, anh học sinh sĩ quan đứng đó và bất giác nghẹt thở, thấy lạnh cả sống lưng. Anh đờ đẫn nhìn vào chỗ xa xăm tối thẫm ở phía trước, đợi chờ một điều gì khủng khiếp. Vả chăng, anh ta khiếp sợ vì không có tiếng súng ít hơn là do có ý nghĩ lạ lùng, kỳ quặc rằng mình đã ở ngoài thành luỹ, ở trên cánh đồng. Viên chỉ huy tiểu đoàn lại nói gì đó ở phía trước. Các sĩ quan thì thào truyền đạt mệnh lệnh và đại đội

một như một bức tường đen ngòm bỗng rạp xuống. Có lệnh nằm xuống! Đại đội hai cũng nằm và khi nằm xuống, cánh tay Pextơ bị một vật nhọn gì đó đâm vào. Chỉ có một mình chỉ huy đại đội không nằm. Vóc người ông không cao lớn, vừa khoa thanh gươm tuốt trần, ông vừa nói không ngừng và đi đi lại lại trước đại đội.

- Hỡi anh em ! Anh em hãy tỏ ra là những tay xừ khôi ! Đừng bắn bằng súng, hãy cho bọn khốn kiếp ấy nếm mùi lưỡi lê. Khi tôi hô "xung phong!" anh em hãy theo tôi, đừng chần chừ... Cái chính là ta đồng tâm nhất trí... tỏ cho chúng thấy ta là thế nào, chớ có úp mặt xuống bùn đen, phải không các anh em ? Vì Sa hoàng, cha của chúng ta ! - ông vừa nói vừa đệm vào những tiếng chửi rủa và hoa tay lia lịa.

- Chỉ huy trưởng đại đội ta tên họ là gì nhỉ? - Pextơ hỏi anh học sinh sĩ quan nằm bên cạnh hắn. - Ông ấy mới dũng cảm làm sao !

- Phải, hễ cứ ra trận là ông ấy bao giờ cũng say mềm người, - anh học sinh sĩ quan đáp, - họ của ông ấy là Lixinkốpxki.

Vừa lúc ấy, ngay trước đại đội bỗng có một ngọn lửa bùng loé, một tiếng nổ khủng khiếp nhất vang lên làm toàn đại đội choáng váng, những mảnh đá và mảnh đạn bay vù vù lên cao trong

không trung (ít ra năm mươi giây sau, một viên đá rơi từ trên xuống và nghiền nát chân một người lính). Đó là một quả đạn đại bác bắn từ cỗ súng ghếch nòng và quả đạn rơi trúng vào đại đội, chứng tỏ quân Pháp đã nhìn thấy đội hình của họ.

- Chúng nó nã pháo! Quân cho đê... Chỉ cần chúng ông lên tới nơi thôi là chúng mày sẽ được nếm mùi lưỡi lê Nga ba cạnh, lũ khốn kiếp ! - chỉ huy đại đội nói to đến nỗi chỉ huỷ tiểu đoàn phải ra lệnh cho ông ta im lặng, đừng làm ồn nhiều như thế.

Tiếp đó đại đội một đứng lên, sau đó là đại đội hai. Có lệnh lắp lưỡi lê và tiểu đoàn tiến về phía trước. Pextơ sợ hãi quá, đến nỗi hắn ta chả nhớ được rằng họ đi có lâu không, đi đâu, ai đi, đi làm gì. Hắn đi như một người say rượu. Nhưng bỗng nhiên từ mọi phía loé lên hàng triệu tia lửa, nột cái gì đó rít lên và nổ tanh tách. Hắn la lên và chạy về một phía nào đó vì mọi người đều chạy và la hét. Sau đó hắn vấp và ngã đè lên một ai đấy - đó là viên chỉ huy đại đội (ông ta đã bị thương ở phía trước đại đội và tưởng anh học sinh sĩ quan là tên Pháp nên túm lấy chân hắn). Sau đó khi hắn gỡ được chân ra và nhổm dậy, thì trong đêm tối có một người nào đó đã xô lưng vào hắn làm hắn suýt nữa lại bị ngã nhào. Giọng một người

khác quát lên : "Đâm chết nó đi ! Còn chờ gì nữa?" Một ai đó đã cầm lấy súng và sọc lưỡi lê vào một vật gì mềm mềm. "*Ah! Dieu!*"(*). Một người nào đó hét lên bằng một giọng khủng khiếp chói tai và mãi đến lúc ấy Pextơ mới hiểu rằng hắn đã đâm chết một tên Pháp. Mồ hôi lạnh toát trên khắp thân thể hắn, hắn rùng mình như lên cơn sốt và vứt bỏ khẩu súng. Nhưng điều đó chỉ kéo dài trong chớp mắt. Hắn chợt nghĩ ngay rằng mình là một người anh hùng. Hắn vồ lấy khẩu súng và cùng đám lính hô "xung phong", chạy khỏi chỗ tên Pháp bị giết. Một người lính bắt đầu tháo ngay giày của tên giặc. Chạy được chừng hai chục bước hắn nhảy vào một giao thông hào. Chỉ huy tiểu đoàn và quân ta đã ở đó.

- Tôi đã đâm chết một thằng ! - hắn nói với chỉ huy tiểu đoàn.

- Nam tước cừ lắm...

12

Khi tiễn Kalughin về nhà, Pextơ nói :

- Cậu biết không, Praxkukhin đã bị giết rồi?

- Có lẽ nào !

(*) Ôi ! Lạy Chúa ! *(tiếng Pháp)*.

- Thì chính tôi đã trông thấy mà lại.

- Nhưng mà thôi, tạm biệt, tôi vội lắm.

"Mình rất hài lòng, - Kalughin nghĩ khi trở về nhà, - lần đầu tiên mình may mắn trong phiên trực. Thật là tuyệt, mình hãy còn sống và nguyên vẹn. Mình sẽ được đề nghị tặng thưởng, nhất định đó sẽ là thanh kiếm vàng[21], ừ, vả chăng mình xứng đáng được thanh kiếm ấy".

Sau khi đã báo cáo với vị tướng tất cả những gì cần thiết, anh đi về phòng mình, nơi công tước Gantxin đã quay về từ lâu và trong khu chờ đợi anh, ông ngồi đọc cuốn *Splendeur et misères des courtisanes*[22] mà ông thấy để trên bàn.

Kalughin thấy khoan khoái lạ lùng khi được ở trong nhà mình, ra khỏi cảnh hiểm nguy. Anh mặc áo ngủ nằm dài trên giường và kể cho Gantxin nghe chi tiết về trận đánh, truyền đạt lại các chi tiết đó một cách rất tự nhiên, và cố nhiên anh phải kể với quan điểm như thế nào để những chi tiết đó chứng tỏ rằng anh, Kalughin, là một sĩ quan rất tháo vát và dũng cảm. Tôi thiết tưởng nhắc đến điều này là thừa, bởi vì mọi người đều biết và không có quyền, có cớ gì nghi ngờ điều đó, có lẽ chỉ trừ thượng uý Praxkukhin đã quá cố. Mặc dầu Praxkukhin đã coi việc được khoác tay đi với Kalughin là một hạnh phúc, vừa mới

hôm qua anh còn bí mật kể cho người bạn biết rằng Kalughin là một người rất tốt, nhưng, nói riêng giữa bọn mình với nhau, anh ta chả thích đi lên pháo đài một tí nào.

Vừa chia tay với Kalughin xong, Praxkukhin đi bên cạnh Mikhailốp, đi gần về chỗ ít nguy hiểm hơn và bắt đầu cảm thấy tươi tỉnh hơn một chút, thì anh ta bỗng nhìn thấy một làn chớp loé sáng ở sau lưng mình, nghe thấy tiếng hét của người lính canh: "Trái phá!" và lời của một trong những người lính đi ở phía sau : "Đúng là nó bay về phía tiểu đoàn !"

- Nằm xuống ! - một giọng nói hãi hùng của ai đó thét lên.

Mikhailốp ngã sấp xuống. Praxkukhin bất giác cúi gập người sát đất và nheo mắt lại. Anh chỉ nghe thấy tiếng trái phá nổ ở đâu đó rất gần trên nền đất cứng. Một giây trôi qua, tưởng như hàng giờ, quả trái phá vẫn chưa nổ, Praxkukhin sợ hãi khong hiểu liệu anh có nhát gan một cách vô ích không, có lẽ quả trái phá đã rơi ở xa và chỉ có anh lầm tưởng rằng đầu quả đạn đang rít lên ngay ở đây. Anh mở mắt và hả hê tự đắc nhìn thấy anh chàng Mikhailốp mà anh còn nợ mười hai rúp rưỡi nằm sấp, bất động, ngay gần sát chân anh nhìn thấy đầu quả đạn loé sáng, quay tít cách anh chưa đầy một mét.

Nỗi khiếp sợ lạnh toát, loại trừ mọi ý nghĩ và tình cảm khác, nỗi khiếp sợ đó choán lấy toàn bộ con người anh. Anh đưa tay che mặt và ngã khuyu đầu gối xuống. Một giây nữa lại trôi qua, trong đó cả một thế giới tình cảm, tư tưởng, hy vọng, hồi ức thoáng hiện lên trong trí tưởng tượng của anh.

"Nó sẽ giết ai, mình hay Mikhailốp ? Hay là cả hai cùng một lúc ? Còn nếu là mình thì sẽ bị vào đâu ? Vào đầu thì thế là hết, còn nếu vào chân thì người ta sẽ cưa bỏ, mình sẽ xin họ nhất thiết phải cho thuốc mê và mình vẫn có thể còn sống. Nhưng có thể là chỉ một mình Mikhailốp bị giét, lúc ấy mình sẽ kể cho mọi người biết chúng mình đi cạnh nhau như thế nào, anh ta bị giết và máu toé lên cả người mình. Không, quả đạn ở gần mình hơn, chắc là mình !"

Lúc ấy anh nhớ tới mười hai rúp anh còn nợ cua Mikhailốp ; anh cò nhớ thới một món nợ ở Pêterburg mà lẽ ra anh đã phải trả từ lâu. Điêu Di-gan anh hát lúc chiều chợt vẳng tới trong đầu anh. Người phụ nữ anh yêu hiện ra trong trí tưởng tượng của anh, với chiếc mũ có dải màu tím. Anh nhớ tới một người đã xúc phạm đến anh năm năm trước đây và anh chưa trả thù được sự xúc phạm đo. Gắn liền với những hồi ức đó và hàng nghìn

hồi ức khác là cảm giác về hiện tại - sự đợi chờ cái chết và nỗi khiếp sợ - không giây lát nào rời khỏi anh. "Có lẽ nó không nổ" - anh nghĩ bụng, và với một cố gắng tuyệt vọng anh muốn mở mắt ra. Nhưng vừa lúc ấy một ngọn lửa đỏ ập vào đôi mi mắt vẫn còn khép của anh, một cái gì đó với tiếng nổ đoàng khủng khiếp đập mành vào giữa ngực anh. Anh vùng chạy, vấp vào thanh kiếm dưới chân mình và ngã nghiêng người xuống.

"Ơn Chúa ! Mình chỉ bị dập thương thôi", - đó là ý nghĩ đầu tiên của anh và anh muốn đưa tay sờ lên ngực, nhưng hai bàn tay anh dường như bị trói chặt và có những gọng kìm nào đấy kẹp chặt lấy đầu anh. Binh lính thấp thoáng trước mắt anh và anh đếm họ một cách vô ý thức : "Một, hai, ba người lính, còn kia là một sĩ quan mặc áo choàng vén lên", - anh nghĩ. Sau đó một lằn chớp làm anh loá mắt và anh nghĩ không biết chúng nó bắn loại súng gì : trái phá hay đại bác ? Có lẽ đại bác. Kìa, chúng nó lại bắn, còn kia lại vẫn những người lính - năm, sáu, bảy người lính đang đi ngang qua. Anh bỗng thấy sợ bị họ xéo chết. Anh muốn kêu lên rằng anh bị dập thương, nhưng miệng khô cong đến nỗi lưỡi như bị dính vào vòm họng, cơn khát khủng khiếp giày vò anh. Anh cảm thấy ươn ướt ở gần ngực mình, cảm giác đó gợi

cho anh nhớ đến nước và thậm chí anh muốn uống ngay cái thứ nước ươn ướt trên ngực đó. "Chắc là mình bị giập toé máu khi ngã", - anh nghĩ và ngày càng bị ám ảnh bởi nỗi sợ bị những người lính đang tiếp tục thấp thoáng đi ngang anh xéo lên người, anh thu hết sức lực và muốn hét lên: "Nâng tôi lên với !" - nhưng thay vào tiếng kêu như vậy chỉ là tiếng rên khủng khiếp, đến nỗi anh đâm hoảng sợ khi nghe tiếng rên của chính mình. Sau đó những tia lửa đỏ gì đấy nhảy lướt trước mắt anh và anh tưởng như những người lính đang xếp đá lên người anh ; những tia lửa ngày càng nhảy nhót thưa hơn. Anh cố gắng để hất những hòn đá ra, rướn người lên và không còn nhìn, còn nghe, còn nghĩ và còn cảm thấy gì nữa. Anh đã bị giết tại chỗ vì một mảnh đạn bắn vào giữa ngực.

13

Khi trông thấy quả đạn trái phá, Mikhailốp ngã xuống đất và cũng nheo mắt lại, cũng hai lần mở mắt ra rồi nhắm mắt lại y như Praxkukhin. Anh đã nghĩ mông lung đến nhiều thứ và trải qua nhiều cảm xúc trong hai giây đó, khi quả đạn trái phá còn chưa nổ. Anh thầm cầu Chúa và cứ

nhắc đi nhắc lại : "Mọi việc sẽ do ý Chúa ! - đồng thời anh nghĩ, - tại sao mình lại nhập ngũ, và lại chuyển sang bộ binh để tham gia chiến dịch này ? Mình cứ ở lại trung đoàn khinh ly binh ở thị trấn T., giao du với cô bạn Natalia của mình có phải hơn không ?" Còn bây giờ cơ sự như thế này đây !" Và anh bắt đầu đếm: một, hai, ba, bốn, vừa đếm anh vừa đoán nếu như đạn trái phá nổ lúc anh đếm tới số chẵn thì anh sẽ sống, còn nếu nó nổ lúc anh đếm đến số lẻ thì anh sẽ bị giết. "Thế là hết ! Mình bị giết rồi !" - anh nghĩ khi quả đạn trái phá nổ (anh cũng không nhớ lúc ấy anh đếm tới số chẵn hay số lẻ nữa) và anh cảm thấy một đòn đánh xuống và cơn đau ghê gớm ở đầu. "Lạy Chúa, xin Chúa tha tội cho con !" - anh nói, hai tay chắp lại. Anh nhổm người dậy và ngã ngửa xuống, ngất đi.

Cảm giác đầu tiên khi anh tỉnh dậy là thấy máu chảy trong mũi và cơn đau ở đầu đã dịu đi nhiều . "Đó là linh hồn đang rời bỏ ta, - anh nghĩ, - ở đó sẽ ra sao ? Lạy Chúa ! Xin Người hãy đón nhận linh hồn con cho được thanh thản. Chỉ lạ một điều là, - anh phán đoán, - đang hấp hối, sao ta lại nghe rõ bước chân của binh lính và tiếng súng như thế".

- Ê, đưa cáng đến đây! Đại đội trưởng đã bị giết ! - có tiếng quất trên đầu anh, anh bất giác

nhận ra đó là giọng của người lính đánh trống Igơnachiép.

Có người túm lấy vai anh. Anh thử mở mắt ra và nhìn thấy trên đầu mình bầu trời thẫm xanh, các chòm sao và hai quả đạn trái phá đang bay, đuổi nhau ở trên trời, anh nhìn thấy Igơnachiép, những người lính khiêng cáng và vác súng, bờ luỹ trên giao thông hào và anh bỗng tin rằng anh còn chưa sang thế giới bên kia.

Một viên đá văng vào đầu làm anh bị thương nhẹ. Ấn tượng đầu tiên của anh tựa hồ như sự tiếc rẻ : anh đã chuẩn bị để bước sang nơi đó một cách chu đáo và bình thản, đến nỗi anh cảm thấy khó chịu khi phải quay trở lại với hiện thực, với bom đạn, hầm hào, với binh lính và máu me. Ấn tượng thứ hai của anh là niềm vui vô ý thức khi thấy mình còn sống. Ấn tượng thứ ba của anh là nỗi sợ hãi và ước mong rời khỏi pháo đài thật nhanh. Người lính đáng trống dùng khăn băng đầu cho viên chỉ huy của mình, rồi khoác tay anh dìu tới trạm cứu thương.

"Mình đi đâu và để làm gì nhỉ ? - thượng uý nghĩ khi đã lại hồn chút ít. - Nhiệm vụ của mình là ở lại cùng với đại đội chứ không phải là đi lên phía trước, hơn nữa đại đội cũng sắp ra khỏi nơi lửa đạn. - một giọng nói nào đó thì thầm với anh, -

mà bị thương vẫn ở lại trận địa nhất định sẽ được khen thưởng".

- Không cần, người anh em ạ, - anh nói, rút tay ra khỏi tay anh lính đánh trống tận tụy, người cũng đang chỉ mong ước được thoát khỏi đây thật nhanh, - tôi không đi đến trạm cứu thương đâu, tôi sẽ ở lại với đại đội.

Và anh quay trở lại.

- Tốt hơn hết là quan lớn phải được băng bó cho tử tế, - anh lính Igơnachiép rụt rè nói, - có khi thoạt đầu cứ tưởng không sao, nhưng sau lại sinh chuyện, với lại tình hình ở đây lại đang nóng bỏng thế này... thật thế, thưa quan lớn.

Mikhailốp lưỡng lự dừng lại một lát và hình như anh đã định nghe theo lời khuyên của Igơnachiép, nếu như không sực nhớ tới cảnh tượng hôm nọ anh đã nhìn thấy ở trạm cứu thương : một sĩ quan bị vết xước nhỏ ở tay đến để băng bó, các bác sĩ mỉm cười nhìn anh ta, thậm chí có một người râu quai nón còn bảo rằng anh ta không tài noà chết được vì cái vết thương đó đâu và chiếc dĩa đâm vào tay còn có thể đau hơn thế.

"Có thể là họ cũng sẽ mỉm cười ngờ vực nhìn vết thương của mình, và rồi sẽ còn nói gì đó nữa", - thượng uý nghĩ và kiên quyết quay trở lại với đại đội, mặc mọi lý lẽ do người lính đánh trống nêu lên.

- Thế sĩ quan tuỳ tùng Praxkukhin đi cùng với tôi đâu ? - anh lỏi viên chuẩn uý phụ trách đại đội khi họ gặp nhau.

- Tôi không biết, hình như chết rồi, - viên chuẩn uý miễn cưỡng trả lời. Chả là anh ta rất không hài lòng khi thấy thượng uý quay trở lại và do đó tước mất của anh ta cái thú được nói rằng mình là sĩ quan duy nhất ở lại với đại đội.

- Chết hay bị thương ? Sao anh lại không biết, vì anh ấy đi với chúng ta cơ mà. Và tại sao anh lại không chuyển anh ấy đi ?

- Chuyển sao được trong tình hình nóng bỏng này.

- Chà, Mikhain Ivanôvich, - Mikhailốp bực tức nói, - tại sao các anh lại bỏ mặc, nếu như anh ta còn sống ! Mà nếu anh ấy chết thì vẫn cứ phải thu lượm xác chứ, vì anh ấy là sĩ quan tuỳ tùng của tướng quân, và có thể là anh ấy còn sống.

- Còn sống đâu! Tôi đã nói với anh rồi cơ mà, tôi đã lại gần và nhìn rõ, - chuẩn uý nói, - xin anh thông cảm cho! Giá chuyển được hết quân ta thì còn gì bằng. Kìa, quân khốn kiếp, bây giờ chúng nó lại bắt đầu nã pháo,- anh ta vừa nói thêm vừa ngồi sụp xuống. Mikhailốp cũng ngồi xuống, và ôm lấy đầu do cử động mà nhức nhối kinh khủng.

- Không, nhất định phải đi tìm anh ấy : có

lẽ anh ấy còn sống, - Mikhailốp nói. - Đó là *bổn phận* của chúng ta, Mikhain Ivanôvích ạ !

Mikhain Ivanôvích không đáp.

"Nếu là một sĩ quan tốt thì lúc ấy hắn đã phải thu lượm xác anh ấy, bây giờ lại phải cử một số lính đi, mà cử đi như thế nào ? Giữa lửa đạn khủng khiếp này một số có thể bị chết vô ích", - Mikhailốp nghĩ.

- Này anh em ! Phải quay lại để thu lượm viên sĩ quan bị thương ở đó, trong chiến hào ấy, - anh nói không to và không kiên quyết lắm vì cảm thấy binh lính sẽ không thích thú khi phải thi hành mệnh lệnh đó, - và quả thật vì anh không nói riêng với một ai nên cũng chẳng ai bước ra để thực hiện mệnh lệnh của anh.

- Ông hạ sĩ ! Ra đây.

Viên hạ sĩ tựa hồ như không nghe thấy, vẫn tiếp tục đi trong vị trí của mình.

"Đúng là anh ấy đã chết rồi cũng nên và chả bõ công đẩy người của mình vào nơi nguy hiểm vô ích. Chỉ một mình mình có lỗi, vì mình đã không quan tâm. Chính mình sẽ quay lại xem anh ấy còn sống không. Đó là bổn phận của mình", - Mikhailốp tự nhủ. Anh nói :

- Mikhain Ivanôvích! Anh dẫn đại đội đi, rồi

tôi sẽ đuổi theo anh sau.- Nói đoạn, một tay anh nhặt áo choàng, tay kia không ngừng sờ chiếc ảnh thánh Nitơrôphani mà anh đặc biệt sùng bái. Anh chạy gần như bò trong giao thông hào và run lên vì sợ.

Sau khi tin chắc rằng người đồng đội của mình đã bị giết, Mikhailốp thở hổn hển, ngồi xuống và đưa tay giữ chỗ băng bị tuột, đỡ hấy mái đầu đang bắt đầu đau dữ dội, rồi lê bước quay trở lại. Khi Mikhailốp đuổi kịp, tiểu đoàn đã đóng lại dưới chân núi, gần như ngoài vòng lửa đạn. Tôi nói: *gần như* ở ngoài vòng lửa đạn, bởi vì đôi khi vẫn có quả đạn lạc rơi tới đấy (đêm hôm ấy một mảnh đạn lạc đã giết chết một đại uý đang ngồi trong căn hầm của thuỷ thủ).

"Tuy vậy mai mình cũng phải đến trạm cứu thương ghi tên, - thượng uý nghĩ khi một y sĩ tới băng bó cho anh, - làm thế dễ được đề nghị thăng thưởng".

14

Hàng trăm xác người đẫm máu vừa chết, chân tay cứng đờ nằm trong thung lũng đầy hoa đẫm sương ngăn cách pháo đài với giao thông hào và

trên nền bằng phẳng của giáo đường Tử sĩ ở Xêvaxtôpôn. Hai giờ trước đây họ còn là những người tràn đầy hy vọng và mong ước khác nhau, cao cả hoặc nhỏ nhặt. Hàng tram ngươi miệng khô cứng đang nguyền rủa hoặc cầu nguyện, họ bò đi, trở mình và rên rỉ, một số bò giữa các xác chết trên thung lũng đầy hoa, số khác được khênh trên cáng, đặt nằm trên giường hay trên sàn nhà bết máu của trạm cứu thương. Ấy thế nhưng, cũng như ngững ngày trước đó, chớp nguồn vẫn rực lên trên núi Xapun, những ngôi sao lấp lánh mờ đi, màn sương trắng từ biển cả rì rào tối thẫm déo vào, bình minh ửng hồng ở phương Đông, những đám mây dài màu đỏ bay tản mát ở phía chân trời màu xanh nhạt. Và cũng như những ngày trước đây, một nhôi sao rất đẹp, sáng lóng lánh mọc lên, hứa hẹn đem lại niềm vui, tình yêu và hạnh phúc cho cả thế giới đã hồi sinh.

15

Chiều hôm sau âm nhạc của trung đoàn thiện xạ lại cử trên đại lộ, các sĩ quan, học sinh sĩ quan, binh lính và những người đàn bà trẻ lại nhàn tản dạo chơi gần lầu hóng mát và dọc theo mé dưới những con đường, giữa hàng keo trắng nở hoa thơm ngát.

Kalughin, công tước Gantxin và một đại tá nào đó khoác tay nhau đi bên lầu hóng mát và nói chuyện về trận đánh hôm qua. Cái mạch chính xuyên suốt câu chuyện, như thường xảy ra trong các trường hợp tương tự, không phải là bản thân trận đánh mà là sự tham gia và tinh thần dũng cảm của người kể chuyện thể hiện trong trận đánh. Vẻ mặt và giọng nói của họ tỏ vẻ nghiêm chỉnh gần như buồn bã, tựa hồ những tổn thất ngày hôm qua đã khiến mỗi người trong bọn họ buồn rầu và xúc động mãnh liệt. Nhưng nói cho đúng, vì chẳng có ai trong bọn họ đã mất một người quá thân thiết (mà trong cuộc đời binh lính liệu có nhiều người quá than thiết không ?) cho nên cái vẻ buồn bã này chính là cái vẻ quan phương mà họ xem là mình có trách nhiệm phải thể hiện. Ngược lại, Kalughin và đại tá ngày nào cũng sẵn sàng để thấy một trận đánh như thế, chỉ cốt ngày nào họ cũng nhận được một thanh kiếm vàng hoặc chức thiếu tướng, mặc dầu họ là những người rốt tốt. Tôi thích nghe người ta gọi kẻ đi chinh phục nào đó, vì lòng háo danh của mình đã giết hàng triệu người, là một tên ác ôn. Bạn hãy hỏi chuẩn uý

Pêtơrussốp và thiếu uý Antônốp v.v.. để họ nói thực lòng mà xem, mỗi người trong bọn họ là một Napôlêông con, là một tên ác ôn nhỏ và ngay bây

giờ nó sẵn sàng gây cuộc binh đao, giết hàng trăm người chỉ cốt để được thăng lên một trật hoặc tăng thêm một phần ba số lương.

- Ồ không, xin lỗi , - đại ta nói, - trận đánh thoạt tiên nổ ra ở cánh trái. *Chính tôi đã ở đó* mà.

- Có lẽ đúng thế thật, - Kalughin đáp, - *tôi ở bên cánh phải nhiều hơn.*

Tôi đã tới đó hai lần, một lần đi tìm tướng quân và một lần đi xem xét chiến hào. Ở chỗ ấy mới ác liệt chứ.

- Chắc là Kalughin biết rõ, - công tước Gantxin nọi với viên đại tá, - anh biết không, hôm nay V. đã nói với *tôi* rằng anh là tay cừ lắm.

- Chỉ có điều tổn thất nhiều quá, tổn thất kinh khủng, - đại tá nói bằng cái giọng buồn bã quan phương, - *trung đoàn tôi có khoảng gần bốn trăm người bị loại ra người vòng chiến đấu. Tôi còn sống thoát được khỏi đó, kể cũng lạ.*

Vừa lúc đó Mikhailốp từ đầu đại lộ đằng kia tiến về phía họ. Khuôn mặt anh tím tái, chân dận đôi giày cũ nát và đầu quấn băng. Nhìn thấy họ, anh rất bối rối. Anh sực nhớ lại chiều hôm qua anh đã khuỵu người xuống tránh đạn trước mặt Kalughin và anh nghĩ chắc họ cho rằng mình giả vờ bị thương. Anh bối rối đến nỗi giá các ngài này không nhìn anh, thì có lẽ anh đã chạy xuống

phía dưới và đi về nhà, và sẽ chỉ ló mặt ra đường khi đã bỏ được băng.

- Il *fallait voir dans quel état je l'ai rencontré hier sous le feu* (*), - Kalughin mỉm cười nói khi gặp nhau.

- Thế nào thượng uý, bị thương hả ? - Kalughin mỉm cười nói, nụ cười hàm ý : "Thế nào hôm qua anh đã trông thấy tôi rồi phải không ? Tôi thế nào ?"

- Dạ, tôi chỉ bị sơ sơ thôi, vì mảnh đá, - Mikhailốp đáp, đỏ mặt lên, vẻ mặt anh như muốn nói : "Tôi đã thấy và phải thừa nhận rằng anh cừ lăm, còn tôi thì rất, rất tồi".

- *Est-ce que le pavillon est baissé déjà* (**)? - công tước Gantxin hỏi, vẫn giữ cái vẻ kiêu ngạo của mình, ông nhìn chiếc mũ của thượng uý Mikhailốp và không có ý hỏi riêng một người nào.

- *Non pas encore* (***), - Mikhailốp đáp, anh muốn tỏ ra rằng mình cũng biết nói tiêng Pháp.

- Cuộc ngừng bắn vẫn còn kéo dài ư ? - Gantxin nói bằng tiếng Nga, lễ độ hướng về phía anh và do đó, thượng uý tưởng ông có ý nói với anh rằng

---

* Giá thấy được hôm qua tôi đã gặp anh ấy trong một tình trạng như thế nào dưới lửa đạn (*tiếng Pháp*).

** Thế đã hạ cờ xuống rồi à ? (*tiếng Pháp*).

*** Chưa (*tiếng Pháp*).

anh nói tiếng Pháp còn khó nhọc lắm, cứ nói bằng tiếng Nga có phải tốt hơn không ?.. Và nói tới đó, các sĩ quan tuỳ tùng bèn rời bỏ anh.

Cũng như hôm qua, thượng uý cảm thấy vô cùng cô đơn. Anh cúi đầu chào nhiều người khác nhau, một số khác anh không dám lại gần. Anh ngồi gần đài kỷ niệm Kadarxki(23) và hút thuốc lá.

Nam tước Pextơ cũng tới đại lộ. Hắn kể rằng hắn đã tham gia vào cuộc điều đình ngừng bắn và nói chuyện với các sĩ quan Pháp. Chừng như một sĩ quan Pháp đã nói với hắn: "*S'il n'avait pas fait clair encore pendant une demi-heure, les embuscades auraient été reprises*" (*), và hắn đã trả lời : "*Monsieur ! Je ne dit pas non, pour ne pas vous donner un démenti*"(**), và hắn kể hắn đã nói năng hoạt bát như thế nào v.v...

Thực ra tuy có mặt trong cuộc thương lượng ngừng bắn, hắn đã chẳng kịp nói điều gì thật khôn ngoan cả, mặc dầu hắn hết sức mong muốn trò chuyện với quân Pháp (bởi vì nói chuyện với quân Pháp hết sức vui). Học sinh sĩ quan, nam tước Pextơ đã đi lại rất lâu dọc trên tuyến và luôn miệng

---

* Nếu trời tối thêm độ nửa tiếng nữa thì các chiến hào đã bị chiếm thêm lần nữa (*tiếng Pháp*).
** Thưa tôn ông, tôi không nói rằng không phải thế, chỉ để khỏi mâu thuẫn với lời ông nói thôi (*tiếng Pháp*).

hỏi những tên Pháp đứng ở gần hắn: "*De quel régiment êtes-vous ?*"(*) Bọn chúng trả lời hắn - và chỉ có thế thôi. Khi hắn vượt qua trận tuyến quá xa, một tên lính canh Pháp không ngờ rằng hắn biết tiếng Pháp nên đã chửi rủa hắn : "*Il vient regarder nos travaux ce sacré c...*"(**) Tiếp đó, chẳng thấy hứng thú gì trong cuộc ngừng bắn này, học sinh sĩ quan, nam tước Pextơ đi về nhà và dọc đường hắn đã bịa ra những câu tiếng Pháp để bây giờ đem ra kể. Trên đại lộ còn có đại uý Dobốp ăn nói oang oang, đại uý Ốpgiôgốp vẻ lôi thôi lôc thốc, một đại uý pháo binh chẳng xun xoe với ai, một học sinh sĩ quan may mắn trong tình duyên và cũng vẫn những nhân vật chiều qua với vẫn những dục vọng muôn đời của giả dối, huênh hoang và nông nổi đó. Chỉ thiếu có Praxkukhin, Nepherđốp và vài người nữa mà giờ đây vị tất đã có ai nghĩ và nhớ tới khi thi hài họ không kịp được rửa ráy, đã được thu lượm và vùi xuống dưới đất, rồi một tháng sau cha mẹ, vợ con họ cũng sẽ quên họ như thế, nếu như trước đây những người ấy đã chưa từng quên họ.

- Thế mà tí nữa thì tôi không nhận ra bác lính già này, - người lính đi thu nhặt các xác chết

---

* Các anh thuộc trung đoàn nào ? *(tiếng Pháp)*
** Thằng này đến ngó nghiêng công sự của ta đây, đồ khốn kiếp... *(tiếng Pháp)*.

nói, anh dùng vai khiêng một xác chết bị thủng ngực, đầu sưng phồng to tướng, mặt đã đen xạm bóng nhẫy, tròng mắt trợn ngược, - này Môrơdơka, đỡ lấy sống lưng kẻo xác chết gẫy đôi ra bây giờ. Khiếp, hôi quá !

" Khiếp, hôi quá !" - đó là tất cả những gì mà con người này còn để lại giữa những con người...

16

Trên pháo đài của ta và trên giao thông hào của quân Pháp cắm những lá cờ trắng, giữa pháo đài và giao thông hào là một thung lũng nở hoa trên đó có những xác chết què cụt, mặc quần áo màu xám hoặc xanh, chân không giày, nằm thành từng đống. Những người phu đi thu lượm các xác chết đó và dùng xe chở đi. Mùi xác chết nặng nề khủng khiếp tràn ngập không trung. Từ Xêvaxtôpôn và từ doanh trại của quân Pháp, những dòng người lũ lượt kéo nhau lên xem cảnh tượng đó và với thiện ý, họ háo hức lao tới với nhau.

Ta hãy xem những người này nói gì với nhau.

Một tốp quân Nga và quân Pháp đứng xúm lại gần một sĩ quan trẻ tuổi, nói tiếng Pháp tuy

tôi nhưng cũng đủ để người ta hiểu, khi xem cái túi của quân cận vệ.

- *Ê-xe-xi puốc-qua oa-dô i-xi*(*) ? - anh hỏi.

- *Parce que c'est une giberne d'un regime de la garde, monsieur, qui porte l'aigle imperial*(**).

- *Êvuđơ la gác-đơ*(***) ?

- *Pardon, monsieur, du sixieme de ligne*(****).

- *Ê xe -xi u a-stê*(*****) *? - viên sĩ quan hỏi, tay chỉ vào một cái* bót *gỗ màu vàng mà quân Pháp dũng để cắm điếu thuốc vào hút.*

- *A Balaclave, monsieur ! C'est tout simple - en bois de palme*(******).

- *Giô-li*(*******) *!* - viên sĩ quan nói, anh ta bị những từ ngữ tiếng Pháp mà anh ta biết chi phối nhiều hơn là ý riêng của mình.

- *Si vous voulez bien garder cela comme souvenir de cette rencontre, vous m'obligerez*(********).

---

* *Thế cai này, tại sao lại có con chim ở chỗ này? (tiếng Pháp bồi).*

** *Vì đây la cái túi của lính thuộc trung đoàn cận vệ, thưa ông, huy hiệu của trung đoàn này vẽ hình con phượng hoàng, tượng trưng cho hoàng gia (tiếng Pháp).*

*** *Thế ông cũng thuộc quân cận vệ à ? (tiếng Pháp bồi).*

**** *Xin lỗi, thưa ông, tôi thuộc binh đoàn thứ sáu (tiếng Pháp).*

***** *Thế còn cái này mua ở đâu ? (tiếng Pháp bồi).*

****** *Ở Balaklava, thưa ông ! Đơn giản thôi, bằng gỗ cọ ấy mà (tiếng Pháp).*

******* *Đẹp đấy ! (tiếng Pháp bồi)*

******** *Nếu ông muốn giữ cái bót đó để làm vật kỷ niệm cuộc gặp gỡ này thì chúng tôi rất vui lòng (tiếng Pháp).*

Và người Pháp lịch sự thổi bỏ mẩu thuốc lá ra khỏi bót, rồi khẽ nghiêng mình trao cho viên sĩ quan Nga. Viên sĩ quan này trao chiếc bót của mình cho người Pháp và tất cả những người có mặt ở đó, Pháp cũng như Nga đều mỉm cười và tỏ ra rất hài lòng.

Một anh lính bộ binh nhanh nhẩu, mặc áo sơ mi màu hồng, vai khoác áo choàng, tiến lại phía người Pháp để xin hắn lửa hút thuốc, những người lính khác đi theo, tay chắp sau lưng, nét mặt tò mò, vui vẻ đứng sau anh ta. Tên Pháp nhen lửa, lắc cái tẩu, rồi đưa lửa cho anh lính Nga.

- Thuốc lá *bồng*(*) đấy nhỉ, - anh lính mặc áo sơ mi hồng nói và mọi người đứng xem mỉm cười.

- *Oui, bon tabac,tabac turc, tên Pháp nói, - et chez vous tabac russe? bon* (**) *?*

- *Rux bồng* (***), - người lính mặc áo sơ mi hồng nói, những người đứng xem cười đau cả ruột. - *Phrăng-xe không bồng, bông-dua,me-xừ* (****),- anh lính mặc áo sơ mi hồng nói, xổ ngay tất cả cái vốn tiếng Pháp của mình ra, rồi anh vỗ vào

---

* Thuốc lá ngon đấy nhỉ (*tiếng Pháp bồi*)

** Phải thuốc lá ngon, thuốc Thổ Nhĩ kỳ đấy, thế thuốc lá Nga của các anh thế nào ? Ngon chứ ? (*tiếng Phap*)

*** Thuốc lá Nga ngon (*tiếng Pháp bồi*)

**** Thuốc lá Pháp không tốt, chào ông (*tiếng Phap*)

bụng tên Pháp và cười ngất. Quan Pháp cũng cười khanh khách.

- *Il ne sont pas jolis ces bêtes de russes* (*) - một tên trong đám lính Duayơ[24] Pháp nói.

- *De quoi de ce qu'ils rient donc ?* (**) - một tên khác tóc đen, tiến về phía quân ta nói bằng cái giọng của người Ý.

- *Ka-phơ-tan bồng* (***), - anh lính nhanh nhẩu vừa nói vừa nhìn những nẹp áo của người lính Duavơ và họ lại cười vang.

- *Ne sortez pas de la ligne, à vos places, sacré nom...* (****) - tên cai Pháp quát lên và lính pháp tản ra, vẻ không hài lòng rõ rệt.

Một sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi của chúng ta cũng đang xổ ra thứ tiếng lóng Pháp kiểu thợ cạo giữa một nhóm sĩ quan Pháp. Một sĩ quan đeo có một bên gnù vai đang nói về bá tước Xadônốp nào đó - *comte Sazonoff, que j'ai beaucoup connu, monsieur, c'est un de ces vrais comte russes, comme nous les aimons* (*****).

---

* Lũ súc sinh Nga này chẳng đẹp nhỉ *(tiếng Pháp)*

** *Chúng nó cười gì thế hả ? (tiếng Pháp)*

*** *Áo choàng tốt (tiếng Pháp bồi)*

**** Không được vượt ra khỏi trận tuyến, về chỗ, đồ khốn *(tiếng Pháp)*.

***** Tôi biết rõ bá tước lắm, thưa ông. Đúng là một trong những bá tước Nga chính cống mà chúng ta yêu mến.*(tiếng Pháp)*

- *Il y a un Sazonoff que j'ai connu,* - viên sĩ quan ky binh nói, - *il n'est pas comte, a moins que je sache, un petit brun de votre âge à peu près* (*).

- *C'est ça, monsieur, c'est lui.Oh, que je voudrais le voir ce cher comte. Si vous le voyez , je vouspris bien de lui faire mes compliments. Capitaine Latour*(**), - hắn vừa nói vừa nghiêng mình chào.

- *N'est ce pas terrible la triste besogne, que nous faisons ? Ça chauffait cette nuit, n'est-ce pas?*(***) - viên sĩ quan ky binh nói, tay chỉ vào các xác chết, anh ta muốn tiếp tục câu chuyện.

- *Oh, monsieur, c'est affreux ! Mais quels gaillards vos soldats, quels gaillards! C'est un plaisir que de se battre contre des gaillards comme eux*(****).

- *Il faut avouer que les vôtres ne se mouchent pas du pied non plus*(*****), - viên sĩ quan ky binh

---

* Tôi cũng có biết một ông Xadônốp, nhưng ông ấy không phải là bá tước, theo như tôi biết, đó là một người nhỏ bé, tóc nâu, trạc tuổi ông (*tiếng Pháp*).

** Đúng rồi, thưa ông, chính ông ấy đấy. Chà, tôi những mong được gặp vị bá tước quý hoá đó. Nếu ông gặp, xin ông chuyển giùm tới ông ấy lời thăm hỏi của tôi, đại uý Latur (*tiếng Pháp*).

*** Công việc đáng buồn mà chúng ta làm chả khủng khiếp lắm sao? Đêm qua ác liệt quá, đúng thế không ? (*tiếng Pháp*).

**** Ồ, khủng khiếp thật ông ! nhưng lính của các ông cừ thật, những tay cừ lắm ! Được đánh nhau với những tay cừ như họ kể cũng thích (*tiếng Pháp*)

***** Phải thừa nhận rằng lính của các ông cũng không phải những tay xoàng (*tiếng Pháp*)

nói, nghiêng mình thi lễ và tưởng rằng mình rất có duyên. Nhưng thôi, tường thuật thế là đủ.

Tốt hơn hết các bạn hãy ngắm nhìn chú bé lên mười, đội chiếc mũ cũ, có lẽ là mũ của ông bố, đôi chân trần xỏ vào đôi giày to tướng và mặc quần vải bông chỉ còn mỗi một bên dây đeo. Từ lúc đầu ngừng bắn, chú đã leo ra ngoài chiến luỹ và đi lại trong thung lũng với vẻ tò mò đờ đẫn, chú ngó nhìn quân Pháp và các xác chết nằm trên mặt đất, rồi hái những bông hoa dại màu xanh mọc rải rác trên cái thung lũng khốc liệt này. Quay trở lại với một bó hoa to, chú bịt mũi lại vì cái mùi do gió thổi tới. Chú dừng lại trước một đống xác chết mà người ta đã thu lượm lại và ngó mãi một xác chết khủng khiếp, cụt đầu, nằm gần chú. Đứng đó hồi lâu, chú nhích lại gần và đưa chân chạm vào cánh tay xác chết duỗi ra đã cứng đờ. Cánh tay hơi lúc lắc, chú lấy chân đẩy nó lần nữa, mạnh hơn. Cánh tay lại lúc lắc , rồi nằm nguyên tại chỗ. Chú bé chợt kêu thét lên, áp mặt vào bó hoa và ba chân bốn cẳng chạy vút về thành luỹ.

Phải, trên pháo đài và giao thông hào có những ngọn cờ trắng, thung lũng nở hoa đầy xác chết hôi hám, mặt trời đẹp đẽ lặn trên biển xanh lam

và mặt biển xanh lam cuộn sóng, lấp lánh dưới những tia nắng vàng. Hàng nghìn con người tụ tập, nhìn ngó, nói chuyện và mỉm cười với nhau. Và những con người đó, những người theo đạo Thiên chúa đã từng truyền bá đạo luật vĩ đại của tình thương yêu và sự hy sinh, những con người đó nhìn việc họ đã làm, và chẳng lẽ họ sẽ không bất chợt hối hận quỳ sụp xuống trước Đấng đã trao cho họ cuộc sống và đặt vào lòng mỗi người lòng yêu điều thiện và cái đẹp cùng với nỗi sợ chết, và chẳng lẽ họ sẽ không ôm hôn nhau như anh em, mắt ứa lệ vì sung sướng và hạnh phúc hay sao? Không! Những mảnh giẻ trắng lại được cất đi, và những cỗ súng lại rít lên reo rắc cái chết và đau khổ, dòng máu vô tội lại đổ và lại vang lên những tiếng rên la và nguyền rủa.

Tôi đã nói tất cả những gì tôi muốn nói lần này. Nhưng sự suy tư đè nặng lên tôi. Có lẽ không nên nói ra điều đó. Có lẽ điều tôi nói là một trong những chân lý tai ác đã bị vùi sâu một cách vô ý thức trong lòng mỗi người, không nên phơi bày nó ra để khỏi gây ra tác hại, cũng như không nên khuấy cặn rượu vang lâu năm lên để khỏi làm hỏng rượu.

Đâu là biểu hiện của điều ác cần phải tránh? Đâu là biểu hiện của điều thiện cần phải noi theo

trong chuyện này ? Ai là kẻ hung bạo, ai là người anh hùng của chuyện ? Tất cả đều tốt và tất cả đều tồi.

Cả Kalughin với tinh thần dũng cảm xuất sắc của mình (*bravoure de gentilhome*)(*), với thói háo danh, động cơ của mọi hành vi, cả Praxkukhin con người trống rỗng, vô hại, tuy đã ngã xuống *nơi chiến trường vì tín ngưỡng, ngai vàng và tổ quốc*, cả Mikhailốp cùng với sự rụt rè và cái nhìn thiển cận của mình, cả Pextơ, đứa bé không có những qui tắc xử thế và những niềm tin vững chắc, tất cả bọn họ đều không thể là những kẻ hung bạo hay những anh hùng trong truyện này.

Nhân vật chính trong truyện của tôi, nhận vật mà tôi yêu mến với tất cả sức mạnh tâm hồn, cố gắng dựng lại trong tất cả vẻ đẹp của nó nhân vật luôn luôn đã đẹp, đang đẹp và sẽ đẹp - nhân vật đó là sự thật.

Ngày 26 tháng Sáu năm 1855

---

* Tinh thần dũng cảm của người quý tộc (*tiếng Pháp*).

XÊVAXTÔPÔN THÁNG TÁM NĂM 1855

1

Vào cuối tháng Tám một cỗ xe ngựa của sĩ quan dóng dả bon đi trên con đường lớn chạy ven các hẻm núi ở Xêvaxtôpôn, giữa Đuvankôi và Bakhtsixarai(25) trong đám bụi mù oi bức (đây là loại xe ngựa đặc biệt không có ở đâu cả, nửa giống như loại xe brit-ska của dân Do Thái, nửa giống như loại xe ngựa vận tải của Nga).

Ngồi xổm phía đằng trước xe là một người cần vụ cầm dây cương, mặc áo đuôi én bằng dạ thô và đội chiếc mũ sĩ quan đã hoàn toàn nhàu nát. Một sĩ quan bộ binh mặc áo choàng mùa hè ngồi ở phía sau, trên những túi và bọc vải tầm thường dùng để che lưng ngựa. Nhìn dáng ngồi của anh ta có thể cho rằng viên sĩ quan này không cao lớn nhưng rất to ngang, ngực dày nhiều hơn là vai rộng ; vốn to nang và chắc nịch, cổ và gáy anh ta mập và mềm dẻo.

Anh ta không có cái mà người ta gọi là eo lưng, nghĩa là quãng giữa cơ thể, ngay đến bụng cũng chẳng có ; ngược lại anh gầy thì đúng hơn, đặc biệt là khuôn mặt phủ một lớp da rám vàng bệnh hoạn. Khuôn mặt anh lẽ ra đẹp nếu nó không xị ra và những nếp nhăn sâu và mềm, không phải

của tuổi già, hợp lại với nhau, làm cho các đường nét hằn rõ và khiến cho cả khuôn mặt có cái vẻ khô khan, thô lỗ. Cặp mắt anh không to, màu nâu hết sức linh hoạt, thậm chí táo tợn ; ria mép rất rậm nhưng mảnh và bị nhấm nham nhở. Còn cằm và đặc biệt là gò má phủ đầy râu đen, rậm, rất cứng, đã hai ngày không cạo. Viên sĩ quan này bị thương vào ngày mùng mười tháng Năm do một mảnh đạn bắn vào đầu, bởi vậy cho đến nay đầu anh vẫn còn mang băng. Giờ đây, sau một tuần, cảm thấy đã hoàn toàn khoẻ mạnh, anh rời quan y viện ở Ximphêrôpôn[25] lên đường trở lại trung đoàn. Trung đoàn anh đang đóng ở đâu đó, nơi có tiếng súng, nhưng nó ở ngay Xêvaxtôpôn, ở mạn Bắc hay ở Inkerman thì anh chưa hỏi được ai cho thật rõ ràng. Đã nghe rõ tiếng súng đặc biệt là khi không bị khuất núi, lúc thuận chiều gió thì tiếng súng nghe càng rõ, dồn dập và tưởng như gần đâu đây. Khi nghe tiếng nổ tựa hồ làm rung chuyển không trung, bất giác khiến người ta giật mình, khi thì những tiếng súng yếu hơn nhanh chóng kế tiếp nhau gõ trống, đôi khi bị át đi bởi tiếng nổ ầm ầm lạ tai, khi thì tất cả hoà hợp lại thành tiếng nổ rền giống như tiếng sấm lúc cơn dông mạnh nhất và trời bắt đầu mưa rào. Mọi người đều nói và cứ nghe cũng biết là trận pháo kích rất dữ dội. Viên sĩ quan càng giục giã người

cần vụ ; hình như anh muốn đến nơi càng nhanh càng tốt. Đi ngược chiều với anh là một chiếc xe tải lớn của nông dân Nga chở thực phẩm vào Xêva-xôpôn, bây giờ đi từ đó ra, chở đầy ắp thương và bệnh binh mặc áo choàng màu xám, các thuỷ thủ mặc áo ca-pốt đen, những người lính tình nguyện Hy Lạp đội mũ chóp đỏ và các bác dân binh râu rậm. Xe của viên sĩ quan phải dừng lại, anh ta nheo mắt và nhăn mặt vì đám bụi dày đặc, bốc lên trên mặt đường như một đám mây im lìm, ập vào mắt, vào tai và dính chặt vào khuôn mặt đẫm mồ hôi của anh. Anh dửng dưng bực bội nhìn khuôn mặt các thương binh, bệnh binh đang lướt qua.

- Chú lính ốm yếu kia thuộc đại đội của chúng ta đấy, - người cần vụ nói, quay về phía ông chủ của mình và chỉ tay vào chiếc xe tải đầy ắp thương binh đi ngang qua họ lúc đó.

Một bác nông dân Nga râu rậm ngồi nghiêng ở phía đằng trước xe tải, đầu đội mũ bằng da cừu, khuỷu tay đỡ cán chiếc roi ngựa và đã buộc chiếc roi đó lại. Trên xe, phía sau bác có độ dăm người lính ngồi theo những tư thế khác nhau, xe xóc nảy cả người. Một người cẳng tay phải buộc dây đeo lên, chiếc áo choàng khoác trên chiếc sơ-mi bẩn thỉu, tuy xanh xao và gầy guộc, anh tươi tỉnh ngồi ở giữa xe ; khi trông thấy viên sĩ quan, anh

định giơ tay lên mũ chào, nhưng sau chắc nhớ ra rằng mình bị thương cho nên anh làm ra bộ như chỉ muốn gãi đầu. Một người khác bên cạnh anh ta nằm ngay trên sàn xe, chỉ nhìn rõ đôi bàn tay khẳng khiu của anh ta bám vào thành xe và nhô đầu gối lên, bị lúc lắc tứ chi như những tấm vỏ cây. Người thứ ba mặt bị sưng và đầu quấn băng, chiếc mũ lính nhô lên phía trên đám bông băng. Anh ngồi ở một bên, chân bỏ thõng xuống phía bánh xe và tì tay lên đầu gối, hình như đang thiu thiu ngủ. Viên sĩ quan trên đường nhằm vào chính anh này.

- Đôngiơnikốp ! - anh gọi to.

- Co-ó tôi, - anh lính đáp, mở mắt và ngả mũ. Anh nói bằng giọng rất trầm và ngắt quãng, nghe cứ tưởng có đến hai chục người cùng kêu lên một lúc.

- Cậu bị thương khi nào thế, người anh em?

Đôi mắt ánh thiếc sưng húp của người lính bỗng linh hoạt lên: hình như anh ta đã nhận ra viên sĩ quan của mình.

- Xin chúc mừng quan lớn ! - anh ta vẫn kêu bằng giọng trầm và nhát gừng như vậy.

- Trung đoàn ta hiện nay ở đâu ?

- Ở Xêvaxtôpôn. Bẩm quan lớn người ta muốn chuyển ta đi vào bên trong.

- Chuyển đi đâu ?

- Không rõ... chắc là chuyển đến mạn Bắc, thưa quan lớn. Hiện nay, thưa quan lớn, - anh đội mũ vào và nói thêm bằng giọng kéo dài, - chúng nó bắn liên miên, phần nhiều là nã pháo, đạn pháo thường rơi xuống vụng biển. Lúc nãy chúng nó giã mạnh khiếp lắm...

Tiếp đó không còn nghe rõ anh lính nói gì, nhưng qua vẻ mặt và điệu bộ của anh, có thể thấy rõ là với sự bực bội của một người đang đau đớn, anh đã nói về những chuyện chẳng hay ho gì.

Viên sĩ quan đang đi trên đường, trung uý Kôden-txốp, là một viên sĩ quan xuất chúng. Anh không thuộc hạng người sống theo kiểu này, làm việc này hay không làm việc kia bởi vì những người khác sống và làm như thế. Anh làm tất cả những điều anh muốn, còn những người khác cũng làm như vậy, và họ tin chắc rằng như thế là tốt. Anh là một con người khá tài hoa: không ngốc nghếch và đồng thời lại có tài hát hay, biết chơi đàn ghi-ta, nói năng lại rất hoạt bát, thảo công văn, giấy tờ rất thạo, món này anh làm dễ như trở bàn tay, vì anh đã từng là sĩ quan phụ tá của trung đoàn. Nhưng điều đặc biệt hơn cả trong bản tính của anh là sức mạnh của lòng tự ái và mặc dù lòng tự ái này chủ yếu dựa trên những tài vặt của anh,

nhưng tự bản thân nó lại là một đặc điểm nổi bật và đáng ngạc nhiên. Nó là một trong những kiểu tự ái đã đạt tới mức hoà hợp thành nếp sống và nó thường hay phát triển hơn cả trong một số nhóm nam giới và đặc biệt là trong các quân nhân. Nó khiến người ta không tìm được cách lựa chọn nào khác, hoặc là phải hơn người hoặc là tự thủ tiêu. Lòng tự ái này đã trở thành một động lực thúc đẩy mọi xung động nội tâm của anh: ngay trong thâm tâm mình, anh cũng thích được hơn người khi so sánh mình với những người khác.

- Hẳn rồi! Mình sẽ chả thèm nghe cái thằng *Mátxcơva* ấy ba hoa(*) ! - viên trung uý lẩm bẩm. Nhìn cảnh tượng chiếc xe tải chở thương binh và nghe người lính nói, anh cảm thấy lòng mình nặng trĩu một cảm giác khó chịu và những ý nghĩ rối bời, và trận pháo kích bất chợt rộ lên như để khẳng định thêm ý nghĩa những lời nói của người lính. - *Cái thằng cha Matxcơva này buồn cười thật*... Lên đường thôi, Nhikôlaép... Thế nào, ngủ gật à ? - anh vừa hơi càu nhàu, nói thêm với người cần vụ, vừa sửa lại tà áo choàng.

Nhikôláep tặc lưỡi, kéo dây cương và chiếc xe đi nước kiệu.

---

* Trong nhiều trung đoàn bộ binh, các sĩ quan thường gọi nửa khinh miệt nửa âu yếm các binh sĩ của mình là *Mátxcơva* hoặc là *lời thề* (*chú thích của tác giả*).

- Chỉ cho ngựa ăn thật nhanh, rồi ta lại lên đường đi tiếp ngay, - viên sĩ quan nói.

2

Vào đêm phố ở Đuvankôi ngổn ngang gạch ngói do các bức tường của những ngôi nhà Tatarơ đổ sập, trung uý Kôdentxốp lại bị chặn lại bởi các xe chuyên chở bom đạn trên đường vào Xêvaxtôpôn ùn lại ở ngang đường.

Hai người lính bộ binh ngồi ngay giữa bụi mù, trên mấy tảng đá cạnh hàng rào đổ nát ở ven đường và ăn bánh mì với dưa hấu.

- Còn đi xa không, anh bạn đồng hương ? - một anh vừa nhai bánh mì vừa nói với người lính khoác chiếc túi nhỏ trên vai dừng bước gần chỗ họ.

- Chúng tôi từ tỉnh ly đến, bây giờ tới chỗ đại đội, - người lính đáp, tránh nhìn quả dưa và sửa lại chiếc túi ở sau lưng. - Chúng tôi nằm khoèo ở nhà đã ba tuần lễ rồi, bây giờ, anh thấy đấy, họ gọi đi cả, nhưng chả biết lúc này trung đoàn đang ở đâu. Người ta bảo tuần trước đơn vị tôi ở Kôrabenaia(27). Các anh có nghe nói không ?

- Nó đóng ở thành phố, người anh em ạ, ở trong

thành phố ấy, - một người lính vận tải già nói chen vào. Bác đang thích thú dùng con dao díp để khoét quả dưa hấu còn xanh, trắng bệch. - Buổi trưa bọn tôi vừa ở đấy đi ra. Gay lắm, người anh em ạ, giá đừng đến đấy thì hay hơn, kiếm cái nhà nào ở đâu đây nằm vài ngày thì thật tuyệt.

- Sao lại thế hở bác ?

- Ơ, thế các anh không nghe chúng nó hiện đang bắn tứ tung đấy à, có chỗ nào nguyên vẹn đâu. Nó diệt anh em mình kinh lắm ! - Bác lính khoát tay và sửa lại mũ.

Người lính đi đường trầm ngâm lắc đầu, tặc lưỡi, sau đó rút ống điếu ở ủng ra, không nhồi tẩu thuốc, dùng tay ngoáy tàn thuốc, xin một mồi lửa của người lính đang hút thuốc, rồi khẽ nhấc mũ lên.

- Ý Chúa muốn thế, các bác ạ ! Thôi tôi xin phép các bác, - anh nói, đoạn hất cái túi ra sau lưng, rồi lên đường.

- Này, anh cứ đợi chả tốt hơn à ! - bác lính đang khoét quả dưa nói dài giọng một cách chắc chắn.

- Đằng nào cũng thế thôi, - người lính đi đường lẩm bẩm, anh lách đi giữa các bánh xe của những chiếc xe tải đậu ngổn ngang, - mình cũng phải mua quả dưa hấu để ăn chiều mới được, đấy nghe họ nói thế đấy.

3

Khi Kôdentxốp đến, trạm xe đã đầy người. Nhân vật đầu tiên anh gặp trên bậc thềm là viên trưởng trạm, một người còn rất trẻ, hốc hác, đang cãi nhau với hai sĩ quan theo sau anh ta.

- Không phải là ba ngày đêm mà đến chục ngày đêm các ông cũng phải chờ! Ngay các vị tướng cũng đang chờ đấy, các ông ạ ! - viên trưởng trạm nói có ý châm chọc các sĩ quan, - mà tôi cũng chẳng thắng ngựa cho các ông đâu.

- Nếu đã không có thì đừng cấp ngựa cho ai cả !.. Thế tại sao lại cấp ngựa cho người lính hầu lủng củng những đồ đạc kia ? - người nhiều tuổi hơn trong hai sĩ quan đó cầm chén nước chè quát lên. Tuy nói trống không, nhưng ông ta cũng để cho thấy mình rất dễ dàng gọi trưởng trạm là "mày".

- Ông trưởng trạm, ông thử xét xem, - viên sĩ quan kia, còn trẻ măng, ngập ngừng nói, - chúng tôi cần đi có phải là để chơi đâu. Bởi vì nếu như người ta đã yêu cầu chúng tôi tới, thì tức là chúng tôi cũng cần thiết. Ông không giải quyết, nhất định tôi sẽ báo cáo với tướng Kramperơ, đúng thế đấy. Mà, mà... ông, nghĩa là ông không tôn trọng các sĩ quan.

- Anh đến là hay làm hỏng việc ! - viên sĩ quan

lớn tuổi bực bội ngắt lời anh. - Anh chỉ cản trở tôi thôi, phải biết cách nói chuyện với họ chứ. Hắn đã không tôn trọng mình cơ mà. Đưa ngựa ngay đây, tôi nói cho anh biết thế !

- Rất vui lòng thôi, thưa ông, nhưng mà đào đâu ra ngựa ?

Im lặng một lát, ông trưởng trạm bỗng nổi nóng lên, huơ tay, nói tiếp :

- Bản thân tôi hiểu cả và biết cả đấy ông ạ. Thế các ông định làm gì nào ! Chỉ cần các ông cho tôi (trên mặt các sĩ quan ánh lên niềm hy vọng...) sống được đến cuối tháng... là tôi sẽ không còn ở đây nữa. Thà tôi đi đến đồi Malakhốp[28] còn hơn ở lại đây. Thực vậy. Lệnh đã ban ra như thế, người ta cứ việc muốn làm gì thì làm : hiện nay trong cả trạm chả còn một chiếc xe nào vững chãi và đã ba hôm nay ngựa không được nhìn thấy lấy một ngọn cỏ khô.

Nói đoạn viên trưởng trạm biến mất vào sau cổng.

Kôdentxốp cùng với các sĩ quan bước vào phòng đợi.

Viên sĩ quan lớn tuổi nói rất bình thản với viên sĩ quan trẻ hơn, người trước đó dường như làm cho anh phát cáu :

- Thế là chúng mình đã đi được ba tháng rồi,

mà vẫn còn phải chờ đợi. Chả sao đâu, ta còn kịp chán.

Trong căn phòng bẩn thỉu khói um, đầy các sĩ quan và va-li, đến nỗi Kôdentxốp khó khăn lắm mới tìm được một chỗ ngồi trên cửa sổ. Anh vừa cuốn thuốc lá vừa nhìn chằm chặp vào mặt và lắng nghe họ trò chuyện. Nhóm đông nhất ngồi quanh chiếc bàn khập khiễng nhờn mỡ kê ở mé bên phải cửa ra vào. Trên bàn có hai chiếc ấm xa-mô-va đã loáng thoáng gỉ xanh và đường được đựng trong những mảnh giấy đủ loại. Một sĩ quan trẻ tuổi không để ria mép, mặc chiếc áo khoác ngắn ar-kha-lúk mới, chắc là cắt lại từ một chiếc áo choàng phụ nữ, rót nước ra ấm trà. Bốn sĩ quan khác, cũng trẻ như thế, ngồi ở những góc phòng khác nhau : một người trong bọn họ gối đầu trên một áo choàng rộng, nằm ngủ trên đi-văng; một người khác đứng cạnh bàn, cắt thịt cừu rán đưa cho viên sĩ quan cụt tay ngồi đó. Hai sĩ quan khác ngồi ở gần bệ lò sưởi, một người mặc áo choàng sĩ quan tuỳ tùng, người kia mặc áo choàng bộ binh, nhưng bằng vải mỏng, đen, chiếc xắc vắt qua vai. Cứ ngắm cái cung cách họ nhìn người khác và lối hút thuốc lá của viên sĩ quan đeo xắc cũng thấy được rằng họ không phải là những sĩ quan bộ binh ngoài mặt trận, và họ lấy thế làm đắc ý. Chẳng phải là trong cung cách của họ lộ rõ vẻ khinh khỉnh mà là vẻ bình thản tự đắc, một

phần dựa trên tiền bạc, một phần dựa trên quan hệ gần gũi với các vị tướng, - đó là cái ý thức về ưu thế đạt tới mức họ muốn che giấu nó đi. Trong phòng còn có một bác sĩ trẻ, môi dày và một sĩ quan pháo binh bộ dạng giống người Đức, ngồi gần như quan sát chân của viên sĩ quan trẻ đang ngủ trên đi-văng, họ đang đếm tiền. Bốn người cần vụ, một số ngủ gà ngủ gật, một số loay hoay với những chiếc va-li và nhưng bọc hành lý ở gần cửa ra vào. Kôdenxtốp không tìm thấy một người quen nào trong các nhân vật này, nhưng anh vẫn tò mò lắng nghe câu chuyện của họ. Cứ nhìn nét mặt anh cũng biết ngay các sĩ quan trẻ này vừa mới ra trường[29]. Anh thích họ và cái chính là họ làm cho anh nhớ tới em trai mình cũng vừa mới ra trường, và hôm vừa rồi đã được điều đến một trong những khẩu đội pháo ở Xêvaxtôpôn. Khuôn mặt của viên sĩ quan đeo xắc quen quen như đã gặp ở đâu đó, anh thấy nó dường như xấc xược và làm người ta khó chịu. Thậm chí anh nghĩ: "Nếu hắn mà nói năng bậy bạ mình sẽ cho hắn biết tay". Nghĩ đoạn anh chuyển từ cửa sổ đến chỗ nằm cạnh lò sưởi và ngồi lên đó. Là một sĩ quan tốt và chân chính ở mặt trận, nói chung Kôdentxốp không những không ưa thích mà còn bất bình với các sĩ quan tham mưu. Mới thoạt nhìn, anh đã biết ngay hai chàng sĩ quan này thuộc hạng sĩ quan tham mưu đó.

4

- Thật chán ghê, - một trong số các sĩ quan trẻ nói, - đã tới gần đến thế rồi, mà vẫn không đến nơi được. Có lẽ hôm nay sẽ xảy ra trận đánh mà chúng mình không được tham dự.

Qua giọng nói the thé và khuôn mặt ửng đỏ tươi tắn, khi người sĩ quan trẻ tuổi này nói, ta có thể thấy vẻ bẽn lẽn trẻ trung đáng yêu của con người luôn luôn sợ lỡ lời này.

Viên sĩ quan cụt tay mỉm cười nhìn anh và nói:

- Anh còn kịp chán, hãy cứ tin tôi.

Viên sĩ quan trẻ nhỏ nhắn kính cẩn nhìn khuôn mặt hốc hác của người sĩ quan cụt tay, tư thế của ông và đặc biệt là một ống tay áo choàng rỗng đã nói nhiều với chúng ta về cái vẻ bình thản dửng dưng của ông. Trong bất cứ công việc hay cuộc trò chuyện nào, vẻ bình thản dửng dưng ấy như muốn nói: "Tất cả những điều đó đều hay, tôi biết rõ cả và tôi có thể làm được tất cả nếu tôi muốn".

Viên sĩ quan trẻ lại nói với người bạn của mình mặc áo ar-kha-lúk :

- Thế chúng ta quyết định nghỉ đêm tại đây hay là đi tiếp bằng ngựa *của mình* ?

Người bạn từ chối không đi tiếp :

- Đại uý có thể tưởng tượng được không, - viên sĩ quan đang rót nước chè nói với viên sĩ quan cụt tay và nhặt hộ ông này con dao díp mà ông đánh rơi, - người ta bảo chúng tôi rằng ở Xêvaxtôpôn đắt kinh khủng, cho nên chúng tôi đã chung nhau mua ngựa ở Ximphêrôpôn.

- Tôi đoán : họ đã bán cho các anh theo giá cắt cổ phải không ?

- Thưa đại uý, quả thật tôi cũng không rõ : bọn tôi mua cả ngựa lẫn xe hết chín chục rúp. Như thế có đắt quá không ? anh nói thêm, hướng về tất cả mọi người, kể cả Kôdentxốp đang nhìn anh.

- Không đắt nếu là ngựa non, - Kôdentxốp nói.

- Thật à ? Thế mà người ta bảo chúng tôi là đắt... Chỉ có điều con ngựa hơi thọt một tí, nhưng cũng chả sao, họ bảo thế. Con ngựa khỏe lắm.

- Anh ở trường nào ra, - Kôdentxốp hỏi, anh muốn biết tin tức về người em trai mình.

- Hiện nay chúng tôi thuộc Trung đoàn quý tộc, bọn tôi có sáu người. Cả bọn chúng tôi tình nguyện đi tới Xêvaxtôpôn - viên sĩ quan nhỏ nhắn mau miệng nói, - chỉ có điều chúng tôi không biết khẩu đội của mình ở đâu: người ta thì nói ở Xêvaxtôpôn, còn những ông này lại cho rằng ở Ôđexa.

- Thế không hỏi được ở Ximphêrôpôn à ? - Kôdentxốp hỏi.

- Ở đó họ không biết... Anh có thể tưởng tượng được không : bạn tôi đi đến một văn phòng, ở đó họ nói năng thô lỗ với anh ta... Anh thử tưởng tượng xem khó chịu biết chừng nào !.. Ông có vui lòng dùng thuốc lá quấn sẵn không ? - anh nói với viên sĩ quan cụt tay lúc đó đang muốn tìm cái bót thuốc của mình.

- Anh phục vụ ông ta với thái độ phấn chấn có phần hơi quy luy. Rồi anh hướng về Kôdentxốp nói với vẻ kính trọng và âu yếm một cách đôn hậu :

- Thế anh cũng từ Xêvaxtôpôn ra à ? Chao ôi, kỳ diệu quá ! Bởi vì ở Pêterburg tất cả chúng tôi chỉ nghĩ tới các anh, tới tất cả những anh hùng.

- Thế ra có lẽ các anh phải quay trở lại à ? - trung uý Kôdentxốp hỏi.

- Đó chính là điều chúng tôi e ngại. Anh có thể hình dung được không : bọn tôi đã mua ngựa và sắm sửa đủ thứ cần thiết, nào ấm pha cà-phê, nào bao thứ vặt vãnh cần thiết khác nữa, bọn tôi chả còn xu nào, - anh nói bằng giọng nhỏ nhẹ và nhìn người bạn của mình, - cho nên nếu phải quay trở lại, thì bọn tôi cũng chả biết xoay xở làm sao.

- Thế các anh chưa lĩnh tiền đi đường à ? - Kôdentxốp hỏi.

- Chưa, - anh thì thào đáp, - họ hứa sẽ phát cho chúng tôi ở đây.

- Thế các anh có giấy chứng nhận không ?

- Tôi cũng biết rằng giấy chứng nhận là cái quan trọng nhất, nhưng ông bác tôi, một nguyên lão nghị viên ở Mátxcova đã bảo tôi khi tôi ghé lại nhà ông, rằng người ta sẽ cấp giấy đó tại đây, nếu không, chắc ông ấy đã cấp cho tôi rồi. Thế ở đây người ta sẽ cấp chứ ?

- Nhất định người ta sẽ cấp.

- Tôi cũng nghĩ rằng có lẽ người ta sẽ cấp, - anh nói bằng cái giọng chứng tỏ là anh chả còn biết nên tin ai, khi đã phải nhắc đi nhắc lại mãi cùng một câu hỏi ở ba chục trạm và được trả lời mỗi nơi một khác.

5

- Sao lại không cấp, - viên sĩ quan ban nãy cãi nhau với viên trưởng trạm ở trên thềm bỗng nói, anh ta tiến lại gần những người đang nói chuyện, một phần hướng về các sĩ quan tham mưu ngồi gần đó, những người đáng phải nghe hơn, theo ý anh ta. - Chính tôi đây này, cũng như các ông này, đang làm ở một chỗ tốt, tôi xin tình nguyện

nhập ngũ, thậm chí xin đến tận Xêvaxtôpôn, ấy thế mà ngoài khoản tiền đi đường một trăm ba mươi sáu rúp để đi từ P. đến, họ chả cấp gì cho tôi nữa cả, thế mà tôi lại còn tiêu lạm vào của mình một trăm năm mươi rúp nữa rồi đấy. Các ông thử nghĩ xem, tôi đã đi tám trăm véc-xta(*) trong gần ba tháng trời nay. Tôi đã đi cùng với ông này được hai tháng. May mà tôi có tiền, thế ngộ nhỡ tôi không có thì sao ?

- Đi đến tháng thứ ba rồi cơ à ? - một người hỏi.

- Thế các ông bảo làm thế nào, - anh kể tiếp. - Bởi vì nếu như không muốn đi thì tôi đã chả bỏ chỗ làm tốt, có lẽ cũng đã trả phải sống ở ngoài đường, mà có phải vì tôi sợ đâu... nhưng chả có cách nào đi cho nổi. Chẳng hạn như tôi đã sống ở Pêrêkốp[30] hai tuần lễ, viên trạm trưởng cũng chả buồn nghe, chỉ nói : các ông muốn đi thì cứ đi, toàn những giấy tờ xe bưu điện đường trường nằm ngổn ngang cả kia kìa. Đúng là tại số... mình mong muốn đấy, nhưng hình như cái số mình... có phải vì thấy nó hiện đang pháo kích mà mình chùn bước đâu, ấy thế nhưng vội hay không vội thì cũng thế cả thôi ; tôi thì ước mong...

Viên sĩ quan nay ra sức cắt nghĩa nguyên do

---

* Véc-xta - một đơn vị đo chiều dài của nước Nga cổ xưa, bằng 1,06 ki-lô-mét.

sự chậm trễ của mình, và tựa hồ như có ý thanh minh với những người ngồi đó, điều này khiến họ bất giác nghĩ rằng anh ta là một kẻ hèn nhát. Ý nghĩ này của mọi người càng rõ hơn khi nghe anh ta hỏi về địa điểm đóng quân của trung đoàn mình và hỏi xem ở đó có nguy hiểm không. Thậm chí mặt anh ta tái nhợt đi và giọng nói đứt quãng, khi viên sĩ quan cụt tay là người thuộc cùng trung đoàn đó bảo với anh ta rằng trong hai ngày qua, chỉ tính riêng sĩ quan đã có khoảng mười bảy người bị loại ra khỏi vòng chiến đấu.

Quả thực, vào giờ phút này, viên sĩ quan đó là một kẻ hèn nhát thảm hại nhất, mặc dầu sáu tháng trước đây anh ta là một người khác hẳn. Trong anh ta đã xảy ra một sự đột biến mà nhiều người đã từng trải qua trước và sau anh ta. Anh sống ở một trong những tỉnh của chúng ta, nơi có những trường học sinh sĩ quan và anh có một chỗ làm việc tốt, yên tĩnh. Nhưng qua thư từ riêng và đọc báo mô tả các trận đánh của những người anh hùng ở Xêvaxtôpôn, của các bạn cũ của mình, anh bỗng nổi máu háo danh và hơn thế còn sôi sục tinh thần yêu nước.

Vì tình cảm này, anh đã phải hy sinh rất nhiều thứ: nào là một chỗ làm để sống, nào là căn phòng nhỏ với những đồ gỗ có đệm mà anh kiếm được

do nỗ lực suốt tám năm trời, nào là những quan hệ quen thuộc và hy vọng lấy một cô vợ giàu. Anh đã vứt bỏ tất cả và xin nhập ngũ vào tháng Hai, mơ ước đến vòng hoa bất tử của vinh quang cùng những chiếc lon cấp tướng. Hai tháng sau khi đi đầu đơn, anh nhận được *theo đường văn thư* một công văn hỏi anh có xin tiền trợ cấp của nhà nước không. Anh đã từ chối và vẫn tiếp tục kiên trì chờ đợi việc bổ nhiệm, mặc dầu nhiệt tình yêu nước đã kịp nguội lạnh đi nhiều trong hai tháng đó. Lại hai tháng nữa trôi qua, anh nhận được công văn hỏi xem anh có phải hội viên hội Tam Điểm(31) không và vài thủ tục đại loại như vậy. Sau khi anh trả lời rằng không, rút cục anh đã được bổ nhiệm vào tháng thứ năm. Trong suốt thời gian đó, bạn hữu và nhất là sự bất mãn ngấm ngầm với hoàn cảnh mới - sự bất mãn này thường xuất hiện mỗi khi thay đổi của hoàn cảnh - đã kịp làm cho anh tin chắc rằng anh đã cực kỳ ngu xuẩn khi xin nhập ngũ. Anh đến trạm thứ năm khi thực quản đã mắc bệnh đau rát và khuôn mặt bị rám nắng đen sạm. Ở đó anh đã gặp một phái viên từ Xêvaxtôpôn đi ra. Phái viên này đã kể cho anh nghe về những cảnh khủng khiếp chiến tranh. Sau khi chờ ngựa mười hai tiếng đồng hồ, anh đâm ra hối hận về

sự nhẹ dạ của mình. Anh nghĩ tới tương lai với một nỗi khiếp sợ mơ hồ và như một kẻ không hồn anh đi về phía trước như đi vào chỗ hy sinh. Trong suốt ba tháng lang thang trên các trạm, ở chỗ nào hầu như anh cũng phải chờ đợi và gặp gỡ các sĩ quan ở Xêvaxtôpôn cùng những câu chuyện khủng khiếp của họ, nỗi khiếp sợ đó ngày càng tăng thêm và rốt cục đã biến người sĩ quan thảm hại đó từ một anh hùng sẵn sàng làm những chuyện ghê gớm nhất, như anh đã từng tưởng tượng về mình ở P., thành một kẻ hèn nhát thiểu não ở Đuvankôi. Một tháng trước đây anh đã gặp một đám sĩ quan trẻ vừa ra trường. Anh cố ý đi chậm lại, coi những ngày đó như những ngày cuối cùng của đời mình. Ở trạm nào anh cũng chọn lựa giường nằm, sắp xếp rương hòm và chơi bài, xem sổ góp ý kiến để giết thì giờ và vui mừng khi người ta không cung cấp ngựa.

Anh quả thực đã trở thành một người anh hùng, nếu noanhư từ tỉnh P. anh rơi thẳng ngay vào các pháo đài, nhưng giờ đây anh còn phải trải qua nhiều đau khổ tinh thần mới có thể trở thành một con người bình tĩnh, kiên nghị trong lao động và hiểm nguy như những người sĩ quan Nga mà chúng ta quen nhìn thấy. Nhưng thật khó mà hồi phục lại được lòng hăng hái ở trong anh.

6

- Ai gọi canh củ cải ? - bà chủ quán đẫy đà, chạc bốn mươi, khá lem luốc, bê tô canh bước vào phòng và rao lên...

Mọi câu chuyện lập tức tắt lặng đi và tất cả những người có mặt trong phòng đều chằm chằm nhìn bà chủ quán. Viên sĩ quan đi từ tỉnh P. đến, thậm chí nhìn bà, rồi nháy mắt với viên sĩ quan trẻ.

- A, Kôdentxốp gọi đấy, - viên sĩ quan trẻ nói, - phải đánh thức anh ta dậy mới được. Dậy mà ăn, - anh vừa nói vừa bước lại gần người đang ngủ trên đi-văng và lay lay vai anh ta.

Một thiếu niên tuổi trạc mười bảy, với cặp mắt đen nhánh vui vẻ và đôi má ửng hồng hăng hái bật dậy khỏi đi-văng, giụi mắt rồi đứng lại giữa phòng.

- Chà, xin thứ lỗi cho, - chú ta nói bằng cái giọng du dương như tiếng bạc với viên bác sĩ vừa lay để đánh thức chú dậy.

Trung uý Kôdentxốp nhận ra ngay em trai mình và bước lại gần chú.

- Chú không nhận ra tôi à ? - anh mỉm cười nói.

- A-a-a ! - cậu em trai kêu lên. - Thật là kỳ diệu ! - và chú ôm hôn anh trai.

Họ hôn nhau ba lần, nhưng tới lần thứ ba họ lưỡng lự, tựa hồ cả hai đều nghĩ : tại sao nhất thiết lại phải những ba lần ?

- Chà, chà, anh vui quá ! - người anh nhìn em nói. Ta ra thềm nói chuyện đi.

- Vâng ta đi. Mình chả muốn ăn súp bắp cải nữa đâu... Cậu ăn đi, Phêđerxôn ạ, - chú nói với người bạn.

- Nhưng chú đói cơ mà.

- Em chả muốn ăn gì nữa cả.

Khi hai anh em ra đến bậc thềm, chú em cứ luôn miệng hỏi anh : "Tình hình của anh thế nào, anh kể cho em nghe với", - và chú nhắc đi nhắc lại rằng được gặp anh chú rất sung sướng, còn bản thân mình chẳng kể chuyện gì cả.

Khoảng năm phút trôi qua, vào lúc họ đã kịp yên lặng một lát, người anh trai hỏi tại sao chú em không ra nhập quân cận vệ như *cánh ta* mong đợi.

- À, vâng! - chú em trả lời, đỏ mặt lên khi nhớ tới riêng một chuyện đó. - Chuyện này làm em chết lặng cả người và em không ngờ sự tình lại xảy ra như thế. Anh có thể tưởng tượng được không, đúng lúc sắp ra trường ba đứa chúng em rủ nhau đi hút thuốc ở trong căn phòng chắc anh cũng biết, ở đằng sau phòng thường trực, thời anh

học hẳn anh cũng đã làm như vậy chứ gì, chỉ có điều anh thử hình dung xem, cái lão gác cổng khốn khiếp đã trông thấy chúng em và chạy đi tố cáo với viên sĩ quan thường trực (ấy là mấy lần bọn em đã biếu lão rượu vôt-ka đấy). Thế là sĩ quan trực nhật đã lẻn tới. Vừa trông thấy ông ta, mấy đứa bạn em đã vứt bỏ thuốc lá và chuồn đi bằng cửa nách. Còn em chẳng biết trốn vào đâu. Ông ta bắt đầu lên tiếng xạc em ngay, cố nhiên em đâu có chịu, ông ta bèn nói với ông thanh tra và thế là đi tong. Đấy, chỉ vì chuyện đó mà người ta cho là em thiếu điểm hạnh kiểm, mặc dầu các môn học em đều đạt điểm xuất sắc, chỉ có môn cơ học bị điểm mười hai[32], thôi thế là đi tong. Họ đưa em vào quân đội. Sau đó họ hứa sẽ chuyển em sang quân cận vệ, nhưng em cũng chả muốn và em xin đi chiến đấu.

- Ra thế !

- Thú thật với anh, em cảm thấy khó chịu quá, đến nỗi em mong ước đến ngay Xêvaxtôpôn. Vả chăng nếu ở đây thuận buồm xuôi gió thì có thể tranh thủ lên nhanh hơn trong quân cận vệ. Ở đấy phải mười năm mới lên được đại tá, còn ở đây, Tốtlêben[33] mới có hai năm đã được thăng từ trung tá lên cấp tướng. Nếu chết trận thì cũng đành chịu chứ biết làm sao !

- Ra chú thế đấy ! - ông anh mỉm cười nói.

- Anh biết không, cái chính là, - chú em nói, mỉm cười và đỏ mặt, tựa hồ chú định nói một điều gì rất ngượng ngùng, - tất cả những cái đó đều là chuyện vớ vẩn. Em đã xin đi chiến đấu chủ yếu vì dẫu sao em cũng cảm thấy sống ở Pêterburg thẹn thẹn thế nào ấy, khi người ta đang hy sinh vì Tổ quốc ở đây. Với lại em muốn đến đây với anh, - chú càng sượng sùng hơn nữa, nói thêm.

- Chú buồn cười thật ! - người anh vừa nói vừa lấy túi thuốc và không nhìn em. - Chỉ tiếc là anh em mình sẽ không được ở cùng một đơn vị.

- À này anh, anh bảo thật em đin ở trên pháo đài khủng khiếp lắm phải không ? - người em trai bỗng hỏi.

- Thoạt đầu cảm thấy khủng khiếp, sau đó quen đi, thấy thường thôi. Rồi em sẽ thấy.

- Còn điều này nữa: theo anh nghĩ, liệu chúng có chiếm được Xêvaxtôpôn không ? Em cho rằng không đời nào chúng chiếm được.

- Họa có Trời biết.

- Em chỉ bực mình một điều, anh có thể hình dung được em không may như thế nào không : dọc đường chúng nó đã cuỗm mất của bọn em cả một bọc hành lý trong đó có để chiếc mũ cứng

của em. Không có mũ, giờ đây em lâm vào tình trạng tệ hại và chả biết sẽ tới trình diện cấp trên như thế nào. Anh biết không, hiện nay quân ta có những kiểu mũ cứng mới, tốt hơn. Em có thể kể cho anh nghe tất cả những chuyện đó... Em đã từng đi khắp Mátxcơva.

Chú em Vlađimia Kôdentxốp rất giống với anh trai mình là Mikhain Kôdentxốp, nhưng họ giống nhau như một bông hồng đang hé nở với một bông tầm xuân đã héo tàn. Tóc chú cũng vàng sẫm như vậy, nhưng rậm hơn và xoăn lại ở thái dương. Một mớ tóc vàng xoà trên chiếc gáy trắng mịn của chú - các bà vú em bảo đấy là điềm hạnh phúc. Khuôn mặt trắng trẻo mịn màng của chú thường đỏ bừng lên, bộc lộ những xúc động của một tâm hồn trẻ trung, đầy sức sống. Cũng đôi mắt như ở người anh, nhưng mắt chú cởi mở hơn và sáng hơn, dường như vì nó thường hơi ươn ướt. Hàng lông tơ nâu nhạt lún phún trên má và phía trên đôi môi đỏ chót, đôi môi thường chúm chím nụ cười bẽn lẽn để lộ ra hàm răng sáng trắng. Người chú cân đối, vai rộng, dưới chiếc áo choàng mở phanh thấy rõ chiếc sơ-mi đỏ cổ cánh én. Điếu thuốc lá trong tay, chú tựa khuỷu tay lên lan can thềm, đứng trước mặt anh trai, niềm vui sướng thơ ngây hiện rõ trên nét mặt và trong cử chỉ:

chú thiếu niên đó xinh trai và đáng yêu đến nỗi chắc ai cũng muốn nhìn. Gặp anh, chú khôn xiết vui mừng. Chú kính trọng và kiêu hãnh nhìn anh trai, tưởng tượng anh mình là một người anh hùng. Nhưng chú hơi cảm thấy xấu hổ cho anh về một số mặt, xét theo những suy nghĩ thông thường của giới thượng lưu có học thức, mà nói cho đúng ra bản thân chú cũng thiếu, như biết nói tiếng Pháp, biết khiêu vũ, được giao du với các nhân vật quan trọng v.v.. Chú kiêu ngạo nhìn anh trai và thậm chí muốn làm cho anh mình văn minh lên. Chú hãy còn giữ nguyên tất cả những ấn tượng về Pêterburg, về ngôi nhà của một phu nhân do yêu thích những nah chàng đẹp trại, đã mời chú đến dự lễ tại nhà mình và về ngôi nhà của một nguyên lão nghị viên ở Mátxcơva, nơi chú đã có lần được khiêu vũ trong một vũ hội lớn.

7

Sau khi đã nói chuyện với nhau thoả thuê và rốt cuộc đe tới cái tâm trạng mà người ta thường trải qua : tuy yêu nhau nhưng giữa họ ít có cái chung, hai anh em im lặng khá lâu.

- Vậy thì chú thu xếp đồ đạc để ta đi ngay bây giờ, - người anh nói.

Chú em bỗng đỏ mặt và bối rối.

- Đi thẳng đến Xêvaxtôpôn hả anh ? - chú hỏi sau một lát im lặng.

- Cố nhiên rồi ! Đồ đạc của chú chả nhiều nhặn gì, anh chắc ta sẽ thu xếp được chỗ.

- Tuyệt quá! Anh em mình đi ngay, - chú em nói, thở dài và đi vào phòng.

Tuy nhiên chú không mở cửa, dừng lại ở buồng hiên, buồn bã cúi đầu và nghĩ :

"Thế là đi ngay đến Xêvaxtôpôn, đến cái địa ngục này, khủng khiếp quá ! Tuy vậy đằng nào cũng thế thôi, rồi đến một lúc nào đó sẽ phải đi. Its ra lúc này còn có anh mình..."

Thì ra mãi đến lúc này, nghĩ rằng mình sẽ lên xe ngựa, ngồi lì trong đó, đến thẳng Xêvaxtôpôn và chẳng còn có sự tình cờ nào có thể kìm chân chú lại, chú mới hình dung rõ nỗi hiểm nguy mà chú đã tìm kiếm và cảm thấy bối rối, sợ hãi khi chú nghĩ là nó đã ở gần bên. Cố tự trấn an, chú bước vào phòng, ngưng mười lăm phút trôi qua, chú vẫn chưa ra, khiến ông anh phải mở cửa vào gọi chú. Như một cậu học trò phạm lỗi, chú em Kôdentxốp đang nói gì đó với viên sĩ quan đi từ tỉnh P. Thấy anh trai mở cửa, chú hết sức bối rối.

- Tí thôi, em ra ngay đây mà ! - chú xua tay nói với anh. - Anh đợi em ở ngoài đó nhé.

Một lát sau chú đi ra thật, vừa bước lại phía anh trai vừa thở dài :

- Anh có hiểu không, em không thể đi với anh được, - chú nói.

- Thế nào ? Sao lại vớ vẩn thế !

- Em sẽ nói rất thật với anh, anh Mikhain ạ! Bọn em chả còn cô-pếch nào cả và tất cả chúng em đều nợ ông thượng uý này, ong ấy từ tỉnh P. tới. Bọn em xấu hổ vô chừng !

Người anh cau mày và im lặng hồi lâu không nói.

- Chú nợ có nhiều không ? - anh hỏi, mắt lườm lườm nhìn em.

-Nhiều... không nhiều, không nhiều lắm... Nhưng em xấu hổ vô cùng : tại cả ba trạm ông ấy đều trả tiền cho em, cho em đường... thành thử em không biết... bọn em lại còn chơi bài nữa... em còn mắc nợ ông ấy một ít.

- Thật là tồi tệ, Vlađimia ạ ! Nếu không gặp anh, em sẽ xử sự ra sao ? - người anh không nhìn em trai, nghiêm khắc nói.

- Em nghĩ rằng đến Xêvaxtôpôn em sẽ lĩnh được tiền đi đường và em sẽ trả nợ. Đấy, có thể làm như thế. Nên tốt hơn hết là sáng mai em sẽ đi cùng ông ấy.

Người anh rút ví và những ngón tay hơi run run của anh lấy ra hai tờ giấy một chục rúp và một tờ ba rúp.

Tiền của anh đây, - anh nói. - Em nợ bao nhiêu?

Kôdentxốp chưa thành thật lắm khi bảo đó là tất cả số tiền anh có : anh còn bốn đồng tiền vàng[34] nữa khâu trong nẹp tay áo để phòng khi bất trắc, nhưng anh đã thề không đụng đến số tiền đó dù vì bất cứ lý do gì.

Hoá ra chú em, tính cả tiền đường và tiền thua bài, chỉ nợ viên sĩ quan ở tỉnh P. có tám rúp. Người anh đưa tiền cho em, chỉ dặn em rằng đã không có tiền thì không nên chơi bài.

- Chú chơi bằng gì mới được chứ ?

Chú em không đáp lời nào. Hỏi như thế, theo ý chú, ông anh tỏ ra nghi ngờ lòng trung thực của chú. Chú bực bội với chính mình, xấu hổ về hành vi của mình, cái hành vi đã làm cho người anh trai yêu quý của chú nghi ngờ và chú đã bị anh xúc phạm. Vốn bản tính nhạy cảm, chú xúc động mãnh liệt, đến nỗi không trả lời anh được và chú cảm thấy khó mà ngăn được cơn nghẹn ngào đang dâng lên tận cổ. Chú cầm tiền mà chẳng buồn nhìn, rồi đi tới chỗ các bạn.

8

Để uống lấy sức, anh cần vụ Nhikôlaép đã mua hai cốc vốt-ka của anh lính bán rượu cạnh cái cầu ở Đuvankôi. Anh ta giật dây cương, chiếc xe ngựa nảy lên trên con đường đá đôi chỗ rợp bóng, chạy dọc sông Benbếch(35) tới Xêvaxtôpôn. Chân hai anh em Kôdentxốp đung đưa đụng vào nhau, họ vẫn cố tình im lặng, tuy lúc nào cũng nghĩ đến nhau.

"Sao anh ấy lại xỉ vả mình, - chú em nghĩ, - anh ấy không thể tránh không nói đến chuyện đó được ư ? Cứ tựa hồ như anh ấy nghĩ mình là một thằng bịp. Đến bây giờ hình như anh ấy vẫn còn bực, không khéo anh ấy và mình sẽ mãi mãi bất hoà. Cả hai anh em đều ở Xêvaxtôpôn, tuyệt quá còn gì! Hai anh em thân thiết cùng chiến đấu chống quân thù : một người đã kỳ cựu, tuy ít học, nhưng là một chiến binh dũng cảm, còn người kia trẻ hơn, nhưng cũng là tay cừ... Sau một tuần lễ mình sẽ chứng tỏ cho mọi người thấy mình cũng không đến nỗi trẻ dại gì ! Mình cũng sẽ không đỏ mặt nữa, khuôn mặt mình sẽ thể hiện rõ vẻ đa cảm và lúc ấy ria mép của mình sẽ mọc, còn thưa, nhưng trông cũng bảnh, - và chú rứt những sợi lông tơ lún phún ở quanh môi. - có lẽ hôm

nay bọn mình sẽ tới nơi mình sẽ cùng với anh ấy tham gia trận đánh ngay. Anh ấy nhất định phải liên cường và rất dũng cảm, một con người nói ít, nhưng làm tốt hơn người khác. Mình muốn được biết anh ấy có cố ý hay vô tình ép mình vào thành xe. Chắc anh ấy cho rằng mình ngượng và làm ra bộ không để ý đến mình. - Chú ép mình vào thành xe không dám động đậy để làm cho anh trai khỏi chú ý tới sự ngượng ngùng của chú. - Thế là hôm nay bọn mình tới nơi, - chú tiếp tục suy nghĩ, - và đi thẳng luôn đến pháo đài : mình với các cỗ đại bác, còn anh ấy chỉ huy một đại đội, và cùng đi với nhau. Bỗng nhiên quân Pháp xông vào bọn mình. Mình bắn, bắn liên tục, giết được cơ man nào là địch, nhưng chúng nó vẫn cứ xông thẳng vào mình. Không thể bắn được nữa và cố nhiên mình hết đường thoát. Vừa lúc ấy anh mình bất chợt vung gươm chạy lên phía trước, mình cũng vớ lấy khẩu súng và cùng binh lính chạy theo anh. Quân Pháp nhảy bổ vào anh. Mình chạy lại giết một thằng Pháp, một thằng nữa và cứu được anh. Mình bị thương vào tay, mình chuyển súng sang tay khác và vẫn cứ chạy. Anh mình trúng đạn chết ngay cạnh mình. Mình dừng lại dây lát, nhìn anh vô cùng buồn bã, rồi bật dậy và thét lớn : "Theo tôi, chúng ta sẽ trả

thù ! Tôi yêu anh tôi hơn mọi thứ trên đời. Và tôi đã mất anh. Chúng ta sẽ báo thù, sẽ tiêu diệt quân thù hoặc tất cả chúng ta sẽ chết tại đây !" Mọi người hò hét, xông lên theo mình. Lúc ấy toàn bộ quân Pháp xuất trận, đích thân Pêlixiê[36] nữa. Bọn mình giết sạch chúng nó. Nhưng cuối cùng mình bị thương lần thứ hai, rồi lần thứ ba và mình ngã xuống trong cơn hấp hối. Lúc ấy mọi người chạy đến với mình. Gortsakốp[37] tới và hỏi mình muốn gì. Mình sẽ nói chả muốn gì cả, chỉ xin họ đặt mình cạnh anh mình vì mình muốn chết cùng với anh. Người ta khênh mình đi và đặt mình cạnh xác chết đẫm máu của anh. Mình cố nhỏm dậy và chỉ nói được mấy lời : "Phải, các bạn đã không biết đánh giá hai con người thật sự yêu quý Tổ quốc mình ; giờ đây cả hai đã hy sinh... Cầu Chúa tha thứ cho các bạn !" - thế rồi mình chết"

Ai biết được những ước mơ này sẽ được thực hiện tới mức nào !

- Thế đã có lần nào anh ra trận chưa ? - chú bỗng hỏi anh trai, quên hẳn rằng mình không muốn nói chuyện với anh.

- Chưa, chưa lần nào, - người anh đáp, - trung đoàn anh có hai nghìn người bị thiệt mạng, toàn chết lúc đang làm việc cả. Ngay anh đây cũng

bị thương lúc đang làm việc. Chiến tranh không diễn ra như chú nghĩ đâu, Vlađimia ạ !

Tên gọi "Vlađimia" trìu mến khiến chú em cảm động. Chú muốn giãi bày với anh trai mình là người không hề nghĩ rằng mình đã xúc phạm Vlađimia.

- Anh không giận em chứ, anh Mikhain ? - chú nói sau một lát im lặng.

- Sao mà giận ?

- Không, thế thôi... vì chuyện xảy ra giữa anh em mình. Thế thôi, chả sao.

- Giận gì chú, - người anh đáp, quay lại và vỗ lên đùi em.

- Thế thì anh tha lỗi cho em nhé, Mikhain, nếu như em đã làm cho anh phiền lòng.

Rồi chú quay đi để giấu những giọt lệ bất chợt dâng lên trong mắt chú.

9

- Đây là Xêvaxtôpôn thật rồi hả anh ? - chú em hỏi khi xe vượt lên núi. Trước mặt họ là vụng biển với những cột buồm trên các con tàu, là biển cả với hạm đội địch ở phía xa, những khẩu đội

pháo trăng trắng ở ven biển, những trại lính, những đường ống dẫn nước, những ụ tàu và các công trình của đô thị. Những đám khói màu trắng, óng ánh tím không ngừng tuôn lên những ngọn núi ngả vàng vây quanh thành phố, và tụ lại trong bầu trời xanh lam, dưới ánh hồng của vầng mặt trời vẫn còn lấp lánh sáng và đang lặn dần xuống chân trời tối thẫm của biển cả.

Vlađimia không hề giật mình khi nhìn thấy cái nơi khủng khiếp mà chú thường nghĩ tới rất nhiều này. Ngược lại, với một khoái cảm thẩm mỹ và một tinh thần anh hùng tự đắc là chỉ độ nửa giờ nữa thôi chính mình sẽ có mặt ở đó, chú ngắm nhìn cảnh tượng thật sự độc đáo tuyệt vời này và cứ chăm chú nhìn cho tới lúc họ đến mạn Bắc, tới đoàn xe của trung đoàn anh trai, tại đây họ được biết rõ về vị trí của trung đoàn và các khẩu đội pháo.

Viên sĩ quan quản lý đoàn xe sống gần chỗ mà người ta gọi là *đô thị mới*, nghĩa là một nơi có nhiều nhà bằng ván ghép do các gia đình thuỷ thủ dựng lên, trong một lều bạt nhỏ ăn thông với cái lán khá lớn làm bằng những cành sồi xanh non, chưa kịp khô hẳn.

Hai anh em bắt gặp viên sĩ quan ngồi cạnh chiếc bàn gấp, mình vận độc có chiếc sơ-mi vàng

vàng bẩn thỉu, đang đếm một đống tiền lớn bằng chiếc bàn tính to. Trên bàn có một cốc nước chè nguội lẫn tàn thuốc lá, một cái khay để một bình rượu vôt-ka và những mẩu vụn bánh mì với trứng cá khô. Nhưng trước khi nói về nhân cách của viên sĩ quan và lời lẽ của anh ta, chúng ta cần phải nhìn kỹ hơn bên trong cái lán của anh ta. Chiếc lán mới khá lớn, được đan kết rất chắc chắn và thuận tiện, với những chiếc bàn nhỏ và ghế băng cũng được đan bằng những cành cây thân mềm, như lán người ta làm cho các vị tướng và chỉ huy trung đoàn ở vậy. Để cho lá khỏi rụng vào lán, người ta căng ở trên trần và các vách lán ba tấm thảm, tuy rất kỳ quái, nhưng còn mới và hẳn là đắt tiền. Trên chiếc giường sắt kê dưới tấm thảm chính vẽ người đàn bà cưỡi ngựa có chiếc chăn nhung màu đỏ tươi, chiếc gối da bẩn thỉu đã rách bươm và một chiếc áo choàng bằng lông gấu trúc. Trên một chiếc bàn ta thấy có một tấm gương khung bạc, một bàn chải cán bạc bẩn khinh khủng, một chiếc lược sừng gãy răng két đầy tóc nhờn nhờn, một giá nến bằng bạc, một chai rượu mùi có dán cái nhãn to tướng màu đỏ và vàng, chiếc đồng hồ bằng vàng có khắc hình Piốt I[38], hai cái nhẫn vàng, một hộp đựng những viên gì đó, một mẩu vỏ bánh mì, những quân bài cũ nằm rải rác. Dưới gầm giường ngổn

ngang những chai rượu, bia, chai còn chai hết. Viên sĩ quan này quản lý đoàn xe của trung đoàn và việc tiếp tế lương thảo cho ngựa. Một người bạn thân cùng sống với anh ta, đó là người môi giới, cũng đang lo liệu một số việc kinh doanh gì đấy. Lúc hai anh em bước vào, người môi giới đang nằm ngủ trong lều. Viên sĩ quan quản lý đoàn xe đang tính toán tiền nong của nhà nước trước ngày cuối tháng. Mẽ ngoài của anh ta rất đẹp,rất ra dáng nhà binh: thân hình cao lớn, ria mép rậm, người chắc nịch. Chỉ có một điều khó chịu là khắp khuôn mặt anh ta vã mồ hôi và sưng hùm hụp khiến cho đôi mắt nhỏ màu xám hầu như bị che khuất mất (tựa hồ như anh ta đã nốc đầy rượu bia vậy) và thêm vào đó là sự bẩn thỉu lạ lùng, từ mái tóc thưa nhờn mỡ cho tới đôi bàn chân trần to tướng xỏ trong đôi giày da chồn.

- Toàn những tiền là tiền kìa ! - trung uý Kôdentxốp nói khi bước vào lán ; anh bất giác thèm khát đưa mắt nhìn đống tiền. - Giá cho bọn tôi vay một nửa, Vaxili Mikhailôvich nhỉ ?

Trông thấy khách, viên sĩ quan quản lý đoàn xe nhăn mặt lại như thể kẻ cắp bị bắt quả tang, anh ta thu tiền lại, không đứng lên, nghiêng mình chào họ.

- Ôi, giá đó là tiền của tôi... Tiền nhà nước đấy ông bạn ạ ! Ai đi với ông thế kia ? - Anh ta vừa nói vừa giấu tiền vào chiếc tráp đặt cạnh mình và nhìn thẳng vào mặt Vlađimia.

- Đây là em trai tôi, vừa mới ra trường, ấy bọn tôi ghé vào hỏi anh xem trung đoàn hiện đóng ở đâu ?

- Mời các ông ngồi, - nói xong, anh ta đứng dậy và không chú ý tới khách, đi vào trong lều, - các ông có muốn uống chút gì không ? Làm tí bia nhé, được không ? - Anh nói vọng từ lều ra.

- Đâu dám từ chối, Vaxili Mikhailôvich !

Vlađimia ngạc nhiên trước sự hào phóng của viên sĩ quan quản lý đoàn xe, cung cách luộm thuộm của anh ta và thái độ kính trọng của anh trai mình khi nói với anh ta. Chú rụt rè, bẽn lẽn ngồi xuống chiếc đi-văng và nghĩ :

"Chắc đây là một sĩ quan tốt, được mọi người kính trọng, tất nhiên đó phải là một người giản dị, rất dũng cảm và hiếu khách".

- Thế trung đoàn ta ở đâu ? - Người anh hỏi viên sĩ quan đang lúi húi ở trong lều.

- Gì cơ ?

Người anh nhắc lại câu hỏi.

- Dâypherơ hiện đang ở chỗ tôi : nó kể cho

tôi biết là hôm qua đơn vị ta đã chuyển sang pháo đài năm.

- Chắc không ?

- Tôi đã nói là chắc. Nhưng mà biết đâu với cái thằng quỷ ấy ! Nó nói dối như ranh ấy mà. Này uống tí bia nhé ? - Viên sĩ quan quản lý đoàn xe vẫn nói vọng từ lều ra.

- Xin sẵn sàng, - Kôdentxốp nói.

- Còn anh có uống không, Ôxip Igơnatôvich, - giọng nói trong lều tiếp tục, chắc là hướng về người môi giới đang ngủ. - Ngủ thế đủ rồi: tám giờ rồi đấy.

- Sao anh cứ quấy rầy tôi thế. Tôi có ngủ đâu, - một giọng nói nhỏ uể oải đáp, thích thú nói đớt những chữ s và r.

- Nào dậy đi : thiếu anh tôi chán lắm.

Sau đó viên sĩ quan quản lý đoàn xe đi ra chỗ khách ngồi.

- Đem bia Ximphêrôpôn ra đây ! - Anh ta kêu to gọi người cần vụ.

Người cần vụ nét mặt kiêu hãnh, Vlađimia tưởng vậy, bước vào lán và lấy bia ở dưới chỗ viên sĩ quan ngồi ra, thậm chí va cả vào anh ta.

Viên sĩ quan quản lý đoàn xe vừa rót bia vào các cốc vừa nói:

- Ông bạn ạ, hiện nay chúng mình có một chỉ huy trung đoàn mới. Cần phải có tiền để ông ấy sắm sửa mọi thứ.

- Mình nghĩ ông này thuộc loại rất đặc biệt, thế hệ mới đấy, - Kôdentxốp nói, nhã nhặn đưa tay đỡ cốc bia.

- Phải, thế hệ mới đấy ! Sẽ là tay keo kiệt phải biết. Khi chỉ huy tiểu đoàn ông ấy kêu ra kêu, còn bấy giờ lại hát điệu khác. Chả nên thế, ông bạn nhỉ ?

- Đúng rồi.

Chú em không hiểu họ nói gì cả, nhưng lờ mờ cảm thấy rằng anh trai mình không nói điều anh nghĩ, tựa hồ anh nói thế chỉ vì đã uống bia của viên sĩ quan này.

Chai bia đã cạn và câu chuyện tiếp tục khá dài theo kiểu đó cho tới lúc một người đàn ông tầm thước, tươi tỉnh vén cửa lều bước vào. Ông khoác chiếc áo choàng bằng vải láng màu xanh lam trang trí bằng nhiều dải có tua, đội mũ diềm đỏ có gắn huy hiệu. Ông vuốt chòm ria mép đen nhánh của mình, mắt lơ đãng nhìn tấm thảm và chỉ hơi nhích vai đáp lễ các sĩ quan.

- Cho tôi một cốc với nào ! - ông nói, ngồi vào gần bàn. - Thế nào, chú mình vừa từ Pêterburg tới đấy à ? - ông nói, âu yếm hướng về phía Vlađimia.

- Vâng ạ, tôi đến Xêvaxtôpôn.

- Tự nguyện đấy chứ ?

- Vâng.

- Sao các ông lại thích được nhỉ, tôi không hiểu ! - người môi giới tiếp tục nói, - tôi tưởng như giờ đây tôi sẵn sàng cuốc bộ đến Pêterburg, nếu người ta thả cho đi. Quả thật tôi đã ngấy cuộc sống chó má này lắm rồi, thật thế !

- Ông còn phàn nàn nỗi gì nữa nào ? - trung uý Kôdentxốp nói với anh ta. - Cố nhiên đối với ông cuộc sống ở đây đâu phải là cuộc sống !

Người môi giới nhìn anh ta rồi quay mặt đi.

- Nỗi hiểm nguy này ("ngồi tận mạn Bắc này ông ta nói đến nỗi hiểm nguy nào nhỉ ?" - Kôdentxốp nghĩ), thiếu thốn này, không kiếm được gì cả này, - người môi giới nói tiếp, vẫn hướng về phía Vlađimia. - Vậy mà tại sao các ông lại thích đến đây, tôi quả thực không hiểu được các ông đấy ! Giá như có chút lợi lộc gì đó, đằng này có gì đâu. Ở tuổi các ông mà bỗng dưng lại què cụt suốt đời thì có gì hay ho không ?

- Kẻ thì cần lợi lộc, lại có người phụng sự vì danh dự ! - Kôdentxốp lại nói xen vào, giọng bực bội.

- Danh dự là cái gì khi chả có gì nhá ! - người môi giới cười khinh bỉ, anh ta nói, hướng về viên

sĩ quan quản lý đoàn xe, anh này cũng bật cười. - Anh mở "Luxia"[(39)] đi cho bọn tôi nghe với, - ông nói, tay chỉ chiếc máy hát. - Tôi thích nghe bài ấy...

- Cái ông Vaxili Mikhailôvich này có phải là người tốt không hở anh ? - Vlađimia hỏi anh trai, khi họ ra khỏi lán vào lúc xẩm tối, tiếp tục đi tới Xêvaxtôpôn.

- Chả tốt gì đâu, hắn chỉ là đồ bịp bợm keo kiệt khủng khiếp ! Ít ra hắn cũng kiếm ba trăm rúp một tháng! Thế mà chú thấy đấy, hắn sống như lợn.

Còn cái lão môi giới kia, anh nhìn cũng không nổi, anh sẽ giết hắn có ngày. Nghe nói tên khốn khiếp đó đã khuân mười hai ngàn từ Thổ Nhĩ Kỳ về... - Và Kôdentxốp bắt đầu bàn luận về thói tham nhũng với giọng hằn học đặc biệt, (nói cho đúng ra) của một người phê phán thói tham nhũng không phải vì đó là một tệ nạn xấu xa, mà vì anh cảm thấy bực bội khi có những kẻ lợi dụng thói đó.

10

Mãi đến đêm họ mới tới chiếc cầu lớn bắc qua vụng biển, lúc ấy Vlađimia chẳng những chỉ cảm

thấy không vui, mà lòng chú còn nặng trĩu. Tất cả những điều chú đã nhìn thấy và nghe thấy sao mà ít phù hợp với những ấn tượng trước đây của chú đến thế : phòng thi đồ sộ với sàn gỗ bóng loáng, những giọng nói vui vẻ hồn hậu và tiếng cười của bạn hữu, bộ quân phục mới, Sa hoàng yêu quí mà chú đã quen nhìn suốt bảy năm trời và khi chia tay mắt rớm lệ, Người đã gọi các chú là những đứa con của mình. Tất cả những cái chú nhìn thấy thật chẳng giống mấy tí với những ước mơ cao thượng, vui tươi và đẹp đẽ của chú.

- Thế là chúng mình tới nơi rồi ! - người anh nói khi họ tới gần khẩu đội Mikhailốpxkaia[40] và xuống xe. - Nếu họ cho ta qua cầu, chúng ta sẽ đến doanh trại Nhikôlaiépxki. Chú sẽ ở lại đó đến sáng, còn tôi sẽ tới trung đoàn để hỏi xem khẩu đội của chú ở đâu, rồi sáng mai tôi sẽ lại tìm chú.

- Để làm gì cơ ? Tốt hơn hết là ta cùng đi, - Vlađimia nói. - Em sẽ cùng đi với anh lên pháo đài. Đằng nào cũng thế cả thôi : phải quen đi. Anh đi được thì em cũng đi được.

- Tốt hơn hết là chú không nên đi.

- Không, xin anh, ít ra em cũng sẽ biết...

- Tôi khuyên chú không nên đi, còn tuỳ chú...

Trời quang đãng và tối. Những ngôi sao, những chớp lửa đạn đang bay sáng rực lên trong bóng

đêm toà nhà lớn quét vôi trắng của khẩu đội và đầu cầu nhô ra từ bóng tối. Gần như cứ mỗi giây lại có vài tiếng súng đại bác và những tiếng nổ vun vút đuổi theo nhau hoặc cùng rộn lên làm cho không trung rung chuyển ầm ầm, mạnh hơn và rõ hơn. Đằng sau tiếng vang ầm đó và tựa hồ như lặp lại tiếng ầm đó, vọng lên tiếng rì rào ảm đạm của vụng biển. Làn gió nhẹ từ biển thổi vào mang theo hơi ẩm. Hai anh em đi lên cầu. Một dân binh lóng ngóng thúc khẩu súng vào tay và quát lên :

- Ai đó ?

- Binh sĩ !

- Không được phép qua cầu !

- Sao lại thế ? Chúng tôi có việc cần !

- Hỏi xin ngài sĩ quan.

Viên sĩ quan đang gà gật trên chiếc mỏ neo, nhổm dậy và cho phép qua cầu.

- Đi qua thì được, nhưng cấm trở lại. Đi đâu mà ùn ùn cả thế kia ! - anh ta quát những chiếc xe tải của trung đoàn, xếp chất ngất những sọt đất, đang tụ tập ở chân cầu.

Đến nhịp cầu thứ nhất hai anh em gặp các binh lính đi ngược chiều, chuyện trò ầm ĩ.

- Khi nó đã nhận được tiền sắm trang bị, có

nghĩa là nó đã được thanh toán đầy đủ, chứ còn...

- Này, các cậu ơi ! - một giọng khác nói. - Hễ được chuyển lên mạn Bắc là chắc sống, thật đấy ! Không khí ở đấy cũng khác hẳn !

- Cứ nói nữa đi ! - giọng ban đầu nói. - Hôm nọ một quả đạn khốn kiếp rơi xuống đây tiện nát chân của hai thuỷ thủ đấy, thà đừng nói tốt hơn.

Sau khi đi qua nhịp cầu thứ nhất, hai anh em chờ cho các xe tải đi qua, họ dừng lại ở nhịp cầu thứ hai, mặt cầu đã có chỗ ngập nước. Gió tưởng như yếu trên đồng vắng, thì ở đây lại thổi rất mạnh và giật từng cơn.

Chiếc cầu đung đưa, sóng biển ầm ầm đập vào các trụ cầu, va vào các mỏ neo dây cáp, dềnh lên mặt cầu. Phía bên phải biển thẫm đen ì ầm một cách mơ hồ thù địch, ngăn cách mình với chân trời đầy ánh sao màu xám trắng bằng một vạch đen đều vô tận. Xa xa, ánh lửa loé lên đâu đó phía trên hạm đội của kẻ thù. Phía bên trái, sừng sững khối thân tàu đen sẫm của ta, nghe rõ cả tiếng sóng vỗ vào mạn tàu, nhìn rõ chiếc tàu đang ầm ầm lướt nhanh từ mạn Bắc tới. Lửa từ quả trái phá nổ gần nó soi sáng chốc lát những ụ đất đắp cao trên bong tàu, hai người đứng ở phía trên, bọt trắng và những tia nước xanh xanh do con tàu rẽ sóng bắn toé lên. Một người nào đó chỉ

mặc độc chiếc sơ-mi ngồi ở ven cầu, thõng chân xuống nước đang sửa chữa cái gì đó trên cầu. Phía đằng trước, vẫn những tia lửa ấy lững lờ trên Xêvax-tôpôn, những âm thanh khủng khiếp vọng tới ngày càng to và rõ hơn. Sóng biển tràn vào bên phải cầu làm ướt chân Vlađimia. Hai người lính đi ngang qua mặt chú, chân bì bõm trong nước. Bỗng nhiên có một cái gì đó nổ ầm ầm, soi sáng phía trước cầu, chiếc xe tải đang đi trên cầu và một sĩ quan ky binh. Những mảnh đạn rít lên, rơi tõm xuống nước làm nước bắn tung toé.

- A Mikhain Xêmiônôvích ! - người sĩ quan ky binh dừng ngựa trước mặt Kôdentxốp nói, - anh khoẻ hẳn rồi chứ ?

- Như anh thấy đấy. Anh đi đâu thế này ?

- Lên mạn Bắc lấy đạn: tôi hiện thay thế sĩ quan phụ tá của trung đoàn... Chúng ta chờ đợi cuộc tấn công từng giờ từng phút, ấy thế mà mỗi túi đạn không còn nổi năm viên. Bài binh bố trận thế có tuyệt không.

- Thế Martxốp đâu ?

- Hôm qua bị cụt chân... ở trong thành phố, lúc anh ấy ở trong phòng... Có lẽ anh sẽ gặp anh ấy đấy, ở trạm cứu thương ấy.

- Trung đoàn ở pháo đài năm phải không ?

- Phải, thay thế đơn vị M. Anh ghé qua trạm

cứu thương, ở đấy có anh em đơn vị ta, họ sẽ dẫn đường cho anh.

- Thế căn phòng nhỏ của tôi ở phố Morxkaia còn nguyên vẹn không ?

- Chà, ông bạn ! Bom phá tan tành từ lâu rồi. Giờ đây anh chả nhận ra Xêvaxtôpôn đâu : không thấy bóng một phụ nữ, không còn quán hàng, không còn âm nhạc. Chiều qua công sở cuối cùng đã rời khỏi thành phố. Bây giờ buồn kinh khủng... Thôi tạm biệt !

Và người sĩ quan ky binh phóng nước kiệu đi tiếp.

Vlađimia bỗng thấy sợ ghê gớm : lúc nào chú cũng tưởng như quả đạn hoặc mảnh đạn sắp bay tới sẽ nện thẳng vào đầu chú. Cái bóng tối ẩm ướt này, tất cả những âm thanh này, đặc biệt là tiếng sóng biển càu nhàu này, tất cả dường như đều bảo chú rằng chú không nên đi tiếp nữa, rằng ở đây chả có gì tốt lành chờ đợi chú, rằng bản chân chú sẽ chẳng bao giờ còn đặt lên bờ vụng biển phía bên này của đất nước Nga nữa, rằng chú nên quay trở lại ngay, và chạy đi đâu đó, càng xa càng tốt, khỏi cái nơi khủng khiếp của chết chóc này. "Nhưng có lẽ chậm mất rồi, giờ đây số phận mình đã được quyết định, - chú vừa nghĩ vừa rùng mình, một phần vì ý nghĩ này, một phần

vì bị nước ngấm qua giày làm ướt chân. Vlađimia thở dài và đi tách khỏi anh trai một chút.

- Lạy Chúa ! Lẽ nào chúng lại giết ta, chính ta ? Lạy Chúa, xin hãy thương xót con, - chú thì thầm và làm dấu.

- Nào ta đi thôi, Vlađimia, - người anh nói khi chiếc xe ngựa nhỏ của họ đã lên cầu. - Chú có trông thấy quả đạn trái phá không ?

Trên cầu hai anh em còn gặp những xe tải chở thương binh, chở sọt đất, một xe chở đồ đạc do một người phụ nữ điều khiển. Không ai giữ chân họ ở phía bên kia cầu.

Do bản năng, hai anh em nép sát vào những bức tường của khẩu đội Nhikôlaiépxkaia[41], lặng lẽ đi, lắng nghe tiếng trái phá nổ ngay trên đầu họ, tiếng mảnh đạn rít rơi từ trên xuống. Rồi họ tới vị trí của khẩu đội, nơi đặt ảnh thánh. Tại đây họ được biết rằng khẩu đội nhẹ số năm nơi Vlađimia được cử tới đóng ở Kôrabenaia. Bất chấp hiểm nguy, họ quyết định cùng đi tới đơn vị người anh ở pháo đài năm để ngủ đêm và sáng hôm sau sẽ từ đó đi tới khẩu đội. Rẽ vào một hành lang, họ bước qua chân những người lính đang ngủ nằm dọc theo tường và cuối cùng đã tới trạm cứu thương.

11

Bước vào phòng thứ nhất, ngổn ngang giường thương binh nằm và nồng nặc mùi nhà thương nặng nề, lờm lợm kinh khủng, họ gặp hai nữ y tá bước ra phía họ.

Một bà tuổi trạc năm mươi, mắt đen, vẻ mặt nghiêm nghị, cầm bông băng và cuộn chỉ, đang ra lệnh cho một chú y sĩ trẻ đi sau bà ta ; người y tá kia rất đẹp, tóc vàng, khoảng hai mươi tuổi, khuôn mặt nhỏ nhắn, dịu dàng, tái nhợt ló ra khỏi chiếc khăn trùm màu trắng, trông đặc biệt yếu đuối dễ thương. Cô theo sau bà y tá, tay thọc vào túi áo blu, mắt nhìn xuống đất, như sợ không theo kịp bà ta.

Trung uý Kôdenxtốp hỏi xem họ có biết Martxôp bị cụt chân hôm qua nằm ở đâu không.

- Hình như thuộc trung đoàn P. phải không? - bà y tá hỏi. - Bà con với các anh đấy à ?

- Không ạ, đồng đội thôi.

- Hừm ! Cô hãy dẫn các ông ấy đi, - bà nói với cô y tá trẻ bằng tiếng Pháp, - ở chỗ kia kìa, - rồi bà cùng với chú y sĩ tiến lại gần một thương binh.

- Ta đi thôi, chú nhìn gì thế ! - người anh nói với Vlađimia lúc này đang rướn lông mày lên với

một vẻ đau khổ nhìn các thương binh, không dứt ra được. - Ta đi thôi !

Vlađimia đi với anh trai, nhưng vẫn không ngừng ngoái đầu nhìn lại và lặp đi lặp lại một cách vô ý thức :

- Ôi, trời ơi ! Trời ơi !

- Chắc là anh ấy mới tới đây ? - Cô y tá hỏi Kôdentxốp tay chỉ vào Vlađimia đang vừa kêu lên vừa thở dài, theo họ đi dọc hành lang.

- Chú ấy vừa mới tới.

Cô y tá xinh đẹp nhìn Vlađimia và bỗng oà khóc.

- Trời ơi, trời ơi! Bao giờ tất cả những chuyện này mới kết thúc ! - cô nói bằng giọng tuyệt vọng.

Họ bước vào căn phòng dành cho sĩ quan. Martxốp nằm ngửa, cẳng tay nổi gân xanh để trần tới khuỷu bắt ra sau gáy. Nét mặt vàng vọt của con người đó chứng tỏ anh đã nghiến chặt răng để khỏi kêu thét lên vì đau. Cẳng chân nguyên vẹn đi bít-tất thò ra khỏi chăn và hình như những ngón chân trong đó cứ ngó ngoáy liên hồi.

- Anh thấy trong người thế nào ? - cô y tá hỏi và đưa bàn tay có những ngón nhỏ nhắn mềm mại mà Vlađimia để ý thấy một ngón đeo chiếc nhẫn vàng khẽ nâng mái đầu hơi hói của Martxốp

lên và sửa lại gối cho anh. - Các bạn trong đơn vị đến thăm anh đây này.

- Tất nhiên là đau, - anh bực tức nói. - Để cho tôi yên, thế tốt hơn ! - và những ngón chân của anh ngọ nguậy nhanh hơn trong bít-tất. - Chào các anh ! Xin lỗi tên anh là gì nhỉ ? - Chúng mình đã cùng sống với nhau mà lại, - anh nói thêm, chả có vẻ hài lòng gì cả, đưa mắt nhìn Vlađimia có ý hỏi.

- Đây là chú em tôi vừa ở Pēterburg tới.

- Hừm ! Còn tôi thế là mãn hạn *hẳn* rồi, - anh cau mặt nói. - Chao, đau quá !.. Thà chết quách lại hay.

Anh co chân và rên lên rồi đưa tay che mặt.

- Phải để cho anh ấy nghỉ, - cô y tá thì thào nói, mắt nhoà lệ, - anh ấy yếu lắm.

Lúc còn ở mạn Bắc, hai anh em đã quyết định cùng đi với nhau lên pháo đài năm, nhưng khi rời khỏi doanh trại của khẩu đội Nhikôlaiépxkaia, dường như họ thoả thuận với nhau rằng không nên dấn thân vào hiểm nguy một cách vô ích, vì thế không đả động đến chuyện đó, họ quyết định đi riêng rẽ.

- Chỉ có điều là chú làm sao tìm được đơn vị hở Vlađimia ? - người anh nói. - Thôi được anh

cần vụ Nhikôlaiép sẽ dẫn chú tới Kôrabenaina, còn tôi đi một mình, mai tôi sẽ đến chỗ chú.

Và hai anh em không nói gì thêm nữa trong cuộc chia tay cuối cùng đó.

12

Tiếng súng đại bác vẫn tiếp tục rền lên mạnh mẽ như vậy, nhưng phố Êkatêrininxkaia, nơi Vlađimia cùng anh cần vụ Nhikôlaiép lặng lẽ phía sau đang đi qua, vẫn vắng vẻ và yên tĩnh. Qua màn đêm, chú chỉ nhận ra dãy phố rộng với những bức tường trắng của những ngôi nhà lớn bị phá huỷ ở nhiều quãng và vỉa hè lát đá trên đó chú đang đi. Thỉnh thoảng lắm chú mới gặp các binh lính và sĩ quan. Băng qua phía bên trái dãy phố, gần trụ sở hải quân, nhờ một ánh lửa sáng chói lên từ sau tường rào, chú nhìn thấy cây keo có cọc chống sơn xanh trồng dọc theo vỉa hè. Các tán lá cây phủ đầy bụi, xơ xác. Chú nghe rõ tiếng bước chân của mình và của Nhikôlaiép đang thở hổn hển lẽo đẽo phía sau. Chú chả nghĩ gì cả. Cô y tá đẹp có lòng nhân từ, cẳng chân của Martxốp với những ngón chân động đậy trong bít-tất, đạn trái phá và những hình ảnh khác nhau của cái chết lờ mờ xuất hiện trong trí tưởng tượng của

chú. Tất cả cái tâm hồn nhạy cảm trẻ trung của chú đau thắt lại và nhức nhối dưới ảnh hưởng của ý thức về sự cô đơn, sự dửng dưng của mọi người đối với số phận của chú lúc gặp nguy nan. "Mình sẽ bị giết, mình sẽ đau đớn quằn quại, - và chẳng có ai khóc thương mình !" Và đó là tất cả những gì thay thế cho nghị lực tràn trề và sự đồng cảm với cuộc sống của người anh hùng mà chú hằng mơ ước thiết tha. Trái phá nổ và rít ngày càng gần, Nhikôlaiép luôn luôn thở dài nhưng vẫn không nói gì. Khi đi ngang chiếc cầu dẫn sang phố Kôrabenaia chú nhìn thấy một cái gì đó rít lên, bay vút qua cách chỗ chú không xa về phía vụng biển, ánh sáng đỏ lừ của nó soi sáng trong chớp mắt những con sóng màu tím nhạt, mất hút, rồi sau đó lại nổi lên làm nước bắn tung toé.

- Này, quả ấy chưa nổ đâu ! - Nhikôlaiép nói.

- Ừ, - bất giác chú đáp bằng giọng lí nhí bất ngờ đối với chính mình.

Lại gặp những cáng chở thương binh, những xe tải của trung đoàn chở đất, một trung đoàn nào đó trên phố Kôrabenaia và một số kỵ binh đi ngang qua. Một sĩ quan kỵ binh, có người lính Kô-dắc đi kèm, đang phóng nước kiệu, khi trông thấy Vlađimia anh ta dừng ngựa lại gần chú, nhìn

chằm chặp vào mặt chú rồi quay ngoắt quất ngựa và phóng đi. "Đơn độc, đơn độc ! Mọi người đều dửng dưng chẳng hề quan tâm tới chuyện có mình hay không có mình trên cõi đời này, - chú bé khốn khổ khiếp sợ nghĩ và thật sự muốn khóc.

Leo ngược dốc dọc theo bức tường cao màu trắng, chú đi vào một phố có những ngôi nhà nhỏ bị phá nát, mà ánh sáng đạn trái phá luôn luôn chiếu sáng. Một người đàn bà say rượu, áo quần xộc xệch, bước ra khỏi cổng cùng với một thuỷ thủ, va vào chú.

- Bởi vì rằng nếu như anh ấy là một tâm hồn cao thượng, - người đàn bà lẩm bẩm, - xin lỗi quan lớn !

Trái tim chú bé khốn khổ cứ ngày càng nhức nhối, còn ở phía chân trời đen thẫm, chớp lửa bùng lên mỗi lúc một thêm dồn dập, đạn trái phá rít lên ngày càng nhiều và nổ ngay gần chú. Nhikôlaiép thở dài và bỗng lên tiếng. Vlađimia nghe giọng anh ta mà tưởng như nó vang lên từ dưới mồ :

- Đấy, lúc ở tỉnh cứ vội vội vã vã ra đi. Đi, đi cho nhanh. Đi đâu mà vội mới được chứ! Mấy ông thông minh hễ bị thương xoàng một cái là nằm nhà thương. Nằm đấy cũng cứ tốt, chẳng cần phải tìm chỗ tuyệt hơn.

- Chỉ cốt sao anh trai tôi lúc này được khoẻ mạnh, - Vlađimia đáp, chú mong được nói chuyện để xua đuổi cảm giác nặng nề đang ám ảnh chú.

- Khỏe mạnh ! Nói đến chuyện khỏe mạnh làm gì khi ông ấy đang ốm lử như thế! Mấy ông có sức khoẻ thật sự, lại thông minh nữa, lúc này đang nằm trong nhà thương. Ở đấy thì vui thú gì, phải không ? Hoặc cụt chân, hoặc cụt tay. Đấy, tất cả chỉ có thế ! Chả mấy chốc sẽ gặp tai họa ! Ở đây trong thành phố, còn hơn ở trên pháo đài, ấy thế mà cũng gay go khiếp. Vừa đi người ta vừa luôn mồm cầu kinh. Hừ, đồ quỉ, nó bay ngang trước mũi mình, vừa bay vừa kêu víu víu ! - anh cần vụ nói thêm, chú ý lắng nghe tiếng mảnh đạn rít gần. - Bây giờ tôi được lệnh dẫn ngài đi. Phận sự của bọn tôi thì đã quá rõ: nhận được lệnh là phải thi hành. Nhưng điều quan trọng là người ta đã giao chiếc xe tải cho một chú lính nào đó và các bọc hành trang để trên xe lại đã bị tháo ra. Bảo đi thì đi, nhưng hễ đồ đạc mất mát cái gì, lại cứ thằng Nhikòlaiép này mà trách.

Đi thêm mấy bước nữa, họ tới một quảng trường, Nhikôlaiép im lặng và thở dài.

- Đơn vị pháo của ngài đóng ở đây, thưa ngài ! - anh chợt nói. - Ngài hỏi người lính canh, anh ta sẽ chỉ cho ngài.

Vlađimia đi tiếp mấy bước nữa và không còn nghe thấy tiếng thở dài của Nhikôlaiép sau lưng mình. Chú bỗng cảm thấy mình hoàn toàn đơn độc. Cảm giác cô đơn trước nỗi hiểm nguy - chú tưởng như trước cái chết, - như tảng đá lạnh buốt nặng khủng khiếp đè lên tim chú. Chú dừng chân giữa quảng trường, đưa mắt nhìn quanh xem liệu có ai nhìn thấy chú không, rồi chú ôm lấy đầu và sợ hãi lẩm bẩm : "Trời ơi ! Lẽ nào mình lại là một thằng hèn, một thằng hèn đê tiện, xấu xa, vô tích sự ? Lẽ nào mình không thể chết trung thực vì Tổ quốc, vì Sa hoàng, vì Người mà mới đây với một niềm khoan khoái mình còn ao ước được chết kia mà ? Không ! Mình là một kẻ thảm hại, bất hạnh !" - Với cảm giác tuyệt vọng và chán chường thật sự đối với bản thân mình, Vlađimia hỏi người lính canh nhà ở của chỉ huy khẩu đội, rồi bước đi theo hướng người lính canh chỉ.

13

Chỗ ở của chỉ huy khẩu đội mà người lính canh chỉ cho chú là một ngôi nhà hai tầng nho nhỏ có lối từ sân vào. Ánh nến yếu ớt le lói qua một khung của sổ dán giấy. Người cần vụ ngồi trên bậc thềm và hút tẩu thuốc. Anh ta báo cáo với

chỉ huy khẩu đội, rồi dẫn Vlađimia vào phòng. Trong phòng có một chiếc bàn, trên đó ngổn ngang công văn, giấy tờ, kê giữa hai cửa sổ, dưới tấm gương vỡ nát, vài chiếc ghế dựa, chiếc giường sắt với chăn nệm sạch sẽ và một tấm thảm nhỏ treo gần giường.

Viên chánh quản đứng ngay gần cửa ra vào. Đó là một người đàn ông đẹp, ria mép rậm, lưng đeo gươm, trên áo choàng có gắn chiếc huân chương chữ thập, và huy chương chiến dịch Hung-ga-ri. Một sĩ quan cấp tá người tầm thước, tuổi trạc bốn mươi đi đi lại lại ở giữa phòng. Ông vận chiếc áo choàng cũ bằng dạ mỏng, mà sưng phải quấn băng.

Vlađimia bước vào phòng, xướng lên câu nói đã học thuộc lòng :

- Tôi, chuẩn uý Kôdentxốp-em, được phiên chế vào khẩu đội pháo binh nhẹ số năm, vinh dự tới trình diện ngài.

Chỉ huy khẩu đội đáp lễ một cách khô khan, không chìa tay bắt, mời chú ngồi.

Vlađimia bẽn lẽn ngồi trên ghế tựa gần bàn viết và bắt đầu mân mê chiếc kéo rơi vào tay chú. Chỉ huy khẩu đội tay vắt sau lưng, cúi đầu, chỉ thỉnh thoảng mới đưa mắt nhìn những bàn tay đang xoay xoay chiếc kéo, rồi lại tiếp tục im lặng đi trong phòng với vẻ mặt của một người

đang cố nhớ lại điều gì đó.

Chỉ huy khẩu đội là một người khá phục phịch, có một mảng hói lớn ở đỉnh đầu, ria mép rậm rủ xuống che lấp cả miệng, cặp mắt nâu to dịu dàng. Bàn tay ông sạch, đẹp và mập mạp, chân ông đi chữ bát, bước đi đầy tin tưởng và hơi khệnh khạng, điều này chứng tỏ chỉ huy khẩu đội không phải là một người rụt rè.

Ông dừng lại trước mặt viên chánh quản và nói:

- Này, từ ngày mai phải cho thêm ngựa kéo đạn pháo mỗi con một gắc-nơ(*) thóc nhé, kẻo không ngựa của ta gầy quá. Cậu nghĩ sao ?

- Bẩm có thể thêm được ạ, thưa đại nhân! Hiện nay lúa kiều mạch ngày càng rẻ, - viên chánh quản đáp, ngọ nguậy các ngón tay, bàn tay anh ta để dọc theo nẹp quần, nhưng rõ ràng tay của anh ta cứ thích làm động tác để hỗ trợ câu chuyện. - Bẩm đại nhân, lại còn anh lính Phransúk chuyên lo cung cấp thức ăn cho ngựa ở trạm quân lương hôm qua viết thư báo cho tôi biết rằng chúng ta phải mua ngay trục xe ở đấy, người ta nói rẻ lắm. Vậy đại nhân lệnh cho như thế nào ạ?

- Mua chứ : hắn đã cầm sẵn tiền mà, - rồi chỉ huy khẩu đội lại tản bộ trong phòng. - Thế

---

* Gắc-nơ - một đơn vị thể tích của nước Nga cổ xưa, bằng 3,28 lít.

đồ đạc của anh đâu ? - ông bất chợt hỏi Vlađimia khi dừng lại trước mặt chú.

Chú bé Vlađimia khốn khổ bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng chú là một thằng hèn, đến nỗi qua mỗi ánh mắt, mỗi lời nói, chú đều thấy tự khinh mình như khinh một thằng hèn thảm hại. Chú tưởng như chỉ huy khẩu đội đã hiểu rõ nỗi lòng thầm kín của chú và đang chế giễu chú. Chú bối rối trả lời rằng đồ đạc của chú còn ở để ở phố Grápxkaia và anh chú đã hứa mai sẽ đưa lại cho chú.

Nhưng viên trung tá không nghe chú nói hết, ông quay lại hỏi viên chánh quản :

- Ta nên xếp chuẩn uý ở đâu nhỉ ?

- Chuẩn uý ấy ạ ? - viên chánh quản nói, đảo mắt nhìn Vlađimia thật nhanh khiến chú càng bối rối. Cái nhìn đó tựa hồ như một câu hỏi : "Cái anh chuẩn uý này là người như thế nào nhỉ và có nên mất công xếp cho anh ta một chỗ nào đó không ?" - Dạ thưa đại nhân có thể xếp cho ngài đây ở cùng phòng với thượng uý ở tầng dưới ạ, - viên chánh quản tiếp tục nói, sau khi suy nghĩ một lát, - hiện nay thượng uý đang ở trên pháo đài, vì thế giường của ông ấy bỏ trống ạ.

- Bây giờ như thế đã được chưa nhỉ ? - chỉ huy khẩu đội nói. - Tôi chắc anh đã mệt, ngày mai chúng tôi sẽ thu xếp ổn hơn.

Vlađimia đứng dậy và cúi chào.

- Anh có dùng trà không ? - chỉ huy khẩu đội nói khi Vlađimia đã bước tới gần cửa ra vào. - Có thể bảo đặt ấm xa-mô-va.

Vlađimia cúi chào và bước ra khỏi phòng. Người cần vụ của đại tá dẫn chú xuống tầng dưới và đưa vào một căn phòng trần trụi, bẩn thỉu, trong đó ngổn ngang các thứ linh tinh và có một chiếc giường sắt không chăn không đệm. Một người nào đó mặc áo sơ-mi màu hồng, đang nằm ngủ trên giường, chiếc áo choàng to sụ đắp trên mình.

Vlađimia tưởng đó là một người lính :

- Piốt Nhikôlaiêvích ! - anh cần vụ vừa nói vừa lay vai người đang ngủ. - Ông chuẩn uý sẽ nằm đây... Đây là một học sinh sĩ quan của đơn vị ta, - anh nói thêm với Vlađimia.

- Chà, xin ông đừng lo ! - Vlađimia nói. Nhưng anh học sinh sĩ quan - một anh chàng có dáng người cao lớn, chắc nịch, đẹp, nhưng thật đần độn, vùng dậy khỏi giường, khoác áo choàng và hình như chưa thật tỉnh ngủ lắm, bước ra khỏi phòng.

- Không sao, tôi sẽ ngủ ngoài sân, - anh ta lẩm bẩm.

14

Khi còn lại một mình với những suy nghĩ riêng tư, cảm xúc đầu tiên của Vlađimia là sự kinh tởm cái trạng thái hoang mang rầu rĩ của tâm hồn mình. Chú muốn ngủ để quên hết mọi cái xung quanh và chủ yếu là quên ngay chính mình. Chú tắt nến, leo lên giường nằm, cởi áo choàng, trùm kín đầu để khỏi sợ bóng tối, vì từ bé chú đã có cái tật ấy. Nhưng bất chợt một ý nghĩ ập đến với chú : một quả đạn trái phá sẽ bay tới, xuyên thủng mái nhà và giết chết chú. Chú giỏng tai nghe ngóng : trên đầu chú, tiếng bước chân của chỉ huy khẩu đội vang lên thình thịch.

"Vả chăng nếu đạn bay tới, - chú nghĩ bụng, - thì trước tiên nó giết người ở tầng trên, rồi sau đó mới đến mình. Ít ra cũng không phải chỉ có mình bị giết." Ý nghĩ đó khiến chú hơi yên tâm và chú bắt đầu thiu thiu ngủ. "Thế ngộ nhỡ đêm nay bỗng nhiên quân Pháp chiếm được Xêvaxtôpôn và chúng ùa đến đây thì sao ? Mình sẽ tự vệ bằng cách nào? " Chú lại vùng dậy và đi đi lại lại trong phòng. Lòng khiếp sợ nỗi hiểm nguy có thể xảy ra lấn át nỗi khiếp sợ bí ẩn trước bóng tối. Ngoài chiếc yên ngựa và ấm xa-mô-va, trong phòng chả còn vật gì cứng nữa. "Mình là một thằng đê tiện,

một thằng hèn, một thằng hèn khốn khiếp!" Chú chợt nghĩ và lại rơi vào tâm trạng nặng nề của sự khinh bỉ, kinh tởm ngay cả bản thân mình. Chú lại đi nằm và cố gắng không nghĩ ngợi. Lúc ấy những ấn tượng trong ngày bất giác ùa vào trí tưởng tượng của chú dưới tiếng pháo kích không ngừng làm rung chuyển chiếc cửa kính duy nhất trong căn buồng của chú và nhắc chú nhớ tới nỗi hiểm nguy : khi thì chú tưởng như trông thấy thương binh và máu me, khi thì nhìn thấy đạn trái phá với các mảnh đạn bay vào phòng, khi thì thấy cô y tá xinh đẹp giàu lòng nhân từ băng bó cho chú đang hấp hối, và khóc thương chú, khi thì thấy mẹ chú đưa tiễn ở huyện ly, mắt đẫm lệ, cầu nguyên nhiệt thành trước ảnh thánh vô cùng mầu nhiệm. Và chú lại tưởng như không thể nào ngủ được. Nhưng bỗng nhiên chú chợt nghĩ tới thượng đế toàn năng nhân từ, người có thể làm được hết thảy và nghe thấu mọi lời cầu nguyện. Chú quỳ xuống, đưa tay làm dấu như người ta đã dạy chú cầu nguyện từ thời thơ ấu. Cử chỉ này bỗng đưa chú tới một cảm xúc dễ chịu đã bị lãng quên từ lâu.

"Lạy Chúa, nếu như con phải chết, phải bị huỷ diệt, thì xin Chúa hãy mau chóng ra tay. Nhưng nếu như cần phải có lòng dũng cảm, trí kiên cường

mà con còn thiếu, thì xin Chúa hãy ban cho con, hãy giải thoát cho con khỏi nỗi hổ nhục mà con không thể chịu đựng nổi, Chúa hãy bày cho con cách làm thế nào để có thể làm tròn ý Chúa".

Cái tâm hồn trẻ thơ, sợ sệt nông cạn của chú bỗng trở nên dày dạn, bừng sáng lên và cảm nhận thấy những chân trời mới rộng mở, rạng rỡ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi, cảm xúc dễ chịu ấy đã đem tới cho chú biết bao cảm nghĩ, và ngay sau đó chú ngủ thiếp đi, bình thản và vô tư lự trong tiếng súng tiếp tục ầm vang và tiếng cửa kính rung bần bật.

Ôi Chúa cao cả ! Chỉ một mình Người nghe thấu và am hiểu những lời nguyện cầu tuyệt vọng, giản dị, nhưng nồng nhiệt của sự dốt nát, đau khổ, hối hận mơ hồ, những lời nguyện cầu từ nơi khủng khiếp của thần chết này vọng tới tai Người. Người hiểu thấu từ viên tướng, một giây trước đó còn mơ tưởng tới bữa ăn sáng và huân chương thánh Ghêorghi đeo trên cổ, nhưng đầy khiếp sợ khi cảm thấy Người đang tiến lại gần, cho tới anh lính rã rời, đói khát, mình đầy chấy rận, nằm lăn lóc trên mặt nền trần trụi của khẩu đội Nhikôlaiép đang cầu xin Người mau chóng ban cho anh ta phần thưởng mà anh ta đã linh cảm thấy một cách vô ý thức để bù lại tất cả những đau khổ

không đáng phải chịu đựng của mình! Phải, Người lắng nghe không mệt mỏi lời cầu nguyện của những đứa con Người, Người phái vị thiên thần an ủi xuống với họ ở khắp mọi nơi để đem tới cho tâm hồn họ lòng nhẫn nại, ý thức về bổn phận và niềm vui hy vọng.

15

Kôdentxốp-anh gặp một người lính thuộc trung đoàn mình ở trên phố và cùng anh ta đi thẳng đến pháo đài năm.

- Xin ngài hãy đi sát vào tường ! - anh lính nói.

- Tại sao ?

- Nguy hiểm đấy, thưa quan lớn. Kìa nó đang bay ngang qua đầu, - anh lính nói, lắng nghe tiếng quả đạn rít và rơi xuống nền đất khô ở mé bên kia phố.

Kôdentxốp không nghe theo lời người lính, anh phấn khởi đi ngay giữa lòng đường.

Lại vẫn những đường phố ấy, vẫn những tia chớp lửa ấy, thậm chí còn dày đặc hơn, vẫn những tiếng súng, tiếng rên la, những cuộc gặp gỡ thương binh ấy, vẫn những khẩu đội, những luỹ đất, giao thông hào ấy, như hồi mùa xuân khi anh ở Xêva-

xtôpôn. Nhưng không hiểu sao giờ đây tất cả những cái đó trông ảo não, đồng thời kiên nghị hơn : nhà bị thủng nhiều hơn, trên các khung cửa sổ không còn le lói anh đèn, trừ ngôi nhà của Kusin dùng làm bệnh viện, không thấy bóng một người phụ nữ. Tất cả giờ đây không còn mang tính chất quen thuộc và vô tư lự như trước kia mà bị một nỗi buồn của sự chờ đợi nặng nề, mệt mỏi và căng thẳng bao phủ.

Giao thông hào cuối cùng đây rồi và đây là giọng nói của chú lính thuộc trung đoàn P., chú đã nhận ra người chỉ huy đại đội của mình trước đây, kia là tiểu đoàn ba khuất trong bóng tối, nép mình bên tường, thỉnh thoảng bị lửa đạn chiếu sáng chớp nhoáng và lộ ra qua tiếng nói chuyện thật khẽ và tiếng súng ống lách cách.

- Chỉ huy trung đoàn đâu ? - Kôdentxốp hỏi.

- Ở trong hầm ngầm của lính thuỷ, thưa quan lớn ! - chú lính tận tuy đáp. - Tôi xin dẫn ngài đi.

Chú lính dẫn Kôdentxốp đi từ giao thông hào này đến giao thông hào khác, rồi cả hai tới một ngách nhỏ trong giao thông hào. Một thuỷ thủ ngồi trong ngách hút ống điếu. Sau lưng anh là một cánh cửa, ánh sáng lọt ra qua các khe cửa đó.

- Có thể vào được không ?

- Tôi đi báo cáo ngay đây... - Và anh thuỷ thủ bước vào sau cửa.

Hai giọng nói vang lên sau cánh cửa :

- Nếu nước Phổ vẫn còn giữ thái độ trung lập, - một giọng nói, - thì nước Áo cũng...

- Nước Áo làm sao, khi các dân tộc Xlavơ..., - một giọng khác nói. - Được, mời vào.

Kôdentxốp chưa bao giờ đến hầm ngầm này. Anh sững sờ trước vẻ sang trọng của căn hầm. Sàn gỗ, cửa ra vào có bình phong che. Hai chiếc giường kê sát tường, một bức ảnh thánh lớn, khung thếp vàng, vẽ hình Đức Mẹ treo ở một góc, phía trước bức ảnh thánh có thắp một ngọn đèn nhỏ màu hồng. Một thuỷ thủ mặc nguyên cả quần áo đang nằm ngủ trên giường, chỉ huy mới của trung đoàn và sĩ quan phụ tá ngồi nói chuyện trên chiếc giường kia, trên chiếc bàn cạnh đó có đặt hai chai rượu vang mới mở. Tuy Kôdentxốp đâu có phải là kẻ hèn nhát và dứt khoát anh chẳng hề có lỗi trước chính phủ cũng như trước chỉ huy trung đoàn, anh vẫn cảm thấy rụt rè và gân cốt đầu gối anh run lên khi trông thấy viên đại tá mới đây con là bạn của anh : viên đại tá này đã đứng lên va nghe anh nói một cách kiêu hãnh quá. Thêm nữa, viên sĩ quan phụ tá vẫn ngồi, bộ dạng và cặp mắt của anh ta làm Kôdentxốp bối rối, bộ dạng đó như

muốn nói : "Tôi chỉ là bạn vị chỉ huy trung đoàn của anh thôi. Anh không đến trình diện với tôi và tôi không thể cũng như không muốn đòi hỏi ở anh một sự trọng thị nào cả". "Lạ lùng thật, Kôdentxốp nghĩ, khi nhìn vị chỉ huy của mình, - anh ấy tiếp nhận trung đoàn chỉ có bảy tuần lễ, ấy thế mà mọi thứ xung quanh anh ấy, từ áo quần, tư thế đến cách nhìn đều toát ra uy lực của một vị chỉ huy trung đoàn. Uy lực này không chỉ dựa trên tuổi tác, thâm niên phục vụ và tài năng quân sự mà chủ yếu dựa vào sự giàu có của chỉ huy trung đoàn. Cách đây không lâu chính anh chàng Batơrisép này còn đùa cợt với bọn mình, mặc hàng mấy tuần liền chiếc áo sơ-mi bằng vải bông không bắt bẩn và ăn một mình, chẳng mời mọc ai, món thịt băm với món varêniki [42] muôn thuở ! Còn bây giờ ? Áo sơ-mi bằng vải phíp Hà Lan lộ ra dưới chiếc áo đuôi én bằng dạ có tay áo rộng, trong tay là điếu thuốc lá loại mười rúp, trên bàn để chai rượu vang đỏ la-phít giá sáu rúp, tất cả những thứ này đều do viên sĩ quan quân nhu mua hộ theo giá đắt kinh khủng ở Ximphêrôpôn. Và cái vẻ kiêu hãnh lạnh lùng thể hiện qua ánh mắt của anh chàng quý tộc giàu có đó như muốn nói với anh: tuy tôi là bạn đồng ngũ của cậu vì tôi là chỉ huy trung đoàn thuộc trường phái mới, nhưng cậu chớ quên rằng lương cậu chỉ

có trăm tám chục rúp một năm, còn tôi đã từng nắm hàng vạn trong tay và cậu hãy tin rằng tôi biết chắc cậu sẵn sàng hiến nửa đời mình chỉ để được ở vào địa vị tôi".

- Anh điều trị hơi lâu, - viên đại tá lạnh lùng nhìn Kôdentxốp nói.

- Thưa đại tá, tôi bị ốm, đến bây giờ vết thương vẫn chưa lành hẳn.

- Thế thì anh về làm gì cho uổng công, - đại tá nói, cặp mắt ngờ vực nhìn thân hình chắc nịch của Kôdentxốp. - Tuy nhiên anh có thể hoàn thành công vụ được chứ ?

- Nhất định được chứ ạ !

- Thế thì tôi rất vui mừng, anh ạ. Vậy anh hãy chỉ huy đại đội chín, đơn vị cũ của anh, thay cho chuẩn uý Daitxép. Anh sẽ nhận được mệnh lệnh ngay bây giờ.

- Xin tuân lệnh.

- Khi tới đó, phiền anh bảo viên sĩ quan phụ tá của trung đoàn về gặp tôi nhé, - chỉ huy trung đoàn nói, rồi ông khẽ nghiêng mình chào để tỏ cho thấy cuộc tiếp xúc đã chấm dứt.

Ra khỏi hầm ngầm, Kôdetxốp lẩm bẩm mấy lần điều gì đó và nhún nhún vai tựa hồ như bị đau, anh cảm thấy sượng sùng và bực bội, không

phải bực bội với viên chỉ huy trung đoàn (chả có lý do gì để bực anh ta), mà bực bội với chính bản thân mình và dường như anh bất mãn với mọi thứ xung quanh. Cũng như mọi quan hệ pháp lý, kỷ luật và điều kiện thể hiện nó - sự phục tùng của cấp dưới đối với cấp trên - chỉ dễ chịu khi, ngoài ý thức của hai phía thừa nhận sự cần thiết phải có nó, kỷ luật dựa trên sự thừa nhận từ cấp dưới cái ưu thế về mặt kinh nghiệm, về tài năng quân sự, hoặc thậm chí về đạo đức vẹn toàn của cấp trên. Ngược lại, như thường hay xảy ra ở nước ta, khi kỷ luật dựa trên sự ngẫu nhiên hay nguyên tắc tiền tài, thì bao giờ nó cũng chuyển thành một mặt là lối làm bộ làm tịch và mặt kia là sự bực bội và đố kỵ ngấm ngầm. Và đáng lẽ có ảnh hưởng hữu ích trong việc liên kết quần chúng thành một khối, kỷ luật sẽ gây ra tác động hoàn toàn trái ngược. Người nào không cảm thấy bản thân mình có sức mạnh của phẩm giá bên trong khiến người ta kính trọng, người đó bất giác sẽ sợ sự gần gũi cấp dưới và sẽ cố gắng dùng vẻ quan trọng bề ngoài để tránh sự phê phán mình. Những người cấp dưới nhìn thấy độc có cái bề ngoài xúc phạm đối với họ này - phần lớn cái bề ngoài ấy là bất công đối với họ - sẽ cho rằng đằng sau cái bề ngoài này chả có gì là tốt đẹp cả.

16

Trước khi đến với các sĩ quan của mình, Kôdentxốp tới chào hỏi anh em trong đại đội và xem xét nơi đại đội đóng quân. Những chiến luỹ đắp bằng nhiều sọt đất, những giao thông hào ngoằn ngoèo, những cỗ súng đại bác mà anh đi ngang qua, thậm chí cả những mảnh đạn và những viên đạn trái phá mà anh vấp phải dọc đường đi, tất cả những cái đó, không ngừng được lửa đạn chiếu sáng, đều quen thuộc đối với anh. Tất cả những cái đó đã hằn sâu trong ký ức anh ba tháng trước đây, khi mà anh đã phải trải qua suốt hai tuần lễ, sống bế tắc trên pháo đài này. Tuy trong hồi ức đó có nhiều điều khủng khiếp, nhưng xen lẫn vào đó vẫn có cái gì kỳ thú của quá khứ, và anh sung sướng nhận ra những địa điểm và cảnh vật quen thuộc, tựa hồ như hai tuần lễ sống ở đây rất thú vị. Đại đội anh bố trí dọc theo bức tường phòng ngự dẫn tới pháo đài sáu.

Kôdentxốp bước xuống chiếc hầm dài, chỗ cửa vào hoàn toàn lộ thiên, nơi đại đội chín đóng quân, như người ta bảo với anh. Trong hầm ngầm chậtních đến mức không còn chỗ mà đặt chân : binh lính ngồi đầy đến tận cửa ra vào. Một ngọn nến mỡ cong queo do một người lính nằm cầm trong

tay soi sáng một góc hầm. Một chú lính khác đang đánh vần để đọc một cuốn sách gì đó, ghé sách vào sát ngọn nến. Từ trong bóng tối lờ mờ của hầm ngầm hôi hám, những mái đầu nghển lên khao khát nghe đọc sách. Đó là cuốn sách học vỡ lòng và khi bước vào hầm ngầm, Kôdentxốp nghe đọc đoạn sau đây :

- "Nỗi sợ... chết là một tình... cảm bẩm sinh của con... người".

- Khêu ngọn nến lên tí, - một giọng nói. - Sách tuyệt đấy.

- "Chúa Trời... của tôi..." - anh lính đọc tiếp.

Khi nghe tiếng Kôdentxốp hỏi viên chánh quản, người đọc sách ngừng bặt, anh em binh lính bắt đầu cựa quậy, ho, xỉ mũi như thường xảy ra sau một hồi lâu cố giữ im lặng. Viên chánh quản cài khuy áo quân phục, vươn dậy từ chỗ gần đám đọc sách, bước qua và dẫm cả lên những cẳng chân không còn biết thu vào đâu, để ra đón viên sĩ quan.

- Chào anh bạn ! Toàn đại đội ta đây à ?

- Xin chúc mừng quan lớn đã trở về ! - viên chánh quản đáp, vui vẻ và thân ái nhìn Kôdentxốp. - Sức khoẻ quan lớn đã hồi phục rồi chứ ạ ? Cũng là nhờ ơn Chúa ! Kẻo thiếu ngài chúng tôi đâm buồn.

Ta thấy ngay là Kôdentxốp được đại đội yêu mến.

Trong đáy hầm vang lên nhiều giọng nói báo tin cho nhau : "Đại đội trưởng cũ trở lại đấy mà, ông ấy đã bị thương, Kôdentxốp Mikhain Xêmiônôvích đấy" v.v.. Một vài người thậm chí còn xán lại gần anh, anh lính đánh trống chào hỏi anh.

- Chào Ôbantsúc ! - Kôdentxốp nói. - Nguyên vẹn không ? Khỏe cả chứ anh em ! - anh cất cao giọng, nói.

- Xin chúc mừng quan lớn ! - mọi người trong hầm ngầm đồng thanh nói.

- Anh em sống thế nào ?

- Thưa quan lớn, tệ lắm ạ, thằng Pháp thắng thế, nó chơi xỏ lá : cứ từ chiến hào nã ra rất khiếp, chứ không thò mặt ra cánh đồng.

- Có lẽ nhờ Chúa tôi sẽ có cái may mắn được nhìn thấy chúng nó ló mặt ra cánh đồng đấy, anh em ạ ! - Kôdentxốp nói. - Đây đâu phải là lần đầu, tôi và anh em sẽ choảng cho chúng nó một trận.

- Chúng tôi sẽ gắng sức, thưa quan lớn ! - một vài giọng nói.

- Bẩm quan, chúng nó cũng gan dạ đấy, gan dạ khiếp ấy chứ ! - anh lính đánh trống nói nhỏ, nhưng đủ nghe, hướng về một người lính khác

hình như để chứng tỏ lời nói của chỉ huy đại đội là đúng và để thuyết phục người lính kia rằng điều đó chả có gì để huênh hoang cũng như ba láp cả.

Chia tay những người lính xong, Kôdentxốp đến doanh trại ở tuyến phòng ngự gặp các sĩ quan đồng đội.

17

Trong căn phòng lớn của doanh trại dày đặc những người: các sĩ quan hải quân, pháo binh và bộ binh. Một số đã đi ngủ, một số khác ngồi trên một chiếc hòm và chiếc giá súng đại bác trò chuyện, nhóm thứ ba đông nhất và ồn ào nhất, họ ngồi lên hai chiếc áo khoác trải ngay trên sàn, uống bia và chơi bài.

- A ! Kôdentxốp, Kôdentxốp, hay quá cậu đã về, cừ thật! Vết thương thế nào ? - nhiều giọng nói vang lên từ khắp các phía. Và ở đây rõ ràng là mọi người cũng yêu quý anh và vui mừng khi thấy anh trở về.

Kôdentxốp bắt tay anh em quen biết, rồi nhập vào tốp người ồn ào gồm mấy sĩ quan đang chơi bài. Trong số này có những người quen của anh.

Một anh chàng đẹp trai, tóc đen, gầy còm, mũi dài khô đét, bộ ria rậm, mọc tràn ra cả ma, cầm cái bằng những ngón tay xương xẩu, trên một ngón đeo chiếc nhẫn lớn bằng vàng có khắc biểu tượng. Anh ta xỉa bài thẳng và cẩu thả, dường như đang xúc động vì một điều gì đấy và chỉ muốn làm ra vẻ cẩu thả thế thôi. Một thiếu tá tóc bạc nằm chống khuỷu tay gần anh ta ở phía bên phải. Ông này đã uống khá nhiều bia, và với vẻ giả bộ phớt đời ông ta đặt mỗi ván năm mươi cô-pếch và hễ thua là thanh toán ngay. Ngồi xổm bên tay trái nhà cái là một chàng sĩ quan nhỏ nhắn mặt mày đỏ lựng, nhễ nhại mồ hôi, gượng cười và đùa cợt khi người ta quật các quân bài của anh ta, một tay anh ta không ngừng ngọ nguậy trong túi quần rỗng tuếch. Anh này đặt nhiều tiền, nhưng rõ ràng không phải là tiền mặt, điều này làm cho anh chàng đẹp trai tóc đen bực mình. Một sĩ quan đầu hói, gầy gò, da tái nhợt và không có ria mép, cái miệng dữ tợn rất rộng, cầm một nắm giấy bạc to trong tay, đi lại ở trong phòng. Anh ta luôn đặt toàn bộ số tiền có trong tay vào ván bài và đã được bạc.

Kôdentxốp uống rượu vốt-ka, rồi ngồi vào bên cạnh những người chơi bài.

- Đặt tiền chơi đi, Mikhain Xêmiônôvich ! -

người cầm cái bảo anh. - Tôi chắc là anh đem theo vô khối tiền.

- Đào đâu ra tiền ? Trái lại, tôi đã tiêu đến xu cuối cùng ở thành phố rồi

- Thôi đi ! Chắc anh đã trấn được một tay nào đó ở Ximphêrôpôn rồi chứ.

- Thú thực còn ít lắm, - Kôdentxốp nói, nhưng hình như anh lại không muốn để người ta tin mình, anh cởi khuy áo và cầm lên tay mấy quân bài cũ.

- Thử tí xem, biết đâu đấy ! Anh biết là nhiều khi muỗi đốt cũng khá đau đấy. Chỉ có điều là phải uống một tí cho mạnh dạn lên.

Và chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi sau khi đã uống thêm ba ly nhỏ rượu vốt-ka và vài cốc bia nữa, anh đã hoàn toàn nhập cuộc với đám người ở đây, nghĩa là cảm thấy mình như chơi vơi trong sương mù, lãng quên hiện thực và anh đã thua sạch cả ba rúp cuối của mình.

Viên sĩ quan nhỏ bé mặt đẫm mồ hôi phải ghi nợ một trăm rưởi rúp.

- Đúng là mình không may rồi, - anh ta nói, uể oải chuẩn bị ván bài mới.

- Phiền anh chuyển tiền cho tôi, - nhà cái nói với anh ta, tạm dừng cầm cái và nhìn anh.

- Anh làm ơn để cho đến mai tôi sẽ trả, - viên sĩ quan mồ hôi nhễ nhại vừa đáp vừa đứng dậy và ra sức khua tay trong chiếc túi rỗng tuếch.

- Hừm ! - nhà cái càu nhàu, vừa chia nốt bài vừa hằn học quay ngang quay dọc. - Tuy nhiên không nên chơi kiểu đó, - anh ta đặt bài xuống nói, - tôi chịu. Không nên chơi kiểu đó, Dakharơ Ivanôvích, chúng mình chơi tiền mặt, chứ có chơi ghi nợ đâu.

- Thế ra anh nghi ngờ tôi à ? Kỳ quặc thật !

- Anh bảo tôi nhận tiền từ ai đây ? - viên thiếu tá lẩm bẩm, lúc ấy đã say khướt, ông ta được đâu khoảng tám rúp. - Tôi đã trả hơn hai chục rúp, lúc được lại chả nhận được xu nào.

- Tôi lấy đâu ra mà trả, - nhà cái nói, - khi trên bàn không có tiền ?

- Tôi biết đâu được ! - thiếu tá gào lên và đứng dậy. - Tôi chơi với các ông, những người tử tế, chứ có chơi với họ đâu.

Viên sĩ quan mồ hôi nhễ nhại bỗng nổi cáu:

- Tôi nói là mai tôi sẽ trả, tại sao các anh dám nói láo về tôi?

- Tôi thích thì tôi nói! Những người tử tế không làm như vậy, anh rõ chưa ! - thiếu tá lại gào lên.

- Thôi đủ rồi Phêđor Phêđôrôvich ! - Mọi người

cùng nói, níu viên thiếu tá lại. - Ông cứ mặc hắn!

Nhưng viên thiếu tá hình như chỉ đợi người ta cầu xin mình bớt giận để nổi khùng lên thật sự. Ông ta bỗng chồm lên và lảo đảo xông về phía viên sĩ quan mồ hôi nhễ nhại.

- Tôi nói láo hả? Ai cao tuổi hơn anh, ai đã phụng sự Nga hoàng của mình suốt hai mươi năm, nói láo à ? Anh là đồ con nít ! Đồ đê tiện ! - ông bỗng rít lên, ngày càng hăng lên trước tiếng la hét của chính mình.

Nhưng chúng ta mau chóng hạ màn trước cảnh tượng quá đỗi não lòng này. Ngày mai, có thể là ngày hôm nay, mỗi người trong bọn họ sẽ vui vẻ và kiêu hãnh tiến lên giáp mặt với thần chết và họ sẽ chết một cách cứng cỏi, bình thản. Nhưng trong những hoàn cảnh thiếu tất cả tình người, tuyệt vọng không lối thoát, những hoàn cảnh làm cho ngay cả trí tưởng tượng lạnh lùng nhất phải khiếp sợ, niềm vui duy nhất của cuộc sống là quên lãng, là thủ tiêu ý thức về sự vật. Trong đáy lòng mỗi người vẫn có tia lửa cao thượng, nó sẽ biến họ thành anh hùng. Những tia lửa đó, không phải lúc nào cũng cháy sáng, vào phút giây bất hạnh nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa và soi sáng những sự nghiệp vĩ đại.

18

Ngày hôm sau cuộc phao kích vẫn tiếp tục mãnh liệt như vậy. Vào quãng mười một giờ sáng, Vlađimia Kôdentxôp ngồi trong nhóm các sĩ quan của khẩu đội và đã kịp làm quen đôi chút với họ. Chú nhìn các khuôn mặt mới, quan sát, hỏi han và kể chuyện. Cuộc trò chuyện nhã nhặn thiên về sách vở của các sĩ quan pháo binh khiến chú vui thích và kính trọng họ. Các sĩ quan cũng mến vẻ ngây thơ và bẽn lẽn của Vlađimia. Viên sĩ quan kỳ cựu nhất trong khẩu đội, một viên đại uý người tầm thước, tóc hung hung đỏ, có một món tóc rủ trước trán và mái tóc rất trơn ở thái dương, được đào tạo theo truyền thống cũ của pháo binh, biết khiêu vũ cùng các phu nhân và hình như cũng có học thức. Ông hỏi han Vlađimia về những hiểu biết của chú về pháo binh, về những phát minh mới, âu yếm đùa cợt sự trẻ trung và khuôn mặt đẹp của chú, nói chung ông đối xử với chú như người cha với con, khiến Vlađimia thấy rất vui vẻ, thoải mái. Thiếu uý Điađenkô, một sĩ quan trẻ có mái tóc bù xù, nói giọng Ukraina, vận chiếc áo choàng đã rách, tuy vậy hay nói rất to, cử động sỗ sàng và luôn luôn tìm dịp gây ra những cuộc tranh cãi nảy lửa về một vấn đề gì đó. Vlađimia vẫn thấy mến anh ta vì qua cái

bề ngoài thô lỗ của anh, chú nhận thấy đây là một con người rất tốt và vô cùng đôn hậu. Điađenkô luôn luôn giúp đỡ Vlađimia và chứng minh cho chú thấy rằng tất cả các khẩu pháo ở Xêvaxtôpôn đều đặt sai quy cách. Vlađimia chỉ không thích trung uý Tsernôvitxki, con người có cặp lông mày nhướn cao, tuy ông ta lễ độ hơn hết thảy, vận áo đuôi én khá sạch, tuy không mới nhưng được và víu cẩn thận và để lộ chiếc dây chuyền nhỏ bằng vàng đeo đồng hồ trên nền áo gi-lê bằng xa-tanh. Ông cứ luôn miệng hỏi chú xem Sa hoàng và tổng trưởng chiến tranh đang làm gì và kể cho chú nghe với niềm phấn khởi thiếu tự nhiên về những chiến công dũng cảm ở Xêvaxtôpôn, phàn nàn rằng ít gặp những hành động yêu nước và chê trách những mệnh lệnh mà ông cho là thiếu khôn ngoan v.v.. Nói chung ông tỏ ra là người hiểu biết nhiều, có trí tuệ và có những tình cảm cao thượng, nhưng chẳng hiểu sao Vlađimia vẫn cảm thấy như tất cả những cái đó có vẻ khuôn sáo và thiếu tự nhiên. Cái chính là chú nhận thấy rằng các sĩ quan khác hầu như không nói chuyện với Tsernôvitxki. Anh học sinh sĩ quan Vlangơ người bị chú đánh thức hồi tối qua, cũng có mặt ở đây. Anh ta không nói gì, khiêm tốn ngồi ở một góc, cười vang khi có chuyện gì đó buồn cười, nhắc nhở khi có những chi tiết bị bỏ

quên, hay rót rượu vốt-ka và cuốn thuốc lá cho tất cả các sĩ quan. Binh lính không hiểu sao thích đọc trệch họ anh thành họ của một cô gái là *Vlanga.* Không rõ Vlangơ mê Vlađimia vì chú đối xử với anh ta một cách lịch thiệp nhã nhặn như với một sĩ quan, không xem thường anh ta như con nít hay do vẻ đẹp dễ thương của chú, chỉ biết là cặp mắt to ngây ngô, đôn hậu của anh ta không rời khỏi khuôn mặt người sĩ quan trẻ tuổi, anh ta đoán trước và lường trước được mọi ý thích của chú và lúc nào cũng ở trong trạng thái như mê mẩn đắm say khiến các sĩ quan rõ ràng là đã nhận thấy và cố nhiên đem ra làm trò cười.

Thượng uý Kraút hết phiên trực ở pháo đài đã về nhập bọn với mọi người vào trước bữa ăn trưa. Đó là một sĩ quan sôi nổi, đẹp trai, tóc vàng, có bộ râu quai nón với cặp ria mép rậm màu hung. Anh nói tiếng Nga rất giỏi, nhưng quá đúng và quá hoa mỹ đối với người Nga. Cách sống, cách làm việc của anh cũng giống như cách anh nói, anh hoàn thành tốt mọi công vụ, là một đồng đội xuất sắc, một người đáng tin cậy về mặt tiền nong. Nhưng đơn giản với tư cách là một con người, thì chính tất cả những cái quá tốt đẹp đó làm cho con người anh như còn thiếu một cái gì đó. Cũng như mọi người Nga gốc Đức, tương phản kỳ lạ với những người Đức lý tưởng ở Đức, anh là con

người hết sức thực tiễn.

- Kìa, người anh hùng của chúng ta đã về ! - viên đại uý nói khi Kraút khua tay và khua đinh thúc ngựa, vui vẻ bước vào phòng. - Phriđrích Krextianôvích, anh muốn uống trà hay vốt-ka.

- Tôi đã sai dọn nước trà, - anh đáp. - Còn về khoản rượu ta có thể nhấp một chút cho sảng khoái tinh thần. Rất hân hạnh được làm quen, mong được anh yêu quý và chiếu cố, - anh ta vừa nói với Vlađimia vừa đứng dậy chào. - tôi là thượng uý Kraút. Viên hạ sĩ quan đã nói với tôi ở pháo đài rằng anh đến từ hôm qua.

- Rất cám ơn anh đã cho tôi ngủ nhờ trên giường anh.

- Anh ngủ ngon giấc chứ ? Vì một chiếc chân giường bị gãy và chả có ai sửa chữa cả, trong hoàn cảnh bị bao vây mà, thành ra cứ phải kê chèn.

- Phiên trực của anh may mắn chứ. - Điađenkô hỏi.

- Không sao chỉ có con ngựa Xkvortxốp là gian truân. Hôm qua người ta *đã sửa* một bộ giá súng. Một chiếc càng pháo bị phá tan tành.

Anh đứng dậy và đi đi lại lại, rõ ràng cả con người anh ta đang chìm trong cảm giác dễ chịu của một người vừa qua khỏi hiểm nguy.

- Thế nào Đmitơri Gavrilôvich, - anh vừa nói,

vừa lay đầu gối viên đại úy, - khỏe chứ, ông bạn? Việc đề nghị thăng thưởng của anh đến đâu rồi, vẫn bặt tin à ?

- Chưa có tin tức gì cả.

- Và sẽ chẳng có gì đâu, - Điađenkô nói, - tôi đã chứng minh cho anh thấy trước rồi mà.

- Tại sao lại không có gì ?

- Tại vì bản báo cáo tác chiến anh viết sai quy cách.

- Chà, cái anh này, đồ gây sự, - Kraút nói, vui vẻ mỉm cười. - Một tay Ukraina chính cống bướng bỉnh. Dù có trở ngại gì đi nữa, anh cũng vẫn cứ được lên trung uý.

- Không, chả được thăng đâu.

- Vlangơ này, đi lấy hộ tôi chiếc tẩu thuốc một tí, nhớ nhồi thuốc vào nhé, - anh nói với cậu học sinh sĩ quan, cậu này lập tức chạy đi lấy ngay.

Kraút làm mọi người vui nhộn hẳn lên, anh kể về trận pháo kích, hỏi han tình hình ở nhà lúc anh vắng mặt, trò chuyện với tất cả mọi người.

19

- Thế nào, anh đã thu xếp ổn thoả ở chỗ chúng tôi rồi chứ ? - Kraút hỏi Vlađimia. - Xin lỗi, họ

tên anh là gì nhỉ? Anh cũng biết đấy, đây là thói quen ở chỗ pháo binh chúng tôi. Anh đã kiếm được ngựa cưỡi chưa ?

- Chưa, - Vlađimia, - tôi chưa biết phải làm thế nào. Tôi đã nói với đại uý : tôi không có ngựa, tiền cũng không có nữa, chừng nào tôi chưa nhận được tiền đi đường và tiền chi cho việc mua cỏ ngựa. Tôi vừa định hỏi xin chỉ huy khẩu đội cấp ngựa, nhưng lại sợ ông ấy từ chối.

- Hỏi xin Apôlôn Xergâyêvich ấy à ? - anh ta chép miệng tỏ ý rất nghi ngờ và nhìn viên đại uý. - Vị tất đã được ?

- Nếu ông ấy từ chối thì cũng chả sao đâu, - đại uý nói, - nói thật ra ở đây cũng chả cần ngựa để làm gì, ấy thế nhưng hôm nay tôi cũng cứ hỏi xin xem sao.

- Thế nào, có lẽ đại uý chưa biết rõ ông ấy thôi, - Điađenkô nói xen vào, - ông ấy sẽ từ chối nhiều việc khác, nhưng không đời nào từ chối chú này... anh muốn đánh cuộc không nào ?..

- Chà, ai chả biết anh cứ hay nói ngang.

- Tôi nói ngang, vì tôi biết rằng ông ta keo kiệt về khoản khác cơ, chứ ngựa thì ông ấy sẽ cấp, bởi lẽ việc từ chối sẽ bất lợi.

- Sao lại bất lợi một khi ông ấy phải chi ở đây tám rúp tiền lúa kiều mạch cho mỗi con ngựa, -

Kraút nói. - Cái lợi của ông ta là không nuôi thêm một con ngựa thừa !

- Vlađimia Xêmiônôvích, anh hãy hỏi xin con Sáo đá ấy, ngựa tuyệt vời đấy ! - Vlangơ quay trở lại mang tẩu thuốc cho Kraút.

- Cái con ngựa đã lăn xuống hào ở Xôrôki cùng với cậu ấy hả, Vlanga ? - thượng uý cười vang.

Điađenkô tiếp tục tranh cãi :

- Không, sao anh nói là nuôi mỗi con ngựa mất tám rúp tiền lúa kiều mạch, trong khi trên chứng từ ông ta khai những mười rúp rưỡi ; thế tất nhiên là không có lợi rồi.

- Cứ làm như ông ta không còn được gì nữa ấy! Anh mà là chỉ huy khẩu đội có lẽ anh sẽ không cho ngựa quay trở về thành phố nữa chắc !

- Tôi mà là chỉ huy khẩu đội, thì ngựa của tôi mỗi ngày sẽ ăn bốn gắc-nơ lúa kiều mạch một con, anh bạn ạ. Tôi sẽ không kiếm chác đâu, đừng sợ.

- Sống lâu với biết đêm dài, - thượng uý nói. - Anh rồi cũng sẽ kiếm chác, và lũ này, - ông chỉ vào Vlađimia nói thêm, - sau này nếu được chỉ huy khẩu đội, chúng nó cũng sẽ đút của thừa vào túi.

- Phriđrích Krextianôvích này, tại sao ông lại cứ nghĩ rằng họ muốn lợi dụng ? - Tsernôvítxki xen vào câu chuyện. - Có thể là họ giàu có: vậy họ lợi dụng để làm gì ?

- Không ạ, tôi... xin đại uý tha lỗi cho, - Vlađimia nói, đỏ tía đến tận mang tai, - tôi coi như thế là không cao thượng.

- Hề hề ! Tội nghiệp anh ta làm sao ! - Kraút nói. - Lên tới đại uý anh sẽ đổi giọng đấy.

- Đằng nào cũng thế thôi. Tôi chỉ nghĩ rằng nếu không phải tiền của tôi thì tôi không thể lấy được.

- Còn tôi thì nói với anh thế này, chàng trai ạ, - thượng uý bắt đầu bằng một giọng nghiêm chỉnh hơn. - Anh có biết không, khi anh chỉ huy khẩu đội, nếu công việc thuận buồm xuôi gió, thì nhất định trong thời gian bình an cũng còn được năm trăm rúp, và trong thời chiến, thì độ bảy tám nghìn rúp chỉ riêng về khoản ngựa. Được thôi. Chỉ huy khẩu đội không dính vào chuyện cung cấp lương thực cho binh sĩ : từ lâu, trong pháo binh ta vẫn làm như thế. Nếu anh là tay quản lý tồi, anh chả còn được gì cả. Bây giờ anh còn phải chi tiêu trái với quy định về khoản tiền đóng móng ngựa là một (anh ta gập một ngón tay lại), về khoản thuốc men là hai (anh gập một ngón tay khác), về khoản phí tổn văn thư là ba, phải trả năm trăm cho mỗi con ngựa kéo pháo, còn giá quy định chính thức là năm mươi, đó là bốn. Anh phải thay cổ áo cho lính, trái với

quy định. phải lo việc ăn uống của các sĩ quan, và tiền than tốn kém nhiều. Nếu anh là chỉ huy khẩu đội anh phải sống cho đàng hoàng: phải sắm chiếc xe ngựa, chiếc áo lông và mọi thứ linh tinh khác nữa... Tất nhiên...

- Mà cái chính là thế này, Vlađimia Xêmiônôvích ạ, - viên đại uý từ nãy đến giờ vẫn im lặng, nói chen vào, - anh thử hình dung xem một con người như tôi chẳng hạn, phục vụ suốt hai mươi năm nay, đầu tiên với tiền lương hai trăm, rồi sau đó ba trăm rúp, thường xuyên đói khổ. Thế mà lại không chiếu cố công lao phục vụ cho anh ta kiếm miếng bánh phòng lúc về già, trong khi bọn môi giới kiếm mỗi tuần hàng chục ngàn là thế nào ?

- Hầy ! Chuyện do ăn nhầm gì ở đây, - thượng uý lại nói. - Anh chớ vội và xét đoán, hãy cứ sống và lo công vụ đi.

Vlađimia cảm thấy vô cùng ngượng ngùng và xấu hổ vì mình đã ăn nói thiếu suy nghĩ như thế, chú lẩm bẩm điều gì đó, rồi im lặng tiếp tục lắng nghe Điađenkô hết sức sôi nổi lao vào tranh cãi và chứng minh ngược lại.

Khi người cần vụ của đại tá tới mời mọi người đi ăn, cuộc tranh luận mới bị ngắt quãng :

- Hôm nay, anh nói với Apôlôn Xergâyêvích

để ông ấy cho rượu vang nhé, - Tsernôvítxki vừa gài khuy áo vừa nói với đại uý. - Sao ông ấy lại keo kiệt thế ? Nếu người ta bị giết, thì rồi chả ai được hưởng cả !

- Anh đi mà nói với ông ấy, - đại uý đáp.

- Không, anh là sĩ quan cấp trên tôi, cái gì cũng phải có tôn ti trật tự chứ.

20

Trong chính căn phòng mà hôm qua Vlađimia tới trình diện đại tá, chiếc bàn đã được kéo ra xa tường và được phủ một chiếc khăn bẩn thỉu. Lúc này chỉ huy khẩu đội chìa tay cho chú bắt và hỏi chuyện chú về Pêterburg và về việc đi đường.

- Nào, các ngài, ai uống rượu vốt-ka, xin mời lần lượt tới. Các sĩ quan dự bị không uống rượu mạnh, - ông nói thêm, mỉm cười với Vlađimia.

Nói chung, chỉ huy khẩu đội lúc này không có vẻ nghiêm khắc như hôm qua. Ngược lại ông giữ vẻ mặt của một ông chủ mến khách đôn hậu và của một đồng đội đàn anh. Mặc dầu vậy, qua riêng cái cung cách họ nói, cách họ lễ phép nhìn vào mắt vị chỉ huy và cách họ rụt rè lần lượt tiến lại gần thủ trưởng để lĩnh rượu vốt-ka uống, ta

thấy tất cả các sĩ quan từ viên đại uy già đến anh chàng Điađenkô hay tranh cãi, đều tỏ ra hết sức kính trọng ông.

Bữa ăn gồm có một liễn to canh bắp cải trong đó nổi lềng bềnh những mảng thịt bò béo ngậy, rất nhiều ớt và lá nguyệt quế, món thịt băm kiểu Ba Lan rắc mù tạt, bánh nướng nhồi mỡ không được tươi cho lắm. Khăn ăn không có, thìa toàn bằng sắt tây và bằng gỗ, có hai chiếc cốc và trên bàn chỉ có một bình đựng nước đã sứt vòi. Nhưng bữa ăn không tẻ nhạt: mọi người chuyện trò không lúc nào dứt. Thoạt đầu người ta nói về trận Inkerman mà khẩu đội đã tham gia. Ai cũng kể về những ấn tượng và suy nghĩ của mình, về nguyên nhân thất bại và lặng im khi chính chỉ huy khẩu đội lên tiếng. Sau đó câu chuyện cố nhiên chuyển sang vấn đề thiếu các cỡ đạn cho pháo loại nhẹ, và những cỗ đại bác kiểu mới được cải tiến cho nhẹ bớt, trong chuyện này Vlađimia đã kịp phô bày những hiểu biết của mình về pháo binh. Nhưng không ai đả động đến tình trạng thật sự khủng khiếp của Xêvaxtôpôn hiện nay, tựa hồ người nào cũng đã nghĩ nhiều về nó nên chẳng còn muốn nói đến nó làm gì. Họ cũng không nói gì về những trách nhiệm trong công vụ mà Vlađimia phải gánh vác - điều này khiến chú rất ngạc nhiên và buồn rầu - tựa hồ như chú đến Xêvaxtôpôn chỉ là để

kể chuyện về những cỗ pháo đã được cải tiến cho nhẹ hơn và để dự bữa ăn trưa với chỉ huy khẩu đội. Trong lúc họ đang ăn, một quả đạn trái phá rơi cách căn nhà họ ngồi ăn không xa, sàn và tường nhà rung bần bật như bị động đất, khói thuốc súng che kín cả cửa kính.

- Tôi chắc anh không được thấy cảnh tượng này ở Pêterburg, còn ở đây những cú bất ngờ này xảy ra như cơm bữa, - chỉ huy khẩu đội nói. - Này Vlangơ, anh nhìn xem nó nổ ở chỗ nào.

Vlangơ đi xem về và báo cáo rằng đạn nổ trên quảng trường, sau đó họ không nói đến quả trái phá đó nữa.

Lúc bữa ăn sắp kết thúc, một ông già nhỏ bé, thư ký của khẩu đội, bước vào phòng đưa cho chỉ huy khẩu đội ba chiếc phong bì có dấu niêm phong : "Đây là bức công văn *tối khẩn* do người lính Kô-dắc vừa chuyển từ vị tư lệnh pháo binh xuống". Với vẻ sốt ruột đợi chờ, tất cả các sĩ quan bất giác đều nhìn những ngón tay thành thạo của chỉ huy khẩu đội đang bẻ xi niêm phong phong bì, rút từ đó ra tờ giấy *tối khẩn* ấy. Ai cũng tự hỏi : "Có chuyện gì thế nhỉ ?" Có thể được rút hẳn ra khỏi Xêvaxtôpôn để nghỉ ngơi, cũng có thể có lệnh điều toàn bộ khẩu đội lên pháo đài ?

- Lại vẫn thế ! - chỉ huy khẩu đội nói, bực bội ném tờ giấy lên bàn.

- Chuyện gì thế, Apôlôn Xêrgâyêvích ? - viên sĩ quan kỳ cựu nhất hỏi.

- Họ yêu cầu điều một sĩ quan với cần vụ tới một khẩu đội đại bác nào đó. Cả thảy tôi chỉ còn có bốn sĩ quan, số cần vụ thì không đủ, - chỉ huy khẩu đội càu nhàu, - thế là lại đòi thêm người nữa. Nhưng cũng phải cử ai đó đi thôi, các ngài ạ, - ông nói sau khi im lặng một lát, - lệnh truyền phải có mặt tại Rôgátka lúc bảy giờ... Gọi chánh quản lên đây ! Các ngài hãy quyết định xem ai đi, - ông nhắc lại.

- Đây, ông này chưa đi đâu bao giờ, - Tsernôvítxki nói, tay chỉ vào Vlađimia.

Chỉ huy khẩu đội không trả lời gì cả.

- Vâng, tôi cũng mong được đi, - Vlađimia nói, cảm thấy như mồ hôi lạnh toát ra khắp lưng và cổ.

- Không, đi để làm gì, - đại uý ngắt lời. - Cố nhiên chả ai từ chối, nhưng cũng không nên xin đi. Còn nếu như Apôlôn Xergâyêvích cho phép, thì chúng ta sẽ rút thăm như đã làm lần trước.

Mọi người đồng ý. Kraút cắt một số mảnh giấy nhỏ, cuộn lại, rồi bỏ vào trong chiếc mũ. Viên đại uý nói đùa và thậm chí quyết định rằng nhân dịp

này xin đại tá cho rượu vang để tăng thêm lòng dũng cảm, như lời ông ta nói. Điađenkô ngồi ủ rũ, Vlađimia mỉm cười về chuyện gì đó, Tsernôvítxki tin chắc rằng nhất định sẽ trúng anh ta, Kraút hoàn toàn bình thản.

Người ta cho Vlađimia chọn trước. Chú đã cầm một lá thăm dài hơn cả, nhưng rồi chú chợt nảy ra ý nghĩ thay đổi, chú bốc một lá thăm khác bé hơn và dày hơn, chú mở ra và đọc thấy : "Đi".

- Đúng tôi rồi, - chú thở dài nói.

- Thôi, mong Chúa phù hộ anh. Thế là anh sẽ được thử lửa ngay, - chỉ huy khẩu đội nói, ông mỉm cười hồn hậu nhìn khuôn mặt bối rối của viên chuẩn uý, - có điều là hãy chuẩn bị nhanh lên nhé. Để cho anh vui hơn, Vlangơ sẽ đi với anh với tư cách là hạ sĩ quan pháo binh !

21

Vlangơ hết sức hài lòng với việc điều động mình, anh ta lanh lẹn đi sửa soạn, và sau khi mặc quần áo, anh ta tới giúp Vlađimia và khuyên chú mang theo cả giường nằm, áo choàng lông, cả các số báo "Ký sự Tổ quốc"[43] cũ, ấm pha cà-phê đun bằng cồn, lẫn các đồ dùng không cần thiết khác. Viên

đại uý khuyên Vlađimia trước hết nên đọc "*Sách chỉ dẫn*" cho sĩ quan pháo binh để tìm hiểu việc sử dụng đại bác và nên chép ngay từ sách ra bản ghi các góc chỉ độ cao. Vlađimia bắt tay ngay vào việc và chú ngạc nhiên sung sướng nhận thấy rằng nỗi khiếp sợ nguy hiểm và hơn thế, ý nghĩ rằng chú là một thằng hèn, tuy vẫn còn hơi ám ảnh chú, nhưng không đến mức độ như ngày hôm qua. Sở dĩ như vậy một phần do ảnh hưởng của hoạt động trong ngày, phần chủ yếu là do nỗi khiếp sợ, cũng như bất kỳ tình cảm mãnh liệt nào, không thể kéo dài mãi ở một mức độ. Tóm lại chú đã kịp vượt lên nỗi sợ hãi. Vào khoảng bảy giờ, khi mặt trời vừa bắt đầu khuất sau doanh trại của khẩu đội Nhikôlaiépxkaia, viên chánh quản vào tìm chú và nói rằng mọi người đã sẵn sàng, đang đợi chú.

- Tôi đã trao danh sách cho *Vlanga*. Xin ngài vui lòng hỏi anh ấy mà lấy ! - viên chánh quản nói.

Chừng hai chục người lính pháo binh, gươm đeo ngang thắt lưng, không mang theo vật dụng gì, đứng ở một góc ngôi nhà. Vlađimia cùng với anh học sinh sĩ quan tiến lại gần họ. Chú nghĩ bụng : "Ta có nên nói với họ vài lời không, hay chỉ nói đơn giản : "Chào anh em", hay là không nói gì cả ? Ừ, tại sao lại không nói : "Chào anh

em", - thậm chí phải nói như thế chứ". Và chú mạnh dạn cất cao cái giọng du dương của mình: "Chào anh em". Binh lính vui vẻ chào lại : ai cũng thích giọng nói trẻ trung, tươi tắn của chú. Vlađimia phấn khởi bước lên phía trước những người lính và tuy tim chú đập rộn lên tựa hồ như chú đã ra sức chạy hàng mấy véc-xta đường, dáng đi của chú vẫn nhẹ nhõm, nét mặt vui vẻ. Khi đã tới gần đồi Malakhốp bắt đầu leo lên đỉnh đồi chú nhận thấy Vlangơ không dời chú nửa bước và lúc ở nhà tỏ ra dũng cảm là thế, lúc này lại luôn luôn đi tránh sang một bên và cúi đầu, như thể mọi trái bom đạn đang dồn dập rít lên ở đấy đều bay thẳng vào anh ta. Một vài chú lính cũng làm như vậy và nói trung trên phần lớn khuôn mặt của họ đều thể hiện nếu không phải là sự sợ hãi, thì cũng là nỗi bồn chồn lo âu. Tình cảnh đó làm cho Vlađimia hoàn toàn yên tâm và phấn khởi hẳn lên.

Chú khoan khoái nghĩ, thậm chí có phần phấn khởi tự đắc : "Thế là mình đã tới đồi Malakhốp, mà mình đã lầm tưởng là ghê gớm lắm ! Mình có thể đi, không cúi đầu tránh đạn và thậm chí ít hèn nhát hơn những người khác nhiều ! Như vậy mình đâu phải là thằng hèn ?"

Tuy vậy tinh thần cam đảm và sự tự đắc đó

đã mau chóng lung lay trước cảnh tượng mà chú gặp lúc chập tối tại khẩu đội Kornilốp[44], khi đi tìm tư lệnh pháo đài. Bốn người thuỷ thủ đứng gần luỹ đất, người thì túm chân, người thì túm tay một xác chết đẫm máu, không giày, không áo choàng, họ đu đưa xác chết, có ý muốn quăng nó ra khỏi luỹ đất (sang ngay thứ hai của cuộc pháo kích người ta không kịp thu lượm xác chết ở trên pháo đài và đã ném các xác đó xuống hố để khỏi cản trở hoạt động của các khẩu đội). Vlađimia sững người ra một lát khi chú nhìn thấy xác chết va vào mép luỹ, rồi sau đó từ từ lăn xuống hào ở phía bên kia. Nhưng may thay cho chú, vừa lúc ấy vị tư lệnh pháo đài đã gặp chú, ra mệnh lệnh và cho người dẫn đường đưa chú tới khẩu đội và tới hầm ngầm dành cho các pháo thủ. Tôi sẽ không kể tiếp những cảnh tượng khủng khiếp, những nỗi nguy hiểm và chán chường mà nhân vật của chúng ta phải trải qua trong buổi tối hôm ấy nữa. Chẳng hạn như thay vào cảnh tượng bắn súng với đủ mọi điều kiện chính xác và trật tự mà chú đã thấy ở trường bắn Vônkôvô[45] chú đã tìm thấy ở đây hai khẩu đại bác bị phá huỷ, không còn thước ngắm, một khẩu bị đạn rơi đúng nòng, còn khẩu kia nằm trơ giữa những mảnh vụn ngổn ngang trên mặt bằng của công sự đã bị phá tan tành. Chẳng hạn như cho mãi đến tận sáng chú vẫn

không tìm được công binh để sửa chữa trận địa, chú không tìm được một cỡ đạn nào đúng với trọng lượng đã ghi trong "Sách chỉ dẫn", rồi chẳng hạn như hai người lính trong *đội* của chú bị thương và có tới hai chục lần tính mệnh của chú như treo trên sợi tóc. May thay một pháo thủ hải quân vóc người cao to đã được điều tới giúp đỡ chú. Ngay từ ngày đầu bị bao vây, người thuỷ thủ này đã có mặt bên các cỡ súng cối. Anh làm cho chú tin rằng các khẩu pháo này còn có thể sử dụng được, ban đêm anh cầm đèn dẫn chú đi khắp pháo đài y như đi trong vườn rau nhà mình và hứa đến mai sẽ thu xếp ổn thoả mọi chuyện. Chiếc hầm ngầm mà người dẫn đường đưa chú tới được đào trên nền đá cứng, đó là một cái hố rộng độ khoảng hai chục mét khối, trên phủ những súc gỗ sồi dài hàng mét. Chú sẽ ở trong hầm ngầm đó cùng với tất cả binh lính của mình. Vlangơ là người đầu tiên vừa trông thấy cửa hầm ngầm cao non một mét đặt thấp đã vội vã chạy ngay vào trước tiên, đến nỗi suýt bị ngã dập mặt trên nền đá. Anh ta rúc vào một xó và không thò mặt ra khỏi hầm ngầm nữa. Khi tất cả binh lính đã vào nằm ở trên sàn, dọc tường và mấy người đã bắt đầu hút tẩu thuốc, Vlađimia cũng kê giường của mình vào một góc, thắp nến, châm một điếu thuốc, rồi lên giường nằm. Trên nóc hầm vẫn nghe

tiếng súng nổ không dứt, nhưng không to lắm, trừ một khẩu đại bác đặt ở cạnh đó, làm hầm ngầm rung chuyển dữ dội đến nỗi đất đá ở trên trần lả tả rơi xuống. Trong hầm ngầm yên tĩnh: chỉ có vài người lính còn lạ lẫm với viên sĩ quan mới thỉnh thoảng trò chuyện với nhau; tiếng người này yêu cầu người kia nằm nhích ra, hoặc có người xin lửa để hút thuốc; những con chuột cống gặm ken két ở đâu đó giữa các phiến đá, hoặc Vlangơ còn chưa hoàn hồn, cặp mắt hoang dại nhìn ngó khắp xung quanh, rồi bỗng thở dài thành tiếng. Nằm trên giường của mình, giữa một xó chật ních những người, được mỗi một ngọn nến nhỏ soi sáng, Vlađimia lại thấy dấy lên trong lòng cái cảm giác êm ấm dễ chịu mà chú đã từng trải qua khi còn là một chú bé chơi trò ú tim, khi chú thường chui vào trong tủ hay nấp sau váy mẹ nín thở lắng nghe, sợ bóng tối, đồng thời lại thấy thích thú bởi lẽ gì đó, chú cảm thấy hơi sợ mà lại vui vui.

22

Khoảng mươi phút sau các chú lính đã bạo dạn lên và chuyện trò rôm rả. Hai người có cấp bậc khá hơn, hai viên hạ sĩ quan, nằm sát chỗ có ánh sáng và giường của Vlađimia hơn. Một người

đã già, đầu bạc, có đủ mọi huy chương và huân chương,trừ huân chương thánh Ghêorghi. Người kia trẻ hơn, một thiếu sinh quân hút thuốc tự quấn. Anh lính đánh trống nhận trách nhiệm phục vụ sĩ quan như mọi khi. Các pháo thủ và những người lính có mề đay ngồi gần hơn, còn *những người nhún nhường* túm tụm lại trong khoảng tối gần cửa ra vào. Cuộc chuyện trò cũng đã bắt đầu trong đám họ, nguyên nhân do một anh chàng lăn nhào vào trong hầm ngầm gây ồn ào tạo ra cớ để mọi người bàn tán.

- Thế nào, người anh em, không ở lại ngoài phố à ? Hay là các cô gái hát không hay lắm ? - một giọng nói.

- Các cô gái hát những bài kỳ diệu các anh chưa từng được nghe ở làng bao giờ ấy chứ, - anh chàng đâm bổ vào hầm ban nãy cười nói.

- Nhưng Vaxin nó không thích trái phá đâu, ồ, nó không thích đâu ! - một giọng vang lên trong nhóm quý tộc.

- Thì đã sao ! Khi cần thiết thì lại là chuyện khác, - Vaxin lên tiếng, khiến những người khác im lặng. - Hôm hai mươi bốn, chúng nó nã cật lực. Ấy vậy mà anh để bị giết một cách vô ích thì cấp trên có vì thế mà cám ơn anh đâu.

Nghe Vaxin nói vậy mọi người đều bật cười.

- Tay Melnikốp có lẽ lúc nào cũng ngồi ở ngoài hầm, - một người nói.

- Các anh gọi Melnikốp vào đây đi, - viên hạ sĩ quan già nói, - không lại chết vô ích.

- Melnikốp là người như thế nào nhỉ ? - Vlađimia hỏi.

- Thưa quan lớn, ở đơn vị ta có một chú lính ngốc nghếch. Hắn ta chẳng sợ gì cả và hiện nay vẫn ở ngoài hầm. Ngài có muốn xem mặt hắn ta không : hắn ta giống như một con gấu vậy.

- Hắn biết phù chú đấy, - Vaxin chậm rãi lên tiếng từ một góc khác.

Melnikốp bước vào hầm ngầm. Đó là một người phục phịch (điều này hết sức hiếm hoi giữa đám binh lính), tóc hung hung mặt đỏ lựng, vầng trán rộng nhô ra phía trước, cặp mắt thô lố màu xanh nhạt.

- Thế cậu không sợ trái phá à ? - Vlađimia hỏi hắn ta.

- Sao lại sợ trái phá mới được chứ ! - Melnikốp đáp, nhún vai và đưa tay gãi đầu, tôi biết chắc là tôi không chết vì trái phá đâu.

- Vì thế cậu thích sống ở đây à ?

- Tất nhiên là tôi thích, ở đây vui ! - hắn ta nói xong, bỗng cười hô hố.

- Ơ, thế thì phải lấy cậu đi đánh phá vây mới được ! Cậu có muốn tôi xin với tướng quân không? - Vlađimia nói, tuy chú chẳng quen biết một vị tướng nào ở đây cả.

- Sao lại không muốn ! Tôi muốn đi đấy !

Rồi Melnikốp nép mình vào sau những người khác.

- Ta chơi búng mũi nào anh em ơi! Có ai có cỗ bài không ? - anh ta hấp tấp lên tiếng.

Quả thật đám chơi bài đã hình thành nhanh chóng ở phía sau căn hầm - nghe rõ tiếng búng mũi, tiếng cười và tiếng chào quân sự. Vlađimia uống trà trong ấm xa-mô-va do người lính đánh trống đặt. Chú thết các hạ sĩ quan, đùa cợt, trò chuyện với họ, muốn tỏ ra bình dân và rất mãn nguyện khi thấy họ kính trọng mình. Thấy quan trên *giản dị*, binh lính cũng mạnh dạn trò chuyện. Một anh lính kể rằng chẳng bao lâu nữa việc bao vây Xêvaxtôpôn sẽ chấm dứt, bởi vì một người bạn thân của anh ta ở hải quân đã nói cho anh ta biết rằng hoàng huynh Kônxtantin [46] sẽ đưa một hạm đội Mỹ tới đây giúp họ. Anh lính nói thêm rằng sắp có hiệp định ngừng bắn hai tuần lễ để cho mọi người nghỉ ngơi, ai nổ súng trong thời gian đó thì cứ mỗi phát súng bị phạt bảy mươi lăm cô-pếch.

Vlađimia đã kịp ngắm nhìn anh lính Vaxin, một người nhỏ nhắn để râu quai nón, có cặp mắt to đôn hậu. Nghe anh ta kể chuyện, lúc đầu mọi người im lặng, sau đó cười phá lên. Anh kể rằng khi anh về phép, ban đầu mọi người cũng vui mừng, sau đó bố anh sai anh đi làm, còn viên trung uý kiểm lâm thì cho đánh xe ngựa đến đón vợ anh đi. Câu chuyện của người lính khiến Vlađimia vô cùng thú vị. Chẳng những chú không cảm thấy chút sợ hãi nào, không thấy bực mình vì chật chội hoặc hơi người nặng nề trong hầm ngầm, mà chú còn thấy vô cùng dễ chịu và vui thú.

Nhiều người lính đã ngáy. Vlangơ cũng đã nằm dài trên sàn. Viên hạ sĩ quan già trải áo choàng ra sàn, làm dấu, lẩm bẩm cầu nguyện trước khi ngủ, lúc đó Vlađimia muốn ra khỏi hầm ngầm để xem có chuyện gì ở bên ngoài.

- Co chân lại ! - những người lính quát bảo nhau, khi thấy Vlađimia đứng dậy và họ co chân lại, nhường lối cho chú đi.

Vlangơ mà mọi người tưởng như đã ngủ rồi, bỗng ngóc đầu dậy và túm lấy áo choàng của Vlađimia.

- Thôi anh chớ đi làm gì ! - anh ta nói bằng một giọng van xin đầy nước mắt. -Anh còn chưa nắm được tình hình, ở ngoài ấy đạn nổ liên miên, tốt hơn là anh ở lại đây...

Mặc cho Vlangơ khẩn khoản, Vlađimia vẫn cứ nhoai ra khỏi hầm ngầm và ngồi trên ngưỡng cửa, chỗ Melnikốp đang ngồi và xỏ lại giày.

Không khí trong lành và tươi mát đặc biệt khi vừa mới ở trong hầm ra. Đêm yên tĩnh và trong sáng. Giữa tiếng đạn gầm rít vang lên tiếng bánh xe ngựa chở các sọt đất và tiếng trò chuyện rì rầm của những người làm việc trong hầm thuốc súng. Trên đầu là bầu trời cao đầy sao, trong đó những vệt lửa trái phá không ngừng chạy ngang dọc. Mé bên trái, có một lỗ hổng nhỏ cao gần một mét dẫn tới một hầm ngầm khác, qua lỗ hổng đó thấy rõ chân và lưng của các thuỷ thủ ở trong đó và nghe rõ giọng lè nhè say rượu của họ. Hầm thuốc súng nhô cao lên ở phía trước mặt. Thấp thoáng bóng mấy người đang cúi ở cạnh hầm, ngay trên nóc hầm, dưới làn bom đạn rít lên không ngừng vẫn thấy một bóng người cao lớn đứng ở đó, người này mặc áo choàng đen, tay thọc vào túi và chân không ngừng dẫm đạp lên đám đất mà những người khác chuyển tới đó bằng bao. Đạn trái phá thường bay ngang qua và nổ rất gần đó. Những người lính vận chuyển đất cúi rạp xuống, lánh sang một bên. Bóng người vận áo choàng đen không xê dịch, bình tĩnh dùng chân đầm đất và vẫn đứng tại chỗ trong tư thế đó.

- Người vận áo đen đó là ai thế nhỉ ? - Vlađimia hỏi Melnikốp.

- Tôi không biết, để tôi đi hỏi xem.

- Thôi đừng đi, không cần.

Nhưng Melnikốp không nghe, anh ta nhổm dậy, bước lại gần người mặc áo đen và đứng sát bóng đó rất lâu, cũng dửng dưng và bất động như vậy.

- Bẩm quan lớn, đó là viên thủ kho, - anh nói khi trở lại, - hầm bị đạn trái phá xuyên thủng, nên bộ binh phải đem đất đến đắp.

Thỉnh thoảng đạn trái phá bay thẳng tới cứ tưởng như rơi ngay vào cửa hầm ngầm.

Vlađimia lúc ấy nép mình vào góc hầm, sau đó chú lại ngó cổ ra ngước mắt nhìn xem đạn có bay tới nữa không. Tuy Vlangơ từ trong hầm ngầm đã mấy lần khẩn khoản xin Vlađimia quay vào, chú vẫn ngồi ở cửa hầm khoảng ba giờ đồng hồ. Chú cảm thấy thinh thích khi được quan sát đạn bay và thử liều với số phận. Đến cuối buổi tối chú đã biết được có bao nhiêu khẩu pháo bắn từ đâu và bắn đi đâu.

23

Ngày hôm sau, 27 tháng Tám, sau giấc ngủ chừng mười giờ, Vlađimia tươi tỉnh, phấn chấn,

từ sáng sớm đã đi ra cửa hầm. Vlangơ cũng ra cùng với chú, nhưng vừa mới nghe tiếng viên đạn đầu tiên rít lên, hắn đã vội vàng dùng đầu mở đường, cuộn người lại, lao nhanh trở lại hầm, giữa tiếng cười ha hả của phần lớn anh em binh lính cũng đi ra ngoài hít thở khí trời. Chỉ có Vaxin, viên hạ sĩ già và mấy người khác nữa ít khi rời khỏi hầm ra ngoài giao thông hào, còn những người khác thì không chịu được, họ leo ra khỏi căn hầm hôi hám để hít thở bầu không khí ban mai tươi mát. Tuy trận pháo kích vẫn mãnh liệt như hôm qua, họ cứ túm tụm người thì đứng ở cửa hầm, người thì đứng dưới luỹ đất. Ngay từ lúc tảng sáng Melnikốp đã đi dạo giữa các trận địa pháo, dửng dưng ngắm nhìn bầu trời.

Hai người lính già và anh lính trẻ tóc quăn, trông như người Do Thái ngồi trên ngưỡng cửa hầm. Anh lính trẻ nhặt một viên đạn rơi gần đó, dùng một mảng gốm miết mảnh đạn trên nền đá rồi lấy dao cắt mảnh đạn thành hình huân chương thánh Ghêorghi. Những người khác vừa trò chuyện vừa xem anh ta làm. Chiếc huân chương hình chữ thập do anh ta làm quả thật rất đẹp.

- Tôi cho rằng nếu chúng ta còn ở đây ít lâu nữa, - một người trong bọn nói, - thì khi hoà bình tất cả đã tới hạn xuất ngũ.

- Chứ sao ! Tôi chỉ còn cả thảy bốn năm nữa là được xuất ngũ, thế mà đã trụ ở Xêvaxtôpôn năm tháng nay rồi.

- Tính chuyện xuất ngũ làm gì, - một người khác nói.

Vừa lúc ấy một quả đạn rít ngay trên đầu những người đang nói chuyện và nổ cách chỗ Melnikốp chừng non một mét, khi anh ta đang lần theo giao thông hào lại gần chỗ họ.

- Suýt nữa thì nó giết tươi Melnikốp, - một người nói.

- Không giết được đâu, - Melnikốp đáp.

- Đây, thưởng cho cậu huân chương vì tinh thần dũng cảm, - người lính trẻ vừa làm huân chương nói và trao nó cho Melnikốp.

- Không, anh bạn ạ, ở đây một tháng được coi như một năm, đã có điều lệnh cho tính như thế đấy(47), - cuộc trò chuyện vẫn tiếp tục.

- Nói gì thì nói, *nhất định* là khi hoà bình, Sa hoàng sẽ đi duyệt binh ở Arsava(*) và nếu chưa đến hạn xuất ngũ thì cũng cho về sớm.

Lúc ấy, một viên đạn nhỏ rít lên, bay ngang trên đầu những người đang nói chuyện và rơi xuống mảnh đá.

(*) Tức Varsava. (N.D.)

- Coi chừng kẻo đến chiều cậu sẽ được an nghỉ *vĩnh viễn* đấy, - một trong những người lính nói.

Và mọi người cười vang.

Chả phải đợi đến chiều, chỉ hai giờ sau, hai người trong bọn họ đã được an nghỉ vĩnh viễn và năm người bị thương, nhưng những người còn sống vẫn tiếp tục cười đùa như vậy.

Quả thật tới sáng, hai khẩu súng cối đã được sửa sang để có thể bắn được. Vào quãng mười giờ, nhận được lệnh của tư lệnh pháo đài, Vlađimia gọi toàn đội của mình và cùng họ lên trận địa pháo.

Vừa bắt tay vào việc một cái, trên khuôn mặt mọi người đã chẳng còn chút bóng dáng nào của sự sợ hãi đã bộc lộ trong ngày hôm qua. Chỉ có Vlangơ không ghìm nổi sợ hãi, hắn vẫn ẩn trốn và cúi lom khom như trước. Vaxin hơi mất bình tĩnh, lăng xăng, đầu gối luôn luôn khuỵu xuống. Vlađimia vô cùng phấn khởi, chú không hề nghĩ đến nỗi nguy hiểm. Chú vui thì thấy mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vì chú không những không phải là một kẻ hèn nhát mà thậm chí còn là một người dũng cảm, đang chỉ huy hàng hai chục con người mà chú biết là họ đang tò mò theo dõi chú. Niềm vui đó đã khiến chú trở thành một chàng trai thực sự cừ khôi. Thậm chí chú còn khoe khoang

tinh thần dũng cảm của mình, làm bộ làm tịch trước binh lính, leo lên đứng trên gờ luỹ và cố ý cởi khuy áo choàng để làm cho mình nổi bật hơn. Đằng sau chiếc áo choàng đã cởi khuy là chiếc sơ-mi màu đỏ thắm ôm gọn cái cổ trắng nõn nà với khuôn mặt bừng bừng và cặp mắt nảy lửa, chú vừa vỗ tay đôm đốp vừa chỉ huy bằng một giọng vang lanh lảnh : "Khẩu thứ nhất, khẩu thứ hai, bắn !" Rồi chú vui vẻ chạy lên luỹ đất để xem đạn của mình rơi vào đâu. Lúc ấy, vị tư lệnh pháo đài đi dạo trong *cơ ngơi của mình*, theo lối nói của ông. Khi trong tám tháng đã làm quen với đủ mọi tinh thần dũng cảm, ông cũng không thể nào không thán phục khi nhìn thấy chú bé Vlađimia cừ khôi đó. Đến mười một giờ rưỡi, cuộc bắn nhau lặng đi ở cả hai phía, nhưng đúng mười hai giờ thì cuộc tấn công của địch lên đồi Malakhốp, lên pháo đài hai, ba và năm bắt đầu

24

Khoảng giữa trưa có hai người thuỷ thủ đứng trên đồi đặt trạm điện tín ở phía bên kia vịnh, quãng giữa Inkerman và các công sự phía Bắc - một người là một sĩ quan đang dùng ống nhòm quan sát Xêvaxtôpôn, người kia cưỡi ngựa, kèm

theo một người lính Kô-dắc vừa mới phóng tới chỗ cột mốc lớn.

Mặt trời ở trên cao chiếu sáng trên mặt vịnh biển, ánh nước vui tươi ấm áp đang nô giỡn với những con tàu đang đậu lại, những cánh buồm và con thuyền đang lướt đi. Một làn gió nhẹ khẽ lay động lá cây của bụi sồi khô héo gần trạm điện tín, thổi căng các lá buồm trên thuyền và làm sóng biển gợn lăn tăn. Xêvaxtôpôn vẫn y nguyên như thế, với ngôi nhà thờ xây dở của mình, dàn cột trụ, bến ke, những đại lộ xanh xanh trên núi, tòa thư viện tráng lệ, những vụng biển nho nhỏ màu xanh da trời đầy ắp cột buồm, những ống dẫn nước với các vòng cung ngoạn mục, những đám mây xanh màu khói súng đôi khi sáng đỏ lên vì lửa đạn. Vẫn là Xêvaxtôpôn đẹp đẽ, vui như hội, kiêu hãnh đó, bị bao quanh bởi những quả núi bốc khói vàng vàng ở một phía và ở phía kia là biển màu xanh lam lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời, đứng bên này vụng biển nhìn thành phố rất rõ. Một con tàu nhỏ tuôn dải khói đen lên chân trời, những cụm mây trắng dài trôi lững lờ báo hiệu trời sắp nổi gió. Trên toàn tuyến phòng ngự, đặc biệt là những quả núi bên trái, bùng lên liên tục mấy cụm khói trắng dày đặc, đôi khi kèm theo cả chớp loé giữa ánh sáng ban ngày. Các cụm khói đó toả

ra thành các hình khác nhau, bốc lên cao và che tối bầu trời. Khói bốc lên trên các quả núi, trên các trận địa pháo của địch, trong thành phố và bay cao lên trời, thấp thoáng đó đây. Các thứ tiếng nổ vang lên không dứt, trộn lẫn vào nhau làm rung chuyển không trung...

Tới mười hai giờ trưa, các cụm khói ngày càng loãng dần, không gian bớt bị rung chuyển vì tiếng bom đạn gầm rít.

- Thế mà pháo đài hai tuyệt nhiên không đánh trả gì cả, - viên sĩ quan kỵ binh vẫn ngồi trên mình ngựa nói, - nó bị tan tành cả rồi ! Khủng khiếp quá !

- Và không hiểu tại sao địch bắn ra ba phát, đồi Malakhốp mới bắn được một, - người nhìn ống nhòm đáp. - Thấy họ im lặng, tôi phát điên lên. Kìa, đạn nã thẳng vào khẩu đội của Kornilốp, vậy mà nó chẳng bắn trả gì cả.

- Cậu để ý mà xem, tôi đã nói là tới mười hai giờ trưa bao giờ chúng nó cũng ngừng pháo kích. Lúc này đây cũng vậy. Tốt nhất là ta đi ăn sáng... Họ đang chờ chúng ta... Chả có gì mà nhìn nữa đâu.

- Đứng yên, đừng làm phiền mình ! - người nhìn vào ống nhòm đáp, anh ta đặc biệt háo hức quan sát Xêvaxtôpôn.

- Cái gì ? Cái gì ở đằng ấy thế.

- Chuyển quân trong giao thông hào, các đoàn quân dày đặc đang đi.

- Trông rõ cả đội hình của họ nhỉ, - người lính thuỷ nói. - Phải bắn tín hiệu thôi.

- Nhìn này, nhìn xem này! Họ ra khỏi giao thông hào.

Quả thực, bằng mắt thường cũng có thể nhìn thấy những chấm đen tựa hồ như đang di động từ núi qua các khe ngăn cách các trận địa pháo của quân Pháp với các pháo đài. Trông rõ những dải màu đen ở trước các chấm đen đó, gần sát ngay chiến tuyến của quân ta. Trên các pháo đài, các cụm khói trắng bùng lên ở nhiều chỗ như lướt ngang. Vì xuôi gió nên nghe được tiếng súng bắn nhau dồn dập như mưa rơi lộp bộp vào cửa kính vậy. Những dải đen di chuyển ở trong khói ngày càng gần hơn. Tiếng súng bắn ngày càng mãnh liệt, rồi hóa thành tiếng sấm rền kéo dài không dứt. Khói tuôn lên ngày càng đậm đặc, toả nhanh trên toàn tuyến, sau cùng tụ lại thành một đám mây màu hoa cà, khi co hẹp, khi thì toả rộng, những lưỡi lửa và những chấm đen thấp thoáng đó đây giữa đám mây đó. Mọi âm thanh kết hợp lại thành tiếng nổ rền.

- Chúng nó tấn công ! - Viên sĩ quan mặt tái nhợt nói.

Các sĩ quan và lính Kô-dắc phóng ngựa vun vút ở trên đường, tiếp đó là chiếc xe ngựa chở vị tổng tư lệnh cùng với đoàn tuỳ tùng băng ngang qua. Khuôn mặt người nào cũng tỏ vẻ lo âu xúc động và đang chờ đợi một cái gì đó khủng khiếp.

- Không lẽ nào chúng nó lại chiếm được thành phố, - viên sĩ quan cưỡi ngựa nói.

- Quả thật có cờ kìa ! Nhìn xem này, - một người khác nói, nghẹn ngào, mắt rời khỏi ống nhòm, - cờ Pháp trên đồi Malakhốp.

- Làm gì có chuyện ấy !

25

Đêm ấy trung uý Kôdentxốp-anh đã kịp được, thua, rồi thua sạch kể cả mấy đồng tiền vàng khâu ở ống tay áo. Anh đánh một giấc ngủ say, tuy mệt mỏi và nặng nề, cho tới sáng trong doanh trại của các pháo đài nằm ở tuyến phòng ngự, anh ngủ mãi cho tới khi nghe vang lên nhiều giọng khác nhau cùng lặp lại tiếng kêu khủng khiếp.

- Báo động !..

- Dậy đi, Mikhain Xêmiônôvích! Chúng nó tấn công đấy ! - giọng một người nào đó hét gọi anh.

- Chắc lại một thằng nỡm nào bày trò đây, - anh nói, mắt đã mở ra, nhưng vẫn còn chưa tin.

Nhưng khi trông thấy một sĩ quan chạy lung tung từ góc này đến góc khác, khuôn mặt sợ hãi tái nhợt, anh bỗng hiểu tất cả. Anh khiếp sợ khi nghĩ rằng người ta có thể cho anh là thằng hèn không dám đến với đại đội của mình vào giây phút gay go này. Vì thế anh đã ba chân bốn cẳng lao vút đến đại đội. Cuộc nã pháo đã kết thúc, nhưng tiếng súng bộ binh rộ lên tới cực điểm. Đạn không rít lên từng viên một mà bay vù vù từng bầy, như đàn chim mùa thu bay trên đầu. Toàn bộ vị trí tiểu đoàn anh đóng hôm qua đã bị khói phủ dày đặc, nghe rõ cả những tiếng kêu la, những tiếng thét gọi hỗn loạn. Binh lính, những người bị thương và không bị thương từng đám, từng đám xô về phía anh. Chạy được chừng ba chục bước nữa anh trông thấy đại đội của mình bị ép sát vào tường và khuôn mặt sợ hãi tái xanh tái xám của một người lính. Những khuôn mặt khác cũng đều thế cả.

Bất giác nỗi sợ hãi lan sang cả Kôdentxốp : anh thấy da lưng ớn lạnh.

- Chúng nó chiếm mất công sự Svatxơ rồi, - một sĩ quan trẻ nói, răng va vào nhau cầm cập. - Hỏng ráo cả rồi !

- Bậy nào, - Kôdentxốp tức giận nói và muốn có một động tác nào làm cho mình phấn chấn lên, anh rút thanh gươm sắt nhỏ, cùn của mình ra và hét lớn : - Tiến lên, anh em ơi! Xung pho...o...ong !

Giọng anh nghe vang và to, nhưng chỉ kích thích được một mình anh. Anh chạy về phía trước dọc theo luỹ đất. Chừng năm chục binh lính hò reo chạy theo anh. Khi họ chạy ra khỏi luỹ đất tới một bãi đất trống trải, đạn rơi như vã trấu. Hai viên đạn trúng người anh, nhưng anh không có thì giờ để xem đạn trúng vào đâu, chúng làm cho anh bị dập thương hay bị thương. Đã thấy rõ trong đám khói phía trước những bộ quân phục màu xanh lam, những chiếc quần đỏ và nghe rõ những tiếng la hét không phải là giọng Nga. Một tên Pháp đứng trên luỹ đất, huơ mũ và thét to điều gì đó khiến cho anh dũng cảm lên. Anh chạy về phía trước và tiến lên nữa. Một vài người lính vượt lên trước anh, những người khác không biết ở đâu đến cũng chạy bên cạnh anh. Những bộ quân phục xanh vẫn cách anh một khoảng như cũ, chạy trở lại giao thông hào của chúng, nhưng chân anh đã vấp phải bọn bị thương và bị chết. Khi chạy tới đoạn hào bên ngoài, mọi vật nhoà đi trước mắt Kôdentxốp, anh cảm thấy đau ở ngực. Ngồi trên gờ luỹ, anh vô cùng sung sướng nhìn qua lỗ châu mai thấy những tốp quân phục màu xanh lam đang

nhớn nhác chạy về các giao thông hào của chúng, xác chết nằm ngổn ngang trên khắp mặt đất và bọn bị thương mặc áo xanh quần đỏ bò lổm ngổm.

Nửa giờ sau anh đã nằm trên cáng, gần doanh trại Nhikôlaiépxkaia. Anh biết rằng mình đã bị thương nhưng hầu như không cảm thấy đau, anh chỉ muốn uống chút gì lành lạnh và được nằm yên.

Viên bác sĩ nhỏ bé phục phịch có chòm râu quai nón to đen bước lại gần anh và cởi khuy áo choàng cho anh. Kôdentxốp ngước nhìn qua cằm xem viên bác sĩ làm gì vết thương của mình, anh nhìn mặt bác sĩ và không hề cảm thấy đau. Bác sĩ khép sơ-mi lại để che vết thương, lau ngón tay vào tà áo choàng của mình, rồi im lặng, không nhìn Kôdentxốp, sang với một thương binh khác. Kôdentxốp đưa mắt theo dõi một cách vô ý thức những việc xảy ra trước mắt anh. Nhớ lại những việc đã xảy ra ở pháo đài năm, anh cảm thấy cực kỳ vui sướng mãn nguyện nghĩ rằng anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, lần đầu tiên trong cả cuộc đời tại ngũ anh đã xử sự tốt nhất trong những điều kiện có thể được và không có gì phải tự trách mình. Vừa băng bó cho một sĩ quan bị thương khác, bác sĩ vừa chỉ tay vào Kôdentxốp nói gì đó với vị cha cố râu rậm màu hung, tay cầm thánh giá đứng ở đó.

- Tôi sắp chết phải không ? - Kôdentxốp hỏi vị cha cố, khi ông ta lại gần anh.

Vị cha cố không đáp, đọc kinh cầu nguyện và chìa thánh giá cho anh.

Kôdentxốp không sợ chết. Anh đưa đôi bàn tay yếu ớt nắm lấy thánh giá, ép sát vào môi và oà khóc.

- Quân Pháp bị đánh bật ở khắp nơi chứ ? - anh hỏi vị cha cố với vẻ tin tưởng.

- Quân ta thắng lợi ở khắp nơi, - vị cha cố trả lời để khỏi làm anh đau buồn, ông giấu không nói cho anh biết rằng lá cờ Pháp đã phấp phới trên đồi Malakhốp.

- Ơn Chúa cứu giúp ! - người bị thương thốt lên, không cảm thấy nước mắt của mình đã tràn cả ra má, mà cảm thấy niềm phấn kkởi khôn tả vì mình đã làm nên một sự nghiệp anh hùng.

Ý nghĩ về người em, phảng phất chốc lát trong đầu anh : "Cầu Chúa cho nó cũng được hạnh phúc như vậy", - anh nghĩ.

26

Nhưng số phận Vlađimia không diễn ra như vậy. Chú đang nghe Vaxin kể chuyện cổ tích, bỗng có tiếng la lớn : "Quân Pháp tới kìa!" Máu bất

chợt dồn lên tim Vlađimia, chú cảm thấy má mình tái nhợt và lạnh ngắt.

Chú lặng đi giây lát nhưng đưa mắt nhìn quanh, chú thấy anh em binh lính đang cài khuy áo choàng khá bình tĩnh và lần lượt chui ra khỏi hầm ngầm, một người hình như là Melnikốp thậm chí còn nói đùa :

- Anh em ơi, mang bánh mì và muối ra đón chúng nó nào.

Vlađimia cùng với *Vlanga* - anh chàng này không rời chú nửa bước - chui ra khỏi hầm ngầm và chạy tới trận địa pháo. Hoàn toàn không nghe thấy tiếng đại bác của cả bên này lẫn bên kia. Vẻ mặt bình tĩnh của binh lính, nhất là sự hèn hạ thảm hại lộ liễu của anh học sinh sĩ quan Vlangơ đã làm cho Vlađimia tỉnh táo. "Không lẽ mình lại có thể giống thằng cha ấy", - chú nghĩ và vui vẻ chạy về phía luỹ đất, gần đó đặt hai khẩu súng cối. Chú nhìn rõ bọn Pháp xông lên pháo đài qua quãng đất trống và chúng túm tụm lại trong các giao thông hào gần nhất, lưỡi lê động đậy sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Một tên người nhỏ bé, vai rộng, quân phục kiểu Duavơ thùng thình, tay cầm gươm, nhảy qua các hố lao về phía trước. "Bắn đạn ria !" - Vlađimia hét lên, rồi rời khỏi gờ luỹ. Nhưng không có lệnh của chú, binh lính cũng đã

làm như thế và tiếng đạn ria từ khẩu súng cối này, khẩu súng cối kia bắn ra đã rít lên vìu víu trên đầu chú. "Khẩu thứ nhất, bắn! Khẩu thứ hai, bắn !" - Vlađimia ra lệnh, chú chạy giữa đám khói từ khẩu súng cối này sang khẩu súng cối kia và quên hẳn nỗi hiểm nguy. Nghe rõ tiếng súng bộ binh từ đội yểm trợ của ta rộ lên rất gần ở bên cạnh và những tiếng kêu náo loạn.

Bỗng nhiên từ phía bên trái vang lên tiếng kêu tuyệt vọng lạ lùng, tiếng kêu được nhiều giọng khác lắp lại : "Chúng nó bao vây ! Chúng nó bao vây !" Vlađimia quay về phía có tiếng kêu. Khoảng hai chục tên Pháp đã ở sau lưng chú. Một tên đẹp trai, râu đen, mũ đỏ đi đầu cả bọn, khi chạy tới chỗ cách trận địa pháo chừng mươi bước chân, y dừng lại, bắn, rồi lại tiếp tục chạy về phía trước. Vlađimia đứng ngây ra như phỗng trong chốc lát và không tin ở mắt mình. Khi chú hoàn hồn và quay đầu lại, những bộ quân phục màu xanh lam đã lố nhố trên thành luỹ trước mặt chú và thậm chí một tên tụt xuống phá hỏng khẩu đại bác. Xung quanh chú chả có ai ngoài Melnikốp bị trúng đạn chết ở cạnh đó và Vlangơ chợt nắm lấy một thanh sắt, mặt hầm hầm, mắt cụp xuống, lao mình về phía trước. "Theo tôi, Vlađimia Xêmiônôvích ! Theo tôi, nguy mất rồi !" - Vlangơ la lên bằng giọng

tuyệt vọng, khoa thanh sắt về phía bọn Pháp ở phía sau ập tới. Bộ dạng hung dữ của anh học sinh sĩ quan làm cho bọn Pháp sững người ra. Anh ta quật một nhát vào đầu tên Pháp đi đầu, những tên khác bất giác dừng lại. Vlangơ tiếp tục ngoái nhìn lại và la lên tuyệt vọng : "Theo tôi, Vlađimia Xêmiônôvich ! Sao cứ đứng đực ra thế ! Chạy đi !" - rồi anh ta quay chạy về phía giao thông hào, nơi bộ binh của ta nằm bắn lại bọn Pháp. Nhảy được vào giao thông hào rồi, anh ta quay lại thò cổ ra xem viên chuẩn uý mà mình hâm mộ đang làm gì. Ở chỗ Vlađimia đứng ban nãy có một cái gì đó phủ áo choàng nằm úp xuống đất và toàn bộ chỗ đó đã bị quân Pháp chiếm lĩnh để bắn về phía quân ta.

27

Vlangơ tìm thấy khẩu đội của mình ở tuyến phòng ngự thứ hai. Trong số hai chục người lính có mặt ở trận địa súng cối chỉ có tám người sống sót.

Đến chín giờ tối, Vlangơ cùng với khẩu đội lên chiếc tàu thuỷ chở đầy lính, thương binh, các cỗ đại bác và ngựa vượt sang mạn Bắc. Không còn chỗ nào có tiếng súng. Cũng như đêm hôm

trước sao sáng rực trời, nhưng biển động vì có gió mạnh. Trên pháo đài số một và hai, chớp lửa bùng lên sát mặt đất. Những tiếng nổ làm rung chuyển không trung và soi sáng những vệt đen đen lạ lùng nào đó cùng đất đã bay tứ tung. Một vật gì đó cháy bùng lên gần các ụ tàu, ngọn lửa đỏ phản chiếu trên mặt nước. Lửa toé ra từ khẩu đội pháo Nhikôlaiépxkaia, soi sáng chiếc cầu chậtních những người. Một ngọn lửa lớn hình như lơ lửng trên mặt nước, trên mũi đất phía xa của khẩu đội pháo Alếchxanđrốpxkaia[48] và soi sáng phía dưới cụm khói bay trên đám lửa đó. Cũng như chiều qua, những ngọn lửa im phắc, táo tợn loé sáng trên hạm đội địch ở phía biển xa. Vụng biển xao động trước cơn gió tươi mát. Ánh lửa của các đám cháy soi rõ cột buồm các tàu chiến của chúng ta bị đánh đắm đang từ từ chìm ngày càng sâu xuống nước49. Không có tiếng người nói chuyện trên boong tàu. Qua tiếng con tàu rẽ sóng đều đều và hơi nước phì phò, ta nghe thấy tiếng ngựa hí và giậm chân trên sà-lan, tiếng thuyền trưởng ra lệnh và tiếng rên của các thương binh. Vlangơ suốt ngày chưa ăn uống gì, kiếm trong túi được mẩu bánh, đưa lên mồm nhai, nhưng chợt nhớ tới Vlađimia anh ta oà lên khóc to, đến nỗi những người lính cùng khẩu đội ngồi gần đó cũng nghe thấy.

- Trông kìa, anh chàng *Vlango* của chúng mình vừa ăn vừa khóc, - Vaxin nói.

- Kỳ thật ! - một người khác nói.

- Cậu thấy không, họ đốt bỏ cả doanh trại của chúng mình. - người đó thở dài nói tiếp, - bao nhiêu anh em mình chết ở đó, mà quân Pháp thì chẳng tổn thất gì lắm.

- Ơn Chúa, ít ra bọn mình còn sống và thoát ra được, - Vaxin nói.

- Dầu sao cũng đáng giận !

- Giận cái gì mới được chứ. Dễ nó đi dạo chơi được ở đây chắc ? Làm gì có chuyện đó ! Rồi xem quân ta sẽ chiếm lại. Dù biết bao anh em mình đã hy sinh, nhưng lạy Chúa thánh thần, hoàng đế sẽ ra lệnh và họ sẽ chiếm lại hết! Lẽ nào quân ta chịu để cho nó như thế? Không đời nào ! Thí cho chúng mày những bức tường trần trụi, còn những chiến hào thì đã nổ tung cả rồi đấy. Chúng nó đã cắm được cờ trên đỉnh đồi, nhưng chắc không dám mò vào thành phố. Đợi đấy, rồi chúng tao sẽ thanh toán đến nơi đến chốn với bọn mày, chỉ ít lâu nữa thôi. - anh hướng về phía bọn Pháp, nói.

- Nhất định sẽ như vậy, - một người khác tin tưởng nói.

Trên toàn tuyến pháo đài Xêvaxtôpôn từng sôi sục cuộc sống mãnh liệt phi thường trong ngần

ấy tháng, từng chứng kiến biết bao người anh hùng kế tiếp nhau hy sinh trong ngăn ấy tháng, từng làm cho quân địch sợ hãi, căm thù và rốt cuộc phải thán phục trong ngần ấy tháng, - trên các pháo đài Xêvaxtôpôn đó giờ đây chả còn bóng dáng một ai. Tất cả đều chìm trong sự chết chóc, hoang dại, khủng khiếp nhưng không im lìm vì tất cả sẽ còn bị phá huỷ. Trên mảnh đất vừa bị bom đạn cày xới tung lên, ngổn ngang những giá súng cong queo đè lên các xác chết Nga và Pháp, những cỗ đại bác bằng gang, nặng nề, mãi mãi câm lặng, bị một sức mạnh khủng khiếp hất xuống hố, vùi nửa mình trong đất, những trái bom đạn, những xác chết, những hầm hố, những mảnh gỗ, những hầm ngầm, rồi lại đến những xác chết câm lặng mặc áo choàng màu trắng và xanh lam. Tất cả những cái đó thỉnh thoảng lại giật nảy lên và được soi sáng bởi ngọn lửa đỏ lừ của những tiếng nổ làm rung chuyển không trung.

Kẻ thù đã thấy rằng có một cái gì đó khó hiểu đã diễn ra trong thành phố Xêvaxtôpôn đáng sợ này. Những tiếng nổ đó và cảnh im lìm chết lặng trên các pháo đài buộc chúng phải run sợ. Nhưng do ảnh hưởng của sự chống trả bình tĩnh, mãnh liệt trong ngày, chúng vẫn chưa dám tin rằng kẻ thù kiên cường của chúng đã biến mất. Và chúng lặng lẽ, không cựa quậy, lo lắng chờ đợi cho đêm ảm đạm này qua nhanh.

Giống như mặt biển trong một đêm ảm đạm, xao động, đạo quân ở Xêvaxtôpôn khi chụm lại khi tản ra, toàn khối lo lắng rung động, bồng bềnh, lên chiếc cầu bắc qua vụng biển và tiến về mạn Bắc. Giữa đêm tối mịt mùng, nó từ từ rời bỏ cái địa điểm trên đó biết bao đồng đội dũng cảm đã nằm lại, cái địa điểm đã thấm biết bao máu của nó trong cuộc chiến đấu suốt mười một tháng ròng chống lại một kẻ thù mạnh gấp đôi nó. cái địa điểm mà nó được lệnh bỏ lại không chiến đấu.

Ấn tượng đầu tiên của mỗi người Nga trước mệnh lệnh đó thật nặng nề khôn tả. Cảm giác thứ hai là nỗi sợ bị truy kích. Mọi người cảm thấy trống trải không được bảo vệ khi họ vừa rời khỏi những vị trí đã quen chiến đấu, họ lo lắng xúm xít trong bóng tối ở lối lên chiếc cầu đang đu đưa trước làn gió mạnh. Xe cộ, các đội dân binh và các trung đoàn bộ binh chen chúc nhau đi, ép sát vào nhau, lưỡi lê va vào nhau lách cách. Các sĩ quan ky binh chen lấn nhau đi truyền đạt mệnh lệnh. Các cư dân và các cần vụ với đồ đạc lỉnh kỉnh, khóc lóc cầu xin người ta cho họ mang theo. Pháo binh cũng vội vã ra đi, bánh xe cót két lăn về phía vụng biển. Dù phải bận tâm với bao công việc tất bật đủ loại đó, người nào cũng lo giữ thân và mong ước thoát ra khỏi nơi chết chóc khủng khiếp đó càng nhanh càng tốt. Mối lo đó ám ảnh người lính bị tử thương nằm giữa năm trăm thương

binh trên nền đá tại đường ke Pavlốpxkaia và cầu xin Chúa cho mình được chết, ám ảnh người dân binh ra sức nép mình vào đám đông chậtních để nhường đường cho một vị tướng cưỡi ngựa băng qua, ám ảnh vị tướng đang kiên quyết chỉ huy cuộc vượt biển và giữ không để binh lính vội vã hấp tấp, ám ảnh người thuỷ thủ lọt giữa tiểu đoàn đang di chuyển, bị đám đông ào ạt ép cho đến ngạt thở, ám ảnh viên sĩ quan nằm trên cáng do bốn người lính khiêng đi, bị đám đông chặn lại, những người lính này phải đặt cáng xuống đất cạnh khẩu đội Nhikôlaiépxkaia, ám ảnh anh pháo thủ đã gắn bó suốt mười sáu năm trời bên khẩu pháo của mình và theo lệnh của cấp trên, mà anh ta không hiểu được, đã cùng đồng đội hất vũ khí lăn từ bờ dốc xuống vụng biển, ám ảnh các thuỷ thủ vừa mới đánh đắm tàu và nhanh chóng chèo xuồng ra đi. Sang đến đầu cầu bên kia hầu như mỗi người lính đều ngả mũ và làm dấu. Nhưng đằng sau nỗi lo giữ thân đó còn một tình cảm khác sâu nặng hơn, da diết hơn, một tình cảm gần giống như sự hối hận hổ thẹn và căm giận. Từ mạn Bắc nhìn về Xêvaxtôpôn bị bỏ lại, hầu như mỗi người lính đều thở dài, lòng buồn rầu cay đắng khó tả và đều nguyền rủa, đe dọa quân thù.

Pêterburg,
27 tháng Chap năm 1855

BUỔI SÁNG CỦA MỘT TRANG CHỦ

I

Công tước Nêkhơluiđốp đã mười chín tuổi khi chàng học hết năm thứ ba của trường đại học tổng hợp. Chàng về nghỉ hè ở làng quê và sống cả mùa hè tại đó. Sang thu, chàng cầm bút trong bàn tay còn trẻ dại của mình viết thư cho bà cô là nữ bá tước Bêlôrétxkaia mà chàng cho là người bạn tốt nhất và người phụ nữ tài ba nhất trên đời này. Sau đây là bản dịch bức thư viết bằng tiếng Pháp đó :

"Cô yêu quý.

Cháu đã đi tới một quyết định có ảnh hưởng tới cả cuộc đời cháu. Cháu rời bỏ trường đại học để hiến mình cho cuộc sống của làng quê, vì cháu cảm thấy rằng cháu sinh ra vì nó. Cô yêu quý, vì Chúa, xin cô đừng cười cháu. Cô sẽ bảo cháu là trẻ người non dạ. Có lẽ đúng là cháu hãy còn trẻ con, nhưng điều đó không ngăn cản cháu cảm

nhận ra sứ mạng của mình, mong ước được yêu quý điều thiện và làm điều thiện.

Như cháu đã viết cho cô, cháu thấy mọi việc đang rối bời khôn tả. Vì muốn đưa công việc vào nề nếp, sau khi nghiên cứu kỹ, cháu đã phát hiện ra rằng điều ác chủ yếu nằm ngay trong tình trạng nghèo nàn thảm hại của nông dân và chỉ có thể sửa chữa điều ác đó bằng lao động và sự kiên tâm. Giá cô có thể trông thấy hai người nông dân của cháu, Đavứt và Ivan cùng cuộc sống gia đình họ, cháu tin chắc rằng chỉ cần nhìn vẻ mặt của hai con người bất hạnh đó cũng đủ thuyết phục cô nhiều hơn tất cả những gì cháu có thể nói được với cô để giải thích ý định của cháu. Chẳng phải nghĩa vụ trực tiếp và thiêng liêng của cháu là quan tâm đến hạnh phúc của bảy trăm con người mà cháu sẽ phải chịu trách nhiệm trước Chúa đó sao? Liệu có thể vì ham thích hưởng lạc hoặc vì lòng háo danh, mà phó mặc họ cho bọn xã trưởng và bọn quản lý thô bạo được chăng ? Và tại sao phải đi tìm cảnh ngộ trong một môi trường khác để tỏ ra mình có ích và làm việc thiện trong khi một nghĩa vụ gần gũi, sáng láng và cao thượng như vậy đang đặt ra trước mặt cháu? Cháu cảm thấy mình có khả năng làm một ông chủ tốt, mà muốn thế, theo như cháu hiểu, chả cần tới bằng thạc sĩ, tới những chức vị mà cô hằng ao ước cho cháu.

Cô yêu quý, cô đừng bày cho cháu những kế hoạch háo danh nữa, cô hãy làm quen với ý nghĩ rằng cháu sẽ đi theo một con đường hoàn toàn đặc biệt, nhưng con đường đó tốt và cháu cảm thấy nó sẽ dẫn cháu tới hạnh phúc. Cháu đã suy đi nghĩ lại rất nhiều về nghĩa vụ tương lai của mình, cháu đã đặt ra cho mình những quy tắc hành động và chỉ cần Chúa để cho cháu sống và cho cháu sức mạnh, cháu sẽ thực hiện thắng lợi những ý định của mình.

Cô đừng đưa thư này cho anh Vaxili xem : cháu sợ anh ấy sẽ chế nhạo ; anh ấy đã quen vượt lên trên cháu và cháu đã quen phục tùng anh ấy. Còn Vaxili, nếu như không tán thành ý định của cháu, thì cũng sẽ hiểu được nó thôi".

Nữ bá tước trả lời chàng bằng bức thư sau đây, cũng dịch ra từ tiếng Pháp :

"Đmitơri yêu quý, bức thư của cháu không chứng minh với cô điều gì khác ngoài tấm lòng tốt của cháu là điều mà cô không bao giờ nghi ngờ. Nhưng cháu yêu quý ạ, những phẩm chất tốt đẹp của chúng ta thường làm hại đời ta nhiều hơn những phẩm chất xấu. Cô sẽ không nói với cháu rằng cháu đang làm một việc ngu xuẩn, rằng hành vi của chau khiến cô phiền lòng, nhưng cô sẽ tác động tới cháu bằng một lý lẽ đầy sức thuyết phục.

Nào anh bạn, ta hãy cùng nhau suy xét. Cháu nói rằng cháu cảm thấy của mình là gắn bó với đời sống ở làng quê, rằng cháu muốn đem lại hạnh phúc cho nông dân của mình và cháu hy vọng rằng cháu sẽ là một ông chủ tốt bụng. 1) Cô phải nói với cháu rằng chúng ta chỉ cảm nhận được sứ mạng của mình một khi ta đã vấp sai lầm trong sứ mạng đó ; 2) tạo ra hạnh phúc cho riêng mình dễ hơn đem lại hạnh phúc cho những người khác, và 3) muốn trở thành một ông chủ tốt bụng cần phải là một người lạnh lùng và nghiêm khắc, vị tất cháu có thể trở thành một con người như thế, tuy cháu có làm ra bộ như thế.

Cháu coi những suy luận đó của mình là không thể bài bác được và thậm chí lấy chúng ra làm quy tắc xử thế, nhưng cháu ạ, ở tuổi của cô người ta không tin vào những suy luận và những quy tắc mà chỉ tin vào kinh nghiệm, và kinh nghiệm cho cô biết rằng những kế hoạch của cháu là trò trẻ con. Cô đã gần năm mươi tuổi rồi và cô quen biết nhiều người đáng trọng, nhưng chưa bao giờ cô nghe thấy nói đến chuyện một chàng trai giàu có và có khả năng lại đi vùi mình ở nông thôn, lấy cớ là để làm việc thiện.

Bao giờ cháu cũng muốn tỏ ra lập dị và cái lập dị của cháu chẳng phải gì khác hơn là lòng tự ái quá quắt. Anh bạn của tôi ơi ! Tốt hơn cả

la cháu hãy chọn những con đường bằng phẳng : chúng dẫn ta tới thành đạt nhanh hơn, mà sự thành đạt đó, nếu không cần thiết cho cháu, thì cũng cần thiết để tạo ra khả năng làm việc thiện mà cháu yêu thích.

Sự khốn cùng của một người nông dân là một điều ác cần thiết, hay đó là điều ac mà ta có thể giúp đỡ loại trừ, mà vẫn không cần phải quên mọi nghĩa vụ của mình với xã hội, với bà con ruột thịt của mình và với chính bản thân mình. Với trí tuệ của cháu, với từ tâm và lòng yêu mến đạo đức của cháu, thì chả có nghề nghiệp nào là không giúp cháu thành đạt. Nhưng ít ra cháu hãy lựa chọn nghề nghiệp nào xứng đáng với cháu và đem lại vinh dự cho cháu.

Cô tin là cháu thành thực khi cháu nói rằng cháu không háo danh, nhưng cháu đã tự lừa dối mình. Ở tuổi của cháu và với những phương tiện như cháu có, lòng háo danh là một phẩm chất tốt, nhưng nó sẽ trở thành một thiếu sót và sự tầm thường, khi con người không đủ sức thỏa mãn sự ham mê đó. Và cháu sẽ được nếm trải tình cảm đó nếu cháu không thay đổi ý định của mình. Tạm biệt Dmitori yêu quý. Cô cảm thấy cô còn yêu cháu nhiều hơn vì cái kế hoạch vô lý, nhưng cao thượng và quảng đại của cháu. Cháu hãy làm

theo ý cháu, nhưng thú thực, cô không thể đồng ý với cháu được".

Nhận được bức thư này, chàng trai suy nghĩ mãi và sau hết, khi quả quyết rằng ngay một người đàn bà tài ba cũng có thể phạm sai lầm, chàng đã đưa đơn xin thôi học đại học và vĩnh viễn ở lại làng quê.

II

Như đã viết trong bức thư gửi bà cô, chàng trang chủ trẻ tuổi đó đã đề ra các quy tắc xử thế trong công việc quản lý điền trang của mình và toàn bộ cuộc sống, mọi công việc của chàng đều được sắp xếp theo giờ, theo ngày và theo tháng. Ngày chủ nhật được quy định để tiếp những người đến cầu xin, gia nhân và nông dân, để đi thăm cơ ngơi của những nông dân nghèo khổ và để phát trợ cấp cho họ theo sự thoả thuận của công xã thường họp vào buổi chiều chủ nhật hàng tuần để quyết định xem cần phải giúp đỡ ai và giúp đỡ như thế nào. Chàng trai đã trải qua những công việc đó hơn một năm và bây giờ không còn là anh học trò mới hoàn toàn bỡ ngỡ trong lĩnh vực thực tiễn, cũng như trong những hiểu biết lý thuyết về việc quản lý.

Nêkhơliuđốp ở trong một phòng nhỏ thuộc tầng dưới của toà nhà lớn ở nông thôn, có nhiều cột trụ và sân thượng. Vào một ngày chủ nhật thang Sáu quang đãng, sau khi uống cà-phê và đọc lướt một chương cuốn sách "*Maison rustique*"[1], Nêkhơliuđốp bỏ một xếp tiền vào trong chiếc túi áo choàng nhẹ của mình, mang theo quyển sổ tay bước ra kkỏi nhà. Lần theo những con đường nhỏ bẩn thỉu, lút cỏ, trong khu vườn cũ kiểu Anh, chàng đi về phía làng nằm dọc hai bên con đường cái lớn. Nêkhơliuđốp là chàng trai cao lớn, cân đối, tóc xoăn rậm, màu hạt dẻ, mắt đen và sáng, đôi má tươi tắn, môi đỏ, phía trên chỉ mới loáng thoáng hàng lông tơ thanh xuân. Mọi cử chỉ và dáng đi của chàng đều toát ra sức mạnh, nghị lực và lòng tự mãn hiền hậu của tuổi trẻ. Nông dân từ nhà thờ trở về túm tụm thành từng đám, áo quần sặc sỡ. Các cụ già, các cô gái, trẻ con, các bà bế con mọn mặc quần áo ngày lễ tản mát đi về nhà mình, họ cúi gập người chào ông chủ và đi vòng qua bên chàng. Vào đến làng, Nêkhơliuđốp dừng lại, móc túi lấy cuốn sổ tay và đọc trên trang cuối tên những người nông dân kèm theo những nhận xét ghi bằng nét chữ trẻ con : "Ivan Tsurixênốc - hỏi xin cột chống nhà". Đọc xong chàng đi vào đường làng, lại gần cổng ngôi nhà gỗ thứ hai, ở mé tay phải.

Ngôi nhà của Tsurixênốc bao gồm vách gỗ đã bị mục chân tới quá nửa, xiêu vẹo và đổ nghiêng xuống đất đến nỗi ô cửa sổ thông khói màu đỏ với cánh cửa chớp đã long ra và một ô cửa sổ khác nhét bông hiện ra ngay trên ô đất chứa phân. Buồng hiên bằng gỗ súc có cửa ra vào thấp lè tè và ngưỡng cửa bẩn thỉu, một gian khác nhỏ hơn, cũ hơn và thấp hơn buồng hiên, chiếc cổng và gian nhà kho nép sát vào ngôi nhà chính. Trước đây tất cả những thứ này đều được che dưới một mái nhà khấp khểnh, bây giờ từng túm rạ mục đen sì lủng lẳng phía dưới trần nhà, ở phía trên nhiều chỗ hở cả vì kèo và rui mè. Phía trước sân là cái giếng, khung gỗ đã tan hoang còn trơ lại chiếc cột và bánh xe kéo nước với một vũng nước bẩn thỉu bị súc vật xéo lên đục ngầu, trong đó có mấy con vịt đang lặn hụp. Hai cây liễu già, thân gãy và nứt toác, cành lá lưa thưa màu xanh nhạt mọc ở gần giếng chứng tỏ rằng trước đây vào một lúc nào đó đã có người trồng hai cây liễu này để làm đẹp căn nhà. Một con bé khoảng tám tuổi, tóc vàng ngồi dưới một gốc liễu và để một con bé khác lên hai bò lê la xung quanh nó. Con chó cún ngoe nguẩy đuôi bên cạnh lũ trẻ, trông thấy ông chủ nó nhảy xổ ngay ra cổng và sủa lên ăng ẳng sợ hãi.

- Bác Ivan có nhà không ? - Nêkhơliuđốp hỏi.

Nghe câu hỏi đó, con bé tựa hồ như sững người, cặp mắt nó ngày càng trố to ra, không trả lời gì

cả, còn con bé con thì há miệng định khóc. Một bà già nhỏ bé mặc chiếc váy len dệt tay kẻ sọc, rách rưới, ngang lưng thắt trễ chiếc khăn bao đỏ quạch cũ kỹ từ trong cửa nhìn ra và cũng chẳng trả lời gì cả. Nêkhơliuđốp lại gần phía buồng hiên và nhắc lại câu hỏi.

- Dạ, thưa ông chủ, có nhà đấy ạ, - bà già nói bằng giọng run run, gập mình cúi chào, rồi đâm ra sợ hãi, lo lắng.

Sau khi chào hỏi bà ta, Nêkhơliuđốp băng qua buồng hiên ra chiếc sân chật hẹp, bà già vịn tay đi về phía cửa ra vào, không rời mắt khỏi lãnh chủ, khẽ lắc đầu. Cảnh trên sân trông thật thảm hại : một đống phân cũ chưa kịp chuyển đi, đen ngòm nằm chềnh ềnh ra đó, trên đống phân lăn lóc ngổn ngang một súc gỗ mục, mấy cái chàng nạng và hai cái bừa. Ở dưới mái che chạy quanh sân phía bên này thấy dựng chiếc cày, chiếc xe bò mất bánh và một ống những đõ ong vô dụng, trống huếch nằm chồng chất lên nhau. Những mái che này hầu như đã bị tốc hết và một phía đã sụp xuống đến nỗi các rui mè ở đằng trước không còn tựa trên cọc chống nữa mà nằm ẹp xuống đống phân. Tsurixênốc là một bác nông dân tuổi trạc năm mươi, vóc người thấp bé hơn mức trung bình. Với khuôn mặt hơi dài, rám nắng, viền chòm râu

màu hạt dẻ đã loáng thoáng điểm bạc, với bộ tóc cũng rậm như râu nom bác đẹp và linh lợi. Cặp mắt lim dim màu xanh thẫm của bác trông thông minh, đôn hậu và vô tư lự. Cái miệng nhỏ cân đối rõ nét dưới làn ria mép thưa màu hạt dẻ khi bác mỉm cười, thể hiện vẻ tự tin điềm tĩnh và hơi dửng dưng chế giễu mọi thứ xong quanh. Cứ trông làn da thô nhám, những nếp nhăn hằn sâu, những mạch máu nổi rõ trên cổ, trên mặt và đôi cánh tay, dáng người gù gù và thiếu tự nhiên và đôi chân vòng kiềng của bác cũng đủ thấy cả cuộc đời của bác đã trôi qua trong lao động nặng nề, quá sức chịu đựng. Bác vận chiếc quần bằng vải gai trắng có nhiều miếng và màu xanh ở đầu gối, chiếc áo sơ-mi bẩn thỉu rách toạc trên lưng và cánh tay. Chiếc dây lưng thắt trễ áo sơ-mi, chùm chìa khoá bằng đồng treo lủng lẳng ở dây lưng.

- Lạy Chúa cứu giúp ! - lãnh chủ nói khi bước vào sân.

Tsurixênốc ngoái nhìn, rồi lại tiếp tục làm việc. Sau khi đã cố hết sức keo mảng rào ra khỏi mái nhà, bác mới cắm phập chiếc rìu vào khúc gỗ, rồi sửa lại dây lưng, bước ra giữa sân.

- Xin chúc mừng ngài nhân ngày chủ nhật ! - bác nói, gập mình cúi chào và lắc lắc mái tóc.

- Cám ơn bác. Tôi đến xem công việc làm ăn của bác ra sao, - Nêkhơliuđốp nói với vẻ thân mật ngây thơ và bẽn lẽn, đưa mắt nhìn quần áo bác nông dân. - Xin bác cho tôi biết tại cuộc họp bác xin tôi những chiếc cột để làm gì ?

- Những cái cột chống ấy ạ? Bẩm ngài cột chống thì ai mà chẳng biết dùng để làm gì. Chả là tôi muốn chống đỡ qua loa ngôi nhà một tí, xin ngài thử nhìn xem. Đấy, một góc nhà hôm vừa rồi đã sụp, cũng may nhờ ơn Chúa lúc ấy trong lán lại không có gia súc. Tất cả đều lắt la lắt lẻo, - Tsurixênốc nói, khinh bỉ đưa mắt nhìn mấy gian nhà xiêu vẹo trống toang hoang đã đổ sụp của mình. - Bây giờ chỉ cần động đến vì kèo, mái nhà và rui mè là xong, ngài thấy đấy, chả còn tí gỗ nào dùng được. Mà lúc này thì đào đâu ra gỗ, xin ngài hiểu cho.

- Thế thì bác cần năm cái cột chống làm gì, khi một gian đã sụp, còn những gian khác thì sắp sụp đến nơi ? Bác không cần những cột đỡ, mà cần vì kèo, rui mè, cột to, cần toàn thứ mới cả, - lãnh chủ nói, hình như muốn khoe mình am hiểu công việc.

Tsurixênốc im lặng.

- Có lẽ bác cần gỗ, chứ không phải cột chống, nói thế mới đúng.

- Đúng là cần, nhưng chả đào đâu ra. Không đến nhà lãnh chủ mà xin đủ mọi thứ được đâu ! Nếu như anh em chúng tôi quen thói đến nhà lãnh chủ để cầu xin ngài ban ơn. thì chúng tôi còn ra cái thá nông dân gì nữa ? Còn nếu như ngài có lòng cho những ngọn cây sồi đang nằm không ở sân đập lúa nhà ngài, - bác vừa nói, vừa nghiêng mình, vừa đứng đổi hết chân nọ đến chân kia, - thì có lẽ tôi sẽ chặt khúc đem về để thay thế và sửa sang quấy quá căn nhà cũ.

- Sao lại sửa nhà cũ? Chính bác đã bảo là tất cả mọi cái ở nhà bác đều cũ kỹ và mục nát cả rồi còn gì. Hôm nay góc này sụt, ngày mai thì góc nọ, ngày kia thì góc thứ ba, vì vậy nếu đã làm thì làm mới tất cả để khỏi uổng công vô ích. Bác cho tôi biết, bác nghĩ thế nào, liệu cái cơ ngơi của bác lúc này có qua nổi mùa đông không ?

- Ai mà biết được !

- Không, bác nghĩ thế nào ? Nó sẽ sụp đổ hay là không ?

Tsurixênốp nghĩ một lát :

- Hẳn là sẽ sụp ráo, - bác bỗng nói.

- Đấy, bác thấy không, giá tại cuộc họp bác nói rằng bác phải dựng lại tất cả cơ ngơi nhà ở, chứ không phải chỉ cần riêng cột chống, giá đỡ,

thì có phải tốt hơn không. Bởi vì tôi vui lòng giúp đỡ bác...

- Rất đa tạ ngài có lòng thương, - Tsurixênốc trả lời một cách hồ nghi và không nhìn lãnh chủ. - Giá ngài vui lòng giúp cho tôi dẫu là bốn súc gỗ để làm cột chống, thì có lẽ tôi sẽ lo liệu được. Còn gỗ đầu thừa đuôi thẹo thì dùng làm giá đỡ cho căn nhà gỗ.

- Thế căn nhà gỗ của bác cũng tồi lắm rồi à?

- Tôi với bu nó cứ lo bất chợt nhà đổ đè lên ai đó, - Tsurixênốc nói một cách dửng dưng. - Ấy thế rồi trưa hôm nọ một cái rầm nhà từ trên trần rơi xuống đập vào người bu cháu.

- Nó đập thế nào ?

- Dạ, bẩm ngài, nó đập đến nỗi lưng tím bầm lên và bu cháu lịm đi đến tận đêm.

- Rồi sau qua khỏi chứ ?

- Qua khỏi đấy, nhưng cứ ốm mãi. Bu cháu đúng là ốm từ bé.

- Thế nào bác ốm hả ? - Nêkhơliuđốp hỏi mụ đàn bà vẫn tiếp tục đứng ở cửa ra vào và bắt đầu xuýt xoa ngay khi chồng nói về bà.

- Mọi người ở đây nào có để cho tôi ốm, mà cần quái gì ! - mụ đáp, tay chỉ vào bộ ngực lép kẹp bẩn thỉu của mình.

- Lại thế nữa ! - vị lãnh chủ trẻ tuổi bực bội nói và nhún vai. - Tại sao bác ốm mà lại không đến nhà thương ? Nhà thương được lập nên để khám bệnh mà. Thế người ta không nói cho bác biết à ?

- Thưa ngài, người ta có nói đấy, nhưng làm gì có thì giờ : nào lao dịch, nào nhà cửa, nào con cái - một tay tôi lo cả ! Chúng tôi là những kẻ đơn độc...

III

Nêkhơliuđốp bước vào căn nhà gỗ. Trên những bức vách sần sùi ám khói ở một góc tối treo la liệt các loại giẻ rách và váy áo, còn ở góc nhà đỏ quạch kia, thì những chú gián đo đỏ bâu đầy quanh các ảnh thánh và chiếc ghế băng. Ở giữa căn nhà gỗ nhỏ tối tăm hôi hám rộng sáu ác-sin(*), phía trên trần nhà có một khe hở lớn và mặc dầu ở hai phía đều có cột chống, nhưng trần nhà võng xuống đến mức tưởng như nó có thể sập đổ trong giây lát.

- Đúng là căn nhà gỗ tồi tàn quá, - lãnh chủ

* Ác-sin - đơn vị chiều dài của nước Nga cổ, bằng 0,71 mét.

nói, nhìn vào mặt Tsurixênốc, bác ta dường như không muốn bắt đầu nói về chuyện này.

- Nó sẽ đè bẹp chúng tôi và sẽ đè bẹp lũ trẻ, - mụ đàn bà lên tiếng bằng giọng đẫm nước mắt, tựa mình vào cái bục để ngủ ở gần lò sưởi.

- Ăn với chả nói ! - Tsurixêđốc nghiêm khắc nói và với nụ cười mỉm ý nhị, thoáng qua dưới chòm ria rung rung của bác, bác hướng về phía lãnh chủ : - Thưa ngài, tôi cũng chả biết phải làm gì với nó, với căn nhà gỗ này, tôi đã chống, đã lót, nhưng không ăn thua gì !

- Làm thế nào qua được mùa đông ở đây ? Ôi chao ! - mụ đàn bà nói.

- Nếu như đặt thêm cột chống, phủ ván đệm mới, - người chồng ngắt lời mụ ta và nói với vẻ thành thạo bình thản, - và thay ít cái rui mè ở đâu đó thì có lẽ cũng tạm qua được mùa đông. Có thể sống qua được, chỉ cần chống đỡ toàn bộ căn nhà gỗ này, có thế thôi. Còn như động vào nó thì đến mảnh gỗ vụn cũng chả còn. Miễn sao nó còn trụ được, - bác kết luận, hình như rất thoả mãn vì mình đã hình dung ra cảnh tượng đó.

Nêkhơliuđốp bực bội và đau đớn vì thấy Tsurixêđốp đã lâm vào nông nỗi ấy và trước đây bác đã không nói với chàng là người ngay từ lúc mới về làng chưa hề từ chối nông dân một cái gì và

chỉ cố làm sao để mọi nông dân đến thẳng với chàng khi họ gặp khó khăn thiếu thốn. Thậm chí chàng cảm thấy hơi khó chịu với bác nông dân, chàng giận dữ nhún vai và cau mày. Nhưng cảnh khốn cùng bao quanh chàng và cái bề ngoài bình thản, tự mãn của Tsurixênốc ở giữa cảnh cùng khốn này đã biến sự bực bội của chàng thành một nỗi buồn tuyệt vọng.

- Hừ, bác Ivan, thế sao trước bác không nói với tôi ? - chàng vừa trách móc, vừa ngồi lên chiếc ghế băng xiêu vẹo bẩn thỉu.

- Thưa ngài, tôi không dám ạ, - Tsurixênốc đáp cùng với nụ cười mỉm thoáng qua đó, bác đứng đổi đôi chân đi đất đen sì, trên nền nhà mấp mô, nhưng bác ta nói điều đó một cách mạnh bạo và bình thản, đến mức khó mà tin rằng bác không dám đến nhà lãnh chủ.

- Công việc của chúng tôi là công việc nhà nông, chúng tôi đâu dám !.. - mụ vợ vừa toan bắt đầu nói thì đã sụt sịt khóc.

- Thôi đi, đồ lắm mồm, - Tsurixênốc lại nói với mụ.

- Không thể sống trong căn nhà gỗ này được, đó là chuyện ngớ ngẩn ! - Nêkhơliuđốp nói, rồi im lặng một lát. - Chúng ta sẽ làm thế này, ông bạn ạ...

- Vâng ạ, - Tsurixênốc phụ hoạ.

- Bác có trông thấy những ngôi nhà bằng đá kiểu Hêrácđơ [2] với những bức tường rỗng cách nhiệt mà tôi đã xây dựng ở xóm mới không ?

- Sao lại không thấy ạ, - Tsurixênốc đáp, bác mỉm cười để lộ hàm răng trắng còn nguyên vẹn của mình, - mọi người còn rất đỗi ngạc nhiên không hiểu làm sao lại xây dựng nổi những ngôi nhà khéo đến thế ! Đám trai làng đùa cợt nói rằng những ngôi nhà đó dùng để bán hàng, tường ấy chuột khó lòng mà rúc vào được. Đúng là những ngôi nhà đàng hoàng ! - bác kết luận, lắc đầu tỏ vẻ thắc mắc, giễu cợt, - trông y như nhà tù ấy.

- Đúng những ngôi nhà đó tuyệt lắm, khô ráo, ấm áp, lại không sợ hoả hoạn, - lãnh chủ phản đối, bộ mặt trẻ trung của chàng cau có, hình như chàng không hài lòng trước sự chế giễu của bác nông dân.

- Còn phải bàn cãi gì nữa thưa ngài, đúng là những ngôi nhà đàng hoàng.

- Thôi thế này nhé, một ngôi nhà đã xây xong rồi. Căn nhà rộng mười ác-sin, có buồng hiên, nhà kho và đã xây xong đâu vào đấy cả. Tôi sẽ bán chịu ngôi nhà đó cho bác, lúc nào có bác sẽ trả, - lãnh chủ nói với nụ cười tự đắc mà chàng không sao kìm được khi nghĩ rằng mình đang làm phúc.

Chàng nói tiếp : - Bác phá bỏ căn nhà cũ này đi, lấy gỗ mà làm kho lúa, chuyển cả sân đi. Nước ở đằng ấy lành lắm, tôi sẽ cắt đất mới cho bác làm vườn rau và cắt cho bác cả phần ruộng luân canh ba thửa [3] ở liền sát chỗ bác ở. Bác sẽ sống tuyệt vời! Thế nào, lẽ nào bác lại không ưng ý? - Nêkhơliuđốp hỏi vì chàng nhận thấy vừa mới nói đến chuyện chuyển nhà, Tsurixênốc liền thờ thẫn lặng người đi, không mỉm cười nữa, nhìn chằm chằm xuống đất.

- Xin tuỳ ý ngài, - bác đáp, vẫn không ngước mắt lên.

Bà lão lê người về phía trước, tựa hồ như bị chạm vào chỗ đau và toan lên tiếng nói gì đó, nhưng ông chồng đã ngăn bà ta lại.

- Xin tuỳ ý ngài, - bác kiên quyết nhắc lại và đồng thời vừa nhẫn nhục nhìn lãnh chủ vừa lắc mái tóc, - nhưng chúng tôi không sống nổi ở xóm mới.

- Tại sao thế ?

- Không, thưa ngài, nếu ngài chuyển chúng tôi đến đó, thì ở đây chúng tôi đã tồi tệ, nhưng ra đó chúng tôi sẽ mãi mãi không còn là nông dân của ngài nữa. Ở đó chúng tôi sẽ là những người nông dân như thế nào ? Sống ở đó không được đâu, tuỳ ý ngài thôi !

- Tại sao thế nhỉ ?

- Bọn tôi sẽ lụn bại cùng quẫn mất, thưa ngài.

- Tại sao sống ở đó lại không được ?

- Sống như thế nào mới được chứ ? Nơi ây chưa có người ở, lạ nước, nơi chăn gia súc không có. Ruộng trồng gai dầu của chúng tôi ở đây đã bón phân từ bao đời nay, còn ở đó thì thế nào? Phải, ở đó thì sao nào ? Trần trụi ! Hàng rào không, nhà hong lúa không, nhà kho không, chả có gì hết cả. Thưa ngài, chúng tôi sẽ lụn bại nếu ngài xua chúng tôi tới đó, lụn bại hết! Lạ nước, lạ cái... - bác trầm ngầm nhắc lại, nhưng kiên quyết lắc đầu...

Nêkhơliuđốp toan chứng minh cho bác nông dân thấy rằng việc chuyển chỗ ở, ngược lại, rất có lợi cho bác, rằng người ta sẽ làm hàng rào và nhà kho ở đó, rằng nước ở đó ngon v.v.. nhưng sự im lặng ngây độn của Tsurixênốc khiến chàng bối rối và không hiểu sao chàng cảm thấy mình không nói được những điều cần phải nói. Tsurixênốc không phản đối chàng, nhưng khi lãnh chủ im lặng, bác sẽ nhếch mép cười và nêu lên ý kiến rằng tốt hơn cả nên đưa các gia nhân già và mụ ngốc Aliôsa tới ở xóm mới để họ canh giữ lúa mì.

- Làm như thế mà hay đấy ! - bác nhận xét và lại nhếch mép cười. - Đó là công việc vớ vẩn, thưa ngài !

- Chỗ không có người ở là thế nào ? - Nêkhơliuđốp kiên nhẫn khẩn khoản, - bởi vì ngay chỗ này, trước đây cũng là nơi không có người ở, thế mà bây giờ mọi người đã sinh sống ở đây. Chỉ cần bác chuyển đến trước tiên để nêu gương... Bác nhất định sẽ chuyển chỗ ở...

- Làm sao có thể so sánh được, thưa ngài, - Tsurixênốc sôi nổi đáp, tựa hồ bác sợ lãnh chủ đi đến quyết định cuối cùng, - đây là nơi gần gũi mọi người, một nơi vui vẻ, quen thuộc : ở đây sẵn có nào đường sá, nào ao hồ để các bà ấy giặt giũ quần áo và cho gia súc uống nước. Mọi công việc của nhà nông chúng tôi, kho thóc, vườn rau đều đã được gây dựng ở đây từ bao đời. Ngay mấy cây liễu này cũng do cha mẹ tôi gây trồng. Ông cha chúng tôi đã trút hơi thở cuối cùng ở đây và, thưa ngài, tôi cũng chỉ mong được sống trọn tuổi già ở đây, ngoài ra không dám xin gì nữa. Nhờ lượng ngài thương, giúp đỡ chúng tôi sửa chữa ngôi nhà này, thì chúng tôi rất đội ơn ngài, bằng không chúng tôi sẽ sống qua quýt trong căn nhà cũ của mình vậy. Xin cứ bắt chúng tôi suốt đời cầu Chúa, - bác nói tiếp, gập mình cúi chào, - chứ đừng xua đuổi chúng tôi ra khỏi tổ ấm của chúng tôi, thưa ngài !..

Trong lúc Tsurixênốc nói, từ chỗ bục ngủ cạnh

lò sưởi, chỗ vợ bác đứng, vang lên tiếng sụt sịt ngày càng rõ và khi nghe ông chồng nói tới tiếng "thưa ngài", bà vợ bác ta bất ngờ nhảy bổ ra phía đằng trước, mắt đẫm lệ, phủ phục xuống dưới chân lãnh chủ :

- Xin ngài đừng làm hại chúng tôi! Ngài là cha là mẹ của chúng tôi! Chúng tôi biết chuyển đi đâu ở được bây giờ ? Chúng tôi là những người già cả cô đơn, Chúa cũng như ngài... - bà ta gào lên.

Nêkhơliuđốp đứng bật dậy khỏi ghế băng và muốn nâng mụ già dậy, nhưng mụ cứ hăng máu đập đầu xuống nền đất với vẻ tuyệt vọng và gạt tay lãnh chủ ra.

- Sao thế bác ! Bác đứng dậy đi ! Nếu các bác không muốn thì thôi, tôi không ép buộc, - chàng nói, khoát tay và lùi ra phía cửa.

Bà già đã lại lùi về phía bệ nằm cạnh lò sưởi, tiếng sụt sịt của bà vang lên giữa bầu không khí lặng ngắt trong phòng, bà đưa tay áo lên chùi nước mắt. Nêkhơliuđốp lại ngồi lên chiếc ghế băng. Khi ấy trang chủ trẻ tuổi đã hiểu ngôi nhà sắp đổ sụp này, chiếc giếng tan hoang với vũng nước bẩn, chuồng gia súc mục rỗng và những gian nhà kho bé tí và mấy cây liễu nứt toác thấp thoáng trước khuôn cửa sổ xiêu vẹo này có ý nghĩa như thế nào với Tsurixênốc và bà vợ bác ta. Và chàng

bỗng cảm thấy lòng nặng trĩu buồn rầu và xấu hổ thế nào ấy.

- Bác Ivan này, thế sao chủ nhật trước bác không nói trong cuộc họp công xã rằng bác cần một ngôi nhà gỗ ? Bây giờ tôi chả biết giúp bác bằng cách nào. Ngay từ buổi họp đầu tiên tôi đã nói với tất cả các bác rằng tôi về làng ở và sống trọn đời mình vì các bác. Tôi sẵn sàng chịu đựng đủ mọi thiếu thốn chỉ cốt sao các bác được thoải mái và hạnh phúc và tôi xin thề trước Chúa rằng tôi sẽ giữ lời hứa, - chàng lãnh chủ trẻ tuổi nói mà không biết rằng cái kiểu tâm sự này không thể gây được lòng tin trong con người, đặc biệt là trong người Nga, loại người không ưa lời nói, chỉ tin ở việc làm và không mê thích lối bộc lộ tình cảm, dù là những tình cảm đẹp đẽ đến thế nào đi nữa.

Nhưng chàng trai tốt bụng sung sướng vì cảm xúc của mình đến nỗi không thể nào không thổ lộ nó ra.

Tsurixênốc cúi đầu quay ra phía khác, mắt nhấp nháy chầm chậm, miễn cưỡng chăm chú lắng nghe lãnh chủ của mình như lắng nghe một người mà mình bắt buộc phải nghe, tuy người đó nói những điều hoàn toàn không hay ho và chẳng liên quan gì đến mình cả.

- Nhưng tôi không thể đem cho mọi người tất cả những cái gì mà họ xin tôi. Nếu ai xin gỗ tôi cũng không từ chối, thì chẳng bao lâu tôi sẽ chẳng còn gì cả và khi có người cần thật sự tôi sẽ không thể giúp họ được. Chính vì vậy, tôi đã cắt riêng ra một khoảnh rừng để dành vào việc sửa chữa nhà cho nông dân và tôi đã hiến hẳn khoảnh rừng đó cho công xã. Khoảnh rừng này giờ đây không còn là của tôi, mà là của nông dân các bác, tôi không thể sử dụng, quyền sử dụng thuộc về công xã, bác cũng biết đấy. Bác hãy tới dự cuộc họp hôm nay; tôi sẽ nói với công xã về yêu cầu của bác. Nếu họ xét thấy có thể cho bác làm nhà thì tốt, chứ còn tôi hiện nay thì không có gỗ. Tôi thật lòng mong muốn giúp đỡ bác, nhưng nếu bác không muốn chuyển chỗ ở, thì đó không phải là việc của tôi nữa, mà là việc của công xã. Bác hiểu ý tôi chứ ?

- Chúng tôi đội ơn ngài nhiều, - Tsurixênốc bối rối nói. - Nếu ngài vui lòng cho chúng tôi số gỗ để làm nhà thì chúng tôi sẽ lo liệu sửa chữa được. Còn công xã ? Ai chả biết...

- Không, bác phải đến dự họp.

- Vâng, tôi sẽ đến. Sao lại không đến? Chỉ có điều tôi sẽ không xin công xã đâu.

IV

Hình như trang chủ trẻ tuổi còn muốn hỏi chủ nhà điều gì đó nữa, chàng không rời khỏi ghế băng và do dự, khi thì nhìn Tsurixênốc, khi thì nhìn chiếc lò sưởi trống rỗng, không nhóm lửa.

- Thế nào, các bác đã ăn trưa rồi chứ ? - sau cùng chàng nói.

Nụ cười châm biếm hiện ra dưới hàng ria của Tsurixênốc, chừng như bác buồn cười về việc lãnh chúa đưa ra những câu hỏi ngốc nghếch như vậy; bác không trả lời gì cả.

- Ăn gì đâu, thưa ngài ? - người đàn bà thốt lên, thở dài nặng trĩu. - Tí chút bánh mì, đó là cơm bữa của chúng tôi. Lúc này chả kiếm đâu ra rau, nên không biết nấu canh bằng gì, còn giá như có nước kvát[4] thì tôi đã cho lũ trẻ uống rồi.

- Hôm nay là ngày ăn chay, thưa ngài, - Tsurixênốc nói chen vào, giải thích lời của mụ vợ, - bánh mì và hành, đấy là món ăn của chung tôi. Cũng may là nhờ ơn Chúa và do lòng thương của ngài nhà tôi còn đủ lúa ăn cho đến bây giờ, còn tất cả bà con nông dân trong làng ta đều hết lúa ăn rồi. Hiện nay khắp nơi mất mùa hành. Hôm vừa rồi chúng tôi cho cháu đến nhà bác Mikhain- trồng rau, bác ấy lấy hai cô-pếch một mớ, vậy mà anh

em nông dân chúng tôi cũng chẳng đào đâu ra tiền mà mua. Đến lễ Phục Sinh có lẽ ngay cả nhà thờ Chúa chúng tôi cũng không tới được vì chả lấy đâu ra tiền mà mua nến lễ thánh Nhikôlai[5].

Từ lâu Nêkhơliuđốp đã biết, không phải theo tiếng đồn, cũng không phải do tin vào lời người khác nói, mà biết trên thực tế, tất cả sự nghèo nàn cùng cực của nông dân trong làng. Nhưng tất cả cái hiện thực này không phù hợp với những điều chàng đã được học, với nếp nghĩ và nếp sống của chàng đến nỗi, chàng đã miễn cưỡng quên đi sự thật và cứ mỗi lần, như lúc này đây, người ta nhắc nhở chàng một cách sinh động hiển nhiên các sự thật đó, thì lòng chàng cảm thấy nặng trĩu và buồn bã không chịu nổi, tựa hồ như hồi ức về một tội lỗi nào đã phạm và không chuộc lại được giày vò chàng vậy.

- Vì sao bác lại nghèo khổ đến như thế ? - chàng nói, bất giác phơi bày ý nghĩ của mình.

- Bẩm ngài, làm sao mà chúng tôi không nghèo khổ được ạ ? Ruộng đất của chúng tôi như thế nào chắc ngài cũng đã rõ : đất sét, gò đống, đã thế có lẽ Chúa lại còn giận chúng tôi cho nên lúa má từ dạo có dịch tả không làm sao mọc được. Đồng cỏ và ruộng cấy lại càng ít đi : mảnh thì bị cấm không được cấy hái, mảnh thì bị ghép

vào đồng ruộng của lãnh chủ. Chúng tôi đơn độc, già nua... giá kêu cầu được ở đâu cũng sướng cái bụng, nhưng sức tôi kiệt rồi. Mụ già nhà tôi ốm yếu, ấy thế mà cách đây một năm lại sinh đứa cháu gái : phải nuôi ráo cả. Một mình tôi quần quật mà nhà bảy miệng ăn. Tôi thật có tội với Chúa, vì thường nghĩ thầm : giá Chúa triệu bớt lũ con gái đi nhanh hơn, tôi sẽ được nhẹ thân mà chúng nó cũng dễ thở hơn là chịu đau khổ ở đây...

- Ôi chao ! - mụ già thở dài đánh thượt, như thể xác nhận lời nói của chồng.

- Tất cả chỗ nương tựa của tôi là đây đây, - Tsurixênốc tiếp tục nói, tay chỉ vào một đứa bé bảy tuổi, tóc bờm xờm màu sáng nhạt, bụng ỏng, vừa bẽn lẽn khẽ đẩy cửa vào trong nhà, vừa chăm chú đưa cặp mắt ngạc nhiên liếc nhìn lãnh chủ, đôi tay bé bỏng của nó bám lấy áo Tsurixênốc. - Tất cả chỗ nương tựa của tôi là đây đây, - Tsurixênốc tiếp tục nói bằng một giọng vang vang, đưa bàn tay sần sùi xoa mớ tóc sáng nhạt của đứa bé, - đợi đến bao giờ thì nó lớn ? Còn tôi không còn sức làm việc nữa rồi. Già nua thì cũng chưa đến nỗi nào, nhưng mà bệnh thoát vị đã quật ngã tôi. Những ngày giờ giời cứ gọi là hét lên vì đau, mà tôi thì già rồi, lẽ ra phải được trút gánh nặng

từ lâu mới phải. Kìa như bọn Ermilốp, Đemkin, Diabrép, - tất cả đều trẻ hơn tôi, thế mà đã từ bỏ ruộng đất từ lâu rồi. Khổ một nỗi là tôi chả biết từ bỏ nó cho ai. Phải nuôi nấng vợ con, cho nên tôi làm quần quật, thưa ngài...

- Tôi sẽ rất mừng, nếu làm vợi được nỗi khổ của bác, thật đấy. Phải làm như thế nào đây ? - Lãnh chủ trẻ nói, đưa mắt thông cảm nhìn bác nông dân.

- Làm thế nào cho vợi nỗi khổ ư ? Sự thể mà ai cũng biết là nếu lĩnh ruộng về làm, thì phải góp đủ lao dịch [6]. Cái đó đã thành lệ hiển nhiên. Bằng cách nào đó cũng phải chờ cho cháu nó lớn lên. Chỉ có điều xin ngài đoái thương, miễn cho cháu cái khoản trường học, chứ hôm nọ ông hội đồng tới cũng nói cho cháu biết rằng ngài bắt cháu đến trường. Xin ngài miễn cho cháu : nó thì đầu óc gì mà học hành thưa ngài ? Cháu nó còn bé đã biết nghĩ ngợi gì đâu ?

- Không, này bác, việc ấy thì tuỳ bác thôi, - lãnh chủ nói, - thằng bé nhà bác có thể hiểu biết đấy, đã đến lúc cho nó đi học được rồi. Tôi nói vì mong muốn điều tốt cho bác. Bác thử xét xem thằng bé sẽ lớn lên trước mắt bác như thế nào, nó sẽ thành người chứ, sẽ biết chữ và sẽ đọc được kinh thánh ở nhà thờ. Ấy thế là nhờ

sự giúp đỡ của Chúa, mọi sự ở nhà bác sẽ tốt đẹp hơn, - Nêkhơliuđốp nói, cố diễn đạt sao cho dễ hiểu hơn, đồng thời không hiểu sao chàng đỏ mặt lên và lúng búng.

- Hẳn thế rồi thưa ngài,ngài chả mong chúng tôi gặp điều xấu, cơ mà nhà chả có ai trông : tôi với bu cháu thì đi làm lao dịch, còn cháu tuy bé nhưng nó giúp được khối việc đấy, nào chăn gia súc, nào cho ngựa đi uống nước. Dẫu thế nào nó cũng là một tay mu-gích - và Tsurixênốc mỉm cười dùng những ngón tay trùng trục của mình vắt mũi cho thằng bé.

- Dẫu sao thì bác cũng cứ cho nó tới trường khi nào bác ở nhà và lúc cháu nó rảnh rỗi. Được không nào? Nhất định thế nhé.

Tsurixênốc thở dài nặng trĩu và không trả lời gì cả.

V

- A, tôi còn định nói với bác điều này, - Nêkhơliuđốp nói, - sao bác không chuyển phân chuồng đi?

- Phân chuồng nhà tôi nào có ra gì, thưa ngài? Ăn thua gì mà chuyển đi. Gia súc nhà tôi như thế nào ? Có con ngựa cái và con ngựa con, còn

bê tới mùa thu này thành bò cái tơ thì lại phải đem cho ông chủ quán trọ, đấy gia súc nhà tôi cả thảy có chừng đó.

- Gia súc của bác ít thế, sao bác lại còn đem cho đi một con bò cái tơ ? - lãnh chủ ngạc nhiên hỏi.

- Lấy gì mà nuôi nó mới được chứ ?

- Bác mà lại không đủ rơm để nuôi bò à ? Các nhà khác vẫn còn đủ cơ mà.

- Ruộng đất của họ được bón phân tốt, còn ruộng của tôi độc có đất sét, chả làm ăn gì được.

- Thế thì bác đem phân chuồng bón ruộng để cải tạo đám đất sét đó đi. Ruộng đất sinh ra cây lúa và thế là bác sẽ có cái để mà nuôi gia súc.

- Nhưng gia súc không có thì lấy đâu ra phân chuồng mà bón ?

"Thật là *cercle vicieux* (*) kỳ lạ", - Nêkhơliuđốp nghĩ bụng, nhưng chàng cũng không nghĩ ra được điều gì để khuyên bảo bác mu-gích.

- Về khoản này, thưa ngài, đâu phải phân chuồng sinh ra cây lúa, mà là Chúa sinh ra tất cả, - Tsurixênốc tiếp tục nói. - Như nhà tôi đây, mùa hè năm ngoái, trên một mảnh ruộng rộng một ô-xi-mi-nich (**) không được bón phân thì thu

---

* Cái vòng luẩn quẩn (*tiếng Pháp*).

được sáu đống lúa, ấy thế mà ở chỗ ruộng được bón phân lại chẳng được lấy một lượm. Còn ai ngoài Chúa nữa ! - bác thở dài nói thêm. - Với lại tôi không mát tay nuôi gia súc. Đến sáu năm nay không nuôi được. Mùa hè một con bò cái tơ lăn ra nghẻo, phải đem bán một con khác vì chả có gì nuôi nó. Năm kia một con bò cái ra trò bị quy. Lúc lùa nó ra khỏi đàn thì chả sao, bỗng nhiên nó lảo đảo, lảo đảo, thế rồi đi tong. Khốn khổ cái thân tôi như thế đấy !

- Này bác, để bác khỏi nói là nhà bác không có gia súc vì thiếu rơm rạ và không có rơm rạ vì thiếu gia súc, bác cầm lấy số tiền này mà mua bò, - Nêkhơliuđốp nói, đỏ mặt lên, rút gói tiền bị vò nhàu từ cái túi quần rộng thùng thình ra và chọn mấy đồng, - bác hãy mua một con bò cái cho tôi vui lòng và lấy cỏ khô ở nhà tôi mà nuôi nó, tôi sẽ nói cho đám gia nhân biết việc này. Bác hãy lo liệu để đến chủ nhật sau nhà bác đã có bò, tôi sẽ lại ghé thăm bác đấy.

Tsurixênốc cứ mỉm cười đứng đổi hết chân này sang chân khác mãi không đưa tay ra nhận tiền, vì thế Nêkhơliuđốp phải đặt tiền lên mép bàn và chàng càng đỏ mặt hơn.

- Đội ơn ngài nhiều, - Tsurixênốc nói với nụ cười hơi giễu cợt quen thuộc của bác.

Bà vợ thở dài đánh thượt mấy lần ở bục nằm cạnh lò sưởi và tựa hồ như đang cầu kinh.

Vị lãnh chủ trẻ tuổi đâm ra lúng túng. Chàng vội rời ghế băng đứng dậy, bước ra buồng hiên và gọi Tsurixênốc đi theo mình. Vẻ mặt của con người mà chàng vừa ra tay làm phúc trông dễ chịu quá, đến nỗi chàng không muốn chia tay ngay với bác ta.

- Tôi sung sướng được giúp đỡ bác, - chàng nói, dừng lại bên cạnh giếng, - có thể giúp đỡ bác được, vì tôi biết rằng bác không lười biếng. Bác sẽ làm lụng và tôi sẽ giúp đỡ bác. Nhờ Chúa giúp rồi bác sẽ ăn nên làm ra.

- Nói đến chuyện ăn nên làm ra làm gì, thưa ngài, chỉ cốt sao không lụn bại hoàn toàn là được, - Tsurixênốc nói, vẻ mặt bác bất chợt nghiêm lại, thậm chí trông khắc nghiệt, tựa hồ như bác rất không hài lòng trước dự tính của lãnh chủ cho rằng bác có thể ăn nên làm ra. - Lúc sống với ông cụ tôi, anh em tôi chả biết đói khổ là gì. Ông cụ vừa mất, chúng tôi chia tay nhau ra ở riêng, thế là tình hình mỗi ngày một khốn quẫn. Là do đơn độc cả?

- Tại sao các bác lại chia tay đi ở riêng ?

- Muôn sự tại các bà ấy cả, thưa ngài. Lúc ấy cụ cố của ngài đã mất, chứ dưới quyền cai quản của cụ chúng tôi chả dám làm thế: vì thuở đó nền

nếp đâu ra đấy lắm. Cũng như ngài, ông cụ việc gì cũng biết tường tận, chỉ nghĩ đến chuyện chia nhau đi ở riêng chúng tôi cũng không dám. Lúc cụ còn sống, cụ không ưa để cho nông dân sinh ra mất nết. Tiếp sau cụ cố của ngài, Anđrây Ilích cai quản chúng tôi. Nhắc đến ông ấy thật là chán, ông ấy là con người nát rượu, hời hợt.. Chúng tôi đến cầu xin ông ấy một, rồi hai lần: xin ngài cho phép chúng tôi đi ở riêng, không thể sống với các mụ đàn bà ấy được. Tôi cứ nằng nặc xin, nhưng rốt cuộc hoá ra các mụ ấy cũng vẫn dứt khoát giữ ý riêng của họ, thế là chúng tôi bắt đầu sống riêng rẽ. Mà ai chả biết anh mu-gích đơn độc sống thế nào! Với lại lúc ấy cũng chẳng có nền nếp trật tự gì cả. Anđrây Ilích muốn sai khiến chúng tôi thế nào tuỳ thích. Ông ấy bảo : "Để cho anh có đủ mọi thứ !" - mà không hề tự hỏi nông dân đào đâu ra đủ mọi thứ. Rồi thuế thân tăng, phải nộp nhiều thực phẩm dự trữ hơn cho lãnh chủ, còn ruộng đất thì ít đi và cây lúa không mọc được nữa. Thế rồi đến lúc cắm ranh giới ruộng đất, ông ấy cắt gộp các thửa ruộng đã bón phân tốt của chúng tôi vào khoảnh ruộng của lãnh chủ. Lão đểu ấy đã làm chúng tôi kiệt quệ hoàn toàn, thà chết quách cho xong. Cụ thân sinh ra ngài - cầu Chúa cho người được hưởng phước trên thiên đàng - là một lãnh chủ tốt bụng. Hầu như chúng tôi không hề được gặp mặt cụ, vì cụ thường sống ở

Mátxcơva. Tất nhiên, chúng tôi cũng luôn đánh xe tải từ làng ta tới đó. Có lần đường sá lầy lội, cỏ khô không có, thế mà vẫn phải cho xe đi. Lãnh chủ không thể thiếu được những cái đó. Chúng tôi không dám mếch lòng vì việc ấy; mà trật tự cũng chẳng có, nền nếp thì không. Bây giờ nhờ ngài rủ lòng thương tới từng người nông dân của mình, cho nên bọn chúng tôi cũng đổi khác, ngay bác quản lý cũng trở nên một con người khác. Giờ đây chúng tôi biết rõ, rằng mình có một lãnh chủ hẳn hoi, không thể nói hết được anh em nông dân chúng tôi đội ơn ngài như thế nào. Chứ nếu không có vị lãnh chủ chân chính để mà nương tựa, thì bất kỳ ai cũng là lãnh chủ cả: người giám hộ là lãnh chủ này, Anđrây Ilích là lãnh chủ này, vợ ông ta cũng là bà lãnh chủ này, ngay đến viên thơ lại ở cảnh sát hàng huyện cũng là lãnh chủ. Ôi, lắm lãnh chủ quá! Nông dân chịu nhiều cơ cực quá !

Nêkhơliuđốp có một cảm giác giống như sự hổ thẹn hoặc sự cắn rứt của lương tâm. Chàng cầm mũ và ra đi tiếp.

VI

Nêkhơliuđốp đọc trong sổ tay : "Iukhơvanka Bí hiểm muốn bán ngựa", - và chàng băng qua đường làng tới nhà Iukhơvanka. Ngôi nhà gỗ của

Iukhơvanka được lợp cẩn thận bằng rơm lấy ở nhà lãnh chủ và làm bằng gỗ liễu hoàn điệp màu sáng nhạt (cũng đốn từ rừng của lãnh chủ). Ngôi nhà có hai cánh cửa chớp quét sơn đỏ, thềm nhà nhỏ có mái lợp kèm theo lan can bằng những thanh gỗ chạm trổ cầu kỳ. Buồng hiên và căn phòng mùa hè cũng đã được sửa chữa. Nhưng ấn tượng về vẻ no đủ và thừa thãi chung của ngôi nhà này hơi bị phá vỡ bởi gian nhà kho áp sát vào cổng với hàng rào xung quanh chưa đan xong, và mái che bị tốc hết phía đằng sau nhà. Lúc Nêkhơliuđốp tới gần đầu thềm bên này, có hai người đàn bà nông dân khiêng một thùng nước đầy cũng tới đầu thềm kia. Đó là bà mẹ và vợ của Iukhơvanka Bí hiểm. Vợ Iukhơvanka là một người đàn bà hồng hào chắc nịch, ngực to lạ thường, với gò má rộng nung núc thịt. Chị ta mặc chiếc áo sơ-mi sạch sẽ, tay áo và cổ có thêu, choàng một chiếc áo chẽn cũng như vậy, váy mới, cổ đeo chuỗi hạt, đầu đội chiếc kít-ca(7) rất diện óng ánh xoè bốn góc có đính dải dây đỏ, chân đi giày.

Đầu chiếc đòn gánh không lúc lắc mà nằm vững vàng trên bờ vai rộng và chắc nịch của chị ta. Cứ trông chị ta khiêng nặng một cách dễ dàng, mặt đỏ bừng, trông dáng lưng eo và chân tay cử động nhịp nhàng, ta có thể thấy chị ta khỏe mạnh khác thường và có sức vóc của đàn ông. Ngược lại bà mẹ của Iukhơvanka, người khiêng một đầu

đòn là một trong các bà già dường như đã đi đến cái mốc cùng chót của tuổi già và sự huỷ hoại đối với con người. Vóc người xương xẩu của bà phủ một chiếc sơ-mi đen rách nát và một chiếc váy bạc màu. Bà còng người xuống đến nỗi đòn gánh đè lên lưng bà nhiều hơn là lên vai. Những ngón tay cong queo của bà như bấu chặt lấy chiếc đòn gánh, những ngón tay xỉn màu đất đó tưởng như không thể nào duỗi ra được nữa. Mái đầu rũ xuống được quấn trong một mảnh giẻ rách nát, là hiện thân của cảnh cùng khốn và tuổi già lụ khụ. Cặp mắt đỏ đọc mất hết cả lông mi lờ đờ nhìn xuống đất. Vầng trán hằn sâu những nếp nhăn ngang dọc. Một chiếc răng vàng khè chìa ra khỏi môi trên bị móp vào và không ngừng ngọ nguậy, đôi khi chạm cả vào chiếc cằm nhọn hoắt. Những nếp nhăn ở phần dưới mặt và cổ họng giống như một cái túi đu đưa khi bà cử động. Bà nặng nề thở khò khè. Đôi chân trần cong queo dường như không còn sức lê đi trên mặt đất, nhưng bà vẫn đều đều cất bước.

VII

Chợt giáp mặt lãnh chủ, người đàn bà trẻ đặt ngay thùng nước xuống, mắt nhìn xuống đất, cúi

gập người chào, sau đó đưa cặp mắt sáng long lanh liếc nhìn lãnh chủ và cố gắng dùng ống tay áo thêu che giấu nụ cười nhẹ nhõm. Rồi gõ gót giày, chị ta vào nhà, dừng lại ở ngưỡng cửa, nói:

- Mẹ ơi, mẹ đem trả đòn gánh cho cô Naxtaxia nhé.

Trang chủ trẻ tuổi khiêm nhường, nghiêm khắc, nhưng chăm chú nhìn người đàn bà hồng hào, cau mày và hướng về bà già đang dùng những ngón tay xương xẩu rút chiếc đòn gánh ra, đặt nó lên vai, nhẫn nhục đi sang nhà hàng xóm.

- Con trai bà có nhà không ? - lãnh chủ hỏi.

Tấm thân còng của bà già còng thêm xuống, bà cúi chào và muốn nói gì đó, nhưng rồi bà bụm tay che miệng ho sặc sụa, đến nỗi Nêkhơliuđốp không chờ được, bước thẳng vào trong nhà. Iukhơvanka ngồi trên chiếc ghế băng trong gian chính giữa. Trông thấy lãnh chủ anh ta nhảy bổ về phía lò sưởi tựa hồ như muốn trốn chàng, hấp tấp dúi một vật gì đó vào bệ nằm ở lò sưởi, rồi mấp máy môi, mắt đảo lia lịa, nép sát vào tường như để nhường lối cho lãnh chủ. Iukhơvanka là một anh chàng tuổi trạc ba mươi, tóc màu hạt dẻ, vóc người cân đối, hơi gầy, có chòm râu nhọn, trẻ trung, trông khá đẹp trai, nếu như cặp mắt màu nâu sẫm của anh ta không lấc láo một cách khó chịu dưới cặp

lông mày cau cau và không thiếu mất hai chiếc răng cửa mà người ta thấy ngay vì đôi môi ngắn và luôn mấp máy. Anh ta mặc chiếc sơ-mi dùng trong ngày lễ có cạp nách màu đỏ tươi, chiếc quần kẻ sọc đầy hoa văn, chân đi đôi giầy nặng trịch cổ nhăn nhúm. Trong nhà Iukhơvanka không đến nỗi chật chội và tối tăm như trong nhà Tsurixênốc, tuy ở đây cũng ngột ngạt, đầy mùi khói và mùi áo lông tu-lúp, cũng bừa bộn ngổn ngang quần áo và đồ dùng của nông dân. Ở đây có hai vật kỳ quặc khiến người ta phải chú ý : một chiếc ấm xa-mô-va nhỏ cong để trên giá và một khung ảnh đen nhỏ hãy còn mảnh kính vỡ bẩn thỉu lồng chân dung của một vị tướng nào đó mặc quân phục màu đỏ, treo gần ảnh thánh. Nêkhơliuđốp nhìn một cách ác cảm chiếc ấm xa-mô-va, chân dung vị tướng và chiếc bệ nằm cạnh lò sưởi, trên đó dưới mớ giẻ rách thò ra một đầu tẩu thuốc viền đồng, đoạn chàng hướng về phía người nông dân:

- Chào anh Êpiphan, - chàng nói, nhìn vào mắt anh ta.

Iukhơvanka cúi gập mình xuống chào, miệng lắp bắp : "Kính chào ngài", - anh ta nói một cách dịu dàng, đặc biệt là tiếng cuối cùng và đảo mắt liếc nhanh nhìn khắp người lãnh chủ, căn nhà gỗ, sàn nhà và trần nhà, không dừng lại ở chỗ

nào cả. Sau đó anh ta vội vã bước lại phía bệ nằm cạnh lò sưởi, rút lấy chiếc áo di-pun [8] và khoác lên người.

- Anh mặc áo làm gì ? - Nêkhơliuđốp nói, chàng ngồi xuống chiếc ghế băng và hình như cố nhìn Êpiphan sao cho thật nghiêm khắc.

- Sao cơ, thưa ngài, chẳng lẽ lại có thể thế? Hình như, chúng tôi có thể hiểu ý...

- Tôi ghé lại anh để hỏi xem anh cần bán ngựa để làm gì, anh có nhiều ngựa không và anh muốn bán con nào ? - lãnh chủ nói một cách khô khan, hình như lặp lại những câu hỏi đã được chuẩn bị sẵn.

- Chúng tôi đội ơn ngài nhiều vì ngài không ngại ghé tới nhà nông dân chúng tôi, - Iukhơvanka đáp, đảo mắt lướt nhanh qua chân dung vị tướng, cái lò sưởi, đôi giày của lãnh chủ và mọi vật khác, trừ khuôn mặt của Nêkhơliuđốp, - chúng tôi sẽ mãi mãi cầu nguyện Chúa cho ngài...

- Anh bán ngựa để làm gì ? - Nêkhơliuđốp cất cao giọng nhắc lại và húng hắng ho.

Iukhơvanka thở dài lắc lắc mái tóc (cặp mắt của anh ta lại đảo khắp gian nhà) và khi trông thấy con mèo nằm trên ghế băng bình thản kêu gừ gừ, anh ta quát nói : "Cút, đồ khốn khiếp", - rồi vội vã quay về phía lãnh chủ:

- Thưa ngài, con ngựa cái ấy vô dụng... Giá là loại ngựa tốt thì, thưa ngài, chắc tôi đã chả bán.

- Thế anh có bao nhiêu ngựa tất cả ?

- Thưa ngài, ba con.

- Không có ngựa con à ?

- Sao thế ạ, thưa ngài! Có cả ngựa con đấy chứ.

VIII

- Ta đi đi, anh chỉ cho tôi xem ngựa của anh; ngựa của anh ở ngoài sân hả ?

- Đúng thế ạ, thưa ngài. Lệnh truyền như thế nào tôi làm đúng như thế, thưa ngài. Lẽ nào chúng tôi lại có thể không vâng theo lời ngài được ạ ? Iakốp Ilích đã truyền lệnh cho tôi rằng : ngày mai không được thả ngựa ra đồng, công tước sẽ tới xem ngựa. Cho nên tôi không thả ngựa. Chúng tôi đâu dám trái lời ngài.

Nêkhơliuđốp vừa ra tới cửa, Iukhơvanka liền với chiếc tẩu thuốc trên bệ nằm cạnh lò sưởi và ném ra phía sau lò sưởi, và ngay cả khi lãnh chủ không nhìn anh ta, môi anh ta vẫn cứ mấp máy không thôi.

Con ngựa cái gầy còm lông xám đang bới đám

rạ khô mục nát dưới mái lều. Một chú ngựa con hai tháng, cẳng dài, màu lông chưa rõ rệt, dính cỏ gai của mẹ nó. Con ngựa thiến lông màu tía, bụng to, cau có và trầm ngâm cúi đầu đứng giữa sân, trông nó có dáng một con ngựa làm ăn tốt.

- Tất cả ngựa của anh đấy à ?

- Không phải thế ạ, thưa ngài. Kia còn một con cái, với lại con ngựa bé tí kia nữa, - Iukhơvanka vừa nói vừa chỉ những con ngựa mà lãnh chủ không thể không nhìn thấy.

- Tôi trông thấy rồi. Thế anh định bán con ngựa nào ?

- Dạ, thưa ngài, con này, - anh ta đáp, vung tà áo di-pun lên ; con ngựa đang lim dim nháy mắt lia lịa và mấp máy môi. Nó mở mắt và uể oải quay đuôi về phía anh ta.

- Trông cũng biết nó không già và là một con ngựa chắc chắn, - Nêkhơliuđốp nói, - anh bắt nó cho tôi xem răng. Tôi sẽ biết con ngựa này có già không.

- Thưa ngài, một mình tôi bắt làm sao được ạ. Con vật này không đáng một xu, đã thế lại bất kham, vừa cắn vừa đá hậu, thưa ngài, - Iukhơvanka đáp, mỉm cười rất vui vẻ và đảo mắt nhìn khắp tứ phía.

- Đừng có vớ vẩn! Đã bảo bắt cho tôi xem cơ mà.

Iukhơvanka đứng đổi chân mỉm cười mãi và chỉ tới khi Nêkhơliuđốp tức giận quát lên : "Anh làm cái trò gì thế hở ?" - anh ta mới nhảy bổ vào dưới mái lều, lấy chiếc dây cương ra và bắt đầu đuổi theo con ngựa, doạ dẫm, rồi tiến lại gần nó từ phía đằng sau, chứ không phải từ đằng trước.

Hình như vị lãnh chủ trẻ tuổi thấy ớn cái cảnh đó và có lẽ cũng muốn khoe tài khéo của mình.

- Đưa dây cương đây ! - chàng nói.

- Không được! Ngài bắt sao được ? Xin ngài...

Nhưng Nêkhơliuđốp bước sát tới đầu con ngựa và bất chợt tóm lấy tai nó, ghìm xuống đất mạnh đến nỗi là một con ngựa cày rất hiền lành, nó cũng phải lảo đảo, thở phì phò và cố vùng ra. Nêkhơliuđốp nhận thấy rằng dùng sức như thế là hoàn toàn vô ích. Thấy Iukhơvanka vẫn mỉm cười không thôi, chàng nảy ra ý nghĩ bực mình nhất ở tuổi trẻ cho rằng Iukhơvanka chế nhạo mình và thầm coi mình là một đứa trẻ. Chàng đỏ mặt lên, buông tai con ngựa ra và không cần dùng đến dây cương, chàng vạch mồm nó ra để xem răng : những chiếc răng nanh còn nguyên vẹn, răng trụ đầy đặn. Cứ theo những điều ông chủ trẻ tuổi đã kịp học được - thì đây là một con ngựa non.

Lúc đấy Iukhơvanka đi vào dưới mái lều, trông thấy chiếc bừa nằm không đúng chỗ, anh ta nâng nó lên và dựng nó tựa vào hàng rào.

- Anh ra đây ! - Lãnh chủ quát lên, vẻ mặt buồn bực trẻ con, giọng nói tức bực đến phát khóc. - Con ngựa này mà già à ?

- Thưa ngài, nó già lắm rồi, dễ thường đến hai mươi tuổi... Con ngựa này...

- Câm mồm ! Anh là một thằng nói dối và một tên vô lại, bởi vì người nông dân lương thiện không bao giờ nói dối: chẳng cần gì phải nói dối ! - Nêkhơliuđốp nói, nghẹn ngào vì những giọt nước mắt tức giận trào lên cổ họng. Chàng lặng thinh để khỏi xấu hổ vì khóc trước mặt gã nông dân. Iukhơvanka cũng im lặng, đầu hơi giật giật, mũi sụt sịt như thể sắp khóc đến nơi. - Bán con ngựa này đi anh sẽ cày bằng gì ? - Nêkhơliuđốp đã trấn tĩnh lại được, tiếp tục nói bằng giọng bình thường. - Người ta đã cố ý cử anh làm những việc không cần đến ngựa để anh liệu chăm lo gây dựng đám ngựa cày ấy, thế mà anh lại định bán nốt con ngựa cuối cùng của mình à ? Và cái chính là anh nói dối để làm gì ?

Lãnh chủ vừa trấn tĩnh tinh thần thì Iukhơvanka cũng tự trấn tĩnh ngay. Anh ta đứng thẳng đuỗn, môi cứ mấp máy, mắt vẫn đảo lia đảo lịa hết nhìn vật này đến nhìn vật khác.

- Chúng tôi vẫn đi làm cho ngài chẳng kém gì những người khác, - anh ta đáp.

- Nhưng anh đi làm bằng cái gì ?

- Ngài cứ yên tâm, chúng tôi sẽ làm đầy đủ công việc đồng áng của ngài, - anh ta đáp, và vừa suỳ ngựa, vừa xua nó đi. - Nếu như không cần tiền thì lẽ nào tôi lại bán ?

- Anh cần tiền để làm gì ?

- Chả còn tí lúa nào để ăn, thưa ngài, và tôi lại còn phải trả nợ cho bà con nông dân nữa.

- Không còn lúa là thế nào ? Tại sao các nhà khác đông con vẫn còn lúa, mà son rỗi như vợ chồng anh lại không còn? Thế lúa nó trốn đi đâu?

- Thưa ngài, chúng tôi ăn hết, hiện nay chả còn hột nào, sang thu tôi sẽ mua ngựa.

- Tôi cấm anh không được nghĩ đến chuyện bán ngựa đấy !

- Thưa ngài, nếu thế, đời chúng tôi rồi sẽ ra sao ? Gạo thì hết, lại chả được quyền bán, - anh ta đáp, xoay hẳn người sang phía khác, môi mấp máy và bất chợt táo bạo nhìn thẳng vào mặt lãnh chủ. - Như thế nghĩa là chúng tôi phải chết đói.

- Coi chừng đó anh bạn ! - Nêkhơliuđốp hét lên, mặt tái nhợt và bản thân cảm thấy bực bội đối với anh nông dân này, - tôi sẽ không giữ

những loại nông dân như anh đâu. Rồi anh sẽ chẳng ra sao.

- Việc đó tuỳ ý ngài, - anh ta đáp, mặt nhắm lại vờ ra vẻ nhẫn nhục, - nếu như tôi không xứng đáng. Thiết tưởng tôi chẳng có tội gì. Ai chả biết, nếu ngài không ưa tôi, thì đó là do ý thích của ngài. Chỉ có điều tôi không biết vì sao tôi phải đau khổ.

- Vì thế này này : vì nhà anh chưa lợp, phân chuồng chưa đem bón ruộng, hàng rào đổ nát, mà anh cứ ngồi ì ở nhà hút thuốc, không làm việc gì cả; vì anh không cho mẹ anh đến một mẩu bánh; người mẹ đã nhường cả sản nghiệp cho anh; vì anh đã cho phép vợ anh đánh bà cụ, tới mức bà cụ phải tới khiếu nại với tôi.

- Làm gì có chuyện đó, thưa ngài. Với lại tôi cũng chả biết chuyện thuốc xái nào cả, - Iukhơvanka bối rối đáp, hình như anh ta đặc biệt mếch lòng vì bị kết tội hút xách. - Người ta muốn nói gì về ai chả được.

- Đấy anh lại nói dối rồi ? Chính tôi thấy...

- Làm sao tôi lại dám nói dối ngài !

Nêkhơliuđốp im lặng cắn môi và đi đi lại lại trên sân. Iukhơvanka đứng yên tại chỗ, không ngước mắt lên, theo dõi bước chân của lãnh chủ.

- Nghe đây, anh Êpiphan, - Nêkhơliuđốp nói bằng giọng thơ ngây, hiền lành, dừng bước trước mặt anh nông dân và cố giấu sự xúc động của mình. - Sống như thế này, không được, và anh sẽ tự làm hại mình. Hãy nghĩ kỹ đi. Nếu anh muốn trở thành một người nông dân tốt thì anh phải thay đổi cách sống của mình đi, bỏ những thói quen xấu, đừng nói dối, đừng rượu chè và hãy kính trọng mẹ của mình. Tôi biết rõ tất cả về anh. Hãy chăm lo công việc đồng áng, chứ đừng đi đốn gỗ trộm trong rừng của nhà nước, rồi ra quán uống rượu. Anh thử nghĩ xem, hay hớm gì chuyện đó. Nếu anh cần cái gì cứ đến tôi, hỏi xin thẳng, nói cho tôi biết anh cần cái gì và để làm gì, đừng có nói dối, hãy nói thật tất cả, lúc ấy có thể làm được gì tôi sẽ không từ chối anh.

- Đâu phải thế, thưa ngài, hình như chúng tôi có thể hiểu được ngài ! - Iukhơvanka đáp, mỉm cười tựa hồ anh ta đã hoàn toàn hiểu tất cả cái hóm hỉnh trong câu nói đùa của lãnh chủ.

Nụ cười đó và câu trả lời của anh ta khiến cho Nêkhơliuđốp hoàn toàn thất vọng về ý định muốn làm động lòng gã nông dân và khuyên anh ta đi vào con đường chính trực. Đồng thời chàng cảm thấy mình có quyền lực mà lại phải đi khuyên nhủ nông dân, thì hình như bất tiện và hình như những điều chàng nói hoàn toàn không phải là

những điều đáng nói. Chàng buồn bã cúi đầu và bước ra gian nhà ngoài. Bà già ngồi trên ngưỡng cửa và lớn tiếng than vãn, như tỏ ý đồng tình với những lời nói của lãnh chủ mà bà nghe được.

- Bà cầm lấy đồng tiền để mua bánh mì, - Nêkhơliuđốp vừa nói vào tai bà lão, vừa đặt một đồng tiền vào tay bà, - bà tự đi mà mua lấy, đừng đưa cho Iukhơvanka, kẻo hắn lại đem uống rượu mất.

Bàn tay xương xẩu của bà già bám lấy bậu cửa để đứng dậy. Bà toan cảm ơn lãnh chủ, mái đầu bà lảo đảo, nhưng khi bà đứng dậy được, Nêkhơliuđốp đã đi đến đầu đường đằng kia rồi.

IX

"Đavứt Trắng trẻo xin lúa mì và cọc gỗ", sổ tay của Nêkhơliuđốp ghi như vậy sau phần nói về Iukhơvanka.

Đi được mấy nhà, tới chỗ ngoặt vào ngõ nhỏ, Nêkhơliuđốp gặp người quản lý của mình là Iakốp Anpatứt. Trông thấy lãnh chủ từ xa, Iakốp Anpatứt đã ngả chiếc mũ lợp vải dầu và rút chiếc khăn lụa ra, lau bộ mặt to bè, đỏ lựng.

- Đội mũ vào, bác Iakốp Anpatứt! Đội mũ vào đi bác Iakốp Anpatứt, tôi bảo bác...

- Thưa ngài, ngài đi đâu về đấy ạ ? - Iakốp Anpatứt hỏi, giơ mũ che nắng, nhưng không đội lên đầu.

- Tôi vừa ở nhà Iukhơvanka Bí hiểm. Bác làm ơn nói cho tôi biết vì sao hắn ta hoá ra như thế? - lãnh chủ nói, tiếp tục đi trên đường làng.

- Thưa ngài, chuyện gì thế ạ ? - người quản lý hỏi, bác đi ra đằng sau chủ, cách một quãng khá xa, đội mũ và vuốt ria mép.

- Chuyện gì ấy à ? Hắn ta là một thằng vô lại hoàn toàn đê tiện, một đứa lười thối thây, ăn trộm ăn cắp, dối trá hành hạ mẹ mình và hình như hắn là một thằng vô lại bất trị, không phương cứu chữa.

- Thưa ngài, tôi không ngờ nó lại đổ đốn ra thế trước mặt ngài...

- Còn con vợ nó, - lãnh chủ ngắt lời viên quản lý, - hình như là một người đàn bà rất tệ. Bà già ăn mặc tồi tàn hết chỗ nói, chẳng được ăn uống gì, ấy thế mà con vợ hắn diện ngất trời và chính hắn cũng thế. Tôi quả thật không biết làm sao được với hắn.

Iakốp Anpatứt bối rối rõ rệt khi Nêkhơliuđốp nói về vợ của Iukhơvanka. Bác nói :

- Nếu như hắn đã buông thả mình như thế thì, thưa ngài, ta phải tìm biện pháp. Đúng là

hắn nghèo, cũng như mọi nông dân đơn độc khác, nhưng dẫu sao hắn cũng đã biết giữ thể diện chút ít, chứ không như những người khác. Hắn là tay nông dân thông minh, có học và hình như là một người lương thiện đấy. Tới kỳ thu thuế thân bao giờ hắn cũng đến giúp. Khi tôi quản lý, hắn làm thôn trưởng được ba năm, cũng không có gì đáng phàn nàn. Đến năm thứ ba, một vị giám hộ thải hắn, thế là hắn tự sửa mình bằng cách cần cù lao động và đóng mọi khoản thuế đầy đủ. Nhưng rồi hắn ra thành phố làm cho ngành bưu điện, rượu chè hơi quá chén, ấy thế là phải tìm biện pháp với hắn. Thường thường khi hắn làm bậy, mình doạ dẫm, hắn lại tỉnh người ra, tốt lên, gia đình thuận hoà. Còn nếu ngài thấy áp dụng những biện pháp ấy không tiện, thì tôi cũng chả biết làm gì với hắn. Đúng là hắn buông thả mình quá. Cho hắn đăng lính lại không hợp, vì ngài thấy đấy, hắn thiếu mất hai chiếc răng. Và tôi dám nói với ngài rằng đâu phải mình hắn không còn biết sợ là gì...

- Thôi không nói đến chuyện ấy nữa bác Iakốp Anpatứt, - Nêkhơliuđốp đáp, hơi mỉm cười, - tôi với bác trò chuyện mãi về việc ấy rồi. Bác biết ý định của tôi và dù bác có nói gì đi nữa tôi cũng vẫn cứ giữ những ý định đó.

- Thưa ngài, cố nhiên ngài đã rõ cả mọi chuyện, - Iakốp Anpatứt nói, nhún vai và từ phía sau nhìn lãnh chủ, tựa hồ như cái mà bác ta nhìn thấy chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cả. - Còn về việc bà già thì ngài lo lắng chỉ uổng công. Tất nhiên bà ấy đã nuôi nấng Iukhovanka côi cút, dạy dỗ, lấy vợ cho hắn và lo liệu đủ điều. Nhưng tục lệ trong nông dân là khi cha hoặc mẹ để lại cho con trai cơ nghiệp của mình, thì con trai và con dâu trở thành người chủ và bà già phải đổ mồ hôi sôi nước mắt ra làm mà kiếm miếng ăn chứ. Cố nhiên vợ chồng hắn đối xử với bà cụ không được dịu dàng, nhưng trong nông dân nói chung, thường thế cả. Bởi vậy tôi dám nói rằng ngài uổng công nhọc lòng vì bà lão. Bà ta là người làm ăn, có đầu óc; và việc gì ông chủ phải đi băn khoăn đủ mọi chuyện thế? Thôi thì cứ cho là bà lão cãi nhau với con dâu, cô ta có lẽ đã đẩy bà ấy ngã - chuyện đàn bà với nhau ấy mà! rồi họ lại làm lành với nhau, có gì mà ngài phải băn khoăn. Ngài cứ để tâm quá đến những chuyện ấy, - viên quản lý nói, hơi dịu dàng và trịch thượng nhìn lãnh chủ đang im lặng rảo bước trên đường làng, phía trước mặt bác ta. - Ngài về nhà chứ ạ ? - bác hỏi.

- Không, tôi đến nhà Đavứt Trắng trẻo hay là Kôdiôl (*) gì đó... gọi tên họ anh ta thế nào nhỉ?

* Kôdiôl trong tiếng Nga có nghĩa là con dê đực.

- Bẩm ngài, đấy cũng lại là một con quỷ. Cả cái nòi nhà Kôdiôl là như thế. Làm gì với hắn cũng chẳng ăn thua. Hôm qua tôi đi xe ngang qua đám ruộng của nông dân, thấy ruộng nhà hắn chưa gieo kiều mạch. Ngài bảo làm gì với hạng người ấy ? Giá mà lão già răn dạy con trai đi, nhưng đằng này chính lão cũng lại là một con quỷ : dù làm ruộng nhà mình, hay đi làm lao dịch cho lãnh chủ, lão cứ ì ra như khúc gỗ. Vị giám hộ và tôi đã làm đủ trò với lão: nào đưa lên cảnh sát huyện, nào trừng phạt ở nhà, những biện pháp ngài không ưa thích...

- Ai thế ? Có phải là ông già không ?

- Vâng, ông già. Vị giám hộ đã trừng phạt lão biết bao lần ngay trước cuộc họp, vậy mà thưa ngài, ngài có tin không : thoắt một cái đâu lại vào đấy, như nước đổ lá khoai vậy. Bẩm ngài, Đavứt là một tay nông dân hiền lành, không đến nỗi ngu ngốc, không hút thuốc, không uống rượu, thế nhưng hắn lại tệ hơn một tên say bét nhè. Chỉ còn một cách là cho hắn đăng lính hoặc đi dinh điền, chứ chả còn biết làm thế nào. Cả cái nòi Kôdiôl nhà nó là như thế, cả cô Matơriôna sống trong gia đình nghèo cực này của họ cũng là một con quỷ đáng nguyền rủa. Bẩm, ngài không cần đến tôi nữa phải không ạ ? - Nhận thấy lãnh chủ không nghe mình, viên quản lý nói.

- Không cần, bác đi đi, - Nêkhơliuđốp lơ đãng trả lời và đi về phía nhà Đavứt Trắng trẻo.

Ngôi nhà xiêu vẹo của Đavứt đứng trơ vơ ở đầu làng. Xung quanh nhà không thấy sân, chỗ phơi lúa, cũng như kho lúa, chỉ thấy mấy gian chuồng bò bẩn thỉu nằm bẹp ở một phía. Ở phía đằng kia, những khúc gỗ và cành cây chuẩn bị để rào sân nằm ngổn ngang thành đống. Nơi trước đây là sân, cỏ dại mọc xanh um. Quanh ngôi nhà chẳng có ai ngoài con lợn sề đang dầm bùn và kêu ủn ỉn ở ngưỡng cửa.

Nêkhơliuđốp gõ vào khuôn cửa sổ vỡ toác, nhưng chẳng có ai thưa, cho nên chàng bước vào gian phòng ngoài và gọi to : "Ông chủ có nhà không?". Không có ai đáp lại cả. Chàng đi qua buồng hiên nhìn vào chuồng gia súc trống rỗng, rồi bước vào gian nhà gỗ ngỏ cửa. Con gà trống già lông đỏ và hai con gà mái lúc lắc mào, siết móng chân đi tung tăng trên nền nhà và trên các ghế băng. Thấy người, chúng cục tác ầm lên, xoè cánh, đâm bổ cả vào tường và một con nhảy lên lò sưởi. Chiếc lò sưởi với ống khói bị vỡ, khung cửi tuy đã sang hè, nhưng vẫn chưa được cất đi, chiếc bàn gỗ đen ngòm, mặt bàn vênh, nứt toác, choán cả gian nhà rộng chừng hơn bốn mét.

Tuy ngoài sân khô ráo, nhưng ở ngưỡng cửa

có một vũng nước bẩn vì nhà bị dột trong trận mưa mới đây. Cạnh lò sưởi không có bệ nằm. Khó mà nghĩ được rằng đây là nơi có người ở, vì cả trong nhà lẫn ngoài nhà đều hỗn độn, trống tuếnh trống toàng. Ấy thế nhưng Đavứt Trắng trẻo cùng cả gia đình hắn vẫn sống trong căn nhà này. Đúng vào lúc này, tuy thời tiết tháng Sáu nóng nực, Đavứt thu mình vào một góc trên nóc lò sưởi, rúc đầu vào chiếc áo choàng lông ngủ say như chết. Con gà mái hốt hoảng nhảy lên lò sưởi mà vẫn chưa hết sợ, nó đi đi lại lại trên lưng Đavứt, nhưng vẫn không làm anh ta tỉnh giấc.

Không thấy ai ở trong nhà, Nêkhơliuđốp đã định đi ra, thì bỗng nghe có tiếng thở mạnh chứng tỏ có người ở nhà.

- Ê ! Ai đấy ? - lãnh chủ hỏi to.

Lại một tiếng thở kéo dài vang lên từ lò sưởi.

- Ai đó ? Ra đây !

Đáp lại tiếng quát hỏi của lãnh chủ, lại là tiếng thở dài nữa, tiếng lầu bầu và lại một cái ngáp rất to.

- Ơ, ai đấy ?

Trên lò sưởi có cái gì đó từ từ nhúc nhích, một tà áo tu-lúp đã sờn lộ ra, một cẳng chân to đi dép rách thõng xuống, rồi đến cẳng kia, sau cùng

mới trông rõ cả thân hình Đavứt Trắng trẻo. Hắn ngồi trên lò sưởi, uể oải và vẻ không bằng lòng, dùng nắm tay to sù giụi mắt. Hắn thong thả cúi đầu, ngáp, nhìn khắp gian nhà và khi trông thấy lãnh chủ hắn mới ngọ nguậy nhanh hơn, nhưng vẫn cứ lề mề đến nỗi Nêkhơliuđốp đã kịp đi đi lại lại đến ba lần từ vũng nước đến khung cửi mà Đavứt vẫn chưa tụt xuống khỏi lò sưởi.

Đavứt Trắng trẻo trắng thật: cả mái tóc, thân hình lẫn khuôn mặt của hắn đều trắng lạ lùng. Vóc người hắn cao lớn và rất béo, nhưng béo theo lối nông dân nghĩa là thân hình to, chứ không phải bụng to. Tuy thế, nhưng cái béo của hắn là béo bệu, không khoẻ. Khuôn mặt khá đẹp của hắn, với cặp mắt xanh nhạt bình thản và với chòm râu quai nón rậm, trông có dáng bệnh hoạn. Nước da hắn bị cớm nắng không hồng hào, hơi vàng, nhợt nhạt, quanh mắt phơn phớt tím, tựa hồ như bị sưng mọng đến húp híp. Bàn tay hắn múp míp hơi vàng vọt như bàn tay của những người mắc bệnh phù nề và phủ đầy một lớp lông tơ mịn màu trắng. Hắn ngủ nhiều quá, thành thử không sao mở to mắt ra được, đứng không vững và luôn luôn ngáp dài.

- Hừ, anh không biết xấu hổ à ? - Nêkhơliuđốp lên tiếng. - Giữa ban ngày ban mặt lại lăn

ra ngủ, khi trong nhà hột lúa không còn và anh lại phải xây sân...

Khi Đavứt tỉnh ngủ hẳn và bắt đầu hiểu ra đằng trước mắt hắn là lãnh chủ, hắn bèn chắp tay lại trước bụng, cúi đầu hơi nghiêng về một phía và đứng im không cử động. Hắn im lặng, nhưng toàn bộ vẻ mặt và tư thế của hắn như muốn nói : "Tôi biết, tôi biết, đây có phải lần đầu tôi nghe nói như vậy đâu. Nào, nếu cần, hãy đánh tôi đi - tôi sẵn sàng chịu đựng". Dường như hắn mong ước lãnh chủ đừng nói nữa, mau mau đánh hắn đi và thậm chí tát mạnh cặp má phù nề của hắn, nhưng để cho hắn được yên thân nhanh chóng. Thấy Đavứt không hiểu mình, Nêkhơliuđốp đặt ra nhiều câu hỏi khác nhau, cố gắng kéo anh chàng nông dân ra khỏi sự im lặng nhẫn nhục này.

- Anh xin tôi gỗ để làm gì, trong khi gỗ của anh nằm dài cả tháng kia và thì giờ trôi phí phạm, hả?

Đavứt vẫn im lặng gan lì và không nhúc nhích.

- Nào, trả lời đi.

Đavứt làu nhàu điều gì đó và nhấp nháy cặp lông mày trắng.

- Phải đi làm anh bạn ạ, không làm việc thì rồi sẽ ra sao? Hiện nay nhà anh hết lúa ăn, nhưng tất cả là vì đâu ? Vì ruộng đất của anh cày dối,

không cày lại và không gieo hạt kịp thời, - tất cả đều do lười biếng. Anh xin tôi cho lúa. Ừ, thì cho là tôi sẽ cho anh, vì không thể để anh chết đói, nhưng làm như thế không có lợi. Tôi lấy lúa của ai cho anh? Anh nghĩ xem, của ai ? Trả lời đi? Tôi lấy lúa của ai cho anh ? - Nêkhơliuđốp kiên trì hỏi.

- Của lãnh chủ, - Đavứt lúng búng nói, ngước mắt lên vẻ dò hỏi.

- Thế lúa của lãnh chủ ở đâu ra ? Anh hãy thử suy xét xem, ai cày bừa ruộng cho lãnh chủ? Ai gieo hạt ? Ai gặt hái ? Nông dân, có phải thế không ? Vậy thì anh thấy đấy, nếu phải phát lúa của lãnh chủ cho nông dân, thì ai làm nhiều hơn phải được phát nhiều hơn và anh thì làm ít hơn tất cả mọi người. Người ta phàn nàn về anh và về chuyện anh không chịu đi làm lao dịch, anh làm ít hơn tất cả mọi người, nhưng lại xin lúa của lãnh chủ nhiều hơn tất cả mọi người. Tại sao cho anh, mà lại không cho những người khác ? Giá như mọi người đều nằm ườn ra như anh, thì chắc chúng ta đã chết đói từ lâu rồi. Phải lao động anh bạn ạ, chứ như thế này thì hỏng - anh có nghe rõ không, Đavứt ?

- Tôi nghe thấy ạ, - hắn chậm rãi nói qua kẽ răng.

X

Vừa lúc đó một người đàn bà nông dân gánh vải gai lấp ló đầu ngoài cửa sổ, và một phút sau bà mẹ Đavứt bước vào trong nhà. Đó là một người đàn bà cao lớn tuổi trạc năm mươi, rất tươi tắn và linh hoạt. Khuôn mặt rỗ hoa có nhiều nếp nhăn, không đẹp, nhưng chiếc mũi dọc dừa, cặp môi mỏng mím mím và đôi mắt xám linh hoạt biểu thị trí thông minh và nghị lực. Đôi vai vuông vức, bộ ngực phẳng, đôi bàn tay khô khốc và đôi chân đi đất đen đủi nổi bắp của bà chứng tỏ từ lâu bà đã không còn là một phụ nữ, mà chỉ là một người lao động. Bà nhanh nhẹn bước vào nhà, khép cửa lại, sửa lại váy áo và giận dữ nhìn con trai. Nêkhơliuđốp định nói với bà điều gì đó, nhưng bà quay ngoắt khỏi chàng và đưa tay làm dấu trước khung ảnh thánh bằng gỗ màu đen ló ra phía sau khung cửi. Làm dấu xong, bà sửa lại chiếc khăn kẻ ô cáu bẩn quấn trên đầu, rồi cúi gập mình chào lãnh chủ.

- Kính chào ngài nhân ngày lễ Chúa, - bà nói, - lạy Chúa cứu giúp, ngài là bậc cha mẹ của chúng tôi...

Trông thấy mẹ, Đavứt bối rối rõ rệt, lưng hơi còng xuống và cổ gục xuống thấp hơn nữa.

- Cám ơn bà Arina, - Nêkhơliuđốp đáp. - Ấy tôi vừa mới nói chuyện với con trai bà về công việc làm ăn của nhà ta.

Arina, hoặc như nông dân gọi bà từ thời còn con gái, Arina-Phu kéo thuyền, đưa bàn tay trái đỡ cùi tay phải và để cằm tựa trên nắm tay phải, không nghe lãnh chủ nói hết đã bắt đầu lên tiếng gay gắt, oang oang đến nỗi khắp nhà vang dội giọng của bà và từ ngoài sân có thể tưởng như đó là mấy giọng đàn bà bỗng cùng nói một lúc:

- Bẩm ngài, nói với nó làm gì ! Nó có ra người đâu mà nói. Đấy, nó đứng đực ra, - bà nói tiếp, khinh bỉ hất đầu chỉ thân hình vạm vỡ thảm hại của Đavứt. - Công việc làm ăn của tôi có ra gì đâu thưa ngài ! Chúng tôi nghèo xơ xác, trong cả làng này chả có ai tồi tệ hơn chúng tôi cả : lao dịch cũng như việc nhà, thật xấu hổ! Hắn đã đẩy chúng tôi đến nông nỗi này. Chúng tôi đẻ ra nó, nuôi nấng chăm bẵm, ngong ngóng chờ lúc nó nên người, ai ngờ nó lại như thế. Lớn lên nó chỉ biết tọng cho đầy bụng, trước công việc cứ ỳ ra như khúc gỗ mục. Nó chỉ biết nằm ườn trên lò sưởi hoặc đứng trơ ra đó để gãi cái đầu ngu ngốc của nó, - bà vừa nói vừa bắt chước hắn.- Giá ngài doạ nó hộ tôi. Đích thân tôi xin ngài hãy vì Chúa trừng phạt nó hoặc cho nó đi lính - đằng

nào cũng thế thôi ! Tôi không còn sức đâu dạy bảo nó nữa rồi.

- Đẩy mẹ mình đến nông nỗi ấy, anh không thấy có tội à, Đavứt ? - Nêkhơliuđốp trách móc hắn.

Đavứt không nhúc nhích.

- Giá là một thằng ốm yếu thì còn tốt, - Arina tiếp tục nói vẫn linh hoạt, vẫn với những cử chỉ đó, - đằng này trông nó cứ như con lợn đực thiến béo ú ở cạnh cối xay bột vậy. Có việc cho nó làm đấy chứ, cái thằng ăn hại ấy ! Nhưng nó cứ lười biếng nằm ườn ra trên lò sưởi cơ. Hễ nó mó vào việc gì, mà tôi không để mắt tới, thì hoặc là nó phớt mất hoặc là nó đi ra đi vào, hay thế này thế khác, - bà nói, kéo dài giọng và vụng về xoay đi xoay lại đôi vai vuông vức của mình. - Như hôm nay đấy, ông lão nhà tôi phải đích thân vào rừng đốn cành cây, giao cho nó ở nhà đào hố. Nhưng nó có cầm đến chiếc xẻng đâu... (Bà ngưng lại giây lát...) Nó đày đoạ tôi, cái thân tôi trơ trọi ! - bỗng bà rít lên, vung hai tay và với cử chỉ hăm doạ, bà bước lại gần con trai. - Thằng mặt mẹt, ôi lạy Chúa tha tội cho con! (Bà khinh bỉ và đồng thời tuyệt vọng quay ngoắt khỏi hắn, nhổ nước bọt, rồi lại tiếp tục sôi nổi nói với lãnh chủ, vừa nói vừa khoát tay, mắt đẫm lệ). Một mình tôi phải gánh vác cả, ngài ạ. Ông lão nhà tôi già yếu và

cũng chả được tích sự gì. Còn tôi vẫn cứ một thân một mình. Đến đá cũng phải nứt. Giá cứ chết quách đi cho xong lại nhẹ mình, đằng nào cũng thế thôi. Nó hành hạ tôi, thằng khốn khiếp ! Thưa ngài, tôi kiệt sức rồi! Con dâu tôi đã quỵ vì làm lụng, rồi tôi cũng sẽ thế thôi.

XI

- Cô ấy bị quỵ như thế nào ? - Nêkhơliuđốp ngờ vực hỏi.

- Lạy Chúa thiêng liêng, cháu nó quỵ vì làm việc quá sức, thưa ngài. Năm kia chúng tôi đón cháu ở nhà Baburinô về, - bà tiếp tục nói, vẻ mặt đang từ tức giận bỗng chuyển sang buồn rầu, nước mắt rơm rớm. - Cháu nó trẻ trung, tươi tắn, hiền lành, chúng tôi coi như con đẻ. Lúc cháu sống ở nhà với bố mẹ được các chị dâu nuông chiều, đã biết đến đói khổ là gì, ấy thế mà vừa về đến nhà chúng tôi đã nếm ngay đủ mùi công việc, nào lao dịch, nào việc nhà và việc linh tinh ở khắp nơi. Chỉ có nó và tôi xốc vác thôi. Tôi thì đành nhẽ, đã quen đi rồi, nó bắt đầu phải chịu đau khổ, rồi lại có mang nữa chứ: do làm việc quá sức cháu bị bệnh đau tim đánh quỵ. Tội nghiệp nó, dạo hè,

vào dịp lễ thánh Piốt nó sinh thằng cháu trai, nhà lại hết gạo, thôi thì ăn nhăng ăn nhít, thưa ngài. Công việc hối hả lúc nào cũng sát nách, thế là cháu nó bị cạn sữa. Sinh con đầu lòng, nhà không co bò sữa, nông dân chúng tôi thì lấy đâu ra bình sữa mà nuôi cháu! Ai chả biết đàn bà cạn nghĩ, cháu nó lấy thế làm đau khổ lắm. Rồi thằng bé chết, ấy thế là cháu nó đau buồn, rền rĩ khóc than, lại cộng thêm cảnh nhà nghèo túng với công việc nặng nề, sức khoẻ cháu suy giảm, mỗi ngày một tệ, đến hè cháu quy vì bệnh tim,cháu mất vào dịp lễ Đức Mẹ Đồng Trinh. Cái thằng quỷ ấy nó đã hại vợ nó ! - bà lại vô cùng hằn học quay về phía con trai... - Tôi dám cầu mong xin ngài một điều, - bà nói sau khi im lặng một lát, hạ giọng và nghiêng mình.

- Điều gì hở bà ? - Nêkhơliuđốp lơ đãng hỏi, vẫn còn xúc động vì câu chuyện của bà.

- Chả là thằng cháu nhà tôi hãy còn trẻ. Trông chờ vào tôi thì được việc gì, tôi cũng gần đất xa trời rồi. Không có vợ rồi nó sẽ ra làm sao? Nó sẽ không đáng mặt làm một anh mu-gích của ngài nữa. Xin ngài giúp chúng tôi bằng cách nào đó.

- Thế nghĩa là bà muốn cưới vợ cho anh ta phải không ? Thì đã sao ! Đó cũng là một việc.

- Xin ngài rủ lòng thương, ngài là cha là mẹ chúng tôi.

Bà ra hiệu cho con trai, rồi cả hai cùng phủ phục dưới chân lãnh chủ.

- Bà quỳ xuống đất làm gì ? - Nêkhơliuđốp buồn bực nâng vai bà ta dậy. - Chả lẽ phải quỳ xuống mới nói được hay sao? Bà cũng biết là tôi không thích thế. Bà cứ việc cưới vợ cho con trai. Tôi rất vui mừng, nếu bà đã nhắm được con dâu.

Bà già đứng dậy, đưa tay áo lau cặp mắt ráo hoảnh. Đavứt cũng theo gương mẹ, đưa nắm tay húp híp lau mắt, rồi tiếp tục đứng nghe mẹ nói một cách nhẫn nhục.

- Các cô gái đến tuổi lấy chồng thì khối đấy, thiếu gì ! Như Vaxilia, con gái của ông Mikhây đấy, cô ta cũng khá, nhưng nếu không được phép ngài, cô ta chả lấy đâu.

- Thế ra cô ấy không ưng ý à ?

- Thưa ngài, không ạ. Nếu như được ngài đồng ý, thì cô ấy sẽ phải ưng ý.

- Thế thì biết làm thế nào ? Tôi không thể ép duyên được. Bà hãy tìm một cô khác, không ở điền trang mình, thì ở các điền trang khác vậy. Tôi sẽ bỏ tiền ra chuộc, chỉ cốt sao cô ta tự nguyện, chứ ép duyên thì không nên. Luật pháp không cho phép như vậy và làm thế là có tội lớn.

- Ngài ơi ! Nhìn cảnh sống khổ của nhà chúng tôi liệu có đứa nào nó muốn chui vào làm dâu không ? Ngay cả vợ lính cũng chả muốn chấp nhận cảnh nghèo khó như vậy. Người nông phu nào lại đi gả con gái cho nhà chúng tôi? Người khốn đốn nhất cũng sẽ không gả. Bởi chúng tôi trần trụi, cơ cực quá. Người ta sẽ bảo : họ đã để một con dâu chết đói, rồi con gái mình cũng không thoát khỏi cảnh đó. Ngài thử xét xem, ai sẽ gả con gái cho nhà tôi nào, thưa ngài, - bà nói thêm, lắc đầu ngờ vực.

- Thế tôi có thể làm được gì nhỉ ?

- Xin ngài tìm cách giúp đỡ chúng tôi. - Arina nhắc lại một cách tin tưởng, - chúng tôi biết làm thế nào ?

- Tôi làm sao có thể giúp được ? Tôi cũng chả làm gì được cho bà trong trường hợp này.

- Nếu không phải là ngài, thì còn ai giúp đỡ chúng tôi ạ ? - Arina nói, cúi đầu và dang hai cánh tay ra tỏ vẻ buồn rầu thắc mắc.

- Bà hỏi xin lúa mì, vậy tôi sẽ ra lệnh cấp cho bà, - lãnh chủ nói và sau khi im lặng một lát, lúc ấy Arina thở dài và Đavứt cũng thở dài theo mẹ. - Tôi không thể giúp gì hơn được nữa.

Nêkhoiliuđốp bước vào gian buồng hiên. Hai mẹ con cúi chào và đi theo lãnh chủ.

XII

- Chao ơi, cái thân tôi trơ trọi ! - Arina nói, thở dài nặng trĩu.

Bà ta dừng lại và tức giận nhìn con trai. Đavứt tức thì quay người lại, nặng nề lê cẳng chân núc ních xỏ trong chiếc giày bện to xù xì bẩn thỉu qua ngưỡng cửa, rồi biến mất sau khung cửa bên kia.

- Tôi biết làm thế nào với nó hở ngài, - bà Arina tiếp tục nói với lãnh chủ. -Ngài nhìn xem, nó là đứa như thế nào. Nó không phải là thằng tồi, nó hiền lành, không rượu chè, ngay cả đứa bé tí nó cũng không động đến. Tôi nói dối thì tôi phải tội : nó chả làm điều gì xấu cả, ấy thế mà có trời biết có chuyện gì xảy ra với nó đến nỗi nó tự dưng trở thành một thằng khốn khiếp. Bản thân nó cũng chẳng vui thích gì chuyện đó. Ngài có tin không, nhìn thấy nó chịu đựng đau khổ, trái tim già này nhức nhối. Bởi dẫu sao đi nữa nó cũng là đứa do mình mang nặng đẻ đau. Tôi thương nó quá, biết mấy là thương !.. Bởi nó cũng chả làm điều gì phản cha hại mẹ, hay là chống đối quan trên. Nó là thằng dút dát như đứa trẻ nhỏ vậy. Goá vợ như thế, rồi nó sẽ ra sao ? Ngài hãy giúp chúng tôi, - bà nhắc lại, hình như muốn xoá nhoà ấn tượng xấu do những lời chửi bới con

của bà có thể gieo vào đầu lãnh chủ... - Bẩm ngài, cha của chúng tôi, - bà tiếp tục nói bằng giọng thì thào tin cậy, - tôi đã đắn đo cân nhắc mọi nhẽ, vậy mà chịu không hiểu được vì sao nó lại như vậy. Chả phải bọn người ác hại nó thì còn cái gì khác nữa. (Bà im lặng một chút.) Giá mà tìm được người, thì có thể chữa cho nó khỏi.

- Bà nói nhảm nhí gì thế, bà Arina ! Làm hại thế nào được ?

- Ấy, ngài ơi, chúng nó hại đến mức biến mình mãi mãi không còn là người ngợm gì nữa ấy chứ ! Trên đời này thiếu gì kẻ xấu ! Do độc ác, nơi có thể bốc một nắm đất dưới dấu chân của mình[9]... hoặc là ở một chỗ nào khác.. và thế là mình vĩnh viễn trở thành người không ra người, ngợm không ra ngợm, làm thế là có tội chứ còn gì ? Tôi cứ nghĩ bụng hay là mình đến nhờ ông lão Đunđúk ở làng Vôrôbiốpka ; ông ấy biết đủ các câu phù chú, thuộc các loại cây cỏ, trừ được tà, làm cây thánh giá phải rỏ nước ra[10]. Liệu ông ấy có giúp cho không ? - người đàn bà nói. - Có lẽ ông ấy sẽ chữa được cho cháu khỏi.

"Đấy, cảnh cùng khốn và dốt nát là như thế đấy ! - vị lãnh chủ trẻ tuổi suy nghĩ, buồn bã cúi đầu và rảo bước đi xuôi trên đường làng. - Ta phải làm gì với hắn đây ? Không thể để hắn

trong tình trạng này được, cả đối với ta, cả để làm gương cho người khác, lẫn đối với chính bản thân hắn, đều không thể được, - chàng vừa tự nhủ, vừa xoè ngón tay ra để tính các lý do. - Mình không thể nhìn thấy hắn ở trong tình trạng này, nhưng kéo hắn ra bằng cách nào ? Hắn sẽ huỷ hoại tất cả những kế hoạch quản lý điền trang tốt đẹp nhất của mình. Nếu còn những nông dân như hắn, thì những ước mơ của mình sẽ chẳng bao giờ được thực hiện, - chàng nghĩ, cảm thấy bực bội và tức giận đối với anh chàng nông dân rồi sẽ phá hoại các kế hoạch của chàng. - Đẩy hắn đi dinh điền, dù hắn không muốn đi, như Iakốp Ilich nói, thì liệu có hay ho gì cho hắn không ? Hay là cho hắn vào lính. Đúng đấy. Ít ra thì mình cũng thoát nợ với hắn và mình lại còn đổi được một nông dân tốt nữa", chàng suy tính.

Nghĩ thế, chàng thấy hài lòng, nhưng đồng thời một ý thức mơ hồ nào đó mách bảo với chàng rằng chàng mới nghĩ bằng một nửa đầu óc và có điều gì đó chưa ổn. Chàng dừng lại : "Khoan đã, mình nghĩ cái gì nhỉ,- chàng tự nhủ. À, cho hắn đi lính, đi dinh điền. Vì sao ? Hắn là một người tốt, tốt hơn nhiều người khác, và tại sao mình biết... Thả cho hắn tự do ư ? - chàng nghĩ, xem xét vấn đề không phải bằng nửa đầu óc như trước đây, - như

thế không công bằng và không thể được". Nhưng chàng bỗng nảy ra một ý khiến chàng rất vui mừng. Chàng mỉm cười với vẻ mặt của một người đã giải quyết xong một nghiệm vụ khó khăn. "Lấy hắn về nhà mình làm gia nhân,- chàng tự nhủ, - mình sẽ đích thân theo dõi hắn, rồi bằng thái độ dịu dàng, bằng những lời khuyên nhủ, bằng việc lựa chọn công việc thích hợp, mình sẽ luyện cho hắn quen làm việc và sẽ cải tạo hắn".

XIII

"Mình sẽ làm như vậy", - Nêkhơliuđốp sung sướng hài lòng tự nhủ và sực nhớ ra rằng chàng còn phải ghé vào nhà bác nông dân khá giả Đútlốp, chàng hướng về phía ngôi nhà cao to, rộng rãi có hai ống khói ở giữa làng. Khi lại gần ngôi nhà đó, chàng gặp ở cổng nhà bên cạnh một bà cao lớn, ăn mặc xuềnh xoàng, chạc bốn mươi tuổi, đi ngược chiều với chàng.

- Chúc mừng ngài nhân ngày lễ, - bà ta dừng lại cạnh chàng, nói với chàng không hề rụt rè và niềm nở mỉm cười cúi chào chàng.

- Chào vú, - chàng đáp, - vú có khoẻ không? Tôi tới nhà hàng xóm của vú đấy.

- Thế ạ, tốt quá, thưa ngài. Sao ngài không hạ cố ghé tới nhà chúng tôi ? Ông lão nhà tôi chắc mừng lắm.

- Được, tôi sẽ ghé vào nói chuyện với vú. Nhà vú đây à ?

- Thưa ngài, vâng ạ.

Bà vú nuôi chạy lên trước. Nêkhơliuđốp đi theo bà vào phòng ngoài, ngồi lên một chiếc thùng, rút thuốc lá ra hút.

- Trong ấy nóng lắm, ta ngồi đây nói chuyện tốt hơn, - chàng đáp khi nghe bà vú nuôi mời chàng vào trong nhà. Bà vú nuôi là một người đàn bà đẹp và còn tươi tắn. Nét mặt bà và đặc biệt là cặp mắt to đen của bà rất giống với vẻ mặt của lãnh chủ, đầu luôn lúc lắc và bắt đầu nói chuyện với chàng :

- Ngài ghé thăm nhà Đútlốp về việc gì thế ạ?

- À tôi định bảo ông ấy thuê ruộng của tôi, khoảng ba chục đê-xi-a-ti-na(*) mà gây dựng cơ nghiệp của mình, với lại rủ ông ấy mua chung rừng với tôi. Ông ấy sẵn tiền, sao lại để tiền uổng phí như thế? Vú nghĩ như thế nào về chuyện đó?

- Sao cơ ạ ? Thưa ngài, ai mà chả biết Đútlốp khá giả, có lẽ vào hạng nhất trong cả điền trang này, - bà vú nuôi đáp, đầu lúc lắc. - Hè vừa rồi

ông ấy đã dựng một gian nhà khác bằng gỗ của mình, chả làm phiền lãnh chủ. Ngựa nhà ông ấy, ngoài ngựa con và ngựa choai choai, đủ thắng vào sáu cỗ xe ba ngựa. Gia súc ở nhà ấy, bò và cừu, lúc chúng ở ngoài cánh đồng về hoặc các bà ra lùa chúng từ ngoài đường làng vào nhà, thì chớ có ai bén mảng đến cổng nhà ấy mà bẹp ruột. Và nhà ấy có tới hai trăm đõ ong, có khi hơn thế nữa. Đúng là một nhà nông rất giàu và hẳn là sẵn tiền.

- Theo ý vú, ông ta có nhiều tiền không ? - lãnh chủ hỏi.

- Cứ theo những kẻ ác khẩu, thì ông già này tiền của không ít đâu, nhưng về chuyện này, ngay đối với các con trai, ông ta cũng chẳng lộ cho biết, hẳn là ông ta sẵn tiền. Tại sao ông ta không dính vào việc mua rừng? Có lẽ ông ta sẽ mang tiếng là vung tiền bừa bãi. Khoảng năm năm trước đây ông ta cũng bỏ vốn ra chung với chủ quán trọ Skalích để mua đồng cỏ, bắt đầu làm ăn chút ít, nhưng chả hiểu có phải Skalích lừa ông ấy không, ông lão mất đứt ngót ba trăm rúp. Từ đấy ông ấy bỏ. Họ không cần cù sao được, thưa ngài, họ sống nhờ vào ruộng đất của mình, gia đình đông, toàn những người hay lam hay làm, còn ông già thì, dù có ác khẩu cũng phải thừa nhận rằng ông

ta là một chủ nhà biết làm ăn thật sự. Ông ta lo tròn trách nhiệm của mình, khiến mọi người phải lấy làm lạ : nào lúa má, nào chăm nom ngựa nghẽo và gia súc, nào nuôi ong và gây dựng hạnh phúc cho các con. Hiện nay ông ấy đã lo cưới vợ cho tất cả các con trai. Mấy cô con dâu trước ông ấy cưới cho là người làng ta, còn Ilia thì mới lấy một cô gái tự do, chính ông ấy bỏ tiền ra chuộc. Con bé cũng tốt nết đáo để.

- Họ sống với nhau hoà thuận chứ ? - lãnh chủ hỏi.

- Trong nhà có người đứng đầu ra trò, thì sẽ sống hoà thuận thôi. Chuyện đàn bà thì ai chả biết, ngay trong nhà Đútlốp cũng có. Đám con dâu nhà ấy cãi lộn nhau ở đằng sau lò sưởi, thế nhưng dưới quyền của ông già, các anh con trai vẫn sống hoà thuận với nhau.

Bà vú im lặng một lát.

- Nghe đâu bây giờ ông già định cho anh con trai cả là Karpơ làm chủ gia đình. Ông ấy bảo: tôi già rồi, mỏi mệt rồi, công việc của tôi là chăm sóc đàn ong. Karpơ cũng là một tay mu-gích rất cẩn thận, nhưng làm trái ý ông cụ nhiều quá, chả thành người chủ nhà được. Anh ta không có đầu óc!

- Có lẽ Karpơ muốn trông nom ruộng nương và rừng rú chăng - vú nghĩ sao? - lãnh chủ nói,

muốn dò hỏi bà vú tất cả những điều bà biết về nhà hàng xóm của bà.

- Thưa ngài, chưa chắc, - bà vú nói tiếp, - ông lão chả chịu bỏ tiền ra cho con trai đâu. Chừng nào ông lão còn sống, tiền còn để ở trong nhà, thì ông lão còn điều khiển hết. Mấy lại nhà ông ấy lo tới đoàn xe tải nhiều hơn.

- Vậy là ông già sẽ không đồng ý à?

- Ông ấy sợ.

- Ông ấy sợ gì cơ chứ?

- Thưa ngài, làm sao mà nông dân dám lộ cho lãnh chủ biết là mình có tiền? Gặp cảnh không may, thế là tiền nong mất ráo! Đấy, ông ấy đã chung lưng làm ăn với ông chủ quán trọ, rồi vấp váp. Kiện cáo ông ta ở đâu được nào? Thế là tiền đi tong mất cả. Làm ăn với trang chủ chắc cũng sẽ thế thôi, chả được thanh toán đâu.

- A, chuyện đó thì.. - Nêkhơliuđốp đỏ mặt lên nói. - Tạm biệt bà vú.

- Xin tạm biệt ngài, vô cùng đội ơn ngài.

XIV

"Hay là mình quay về nhà?" - Nêkhơliuđốp nghĩ khi bước tới gần cổng nhà Đútlốp, chàng cảm thấy lòng nao nao buồn và mệt mỏi về tinh thần.

Nhưng vừa lúc ấy cánh cổng ghép bằng những thanh gỗ mới kèn kẹt mở ra trước mặt chàng và một anh chàng đẹp trai, hồng hào, tóc vàng, tuổi chừng mười tám, vận áo của dân đánh xe ngựa hiện ra trước cổng, dắt theo ba con ngựa vó chắc nịch, lông dày hãy còn đẫm mồ hôi. Anh ta nhanh nhẹn lắc lắc mái tóc vàng nhạt của mình, nghiêng mình chào lãnh chủ.

- Ông cụ có nhà không, anh Ilia? - Nêkhơliuđốp hỏi.

- Ông tôi ở khu nuôi ong, đằng sau sân, - chàng trai vừa đáp, vừa dắt từng con ngựa qua một cánh cổng mới mở một nửa.

"Không, mình sẽ cứng rắn, sẽ yêu cầu ông ta làm theo ý mình", - Nêkhơliuđốp nghĩ, để cho lũ ngựa ra khỏi cổng xong, chàng bước vào trong sân rộng thênh thang của nhà Đútlốp. Rõ ràng là đám phân chuồng vừa mới được chuyển khỏi sân: đất hãy còn đen, nhớp nháp và những vụn rác đo đỏ rải vung vãi ở nhiều chỗ, đặc biệt là gần cổng. Nhiều xe ngựa, cày, xe trượt, các súc gỗ, các thùng gỗ và đủ loại đồ dùng của nông dân được xếp ngay ngắn ở trên sân và dưới các lán có mái che cao ráo.

Những con chim bồ câu bay lượn và gù gù dưới bóng những vì kèo rộng rãi chắc chắn. Thoang

thoảng mùi phân và mùi hắc ín. Karpơ và Igơnát đang lắp một chiếc đệm mới vào dưới chiếc xe tải lớn đai sắt ba ngựa kéo ở một góc sân. Cả ba người con trai nhà Đútlốp hầu như đều cùng một khuôn mặt. Anh con út Ilia mà Nêkhơliuđốp đã gặp ở cổng, chưa có râu, thấp nhỏ hơn, hồng hào hơn và diện hơn mấy người anh. Igơnát, anh thứ hai, cao lớn hơn, tóc sẫm màu hơn, râu nhọn và tuy anh ta cũng đi giày, mặc áo sơ-mi của dân đánh xe, đội mũ lông cừu nhưng trông anh ta không có vẻ bảnh bao, vô tư lự như cậu em út. Karpơ, người con trai cả, còn cao lớn hơn nữa, chân dận giày bện, mình vận chiếc áo káp-tan màu xám và chiếc sơ-mi không có cạp nách, chòm râu xoè rộng và bộ mặt anh không những nghiêm nghị mà hầu như còn rầu rĩ nữa.

- Ngài cho gọi cha tôi ạ? - Karpơ nói, bước lại gần lãnh chủ và hơi nghiêng mình chào một cách ngượng nghịu.

- Không, tôi sẽ sang khu vực nuôi ong gặp ông cụ, xem cụ làm ăn ở đó ra sao. Và tôi có chút việc cần nói chuyện với anh, - Nêkhơliuđốp nói, chàng đi về phía sân đằng kia để Igơnát không thể nghe được câu chuyện chàng định nói với Kargơ.

Vẻ tự tin và hơi kiêu hãnh lộ rõ trong cung cách của hai anh chàng nông dân này cũng như

những điều bà vú nuôi đã nói với chàng khiến chàng đâm ra bối rối, cảm thấy khó khăn khi quyết định nói chuyện với họ về công việc chàng đã dự tính. Chàng cảm thấy tựa hồ như chàng có lỗi và chàng tưởng như nói chuyện với một trong hai anh em nhà này, không để người kia nghe thấy thì dễ nói hơn. Hình như Karpơ ngạc nhiên không hiểu lãnh chủ dẫn mình ra góc sân đằng kia làm gì, nhưng vẫn đi theo chàng.

- Thế này nhé, - Nêkhơliuđốp bắt đầu nói ấp úng, - tôi muốn hỏi anh xem nhà ta có nhiều ngựa không?

- Đủ thắng vào năm cỗ xe ba ngựa, ngựa non cũng có, - Karpơ đáp một cách suồng sã, đưa tay gãi lưng.

- Các chú em nhà ta chở hàng cho bưu điện à?

- Chúng nó chở hàng cho bưu điện bằng ba xe tam mã, Ilia còn đánh xe tải nữa, chú ấy vừa mới về xong.

- Các anh làm thế có được lợi không? Với nghề đó các anh kiếm được bao nhiêu?

- Lợi lộc gì đâu thưa ngài? Nhờ ơn Chúa, cùng lắm cũng nuôi nổi mình với ngựa.

- Thế tại sao các anh không làm nghề khác? Các anh có thể mua rừng hoặc thuê ruộng đất mà làm.

- Thưa ngài, cố nhiên là có thể thuê được ruộng đất, nếu như ruộng đất đó nằm ở nơi thuận tiện.

- Tôi muốn đề nghị với các anh thế này: nếu chỉ kiếm được đủ để nuôi miệng, thì các anh làm nghề xe tải làm gì, tốt hơn hết hãy thuê độ ba chục đê-xi-a-ti-na ruộng của tôi mà làm. Tôi sẽ cho các anh thuê khoảnh ruộng ở đằng sau đám ruộng của nhà Xapôvô, các anh sẽ làm ăn to đấy.

Vốn say mê kế hoạch của mình về việc lập trang trại nông dân, cái kế hoạch mà chàng đã nhiều lần nghiền ngẫm và lặp lại với mình, Nêkhơliuđốp không còn ấp úng nữa, bắt đầu giải thích cho anh nông dân nghe đề nghị của mình về việc lập trang trại của nông dân.

Karpơ rất chăm chú lắng nghe lời của lãnh chủ nói.

- Chúng tôi đội ơn ngài nhiều, - anh ta nói khi Nêkhơliuđốp dừng lời nhìn anh ta chờ đợi trả lời. - Vẫn biết việc này chẳng có gì tệ hại cả: nông dân đi thuê ruộng mà làm còn hơn là lang thang với chiếc roi ngựa trong tay. Đến với những người xa lạ, gặp gỡ đủ mọi hạng người, anh em tôi rồi đến hư thân mất nết. Tốt nhất là nông dân hãy chăm lo làm ruộng.

- Anh nghĩ thế phải không?

- Chừng nào ông cụ tôi còn sống, tôi làm sao

mà nghĩ được, thưa ngài? Việc đó là tuỳ ở như ý ông cụ.

- Anh dẫn tôi ra khu nuôi ong, tôi sẽ nói chuyện với cụ.

- Xin ngài đi lối này, - Karpơ nói, thong thả đi về phía nhà kho ở đằng sau. Anh ta mở chiếc cổng thấp dẫn vào khu nuôi ong, để cho lãnh chủ đi qua cổng, rồi khép lại, quay về chỗ Igơnát và lặng lẽ bắt tay vào công việc bị bỏ dở.

XV

Nêkhơliuđốp khom mình đi qua chiếc cổng thấp có mái lợp râm mát, bước vào khu nuôi ong ở đằng sau sân. Đó là một khu đất không lớn, xung quanh có hàng rào thưa, phủ rơm, trên đó xếp cân đối các đõ ong lợp bằng những thanh gỗ ngắn. Bầy ong vàng ươm bám xung quanh tổ, cánh đập vù vù. Những tia nắng tháng Sáu lấp lánh, ấm áp chiếu lên khắp khu đất này. Một con đường mòn nhỏ ở giữa dẫn từ cổng tới chiếc chòi lợp bằng gỗ, trên đó có cắm một tấm ảnh thánh nhỏ bằng giấy trang kim lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Mấy cây đoạn non được trồng đều đặn trên khu đất, vươn những ngọn cây loà xoà cao hơn

mái tranh nhà hàng xóm. Cùng với tiếng ong vù vù, thoáng nghe thấy cả tiếng xào xạc của tán lá cây màu xanh thẫm non tươi. Những bóng râm ngăn ngắn từ hàng rào phủ rơm, từ những cây đoạn và những đõ ong lợp bằng các thanh gỗ, đổ lên đám cỏ loăn xoăn nho nhỏ giữa các đõ ong. Ông già đứng ở gần cửa một căn lều ghép bằng gỗ, lợp rơm tươi, dựng ở giữa những cây đoạn. Vóc người ông tầm thước, hơi gù, mái đầu hói bạc trắng, để trần óng ánh dưới nắng. Nghe tiếng cánh cổng kẹt mở, ông già ngoái lại nhìn, lấy tà áo sơ-mi lau khuôn mặt rám nắng, nhễ nhại mồ hôi rồi mỉm cười hiền lành, hân hoan bước ra đón lãnh chủ.

Toàn bộ khu nuôi ong đều thuận tiện, vui tươi, tĩnh mịch và trong sáng. Ở đuôi mắt ông già có nhiều nếp nhăn nhỏ, hình dẻ quạt, đôi bàn chân trần của ông xỏ trong đôi giày rộng. Ông đi lạch bạch và mỉm cười một cách đôn hậu, đắc ý, chào đón lãnh chủ trong cái cơ ngơi đặc biệt của mình. Dáng người ông già có mái tóc bạc phơ trông chất phác đáng yêu đến nỗi Nêkhơliuđốp quên ngay những ấn tượng nặng nề trong buổi sáng nay và ước mơ chàng hằng ôm ấp lại hiện rõ trước mắt chàng. Chàng tưởng như đã trông thấy tất cả nông dân của mình đều giàu có đôn hậu như ông già

Đútlốp, và mọi người âu yếm, sung sướng mỉm cười với chàng bởi vì nhờ có mỗi một mình chàng, họ mới được giàu có và hạnh phúc.

- Ngài có đeo lưới không ạ? Lúc này ong dữ, nó đốt đấy, - ông già nói, đưa tay gỡ ở hàng rào xuống một chiếc túi bằng vải gai cáu bẩn, sực mùi mật ong, khâu đính vào một thanh nẹp và đưa cho lãnh chủ, - ong đã quen tôi, nên nó không đốt, - ông nói thêm với nụ cười hiền lành luôn nở trên khuôn mặt đẹp rám nắng.

- Thế thì tôi cũng chả cần đeo lưới. Ong đã chia đàn rồi hở cụ? - Nêkhơliuđốp hỏi, chính chàng không rõ vì sao mình cũng mỉm cười.

- Nó đương chia đàn thôi, thưa ngài Đmitơri Nhikôlaiêvich, - ông già đáp, tỏ vẻ đặc biệt âu yếm khi gọi tên lãnh chủ và phụ danh, - nhìn dấu hiệu thì thấy nó chỉ mới bắt đầu lấy mật một cách thật sự thôi. Xin ngài lưu ý tiết trời mùa xuân lúc này còn lạnh.

- Thế mà tôi đọc sách thấy người ta viết, - Nêkhơliuđốp vừa nói vừa gạt con ong sà vào mái tóc và vo ve ngay sát tai chàng, người ta viết rằng nếu sáp ong bám thẳng vào các que thì ong sẽ chia đàn sớm... Vì vậy người ta làm những đõ ong bằng gỗ ván... trong đặt các thanh ngang...

- Xin ngài đừng xua, càng xua nó càng đốt tợn, - ông già nói, - hay là lấy lưới để ngài đeo vậy?

Nêkhơliuđốp đã bị ong đốt đau, nhưng do lòng tự ái trẻ con, chàng không muốn thú nhận mình bị ong đốt và một lần nữa từ chối không đeo lưới, tiếp tục trò chuyện với ông già về cấu tạo các tổ ong, điều này chàng đã đọc được trong cuốn "*Maison rustique*", theo ý chàng, cấu tạo tổ ong như thế, đàn ong sẽ chia nhiều gấp đôi. Nhưng một con ong đốt vào cổ chàng, khiến chàng rúm cổ lại, nhăn nhó giữa lúc đang trình bày lý lẽ của mình.

- Đúng thế ạ, thưa ngài Đmitơri Nhikôlaiêvich, - ông già vừa nói với vẻ khoan dung của bậc cha chú, vừa nhìn lãnh chủ, - đúng là trong sách người ta viết thế. Có lẽ họ viết như thế là viết bậy, - họ bảo ong sẽ làm đúng như chúng tôi viết đây, còn chúng tôi sau đó sẽ cười xoà. Và quả thật như thế! Làm sao mà dạy được ong gắn sáp ở chỗ nào. Nó cố làm như thế trong đõ ong, lúc thì để sáp nằm ngang, lúc thì để nằm dọc. Xin ngài xem đây, - ông nói thêm, khẽ hé nắp một đõ ong gần nhất và nhìn vào cái khe trong đó ong lúc nhúc bò trên mặt sáp cong queo và kêu vù vù, - đây là đàn ong mới san ra. Con ong chúa đậu ở đầu đàn ong, còn sáp ong chỗ thì thẳng, chỗ thì nghiêng, tuỳ theo đàn ong thấy thế nào là thuận

tiện trong đõ ong,- ông già nói, hình như bị lôi cuốn vào đề tài yêu thích của mình và không lưu ý tới cảnh lãnh chủ bị ong đốt. - Hiện nay nó mang phấn hoa về, hôm nay trời ấm áp, mà cứ trông khắc biết, - ông nói thêm, lại đậy tổ ong và dùng mảnh giẻ dồn đàn ong đang bò lúc nhúc, sau đó ông đưa lòng bàn tay thô nhám gạt mấy con ong khỏi chiếc gáy đầy nếp nhăn của mình. Ong không đốt ông, nhưng ngược lại Nêkhơliuđốp khó mà kìm được ý muốn bỏ chạy khỏi khu nuôi ong, ong đã đốt chàng ở ba chỗ và kêu vù vù khắp tứ phía gần đầu và cổ chàng.

- Cụ có nhiều đõ ong không? - chàng vừa lùi ra cổng vừa hỏi.

- Chúa đã thương, không nên đếm, thưa ngài: ong nó không thích thế, - ông già cười vang đáp. - Tôi muốn xin ngài gia ơn cho một điều, - ông nói tiếp, tay chỉ vào những đõ ong mỏng mảnh đặt ở chân hàng rào, - chí ít cũng xin ngài ngăn cấm lão Ôxip chồng bà vú nuôi của ngài: hàng xóm láng giềng với nhau mà lão cư xử không tốt.

- Cư xử không tốt thế nào ?.. Ái, nhưng mà ong nó đốt đau quá! - lãnh chủ đáp, tay nắm lấy then cổng.

- Dễ đến một năm nay lão ấy thả ong vào bầy ong non của tôi. Lẽ ra bầy ong của tôi đã khấm

khá rồi, nhưng ong lạ chui vào đõ của chúng ta và làm bong chân sáp ong, - ông già nói, không để ý đến chuyện lãnh chủ bị ong đốt.

- Thôi được, sau này, tí nữa... - Nêkhơliuđốp thốt lên, chàng không còn đủ sức chịu đựng hơn nữa, hai tay xua rối rít và chạy băng qua cổng.

- Lấy đất xoa vào là khỏi ngay ấy mà, - ông già nói, bước vào sân theo sau lãnh chủ. Nêkhơliuđốp lấy đất xoa vào những chỗ bị ong đốt, đỏ mặt lên, đưa mắt liếc nhanh về phía Karpơ và Igơnát, họ không nhìn chàng và chàng tức giận cau mày.

XVI

- Thưa ngài, tôi định xin ngài một điều cho mấy thằng bé nhà tôi, - ông già nói, hoặc thực sự hoặc cứ làm như ông không nhận thấy vẻ mặt giận dữ của lãnh chủ.

- Điều gì vậy?

- Dạ, nhờ ơn Chúa, với mấy con ngựa chúng tôi cũng xoay xoả làm ăn được, lại có một tá điền nữa, cho nên chúng tôi không phải lo khoản lao dịch lắm.

- Thế thì sao?

- Nếu ngài có lòng thương, xin ngài cho lũ trẻ

nhà tôi chuyển sang chế độ nộp tô [11] để Ilia và Igonát có thể đưa ba chiếc xe tam mã đi vận chuyển suốt mùa hè. Có lẽ chúng nó sẽ kiếm ăn được cũng nên.

- Các anh ấy định đi đâu?

- Dạ, tiện đâu thì đi, - Ilia, lúc ấy buộc ngựa dưới chiếc lán xong, bước lại gần cha nói chen vào. - Anh em làng Kátminô đã đánh tám xe tam mã đi Rômnư, nghe nói không những đủ tiền nuôi người, ngựa mà còn đem về được khoảng ba chục tiền công mỗi xe. Hơn nữa người ta bảo cỏ khô ở Ôđexa rẻ lắm.

- Ấy, tôi định nói với cụ về chuyện đó đấy, - lãnh chủ nói quay về phía ông cụ, mong khéo léo lái ông cụ sang vấn đề trang trại. - Cụ thử nói xem, chả lẽ đánh xe tải như thế lại có lợi hơn là làm ruộng ở nhà à?

- Bao giờ chả lợi hơn, thưa ngài! - Ilia lại chen vào, lắc mái tóc lia lịa, - ở nhà chả biết lấy gì cho ngựa ăn.

- Thế mùa hè anh kiếm được bao nhiêu?

- Từ mùa xuân, lúc cỏ ngựa còn đắt, chúng tôi chở hàng đi Kiép, lại chở đến cả Kurxkơ, thậm chí đến tận Mátxcơva, chẳng những chúng tôi tự nuôi được thân, ngựa no đủ, còn mang về nhà mười lăm rúp.

- Làm bất cứ nghề gì lương thiện đều không sao cả, - lãnh chủ nói, lại hướng về phía ông cụ, - nhưng tôi thiết tưởng có thể tìm được công việc khác. Với nghề nghiệp này, chàng trai ta đánh xe đi khắp nơi, gặp gỡ đủ mọi hạng người, có thể sinh ra hư hỏng, - chàng nói thêm, nhắc lại những lời lẽ của Karpơ.

- Cánh nông dân chúng tôi không đi đánh xe tải thì làm nghề gì? - ông già phản đối với nụ cười hiền lành. -Anh vận chuyển tốt, thì anh được no và ngựa cũng no. Còn về chuyện hư hỏng, thì may thay, lạy Chúa, đây chả phải năm đầu lũ trẻ nhà tôi đánh xe đi kiếm ăn, với lại chính bản thân tôi cũng đã đi đánh xe, ngoài người tốt ra chả gặp ai xấu cả.

- Cụ và các anh ấy có thể lo việc đồng áng ở nhà chẳng kém gì người khác...

- Sao được, thưa ngài! - Ilia sôi nổi cướp lời. - Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, mọi sự đối với chúng tôi đã thành nếp, công việc này vừa sức chúng tôi, đánh xe tải là việc cánh tôi ưa thích nhất đấy, thưa ngài!

- Dạ, ngài có hạ cố ghé thăm ngôi nhà gỗ của chúng tôi không ạ? Ngài chưa xem ngôi nhà tôi mới làm, - ông già nói, cúi gập mình xuống chào và nháy mắt ra hiệu cho con trai. Ilia chạy như

bay vào trong nhà, Nêkhơliuđốp cùng với ông già bước theo sau anh ta.

XVII

Vào đến nhà ông già lại cúi chào một lần nữa, vung tà áo di-pun lên phẩy chiếc ghế băng ở phía đằng trước và mỉm cười nói:

- Biết lấy gì mời ngài đây, thưa ngài?

Ngôi nhà gỗ sáng sủa có ống khói rộng rãi, có bệ nằm cạnh lò sưởi và kê nhiều tấm phản. Những súc gỗ liễu hoàn diệp tươi, loáng thoáng có chỗ hãy còn rêu mới bám, vẫn chưa sẫm màu. Những chiếc ghế băng mới và bệ nằm cạnh lò sưởi chưa nhẵn, sàn nhà còn chưa kịp đầm kỹ. Một chị nông dân trẻ, dáng xương xương, với khuôn mặt dài tư lự, vợ của Ilia, ngồi trên phản và đưa chân đẩy chiếc nôi treo vào một cái sào dài thả từ trên trần xuống. Một đứa trẻ sơ sinh thiu thiu ngủ ở trong nôi, mắt nhắm và thở rất nhẹ. Một người đàn bà khác chắc nịch, má đỏ hồng hào, vợ của Karpơ, xắn ống tay áo lên cao quá khuỷu, để lộ đôi tay rám nắng quá cổ tay, chị ta đứng trước lò, thái hành vào một chiếc đĩa bằng gỗ. Một chị mặt rỗ, có chửa đứng cạnh bếp lò, đưa tay

áo lên che mặt. Trong nhà nóng nực lên, vì ngoài thời tiết oi bức ra, người ta còn đốt lò, và mùi bánh mì mới nướng toả ra thơm lừng. Các cháu bé, hai trai một gái, tụ tập trên bệ lò sưởi để chờ bữa ăn, chúng thò những mái đầu tóc vàng xuống tò mò nhìn lãnh chủ.

Nhìn thấy cảnh no đủ đó, Nêkhơliuđốp thấy sung sướng và đồng thời chẳng hiểu sao chàng cảm thấy xấu hổ trước những người đàn bà và lũ trẻ đang chòng chọc nhìn chàng. Chàng đỏ mặt lên, ngồi lên chiếc ghế băng.

- Cho tôi một mẩu bánh mì nóng nào, tôi thích bánh mì nóng, - chàng nói và lại càng đỏ mặt hơn nữa.

Vợ Karpơ cắt một mẩu bánh mì to đặt lên đĩa, và đưa mời lãnh chủ. Nêkhơliuđốp im lặng, chẳng biết nói gì. Những người đàn bà cũng im lặng. Ông già mỉm cười hiền lành.

"Nhưng mình xấu hổ cái gì mới được chứ? Cứ y như mình có lỗi gì ấy, - Nêkhơliuđốp nghĩ, - tại sao mình không nêu lên đề nghị về việc lập trang trại ? Ngốc thật !" Tuy nhiên chàng vẫn cứ yên lặng.

- Thưa ngài Đmitơri Nhikôlaiêvich, về mấy thằng cháu thì ngài dạy thế nào ạ? - ông già nói.

- Tôi định khuyên cụ dứt khoát không thả cho các anh ấy đi và tìm việc cho họ ngay ở làng này, - Nêkhơliuđốp bỗng thu hết sức, thốt ra: - Cụ biết không, tôi định bàn với cụ chuyện này: cụ với tôi mỗi người bỏ vốn một nửa, ta chung nhau mua khu rừng của nhà nước và cả ruộng nữa...

Nụ cười hiền lành vụt biến mất trên khuôn mặt ông lão:

- Ấy chết, chúng tôi lấy tiền đâu mà mua, thưa ngài, - ông lão cắt ngang lời lãnh chủ.

- Rừng nhỏ, độ hai trăm rúp thôi mà, - Nêkhơliuđốp lưu ý ông cụ.

Ông già bực bội cười khẩy:

- Nếu có tiền thì hay quá, tội gì không mua, - ông già nói.

- Chả lẽ cụ không có bằng ấy tiền à? - lãnh chủ nói với vẻ trách móc.

- Ôi thưa ngài! - ông già đáp, giọng buồn rầu, ngoái nhìn về phía cửa ra vào, - chúng tôi chỉ lo làm sao nuôi được cả nhà, chứ đâu dám nghĩ đến chuyện mua rừng vơi rú.

- Cụ có tiền cơ mà, để tiền nằm đó làm gì? - Nêkhơliuđốp khẩn khoản.

Ông già bỗng xúc động mạnh, mắt ông loé sáng, vai bắt đầu run lên:

- Có lẽ bọn độc ác phao lên như thế về tôi, - ông nói bằng giọng run run, - xin ngài hãy tin Chúa, - ông lão nói, ngày càng sôi nổi và ngước mắt về phía ảnh thánh, - ngoài mười lăm rúp thằng Ilia đem về, nếu tôi mà có đồng nào nữa thì mắt tôi cứ nổ tung ra, tôi cứ chết đứ đừ ngay ở chỗ này. Đã thế còn phải nộp thuế thân nữa và chắc ngài cũng biết đấy, tôi mới dựng ngôi nhà này...

- Thôi được, thôi được! - lãnh chủ nói, rời ghế băng đứng dậy, - Chào cả nhà.

XVIII

"Trời ơi, trời ơi! - Nêkhơliuđốp vừa nghĩ vừa bước nhanh về nhà trên con đường rợp bóng cây trong khu vườn um tùm và lơ đãng bứt những cành lá chìa ra trên đường chàng đi, - có lẽ nào tất cả những ước mơ của ta về mục đích và trách nhiêm đời ta lại là chuyện không đâu? Tại sao lòng ta thấy buồn rầu nặng trĩu tựa hồ như ta không bằng lòng chính ta vậy? Lúc ấy ta tưởng tượng rằng một khi đã tìm ra được đường đi, một khi những ý nghĩ đó đã đến với ta, ta sẽ thường xuyên cảm thấy thoả mãn tràn trề về mặt tinh thần cơ mà?" Và trí tưởng tượng đã đưa chàng

quay trở lại giây phút hạnh phúc đó, một năm trước đây, một cách sinh động và rõ rệt lạ thường.

Một sáng, chàng dậy sớm trước tất cả mọi người trong nhà và bị giày vò, xúc động vì những nỗi niềm thầm kín nào đó, khó diễn tả nên lời của tuổi trẻ, chàng bâng khuâng bước ra vườn, rồi từ đó đi vào khu rừng. Giữa cảnh thiên nhiên tháng năm tươi sáng mãnh liệt, nhưng tĩnh mịch, chàng lang thang mãi một mình không suy nghĩ gì, đau khổ vì một cảm xúc dồi dào nào đó mà chàng không diễn tả được bằng lời. Khi thì trí tưởng tượng thanh xuân gợi ra cho chàng một cách thích thú chưa từng thấy hình ảnh êm dịu của một người đàn bà và chàng tưởng như đó là ước vọng không diễn tả nổi. Nhưng một tình cảm cao cả khác nào đó bảo rằng không phải thế và buộc chàng tìm tòi một cái gì khác. Khi thì trí tuệ non nớt, bồng bột của chàng nâng chàng lên ngày càng cao, đưa chàng vào một lĩnh vực trìu tượng và chàng tưởng chừng như trí tuệ đã giúp chàng khám phá ra những quy luật của đời sống, chàng khoan khoái kiêu hãnh dừng lại ở những tư tưởng ấy, nhưng tình cảm cao cả lại bảo với chàng rằng không phải thế và lại bắt chàng tiếp tục tìm tòi, băn khoăn. Như vẫn thường xảy ra khi người ta hoạt động quá sức, chàng ngả mình nằm ngửa dưới gốc cây, không

suy nghì, không mong ước gì và bắt đầu ngắm nghía những cụm mây ban mai trong suốt đang trôi trên đầu chàng, giữa bầu trời sâu thẳm mênh mông. Bỗng nhiên, chẳng có duyên cớ gì, mắt chàng đẫm lệ và có trời biết bằng cách nào một ý nghì rực rỡ nảy ra trong đầu chàng, chàng khoan khoái bám chặt lấy ý nghĩ đó, - ý nghĩ đó là: tình yêu và điều thiện là chân lý hạnh phúc, và trên đời này chỉ có thể có một chân lý duy nhất, một hạnh phúc duy nhất. Tình cảm cao cả không nói với chàng rằng không phải thế nữa. Chàng nhổm dậy và tin vào ý nghĩ đó. "Nó là như thế đấy! - chàng phấn khởi tự nhủ và đem cái chân lý mới phát hiện mà chàng tưởng như hoàn toàn mới mẻ ra đọ với tất cả các niềm tin, mọi hiện tượng trước đây trong đời chàng. - Tất cả những điều ta đã biết, đã tin và đã yêu sao mà ngớ ngẩn thế, - chàng tự nhủ. - Tình yêu và sự hy sinh, đấy là hạnh phúc chân chính duy nhất, không lệ thuộc vào hoàn cảnh!" - chàng lặp lại, mỉm cười và khoát tay. Đem mọi mặt tư tưởng đo đặt vào cuộc sống, chàng thấy cuộc sống khẳng định rằng tư tưởng đó đúng và tiếng nói bên trong cũng bảo chàng rằng đúng thế đấy, chàng cảm thấy vui sướng vì xúc động và phấn khởi, cảm xúc này quá mới mẻ đối với chàng. "Như vậy là mình phải làm điều

thiện để được hạnh phúc", - chàng nghĩ và toàn bộ tương lai của chàng không còn trìu tượng nữa, mà trở thành hình ảnh sinh động trước mắt chàng trong khuôn khổ cuộc đời trang chủ.

Chàng nhìn thấy trước mắt mình môi trường hoạt động rộng lớn cho cả cuộc đời mà chàng hiến dâng cho điều thiện, và do đó đời chàng sẽ được hạnh phúc. Chàng chả cần phải tìm lĩnh vực hoạt động: lĩnh vực đó đã sẵn có rồi. Chàng có trách nhiệm trực tiếp, chàng có nông dân của mình... Chàng hình dung ra cái công việc được mọi người hàm ơn và tươi vui biết bao - "tác động tới lớp người chưa bị hư hỏng, chất phác, mẫn tiệp trong nhân dân, giải thoát họ khỏi nghèo nàn, đưa lại no ấm, truyền thụ cho họ nền giáo dục mà ta đã may mắn được hưởng, sửa chữa những thói xấu của họ do dốt nát và mê tín đẻ ra, phát triển đạo lý của họ, buộc họ yêu điều thiện... Thật là một tương lai rạng rỡ, hạnh phúc xiết bao! Và ta sẽ cảm thấy tất cả những điều đó vì hạnh phúc của chính bản thân mình, vì những việc ta làm - ta sẽ được hưởng lòng biết ơn của họ, ta sẽ được thấy cứ mỗi ngày ta lại đi gần tới mục đích đã định. Thật là một tương lai kỳ diệu! Sao trước đây ta lại không thể nhìn thấy nhỉ?"

"Và ngoài ra, - cũng lúc ấy chàng nghĩ, - ai cản trở ta hưởng hạnh phúc trong tình yêu với

một người đàn bà, trong hạnh phúc gia đình?" Và trí tưởng tượng thanh xuân đã vẽ ra trước mắt chàng một tương lai còn quyến rũ hơn nữa: "Ta yêu vợ ta, như chưa từng có ai yêu ai như thế trên đời này, ta cùng với vợ ta sẽ mãi mãi sống giữa cảnh làng quê nên thơ êm đềm, cùng với đàn con, có lẽ cùng với bà cô già nữa, vợ chồng ta sẽ yêu quý nhau, yêu mến con cái và cả hai người đều biết rằng sứ mạng của mình là làm việc thiện. Vợ chồng ta sẽ giúp nhau tiến tới mục đích đó. Ta sẽ thảo ra những quy định chung, nêu lên những cách thức chung công bằng, ta sẽ lập các trang trại, quỹ tiết kiệm và các xưởng thủ công. Còn nàng, với mái đầu xinh xắn của mình, nàng sẽ vén tà áo dài trắng giản dị trên đôi chân cân đối, lội qua bùn lầy đi tới trường học của con em nông dân, tới trạm y tế, tới nhà người nông dân bất hạnh lẽ ra không đáng được giúp đỡ và nàng sẽ an ủi giúp đỡ họ ở khắp nơi... Trẻ em, các ông già, các bà sùng bái nàng và nhìn nàng như một thiên thần, như ân sủng của Chúa. Sau đó nàng trở về nhà, nàng giấu không cho ta biết rằng nàng đã tới nhà người nông dân bất hạnh và cho bác ta tiền, nhưng ta biết hết cả, ta sẽ ôm chặt lấy nàng và trìu mến hôn mạnh lên đôi mắt kiều diễm, đôi má ngượng ngùng ửng đỏ và cặp môi tươi thắm đang mỉm cười của nàng".

XIX

"Những ước mơ ấy đâu rồi? - giờ đây chàng thanh niên nghĩ sau khi đi thăm nông dân và trở về nhà mình. - Thế là đã hơn một năm nay ta đi tìm hạnh phúc trên con đường này và ta đã tìm thấy gì? Quả thật, đôi khi ta cảm thấy rằng ta có thể hài lòng với mình được, nhưng đấy là sự hài lòng có tính chất lý trí, khô khan làm sao ấy. Mà không, đúng là ta không hài lòng với mình! Ta không hài lòng vì ở đây ta không thấy hạnh phúc, trong khi ta ước ao, thiết tha ước ao hạnh phúc. Ta không cảm thấy sung sướng và đã tách rời mình khỏi tất cả những cái đem lại sung sướng cho ta. Tại sao? Vì cái gì? Ai nhờ thế được dễ chịu hơn? Cô ta đã nói đúng, khi cô viết trong thư rằng tìm hạnh phúc cho chính mình dễ hơn đem lại hạnh phúc cho những người khác. Chả lẽ nông dân của ta đã giàu có lên? Họ đã được học hành và phát triển về tinh thần chăng? Không hề có chuyện đó. Họ chẳng tốt lên, mà ta thì mỗi ngày một thấy nặng nề hơn. Giá như ta thấy việc mình làm có kết quả, giá như ta thấy được lòng biết ơn... Nhưng không, ta nhìn thấy thói hủ lậu sai trái, các tệ nạn, sự ngờ vực, sự bất lực. Ta đã tiêu phí vô ích những năm tháng tốt đẹp nhất của đời mình" - chàng nghĩ và chẳng hiểu sao chàng

bỗng sực nhớ ra rằng, theo lời bà vú già kể với chàng các điền chủ láng giềng gọi chàng là một "anh chàng ngớ ngẩn", chàng nhớ ra rằng tiền của chàng ở ban quản trị đã cạn, chiếc máy đập lúa mới chàng nghĩ ra đã bị bà con nông dân cười cợt, vì lúc đem nó ra chạy thử lần đầu tiên tại sân đập lúa trước đông người xem, thì nó chỉ rú rít lên chứ chẳng đập được cái gì cả. Lần hồi rồi cũng có ngày chàng phải đợi toà án huyện tới tịch biên gia sản của mình, cái gia sản mà do say mê những công việc làm ăn mới mẻ đủ loại, chàng đã đem cầm cố quá hạn. Rồi như trước đây khi chàng đã hình dung rõ rệt cuộc dạo chơi trong rừng ở làng quê cùng với ước mơ cuộc sống điền viên, chàng bỗng hình dung rất rõ căn phòng sinh viên của mình ở Mátxcơva, tại đó chàng thường ngồi rất khuya bên cạnh một ngọn nến với người bạn mười sáu tuổi mà chàng sùng bái. Họ đã đọc liên miên suốt bốn năm tiếng đồng hồ và lặp đi lặp lại những tờ ghi chép chán ngắt nào đó về luật dân sự, xong việc, họ sai dọn cơm tối, ngồi bên chai rượu sâm-banh trò chuyện về tương lai đang chờ đón họ. Chàng sinh viên trẻ tuổi đã hình dung ra một tương lai khác biết bao nhiêu! Lúc ấy tương lai tràn đầy khoái cảm, những hoạt động rất đa dạng, những thành công rực rỡ và lúc ấy họ tưởng rằng tương lai đó nhất định sẽ dẫn cả

hai tới hạnh phúc tuyệt vời nhất trên thế gian này, - dẫn tới vinh quang.

"Bạn ta đã đi, đi nhanh trên con đường này, - Nêkhơliuđốp nghĩ tới người bạn của mình, - còn ta..."

Vừa lúc ấy chàng đã đến gần thềm nhà mình, hàng chục nông dân và gia nhân tụ tập quanh thềm nhà, chờ đợi lãnh chủ với nhiều lời cầu xin khác nhau và chàng phải rời bỏ mơ mộng để quay về với thực tế.

Ở đây có một chị nông dân áo quần rách rưới, xộc xệch bê bết máu tới khóc lóc kêu ca rằng ông bố chồng hình như muốn giết chị ta. Ở đây có hai anh em nhà kia chia nhau gia tài suốt hai năm chưa xong, đang hằn học nhìn nhau. Ở đây có một gia nhân đầu bạc phơ, râu ria xồm xoàm, tay run lẩy bẩy vì say rượu, bị con trai, một anh làm vườn, dẫn tới lãnh chủ để tố cáo hành vi phóng đãng của lão. Ở đây có người nông dân đuổi vợ ra khỏi nhà vì suốt mùa xuân chị ta không đi làm. Chị ta cũng có mặt ở đây: đó là một người đàn bà ốm yếu đang ngồi trên thảm cỏ cạnh thềm sụt sịt khóc và không nói năng gì, chìa cho mọi người xem bàn chân sưng rộp quấn qua loa bằng một miếng giẻ cáu bẩn...

Nêkhơliuđốp lắng nghe mọi lời cầu xin và khiếu nại. Chàng khuyên người này, phán xử cho những

người kia và hứa hẹn với người nọ, lòng cảm thấy mệt mỏi, hổ thẹn pha lẫn với bất lực và hối hận, chàng bước vào phòng mình.

XX

Trong căn phòng không lớn của Nêkhơliuđốp kê một chiếc đi-văng cũ bọc da găm bằng những chiếc đinh đồng, vài chiếc ghế bành cũng như thế, chiếc bàn chơi bài bô-xtôn cổ kính rộng rãi, mặt khảm, có những đường rãnh, xung quanh bịt đồng, trên bàn để giấy tờ; một chiếc đàn dương cầm kiểu cổ của Anh đã ngả màu vàng, để ngỏ, các phím đàn nhỏ xíu đã mòn và vênh. Giữa các cửa sổ treo một tấm gương lớn khung chạm trổ mạ vàng. Hàng đống sách, giấy tờ và các bàn tính nằm trên nền nhà cạnh bàn. Nói chung căn phòng sắp xếp lộn xộn không đâu vào đâu và cảnh hỗn độn rõ rệt này tương phản đặc biệt với cách bài trí cầu kỳ kiểu quý tộc đời xưa trong các căn phòng khác của toà nhà lớn. Vào trong phòng, Nêkhơliuđốp bực bội ném chiếc mũ lên bàn, rồi ngồi lên chiếc ghế tựa đặt trước đàn dương cầm, bắt chéo chân, đầu rũ xuống.

- Ngài xơi bữa sáng chứ ạ? - bà vú già dáng

người cao gầy, khuôn mặt nhăn nheo, đội mũ chụp, choàng một chiếc khăn rộng và vận áo dài bằng vải bông, bước vào phòng nói.

Nêkhơliuđốp ngoái nhìn bà, im lặng một lát tựa hồ như vừa sực tỉnh:

- Không, tôi không muốn ăn, vú ạ, - chàng nói và lại trầm ngâm suy nghĩ.

Vú già bực mình nhìn chàng, lắc đầu và thở dài:

- Ôi, ngài buồn phiền gì thế, Đmitri Nhikôlaiêvích, chả nên buồn phiền chuyện đó, rồi đâu sẽ vào đấy, thật thế...

- Tôi có buồn phiền gì đâu, căn cứ vào đâu vú bảo tôi buồn, hả Malania Phinôghenốpna? - Nêkhơliuđốp đáp, cố mỉm cười.

- Trông lại không biết ngài buồn hay sao! - vú già bắt đầu nói một cách nhiệt thành, - suốt cả ngày cứ thui thủi một mình. Ngài tự tìm hiểu, quá để tâm đến đủ mọi chuyện hầu như chả thiết ăn uống gì cả, như thế có phải lẽ không? Giá ngài đi ra tỉnh chơi hay đến thăm thú các vị láng giềng, đằng này ngài làm những việc kỳ cục quá. Tuổi trẻ của ngài rồi đến tiêu ma hết vào những chuyện này thôi! Ngài thứ lỗi, tôi xin phép ngồi, - vú già vừa tiếp tục nói, vừa ngồi xuống ghế cạnh cửa ra vào, - ngài để cho họ quen thói đi, nên chẳng còn sợ sệt gì nữa. Ai đời các lãnh chủ lại làm

như vậy? Chẳng hay ho gì đâu, chỉ hại mình và làm cho mọi người hư hỏng. Dân ở đây là như thế: họ có cảm thông với công việc của ngài đâu, quả thật như vậy. Hay là ngài đến thăm bà cô đi, bà đã viết thư chỉ bảo cho ngài đâu là sự thật... - vú già khuyên chàng.

Nêkhơliuđốp càng buồn não ruột. Cánh tay phải của chàng tựa trên đầu gối, uể oải chạm vào phím đàn. Một hợp âm nào đó, hợp âm thứ hai, thứ ba vang lên... Nêkhơliuđốp nhích ghế lại gần đàn hơn, rút tay kia ra khỏi túi và bắt đầu chơi đàn. Đôi khi chàng dạo những hợp âm không chuẩn bị trước, thậm chí không hoàn toàn đúng, đó thường là những hợp âm tầm thường và chứng tỏ chàng chẳng có tài năng âm nhạc gì cả, nhưng khi tập đánh đàn chàng cảm thấy một nỗi buồn khoan khoái, mơ hồ, cứ mỗi khi giai điệu thay đổi chàng lại lặng người đi chờ đợi xem điều gì sẽ xẩy ra và trí tưởng tượng của chàng lo lắng bổ sung vào những gì còn thiếu. Chàng tưởng như nghe thấy hàng trăm giai điệu, cả dàn đồng ca và dàn nhạc cùng hoà giọng với tiếng đàn của chàng. Trí tưởng tượng của chàng hoạt động mãnh liệt, tuy rời rạc và đứt quãng, nhưng nó giúp chàng hình dung rõ rệt lạ thường những hình ảnh và khung cảnh đa dạng, xáo trộn và vô lý nhất của dĩ vãng và tương lai, khoái cảm chính của chàng bắt nguồn từ trí tưởng tượng đó. Khi thì chàng hình dung

ra bộ mặt mòng mọng của Đavứt Trắng trẻo đang sợ hãi máy máy cặp lông mi trắng, khi trông thấy nắm đấm gân guốc đen đủi của mẹ mình, tấm lưng khom khom và đôi bàn tay to sù phủ đầy lông trắng của hắn, một kẻ nhẫn nhục vâng theo số phận, chịu đựng mọi giày vò thiếu thốn. Khi thì chàng thấy bà vú nuôi hoạt bát, mạnh bạo giữa đám gia nhân và chẳng hiểu sao chàng tưởng tượng ra bà đi khắp các làng quê để rao rảng cho nông dân biết rằng cần phải giấu không cho các trang chủ biết mình có tiền và chính chàng cũng lặp lại một cách vô ý thức: "Phải, cần phải giấu không cho trang chủ biết mình có tiền". Khi thì chàng bỗng hình dung ra người vợ tương lai có mái tóc vàng của mình, chẳng hiểu sao cô ta vô cùng đau khổ, mắt đẫm lệ ngả vào vai chàng. Khi thì chàng trông thấy cặp mắt xanh đôn hậu của Tsurixênốc trìu mến nhìn đứa con trai duy nhất bụng ỏng. Phải, ngoài đứa con trai ra, bác ta còn coi chàng là người giúp đỡ và cứu vớt gia đình bác. "Tình thương là thế đấy!" - chàng thì thầm. Sau đó chàng nhớ tới bà mẹ của Iukhơvanka, qua nét mặt xấu xí với chiếc răng chìa ra ngoài, chàng vẫn nhìn thấy vẻ nhẫn nhục, sẵn sàng tha thứ hết trên khuôn mặt già nua của bà. "Có lẽ ta là người đầu tiên nhận ra điều đó ở bà già bảy mươi tuổi này", - chàng nghĩ và thì thào: "Thật kỳ quặc" -

tay chàng vẫn lướt trên phím một cách vô ý thức và chàng lắng nghe các âm thanh. Sau đó chàng nhớ lại rất rõ việc mình bỏ chạy khỏi khu nuôi ong và vẻ mặt của Igonát và Karpơ hình như có ý chế nhạo chàng, tuy họ có vẻ như không nhìn chàng. Chàng đỏ mặt lên và bất giác ngoái nhìn bà vú già vẫn tiếp tục im lặng ngồi cạnh cửa ra vào, chăm chú nhìn chàng, thỉnh thoảng lại lắc mái đầu bạc phơ. Thế rồi, bỗng nhiên chàng hình dung ra chiếc xe tam mã với những con ngựa đẫm mồ hôi, vóc người đẹp, mạnh mẽ của Ilia với những lọn tóc xoăn mầu sáng, cặp nắt xanh, hẹp, sáng ngời vui vẻ, hàng lông tơ sáng nhạt mới lún phún quanh môi và cằm, vẻ hồng hào tươi tắn. Chàng nhớ lại Ilia tỏ ra sợ hãi, khi biết người ta định không cho anh ta đi đánh xe và anh ta đã nồng nhiệt bảo vệ cái nghề yêu thích của mình như thế nào. Chàng tưởng tượng ra buổi sáng sớm sương mù xám ngắt, con đường cái quan hơi trơn và một dãy dài những chiếc xe tải ba ngựa chất đầy hàng phủ vải bạt, có đề chữ lớn màu đen. Những con ngựa no nê, vó mập, lưng cong làm rung lên các quả nhạc, kéo căng dây thắng, đều chân kéo xe lên dốc, những chiếc móng dài cố bám lấy con đường trơn lầy. Chiếc xe bưu điện đi ngược chiều với đoàn xe, băng xuống dốc, khua chuông leng keng vang ra xa hai bên đường và khắp khu rừng lớn.

- Hây, hây! - anh chàng xà ích đội chiếc mũ lông cừu có gắn huy hiệu ngồi trên chiếc xe đi đầu, hét to bằng giọng trẻ con, vung roi lên quá đầu.

Karpơ với bộ râu màu hung, cặp mắt cau có, dận đôi giày to tướng, nặng nề bước đi cạnh chiếc xe đầu tiên. Mái đầu đẹp của Ilia nhô ra từ chiếc xe thứ hai, anh ta thò cổ ra khỏi vải bạt để sưởi nắng ban mai. Ba chiếc xe tam mã chất đầy hòm xiểng phóng đi giữa tiếng xà ích la hét, tiếng xe cót két và tiếng chuông leng keng, Ilia lại rụt đầu vào vải bạt, rồi thiu thiu ngủ. Thế rồi trời đã về chiều, quang đãng, ấm áp. Cánh cổng ghép bằng những thanh gỗ của quán trọ kẹt mở, những con ngựa mệt lử ùn lại trong sân lần lượt kéo những cỗ xe tải đầy ắp phủ vải bạt vào những chiếc lán rộng thênh thang, xe xóc nẩy lên khi đi qua những tấm ván ở cổng. Ilia vui vẻ chào hỏi bà chủ quán khuôn mặt trắng trẻo, bộ ngực nở nang. Bà ta hỏi: "Các anh đi có xa không? các anh sẽ ăn tối ra trò chứ hả?", cặp mắt sáng ngời ngọt dịu của bà thích thú nhìn chàng thanh niên đẹp trai. Sau khi đưa ngựa vào chuồng, Ilia bước vào căn nhà gỗ chật cứng những người, đưa tay làm dấu, ngồi cạnh một đĩa gỗ đầy thức ăn, vui vẻ chuyện trò với bà chủ quán và bè bạn. Còn đây là chỗ nghỉ đêm của anh ta trong lán, trên đám cỏ khô thơm thơm, dưới bầu trời sao rộng mở. Cạnh đó những con ngựa đứng đổi chân thở phì phì, đưa mõm

quơ cỏ trong các máng gỗ. Anh ta bước lại gần đệm cỏ, quay về phương đông, làm dấu liền khoảng ba chục lần trên bộ ngực rộng, chắc nịch của mình, lắc lắc những búp tóc xoăn mầu sáng, đọc kinh nguyện "Đức thánh Cha", và đọc gần hai chục lần kinh "Xin Chúa thương xót chúng con", rồi rúc đầu vào áo choàng, đánh một giấc ngủ say, vô tư lự của một người khoẻ mạnh, tươi tắn. Thế rồi anh ta nằm mơ thấy các thành phố: Kiép với các vị thánh và đám người đi cầu Chúa, Rômnư đầy lái buôn và hàng hoá, Ôđexa và biển xanh xa xa với những cánh buồm trắng, Txarơgrát với những căn nhà mạ vàng, các cô gái Thổ Nhĩ Kỳ ngực nõn nà, lông mày đen nhánh. Anh ta mơ thấy mình bay tới các thành phố đó trên những đôi cánh vô hình. Anh ta bay nhẹ nhàng thoải mái, bay đi ngày càng xa và nhìn thấy ở phía dưới những thành phố dát vàng, óng ánh sáng, nhìn thấy bầu trời xanh chi chít những vì sao và biển xanh với những cánh buồm trắng. Cảm thấy êm dịu và vui vẻ anh ta cứ bay đi ngày càng xa, xa nữa...

"Tuyệt thật!" - Nêkhơliuđốp thì thào với mình và chàng cũng nảy ra ý nghĩ: tại sao mình lại không phải là Ilia!

LUYXERNƠ

TRÍCH BÚT KÝ CỦA CÔNG TƯỚC Đ. NÊKHƠLIUĐỐP

Ngày 8 tháng Bảy

Chiều qua tôi đã tới Luyxernơ và nghỉ tại khách sạn tốt nhất ở đây là khách sạn Svêixergốp.

"Luyxernơ là một thị trấn hàng tổng cổ xưa, nằm trên bờ hồ chung của bốn tổng, - *Murray*[1] nói, - đó là một trong những thắng cảnh nên thơ nhất của Thuy Sĩ; ba con đường lớn giao nhau tại đó, và chỉ cần đi tàu thuỷ độ một tiếng đồng hồ là tới núi Righi, từ đó có thể ngắm một trong những phong cảnh lộng lẫy nhất thế giới".

Chẳng biết có đúng thế hay không, nhưng những cuốn sách hướng dẫn du lịch khác cũng nói hệt như vậy, bởi thế Luyxernơ có vô vàn du khách thuộc đủ mọi dân tộc, đặc biệt là người Anh kéo đến tham quan.

Căn nhà năm tầng lộng lẫy của khách sạn Svêixergốp vừa được xây dựng mới đây trên đường ven hồ, ngay sát mặt hồ, tại đây thời cổ xưa có một cây cầu bằng gỗ ngoằn ngoèo có mái che, ở cac góc cầu có đặt nhà nguyện và trên các vì cầu có gắn ảnh thánh. Giờ đây nhờ việc có đông người Anh ghé thăm, do nhu cầu của họ, và thị hiếu của họ và bằng tiền tài của họ, người ta đã phá bỏ cây cầu cũ và xây lên ở chỗ đó một con đường ven hồ, lát đá, thẳng tắp như một chiếc gậy để làm nền; trên con đường ven hồ đó, người ta xây dựng những ngôi nhà năm tầng hình chữ nhật; còn phía trước các ngôi nhà, người ta trồng hai hàng cây đoạn, dựng cọc chống cho cây, còn ở giữa các cây đoạn, như thường lệ, là những chiếc ghế dài sơn xanh. Đó là chỗ để đi dạo, tại đây những người Anh, đàn bà mũ rơm Thụy Sĩ, đàn ông mặc những bộ quần áo bền và gọn gàng đi tới đi lui, hí hửng trước công trình của mình. Có lẽ những con đường ven hồ đó, những ngôi nhà, những cây đoạn và những người Anh đó là tuyệt hảo ở một nơi nào đấy, chỉ có điều là không phải ở đây, giữa cảnh thiên nhiên uy nghi đến lạ lùng và đồng thời nhẹ nhõm và hài hoà khôn tả này.

Khi tôi leo lên gác để vào phòng mình và mở cửa sổ trông ra hồ, vẻ đẹp của mặt nước hồ này,

của những núi non này và của bầu trời này ngay từ khoảnh khắc đầu tiên đúng là đã làm cho tôi loá mắt, sững sờ. Tôi cảm thấy lòng mình khắc khoải và cần có nhu cầu giãi bày bằng cách nào đó một cái gì phong phú bỗng nhiên tràn ngập hồn tôi. Trong giây phút ấy tôi muốn ôm lấy một ai, ôm rõ chặt, cù, véo người đó, nói chung là tôi muốn làm một chuyện gì đó khác thường với người ấy và với chính bản thân mình.

Đã gần bảy giờ tối. Trời mưa suốt ngày, và bây giờ bầu trời đang quang đãng dần. Mặt hồ mầu thanh thiên như ngọn lửa lưu huỳnh với những con thuyền lấm chấm và mất hút dần, mặt nước im lìm phẳng lỳ tựa hồ như được trải ra rõ ràng phía trước các cửa sổ giữa những giải bờ xanh đa dạng, chạy dài, co mình lại giữa hai sườn núi lớn nhô ra, rồi sẫm lại, tựa mình và mất hút trong những thung lũng, núi non, mây trời và những tảng băng chồng chất lên nhau. Nổi bật lên hàng đầu là những dải bờ ẩm ướt màu xanh lá mạ, tỏa đi các nơi với những khóm lau sậy, bãi cỏ, vườn tược và biệt thự, xa hơn là những sườn núi cỏ mọc um tùm xanh thẫm với những đống lâu đài đổ nát; đáy hồ phản chiếu lung linh rặng núi tím nhạt ở phía xa với những mỏm núi đá kỳ quái và những đỉnh núi tuyết màu trắng đục, và tất

cả hoà quyện trong màu thiên thanh trong suốt, êm dịu của không khí và được soi sáng bởi những tia nắng gắt lúc chiều tà bật lên từ những mảng trời rách nát. Cả trên mặt hồ, trên các quả núi cũng như trên bầu trời không có một đường nét nào nguyên vẹn, không có một màu sắc nào nguyên vẹn, không có một khoảnh khắc nào như nhau, khắp nơi là sự vận động, sự không đối xứng, sự kỳ quái, sự pha trộn khôn cùng và sự đa dạng của những bóng dáng và đường nét, và toàn bộ cảnh vật toát ra sự thanh thản, êm dịu, thống nhất và tính tất yếu của cái đẹp. Và ở đây, giữa vẻ đẹp mông lung rối bời, phóng khoáng, ngay trước cửa sổ của tôi nhô ra một cách ngu xuẩn, như trò ảo thuật, con đường ven hồ màu trắng thẳng đuỗn như cây gậy, những cây đoạn có cọc chống và những chiếc ghế dài màu xanh - những công trình thảm hại, tầm thường của con người, không hoà vào được vẻ hài hoà chung của cái đẹp, như những ngôi biệt thự và những đống hoang tàn ở phía xa, mà ngược lại, chúng đối lập một cách thô kệch với vẻ hài hoà đó. Bất giác mắt tôi cứ luôn luôn vấp phải tuyến đường ven hồ thẳng đuỗn khủng khiếp đó và tôi thầm mong muốn gạt bỏ, thủ tiêu nó như vết đen trên sống mũi trước mắt mình. Nhưng con đường ven hồ với những người Anh đang dạo chơi vẫn còn nguyên tại chỗ, nên

tôi phải miễn cưỡng gắng sức tìm một điểm nhìn để có thể không trông rõ nó. Tôi đã học được cách nhìn như vậy và trước bữa ăn trưa, một mình tôi khoái trá với cái cảm giác tuy không trọn vẹn nhưng ngọt ngào đê mê, mà tôi cảm thấy khi một mình ngắm vẻ đẹp của thiên nhiên.

Người ta gọi tôi đi ăn vào bảy giờ rưỡi. Trong căn phòng lớn ở tầng dưới được bày biện lộng lẫy có hai cái bàn dài phủ khăn, ít nhất cũng đủ cho một trăm người ăn. Khách khứa lặng lẽ kéo vào phòng ăn phải mất tới ba phút. Tiếng áo dài phụ nữ sột soạt, tiếng bước chân nhè nhẹ, tiếng chuyện trò khe khẽ với những người hầu bàn lễ độ nhất và thanh lịch nhất, rồi các quý ông và quý bà ăn vận rất đẹp, thậm chí giàu sang và nói chung là vô cùng sạch sẽ, ngồi kín mít quanh các bộ đồ ăn. Nói chung du khách tới Thuỵ Sĩ phần lớn là người Anh, vì vậy đặc điểm chung của bàn ăn là sự lịch thiệp nghiêm ngặt đã được thừa nhận là luật lệ, sự không giao tiếp, những cái này không dựa trên thói kiêu hãnh, mà do không có nhu cầu gần gũi nhau và sự hể hả đơn độc trong việc thoả mãn một cách tiện lợi và thích thú những nhu cầu của mình. Từ mọi phía ánh lên những mảng đăng-ten trắng muốt, những khuôn mặt và bàn tay trắng muốt. Nhưng những khuôn mặt phần

nhiều rất đẹp, chỉ thể hiện ý thức về sự sung túc của riêng mình và tỏ ra hoàn toàn không chú ý tới mọi thứ ở xung quanh, không trực tiếp liên quan đến cá nhân mình, và những bàn tay trắng muốt đeo nhẫn và bao tay đăng-ten- không ngón chỉ cử động để sửa lại cổ áo, cắt thịt bò và rót rượu vang vào các cốc: các động tác của họ không biểu lộ một xúc cảm nào cả. Các gia đình thỉnh thoảng khe khẽ trao đổi vài lời về một món ăn ngon hay thứ rượu vang hợp khẩu vị và về phong cảnh đẹp nhìn từ núi Righi. Các du khác nam nữ đi nghỉ một mình ăn như thế, nhưng uổng công vô ích. Tất cả những khuôn mặt chết lặng đó, có một ảnh hưởng cực kỳ sâu sắc đối với tôi và tôi cũng trở nên chết lặng như vậy. Tôi chẳng mong muốn gì hết, chẳng suy nghĩ thậm chí chẳng quan sát. Thoạt đầu tôi thử trò chuyện với những người bên cạnh, nhưng ngoài những câu có lẽ đã được lặp lại hàng trăm ngàn lần tại chính nơi này, và được lặp lại hàng trăm ngàn lần do cùng một người đó, tôi không nhận được câu trả lời nào khác. Hẳn là tất cả những con người này không ngu ngốc gì, và không phải là vô tình, mà chắc chắn là nhiều người trong số những con người chết lặng này cũng có cuộc sống nội tâm như tôi, và nhiều người cuộc sống nội tâm còn phức tạp hơn và thú vị hơn nữa ấy chứ. Vậy thì vì sao họ lại tước mất của mình

một trong những khoái cảm tuyệt nhất của cuộc đời, khoái cảm được giao tiếp với nhau, khoải cảm trước con người.

Ở cư xá của chúng tôi tại Pari thì khác hẳn, tại đây chúng tôi, hai chục người gồm đủ các dân tộc, nghề nghiệp và tính cách rất khác nhau, do ảnh hưởng tính thích giao tiếp của người Pháp, chúng tôi tụ tập vào bàn ăn chung như dự cuộc vui. Hễ ngồi vào đó là lập tức câu chuyện vang lên từ đầu bàn nọ tới cuối bàn kia, xen những lời đùa cợt với những trò chơi chữ, tuy thường là nói bằng thứ tiếng lơ lớ, cuộc trò chuyện đã trở thành chung cho tất cả mọi người. Ở đó ai nghĩ gì nói nấy, chẳng ai quan tâm tới điều gì sẽ xảy ra khi mình tán dóc, ở đó chúng tôi có triết gia của mình, có đối thủ tranh cãi của mình, có *bel esprit* (*) của mình, có đối tượng châm chọc của mình, tất cả đều là của chung. Ở đó ngay sau bữa ăn, chúng tôi đẩy bàn ra và dù đúng nhịp hay không đúng nhịp, chúng tôi sôi nổi nhảy điệu *la polka* (**) cho đến tận chiều tối. Ở đó tuy chúng tôi là những người đỏm dáng, không thông minh và đáng kính lắm, nhưng chúng tôi là những con người. Cả bà bá tước Tây Ban Nha với những thiên

---

* Người dí dỏm (*tiếng Pháp*)

** Điệu nhảy pôn-ka (*tiếng Pháp*)

tình sử éo le như tiểu thuyết, cả vị tu sĩ người Ý từng ngâm "*Thần khúc*"[2] sau bữa ăn, cả vị tiến sĩ người Mỹ được phép vào điệu *Tuylơri* [3], cả nhà viết kịch trẻ tuổi có mái tóc dài, cả cô gái chơi dương cầm đã sáng tác bản pôn-ka tuyệt nhất thế giới, do chính mình đặt lời, cả giai nhân bất hạnh goá bụa đeo ba cái nhẫn trên mỗi ngón tay - tất cả chúng tôi đều đối xử với nhau theo tình người, tuy hời hợt nhưng thân ái, và đã mang theo người thì những kỷ niệm êm nhẹ, người thì những kỷ niệm tâm tình chân thành. Dự những *table d'hôte*[*] kiểu Anh này, khi nhìn tất cả những đăng-ten, dải lụa, nhẫn, những mái đầu chải sáp và những tà áo lụa, tôi thường nghĩ: liệu có bao nhiêu người đàn bà được hạnh phúc và làm cho những người khác hạnh phúc, nhờ những vật trang điểm này. Thật kỳ cục khi nghĩ rằng ở đây có biết bao người bạn và người yêu, những người bạn và những người yêu hạnh phúc nhất tuy đang ngồi cạnh nhau, nhưng có lẽ không biết tới điều đó. Và có trời biết do đâu mà họ sẽ không bao giờ biết tới điều đó và sẽ không bao giờ đem lại cho nhau cái hạnh phúc mà họ có thể dễ dàng đem lại, và họ cũng thiết tha mong muốn đến thế.

Như thường lệ, tôi đâm ra buồn bã sau những

---

* Bữa ăn chung (*tiếng Pháp*)

bữa ăn như vậy và không ăn hết món tráng miệng, với tâm trạng rất không vui, tôi bước ra ngoài, đi trong thị trấn. Những đường phố hẹp bẩn thỉu không ánh đèn đường, những cửa hàng đã đóng cửa, việc phải chứng kiến cảnh những người làm công say rượu và những người đàn bà đi xách nước hoặc những người đàn bà đội mũ, đi men theo các tường nhà, nhìn ngang nhìn dọc, lẩn trốn trên các hẻm phố, - tất cả những cảnh tượng đó chẳng những không xua tan, mà còn làm tăng thêm tâm trạng buồn bã của tôi. Ở ngoài phố trời đã tối hẳn. Không nhìn ngang nhìn ngửa, đầu óc chả nghĩ ngợi gì, tôi đi về nhà, hy vọng dùng giấc ngủ để giải thoát khỏi tâm trạng rầu rĩ. Lòng tôi trở nên lạnh giá khủng khiếp, cô đơn và nặng trĩu, chả có nguyên cớ gì rõ rệt, như thường xảy ra lúc chuyển sang một nơi ở mới.

Tôi đi trên đường ven hồ về khách sạn Sveixergốp, chỉ chằm chằm nhìn vào chân mình, bỗng nhiên có tiếng nhạc lạ lùng, nhưng cực kỳ thú vị và dễ nghe làm cho tôi sững sờ. Những âm thanh đó tức thời làm cho tôi tươi tỉnh lên ngay. Tựa hồ như có một thứ ánh sáng rực rỡ, vui tươi rọi vào hồn tôi. Tôi thấy dễ chịu, vui vẻ. Sự chú ý đã thiếp ngủ của tôi lại hướng về mọi vật xung quanh. Và vẻ đẹp của đêm tối, của hồ nước mà trước đây

tôi thờ ơ, bỗng nhiên làm cho tôi ngạc nhiên vui sướng như cảnh vật mới vậy. Bất giác trong một khoảnh khắc tôi đã kịp nhận thấy cả bầu trời u ám vì những mảng xám trên nền xanh thẫm, sáng ánh trăng đang lên, cả mặt hồ phẳng lặng màu xanh lá cây sẫm với những đốm lửa phản chiếu trên đó, cả những ngọn núi mờ sương ở phía xa, cả tiếng ếch kêu từ Phriôsenburg [4], cả tiếng hót tươi vui đẫm sương của những con cun cút ở bờ bên kia. Ngay phía trước tôi, từ chỗ vọng lên tiếng nhạc và tại nơi tôi tập trung chú ý, tôi nhìn rõ trong bóng tối nhá nhem ở giữa phố một đám đông người chen chúc thành hình vòng cung, còn phía trước đám đông cách hơi xa một chút là một người nhỏ nhắn mặc quần áo màu đen. Đằng sau đám đông và con người bé nhỏ đó, trên nền trời rách nát màu xám thẫm và xanh lam nổi bật bóng mấy cây dương thẳng tắp hình chóp ở trong vườn và hai nóc nhọn trang nghiêm trên các ngọn tháp của ngôi nhà thờ cổ uy nghi vươn lên ở hai phía.

Tôi bước lại gần, tiếng nhạc càng rõ hơn. Tôi đã phân biệt được rành mạch những hợp âm hoàn chỉnh của đàn ghi-ta ở phía xa đang êm đềm xao động trong không khí chiều hôm và một vài giọng hát đuổi, không hát mô-típ chính, mà ở một đôi chỗ hát những đoạn nổi bật nhất, làm cho người

ta cảm nhận mô-típ chính của bài hát. Mô-típ chính của bài hát tựa như một khúc ma-duốc-ca dễ nghe và duyên dáng. Các giọng hát tựa như khi gần khi xa, lúc bổng lúc trầm, lúc là giọng kim phát từ cuống họng với những luyến láy thánh thót kiểu xứ Tirôn[5]. Đó không phải là bài hát mà là phác thảo điêu luyện nhẹ nhàng của một bài hát. Tôi không thể hiểu đó là cái gì, nhưng nghe rất tuyệt. Những hợp âm ghi-ta yếu ớt say đắm đó, giai điệu nhẹ nhõm dễ nghe đó và hình bóng đơn độc của con người bé nhỏ vận đồ đen giữa khung cảnh huyền ảo của mặt hồ tối thẫm, giữa ánh trăng toả sáng, với hai nóc nhọn lớn trên đỉnh tháp lầm lì vươn cao và những bóng cây dương hình chóp ở trong vườn - tất cả những cái đó đều lạ lùng, nhưng đẹp khôn tả, hoặc là tôi tưởng như vậy.

Mọi ấn tượng bất giác, rối bời của cuộc sống bỗng chốc trở nên có ý nghĩa và đáng yêu đối với tôi. Tựa hồ như có một bông hoa nhỏ tươi tắn ngạt ngào nở bung trong hồn tôi. Thay vào sự mệt mỏi lơ đãng, dửng dưng với mọi thứ trên đời, trong giây phút đó, tôi bỗng cảm thấy nhu cầu yêu thương, hy vọng tràn đầy và niềm vui sống không duyên cớ. Mong muốn gì, ước ao gì? - tôi bất giác nói, - đấy, nó đấy, từ khắp mọi phía cái đẹp và chất thơ đang vây bọc lấy anh. Có bao nhiêu sức lực anh hãy căng rộng lồng ngực mà hít thở lấy nó,

hãy hưởng thụ cho thoả thích những gì mà anh còn cần! Tất cả là của anh, tất cả là hạnh phúc...

Tôi bước lại gần hơn. Con người nhỏ bé đó hình như là người xứ Tirôn đi hát rong. Anh ta đứng trước cửa sổ khách sạn, choãi cẳng chân nhỏ, hất mái đầu lên và bấm đàn ghi-ta, hát bài ca duyên dáng của mình bằng các giọng khác nhau. Tôi lập tức cảm thấy mến con người đó và cám ơn anh ta vì chuyển biến mà anh đã gây nên trong lòng tôi. Ca sĩ, cứ như tôi có thể nhìn thấy, vận chiếc áo đuôi én cũ kỹ màu đen, có mái tóc đen, ngắn và đầu đội chiếc mũ cũ kỹ giản dị nhất của tầng lớp tiểu thị dân. Áo xống của anh chả có vẻ gì là nghệ sĩ, nhưng cái tư thế linh hoạt vui như trẻ thơ và những động tác của vóc dáng nhỏ bé của anh tạo nên cảnh tượng cảm động và đồng thời ngộ nghĩnh. Các quý bà mặc váy rộng, lóng lánh đồ trang sức, các quý ông với những chiếc áo cổ trắng muốt, những người gác cửa và hầu bàn mặc áo dấu thêu chỉ vàng đứng ở cổng, cạnh cửa sổ và trên các ban-công của ngôi nhà khách sạn rực rỡ ánh đèn; trên phố, những người hầu bàn ăn mặc bảnh bao, các bác đầu bếp đội mũ không vành, vận áo blu-dông trắng muốt, các cô gái đứng ôm nhau, những người đi dạo chơi tụ tập, dừng lại thành đám đông hình vòng cung và xa hơn, trên đường phố trồng cây, giữa các cây

đoạn. Hình như tất cả mọi người đều có cảm xúc giống tôi. Tất cả im lặng đứng xung quanh ca sĩ và chăm chú lắng nghe. Tất cả đều lặng lẽ, chỉ có giữa chừng bài hát, từ đâu đó xa xa có tiếng búa vọng đến đều đều trên mặt nước hồ và nghe rõ tiếng ếch nhái rời rạc từ Phriôsenburg xen lẫn tiếng kêu đơn điệu ướt át của những con cun cút.

Trong bóng tối giữa đường phố, con người nhỏ bé giống như con chim họa mi chuyển hết điệp khúc này sang điệp khúc khác, hết bài hát này đến bài hát khác. Mặc dầu tôi đã bước tới sát gần anh, tiếng hát của anh vẫn tiếp tục làm cho tôi hết sức khoan khoái. Giọng hát nhỏ nhẹ của anh nghe vô cùng dễ chịu. Giọng dịu dàng tinh tế và nhịp nhàng đó thật là phi thường và chứng tỏ anh có tài năng bẩm sinh lớn. Anh hát điệp khúc của mỗi khúc hát mỗi lần một khác, và rõ ràng là tất cả những biến tấu duyên dáng đó đã tức thời đến với anh một cách thoải mái.

Trong đám đông ở phía trên khách sạn Svêixergốp cũng như đường trồng cây phía dưới, thỉnh thoảng lại vang lên tiếng thì thào tán thưởng và sự im lặng bao trùm tất cả. Ngày càng có thêm nhiều đàn ông và đàn bà ăn diện, đẹp như tranh vẽ dưới ánh sáng của ngôi nhà, ra tỳ khuỷu tay lên ban-công và cửa sổ lắng nghe. Những người

đang dạo chơi dừng lại và trong bóng tối trên đường ven hồ gần các cây đoạn, ở khắp nơi, đàn ông và đàn bà đứng tụm lại thành từng tốp. Người hầu bàn và bác đầu bếp quý phái miệng phì phèo thuốc lá, hơi tách khỏi đám đông một chút. Bác đầu bếp cảm thấy rõ rệt sức quyến rũ của âm nhạc và cứ nghe mỗi nốt cao hát giọng kim bác lại hân hoan băn khoăn gật gù nháy nháy anh hầu bàn và huých khuỷu tay vào anh ta như có ý nói: hát thế mới là hát chứ, hả? Qua nụ cười toe toét của anh hầu bàn, tôi nhận thấy anh ta rất khoái trá, trả lời cái huých của bác đầu bếp, anh ta nhún vai tỏ cho biết rằng khó mà làm cho anh ta ngạc nhiên được, anh ta đã từng nghe nhiều cái hay hơn như thế này.

Giữa chừng bài hát, khi ca sĩ húng hắng ho, tôi hỏi anh hầu bàn xem ca sĩ là ai và anh ta có hay đến đây không.

- Anh ta đến đây hai lần vào mùa hè, - anh hầu bàn đáp, - anh ta là người ở Argôvia [6]. Thế đấy, nghèo rớt mồng tơi.

- Có nhiều người như thế đi hát rong không? - tôi hỏi.

- Có, có - anh hầu bàn đáp. Chưa hiểu ngay tôi muốn hỏi cái gì, nhưng sau đó, khi đã rõ câu hỏi của tôi anh ta nói thêm: - ồ không! Ở đây

tôi chỉ gặp mỗi một mình anh ta thôi. Ngoài ra chả có ai cả.

Trong lúc ấy con ngươi nhỏ bé đã kết thúc bài hát thứ nhất, nhanh nhẹn úp mặt đàn ghi- ta xuống và nói gì đó về mình bằng thứ tiếng Đức địa phương của anh ta khiến tôi không hiểu, nhưng làm cho đám đông xung quanh cười ồ lên.

- Anh ta nói gì thế hả? - tôi hỏi.

- Anh ta nói rằng đã ráo cổ muốn được nhấp chút rượu vang, - anh hầu bàn đứng cạnh dịch cho tôi nghe.

- Thế ra anh ta thích uống rượu thật à?

- Tất cả những người này đều như thế cả, - anh hầu bàn đáp, mỉm cười và phẩy tay trước mặt ca sĩ.

Ca sĩ ngả mũ và vung đàn ghi- ta lên, tiến lại gần khách sạn. Anh ta ngửa đầu ra, hướng về phía các quý ông đứng cạnh cửa sổ và trên ban công: "*Messieurs et mesdames*, - anh ta nói bằng cái giọng nửa Ý, nửa Đức và theo kiểu những người làm trò ảo thuật đối với công chúng, - *si vous croyez, que je gange quelque chosse, vous vous trompez; je ne suis qu'un bauvre tiaple*" (*). Anh

---

* Thưa quý ông và quý bà, nếu quý vị tưởng rằng tôi kiếm được chút gì thì quý vị nhầm; tôi chỉ là một kẻ nghèo túng (*tiếng Pháp*)

ta dừng lại. Im lặng một lát; nhưng vì chả ai cho anh cái gì nên anh lại hất đàn ghi-ta lên và nói: "*A prèsent, messieurs et mesdames, je vous chanterai l'air du Righi*" [*]. Công chúng đứng ở phía trên im lặng, nhưng vẫn tiếp tục đứng đó chờ nghe bài hát tiếp theo, đám đông ở phía dưới cười rộ lên, có lẽ, vì thấy anh ta diễn đạt kỳ quặc như vậy và vì người ta chẳng cho anh ta cái gì. Tôi cho anh ta mấy *xăng-tim* [7], anh ta khéo léo chuyển tiền từ tay nọ sang tay kia, nhét vào túi gi-lê, rồi đội mũ và lại bắt đầu hát bài ca duyên dáng đáng yêu của xứ Tirôn mà anh ta gọi là khúc hát về l'air du Righi. Bài ca mà anh ta dùng để kết thúc chương trình còn hay hơn tất cả những bài trước và tiếng tán thưởng vang lên từ mọi phía trong đám đông càng đông thêm. Anh ta đã kết thúc. Anh ta lại vung đàn ghi-ta lên, ngả mũ, chìa mũ ra phía trước, tiến hai bước nhích lại phía các cửa sổ và lại thốt lên câu nói khó hiểu: "*Messieurs et mesdames, si vous croyez, que je gange quelque chosse*", - câu nói mà có lẽ anh ta cho là rất khéo và dí dỏm, nhưng qua giọng nói và động tác của anh, giờ đây tôi nhận thấy có cái gì do dự và bẽn lẽn trẻ thơ là những cái đặc biệt lạ kỳ so với vóc người nhỏ bé của anh. Đám công chúng diêm dúa

---

* Bây giờ, thưa quý ông quý bà, tôi sẽ hát hiến quý ông quý bà bài ca về núi Righi (*tiếng Pháp*)

đẹp như tranh vẽ dưới ánh đèn vẫn đứng nguyên trên các ban-công và canh các cửa sổ, quần áo sang trọng, lóng lánh; một vài người trò chuyện với nhau, giọng lịch thiệp từ tốn, hiển nhiên là nói về người ca sĩ đang đứng chìa tay trước mặt họ, số khác chăm chú, tò mò nhìn xuống hình bóng nhỏ bé vận đồ đen đó, trên ban-công vang lên tiếng cười vui vẻ giòn tan của một cô gái trẻ. Tiếng trò chuyện và giễu cợt ngày càng to hơn trong đám đông ở phía dưới. Ca sĩ nhắc lại câu nói của mình lần thứ ba, nhưng bằng giọng đã yếu đi nhiều lắm và thậm chí không nói hết câu, anh ta lại chìa mũ ra, rồi lập tức hạ tay xuống. Và một lần nữa, trong số hàng trăm con người ăn vận lộng lẫy tụ tập nghe anh ta hát đó, không một ai ném cho anh ta lấy một xu. Đám đông nhẫn tâm cười hô hố. Tôi tưởng chừng như ca sĩ nhỏ bé càng trở nên nhỏ bé hơn, anh ta cầm ghi-ta trong tay kia, nhấc mũ khỏi đầu và nói: "*Messieurs et mesdames, je vous remercie et je vous souhaite une bonne nuit*" (*), rồi đội mũ vào. Đám đông thích thú cười khanh khách. Những người đàn ông và đàn bà diêm dúa bắt đầu hơi né mình khỏi ban-công, bình thản trò chuyện với nhau. Cuộc dạo chơi lại tiếp tục trên con đường trồng cây. Đường phố lặng đi

---

* Thưa quý ông và quý bà, tôi xin cám ơn quý vị và chúc quý vị ngon giấc (*tiếng Pháp*)

lúc nghe hát, lúc này lại rộn lên, có mấy người không bước lại gần ca sĩ, mà chỉ đứng xa nhìn anh ta và cười ngất. Tôi nghe thấy con người nhỏ bé làu bàu nói gì đó, quay ngoắt người lại và tựa hồ như anh ta càng trở nên nhỏ bé hơn, rảo bước đi về phía thị trấn. Những người đi dạo khoái chí nhìn anh ta và vừa đi theo anh ta cách quãng như thế, vừa cười vang...

Tôi bối rối quá, chẳng hiểu tất cả những cái đó là thế nào và đứng nguyên tại chỗ, tôi đờ đẫn nhìn con người nhỏ bé đang đi xa dần vào bóng đêm, sải những bước dài, tiến nhanh về phía thị trấn, và nhìn những người đi dạo đang cười cợt, đi theo anh ta. Tôi cảm thấy đau đớn, cay đắng và cái chính là xấu hổ cho con người nhỏ bé, cho đám đông, cho bản thân mình, tựa hồ như tôi đã hỏi xin tiền, nhưng người ta chẳng cho tôi gì cả và cười nhạo tôi. Tôi cũng không ngoái nhìn lại, lòng đau như thắt, bước nhanh lên thềm khách sạn Sveixergốp để về phòng. Tôi còn chưa hiểu rõ cảm xúc của mình, chỉ có điều có cái gì nặng trĩu, nan giải tràn ngập và đè nặng trong lòng tôi.

Tại cửa khách sạn sáng choang lộng lẫy, tôi gặp người gác cửa lễ phép đứng nánh ra và một gia đình người Anh. Người đàn ông vạm vỡ, cao lớn và đẹp với chòm râu quai nón đen kiểu Anh,

đội chiếc mũ đen, khăn choàng len vắt tay, cầm cây gậy trúc sang trọng, uể oải, tự đắc khoác tay một bà vận chiếc áo dài lụa màu xám, đội mũ trùm có những dải lóng lánh và đăng-ten tuyệt đẹp. Đi cạnh họ là một cô gái mỹ miều tươi tắn đội chiếc mũ Thụy Sĩ duyên dáng có cắm lông chim *à la mousquetaire* (*), dưới mũ có những búp tóc tơ dài màu hạt dẻ nhạt xoã xung quanh khuôn mặt trắng trẻo. Phía đằng trước, một cô bé hồng hào mười tuổi, đầu gối trắng trẻo tròn trặn lộ ra dưới hàng đăng-ten tinh xảo nhất, nhảy tung tăng.

- Đêm tuyệt diệu, - người đàn bà nói bằng giọng ngọt ngào sung sướng khi tôi đi ngang qua.

- Ohe! - người Anh uể oải gừ gừ, hình như ông ta sống trên thế gian này sung sướng đến nỗi không muốn nói thành lời nữa. Hình như bọn họ sống trên thế gian này quá bình yên, đầy đủ tiện nghi, sạch sẽ và nhẹ nhõm, động tác và vẻ mặt của họ biểu lộ sự dửng dưng đối với sự sống của bất kỳ kẻ nào khác, biểu lộ niềm tin chắc chắn rằng người gác cửa hẳn sẽ dịch ra nhường lối và cúi chào họ và khi quay về họ sẽ tìm được giường đệm sạch sẽ, yên tĩnh cùng các phòng ở và mọi sự hẳn là phải như thế, và họ có đầy đủ

* Theo kiểu ngự lâm pháo thủ (*tiếng Pháp*).

quyền hưởng thụ tất cả những cái đó. Thấy thế, bất giác tôi bỗng so sánh họ với người ca sĩ hát rong mệt mỏi, có lẽ đói khát, giờ đây xấu hổ bỏ chạy khỏi đám đông đang cười cợt. Tôi đã hiểu cảm xúc đè nặng trái tim tôi như một tảng đá đó là cái gì và tôi cảm thấy nỗi tức giận khôn tả đối với những con người đó. Đã hai lần tôi đi qua đi lại cạnh người Anh với sự khoái trá khó tả, không nhích ra nhường đường cho anh ta, huých khuỷu tay vào anh ta, rồi bước ra khỏi khách sạn, chạy trong bóng tối về hướng thị trấn, nơi con người nhỏ bé đã đi khuất.

Khi đuổi kịp ba người đi cùng đường với tôi, tôi hỏi họ xem ca sĩ đâu, họ cả cười, chỉ cho tôi thấy anh ta ở phía trước. Anh rảo bước đi một mình, không ai lại gần anh, tôi tưởng chừng như anh vẫn đang tức giận làu bàu cái gì đó. Tôi tiến lên ngang anh và mời anh ghé vào đâu đó cùng tôi uống rượu vang. Anh vẫn cứ đi nhanh và bất bình ngoái nhìn tôi; nhưng khi hiểu rõ sự tình, anh bèn dừng lại:

- Thôi được, nếu quả ông tốt bụng như vậy, tôi sẽ không từ chối, - anh nói. - Ở ngay đây có quán cà-phê nhỏ, ta có thể ghé đến đó, quán bình thường thôi, - anh nói thêm, chỉ tay vào cửa hàng giải khát hãy còn mở cửa.

Tiếng "bình thường" của anh bất giác khiến tôi nảy ra ý nghĩ không đi tới quán cà-phê bình thường mà đến khách sạn Svêixergốp, nơi có những người đã từng nghe anh hát. Mặc dầu anh bẽn lẽn xúc động từ chối mấy lần không chịu vào khách sạn Svêixergốp, nói rằng ở đó hoa lệ quá, tôi cứ khẩn khoản và anh làm ra bộ không hề bối rối, vui vẻ vung ghi-ta lên, đi theo tôi quay trở lại trên con đường ven hồ. Một vài người đi dạo nhàn rỗi vừa thấy tôi bước lại gần ca sĩ đã xán lại, lắng nghe xem tôi nói gì và lúc này, sau khi bàn tán với nhau, họ đi theo chúng tôi đến tận cửa khách sạn, chắc là chờ ca sĩ xứ Tirôn biểu diễn thêm gì đó.

Tôi bảo người hầu bàn mà tôi gặp trong buồng hiên lấy một chai rượu vang. Người hầu bàn mỉm cười, nhìn chúng tôi và không trả lời gì cả, chạy qua mặt chúng tôi. Khi nghe tôi nhắc lại cũng yêu cầu ấy, người trưởng hầu bàn nghiêm trang lắng nghe tôi và sau khi đưa mắt nhìn từ chân tới đầu thân hình nhỏ bé của người ca sĩ bẽn lẽn, nghiêm khắc bảo người gác cửa dẫn chúng tôi vào phòng lớn ở bên trái. Đây là phòng giải khát dành cho đám bình dân. Người đàn bà hầu bàn lưng gù rửa bát đĩa ở góc phòng này, và toàn bộ đồ đạc gồm những bàn gỗ để trần cùng ghế dài. Người hầu bàn tới phục vụ đưa mắt nhìn chúng tôi với

nụ cười giễu cợt hiền lành, rồi thọc tay vào túi, trao đổi gì đó với người đàn bà rửa bát lưng gù. Có lẽ anh ta cố làm cho chúng tôi thấy rằng anh ta cảm thấy, xét theo vị trí xã hội cũng như phẩm chất, anh ta đứng cao hơn ca sĩ rất nhiều, nên chẳng những anh ta không thấy bị xúc phạm mà còn thấy thật sự thú vị khi phục dịch chúng tôi.

- Ông sai lấy rượu vang loại xoàng ạ? - anh ta nói ra vẻ hiểu biết, nháy mắt với tôi về phía người đang tiếp chuyện tôi và hất chiếc khăn từ tay này sang tay kia.

- Rượu sâm-banh loại hảo hạng ấy, - tôi nói, cố lấy bộ dạng kiêu hãnh và oai vệ nhất. Nhưng cả rượu sâm-banh cũng như bộ dạng tựa hồ như kiêu hãnh và oai vệ của tôi đều không gây được tác động tới người hầu bàn, anh ta cười khẩy, đứng đó một lát nhìn chúng tôi, thong thả xem chiếc đồng hồ mạ vàng, rồi lặng lẽ bước như đi dạo ra khỏi phòng. Thoáng sau anh ta trở lại với chai rượu vang và đi cùng với hai người hầu nữa. Hai người trong bọn họ ngồi xuống gần chỗ người đàn bà rửa bát và chăm chú vui vẻ, với nụ cười hiền lành trên nét mặt, ngắm nghía chúng tôi như cha mẹ ngắm nghía những đứa con đáng yêu khi chúng nô đùa một cách dễ thương. Chỉ có mỗi một mình người đàn bà gù rửa bát hình như không có ý giễu cợt, mà nhìn chúng tôi với vẻ thông cảm. Tuy

tôi cảm thấy lòng nặng trĩu và lúng túng khi phải nói chuyện với ca sĩ và khoản đãi anh ta dưới ánh mắt rực lửa của lũ người hầu đó, tôi vẫn cố gắng làm tròn phận sự của mình sao cho thật tự chủ. Dưới ánh đèn, tôi nhìn ngắm anh ca sĩ rõ hơn. Đó là một con người nhỏ bé, thân hình cân đối, nổi đầy gân, trông hầu như một người lùn với mái tóc đen rễ tre, cặp mắt đen to không có lông mi, lúc nào cũng ươn ướt và khuôn miệng xinh xắn vô cùng dịu dàng. Râu quai nón của anh ta lún phún, mái tóc ngắn, quần áo giản dị và xuềnh xoàng nhất. Anh ta lem luốc, lôi thôi lốc thốc, rám nắng và nói chung có bộ dạng của một người lao động. Nói cho đúng anh ta giống một người lái buôn nghèo hơn là một nghệ sĩ. Chỉ có cặp mắt sáng, lúc nào cũng ươn ướt và khóe miệng chúm chím là có cái vẻ độc đáo và làm cho người ta cảm động. Trông bộ dạng anh, người ta có thể đoán anh từ hai mươi lăm đến bốn mươi tuổi, thực ra anh ba mươi tám.

Với vẻ đôn hậu và sự chân thành rõ rệt anh sẵn sàng kể cho tôi nghe về cuộc đời mình. Anh vốn là người vùng Argôvia. Anh mồ côi cha mẹ từ thuở còn thơ, không có bà con thân thuộc nào khác. Anh chẳng bao giờ có tài sản gì cả. Anh đã học nghề thợ mộc, nhưng hai mươi hai năm trước đây anh bị bệnh viêm xương tay khiến anh

mất khả năng làm việc. Từ thời thơ ấu anh đã thích hát và bắt đầu hát. Thỉnh thoảng những người ngoại quốc cho anh tiền. Anh đã lấy hát xướng làm nghề nghiệp, mua cây đàn ghi-ta và thế là mười tám năm nay anh lang thang trên khắp đất Thuy Sĩ và đất Ý, hát trước cac khách sạn. Tất cả hành lý của anh gồm có cây đàn ghi-ta cà chiếc ví trong đó giờ đây chỉ có nửa phrăng mà anh phải dùng để trả tiền ăn và ngủ trọ đêm nay. Suốt mười tám năm đó, năm nào anh cũng đi ngang qua những nơi đẹp, có nhiều người tới thăm nhất ở Thuy Sĩ, Duyrích, Luyxernơ, Interlaken, Samuni v.v.: qua St. Bernard anh sang Ý và trở về qua St.-Gotard hoặc qua Xavôia(8). Giờ đây anh cảm thấy việc đi lại trở nên cực nhọc vì do cảm lạnh anh thấy chân bị đau, anh gọi bệnh này là gli-đer-dúc, chứng này mỗi năm một tăng và mắt anh cũng giọng hát của nah cũng yếu đi. Mặc dầu vậy, hiện nay anh đi tới Interlaken, Aix-les-Bain và qua St. Bernard nhỏ bé để sang Ý mà anh đặc biệt yêu thích; nói chung dường như anh rất thoả mãn với cuộc sống của mình. Khi tôi hỏi anh rằng anh quay về nhà để làm gì, ở đó anh có bà con thân thuộc, có nhà có đất hay không, khoé miệng xinh xắn của anh tựa hồ như gấp nếp, chúm lại mỉm cười vui vẻ và anh trả lời tôi:

- *Oui, le sucre est bon, il est doux pour les enfants !*(*) - rồi anh nháy mắt về phía đám đầy tớ.

Tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng đám đầy tớ cười vang.

- Chả có gì hết, chứ nếu có chả lẽ tôi cứ đi thế này sao, - anh giải thích cho tôi - còn như tôi trở về nhà là bởi vì dẫu sao mình cũng bị cuốn hút về với quê cha đất tổ.

Rồi anh lại mỉm cười ranh mãnh hả hê nhắc lại câu nói: *"Oui, le sucre est bon"*, - rồi anh hiền lành cười vang. Đám người hầu rất hả hê cười khanh khách, chỉ có mỗi mình người đàn bà gù rửa bát rướn cặp mắt to hiền lành nghiêm trang nhìn con người nhỏ bé đó và nhặt giúp chiếc mũ mà anh ta để rơi khỏi ghế dài trong lúc nói chuyện. Tôi đã để ý thấy những người hát rong, những người làm trò nhào lộn, thậm chí cả những người làm ảo thuật thường thích gọi mình là nghệ sĩ, vì vậy đã mấy lần tôi ám chỉ cho anh thấy rằng anh là nghệ sĩ, nhưng anh tuyệt nhiên không nhận danh hiệu đó, mà chỉ đơn giản coi công việc của mình như là phương tiện để kiếm sống. Khi tôi hỏi có phải chính anh đã đặt ra các bài hát mà anh hát đó không, anh ngạc nhiên trước câu hỏi kỳ lạ đó và đáp rằng anh đặt ra sao nổi, đó toàn là những bài hát cổ của xứ Tirôn cả.

---

* Vâng, đường thì ngon và dịu ngọt đối với trẻ em! (tiếng Pháp)

- Thế còn bài hát về Righi ? Tôi chắc đây không phải là bài hát cổ chứ ? - tôi nói.

- Đúng thế, đó là bài hát được sáng tác mười lăm năm trước đây. Có một người Đức ở Baden, một con người hết sức thông minh, chính ông ta đã sáng tác bài hát này. Bài hát tuyệt vời, ông thấy không, ông ta sáng tác bài hát này dành cho các du khách.

Rồi anh ta bắt đầu dịch ra tiếng Pháp cho tôi nghe lời hát của bài ca Righi mà có lẽ anh rất thích thú:

Nếu anh muốn đi đến Righi,
Cho tới Vêghít không cần đến giày dép
(Vì người ta đi bằng tàu thuỷ)
Còn từ Vêghít anh hãy kiếm một cây gậy lớn,
Và hãy khoác tay một cô thanh nữ
Ghé vào hàng uống một cốc rượu vang
Chỉ có điều chớ có uống quá nhiều,
Bởi người nào muốn uống,
Phải xứng đáng trước tiên...

- Ồ bài hát tuyệt vời! - anh kết luận.

Có lẽ đám người hầu thấy bài ca đó rất hay, bởi vậy họ xán lại gần chúng tôi.

- Thế còn âm nhạc thì ai sáng tác? - tôi hỏi.

- Chả ai cả, - chuyện là thế đấy, ông biết không, muốn hát cho người nước ngoài nghe, thì phải có cái gì mới một chút.

Khi người ta mang nước đá tới cho chúng tôi và tôi rót cho người nói chuyện với tôi một cốc sâm-banh, anh ta có lẽ cảm thấy sượng sùng, anh ngoái nhìn đám người hầu, xoay người trên chiếc ghế của mình. Chúng tôi chạm cốc chúc sức khoẻ các nghệ sĩ, anh uống một hơi cạn nửa cốc và thấy cần phải suy nghĩ, nên anh nhíu lông mày lại ra chiều thâm thuý.

- Đã lâu tôi không được uống thứ rượu vang như thế này, *je ne vous dis que çà* (*). Rượu vang d'Asti ở Ý ngon, nhưng thứ rượu này còn hay hơn. Chao, nước Ý! Ở đó tuyệt lắm! - anh ta nói thêm.

- Phải rồi, ở đó người ta biết đánh giá âm nhạc và các nghệ sĩ, - tôi nói, muốn lái anh ta vào sự thất bại tối nay trước cửa khách sạn Svêixergốp.

- Không phải thế, - anh ta đáp. - Về khoản âm nhạc thì tôi không có thể làm cho một ai đó thoả mãn được. Những người Ý chính là các nhạc sĩ hiếm có trên khắp thế gian này, nhưng tôi chỉ nói về các bài ca xứ Tirôn thôi. Thứ đó đối với họ dẫu sao cũng là mới.

- Thế ra ở đó các quý ngài hào phóng hơn à? - tôi tiếp tục mong muốn buộc anh ta phải chia sẻ

---

* Chỉ xin nói để ông biết thế (tiếng Pháp)

nỗi tức giận của tôi đối với những người ngụ tại khách sạn Svêixergốp. - Ở đó không xảy ra chuyện như ở đây, nơi có đến hàng trăm con người giàu có ở trong một khách sạn lớn, họ nghe nghệ sĩ hát, ấy thế mà họ chả cho anh ta được tí gì cả...

Câu nói của tôi không hề gây được tác động như tôi chờ đợi. Anh ta cũng không nghĩ tới chuyện phẫn nộ đối với họ, ngược lại anh ta coi nhận xét của tôi như là lời trách móc tài năng của mình, cái tài năng không giành được phần thưởng và anh cố biện bạch trước mắt tôi.

- Có phải lần nào cũng nhận được nhiều tiền thưởng đâu, - anh đáp. Đôi khi mình xuống giọng, mệt mỏi, như hôm nay đấy, tôi đã đi chín tiếng đồng hồ và hát hầu như suốt ngày. Gay go lắm. Mà các ngài quý phái danh giá đôi khi cũng không muốn nghe các bài ca xứ Tirôn.

- Dẫu sao mặc lòng, sao lại không cho gì cả? - tôi nhắc lại.

Anh ta không hiểu nhận xét của tôi.

- Không phải thế, - anh nói, - cái chính là ở đây *on est très serré pour la police* (*) thế thôi. ở đây theo các luật lệ của nước Cộng hoà, anh không được phép hát, còn ở Ý, chúng tôi có thể muốn đi đâu tuỳ ý, chả ai nói gì cả. Ở đây nếu người ta muốn, thì người ta cho phép, còn nếu

---

* Người ta bị cảnh sát o ép quá đáng (tiếng Pháp)

như người ta không muốn, thì người ta có thể bỏ tù anh.

- Sao, chả lẽ lại thế à?

- Đúng thế. Nếu một khi người ta đã lưu ý anh, mà anh vẫn cứ hát, thì người ta có thể bỏ tù anh. Tôi đã phải ngồi tù ba tháng, - anh nói, mỉm cười, tựa hồ như đó là một trong những kỷ niệm thú vị nhất của anh.

- Chà, khủng khiếp quá! - tôi nói. - Vì lẽ gì vậy?

- Vì những luật lệ mới ở nước Cộng hoà của họ như vậy, - anh phấn chấn lên nói tiếp. - Họ không muốn suy xét xem cần làm gì để cho người nghèo sống được. Giá như tôi không tàn tật, chắc tôi đã đi làm. Chứ chả lẽ tôi đi hát mà lại là làm hại ai hay sao? Thế nghĩa là thế nào? Những kẻ giàu có có thể sống tuỳ thích, còn *un bauvre tiaple*(*) như tôi thì đến sống cũng không nổi. Luật lệ của nước Cộng hoà sao mà kỳ lạ vậy? Nếu thế thì chúng tôi chẳng muốn có nước Cộng hoà, có phải thế không, thưa quý ông nhân từ? Chúng tôi không muốn nước Cộng hoà mà muốn... chúng tôi chỉ muốn... chúng tôi muốn... - anh hơi lúng túng, - chúng tôi muốn có những luật lệ tự nhiên.

Tôi rót thêm cho anh một cốc rượu nữa:

(*) Người nghèo (tiếng Pháp).

- Ông không uống gì cả, - tôi nói với anh.

Anh đưa tay cầm cốc rượu và nghiêng mình trước tôi.

- Tôi biết ông muốn điều gì, - anh nói, - mắt nheo lại và giơ ngón tay doạ tôi, - ông muốn chuốc rượu cho tôi để xem tôi sẽ ra làm sao, nhưng không, ông sẽ không thành công đâu.

- Tôi chuốc rượu cho ông làm gì, - tôi nói, - tôi chỉ mong làm ông vui lòng.

Chắc anh lấy làm tiếc là đã làm cho tôi phật ý vì giải thích sai ý định của tôi, nên anh bối rối nhổm người dậy và nắm chặt lấy khuỷu tay tôi.

- Không, không phải thế đâu, - anh nói, cặp mắt ươn ướt nhìn tôi với vẻ cầu khẩn, - tôi chỉ nói giỡn chơi vậy thôi.

Tiếp đó anh thốt lên một câu gì đó thật rối rắm, dí dỏm chắc hẳn để nói rằng dẫu sao tôi cũng là một người tốt bụng.

- *Je ne vous dis que cà !* (*) - anh kết luận.

Cứ như thế chúng tôi tiếp tục uống rượu và trò chuyện với ca sĩ, còn mấy người hầu vẫn tiếp tục trơ tráo ngắm chúng tôi, và hình như có ý giễu cợt. Mặc dầu rất thú cuộc trò chuyện của

---

* Tôi xin nói để ông biết thế! (tiếng Pháp)

mình, tôi không thể không để ý tới họ và thú thật càng ngày tôi càng thêm tức giận. Một người trong bọn họ nhổm dậy, bước lại gần con người nhỏ bé, nhìn vào chỏm đầu anh ta, rồi mỉm cười. Tôi đã sẵn cơn bực tức với những người khách ngụ tại khách sạn Svêixergốp mà tôi chưa kịp trút lên đầu ai, và giờ đây, thú thực là đám người hầu này đã kích thích tôi. Người gác cửa không bỏ mũ ra, bước vào phòng và chống cùi tay lên bàn, ngồi sát bên tôi. Cái cung cách này động chạm đến lòng tự ái và thói hư danh của tôi, khiến tôi thật sự nổi khùng và làm bùng lên cơn tức giận bị nén chặt, tích tụ trong lòng tôi suốt buổi tối. Vì sao lúc ở cửa khách sạn, khi tôi có một mình, hắn đã quỵ lụy cúi chào tôi, còn bây giờ, vì tôi ngồi với người hát rong, hắn lại thô lỗ ngồi sát ngay cạnh tôi ? Cơn phẫn nộ hằn học sôi sục làm tôi điên tiết lên, tôi ấp ủ nó ở trong mình, thậm chí kích động nó khi nó xâm chiếm tôi, bởi vì nó trấn an tôi và đem lại cho tôi dẫu trong chốc lát sự linh hoạt lạ lùng nào đó, cũng như nghị lực và sức mạnh của mọi khả năng thể chất và tinh thần.

Tôi chồm dậy.

- Anh cười cái gì? - tôi quát người hầu, cảm thấy mặt mình tái nhợt và môi bất giác run lên.

- Tôi có cười đâu, tôi chỉ ngồi thế thôi, - người hầu đáp, nhích ra xa tôi.

- Không, anh cười cợt ông này. Và anh có quyền gì đến đây và ngồi đây khi ở đây đang có khách. Anh không được quyền ngồi! - tôi la lên.

Người gác cửa càu nhàu gì đó, đứng dậy và lùi về phía cửa ra vào.

- Anh có quyền gì được cười nhạo ông này và ngồi cạnh ông ta, khi ông ta là khách, còn anh là người hầu? Tại sao anh không cười nhạo tôi trong bữa ăn hôm nay và anh không ngồi bên cạnh tôi? Vì ông ta ăn mặc xuềnh xoàng và đi hát ở ngoài phố à? Ra thế đấy! Còn tôi thì áo xống tử tế chứ gì? Ông ta nghèo, nhưng ông ta còn bằng vạn các anh, tôi tin chắc như vậy. Vì ông ấy không xúc phạm đến ai, còn các anh xúc phạm ông ta.

Sao ông lại nói thế, tôi có làm gì đâu, - người hầu địch thủ của tôi sợ sệt đáp. - Lẽ nào tôi lại ngăn cản ông ấy ngồi.

Người hầu không hiểu tôi và thứ tiếng Đức của tôi đã đi tong. Người gác cửa thô bạo định bênh người hầu, nhưng tôi tấn công tên này nhanh mạnh, đến nỗi người gác cửa cũng làm ra bộ không hiểu tôi và khoát tay. Người đàn bà rửa bát, lưng gù, thấy tôi nổi nóng, sợ xảy ra chuyện ầm ĩ, hoặc là bà tán thành ý kiến của tôi, đứng về phía tôi,

nên cố đứng chen vào giữa tôi và người gác cửa, bảo hắn ta im mồm và nói rằng tôi đúng, còn đối với tôi thì bà ta xin hãy bình tâm: "*Der Herr hat Recht; Sie haben Recht*" [*], - bà ta lặp lại. Nét mặt ca sĩ lộ vẻ sợ sệt thảm hại và có lẽ vì không hiểu tại sao tôi nổi nóng và tôi muốn gì, anh ta xin tôi hãy đi khỏi đây ngay. Nhưng cơn hằn học lắm nhời ngày càng bùng lên mạnh mẽ trong tôi. Tôi nhớ lại tất cả: cả đám đông đã cười nhạo anh ta, cả những kẻ đã nghe hát mà không cho anh ta cái gì và không đời nào tôi muốn trấn tĩnh lại. Tôi nghĩ nếu như mấy tay hầu bàn và người gác cửa không lảng tránh thì chắc tôi đã khoái trá đánh nhau với họ hoặc là chắc tôi đã lấy gậy nện lên đầu cô tiểu thư người Anh không có gì che chở. Giá như lúc này tôi ở Xêvaxtôpôn, chắc tôi đã khoái trá lao vào đâm chém trong chiến hào của quân Anh [9].

- Thế tại sao anh lại đưa tôi với ông này vào phòng này, chứ không phải phòng kia? Tại sao hả? - tôi truy hỏi người gác cửa, túm lấy tay anh ta, để anh ta khỏi lỉnh mất. - Anh có quyền gì mà căn cứ vào bề ngoài để quyết định ông này phải ngồi ở phòng này, chứ không được ngồi ở phòng kia? Chả lẽ ngay cả những người có đủ tiền

---

* "Quý ông đúng, ông đúng" (*tiếng Đức*).

lại cũng không được bình đẳng với nhau trong các khách sạn hay sao? Không phải chỉ ở trong một nước cộng hoà, mà ở trên toàn thế giới nữa chứ. Cái thứ cộng hoà ghẻ lở của các anh!.. Đấy, bình đẳng như thế đấy! Chắc các anh không dám đưa những người Anh vào phòng này, chính những người Anh đã nghe ông này hát mà không trả công, nghĩa là mỗi tên ăn cắp của ông ấy mấy xăng-tim mà lẽ ra họ phải trả cho ông ấy. Sao anh dám chỉ cho ta phòng này?

- Phòng kia khoá chặt rồi, - người gác cửa đáp.

- Không, - tôi quát to, - không đúng, phòng ấy không khoá.

- Thế ra ông biết rõ hơn.

- Tôi biết, tôi biết là anh nói dối.

Người gác cửa xoay vai lại phía tôi, lỉnh đi.

- Ồ nói lạ! - anh ta càu nhàu.

- Không, không có "nói lạ" gì cả, - tôi quát, - anh hãy dẫn ngay tôi vào phòng đó.

Mặc lời khuyên nhủ của người đàn bà gù và lời ca sĩ cầu xin là tốt hơn nên đi về nhà, tôi cứ yêu cầu người trưởng hầu bàn và đi cùng với ca sĩ vào phòng bên kia. Nghe thấy giọng nói tức giận của tôi và nhìn thấy khuôn mặt xúc động của tôi, người trưởng hầu bàn không lên tiếng tranh

cãi và nói bằng giọng lễ phép khinh khỉnh rằng tôi có thể muốn vào phòng nào cũng được. Tôi không thể chứng minh cho người gác cửa thấy sự dối trá của anh ta, vì anh ta đã lỉnh mất trước khi tôi bước vào phòng kia.

Căn phòng này quả thực mở cửa, sáng choang và vợ chồng một người Anh đang ngồi ăn tối tại một bàn. Mặc dầu người ta đã chỉ cho tôi một cái bàn đặc biệt, nhưng tôi với người ca sĩ lem luốc cứ ngồi gần sát người Anh và tôi ra lệnh đem lại cho chúng tôi chai rượu uống dở.

Những người Anh thoạt đầu ngạc nhiên, sau đó tức giận nhìn con người nhỏ bé sợ mất vía ngồi cạnh tôi; họ nói với nhau gì đó, người đàn bà gạt chiếc đĩa ra, sột soạt tà áo lụa, rồi cả hai cùng bỏ đi. Qua khuôn cửa ra vào lồng kính tôi trông thấy người Anh tức giận nói gì đó với người hầu bàn, tay cứ chỉ chỉ trỏ trỏ về phía chúng tôi. Người hầu bàn thò đầu qua cửa và nhìn vào phòng. Tôi sung sướng chờ đợi họ tới dẫn chúng tôi ra và có lẽ, rốt cuộc, tôi sẽ trút tất cả sự phẫn nộ của mình lên đầu họ. Nhưng may thay họ đã để cho chúng tôi yên, tuy lúc đó tôi lấy thế làm khó chịu.

Trước đó ca sĩ từ chối không uống rượu vang, lúc này anh vội vã uống nốt chỗ rượu còn lại trong chai để có thể nhanh chóng ra khỏi đây. Tuy nhiên,

tôi thấy dường như anh xúc động cảm ơn tôi về sự khoản đãi. Cặp mắt ươn ướt của anh càng trở nên ướt và long lanh hơn, và anh nói với tôi một câu cám ơn thật rắc rối, thật kỳ lạ. Tuy thế tôi rất thú vị khi nghe câu cám ơn đó: anh nói, nếu như mọi người đều quý trọng các nghệ sĩ như tôi, thì chắc anh đã được sung sướng và anh chúc tôi được hạnh phúc. Tôi cùng với anh bước ra buồng hiên. Mấy người hầu và gác cửa địch thủ của tôi đứng ở đây, hình như hắn ta phàn nàn với họ về tôi. Tưởng chừng tất cả bọn họ đều nhìn tôi như nhìn một người điên. Tôi để cho con người bé nhỏ đi ngang tầm tất cả đám người đó và tại đây, với tất cả sự kính trọng mà tôi có thể biểu lộ được, tôi ngả mũ, siết chặt bàn tay với những ngón xương xẩu khô khốc của anh. Đám đầy tớ làm ra vẻ không mảy may chú ý tới tôi. Chỉ có một người trong bọn họ cất lên tiếng cười cay độc.

Khi người ca sĩ cúi chào, rồi đi khuất vào trong bóng đêm, tôi về phòng mình ở tầng trên, mong ước ngủ say để quên đi tất ca những ấn tượng này và cơn tức giận trẻ con ngu xuẩn đã bất ngờ chụp lấy tôi. Nhưng cảm thấy mình quá xúc động không ngủ được, tôi lại ra phố, định bụng đi dạo cho tới lúc bình tâm lại, và thú thật ngoài điều đó ra, tôi còn có chút hy vọng mơ hồ là tìm được

dịp chạm trán với người gác cửa, người hầu bàn hoặc người Anh để chứng minh cho họ thấy tất cả sự tàn nhẫn và chủ yếu là sự bất công của họ. Nhưng ngoài người gác cửa, khi trông thấy tôi thì quay lưng lại, tôi không gặp ai cả và một mình tôi đơn độc đi đi lại lại trên con đường ven hồ.

"Đấy, số phận của thi ca la lùng như vậy đó, - tôi hơi trấn tĩnh lại, suy xét. - Mọi người đều yêu quý, đều đi tìm nó, chỉ ao ước và đi tìm độc có mình nó trong cuộc đời, vậy mà chẳng ai chịu thừa nhận sức mạnh của nó, chẳng ai chịu đánh giá cao niềm hạnh phúc tuyệt vời này của thế gian, chẳng ai đánh giá cao và cám ơn những kẻ đã đem lại cho con người niềm hạnh phúc đó. Anh hãy hỏi bất kỳ ai trong số tất cả những người ngụ tại khách sạn Svêixergốp: hạnh phúc nào tuyệt diệu nhất ở trên đời này? Và tất cả hoặc là chín mươi chín phần trăm sẽ cay độc nói với anh rằng đồng tiền là hạnh phúc tuyệt vời nhất trên thế gian. "Có lẽ anh không thích ý nghĩ đó và ý nghĩ đó không phù hợp với những ý tưởng cao cả của anh, - y sẽ nói, - nhưng biết làm sao được, nếu như đời người đã được an bài như vậy, nghĩa là chỉ độc có đồng tiền là tạo ra hạnh phúc của con người. Tôi không thể không cho phép trí tuệ của mình nhìn thế gian như nó hằng tồn tại, - y nói

thêm, - nghĩa là nhìn thấy sự thật". Cái trí tuệ của anh nó mới thảm hại làm sao, cái hạnh phúc mà anh ao ước nó mới thảm hại làm sao. Và anh là một kẻ bất hạnh, tự mình cũng chẳng biết mình cần cái gì nữa... Các anh rời bỏ tổ quốc của mình, rời bỏ bà con thân thuộc, công việc và những chuyện tiền nong để đến tụ tập trong thị trấn Luyxernơ nhỏ bé này của Thuy Sĩ để làm gì? Vì sao chiều tối hôm nay tất cả các anh đều ùa ra ban-công và lặng lẽ kính cẩn nghe bài hát của con người cùng khổ nhỏ bé đó? Và giá như anh ta còn muốn hát nữa, thì chắc các anh vẫn còn im lặng và lắng nghe đấy nhỉ. Phải chăng người ta có thể dùng tiền, cứ cho là bạc triệu đi, để xua đuổi tất cả các anh rời khỏi tổ quốc và tụ tập trong cái góc nhỏ bé ở Luyxernơ này? Phải chăng người ta có thể dùng tiền tụ tập tất cả các anh trên các ban-công và buộc các anh đứng im lặng và bất động trong suốt nửa tiếng đồng hồ? Không! Chỉ có độc một thứ buộc các anh hoạt động và nó sẽ vĩnh viễn chuyển động mạnh hơn mọi động cơ khác trên cõi đời này: đó là nhu cầu thi ca mà các anh không ý thức được, nhưng cảm nhận thấy, và các anh sẽ mãi mãi cảm nhận thấy, chừng nào trong các anh còn có chút chất người. Các anh thấy buồn cười về chữ "thi ca", các anh dùng nó như là lời

trách móc chế giễu, các anh chấp nhận lòng yêu thích thi ca như một cái gì đó của trẻ con và của các tiểu thư ngốc nghếch và rồi các anh cười cợt họ, đối với các anh cần phải có cái gì thiết thực cơ. Trẻ em nhìn đời một cách lành mạnh, chúng yêu thích và biết rõ con người phải yêu thích cái gì và cái gì sẽ đem lại hạnh phúc, còn các anh thì đã bị cuộc đời làm cho bại hoại và lẫn lộn tới mức các anh cười cợt cái thứ độc nhất mà các anh yêu thích và đi tìm cái thứ độc nhất làm các anh căm thù, nó tạo ra bất hạnh cho các anh. Các anh lẫn lộn tới mức không hiểu được trách nhiệm của mình trước con người xứ Tirôn nghèo khó đã đem cho các anh khoái cảm trong trắng, vậy mà trong khi đó các anh lại thấy mình có nghĩa vụ phải hạ mình một cách uổng công, không lợi lộc và thú vị gì, trước mắt vị huân tước và đem hy sinh sự yên tĩnh và tiện nghi của mình cho ông ta nhằm mục đích gì đó. Thật là hão huyền, đúng là trò vô nghĩa nan giải! Nhưng đó không phải là điều làm cho tôi sửng sốt nhiều hơn cả lúc chiều tối hôm nay. Tôi hầu như hiểu, hoặc đã quen với tình trạng con người không biết cái gì đem lại hạnh phúc cho mình, quen với sự thưởng thức thi ca một cách vô ý thức, vì tôi thường gặp những hiện tượng đó trong đời; thói tàn nhẫn thô

bạo, vô ý thức của đám đông đối với tôi cũng không phải là điều gì mới lạ; dù những người bảo vệ cái lợi ích của quần chúng có nói gì đi chăng nữa, đám đông vẫn là sự kết hợp của những con người tuy tốt, nhưng chỉ liên hệ với nhau bởi những phương diện có tính chất thú vật, bỉ ổi và chỉ thể hiện chỗ yếu và thói tàn nhẫn của bản chất con người. Nhưng vì sao các anh, những đứa con của một dân tộc tự do, nhân đạo, những tín đồ Ki-tô giáo, các anh vốnlà những con người, lại đã lạnh lùng và giễu cợt đáp lại cái khoái cảm trong trắng mà con người van xin bất hạnh đó đem lại cho các anh? Nhưng không, trên đất nước của các anh có nơi trú ngụ cho những người hành khất kia mà - Không có loại người hành khất, không nên có bọn họ và không nên có sự thông cảm vốn là chỗ dựa của cảnh đi hành khất. - Nhưng anh ta lao động, anh ta mua vui cho các anh, anh ta cầu xin các anh bớt ra chút ít trong số tiền thừa thãi của các anh để trả công cho phần lao động mà các anh đã sử dụng. Ấy vậy mà các anh mỉm cười lạnh lùng đứng từ trên những căn phòng hoa lệ cao rộng của mình quan sát anh ta như xem thứ đồ lạ và trong số hàng trăm người các anh, những kẻ sung sướng, giàu có, không có lấy một người đàn ông, một người đàn bà nào ném được cho anh

ta chút gì! Anh ta hổ thẹn, rời bỏ các anh ra đi, và đám đông ngu ngốc cười cợt đi theo và xúc phạm không phải các anh mà là anh ta, - vì lẽ các anh lạnh lùng, tàn nhẫn và vô liêm sỉ, vì lẽ các anh đã đánh cắp khoái cảm mà anh ta đã đem lại cho các anh, vì lẽ đó mà anh ta đã bị xúc phạm.

"Ngày mùng 7 tháng Bảy năm 1857 tại Luyx-ernơ, trước cửa khách sạn Svêixergốp, nơi những người giàu có nhất nghỉ lại, một người hát rong nghèo khổ đã hát và chơi đàn ghi-ta trong suốt nửa tiếng đồng hồ. Gần một trăm người đã nghe anh ta hát. Ca sĩ đã ba lần xin mọi người cho anh ta chút gì đó. Không một người nào cho anh ta gì cả và nhiều người cười cợt anh ta".

Đây không phải là sự bịa đặt, mà là một sự kiện có thực, nếu ai muốn đều có thể thẩm sát qua đám khách trú thường xuyên tại khách sạn Svêixergốp, khi đã dò hỏi được qua các báo xem ai là những người nước ngoài thuê khách sạn Svêixergốp ngày 7 tháng Bảy.

Đó là sự kiện mà các sử gia của thời đại ta phải ghi lại bằng những hàng chữ lửa, không thể phai mờ được. Sự kiện đó quan trọng hơn, nghiêm chỉnh hơn và có ý nghĩa vô cùng sâu sắc hơn tất cả các sự kiện đã được ghi chép lại trên các báo và trong các pho sử. Việc người Anh đã giết tới

hàng nghìn người Trung Quốc vì người Trung Quốc không mua gì bằng tiền cả [10], còn xứ sở của họ thì ngốn toàn tiền kim loại loẻng xoẻng, việc người Pháp đã giết tới hàng ngàn người Kabin vì lúa mì của họ tốt um ở châu Phi [11], việc chiến tranh liên miên là có lợi cho việc thành lập các đạo quân, việc sứ thần Thổ Nhĩ Kỳ ở Náplơ không thể là một người Do Thái và việc hoàng đế Napôlêông dạo bộ tại Plombières [12] và tuyên cáo để dân chúng tin rằng ông ta trị vì chỉ là thể theo ý chí của toàn dân - tất cả chỉ là những lời lẽ che giấu hoặc phô bày điều người ta đã biết từ lâu: nhưng tôi thiết tưởng sự kiện xảy ra ở Luyxernơ ngày 7 tháng Bảy là hoàn toàn mới, kỳ lạ và nó liên quan không phải tới những phương diện tồi tệ vĩnh cửu của bản chất con người, mà liên quan tới một thời đại nhất định trong sự phát triển của xã hội. Đó là một sự kiện không phải dành cho lịch sử hoạt động của con người, mà để cho lịch sử của tiến bộ và văn minh.

Vì sao sự kiện vô nhân đạo này, cái sự kiện không thể xảy ra ở bất kỳ một làng quê nào ở Đức, Pháp hay Ý, lại có thể xảy ra ở đây, nơi mà nền văn minh, tự do và bình đẳng đã được nâng tới trình độ cao, nơi tụ tập của các du khách, những con người văn minh nhất thuộc các dân tộc văn

minh nhất? Vì sao những con người phát triển, nhân đạo, nói chung có khả năng làm bất kỳ công việc trung thực, nhân đạo nào, lại không có được một tình người thành tâm đối với việc làm tốt đẹp của một cá nhân? Vì sao những con người này, những kẻ thông qua các nghị viện, các cuộc mít-tinh và các hội đoàn, nồng nhiệt quan tâm tới tình trạng những người Trung Quốc không có hôn thú ở ấn Độ, tới việc truyền bá đạo Ki-tô và công việc giáo dục ở châu Phi, tới việc thành lập các hội cải hoá cho cả nhân loại, vì sao những kẻ đó lại không tìm thấy trong lòng mình cái tình cảm nguyên sơ đơn giản của con người đối với con người? Chả lẽ trong lòng họ không có tình cảm đó, chả lẽ bả hư vinh, thói ham danh vọng, thói tham lam chi phối những con người đó trong các nghị viện, các cuộc mít-tinh và các hội đoàn đã choán mất chỗ tình cảm đó? Chả lẽ việc bành trướng mối liên hệ khôn ngoan ích kỷ của con người, các mối liên hệ được mệnh danh là nền văn minh lại thủ tiêu và mâu thuẫn với nhu cầu của mối liên hệ dựa trên bản năng và tình thương? Và chả lẽ đó là sự bình đẳng mà người ta phải đổ biết bao nhiêu xương máu vô tội và phải phạm biết bao nhiêu tội ác mới giành được? Chả lẽ các dân tộc giống như những đứa trẻ, có thể được sung sướng nhờ độc có âm thanh của từ ngữ "bình đẳng"?

Bình đẳng trước pháp luật ư? Có lẽ nào toàn bộ đời người lại diễn ra trong phạm vi của pháp luật? Chỉ có một phần nghìn cuộc đời lệ thuộc vào pháp luật, phần còn lại diễn ra ngoài pháp luật, trong phạm vi của những tập tục và các quan điểm xã hội. Vậy mà trong xã hội thì người hầu bàn ăn mặc sang hơn ca sĩ và xúc phạm anh ta mà không bị trừng phạt. Tôi ăn mặc sang hơn người hầu bàn và xúc phạm anh ta mà không bị trừng phạt. Người gác cửa cho rằng tôi đứng cao hơn anh ta, còn ca sĩ thì thấp hơn anh ta, khi tôi gắn bó với ca sĩ, y coi mình là ngang hàng với chúng tôi và y đâm ra thô lỗ. Tôi đã bắt đầu trâng tráo với người gác cửa và người gác cửa thừa nhận rằng y thấp hơn tôi. Người hầu bàn bắt đầu trâng tráo với ca sĩ và ca sĩ thừa nhận mình thấp kém hơn y. Và chả lẽ các quốc gia mà người ta cho là thực sự tự do lại đúng là một quốc gia có tự do, khi mà trong đó ít ra có một công dân bị bỏ tù, vì anh ta không làm hại ai, không làm phiền ai, chỉ làm độc có một việc mà anh ta có thể làm để khỏi bị chết đói?

Là một tạo vật bất hạnh, thảm hại, cùng với nhu cầu về những giải pháp tích cực của mình, con người bị ném vào đại dương vô cùng tận, vĩnh viễn xao động của thiện và ác, của những lý lẽ

và những mâu thuẫn. Đời đời con người vật lộn và nhọc công để gạt hạnh phúc sang một bên và bất hạnh sang một bên. Các thế kỷ trôi qua và giả sử ở đâu đó có một bậc hiền minh vô tư ném thêm thứ gì đó lên các đĩa cân ác và thiện, thì các đĩa cân đó cũng sẽ không lay động và ở mỗi bên có bao nhiêu hạnh phúc thì cũng có bấy nhiêu bất hạnh. Giá như có được dầu chỉ một người học được cách không xét đoán và suy nghĩ một cách quyết liệt và tích cực, và không trả lời những câu hỏi mà người ta nêu lên cho anh ta chỉ cốt để cho chúng vĩnh viễn vẫn là những câu hỏi! Giá như chỉ cần anh ta hiểu được rằng bất kỳ tư tưởng nào cũng vừa sai lầm lại vừa đúng đắn! Sai lầm do phiến diện, do con người không có khả năng bao quát toàn bộ chân lý và đúng đắn vì nó thể hiện một khía cạnh trong những khát vọng của con người. Người ta đã chia nhỏ cái mớ hỗn loạn vô cùng, vĩnh viễn chuyển động, biến thiên bất tận của cái thiện và cái ác, người ta đã vạch ra những đường vạch tưởng tượng trên cái đại dương đó và chờ đợi đại dương cũng sẽ được phân chia như vậy. Cứ y như không thể có hàng triệu các bộ phận nhỏ khác được phân chia theo một quan điểm hoàn toàn khác trên một bình diện khác vậy. Quả thực những sự phân chia mới mẻ này đã được

hình thành qua bao thế kỷ, nhưng cũng có tới hàng triệu thế kỷ đã và sẽ qua đi. Văn minh là hạnh phúc; dã man là điều ác; tự do là hạnh phúc; nô lệ là điều ác. Chính sự hiểu biết tưởng tượng đó thủ tiêu những nhu cầu nguyên thuỷ về cái thiện, nhu cầu có tính chất bản năng, sảng khoái nhất trong bản chất con người. Và ai định nghĩa cho tôi tự do là gì, chuyên chế là gì, văn minh là gì, dã man là gì? Đâu là ranh giới của cái này và cái kia? Trong lòng ai có được thước đo ổn định về cái thiện và cái ác để anh ta có thể dùng nó đo những sự kiện biến động rối bời? Ai có trí tuệ lớn lao đến mức có thể bao quát toàn bộ các sự kiện và cân nhắc chúng dẫu là trong quá khứ bất động? Và ai đã nhìn thấy cái trạng thái trong đó chừng như không có cả điều thiện lẫn điều ác cùng một lúc? Tại sao tôi biết rằng tôi nhìn thấy người này rõ hơn người kia không phải vì tôi đã đứng không đúng chỗ phải đứng? Và ai có thể bằng trí tuệ mà tự mình thoát ly hoàn toàn khỏi cuộc đời này, dẫu là trong chốc lát, để có thể từ trên cao nhìn ngắm nó một cách độc lập? Chúng ta chỉ có độc một người hướng đạo không lầm lỗi là cái tinh thần toàn thế giới, nó thâm nhập cùng một lúc vào tất cả chúng ta và vào mỗi người chúng ta, với tư cách là một cá thể, nhen lên trong mỗi người

khát vọng vươn tới cái cần phải có; chính cái tinh thần đó ở trong cây ra lệnh cho cây vươn tới ánh sáng, ở trong hoa ra lệnh cho hoa gieo hạt giống vào mùa thu và ở trong chúng ta ra lệnh cho chúng ta nép sát vào nhau một cách vô ý thức.

Và chỉ có tiếng nói sảng khoái không lầm lạc đó là làm át đi sự phát triển vội vàng ầm ĩ của nền văn minh. Ai vốn là con người hơn: vị huân tước kia, kẻ nhìn thấy tà áo sờn rách của người ca sĩ liền hằn học bỏ chạy khỏi bàn, không nỡ bớt một phần triệu tài sản của mình ra trả công cho anh ta và giờ đây phè phỡn ngồi trong căn phòng yên tĩnh, sáng sủa, bình thản xét đoán về những vụ việc ở Trung Quốc, coi những cuộc giết chóc ở đó đúng đắn, hay là người ca sĩ nhỏ bé liều mình trước cảnh tù tội, với một đồng phrăng trong túi, suốt hai mươi năm không làm hại ai, đi khắp các vùng núi cao và thung sâu để an ủi con người bằng tiếng hát của mình, kẻ đã bị người ta xúc phạm, chiều tối hôm nay gần như bị tống cổ đi, kẻ mệt mỏi đói khát, hổ thẹn, đi tìm chỗ ngả mình trên đám rơm mục ở đâu đó?

Vừa lúc đó giữa đêm tối im lìm chết lặng, tôi nghe thấy từ phía thành phố xa xa vọng lại tiếng đàn ghi-ta của con người nhỏ nhắn và giọng hát của anh ta.

Không, - bất giác tôi thốt lên, - ngươi không có quyền thương hại anh ta và phẫn nộ trước cảnh sung sướng của vị huân tước. Ai cân đo nổi cái hạnh phúc bên trong nằm trong tâm hồn mỗi người trong số những con người đó? Đấy kia, lúc này anh ta đang ngồi ở đâu đó trên ngưỡng cửa bẩn thỉu, nhìn bầu trời sáng trăng lấp lánh và vui sướng hát giữa đêm tối lặng lẽ, ngào ngạt hương thơm, trong tâm hồn anh ta không hề có sự trách móc, tức giận cũng như hối hận. Mà ai biết được giờ đây cái gì đang diễn ra trong tâm hồn tất cả những con người sống ở đằng sau những bức tường cao, giàu sang đó? Ai biết được, liệu trong tâm hồn tất cả bọn họ niềm vui sống vô tư lự, hiền lành và sự hoà hợp với thế giới có ngang bằng với niềm vui hằng ngự trị trong tâm hồn con người nhỏ bé kia? Thật là khôn cùng tấm lòng khoan hậu và sự sáng suốt của người đã cho phép và ra lệnh cho tất cả những mâu thuẫn đó tồn tại. Chỉ có ngươi, phận giun dế, hèn mọn mới táo tợn, mưu toan thấu hiểu một cách phi pháp các luật lệ của người đó, các ý định của người đó, chỉ có ngươi mới thấy những cái đó dường như mâu thuẫn. Từ trên tầm cao chót vót sáng ngời của mình người đó dịu dàng nhìn ngắm và sung sướng vì sự hài hoà bất tận trong đó tất cả các

ngươi đang không ngừng vận động một cách đầy mâu thuẫn. Do lòng kiêu ngạo của mình, ngươi tưởng mình có thể thoát ra được những quy luật của cái toàn thể. Không, ngay cả ngươi cùng với sự phẫn nộ nhỏ nhen, tầm thường của mình đối với đám người hầu, ngay cả ngươi cũng đã phải đáp ứng nhu cầu hài hoà của cái vĩnh cửu và cái vô cùng...

Ngày 18 tháng Bảy năm 1857

CÁI CHẾT CỦA IVAN ILÍCH

I

Trong toà nhà lớn của toà án, vào lúc phiên toà xử vụ Menvinxki nghỉ giữa chừng, các quan toà và biện lý tụ tập trong phòng làm việc của Ivan Êgôrôvích Sêbêch và trò chuyện về vụ án Kraxốp nổi tiếng. Phêđo Vaxiliêvích nổi nóng lên, chứng minh rằng đó là một vụ án không thể xét xử, Ivan Êgôrôvích khăng khăng giữ ý kiến của mình, còn Piốt Ivanôvích lúc đầu không tham gia tranh luận và chỉ ngó qua tờ báo "Tin tức" mà người ta mới đưa vào.

- Thưa các ngài! - ông nói, - Ivan Ilích đã chết rồi.

- Lẽ nào lại như thế?

- Đây, các ngài đọc mà xem, - ông nói với Phêđo Vaxiliêvích và trao cho ông này số báo mới còn thơm mùi mực.

Bản cáo phó in trong khung đen: "Praxkôvia

Phêđôrốpna Gôlôvina đau đớn báo tin để bà con thân thuộc và bạn bè biết phu quân yêu quý của tôi, Ivan Ilích Gôlôvin, uỷ viên Viện tư pháp[1], đã từ trần ngày 4 tháng Hai năm 1882. Lễ tang sẽ cử hành vào một giờ trưa ngày thứ sáu".

Ivan Ilich là đồng sự của các ngài ngồi ở đây và mọi người đều yêu mến ông. Ông ốm đã mấy tuần nay rồi, người ta bảo rằng bệnh của ông không chữa khỏi được. Chỗ của ông vẫn để dành đấy, nhưng có ý kiến cho rằng trong trường hợp ông chết, Alếchxêép có thể được bổ nhiệm thay ông. Vinikốp hoặc Staben sẽ thay chân Alếchxêép. Bởi thế khi nghe tin Ivan Ilích chết, ý nghĩ đầu tiên của mỗi vị tụ tập trong căn phòng này là cái chết đó có thể có ý nghĩa như thế nào đối với việc thay đổi địa vị hoặc thăng trật của chính các thành viên toà án hoặc những người quen biết họ.

"Bây giờ nhất định mình sẽ thay chân Staben hay Vinikốp, - Phêđo Vaxiliêvích nghĩ. - Người ta đã hứa với mình như thế từ lâu và việc thăng chức này sẽ khiến cho mình được hưởng thêm 800 rúp, ngoài tiền lương lĩnh ở bộ".

"Bây giờ phải xin chuyển cậu em vợ mình từ Kaluga về mới được, - Piốt Ivanôvích nghĩ. - Vợ mình sẽ rất mừng. Bây giờ thì bà ấy không thể nói là mình chẳng bao giờ làm gì giúp họ hàng nhà bà ấy".

- Tôi cũng đã nghĩ rằng ông ấy không bình phục được, - Piốt Ivanôvich nói to lên. - Tiếc thật.

- Này, thế ông ấy bị bệnh gì nhỉ?

- Các bác sĩ cũng không xác định được. Nghĩa là họ cũng có xác định đấy nhưng ý kiến khác nhau lắm. Khi gặp ông ta lần cuối, tôi cứ tưởng ông ta sẽ qua khỏi được.

- Còn tôi từ dạo tết đến giờ chưa đến thăm ông ấy, mặc dù lúc nào cũng định đi.

- Gia sản của ông ấy thế nào nhỉ?

- Hình như bà vợ cũng có chút ít. Nhưng không đáng kể.

- Phải, rồi ta phải đi thăm gia đình ông ấy một chút. Phải cái họ ở xa khiếp.

- Xa là xa với ông thôi. Đối với ông thì ai mà chả ở xa.

- Thế không thể miễn thứ cho tôi, vì tôi ở tận bên kia sông được sao, - Piốt Ivanôvich nói, mỉm cười với Sêbếch. Và họ xoay ra nói về những khoảng cách xa xôi trong thành phố, rồi tiếp tục quay về phòng xử án.

Ngoài việc gợi lên trong mỗi người ý nghĩ về việc thuyên chuyển hoặc khả năng thay đổi chức vị trong hoạn lộ có thể xảy ra tiếp liền sau cái chết đó, bản thân cái chết của một người quen

gần gũi, như thường xảy ra, đã dấy lên trong lòng mỗi người cảm giác vui mừng, khi nghĩ rằng hắn ta chết, chứ không phải mình.

"Người ấy người nọ chết, chứ không phải là mình", - mỗi người đều cảm nghĩ như vậy. Những người gần gũi quen biết, những kẻ gọi là bạn bè của Ivan Ilích, nghe tin ông mất, bất giác đã nghĩ rằng giờ đây bắt buộc họ phải thực hiện phép xã giao rất đáng ngán, phải đi dự lễ cầu hồn và đến chia buồn với bà quả phụ.

Gần gũi nhất với người quá cố là Phêđo Vaxiliêvích và Piốt Ivanôvích.

Piốt Ivanôvích là bạn cùng học với Ivan Ilích ở Trường tư pháp (2) và tự coi mình là người chịu ơn bạn.

Trong suốt bữa ăn trưa, Piốt Ivanôvích nói cho vợ biết tin Ivan Ilích đã chết và khả năng chuyển cậu em vợ về làm trong khu của họ, rồi không đi nằm nghỉ, ông mặc áo đuôi tôm, đi tới nhà Ivan Ilích.

Chiếc xe ngựa và hai chiếc xe tải đậu ở gần lối vào nhà Ivan Ilích. Chiếc nắp quan tài bọc gấm thêu kim tuyến, có tua và đính chiếc lon đánh bóng loáng dựng sát tường căn phòng phía ngoài, nơi treo quần áo. Hai bà mặc đồ đen đang cởi áo choàng. Một người quen mặt là em của Ivan

Ilích, người kia là một bà lạ không quen biết. Svátxơ bạn của Piốt Ivanôvích, đi từ trên gác xuống, từ bậc thang trên cao nhìn thấy bạn đi vào, ông ta dừng lại, nháy mắt với bạn như có ý nói: "Cái tay Ivan Ilích thu xếp ngốc nghếch thật, tôi với anh chúng ta còn cừ hơn nhiều".

Vẻ mặt Svátxơ với bộ râu quai nón kiểu Anh và cả cái thân hình gầy guộc trong chiếc áo đuôi tôm, trông lúc nào cũng có dáng trang trọng phong nhã, và cái vẻ trang trọng này bao giờ cũng trái ngược với tính cách vui nhộn của Svátxơ, nhưng ở đây nó lại tỏ ra đặc biệt có ý vị. Piốt Ivanôvích nghĩ như vậy.

Piốt Ivanôvích nhường bước cho các bà đi lên trước, rồi thong thả theo họ lên cầu thang gác. Svátxơ không đi xuống, mà dừng lại ở trên cầu thang. Piốt Ivanôvích hiểu vì sao như vậy: rõ ràng Svátxơ muốn trao đổi xem hôm nay nên chơi bài *uyn-tơ*(*) ở đâu. Các bà lên cầu thang đến với người quả phụ, còn Svátxơ cặp môi mím chặt một cách nghiêm chỉnh, cặp mắt suồng sã nhíu mày ra hiệu cho Piốt Ivanôvích đi về bên phải, vào phòng để thi hài.

Cũng như mọi khi, khi bước vào phòng, Piốt

---

* Một thứ bài lá (*tiếng Anh*)

Ivanôvích băn khoăn không hiểu mình sẽ làm gì ở đây. Ông chỉ biết có một điều là trong trường hợp này, làm dấu sẽ chẳng bao giờ gây phiền hà gì. Còn về việc có cần phải chào không thì ông không tin chắc lắm, vì thế ông đã chọn lối nước đôi: khi bước vào phòng ông bắt đầu làm dấu và khẽ nghiêng mình tựa hồ như cúi chào. Vẫn giữ nguyên tư thế tay và đầu, ông đồng thời ngoái nhìn căn phòng. Hai chàng thanh niên hình như là những người cháu, một là học sinh trung học, làm dấu rồi đi ra khỏi phòng. Một bà già đứng bất động. Một vị phu nhân có cặp lông mày rướn lên một cách kỳ quặc đang thì thào nói gì đó với bà cụ. Viên trợ tế linh lợi, kiên quyết, vận áo lễ đang đọc to cái gì đó với vẻ không chấp nhận bất kỳ sự phản đối nào. Anh hầu bàn Ghêraxim nhẹ nhàng đi qua trước mặt Piốt Ivanôvích, rắc cái gì đó lên trên sàn. Trông thấy thế, Piốt Ivanôvích lập tức cảm thấy ngay là thoang thoảng có mùi xác chết đã rữa. Trong dịp đến thăm Ivan Ilích lần cuối cùng, Piốt Ivanôvích đã thấy anh này trong phòng làm việc. Anh ta đóng vai hộ lý và Ivan Ilích đặc biệt yêu quý anh ta. Piốt Ivanôvích vẫn luôn tay làm dấu và khẽ cúi chào hướng về giữa quan tài, viên trợ tế và các ảnh thánh đặt trên bàn kê ở góc phòng. Sau đó, thấy mình hình như đã làm dấu quá lâu, ông ta dừng lại và bắt đầu ngó nhìn thi hài.

Người chết nằm như mọi người chết thường nằm, đặc biệt nặng nề lặng ngắt, chân tay lạnh cứng, chìm lút trong nệm quan tài, đầu ngả vĩnh viễn trên chiếc gối và phơi ra vầng trán vàng như sáp ong với hai bên thái dương hói và lõm, chiếc mũi nhô ra như đè lên môi trên. Ông ta đã thay đổi rất nhiều, càng gầy thêm kể từ khi Piốt Ivanôvích không gặp ông ta, nhưng cũng như ở mọi người chết, vẻ mặt ông ta đẹp hơn, chủ yếu là có ý nghĩa hơn vẻ mặt lúc sống. Vẻ mặt đó như muốn nói rằng những gì cần phải làm đã được làm và làm đúng. Ngoài ra vẻ mặt đó còn chứa đựng lời trách móc hoặc sự nhắc nhở những người sống. Piốt Ivanôvích tưởng như lời nhắc nhở đó không thích hợp hoặc chí ít không liên quan đến mình. Piốt Ivanôvích cảm thấy khó chịu thế nào ấy, vì vậy ông vội vã làm dấu một lần nữa và quá vội vã, ông ta tưởng như vậy, không hợp với phép lịch sự, quay người lại và đi ra cửa. Svátxơ chờ ông ở phòng ngoài, đứng choãi chân, hai tay quật ra sau lưng, nghịch nghịch chiếc mũ lễ của mình. Trông thấy dáng người vui nhộn, bảnh bao và diêm dúa của Svátxơ, Piốt Ivanôvích tươi hẳn lên. Ông hiểu rằng Svátxơ đứng cao hơn sự việc và không để mình bị chi phối bởi những ấn tượng nặng nề. Vẻ mặc Svátxơ như muốn bảo ông rằng: việc làm lễ cầu hồn cho Ivan Ilích không thể nào là một cái cớ đủ để chúng

ta phá bỏ lệ hội họp, nghĩa là không có gì có thể ngăn cản chúng ta ngả cỗ bài ra và tráo bài tanh tách vào chiều tối hôm nay, khi tên đầy tớ thắp lên bốn ngọn nến; nói chung chẳng có cơ sở gì để cho rằng vụ này có thể cản trở chúng ta tiến hành cuộc vui chơi thú vị vào tối hôm nay. Khi Piốt Ivanôvich đi ngang qua, Svátxơ đã nói thầm với ông như vậy và mời ông tới chơi bài ở nhà Phêđo Vaxiliêvích. Nhưng hình như cái số của Piốt Ivanôvích là không được chơi bài uyn-tơ buổi tối hôm nay. Praxkôvia Phêđôrốpna là một người đàn bà tầm thước béo núc ních, tuy bà đã hết sức cố gắng ngăn ngừa, thân hình bà vẫn cứ bè bè ra. Bà vận toàn đồ đen, đầu phủ chiếc khăn ren và lông mày cũng rướn cao một cách kỳ quặc như vị phu nhân đứng ở gần quan tài. Bà cùng với các phu nhân khác bước ra khỏi phòng mình, dẫn họ tới cửa phòng để thi hài và nói:

- Lễ cầu hồn sẽ tổ chức ngay bây giờ, xin mời các vị vào.

Svátxơ dừng lại, nghiêng mình vẻ do dự, rõ ràng ông ta không chấp nhận và cũng không gạt bỏ lời mời đó. Nhận ra Piốt Ivanôvích, bà Praxkôvia Phêđôrốpna thở dài, bước sát lại gần ông, cầm tay ông mà nói:

- Tôi biết bác là người bạn thực sự của Ivan

Ilích... - bà nhìn ông ta, chờ đợi ông ta có những cử chỉ thích hợp với lời bà nói.

Piốt Ivanôvích biết rằng lúc này mình phải làm dấu, phải bắt tay, phải thở dài và nói: "Xin bà cứ tin ở tôi!" - và ông đã làm như vậy. Làm xong ông cảm thấy mình đã đạt kết quả mong muốn: ông thấy cảm động và bà chủ cũng cảm động.

- Mời bác vào đây kẻo lễ sắp bắt đầu, tôi cần nói chuyện với bác, - bà quả phụ nói. - Bác đưa tay cho tôi nào.

Piốt Ivanôvích đưa tay cho bà vịn và họ đi vào trong phòng ngang qua mặt Svátxơ đang buồn bã nháy mắt với Piốt Ivanôvích ra hiệu bảo ông: "Thế còn bài uyn-tơ! Đừng có trách nhé, chúng tôi sẽ tìm một chân khác. Hễ anh thoát nợ, chúng ta lại chơi tay năm nhé".

Piốt Ivanôvích thở dài càng sâu hơn, buồn bã hơn và Praxkôvia Phêđôrốpna siết chặt tay ông tỏ vẻ biết ơn. Khi bước vào phòng khách tường lót bọc bằng vải màu hồng có thắp một ngọn đèn ảm đạm, họ ngồi cạnh chiếc bàn: bà ngồi ở đi-văng, còn Piốt Ivanôvích ngồi trên chiếc ghế đệm thấp hỏng lò-xo mà người ta đã kê nhầm làm chỗ ngồi cho ông. Praxkôvia Phêđôrốpna đã toan báo trước để ông ngồi sang một chiếc ghế tựa khác, nhưng bà thấy làm như vậy không hợp với tình cảnh

của mình, nên lại thôi. Ngồi lên chiếc ghế đệm thấp ấy, Piốt Ivanôvích nhớ lại Ivan Ilích đã bài trí phòng khách này như thế nào, đã trao đổi với ông về những tấm vải màu hồng và xanh lá cây để lót tường như thế nào. Khi lách qua bàn để ngồi xuống đi-văng (nói chung cả phòng khách này đều ngổn ngang đồ gỗ và đồ dùng), mảnh đăng-ten đen trên chiếc áo choàng đen của bà quả phụ vướng vào chỗ trạm trổ ở mặt bàn. Piốt Ivanôvích nhổm người lên để gỡ áo cho bà và chiếc ghế thấp được giải thoát bắt đầu hồi hộp hất ông lên. Bà quả phụ tự gỡ mảnh đăng-ten của mình và Piốt Ivanôvích lại ngồi xuống, đè lên chiếc ghế đệm thấp đang nổi loạn dưới mông mình. Nhưng bà quả phụ vẫn chưa gỡ xong được áo, Piốt Ivanôvích lại nhổm lên, chiếc ghế đệm thấp lại hất tung ông lên, thậm chí nó còn kêu ken két. Khi mọi việc đã ổn thoả, bà rút chiếc khăn tay sạch bằng nhiễu ra và bắt đầu khóc. Chuyện mảnh đăng-ten bị vướng và cuộc vật lộn của ông với chiếc ghế đệm thấp khiến Piốt Ivanôvích đâm ra nguội lạnh và ông cau có, ngồi yên. Xôkôlốp, một người hầu phòng của Ivan Ilích đã gỡ cho Piốt Ivanôvích ra khỏi tình thế lúng túng đó, bác ta vào để thưa với Praxkôvia Phêđôrốpna rằng người ta tính nơi chôn cất ở nghĩa trang hết hai trăm rúp. Praxkôvia Phêđôrốpna phác một cử

chỉ lặng lẽ biểu lộ niềm tin chắc chắn rằng tất nhiên không thể nào khác thế được.

- Xin ông cứ hút thuốc tự nhiên, - bà nói bằng một giọng độ lượng và đồng thời đau buồn, rồi bà quay ra hỏi Xôkôlốp về giá cả nơi chôn cất. Piốt Ivanôvích vừa hút thuốc lá vừa nghe bà hỏi han rất kỹ lưỡng về các loại giá cả thuê đất và bà quyết định nên thuê loại nào. Ngoài ra, sau khi bàn xong nơi chôn cất, bà sai bảo cả việc thuê những người hát lễ. Xôkôlốp đi ra.

- Tôi tự làm lấy tất cả, - bà vừa nói với Piốt Ivanôvích vừa đẩy quyển an-bom ở trên bàn sang một bên. Thấy tàn thuốc có cơ làm cháy bàn, bà vội vã đẩy ngay chiếc gạt tàn tới gần Piốt Ivanôvích và nói tiếp: - Tôi coi là giả dối nếu nói rằng vì đau buồn quá tôi không thể lo liệu được việc tang ma. Ngược lại, việc đó nếu như không an ủi tôi... thì cũng khiến tôi khuây khoả, vì đó là việc lo liệu cho chính nhà tôi mà. - Bà lại rút khăn tay tựa hồ như định khóc, nhưng bỗng nhiên bà lắc lắc người như thể kiềm chế mình và bắt đầu nói một cách bình thản:

- À tôi có chuyện một thưa với bác.

Piốt Ivanôvích nghiêng người đáp lễ, không để cho lò-xo của chiếc ghế đệm thấp đang đụng đậy dưới mông trồi bật lên.

- Trong những ngày cuối cùng, nhà tôi đau đớn kinh khủng.

- Bác ấy đau lắm à? - Piốt Ivanôvích hỏi.

- Chao ôi, thật khủng khiếp! Trong những ngày cuối, nhà tôi kêu la hàng giờ liền. Ông ấy kêu la suốt ba ngày đêm không chuyển giọng. Chịu không nổi. Tôi không hiểu vì sao tôi đã chịu đựng nổi. Cách ba lần cửa vẫn nghe rõ tiếng kêu la. Chao ôi! Cực quá chừng!

- Chả lẽ bác ấy vẫn tỉnh à? - Piốt Ivanôvích hỏi.

- Vâng, - bà thì thào, - nhà tôi tỉnh cho đến phút chót. Ông ấy vĩnh biệt chúng tôi mười lăm phút trước khi mất và còn yêu cầu đưa Vlađimia ra ngoài.

Ý nghĩ về sự đau khổ của một con người mà ông gần gũi quen biết từ lúc người đó còn là một đứa trẻ vui tính, một chú học sinh, rồi một người đồng sự lớn tuổi bỗng nhiên làm cho Piốt Ivanôvích khiếp sợ, mặc dầu ông thấy khó chịu về sự giả dối của mình và của người đàn bà này. Ông lại hình dung ra vầng trán, cái mũi đè lên môi ấy và ông đâm ra hoảng sợ cho bản thân mình.

"Ba ngày đêm đau đớn kinh khủng rồi chết. Việc đó có thể ập đến cả với mình ngay bây giờ, bất cứ giây phút nào", - Ông nghĩ và trong giây lát ông đâm ra hoảng sợ. Nhưng chính ông cũng

chẳng biết tại sao, một ý nghĩ thường tình tức thời đến cứu giúp ông: việc đó xảy ra với Ivan Ilich, chứ không phải xảy ra với ông, với ông chắc sẽ không có chuyện như vậy; vả lại nếu cứ nghĩ thế ông sẽ sinh ra buồn phiền, đó là điều không nên, rõ ràng là nét mặt của Svátxơ có ý nhắn nhủ ông như vậy. Suy luận như thế rồi, Piốt Ivanôvich thấy yên tâm và ông bắt đầu hào hứng hỏi tỉ mỉ về phút lâm chung của Ivan Ilích, tựa hồ như cái chết là một điều rủi ro bất ngờ chỉ liên quan đến Ivan Ilích, chứ hoàn toàn không dính líu gì đến ông.

Sau khi đã kể tỉ mỉ về những đau đớn thể xác thực sự khủng khiếp mà Ivan Ilích đã phải chịu đựng, (những chi tiết tỉ mỉ này Piốt Ivanôvích chỉ được biết thông qua tác động của những đau đớn của Ivan Ilích tới thần kinh bà Praxkôvia Phêđôrốpna), bà quả phụ thấy rõ ràng cần phải chuyển sang chuyện công việc.

- Chao ôi, bác Piốt Ivanôvich ạ, đau buồn lắm, đau buồn kinh khủng, kinh khủng, - và bà lại khóc.

Piốt Ivanôvich thở dài và chờ bà xỉ mũi, khi bà đã xỉ mũi xong, ông nói:

- Xin bác hãy tin ở tôi... - và bà lại nói miên man, trình bày việc rõ ràng là chính yếu mà bà muốn nói với ông. Việc đó gồm một loạt câu hỏi:

làm sao có thể lấy được tiền ở công quỹ nhân dịp chồng chết. Bà ta làm ra bộ hỏi ý kiên Piốt Ivanôvích về tiền tuất, nhưng ông thấy bà đã am hiểu việc này một cách chi ly, cả đến những chi tiết mà ông không biêt. Bà am hiểu tất cả những cách có thể dùng để rút tiền ở công quỹ nhân cái chết của chồng bà. Nhưng điều bà muốn biết thêm, là có thể làm thế nào để rút được nhiều hơn thế nữa không. Piốt Ivanôvích cố gắng nghĩ ra phương cách để làm việc đó, nhưng nghĩ một lúc, rồi vì phép xã giao ông xoay ra xỉ vả chính phủ keo kiệt và nói với bà rằng hình như không thể rút hơn được. Nghe vậy bà thở dài và rõ ràng bắt đầu nghĩ cách tống khứ ông khách. Ông ta hiểu ý, giụi tắt điếu thuốc lá, đứng dậy bắt tay bà và bước ra phòng ngoài. Trong phòng ăn có treo chiếc đồng hồ mà Ivan Ilích rất thích vì đã mua được ở hiệu đồ cũ, Piốt Ivanôvích gặp vị linh mục và vài người quen biết khác tới dự lễ cầu hồn, trông thấy cô tiểu thư xinh đẹp quen biết, con gái của Ivan Ilích, cô ta vận toàn đồ đen. Thân hình cô vốn rất thanh mảnh lại càng thanh mảnh hơn. Vẻ mặt cô rầu rĩ, quả quyết và hầu như tức giận. Cô nghiêng mình chào Piốt Ivanôvich, cứ như thể ông là người có lỗi gì đó. Một chàng thanh niên giàu có mà Piốt Ivanôvích có quen biết, làm dự thẩm ở toà án, nghe nói là chồng chưa cưới của

cô ta, đứng đằng sau cô, cũng với vẻ mặt bất mãn như vậy. Ông buồn bã nghiêng mình chào họ và muốn đi sang phòng người chết, đúng lúc ấy cậu con trai, học sinh trung học, giống Ivan Ilích như lột, nhô mình lên khỏi cầu thang. Thằng bé khiến Piốt Ivanôvích nhớ lại Ivan Ilích lúc nhỏ, khi còn học ở trường tư pháp. Cặp mắt của chú bé khóc sưng húp và cũng kèm nhèm giống mắt các chú bé sớm hư hỏng tuổi mười ba, mười bốn. Trông thấy Piốt Ivanôvích, chú bé cau mặt một cách nghiêm nghị và sượng sùng. Piốt Ivanôvích khẽ gật đầu với chú và bước vào phòng người chết. Lễ cầu hồn bắt đầu: nào thắp nến, khóc than, hương khói, nào nước mắt, tiếng sụt sịt. Piốt Ivanôvích chau mày đứng yên, nhìn bàn chân trước mặt mình. Ông không nhìn thi hài lần nào và cho đến cuối buổi lễ không để mình rơi vào những ảnh hưởng làm yếu lòng người, và ông là một trong những người đầu tiên đi ra khỏi phòng. Ở phòng ngoài chả có ai. Ghêraxim, người hầu bàn nhảy từ trong phòng người quá cố ra, dùng bàn tay khỏe khoắn của mình bới tất cả đống áo choàng lông để tìm chiếc áo choàng của Piốt Ivanôvích, rồi trao cho ông.

- Thế nào, anh Ghêraxim? - Piốt Ivanôvích nói để mà nói. - Thương nhỉ?

- Đó là ý Chúa. Mọi người chúng ta rồi sẽ

đi tới bước đó, - Ghêraxim nói, nhe hàm răng nông dân đều đặn trắng muốt của mình và như một người đang lúc công việc bận rộn căng thẳng, nhanh nhẹn mở cửa, gọi người đánh xe, đỡ Piốt Ivanôvích lên xe, rồi nhảy xuống, quay lại bậc thềm tựa hồ như để nghĩ xem mình còn phải làm gì nữa.

Sau khi phải chịu đựng mùi hương, mùi xác chết và mùi phê-nôn, Piốt Ivanôvích đặc biệt khoan khoái hít thở khí trời trong sạch.

- Ngài đi đâu ạ? - người đánh xe hỏi.

- Chưa muộn lắm. Tôi ghé đến Phêđo Vaxiliêvích hãy còn kịp.

Piốt Ivanôvích đi, và quả thực lúc ông tới họ mới chơi được một hội, vì thế ông ngồi vào làm chân thứ năm vừa tiện.

II

Câu chuyện về cuộc đời đã qua của Ivan Ilích là một câu chuyện đơn giản, bình thường nhất và khủng khiếp nhất.

Ivan Ilích chết vào quãng bốn mươi lăm tuổi, lúc ông ta là uỷ viên của Viện tư pháp. Ông là

con của một quan chức đã đạt được công danh tại nhiều bộ và vụ khác nhau ở Pêterburg. Bước đường công danh này đã dẫn nhiều người tới tình trạng là tuy rõ ràng họ là vô dụng, không hoàn thành được một trách nhiệm đáng kể nào, nhưng do đã làm quan lâu năm và do chức tước của họ, họ vẫn không thể bị thải hồi được và vì thế họ vẫn được giao những địa vị giả tạo và được nhận bạc nghìn thật sự - khoảng từ sáu tới mười nghìn, với số tiền đó, họ có thể sống cho đến khi đầu bạc răng long.

Ilia Êphimôvích Gôlôvin là một con người như thế. Ông là cố vấn cơ mật [3], nhân viên vô tích sự của nhiều công sở vô tích sự khác nhau.

Ông có ba con trai. Ivan Ilích là con trai thứ hai. Người con trai cả cũng đạt được công danh như ông bố, chỉ có điều anh ta làm ở bộ khác và đã xấp xỉ tới cái tuổi mà lương bổng đã khó được tăng. Người con trai thứ ba thất cơ lỡ vận. Anh ta đã trải qua nhiều nơi khác nhau, ở chỗ nào cũng tự làm hại mình và hiện nay anh ta làm trong ngành đường sắt. Ông bố, những người anh và đặc biệt là các bà chị dâu không những không thích gặp gỡ anh ta, mà nếu không thật cần thiết họ cũng chẳng buồn nhắc đến anh ta nữa. Cô con gái lấy nam tước Grép, cũng là một

quan chức Pêterburg như ông bố vợ anh ta. Ivan Ilích là *le phenix de la famile* (*), như người ta thường nói. Anh ta không phải là một người lạnh lùng và đứng đắn như người anh cả, nhưng cũng không phải là một kẻ bất trị như cậu em út. Anh ta ở khoảng giữa hai người đó, là một con người thông minh, linh hoạt, dễ mến và lịch sự. Anh cùng với người em út được học ở Trường tư pháp. Người em út không học hết và đến năm thứ năm thì bị loại khỏi trường. Còn Ivan Ilích đã kết thúc tốt đẹp khoá học. Lúc ở trường anh ta như thế nào thì sau này suốt đời anh ta vẫn như thế. Anh ta là người có năng lực, vui tính, tốt bụng, chan hoà với mọi người, nhưng hoàn thành nghiêm chỉnh cái mà anh coi là bổn phận của mình. Mọi cái mà cấp trên coi là bổn phận thì anh cũng xem đó là bổn phận của mình. Anh không phải là một đứa trẻ xun xoe, cả sau này khi là một người lớn cũng vậy, nhưng ngay từ thời thanh niên, anh đã có thói quen bị cuốn hút tới những người có địa vị cao sang trong giới thượng lưu, giống như ruồi bị ánh sáng hấp dẫn, anh học đòi những cung cách của họ, chấp nhận cách nhìn cuộc sống của họ và gây dựng quan hệ bạn bè với họ. Mọi say mê của tuổi trẻ và thời thanh niên đều qua đi không

---

(*) Niềm kiêu hãnh của gia đình *(tiếng Pháp)*

để lại dấu vết gì đáng kể trong anh. Anh bị nhiễm cả thói hiếu sắc lẫn thói háo danh và sau hết, khi giao du với các tầng lớp thượng lưu, anh nhiễm cả thói tự do chủ nghĩa. Nhưng anh chỉ nhiễm những thói đó đến chừng mức mà anh cảm thấy vừa phải thôi.

Khi ở Trường tư pháp, anh đã có những hành vi mà trước đây anh cho là rất xấu và đã khiến anh ghê tởm mình. Nhưng về sau, anh thấy rằng cả những người ở tít tận cấp trên cũng có những hành vi như vậy và họ không coi những hành vi đó là xấu, vì thế chẳng những anh thừa nhận hành vi trước đây của mình là tốt, mà anh còn quên bẵng chúng đi và không hề buồn phiền khi nhớ đến chúng.

Tốt nghiệp Trường tư pháp với phẩm hàm bậc 10[(4)] và nhận được tiền của bố cho để may sắm quần áo, Ivan Ilich đặt may chiếc áo dài ở hiệu của Sarmer [(5)], đeo ở dây đồng hồ một chiếc huy chương có khắc dòng chữ: *respice finem* [(*)], chia tay với hoàng thân và thầy học, ăn uống với các bạn học ở tiệm ăn Đônôn [(6)], rồi mang theo chiếc va-li áo quần, áo dài, đồ cạo râu và trang sức, khăn choàng len, tất cả đều theo mốt mới do anh đặt may hoặc mua ở những cửa hàng sang trọng

---

* Hãy tiên đoán kết cục (*tiếng La-tinh*)

nhất, đi về tỉnh nhận chức phái viên đặc biệt của quan tổng trấn, một địa vị do bố anh kiếm được.

Tại tỉnh ly, Ivan Ilích đã thu xếp ngay cho mình một hoàn cảnh sống nhẹ nhõm dễ chịu như hồi anh ở Trường tư pháp. Anh thừa hành công vụ, tấn tới trên bước hoạn lộ và đồng thời vẫn vui chơi một cách thoải mái và lịch sự. Thỉnh thoảng cấp trên phái anh xuống các huyện, anh xử sự đàng hoàng với cả cấp trên lẫn cấp dưới, hoàn thành các công việc được giao một cách chính xác và liêm khiết khiến anh không thể không lấy thế làm kiêu hãnh. Công việc anh được giao chủ yếu dính đến những người ly giáo [(7)].

Tuy còn trẻ tuổi, và tính thích vui chơi thoải mái, vậy mà trong mọi công vụ anh tỏ ra cực kỳ dè dặt, giữ đúng nghi thức, thậm chí còn nghiêm khắc nữa. Nhưng trong quan hệ xã hội anh thường tỏ ra vui tính, hóm hỉnh, bao giờ cũng tốt bụng, lịch sự và là một *bon enfant* [(*)], như quan thầy và phu nhân của ông ta thường nói về anh. Anh đi lại nhà quan thầy như người nhà. Tại tỉnh ly, nhà tư pháp ăn diện bảnh bao cũng có gian díu với một phu nhân. Cũng có một cô chuyên may trang phục phụ nữ, có những bữa chè chén với các vị sĩ quan phụ tá ngự tiền tới công cán và

---

* Chàng trai hiền lành (*tiếng Pháp*)

những chuyến xuống xóm "chị em" sau bữa ăn tối, có việc quỵ lụy quan thầy, thậm chí quỵ lụy cả bà vợ ông ta, nhưng tất cả những việc đó đều mang màu sắc thanh lịch tao nhã, đến nỗi không thể dùng những lời lẽ xấu để nói về chúng, tất cả những việc đó phù hợp với một câu nói của người Pháp: *il faut que jeunesse se passe* (*). Mọi việc đều diễn ra với những bàn tay sạch sẽ, với những chiếc sơ-mi sạch sẽ, với những câu nói bằng tiếng Pháp và chủ yếu đều diễn ra trong giới thượng lưu, do đó được những người ở cấp trên tán thành.

Ivan Ilích làm việc như thế được năm năm, rồi có sự thay đổi trong công vụ. Những cơ quan tư pháp mới xuất hiện (8), cần phải có những con người mới.

Và Ivan Ilích trở thành một con người mới đó.

Ivan Ilích được bổ nhiệm vào làm dự thẩm tại toà án, anh chấp nhận điều đó, tuy phải chuyển sang một tỉnh khác và phải vứt bỏ những quan hệ đã được thiết lập, để gây dựng những quan hệ mới. Bạn bè góp tiền, tổ chức bữa tiệc mừng Ivan Ilích, tặng anh một hộp đựng thuốc lá bằng bạc và anh đi tới chỗ làm mới.

Khi làm dự thẩm ở toà án, Ivan Ilích vẫn trang

---

* Thanh niên rồi sẽ phải đứng đắn ra (*tiếng Pháp*) có thể hiểu tương đương như: trăng đến rằm trăng tròn.

nhã và lịch thiệp như vậy, anh biết phân biệt những trách nhiệm công vụ với đời sống riêng tư và làm cho mọi người kính trọng mình giống như khi anh làm phái viên đặc biệt vậy. Bản thân công việc của người dự thẩm đối với Ivan Ilích còn hứng thú và hấp dẫn hơn nhiều so với công việc trước đây. Khi làm đặc phái viên, anh vận bộ lễ phục may ở hiệu Sarmer, ung dung đi ngang qua mặt những người đến kêu cầu hồi hộp chờ được tiếp và những người có chức vụ đang phát ghen lên với anh, đi thẳng vào phòng làm việc của quan trên, ngồi uống nước trà, hút thuốc lá với quan. Nhưng số người trực tiếp lệ thuộc vào sự độc đoán của anh ít lắm. Khi được phái đi công cán thì những người đó chỉ là những viên cảnh sát trưởng hàng huyện và những người ly giáo. Anh thích xử sự một cách lễ độ, hầu như thân ái với những người lệ thuộc mình. Anh thích tỏ cho họ biết rằng tuy có thể nghiền nát họ đấy, nhưng anh vẫn xử sự một cách giản dị, thân ái đối với họ. Lúc đó, những người như vậy ít lắm. Bây giờ, khi làm dự thẩm, Ivan Ilích cảm thấy rằng tất cả, không trừ một ai, những người quan trọng nhất, những kẻ tự đắc nhất, tất cả đều nằm trong tay anh và anh chỉ cần viết ít chữ nhất định lên một tờ giấy có tiêu ngữ in sẵn là người ta sẽ triệu con người quan trọng, tự đắc đó đến trình diện anh như là một bị cáo hoặc một nhân chứng và nếu như kẻ đó

không muốn bị anh bỏ tù, sẽ phải đứng trước mặt anh mà trả lời các câu hỏi của anh. Ivan Ilích không bao giờ lạm dụng quyền hành của mình, ngược lại anh cố gắng giảm nhẹ biểu hiện quyền hành. Nhưng ý thức về quyền hành đó và khả năng giảm nhẹ nó khiến anh đặc biệt hứng thú và say mê với công việc mới của mình. Trong công việc điều tra, Ivan Ilích đã tiếp thu được rất nhanh cách tách mình ra khỏi mọi tình huống không liên quan đến công vụ, cách trình bày bất kỳ một sự việc phức tạp nhất nào bằng cái hình thức trong đó sự việc chỉ được phản ánh một cách bề ngoài trên giấy tờ, trong đó mọi quan điểm cá nhân của anh đã hoàn toàn bị gạt bỏ và cái chính là thủ tục giấy tờ đó được làm đúng theo yêu cầu. Đây là một công việc mới mẻ. Và trên thực tế, Ivan Ilích là một trong những người đầu tiên khởi thảo phần phụ lục cho những quy chế năm 1864.

Khi chuyển sang một thành phố khác để đảm nhận chức vụ dự thẩm, Ivan Ilích đã có những mối quen biết, quan hệ mới, biết đặt mình trong tình thế mới và có một giọng điệu hơi khác. Đối với chính quyền tỉnh, anh giữ một khoảng cách phải chăng, tuyển chọn một nhóm thượng lưu từ đám quan toà và quý tộc giàu có sống ở thành phố, giữ cái giọng bất bình nhè nhẹ đối với chính phủ, thể hiện đầu óc tự do chủ nghĩa ôn hoà và

tinh thần công dân văn minh, đồng thời trong cương vị mới, Ivan Ilích tuy không hề thay đổi cách ăn mặc diêm dúa của mình, nhưng lại thôi không cạo râu nữa, mà để cho nó mặc sức mọc tự do.

Cuộc sống của Ivan Ilích ở thành phố mới cũng rất dễ chịu: đám người chống đối quan tổng trấn sống hoà thuận và êm đẹp; lương bổng nhiều hơn và thêm vào đó còn có cái thú lớn là chơi bài *uyxt*(*) mà anh mới tập. Anh có khả năng chơi bài một cách vui vẻ, nghĩ nhanh và rất tinh tế, cho nên nói chung bao giờ anh cũng được.

Sau hai năm làm việc ở thành phố mới, Ivan Ilích đã gặp gỡ người vợ tương lai của mình. Praxkôvia Phêđôrốpna Mikhen là cô gái xuất sắc, thông minh, hấp dẫn nhất trong nhóm người mà Ivan Ilích thường giao du. Ivan Ilích xếp các quan hệ nhẹ nhõm vui vẻ của mình với Praxkôvia Phêđôrốpna vào số các trò vui chơi giải trí sau các cuộc điều tra vất vả của người dự thẩm.

Khi là phái viên đặc biệt, nói chung Ivan Ilích còn khiêu vũ, lúc làm dự thẩm anh ít khi khiêu vũ. Anh chỉ khiêu vũ khi cần phải chứng tỏ rằng: tuy làm việc ở các công sở mới và đã là viên chức

---

(*) Một thứ bài lá (*tiếng Anh*)

bậc năm [9], nhưng về khoản khiêu vũ tôi vẫn có thể hơn những người khác. Bởi thế, thỉnh thoảng vào cuối các đêm vui anh khiêu vũ với Praxkôvia Phêđôrốpna, và chủ yếu anh đã chinh phục được Praxkôvia Phêđôrốpna trong những lần khiêu vũ đó, cô đem lòng yêu anh. Ivan Ilích không có ý định cưới vợ rõ rệt, nhưng khi cô gái yêu anh, anh tự hỏi lòng mình: "Ừ, tại sao mình lại không lấy vợ nhỉ?"

Praxkôvia Phêđôrốpna là một cô gái khá đẹp thuộc dòng dõi quý tộc lương thiện, cô có một gia tài nho nhỏ. Ivan Ilích có thể nhắm một đám xuất sắc hơn, nhưng đây cũng là một đám khá. Ivan Ilích có lương bổng, anh hy vọng rằng cô ta cũng có một khoản tương tự. Họ hàng bên vợ bề thế, còn cô ta là một thiếu nữ dễ thương, kháu khỉnh và rất đoan trang. Bảo rằng Ivan Ilích cưới vợ vì yêu cô vợ chưa cưới của mình và thấy cô ta đồng tình với quan điểm sống của mình thì cũng không đúng, như khi nói rằng anh cưới vợ vì những người trong giới anh tán thành đám này. Ivan Ilích cưới vợ vì cả hai lẽ: anh làm cái việc dễ chịu đối với mình là kiếm được cô vợ như thế, và đồng thời anh làm cái điều mà những người ở cấp trên coi là đứng đắn.

Và thế là Ivan Ilích cưới vợ.

Bản thân việc cưới xin, tuần trăng mật của đôi vợ chồng trẻ với những sự âu yếm vuốt ve, việc sắm sanh đồ đạc mới, bát đĩa mới, quần áo mới, trước khi vợ anh có mang, đều diễn ra rất tốt đẹp, vì thế Ivan Ilích đã bắt đầu nghĩ rằng việc cưới vợ chẳng những không phá vỡ, mà còn làm cho cuộc sống thoải mái dễ chịu, vui tươi, bao giờ cũng lịch thiệp và được giới xã giao đồng tình của anh càng thêm ý vị, vì những tính chất đó anh coi là đặc trưng của cuộc sống nói chung. Nhưng từ những tháng đầu tiên vợ anh có mang đã xuất hiện một điều gì đó mới mẻ, bất ngờ, khó chịu, nặng nề và không lịch thiệp, điều anh không ngờ tới và không có cách nào tránh được.

Ivan Ilích tưởng như *de gaité de coeur* (*), vợ anh đã phá hoại cuộc sống dễ chịu và lịch sự của anh một cách vô cớ: cô ta ghen bóng ghen gió, đòi hỏi anh phải săn sóc cô ta, sinh sự đủ mọi chuyện và gây ra những cảnh khó chịu, thô bỉ.

Thoạt đầu, Ivan Ilích hy vọng thoát ra khỏi tình trạng khó chịu đó bằng chính cái thái độ lịch thiệp thoải mái đối với cuộc sống, là thái độ trước đây đã cứu giúp anh. Anh thử bỏ qua coi như không biết tới tâm trạng của vợ, tiếp tục sống một cách thoải mái và dễ chịu như trước: mời bạn

---

* Do tính nhõng nhẽo (*tiếng Pháp*)

bè đến chơi nhà đánh bài, tự mình đi đến câu lạc bộ hoặc đến chơi bè bạn. Nhưng một lần, vợ anh bắt đầu mắng nhiếc anh một cách gay gắt bằng những lời lẽ thô tục, và rồi cô ta tiếp tục mắng nhiếc anh một cách dai dẳng, đến nỗi khi anh không thực hiện những yêu cầu của cô ta, rõ ràng cô ta đã quyết định một cách cứng rắn là sẽ không ngừng mắng nhiếc cho tới khi nào anh chịu khuất phục, nghĩa là cho tới khi anh phải ngồi nhà và cũng buồn thỉu buồn thiu như cô ta. Điều này làm cho Ivan Ilích khiếp sợ. Anh hiểu rằng cuộc sống lứa đôi - ít ra là với vợ anh - không phải bao giờ cũng làm tăng thêm vẻ lịch thiệp và những thú vị trong cuộc sống, mà ngược lại nó thường huỷ hoại những cái đó và vì thế cần phải che chở cho mình khỏi những sự huỷ hoại đó. Ivan Ilích bắt đầu tìm tòi các phương cách để làm việc đó. Công vụ là điều mà Praxkôvia Phêđôrốpna phải coi trọng. Ivan Ilích đã dùng công vụ và những chức trách của mình để đấu tranh với vợ, nhằm ngăn riêng cái thế giới độc lập của mình ra.

Với sự ra đời của đứa con đầu lòng cùng những cố gắng để chăm bẵm nó và những thất bại đủ loại trong việc này, với những bệnh thực và bệnh tưởng của đứa trẻ và của vợ mà anh buộc lòng phải tham gia, dù anh chẳng hiểu mô tê gì cả,

Ivan Ilích mới cảm thấy cái nhu cầu ngăn cách thế giới của mình với gia đình ngày càng trở nên khẩn thiết.

Vợ anh chàng trở nên bẳn gắt và sách nhiễu hơn, Ivan Ilích càng dồn hết tâm trí vào công vụ. Anh đâm ra thêm yêu công công vụ hơn và đâm ra hám danh hơn trước.

Chẳng bao lâu, không quá 1 năm sau khi anh cưới vợ, Ivan Ilích hiểu rằng cuộc sống lứa đôi tuy có tạo ra một vài thuận tiện nào đấy, thực chất là một công việc rất phức tạp và nặng nề. Để làm tròn phận sự của mình, nghĩa là duy trì một cuộc sống lịch sự được giới xã giao tán đồng, cần phải đề ra một một thái độ nhất định đối với cuộc sống lứa đôi cũng như đối với công vụ vậy.

Và Ivan Ilích đã đề ra cho mình một thái độ đối với cuộc sống lứa đôi. Anh chỉ đòi hỏi ở cuộc sống gia đình là làm sao có đủ những tiện nghi về việc ăn uống, có đủ giường chiếu, và có người trông nom nhà cửa là những thứ mà cuộc sống đó có thể đem lại cho anh, và cái chính là anh chỉ đòi hỏi những hình thức lịch sự bề ngoài mà dư luận xã hội đã quy định. Còn ngoài ra, anh tìm niềm vui thú và nếu tìm được, anh thấy hàm ơn, nếu gặp sự phản đối hay càu nhàu, anh tức thời đi ngay vào thế giới riêng biệt, cái thế giới công vụ của mình và tìm thấy thích thú ở đó.

Người ta đánh giá Ivan Ilích la một viên chức tốt và sau ba năm, anh đã được thăng lên phó biện lý. Những trách nhiệm quan trọng mới, khả năng đưa ra toà hoặc bỏ tù bất kỳ ai, những diễn văn trước công chúng, sự thành đạt, tất cả những cái đó càng thêm lôi cuốn Ivan Ilích vào công vụ.

Họ có vài đứa con. Bà vợ càng trở nên càu nhàu và hay cáu gắt hơn. Nhưng do đã có sẵn thái độ đối với gia đình, nên hầu như Ivan Ilích dửng dưng không để tâm đến tính càu nhàu của vợ.

Sau bảy năm làm việc ở tỉnh ly, Ivan Ilích được thuyên chuyển làm biện lý ở một tỉnh khác. Họ phải thuyên chuyển, tiền thì ít, và bà vợ lại không thích nơi mới. Tiền lương tuy có hơn trước một chút, nhưng cuộc sống đắt đỏ hơn; thêm vào đó là có chuyện hai đứa con bị chết. Vì thế cuộc sống gia đình càng trở nên khó chịu hơn đối với Ivan Ilích.

Đến nơi ở mới, cứ mỗi khi gặp khó khăn Praxkôvia Phêđôrốpna lại trách móc chồng. Phần nhiều những cuộc trò chuyện của hai vợ chồng, đặc biệt là về việc giáo dục con cái, thường dẫn tới những vấn đề khiến họ nhớ lại những cuộc cãi cọ, và những cuộc cãi cọ sẵn sàng bung ra bất cứ lúc nào. Những thời kỳ vợ chồng âu yếm nhau trở nên hiếm hoi va ngắn ngủi. Đó là những hòn

đảo nhỏ mà họ tạm thời cập bến, nhưng sau đó họ lại buông mình vào biển hận thù ngấm ngầm thể hiện trong việc họ xa lánh nhau. Lẽ ra sự xa lánh đó đã có thể khiến Ivan Ilích phiền lòng nếu như ông coi đó là điều không nên, nhưng giờ đây chẳng những ông xem tình trạng này là bình thường, mà còn coi đó là mục đích hoạt động của mình trong gia đình. Mục đích của ông là cốt sao ngày càng được giải thoát nhiều hơn khỏi những sự khó chịu đó, làm cho chúng trở nên vô hại và giữ được vẻ lịch sự. Ông đã đạt được mục đích đó bằng cách ngày càng ít ở nhà với gia đình và khi bắt buộc ở nhà, ông cố gắng giữ vững tư thế của ông bằng cách mời bạn bè đến chơi. Cái chính là Ivan Ilích có công vụ của mình. Tất cả hứng thú của đời ông đều tập trung vào thế giới công vụ. Hứng thú đó đã choán hết tâm trí ông. Ông sung sướng khi nghĩ tới quyền hành của mình, tới khả năng muốn hãm lại bất kỳ người nào ông muốn hãm lại, tới vẻ đường bệ của mình, dù là vẻ đường bệ bề ngoài đi chăng nữa, khi ông bước vào toà án và gặp gỡ các thuộc hạ, tới sự thành đạt của mình trước quan trên và các thuộc hạ và cái chính là khi ông nghĩ tới nghệ thuật tiến hành công việc của mình. Cùng với những niềm vui đó, những cuộc trò chuyện với bè bạn, những bữa ăn và những bài uyxtơ

đã choán hết cả đời ông. Thành thử nói chung cuộc sống của Ivan Ilích tiếp tục trôi đi theo đúng như ý ông muốn: dễ chịu và lịch thiệp.

Ông sống như thế thêm bảy năm nữa. Con gái đầu lòng của ông đã mười sáu tuổi, thêm một đứa con nhỏ nữa chết, còn lại chú bé học sinh trung học, đầu mối của sự bất hoà. Ivan Ilích muốn đưa nó vào Trường tư pháp, còn Prakôvia Phêđôrốpna để trêu tức ông, đã đưa nó vào trường trung học. Cô con gái học ở nhà và tấn tới. Cậu con trai học cũng không xoàng.

III

Cuộc đời của Ivan Ilích đã trôi đi như thế suốt mười bảy năm kể từ khi lấy vợ. Ông đã là một biện lý già, từng từ chối một vài lần thuyên chuyển để chờ đợi một chỗ đáng mong ước hơn, thì bất ngờ xảy ra một tình huống khó chịu suýt nữa phá tan cuộc sống yên tĩnh của ông. Ivan Ilích chờ được bổ nhiệm chức chánh án trong một thành phố có trường đại học tổng hợp, nhưng bằng cách nào đó Gôpe đã chạy trước ông và nhận được chức đó. Ivan Ilích bực tức, trách móc, cãi nhau với Gôpe và với cấp trên trực thuộc. Người ta bắt đầu

lạnh nhạt với ông trong lần bổ nhiệm sau, người ta lại bỏ qua không để ý đến ông.

Đó là năm 1880, năm nặng nề nhất trong cuộc đời Ivan Ilích. Trong năm đó, một mặt tiền lương không đủ sống, mặt khác mọi người đã quên ông và cái mà ông tưởng như là điều bất công lớn nhất, tàn nhẫn nhất đối với ông, thì những người khác lại coi là việc hoàn toàn bình thường. Thậm chí cụ thân sinh ra ông cũng không thấy mình có trách nhiệm phải giúp đỡ con. Ông cảm thấy mọi người bỏ rơi ông, coi việc ông sống với tiền lương đồng niên ba nghìn năm trăm rúp là tình trạng bình thường nhất, thậm chí sung sướng nữa. Chỉ có một mình ông biết rằng tình trạng của ông đâu có phải bình thường: ông nhận rõ những bất công phải chịu đựng, sự đay nghiến dai dẳng của bà vợ, những khoản nợ nần do sống quá khả năng cho phép.

Mùa hè năm đó, để giảm nhẹ chi tiêu, ông xin nghỉ phép và cùng với vợ về sống ở làng quê của ông anh vợ.

Sống ở làng quê không làm việc, lần đầu tiên Ivan Ilích không những chán ngán, mà còn buồn không sao chịu nổi và ông quyết định không thể sống như thế, nhất thiết phải có những biện pháp kiên quyết nào đó.

Sau một đêm thức trắng đi đi lại lại ngoài hiên,

Ivan Ilích quyết định đi Pêterburg để chạy vạy làm sao tìm được cách trừng phạt *chúng*, những kẻ đã không biết đánh giá ông và xin chuyển sang làm ở một bộ khác.

Hôm sau, mặc mọi lời can ngăn của vợ và anh vợ, ông đi Pêterburg.

Ông ra đi với một mục đích: xin một chỗ làm với số tiền lương là năm nghìn rúp. Ông cũng chẳng quan tâm đó là bộ nào hoạt động loại gì và thuộc khuynh hướng nào. Ông chỉ cần có một chỗ làm việc với tiền lương năm nghìn, làm trong ngạch hành chính, ở nhà băng, trong ngành đường sắt, trong các công sở của nữ hoàng Maria(10), thậm chí trong ngành thuế quan cũng được, nhưng nhất thiết phải được năm nghìn và nhất thiết phải ra khỏi cái bộ mà người ta đã không biết đánh giá ông cho đúng.

Chuyến đi đó của Ivan Ilích đã thành công một cách bất ngờ lạ lùng. Một người quen của ông, Ph.X.Ilin, trên toa xe lửa hạng nhất tại Kurxkơ đã thông báo cho ông biết bức điện sốt dẻo tổng trấn tỉnh này mới nhận được nói về sự đảo lộn xảy ra mới đây ở trong bộ: người ta đã bổ nhiệm Ivan Xêmiônôvích thay thế Piốt Ivanôvích.

Ngoài ý nghĩa của nó đối với nước Nga, sự biến đổi mà người ta đã dự đoán đó có một ý nghĩa

đặc biệt đối với Ivan Ilích ở chỗ nó đề bạt một nhân vật mới là Piốt Pêtơrôvich và hiển nhiên là cả bạn ông là Dakhar Ivanôvích nữa. Ivan Ilich hết sức vui mừng vì Dakhar Ivanôvích là bạn đồng nghiệp của ông.

Tin đó đã được khẳng định là đúng ở Mátxcơva. Tới Pêterburg, Ivan Ilích tìm gặp Dakhar Ivanôvích và được bạn hứa hẹn là sẽ để ông giữ một chức vụ chắc chắn trong bộ Tư pháp trước đây của ông.

Một tuần sau ông đánh điện cho vợ:

Dakhar thay chân Miler, anh sẽ được bổ nhiệm trong bản tường trình đầu tiên (11).

Nhờ có sự thay đổi nhân sự này, Ivan Ilích bất ngờ đã được bổ nhiệm vào một chức vụ khiến ông đứng cao hơn các bạn đồng sự hai bậc: năm nghìn tiền lương và ba nghìn rưỡi tiền phụ cấp di chuyển. Ivan Ilích rất sung sướng, quên hết mọi bực tức đối với tất cả bộ và những kẻ thù trước đây của mình.

Ivan Ilích trở về làng quê vui vẻ, hài lòng, điều lâu nay ít thấy. Praxkôvia Phêđôrốpna cũng tỏ ra vui vẻ và giữa họ đã có sự hoà hoãn. IvanIlích kể chuyện cho biết ở Peterburg tất cả mọi người đã ăn mừng ông như thế nào, tất cả những người trước đây là kẻ thù của ông đã xấu hổ và quỵ luỵ trước mặt ông ra làm sao, người ta thèm muốn

địa vị của ông như thế nào, đặc biệt là ở Pêterburg mọi người tha thiết yêu mến ông ra sao.

Praxkôvia Phêđôrốpna lắng nghe chồng nói tất cả những chuyện đó và làm ra vẻ tin là thực, không nói đâm ngang, mà chỉ vạch ra kế hoạch để sắp xếp cuộc sống mới tại thành phố mà họ sẽ chuyển tới. Ivan Ilích sung sướng thấy những kế hoạch này chính là kế hoạch của ông, tưởng vợ chồng đã nhất trí với nhau và cuộc sống bế tắc của ông lại có được niềm vui thú và vẻ lịch thiệp thật sự tiêu biểu cho nó.

Ivan Ilích về nhà được một thời gian ngắn. Ông phải nhậm chức vào ngày 10 tháng 9, ngoài ra cũng phải có thời giờ để thu xếp ở nơi làm việc mới, vận chuyển các thứ ở tỉnh lẻ về, mua sắm, đặt làm nhiều thứ khác nữa. Tóm lại ông còn phải thu xếp theo đúng như sự tính toán trong đầu óc ông và hầu như cũng đúng như sự tính toán trong lòng Praxkôvia Phêđôrốpna.

Giờ đây, khi mọi việc đã được thu xếp tốt đẹp, và khi hai vợ chồng nhất trí với nhau về mục đích, hơn nữa, khi họ ít sống cùng với nhau, họ lại đâm ra hoà thuận như họ chưa từng hoà thuận từ ngày mới cưới đến giờ. Ivan Ilích định chuyển gia đình đi ngay, nhưng bà chị vợ và ông anh rể - bỗng trở nên đặc biệt dễ mến và thân thiết đối với Ivan

Ilích và gia đình ông - cứ khẩn khoản giữ vợ ông lại, vì thế Ivan Ilích đã ra đi một mình.

Ivan Ilích ra đi, trong lòng luôn luôn cảm thấy phấn chấn vui vẻ vì sự thành đạt mới và vì sự giải hoà với vợ. Ông tìm được căn nhà ở tuyệt vời mà vợ chồng ông hằng ao ước. Những phòng tiếp khách cao ráo rộng rãi theo kiểu cổ, phòng làm việc bề thế tiện nghi, các phòng dành cho vợ và con gái, phòng học cho cậu con trai, cứ như thể người ta cố ý xây dựng nhà dành riêng cho họ. Ivan Ilích trực tiếp bắt tay vào việc bài trí ngôi nhà, ông lựa chọn giấy lót tường, vải bọc lót, mua sắm đồ gỗ, đặc biệt là đồ gỗ cổ, vì ông cho là nó mang phong cách tao nhã đặc biệt. Tất cả cứ phát triển dần lên và đạt tới mức lý tưởng mà ông dự định. Mới tiến hành được một nửa, việc bài trí đã vượt quá sự mong đợi của ông. Ông hiểu rằng khi mọi việc xong xuôi, và căn nhà sẽ không tầm thường mà nó mang vẻ tao nhã lịch sự. Ông nằm lơ mơ, hình dung căn phòng lớn sau này sẽ như thế nào. Nhìn phòng khách còn chưa bài trí xong, ông đã thấy nào lò sưởi, màn che, giá sách, những chiếc ghế tựa nhỏ để rải rác, những chiếc đĩa sứ treo trên tường và các đồ trang trí bằng đồng. Ông sung sướng nghĩ rằng mình sẽ làm cho vợ và con gái ngạc nhiên, vợ con ông cũng

vốn là người sành sỏi về thẩm mỹ. Họ cũng sẽ không ngờ được như thế. Đặc biệt là ông đã tìm mua rẻ được nhiều đồ cổ, những thứ này làm cho toàn bộ sự bài trí có tính chất cao quý. Để làm cho vợ con ngạc nhiên, trong thư ông cố miêu tả ngôi nhà xoàng xĩnh hơn thực tế mọi việc đã lôi cuốn ông đến nỗi một người say mê công việc như ông lại đâm ra ít quan tâm đến công vụ mới, đây là điều ông không ngờ tới. Lúc hội họp, ông có những giây phút đãng trí: ông mải suy nghĩ không biết mình sẽ làm thanh lao treo rèm cửa thẳng hay cong. Ông say sưa đến mức thường tự mình bắt tay vào việc thậm chí ông kê lại đồ gỗ và tự mình treo rèm cửa sổ. Một lần ông trèo lên chiếc thang nhỏ để chỉ dẫn cho người thợ bọc lót đồ gỗ hiểu ý ông muốn làm như thế nào, ông bị trượt chân và ngã, nhưng vì vốn là người khoẻ mạnh và nhanh nhẹn, ông đã đứng vững được, chỉ bị va cạnh sườn vào cạnh một chiếc khung gỗ. Chỗ chấn thương gây đau, nhưng mau khỏi. Trong thời gian đó, Ivan Ilích cảm thấy đặc biệt vui vẻ và khoẻ khoắn. Ông viết thư cho vợ: anh cảm thấy mình trẻ lại đến mười lăm tuổi. Ông tưởng tới tháng Chín sẽ xếp sắp xong nhà cửa, nhưng công việc kéo dài mãi đến giữa tháng Mười. Bù lại, căn nhà đã được bài trí một cách tuyệt vời, không

phải chỉ mình ông, mà tất cả những ai được thấy ngôi nhà cũng đều nói với ông như thế.

Những kẻ không giàu lắm cứ thích học đòi bắt chước những người giàu có và bởi thế những kẻ học đòi này lại đâm ra giống nhau: nào vải bọc lót đồ gỗ, đồ đạc bằng gỗ mun, hoa hoét, nào thảm, nào đồ trang trí bằng đồng, nào thứ màu thẫm, nào thứ màu rực rỡ - nghĩa là đủ mọi thứ mà tất cả những người thuộc một hạng nào đó cố bày biện cho giống với những người thuộc hạng mình. Ngôi nhà của Ivan Ilích cũng được bài trí giống như thế, khiến cho người ta thậm chí không hề chú ý tới, nhưng ông ta cứ tưởng ngôi nhà của mình đặc biệt lắm. Ông ra ga đón vợ con, đưa họ về ngôi nhà mình đã sửa soạn sẵn, đèn nến sáng choang, anh đầy tớ thắt chiếc cà-vạt mở rộng cửa mời họ vào phòng ngoài đầy hoa, tiếp đó họ bước vào phòng khách, phòng làm việc, và vợ con hết ồ lại à vẻ khoái trá, - Ivan Ilích rất sung sướng, dẫn vợ con đi khắp các phòng, uống từng lời khen của họ, và mặt mũi rạng rỡ lên vì thoả mãn. Ngay chiều tối hôm đó, sau khi uống trà, Praxkôvia Phêđôrốpna nhân tiện hỏi xem ông đã bị ngã như thế nào, ông cả cười và dùng nét mặt mô tả cho họ thấy ông đã bay vút xuống và làm cho anh thợ bọc lót hú vía ra sao.

- Anh đã không uổng công tập thể dục. Người khác thì cứ gọi là tan xác, còn anh chỉ bị đập nhẹ vào đây. Khi động vào thì thấy đau, nhưng đã khỏi rồi, còn tím ít chút thôi.

Và họ bắt đầu sống trong căn nhà mới, là nơi, theo thói thường, khi người ta đã thích nghi với cuộc sống đầy đủ, họ thấy thiếu mất một phòng, và với những bổng lộc mới, mà theo thói thường, họ thấy hơi thiếu một chút - khoảng độ năm trăm rúp - và họ tỏ ra rất sung sướng. Thời gian đầu, họ đặc biệt sung sướng, lúc mọi việc chưa sắp xếp xong và còn phải tiếp tục sắp xếp: nào đặt làm, nào mua sắm, lúc kê dọn lại chỗ này, khi sửa sang lại chỗ kia. Tuy giữa hai vợ chồng có đôi điều bất đồng, nhưng cả hai đều đắc ý, và vì còn nhiều việc phải làm nên rốt cuộc không có những cuộc cãi cọ lớn. Khi chả còn việc gì để sắp xếp nữa, họ bắt đầu thấy hơi chán và cảm thấy thiếu một cái gì đó; nhưng bây giờ họ đã có những mối giao du mới, những thói quen mới rồi, cho nên cuộc sống vẫn không hề trống trải.

Buổi sáng, Ivan Ilích làm việc ở toà án, ông trở về nhà ăn bữa trưa và thời gian đầu ông cảm thấy tinh thần phấn chấn, tuy đã hơi bực mình về chuyện nhà ở (bất cứ một vết bẩn nào trên khăn trải bàn, trên vải bọc đồ gỗ, bất cứ một dây

buộc rèm cửa nào bị tuột ra đều khiến ông nổi cáu ! Ông đã để biết bao công sức vào việc bài trí, cho nên bất kỳ sự xộc xệch nào đều khiến ông đau lòng. Nhưng nói chung, cuộc sống của Ivan Ilích đã diễn ra đúng như ông mong ước: thoải mái, dễ chịu và lịch sự. Ông dậy lúc chín giờ, uống cà-phê, đọc báo, sau đó ông mặc lễ phục vào, rồi đi đến toà án. Ở đó, ông rơi ngay vào ách nặng của công việc, những người đến kêu cầu, những bản điều tra công việc văn thư, các phiên toà xét xử công khai hoặc những cuộc hội họp mà ông phải chủ trì. Trong tất cả những công việc này, cần phải biết loại trừ những gì sống sượng, dính dáng đến cuộc sống, cứ luôn luôn làm đảo lộn công việc xuôi chiều đúng đắn của công vụ: Không được chấp nhận một quan hệ với con người, ngoài quan hệ trong công vụ, và mọi lý do quan hệ, phải là lý do có tính chất công vụ, và bản thân các quan hệ cũng chỉ được mang tính chất công vụ mà thôi. Chẳng hạn, có một người đến và mong muốn tìm hiểu một điều gì đó, Ivan Ilích làm như một người không có chức vụ và không thể có quan hệ với người đó, nhưng nếu như con con người đó có quan hệ chẳng hạn như với một uỷ viên, tức là cái quan hệ đó có thể được diễn đạt trên giấy tờ với những tiêu nhữ in sẵn, thì Ivan Ilích dứt khoát sẽ làm mọi việc có thể làm

được trong khuôn khổ của những quan hệ đó, đồng thời vẫn giữ được một cái gì giống như quan hệ bạn bè giữa con người với nhau, nghĩa là vẫn giữ được sự lễ độ. Một khi quan hệ sự vụ chấm dứt, Ivan Ilích đã biết cách phân biệt rành rọt phương diện công vụ, không xáo trộn nó với cuộc sống thật sự của mình. Do thực tiễn làm việc lâu năm và do tài năng, ông đã đưa cách thức đó của mình đạt tới mức độ cao, thậm chí với tư cách là một người lão luyện trong nghề, đôi khi ông đã cho phép mình, tựa hồ để đùa chơi, xáo trộn quan hệ công vụ và quan hệ tình người. Ông cho phép mình làm như vậy vì ông cảm thấy bao giờ mình cũng có đủ sức mạnh để khi cần thiết lại tách riêng quan hệ công vụ ra và vứt bỏ quan hệ tình người đi. Ivan Ilích tiến hành công việc một cách không những nhẹ nhõm dễ chịu và lịch thiệp mà thậm chí còn điêu luyện nữa. Vào giờ nghỉ giữa chừng, - ông hút thuốc lá, uống nước trà, trò chuyện chút ít về chính trị, về những việc chung, chút ít về các ván bài và nói nhiều hơn tới các việc bổ nhiệm. Ông trở về nhà, mệt mỏi, nhưng với cảm giác của một tay đàn điêu luyện đã làm nổi bật cây vĩ cầm hạng nhất của mình giữa cả dàn nhạc. Về nhà ông thấy vợ và con gái đi chơi đâu đó hoặc đang tiếp khách, còn cậu con trai học trung học đang chuẩn bị bài cùng với các thầy dạy kèm và chăm

chỉ học những điều người ta dạy nó ở trường trung học. Mọi việc đều tốt đẹp. Sau bữa ăn trưa, nếu như không có khách, đôi khi Ivan Ilích đọc cuốn sách mà nhiều người nói tới và buổi chiều ông ngồi làm việc, nghĩa là đọc giấy tờ, tra cứu luật pháp, đối chiếu những lời khai và dùng luật xem xét chúng. Ông làm việc đó chẳng buồn chán, cũng chẳng vui thích. Nếu buồn chán, thì có thể bỏ đi chơi bài uyxtơ, nhưng nếu như không chơi bài được, thì dù sao làm việc thế vẫn cứ tốt hơn là ngồi một mình hoặc ngồi với vợ. Ivan Ilích thoả mãn vì những bữa ăn nho nhỏ trong đó ông mời các bậc nam nữ tai mắt trong giới thượng lưu. Cách tiêu phí thời giờ của ông cũng giống như cách giết thời giờ của những người này và phòng khách của ông cũng giống hệt như phòng khách của họ vậy.

Thậm chí có buổi tối họ tổ chức khiêu vũ tại nhà ông. Ivan Ilích vui vẻ, mọi việc đều tốt đẹp, trừ cuộc cãi cọ lớn giữa ông với vợ về chuyện bánh ga-tô và kẹo: Praxkôvia Phêđôrốpna đã có kế hoạch riêng của mình, nhưng Ivan Ilích cứ khẩn khoản đòi mua tất cả ở một cửa hàng bánh kẹo đắt tiền và đã đặt nhiều bánh ga-tô. Họ cãi nhau vì bánh ga-tô còn thừa và tiền trả cho cửa hàng bánh kẹo lên tới bốn mươi lăm rúp. Cuộc cãi cọ lớn và khó chịu đến nỗi Praxkôvia Phêđôrốpna bảo ông: "Đồ ngu, cái gì cũng kêu ca". Còn ông đưa tay lên đầu

và hằm hằm nói đến chuyện ly dị. Nhưng tối khiêu vũ đó vui vẻ. Giới thượng lưu tới dự và Ivan Ilích nhảy với nữ công tước Tơruphônôva, chị em với người đàn bà nổi tiếng vì đã lập ra hội "Hãy giải phiền cho tôi" [12]; niềm vui trong công vụ là niềm vui của lòng tự ái, niềm vui trong giới xã giao là niềm vui của niềm hư danh, niềm vui thật sự của Ivan Ilích là được chơi bài uyxtơ. Ông thú nhận rằng sau tất cả mọi chuyện, sau những biến cố dù chẳng vui vẻ gì trong đời ông, niềm vui lóe sáng như ngọn nến đối với ông là là được chơi bài uyxtơ với những tay chơi biết điều, ít lời và nhất định là phải chơi tay tư (chơi tay năm thế nào ấy, rất khó chịu khi ông làm ra vẻ cũng thích chơi), chơi ván bài thông minh, nghiêm túc, sau đó ăn bữa tối và uống một cốc rượu vang. Sau khi chơi bài, đặc biệt là khi ông được một chút (được nhiều ông lại khó chịu) Ivan Ilích đã đi nằm, lòng khoan khoái đặc biệt.

Họ sống như thế. Giới xã giao gồm các loại tinh hoa, cả những vị tai mắt lẫn đám trẻ, lui tới nhà ông.

Về phương diện chọn người để giao du, cả hai vợ chồng và cô con gái đều hoàn toàn nhất trí, và tuy không bảo nhau, họ đều gạt bỏ tất cả loại bạn bè họ hàng và những người lem luốc nào dám trìu mến lao tới phòng khách tường treo đầy những

đìa sứ Nhật Bản của họ. Chẳng bao lâu, những bạn bè giới thượng lưu lui tới gia đình Gôlôvin. Đám thanh niên ve vãn Êlidavêta, và Pêtơrisép con trai của Đômitơri Ivanôvích Pêtơrisép, người thừa kế duy nhất gia sản của ông bố, làm dự thẩm bắt đầu theo đuổi Êlidavêta tới mức Ivan Ilích đã nói về chuyện đó với Praxkôvia Phêđôrôpna: có nên đưa chúng nó đi dạo chơi bằng xe tam mã hay là thu xếp cho chúng nó đi xem kịch không. Họ đã sống như thế. Và mọi việc đã trôi qua như thế, không thay đổi, tất cả đều rất tốt đẹp.

IV

Mọi người đều khoẻ mạnh. Đôi khi Ivan Ilích nói rằng ông thấy trong miệng có một vị gì lạ và ở mé bụng bên trái của ông có cái gì không ổn, nhưng không thể gọi đó là đau yếu được.

Nhưng rồi sự bất ổn đó lại ngày càng tăng thêm và tuy chưa chuyển thành đau, nhưng Ivan Ilích cứ cảm thấy mạng sườn của mình luôn nằng nặng và tâm thần ông kém phấn chấn. Tâm thần ông cứ ngày càng kém phấn chấn, do đó ảnh hưởng đến cuộc sống dễ chịu, thoải mái và lịch thiệp đã hình thành trong gia đình Gôlôvin. Vợ chồng cãi

nhau luôn, cuộc sống của họ mất ngay sự thoải mái dễ chịu, và khó khăn lắm mới còn giữ được vẻ thoải mái lịch thiệp. Cảnh xô xát lại diễn ra dồn dập. Chỉ còn lại ít những hòn đảo nhỏ, trên đó hai vợ chồng có thể hoà hợp không bùng nổ.

Và bây giờ Praxkôvia Phêđôrốpna nói không phải không có cơ sở rằng tính nết của chồng bà rất khó chịu. Vốn quen nói ngoa, bà nói rằng tính nết ông lúc nào cũng kinh khủng như vậy, rằng bà phải tốt bụng lắm mới chịu đựng nổi tính nết đó suốt hai mươi năm nay. Bây giờ quả thật những cuộc cãi cọ bắt đầu từ ông. Bao giờ ông cũng bắt đầu bới móc trước bữa ăn trưa và thường thường ông làm việc đó vào lúc bắt đầu ăn xúp. Khi ông nhận xét rằng bát đĩa rửa chưa sạch, khi thì món ăn không ra gì, khi thì ông trách móc cậu con trai chống cùi tay lên bàn (13), khi thì ông chê kiểu chải đầu của cô con gái. Và ông quy tội cho Praxkôvia Phêđôrốpna về tất cả những chuyện đó. Thoạt đầu bà phản đối và nặng lời với ông, nhưng đã hai lần trước khi ăn trưa, ông nổi khùng lên, đến nỗi bà hiểu rằng đây là bệnh trạng do việc tiêu hoá của ông gây ra, cho nên bà dấu dịu. Cho rằng chồng mình tính tình khủng khiếp và làm cho đời mình bất hạnh, bà đâm ra thương thân. Và càng thương hại bản thân mình bao nhiêu, bà

càng căm ghét chồng mình bấy nhiêu. Bà bắt đầu mong cho ông chết, nhưng bà không dám cầu mong như thế, bởi vì lúc ấy sẽ không có tiền lương. Điều đó càng làm cho bà chống lại một cách bực tức hơn. Bà coi mình là một kẻ cực kỳ bất hạnh, chính ở chỗ ngay đến cái chết của ông cũng không thể cứu được bà, bà bực tức, giấu giếm sự bực tức đó, và sự bực tức ngấm ngầm này của bà càng làm tăng thêm sự bực tức của ông.

Sau một trận cãi nhau trong đó Ivan Ilích tỏ ra đặc biệt bất công, và khi hai người phân bua với nhau, ông nói rằng đúng là ông có tức bực, nhưng đó là bệnh hoạn, bà bèn bảo ông nếu như ông ốm thì phải điều trị và yêu cầu ông đến nhà một bác sĩ nổi tiếng để khám.

Ông đi khám bệnh. Mọi việc diễn ra đúng như ông chờ đợi, tất cả diễn ra đúng như thường lệ. Nào cảnh đợi chờ, nào vẻ bệ vệ giả tạo của bác sĩ, vẻ bệ vệ quen thuộc mà ông thường thấy ở mình tại toà án, nào gõ gõ, nghe nghe, nào những câu hỏi yêu cầu những câu trả lời đã định sẵn và hiển nhiên là không cần thiết, nào là vẻ trang trọng như có ý bảo cho anh biết rằng anh cứ việc phó thác mình cho chúng tôi, rồi chúng tôi sẽ thu xếp mọi việc đâu vào đấy, bất kỳ đối với người nào chúng tôi đều chỉ có một cách thức duy nhất

thôi. Mọi việc đã diễn ra đúng y như ở tòa án. Ở tòa án ông giữ bộ mặt như thế đối với các bị cáo, thì ở đây, các bác sĩ nổi tiếng cũng giữ vẻ mặt như vậy đối với ông.

Vị bác sĩ nói rằng, cái này và cái nọ chứng tỏ rằng trong người ông có chuyện này chuyện nọ, nhưng nếu như việc nghiên cứu không khẳng định cái này và cái nọ ấy, thì phải giả định rằng ông bị bệnh nọ bệnh kia. Nếu như cho rằng ông bị thế này thì lúc đó v.v.. Đối với Ivan Ilích, chỉ có mỗi một câu hỏi là quan trọng: tình trạng của ông có nguy hiểm hay không ? Nhưng vị bác sĩ không đếm xỉa gì đến câu hỏi không đúng chỗ đó. Theo quan điểm của bác sĩ đó là một câu hỏi phù phiếm và không đáng bàn cãi. Chỉ còn có việc cân nhắc các khả năng: thận di động, viêm chảy mãn tính, và bệnh manh tràng. Không có vấn đề về sự sống chết của Ivan Ilích chỉ có sự tranh cãi giữa thận di động và manh tràng. Và vị bác sĩ giải quyết một cách suất sắc cuộc tranh cãi đó ngay trước mặt Ivan Ilích; ông thiên về bệnh manh tràng. Và rào đón thêm rằng nếu như việc thử nước tiểu đưa ra những chứng cứ mới, thì lúc ấy vấn đề sẽ được xem xét lại. Chính bản thân Ivan Ilích cũng đã giải quyết một cách xuất sắc đúng như vậy hàng nghìn lần đối với các bị cáo. Vị bác

sĩ cũng đắc ý, vui vẻ đưa ra lời nhận xét tóm tắt xuất sắc của mình. Từ nhận xét tóm tắt của bác sĩ, Ivan Ilích rút ra kết luận rằng bệnh tình của mình trầm trọng, đối với bác sĩ và có lẽ đối với mọi người thì đằng nào cũng thế thôi, còn đối với ông thì gay go. Kết luận đó làm cho Ivan Ilích bực bội một cách bệnh hoạn, khiến cho ông vô cùng thương hại mình và hết sức bực bội đối với vị bác sĩ dửng dưng trước vấn đề quan trọng nhường ấy.

Nhưng ông không nói gì cả, đứng dậy, đặt tiền lên bàn và thở dài, thốt ra:

- Bệnh nhân chúng tôi có lẽ thường hỏi ông những câu hỏi không đúng chỗ. Nói chung đây có phải là bệnh nguy hiểm hay không?..

Vị bác sĩ nghiêm khắc nheo một mắt nhìn ông qua cặp kính như có ý nói: bị cáo, nếu như anh không dừng lại trong khuôn khổ những câu hỏi được nêu lên đối với anh, tôi sẽ phải bắt buộc ra lệnh đuổi anh ra khỏi phòng xử án.

- Tôi đã nói với anh tất cả những gì coi như cần thiết và thích hợp,- bác sĩ nói, - và nghiêng mình chào.

Ivan Ilích thong thả bước ra, rầu rĩ ngồi lên xe trượt tuyết và đi về nhà. Suốt dọc đường ông không ngừng phân tích tất cả những điều bác sĩ nói, cố gắng chuyển những từ ngữ khoa học

mù mờ rối rắm đó sang ngôn ngữ thông thường, và tìm ở đó lời giải đáp cho câu hỏi : bệnh mình nặng, rất nặng hay còn chưa việc gì ? Và ông tưởng như tất cả những điều bác sĩ nói với ông là bệnh ông rất trầm trọng. Ivan Ilích tưởng như mọi vật trên phố đều buồn. Những người đánh xe ngựa buồn bã. Cơn đau âm ỉ ấy, cơn đau nhức nhối không ngừng một giây phút nào, gắn với những lời lẽ mù mờ của người bác sĩ tưởng chừng như có một ý nghĩa khác, nghiêm khắc hơn. Giờ đây, với một cảm giác nặng nề mới, Ivan Ilích lắng nghe cơn đau.

Về đến nhà, ông bắt đầu kể cho vợ nghe. Bà vợ lắng nghe, nhưng giữa chừng câu chuyện của ông, cô con gái đội chiếc mũ nhỏ đi vào: cô sửa soạn để đi cùng với mẹ. Cô cố gắng ghé xuống để nghe câu chuyện buồn chán này, nhưng không chịu được lâu và bà mẹ cũng chẳng nghe được hết câu chuyện.

- Thôi được, tôi rất mừng, - bà vợ nói, - bây giờ mình phải chú ý uống thuốc cẩn thận đấy nhé. Mình đưa đơn thuốc tôi sẽ sai thằng Ghêraxim ra hiệu thuốc mua, - và bà đi thay quần áo.

Khi bà còn ở trong phòng, ông không kịp thở lấy lại hơi, khi bà bước ra ngoài, ông thở dài nặng trĩu.

- Thôi được, - ông tự nhủ. - Có lẽ đúng là chưa việc gì...

Ông bắt đầu uống thuốc, thực hiện đúng chỉ dẫn của bác sĩ, nhưng chỉ dẫn này sẽ thay đổi sau khi xét nghiệm nước tiểu. Nhưng chính ở đây đã xảy ra một sự nhầm lẫn nào đó trong việc xét nghiệm nước tiểu và cả trong những việc làm tiếp sau cuộc xét nghiệm đó. Không thể đến vị bác sĩ được và hoá ra mọi việc diễn ra không phải như điều bác sĩ nói với ông. Hoặc là bác sĩ quên, hoặc là ông ta nói dối hay giấu giếm Ivan Ilích điều gì đó.

Nhưng Ivan Ilích vẫn cứ thực hiện đúng những chỉ dẫn của bác sĩ và thời gian đầu việc thực hiện những chỉ dẫn đó làm ông yên lòng.

Từ khi đi khám về, công việc chủ yếu của Ivan Ilích là làm đúng theo lời chỉ dẫn của bác sĩ về vệ sinh, uống thuốc và theo dõi cơn đau của mình, cũng như toàn bộ các chức năng của cơ thể. Bệnh tật và sức khoẻ của con người trở thành mối quan tâm chủ yếu của Ivan Ilích. Khi người ta nói chuyện với ông về những người có bệnh, về những người chết và những người đã khỏi bệnh, đặc biệt là khi người ta nói tới bệnh giống bệnh của ông, ông cố giấu xúc động, chăm chú lắng nghe, hỏi han và vận dụng vào bệnh của mình.

Cơn đau không giảm, nhưng Ivan Ilích đã cố

gắng bắt buộc mình nghĩ rằng bệnh tình của ông khá hơn. Và ông đã lừa dối được mình khi không có gì làm cho ông xúc động. Nhưng hễ xảy ra chuyện gì khó chịu với vợ, thất bại trong công vụ, những ván bài tồi tệ, là ông cảm thấy ngay toàn bộ bệnh tình trầm trọng của mình. Thường thường ông vẫn gặp những bất hạnh này, nhưng ông hy vọng là mình sẽ chỉnh đốn được ngay tình hình tồi tệ, sẽ đấu tranh cho kỳ đến thắng lợi, ăn to (*). Bây giờ bất kỳ sự thất bại nào cũng làm cho ông kiệt sức và đẩy ông tới tuyệt vọng. Ông tự nhủ: chỉ mình bắt đầu khấm khá lên và thuốc bắt đầu có hiệu lực, thế là cái trò bất hạnh đáng nguyền rủa hoặc sự khó chịu này... Và ông bực tức đối với nỗi bất hạnh hoặc đối với những người làm ông khó chịu và phiền lòng, ông cảm thấy sự bực tức đó sẽ giết hại ông, nhưng ông không thể nào kìm mình được. Tưởng như ông phải hiểu rõ rằng sự bực tức của ông đối với cảnh ngộ và mọi người sẽ làm cho bệnh ông nặng thêm, và vì vậy ông không nên để tâm tới những chuyện tình cờ khó chịu; nhưng ông đã suy luận hoàn toàn ngược lại: ông nói rằng ông cần yên tĩnh, ông theo dõi tất cả những gì phá vỡ sự yên tĩnh đó và bất kỳ sự vi phạm nào nhỏ nhặt nhất đều

(*) Tiếng lóng trong bài lá.

làm cho ông tức giận. Ông đọc các sách về y tế và đến hỏi ý kiến nhiều bác sĩ, những việc đó càng làm cho bệnh tình của ông tồi tệ hơn. Sự tồi tệ đó diễn ra đều đều khiến cho ông có thể lừa dối mình, khi so sánh ngày này với ngay khác, ông thấy sự khác nhau ít lắm. Nhưng khi ông hỏi ý kiến các bác sĩ, lúc ấy ông tưởng như bệnh tình của mình ngày càng xấu đi và thậm chí xấu đi rất nhanh. Và mặc dầu vậy, ông vẫn thường xuyên đi hỏi ý kiến các bác sĩ.

Trong tháng đó, ông đến nhà một vị danh y khác. Vị danh y khác này cũng nói với ông những điều gần giống như vị đầu tiên, nhưng đặt ra những câu hỏi khác đi. Những lời khuyên của vị danh y này nhiều khi càng làm cho IvanIlích thêm hoài nghi và sợ hãi. Bạn của một người bạn Ivan Ilích là một bác sĩ rất giỏi, ông này xác định bệnh của Ivan Ilích hoàn toàn khác, và mặc dầu ông ta hứa hẹn sẽ chữa khỏi, nhưng những câu hỏi và những giả định của ông ta càng làm cho Ivan Ilích thêm nghi ngờ và bối rối. Một thầy thuốc dùng biện pháp vi lượng đồng căn lại chuẩn đoán bệnh hoàn toàn khác, và kê ra những vị thuốc mà Ivan Ilích giấu giếm mọi người, uống hàng tuần lễ. Sau tuần lễ đó, ông cảm thấy dễ chịu, mất lòng tin vào việc chạy chữa trước đây và cả với vị thầy thuốc này nữa, ông đâm ra sầu não thêm. Có lần, một vị

phu nhân quen biết đã kể cho ông nghe về việc chữa bệnh bằng ảnh thánh. Ivan Ilích chợt thấy mình chăm chú lắng nghe và tin rằng đó là việc có thật. Trường hợp đó khiến ông sợ hãi. Ông tự nhủ : "Chả lẽ đầu óc mình lại suy yếu đến thế? Chuyện vớ vẩn! Toàn là chuyện bậy bạ, không nên quá lo lắng mà phải chọn lấy một vị bác sĩ và điều trị nghiêm ngặt theo chỉ dẫn của bác sĩ đó. Mình sẽ làm như vậy. Bây giờ phải chấm dứt hết. Mình sẽ không nghĩ ngợi nữa và đến hè mình sẽ diều trị nghiêm chỉnh. Sau đó sẽ rõ. Bây giờ hãy chấm dứt những dao động này!..." Nói những điều đó thì dễ, nhưng không thể thực hiện được. Cơn đau ở cạnh sườn vẫn giày vò ông tựa hồ như nó ngày càng tăng thêm, trở nên thường xuyên, mùi vị trong miệng ông trở nên ngày càng kỳ quặc, ông tưởng từ miệng ông bốc ra một mùi gì đó kinh tởm, ông ăn mất ngon, và sức lực ngày càng giảm sút. Không thể lừa dối mình được: một điều gì đó mới mẻ, nghiêm trọng, khủng khiếp chưa từng có trong cuộc đời Ivan Ilích đã xảy tới với ông. Và chỉ có một mình ông biết rõ điều đó, mọi người xung quanh không hiểu hoặc không muốn hiểu và họ nghĩ rằng mọi sự trên đời vẫn diễn ra như trước đây. Chính điều đó khiến cho Ivan Ilích đau đớn hơn cả. Ông thấy người nhà ông - chủ yếu là vợ và con gái, dạo này đi chơi nhiều nhất -

không hiểu gì cả, họ bực tức khi thấy ông không vui vẻ và khó tính, tựa hồ như ông có lỗi trong việc đó. Tuy họ cố gắng giấu điều đó, ông vẫn thấy rằng ông là kẻ gây trở ngại cho họ. Bà vợ đã tạo ra cho mình một cách xử sự nào đó đối với bệnh tình của ông và bà vẫn cứ duy trì lối xử sự đó, mặc cho ông muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Cách xử sự đó như sau:

- Các vị biết không, - bà nói với những người quen, - Ivan Ilích không thể thực hiện nghiêm ngặt mọi chỉ dẫn trong điều trị như tất cả những người tử tế khác. Hôm nay ông ấy uống ít giọt thuốc và ăn ngủ đúng lúc, theo như chỉ dẫn. Ngày mai bỗng nhiên, nếu tôi không để mắt tới, ông ấy sẽ quên không uống thuốc, lại đi ăn cá chiên (là món người ta cấm ông ấy ăn) và ngồi lì chơi bài uyxtơ tới tận một giờ đêm.

- Bao giờ thế nhỉ? - Ivan Ilích bực tức nói. - Có mỗi một lần ở nhà Piốt Ivanôvich.

- Thế hôm qua với Sêbếch.

- Đằng nào tôi cũng không ngủ được vì cơn đau mà...

- Vì cái gì đi nữa thì cứ cái điệu này mình cũng chẳng bao giờ khỏi được đâu, mà chỉ làm khổ chúng tôi thôi.

Thái độ bề ngoài đối với bệnh tật của chồng

mà Praxkôvia Phêđôrôpna thường bày tỏ với những người khác và với chính ông là như thế này: Ivan Ilích có lỗi trong việc mắc bệnh này và tất cả bệnh của ông là một trò khó chịu mới mà ông gây ra cho vợ. Ivan Ilích cảm thấy rằng thái độ này nảy sinh ở bà một cách không chủ tâm, nhưng không vì thế mà ông thấy dễ chịu hơn.

Ivan Ilích đã nhận thấy hoặc đã nghĩ là mình nhận thấy rằng ở toà án người ta cũng có một thái độ lạnh lùng như vật đối với ông: Khi thì ông tưởng như người ta nhìn ông như nhìn một con người chả bao lâu nữa sẽ bỏ trống chỗ làm, khi thì bỗng nhiên bạn bè ông xoay ra trêu trọc một cách thân ái tính cả lo của ông, tựa hồ như cái điều đáng sợ và khủng khiếp đã xảy ra với ông, không ngừng ngấm vào cơ thể ông và lôi cuốn ông đến nơi nào đó một cách không cưỡng được và là đối tượng để vui đùa. Đặc biệt Svátxơ vốn tính vui nhộn, linh lợi và lịch thiệp đã gợi cho Ivan Ilích nhớ lại chính ông một chục năm về trước đó, chính là điều trêu gan trọc tức nhất đối với ông.

Bạn bè tới ngồi chơi bài với ông. Họ đưa cỗ bài mới ra, tráo bài, đặt bảy quân rô liền nhau. Một người chơi bài nói: không có chủ bài thì đỡ bằng hai con rô. Còn gì nữa? Vui vẻ, phấn khởi

thế chắc là ăn đây. Và bỗng nhiên Ivan Ilích cảm thấy cơn đau nhoi nhói trong mình đó, cái vị lạ ở trong miệng đó, và ông thấy trong tình hình đó mà còn có thể vui sướng vì nước bài được ăn thì thật là man rợ thế nào ấy.

Ông nhìn Mikhain Mikhailôvich, một người chơi bái đập bàn tay lanh lẹ lên mặt bàn và tỏ vẻ lễ độ, cả nể, kìm mình không vơ lấy những quân bài được ăn, mà đẩy chúng về phía Ivan Ilích để cho ông được hưởng cái thú không phải khó nhọc với tay ra xa vẫn lấy được bài. "Thế ra anh ta nghĩ rằng mình yếu đến nỗi không thể với tay ra xa được", - Ivan Ilích nghĩ, ông quên cả những con chủ bài và tung chủ bài ra một cách vô ích, nên ván đó ông bị thua. Và điều khủng khiếp hơn cả là ông thấy Mikhain Mikhailôvich đau khổ, Còn ông vẫn cứ dửng dưng. Và thật đáng sợ khi nghĩ xem vì sao ông vẫn dửng dưng.

Mọi người đều thấy ông rất phiền muộn và họ nói với ông : "Nếu bác mệt, chúng ta ngừng chơi cũng được, bác đi nghỉ đi". Đi nghỉ ư ? Không, ông chẳng mệt tí nào, cứ chơi đến hết hội thì thôi. Mọi người đều rầu rĩ và lầm lì. Ivan Ilích cảm thấy rằng ông đã gieo rắc vẻ rầu rĩ đó lên họ và không thể xua tan được vẻ rầu rĩ đó. Họ ăn bữa tối, rồi ra về. Ivan Ilích ở lại một mình với ý nghĩ

rằng cuộc đời ông đã bị đầu độc đối với chính ông, và nó đang đầu độc cuộc đời của những người khác, và chất độc đó không suy giảm, mà cứ ngày càng ngấm nhiều hơn vào toàn bộ con người ông.

Cùng với ý nghĩ đó còn có cơn đau thể xác và thêm vào đó là nỗi khiếp sợ, vậy mà vẫn phải vào giường nằm và không ngủ được vì đau gần suốt đêm. Thế mà sáng hôm sau lại phải trỗi dậy, mặc quần áo đi đến toà án, nói năng, viết lách, còn nếu không đi đâu thì ngồi ở nhà với đủ hai mươi bốn giờ trong một ngày đêm, mỗi giờ là một cực hình. Ông phải sống một mình, mấp mé cái chết, không có một người nào thương ông cả.

V

Chừng hai tháng đã trôi qua như vậy. Trước dịp tết người anh vợ đến thành phố của họ và nghỉ lại ở nhà họ. Ivan Ilích làm việc ở toà án. Praxkôvia Phêđôrốpna đi mua sắm. Trở về nhà, bước vào phòng làm việc của mình, ông bắt gặp người anh vợ, một tay hiếu động, khoẻ mạnh, đang tự mình tháo dỡ va-li. Nghe thấy tiếng bước chân của Ivan Ilích, ông ta ngẩng đầu lên và im lặng nhìn ông trong chốc lát. Cái nhìn đó làm cho Ivan Ilích hiểu rõ tất cả. Người anh vợ hé miệng định

"ồ" lên một tiếng, nhưng kìm lại được. Cử chỉ đó đã xác nhận tất cả.

- Thế nào, tôi thay đổi nhiều lắm à?

- Phải... Có thay đổi.

Và sau đó đã mấy lần Ivan Ilích lái ông anh vợ vào câu chuyện về diện mạo của mình, ông anh vợ vẫn tảng lờ. Khi Praxkôvia Phêđôrốpna về, ông anh vợ bèn đi sang phòng bà. Ivan Ilích khoá cửa lại và bắt đầu ngắm mình trong gương, soi thẳng, rồi soi nghiêng.

Ông lấy bức ảnh chụp cùng với vợ và đối chiếu chân dung mình với chân dung ông nhìn thấy trong gương. Thay đổi nhiều quá. Sau đó ông vén tay áo lên tận khuỷu, ngắm nghía, buông tay áo xuống, ngồi lên chiếc đi văng, nét mặt sa sầm.

"Không nên thế, không nên", - ông tự nhủ, bật người dậy, bước lại gần bàn, mở hồ sơ ra, bắt đầu đọc, nhưng đọc không nổi. Ông mở cửa, bước sang phòng lớn. Cửa vào phòng khách đóng kín. Ông nhón gót bước lại gần cửa và lắng nghe.

- Không, không, bác nói quá, - Praxkôvia Phêđôrốpna nói.

- Nói quá thế nào? Cô không thấy chú ấy như người chết rồi ư, cô nhìn mắt chú ấy mà xem. Chả còn sáng nữa. Thế chú ấy làm sao?

- Nào có ai biết. Nhikôlaiep (đó là một vị bác sĩ khác) có nói gì đó, nhưng tôi cũng không rõ. Lesetítxki (đó là vị bác sĩ nổi tiếng) thì nói ngược lại...

Ivan Ilích bỏ đi, bước về phòng mình nằm và nghĩ : "Thận, thận di động". Ông nhớ lại tất cả những điều các bác sĩ đã nói với ông về việc quả thận đã tách ra và đang di động như thế nào. Và bằng sự nỗ lực của trí tưởng tượng, ông cố gắng chộp lấy quả thận đó, chặn nó lại, giữ cho nó yên chỗ. Ông tưởng như muốn thế chẳng khó khăn gì lắm. "Không, không, mình sẽ còn đến nhờ Piốt Ivanôvích kia mà". (Đó là bạn của Ivan Ilích, ông ta có một người bạn là bác sĩ). Ông bấm chuông, ra lệnh thắng ngựa vào xe, rồi sửa soạn ra đi.

- Mình đi đâu thế, Jean? - bà vợ hỏi với vẻ buồn bã đặc biệt và tốt bụng ít thấy.

Vẻ tốt bụng ít thấy đó làm ông tức giận. Ông lầm lầm nhìn bà.

- Tôi phải đi đến nhà Piốt Ivanôvích.

Ông đi tới nhà người bạn có bạn là bác sĩ. Và cùng người bạn đi đến nhà bác sĩ. Ông đã gặp và nói chuyện lâu với bác sĩ.

Khám tỉ mỉ về mặt cơ thể, và về mặt sinh lý học để tìm căn nguyên theo ý bác sĩ, Ivan Ilích đã hiểu cả.

Có một vật, một vật nhỏ trong manh tràng. Có thể chữa khỏi được. Tăng cường năng lực của bộ phận này, giảm hoạt động của bộ phận khác, sẽ hấp thụ được và thế là sẽ khỏi bệnh thôi. Ông trở về nhà ăn cơm trưa hơi muộn. Vừa ăn ông vừa trò chuyện vui vẻ, nhưng mãi vẫn không thể quay về phòng mình được. Sau cùng ông bước sang phòng làm việc và ngồi xuống làm việc ngay. Ông đọc các hồ sơ, làm việc nhưng cứ bị một ý nghĩ ám ảnh : ông có một nỗi niềm tâm sự quan trọng đang để hoãn lại. Xong việc là phải nghĩ đến nó ngay. Khi đọc xong hồ sơ, ông sực nhớ ra niềm tâm sự đó chính là những ý nghĩ về manh tràng. Nhưng không chịu buông mình theo những ý nghĩ đó, ông bước vào phòng khách để dùng trà. Khách đang trò chuyện, chơi đàn pi-a-nô và hát. Trong đám khách khứa có viên dự thẩm, vị hôn phu đáng mong ước của con gái ông. Theo nhận xét của Praxkôvia Phêđôrốpna, buổi tối hôm đó Ivan Ilích tỏ ra vui vẻ hơn những người khác, nhưng không giây phút nào ông quên rằng ông có những ý nghĩ quan trọng đang phải hoãn lại về manh tràng. Đến mười một giờ, ông cáo lui về phòng mình. Từ ngày bị bệnh, ông ngủ một mình trong căn buồng nhỏ ở phòng làm việc của mình. Về đến phòng, ông cởi quần áo và lấy một cuốn tiểu thuyết của Dôla[14], nhưng không đọc mà suy nghĩ. Và

ông tưởng tượng ra cảnh manh tràng của mình đã được chữa khỏi đúng như mong ước. Ruột hấp thụ được, thải được và hoạt động bình thường của nó được khôi phục, ông tự nhủ : "Phải, tất cả là như thế đấy. Chỉ cần một điều là phải giúp đỡ sự hồi phục tự nhiên". Sực nhớ tới thuốc, ông nhổm dậy lấy thuốc uống, rồi nằm ngửa lắng nghe tác dụng tốt đẹp của thuốc, xem nó tiêu diệt cơn đau như thế nào. "Chỉ cần uống thuốc đều đặn và tránh những ảnh hưởng có hại. Bây giờ mình đã cảm thấy khá hơn chút ít, khá hơn nhiều". Ông tắt nến và xoay người nằm nghiêng... Manh tràng đã được chữa lành, đang thẩm thấu. Bất chợt ông cảm thấy cơn đau cũ quen thuộc, âm ỉ, nhức nhối, dai dẳng, lặng lẽ, trầm trọng. Miệng ông vẫn có cái vị quen thuộc quái ác đó. Tim ông thót lại, đầu óc rối bời. "Trời ơi, trời ơi, - ông thốt lên. - Lại đau, lại đau, chẳng bao giờ dứt được". Và bỗng nhiên ông hình dung bệnh tình từ một phía hoàn toàn khác. Ông tự nhủ: "Manh tràng! Thận. Vấn đề không phải ở manh tràng, không phải ở thận, mà là ở chuyện sống và... chết. Phải, ta đã sống và kìa, cuộc sống bỏ đi, nó bỏ đi và ta không thể nào giữ nó lại được. Phải rồi. Lừa dối mình để làm gì? Chả lẽ tất cả mọi người, trừ mình, lại không thấy rõ rằng mình đang hấp hối và chết chỉ còn tính bằng tuần lễ, bằng ngày, có lẽ ngay

bây giờ hay sao? Trước là cõi, dương bây giờ là cõi âm. Mình đã từng ở đây, còn bây giờ thì sang thế giới bên kia! Bây giờ mình đi đâu?" Ông lạnh toát cả người, tắc thở, ông chỉ nghe thấy tiếng tim đập thình thịch.

"Mình sẽ không còn nữa, thế rồi sẽ ra sao nhỉ? Sẽ chẳng có gì hết. Thế là mình sẽ ở đâu, khi mình không còn nữa? Lẽ nào đó lại là cái chết? Không, ta không muốn chết". Ông chồm dậy, muốn thắp nến lên, bàn tay run rẩy của ông sờ soạng, - ông đánh rơi cây nến cắm trong giá nến xuống sàn, rồi lại nằm vật lên gối. "Để làm gì nhỉ? Đằng nào cũng thế thôi, - ông tự nhủ, cặp mắt mở to nhìn vào bóng tối. - Cái chết. Phải, cái chết. Và họ chẳng ai hay biết, họ không muốn biết, cũng không thương xót mình. Họ đang đàn hát. (Ông nghe thấy tiếng cười nói âm vang và tiếng nhạc dạo ở xa vọng qua cánh cửa). Đối với họ đằng nào cũng thế thôi, và họ sẽ chết. Ngốc thật! Mình chết trước, còn họ thì chết sau. Rồi họ cũng sẽ chết. Vậy mà họ hớn hở vui chơi. Lũ súc sinh!" Sự hằn học làm ông nghẹt thở. Ông bắt đầu cảm thấy đau đớn nặng nề không chịu nổi. Không có lẽ nào mọi người luôn luôn phải chịu nỗi sợ hãi khủng khiếp đó. Ông nhổm dậy.

"Có cái gì không ổn đây. Phải bình tĩnh, phải

nghiền ngẫm lại tất cả từ đầu". Thế rồi ông bắt đầu nghiền ngẫm. "Phải, từ lúc bệnh mới chớm. Sườn mình bị va mạnh, và mình vẫn chẳng sao, hôm đó cũng như ngày hôm sau; thấy hơi nhức, sau đau nhiều, rồi phải đi bác sĩ, rồi rầu rĩ, sầu não, lại phải đi đến bác sĩ; còn mình thì cứ ngày càng đi gần sát tới vực thẳm. Sức lực giảm sút. Gần sát, gần sát vực thẳm, thế rồi mình khô héo đi, mắt không còn sáng nữa. Và cái chết tới, thế mà mình lại đi nghĩ về khúc ruột. Mình nghĩ làm thế nào để chữa chạy khúc ruột, nhưng đó lại là cái chết. Chả lẽ lại là cái chết?" Ông lại khiếp sợ, nghẹt thở, cúi người xuống, tìm diêm, khuỷu tay tì lên chiếc tủ nhỏ để cạnh giường. Chiếc bàn đó khiến ông vướng víu, làm ông đau, ông tức mình với nó, bực bội tì mạnh lên nó và làm cho chiếc bàn nhỏ đổ kềnh. Tuyệt vọng, ông thở hổn hển, nằm vật ngửa ra giường, chờ đợi cái chết tức thời.

Lúc đó khách khứa ra về, Praxkôvina Phêđôrốpna tiễn họ. Nghe tiếng bàn đổ, bà bước vào phòng.

- Gì thế mình?

- Có gì đâu. Tôi vô ý đánh đổ.

Bà bước ra khỏi phòng, lấy nến đem tới. Ông nằm đó, thở gấp và ì ạch như một người đã chạy qua hàng vec-xta, mắt nhìn bà trừng trừng.

- Mình sao thế, Jean?

- Chả... sao... cả. Tôi... đánh... đổ." Nói làm gì. Bà ấy sẽ không hiểu đâu", - ông nghĩ.

Đúng là bà không hiểu. Bà nâng cây nến lên, thắp nến cho ông, rồi vội vã đi ra, bà còn phải tiễn khách ra về.

Khi bà quay trở lại, ông vẫn nằm ngửa như thế, mắt nhìn lên trần :

- Mình thấy thế nào, hay là đau hơn?

- Ừ

Bà lắc đầu, ngồi xuống.

- Jean này, mình biết không, tôi nghĩ liệu có nên mời Lesetítxki đến không.

- Nghĩa là bà định mời vị bác sĩ nổi tiếng và không tiếc tiền. Ông mỉm cười cay độc và nói: "Không". Bà ngồi một lát, bước lại gần và hôn lên trán ông.

Khi bà hôn ông, ông vô cùng căm ghét bà và ông đã cố gắng để không đẩy bà ra.

- Cầu Chúa cho mình ngủ được. Thôi, tôi đi nhé.

- Ừ.

VI

Ivan Ilích thấy mình chết dần và thường xuyên tuyệt vọng.

Trong thâm tâm Ivan Ilich biết rằng ông sắp chết, nhưng không những ông không quen, mà còn không hiểu, không tài nào hiểu được điều đó.

Ông đã học được một thí dụ về tam đoạn luận trong sách lô-gích học của Kideveter [15] : Kai là một con người. Mọi người đều phải chết. Bởi thế Kai cũng sẽ chết. Suốt đời mình, ông tưởng như cái thí dụ này chỉ đúng với Kai thôi, chứ không hề đúng với ông. Kai là một con người, một con người nói chung và điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng ông không phải là Kai và không phải là một con người nói chung, mà bao giờ ông cũng là một con người đặc biệt, hoàn toàn đặc biệt, khác tất cả mọi người. Ông là Ivan đối với bố mẹ ông, anh em ông, với các bác đánh xe, với vú nuôi và sau đó là với Kachia, cùng với mọi nỗi vui buồn phấn khởi của thời thơ ấu, thời thanh niên. Có lẽ nào Kai lại chịu được mùi quả bóng ghép bằng da mà Ivan rất ưa thích! Lẽ nào Kai lại hôn tay mẹ mình như thế và lẽ nào nếp áo lụa của mẹ cũng sột soạt như thế đối với Kai? Lẽ nào anh ta lại nổi khùng lên vì món bánh ngọt ở Trường tư pháp?

Lẽ nào Kai lại yêu đương như thế? Lẽ nào Kai lại có thể chủ trì các phiên toà như thế?

Đúng là Kai phải chết và anh ta hấp hối là đúng, nhưng đối với mình, Ivan Ilích với tất cả tư tưởng, tình cảm của mình, đối với mình đó là chuyện khác. Và không lẽ nào mình lại phải chết. Điều đó khủng khiếp quá.

Ông cảm thấy như vậy.

"Nếu như mình phải chết, như Kai, thì chắc mình phải biết được chứ, chắc tiếng nói bên trong phải bảo mình chứ, nhưng trong mình không hề có những chuyện đó; cả mình và tất cả bạn bè của mình đều hiểu rằng chuyện đó hoàn toàn không giống như đối với Kai. Còn bây giờ cơ sự như thế đấy! - ông tự nhủ. - Không có lẽ nào. Không có lẽ nào; nhưng nó lại thế đấy. Thế là thế nào ? Làm sao mà hiểu được chuyện đó?".

Ông không thể hiểu được và cố gắng xua đuổi ý nghĩ đó, xem nó là môt ý nghĩ sai lầm, không đúng, bệnh hoạn và dùng những ý nghĩ khác, đúng đắn, lành mạnh để gạt bỏ nó. Nhưng ý nghĩ đó, không phải chỉ là ý nghĩ, mà tựa hồ như một thực tại, lại tới và đứng sừng sững trước mặt ông.

Ông lần lượt kêu gọi các ý nghĩ khác tới thay thế ý nghĩ đó, hy vọng tìm ở chúng một chỗ dựa. Ông mưu toan trở lại với những cách suy nghĩ

trước đây, chúng che lấp, ngăn ông, trước hết, khỏi nghĩ tới cái chết. Nhưng điều kỳ lạ là mọi cái trước đây che lấp, thủ tiêu ý nghĩ về cái chết, giờ đây đã không thể có tác dụng đó nữa. Thời gian gần đây, Ivan Ilích dùng phần lớn thì giờ vào các mưu toan phục hồi những cách cảm nghĩ che lấp cái chết trước đây. Khi thì ông tự nhủ: "Hãy bắt tay vào công vụ, bởi mình đã sống chính bằng công vụ". Và ông đi đến toà án, xua đuổi khỏi mình bất kỳ mối hoài nghi nào. Ông trò chuyện với đồng nghiệp và ngồi lơ đãng, theo thói quen cũ, đưa cặp mắt trầm ngâm nhìn công chúng, hai cẳng tay gầy guộc tựa lên thành ghế bành bằng gỗ sồi như lệ thường, nghiêng mình về phía một bạn đồng nghiệp, khởi sự công việc, thì thào với nhau và sau đó ông bỗng ngước mắt lên, ngồi ngay ngắn lại, thốt ra một số lời lẽ quen thuộc và bắt đầu công việc xét xử. Nhưng bỗng nhiên đến giữa chừng, cơn đau ở cạnh sườn chẳng hề chú ý đến diễn biến của việc xử án, bắt đầu công việc gây đau đớn *của nó*. Ivan Ilích lắng nghe, xua đuổi ý nghĩ về cơn đau, nhưng cơn đau lại tiếp tục công việc của mình, *nó* đã tới, dừng lại ngay trước mặt ông và nhìn ông. Ông sững người ra, ngọn lửa trong mắt ông vụt tắt và ông bắt đầu tự hỏi: "Lẽ nào chỉ có *nó* là sự thực?". Và các bạn đồng sự cùng những người dưới quyền

ông ngạc nhiên và cay đắng thấy rằng một quan toà xuất sắc, tinh tế như ông đã lầm lẫn và phạm sai lầm. Ông lắc lắc mình, cố gắng tỉnh lại và điều khiển được chăng hay chớ cho xong phiên toà rồi quay về nhà với ý nghĩ buồn bã rằng ông không thể lấy công việc ở toà án để thoát khỏi nó được. Và điều tệ hại hơn cả là *nó* kéo ông về phía mình không phải để ông làm một việc gì đó, mà chỉ cốt để ông nhìn vào *nó*, nhìn thẳng vào mắt *nó*, nhìn nó mà đau đớn không nói ra được, và cũng chẳng làm gì được cả.

Và để thoát khỏi tình trạng đó, Ivan Ilich đã dùng những cách an ủi khác, những tấm vải che mắt khác, và trong một thời gian ngắn những tấm vải che mắt này tựa hồ như đã cứu ông, nhưng rồi lập tức những tấm vải đó không hẳn chỉ là rách nát, mà còn để ánh sáng lọt qua, y như thể *cơn đau* đã xuyên qua tất cả và không có gì có thể che lấp được nó.

Gần đây khi bước vào phòng khách ông thường nhìn thấy một vết xước trên chiếc bàn đánh vec-ni nhẵn bóng. Đó chính là gian phòng khách do ông bài trí, nơi ông đã ngã. Ông nghĩ một cách hài hước, độc địa rằng ông đã hy sinh đời mình để bài trí căn phòng này, vì ông biết rằng bệnh ông khởi phát từ chỗ bị dập thương mà ra. Ông tìm nguyên do vì sao mặt bàn bị xước và thấy cái diềm

trang trí bằng đồng bị quăn lại trên quyển an-bom đã gây ra vết xước đó. Ông cầm lấy quyển an-bom yêu quý do ông sưu tập một cách say mê và buồn bực về sự cẩu thả của cô con gái và bạn bè của nó, chỗ thì rách toạc, chỗ thì ảnh bị xáo trộn. Ông cố gắng sắp xếp có trật tự, uốn lại chiếc diềm trang trí bị cong.

Sau đó ông nảy ra ý nghĩ chuyển tất cả số *établissement* (*) này cùng với những quyển an bom vào một góc phòng khác, đến gần các chậu hoa. Ông gọi đầy tớ và mong muốn hoặc vợ hoặc con gái ra giúp mình một tay. Họ không đồng ý sắp xếp như vậy, nói trái ý ông, ông cãi lại, tức giận, nhưng mọi việc đều tốt đẹp vì ông không nhớ đến *nó*, không trông thấy *nó* nữa.

Nhưng khi thấy ông tự mình xê dịch bàn ghế, vợ ông nói: "Mình cứ để đấy, khắc có người làm, mình lại làm khổ mình thôi". Và bỗng nhiên, *nó* thoáng hiện qua tấm màn che mắt, ông đã nhìn thấy nó. *Nó* đã thoáng hiện, ông vẫn còn hy vọng là *nó* sẽ biến đi, nhưng bất giác ông chú ý lắng nghe chỗ cạnh sườn mình, ông không thể quên được nó nữa rồi, và rõ ràng là nó nhìn ông từ sau những chậu hoa. Để làm gì nhỉ, tất cả những chuyện đó ?

(*) Đồ đạc (*tiếng Pháp*)

"Quả thật, ta đã hy sinh đời mình ở đây, chỗ tấm rèm treo cửa sổ này như trong một cuộc tấn công vậy. Có lẽ nào như thế? Thật khủng khiếp và ngu xuẩn biết bao! Không thể nào như vậy được. Không thể như vậy được, nhưng nó lại như vậy đấy".

Ông vào phòng làm việc, nằm xuống và lại ở lại một mình với *nó*. Đối diện với *nó* mà không làm gì được nó. Chỉ có nhìn *nó* và lạnh toát cả người.

VII

Không thể nói được việc đó đã xảy ra như thế nào vào tháng thứ ba, sau khi Ivan Ilích bị bệnh, vì nó diễn ra âm thầm từng bước một: cả bà vợ, cả con gái và con trai ông, cả gia nhân và những người quen thuộc, lẫn các bác sỹ, và chủ yếu là chính bản thân ông, đều biết rằng mọi người chỉ quan tâm tới chỗ rốt cuộc liệu ông có nhanh chóng nhường chỗ, giải thoát người sống khỏi sự vướng víu do việc có mặt của ông gây ra, và tự giải thoát khỏi những đau khổ của mình hay không.

Ông ngủ ngày càng ít, người ta cho ông uống thuốc phiện và bắt đầu tiêm moóc-phin cho ông. Nhưng những cái đó không làm cho ông dễ chịu.

Nỗi buồn ngấm ngầm mà ông cảm thấy trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ thoạt đầu chỉ làm cho ông dễ chịu như một cái gì mới mẻ, nhưng sau đó nó cũng trở thành nỗi đau dằn vặt, giống như vậy hoặc còn nhức nhối hơn cơn đau lộ liễu.

Người ta chuẩn bị cho ông những món ăn đặc biệt theo chỉ dẫn của bác sỹ, nhưng đối với ông tất cả những món ăn này đều rất nhạt nhẽo và kinh tởm quá thể.

Người ta cũng đã làm những đồ dùng đặc biệt để ông đại tiện và lần nào ông cũng thấy khổ tâm. Khổ tâm vì sự bẩn thỉu, mùi hôi thối và sự bất nhã, và vì nghĩ rằng có một người khác phải tham gia vào chuyện này.

Nhưng trong cái việc khó chịu nhất này lại xuất hiện niềm an ủi đối với Ivan Ilich. Bao giờ anh hầu bàn Ghêraxim cũng tới đổ bô cho ông.

Ghêraxim là một chàng trai trẻ tuổi, sạch sẽ, tươi tắn, nhờ cơm gạo thành phố mà béo đẫy người ra. Bao giờ anh cũng vui tươi, trong sáng. Thoạt đầu Ivan Ilich bối rối, khi trông thấy bộ dạng của một con người ăn mặc theo kiểu Nga, luôn luôn sạch sẽ mà phải làm cái việc kinh tởm đó. Một lần ông rời bô đứng dậy, không đủ sức kéo quần dài lên, ông buông người ngồi phịch xuống chiếc ghế bành mềm và khiếp sợ nhìn đôi cẳng chân để trần bất lực, hằn rõ các bắp thịt của mình.

Ghêraxim vào phòng, bước chân khoẻ khoắn nhẹ nhàng, anh đi đôi giày to tướng, đem theo vào phòng không khí tươi mát của mùa đông và mùi nhựa dễ chịu ở giày của mình anh. Anh mặc chiếc áo sơ mi bằng vải hoa sạch sẽ, ngoài khoác chiếc tạp dề tinh tươm bằng vải gai, ống tay áo sắn lên để lộ những cánh tay trần khoẻ mạnh, trẻ trung. Anh không nhìn Ivan Ilích, rõ ràng là muốn kìm bớt niềm vui sống rạng rỡ trên vẻ mặt của anh để làm cho người ốm khỏi chạnh lòng, và bước lại gần chiếc bô.

- Ghêraxim, - Ivan Ilích nói một cách yếu ớt.

Ghêraxim giật mình, rõ ràng anh sợ mình sơ suất điều gì đó và nhanh nhẹn quay khuôn mặt trẻ trung tươi tắn, chất phác, đôn hậu, chỉ mới lún phún râu, về phía người ốm.

- Ngài cần gì ạ ?

- Tôi chắc việc này làm anh khó chịu. Anh tha lỗi cho tôi, tôi không thể tự làm lấy được.

- Đâu ạ, - mắt Ghêraxim ngời sáng và anh nhe đôi hàm răng trẻ trung trắng muốt của mình. - Tại sao lại không chịu khó được ạ? Ông đang ốm mà.

Anh đưa đôi cánh tay nhanh nhẹn rắn chắc ra làm cái công việc quen thuộc của mình, rồi bước

ra ngoài, dáng đi nhẹ nhõm. Năm phút sau anh quay trở lại, bước chân đi vẫn nhẹ nhõm như vậy.

Ivan Ilích vẫn ngồi trên ghế bành.

- Anh Ghêraxim này, - ông nói khi anh đặt chiếc bô đã cọ sạch vào chỗ cũ, - anh làm ơn lại đây giúp tôi, - Ghêraxim bước lại gần. - Anh nâng tôi lên. Tự mình tôi thì khó nhọc lắm, còn Đmitơri tôi vừa sai đi có việc rồi.

Ghêraxim bước sát lại cũng nhẹ nhàng như lúc bước đi, đôi cánh tay lực lưỡng của anh khéo léo ôm ông chủ, khẽ nâng ông lên, đỡ lấy ông, một tay anh kéo quần dài của ông lên và anh định đặt ông ngồi xuống. Nhưng Ivan Ilích yêu cầu anh đưa mình ra đi văng. Ghêraxim không cần phải cố gắng và tựa hồ như không siết vào người ông, dìu ông đi, gần như bồng ông tới đặt ở trên đi văng.

- Cám ơn anh. Anh khéo quá... làm việc gì cũng giỏi.

Ghêraxim lại mỉm cười và toan đi. Nhưng Ivan Ilích thấy thích ngồi với anh, nên không muốn để anh đi.

- Thế này nhé : anh đẩy giúp tôi chiếc ghế dựa kia lại đây. Không, chiếc kia cơ, đặt dưới chân tôi. Để chân lên cao tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Ghêraxim làm theo lời ông. Anh lại nâng chân

ông lên và đặt chân lên gối. Ivan Ilích lại cảm thấy dễ chịu hơn khi Ghêraxim đỡ chân ông lên. Khi anh hạ chân ông xuống, ông tưởng như khó chịu hơn. Ông nói với anh :

- Anh Ghêraxim này, bây giờ anh có bận gì không?

- Không bận gì cả, - Ghêraxim nói, anh đã học được cung cách của người thành phố ăn nói với các chủ nhân.

- Anh còn phải làm gì nữa không?

- Làm gì nữa ạ? Tôi làm xong việc cả rồi, chỉ còn bổ củi để mai đun nữa thôi.

- Thế thì anh đỡ chân tôi cao lên được không?

- Được chứ, sao lại không ạ, - Ghêraxim nhấc cao chân Ivan Ilích lên và ông tưởng như trong tư thế đó ông hoàn toàn không cảm thấy đau.

- Thế còn củi thì sao?

- Xin ngài đừng lo. Tôi làm kịp chán.

Ivan Ilích sai Ghêraxim ngồi và đỡ chân cho ông, rồi trò chuyện với anh. Và điều kỳ lạ là ông cảm thấy dễ chịu hơn, khi Ghêraxim đỡ chân ông.

Từ đó, thỉnh thoảng Ivan Ilích lại gọi Ghêraxim tới và bắt anh đưa vai ra đỡ chân cho mình, và ông thích nói chuyện với anh. Ghêraxim làm việc đó một cách nhẹ nhõm, tự nguyện, giản dị và đôn

hậu, khiến Ivan Ilích hết sức cảm động. Sức khoẻ, sức lực, sức sống trong mọi người khác làm cho Ivan Ilích mếch lòng, chỉ có sức lực và sự sống của Ghêraxim là không làm ông phiền lòng, mà còn xoa dịu ông.

Ivan Ilích bị giày vò chủ yếu bởi sự dối trá, - chẳng hiểu sao sự dối trá đó được tất cả mọi người thừa nhận, họ cho rằng ông chỉ ốm đau thôi, chứ không phải sắp chết, ông chỉ cần yên tâm chạy chữa, thế rồi sự thể sẽ rất tốt đẹp. Bản thân ông biết rằng dù họ làm gì đi nữa cũng không ăn thua gì, ngoài việc gây thêm cho ông những đau đớn quằn quại và cái chết. Ông bị giày vò bởi sự dối trá đó, bị giày vò bởi chỗ họ không muốn thừa nhận điều mọi người đều biết và ông cũng biết, mà cứ muốn lừa dối ông về tình trạng khủng khiếp của ông và họ muốn buộc chính ông phải tham gia vào cái trò dối trá này. Ivan Ilích bị giày vò một cách khủng khiếp bởi cái trò dối trá mà người ta đã dựng lên trước mặt ông khi ông sắp chết, cái trò dối trá đó hạ thấp cái chết trang trọng khủng khiếp này của ông xuống hàng những cuộc viếng thăm, những rèm treo cửa sổ, món cá chiên trong bữa ăn của họ... Điều kỳ lạ là đã nhiều lần, khi họ giở trò ra với ông, suýt nữa ông đã quát vào mặt họ: các người đừng lừa dối nữa. Các người

biết rõ và tôi cũng biết rõ rằng tôi đang hấp hối, vậy thì ít ra cũng đừng lừa dối nữa. Nhưng không bao giờ tôi có đủ tinh thần để làm việc đó. Ông thấy tất cả những người xung quanh ông đã hạ thấp quá trình hấp hối đáng sợ, khủng khiếp của ông xuống mức độ một sự tình cờ khó chịu, phần nào bất lịch sự (giống như người ta sử xự với một kẻ đem hơi thối vào phòng khách vậy) bằng chính cái phép lịch sự mà ông suốt đời phụng sự. Ông thấy chẳng có ai thương ông và thậm chí không ai muốn hiểu tình trạng của ông. Chỉ có mình Ghêraxim hiểu tình trạng đó và thương ông. Bởi lẽ đó, Ivan Ilích chỉ cảm thấy khoan khoái khi có Ghêraxim. Ông cảm thấy khoan khoái khi có Ghêraxim thỉnh thoảng thức thâu đêm, đỡ chân cho ông, không chịu đi ngủ và nói: "Ngài đừng phiền lòng, Ivan Ilích ạ, tôi sẽ ngủ sau", hoặc khi anh ta bỗng nhiên xưng hô thân mật với ông: "Giá như ông không ốm thì con làm sao mà được hầu hạ ông?" Chỉ có một mình Ghêraxim không lừa dối, căn cứ vào tất cả cung cách của anh, có thể thấy chỉ có một mình anh hiểu rõ sự tình và thấy không cần giấu giếm điều đó, anh chỉ thương hại một cách chất phác ông chủ yếu ớt hốc hác của mình. Thậm chí có lần anh nói thẳng, khi Ivan Ilích cho anh đi:

- Tất cả chúng ta rồi sẽ chết. Tại sao không chịu khó làm lụng? - Nói như vậy anh muốn giãi bày quan niệm của anh là anh không thấy việc làm này nặng nề chính vì anh làm việc đó cho người đang hấp hối, và anh hy vọng rằng rồi cũng sẽ có người chịu khó giúp anh khi anh lâm vào cảnh đó.

Ngoài sự dối trá này hoặc là do kết quả của nó, điều khiến Ivan Ilích bị giày vò hơn cả là chẳng có ai thương xót ông như ý ông mong muốn. Sau những đau đớn kéo dài, nhiều lúc điều Ivan Ilích mong ước nhiều hơn cả là muốn được có người thương xót mình như thương một đứa trẻ đau ốm, dẫu rằng thú nhận như vậy ông cảm thấy xấu hổ. Ông muốn người ta vuốt ve ông, hôn hít, khóc lóc vì ông, như người ta vẫn vuốt ve an ủi trẻ con vậy. Ông biết rằng ông là một nhân vật quan trọng, đầu ông đã bạc nên không thể làm như thế được, nhưng dẫu sao ông vẫn mong muốn điều đó. Trong quan hệ của ông với Ghêraxim có một cái gì đó gần gũi như thế, bởi vậy, ông thấy được an ủi khi tiếp xúc với anh. Ivan Ilích muốn khóc, muốn người ta vuốt ve ông và khóc vì ông. Ấy thế nhưng khi viên uỷ viên tư pháp Sêbếch tới, thì đáng lẽ khóc lóc và làm nũng, Ivan Ilích lại nghiêm nét mặt ra vẻ trầm ngâm và theo thói quen, ông phát biểu ý kiến của mình về ý nghĩa

của quyết định kháng án và khăng khăng giữ nguyên ý kiến đó. Sự dối trá ở quanh ông và ở ngay trong chính bản thân ông đã đầu độc những ngày cuối đời của Ivan Ilích nhiều hơn cả.

VIII

Rạng sáng. Trời vừa rạng sáng là Ghêraxim rời khỏi phòng, và anh đầy tớ Piốt tới tắt nến, vén một rèm che cửa sổ và khe khẽ dọn dẹp. Buổi sáng hay buổi chiều, thứ sáu hay chủ nhật, đằng nào cũng thế thôi, ngày nào cũng vẫn một điệu ấy: cơn đau quằn quại, nhức nhối, không giây phút nào lắng dịu; ý thức về cuộc sống đang ra đi, không phương cứu vãn, nhưng vẫn chưa đi hẳn; cái thực tại duy nhất vẫn là cái chết khủng khiếp đáng căm giận đang nhích tới gần và vẫn là sự dối trá đó. Giờ giấc, ngày tháng ở đây nào có ý nghĩa gì?

- Ngài có dùng trà không ạ?

"Hắn cần giữ nề nếp là sáng nào các chủ nhân cũng uống trà", - Ivan Ilích nghĩ và chỉ nói.

- Không.

- Ông có thích chuyển sang đi-văng không ạ?

"Hắn muốn dọn buồng cho gọn và mình cản

trở hắn, mình là đồ bẩn thỉu, một sự lộn xộn", - ông nghĩ và chỉ nói:

- Không, để kệ tôi.

Anh đầy tớ lại loay hoay dọn dẹp. Ivan Ilích chìa tay ra. Piốt ân cần bước lại gần.

- Ngài cần gì ạ?

- Đồng hồ.

Piốt lấy chiếc đồng hồ nằm ở ngay bên cạnh và đưa cho ông.

- Tám giờ rưỡi. Ngoài kia họ chưa dậy à?

- Chưa ạ. Cậu Vaxili Ivanôvích (đó là cậu con trai) đi học, còn bà Praxkôvia Phêđôrốpna ra lệnh đánh thức bà nếu ngài cần. Ngài sai đánh thức bà chứ ạ?

- Không, không cần. - "Thử uống tí nước chè chăng?" - ông nghĩ. - Ừ, nước chè... Anh đem đến đây.

Piốt đã bước ra tới cửa, Ivan Ilích bắt đầu thấy khiếp sợ khi phải ở lại một mình."Làm thế nào giữ hắn lại nhỉ? A phải rồi, thuốc". - Piốt này, anh đưa thuốc cho tôi uống. - "Tại sao nhỉ, có lẽ thuốc còn có tác dụng. Chuyện vớ vẩn cả, trò bịp bợm, - ông dứt khoát nghĩ vậy, khi vừa cảm thấy mùi vị quen thuộc ngọt sắc và vô vọng. - Không, mình không thể tin được nữa rồi. Nhưng cơn đau. Tại sao lại đau, giá nó dịu đi một lát". Và ông

rên lên. Piốt quay trở lại. - Không, đi đi. Mang nước chè lại đây.

Piốt đi ra. Nằm lại một mình, Ivan Ilích rên lên, vì đau thì ít, dù cơn đau khủng khiếp đến như thế nào, ông rên lên vì một nỗi buồn da diết." Vẫn cứ một điệu ấy, vẫn những ngày đêm vô tận ấy. Giá chóng vánh hơn. Cái gì chóng vánh hơn? Cái chết, bóng tối. Không, không. Mọi thứ đều hay hơn cái chết!"

Khi Piốt bê khay nước chè bước vào, Ivan Ilích ngỡ ngàng nhìn anh mãi không biết anh là ai và anh vào làm gì. Piốt bối rối trước cái nhìn đó. Và khi thấy Piốt bối rối, Ivan Ilích mới sực tỉnh.

- À phải, - ông nói, - nước chè... tốt lắm, anh để đây. Có điều anh giúp tôi lau mình và thay chiếc áo sơ-mi sạch nhé.

Rồi Ivan Ilích bắt đầu lau mình. Ông vừa lau vừa nghỉ, lau mặt, tay, đánh răng, chải đầu và soi gương. Ông đâm ra hoảng sợ, đặc biệt hoảng sợ khi thấy tóc nằm ẹp xuống vầng trán xanh lướt.

Khi người ta thay áo sơ mi cho ông, ông biết rằng ông sẽ còn hoảng sợ hơn nữa nếu ông nhìn vào thân hình mình, bởi thế ông không nhìn. Nhưng rồi mọi việc cũng xong xuôi. Ông mặc áo choàng, khoác thêm chiếc khăn len và ngồi vào ghế bành uống trà. Ông cảm thấy mình tươi tỉnh lên trong

giây lát, nhưng chỉ vừa mới bắt đầu nhấp chén trà ông lại cảm thấy ngay mùi vị đó, cơn đau đó. Ông cố uống hết chén nước, đi nằm và duỗi chân ra. Ông cho Piốt đi ra ngoài.

Vẫn cứ thế. Khi thì một tia hy vọng loé lên, khi thì biển tuyệt vọng nổi sóng và vẫn cứ đau, đau mãi, vẫn thấy buồn da diết và vẫn cứ mãi một điệu ấy. Nằm một mình buồn kinh khủng, muốn gọi ai đó, nhưng ông biết trước rằng có mặt những người khác lại còn tệ hại hơn." Hay là lại tiêm mooc-phin, để mà thiếp đi. Mình sẽ bảo với bác sĩ để ông ta nghĩ xem có dùng thêm thuốc gì nữa không ? Chứ thế này thì không được, không thể được".

Một giờ, rồi hai giờ đồng hồ trôi qua như vậy. Nhưng rồi có tiếng chuông réo ở phòng ngoài. Có lẽ là bác sĩ. Đúng là bác sĩ tới, ông ta tươi tắn, vui vẻ, tráng kiện, béo núcních, vẻ mặt ông ta như muốn nói : các vị ở đây đang có điều gì đó lo sợ, còn chúng tôi giờ đây tới để thu xếp mọi việc cho các vị. Bác sĩ biết rằng vẻ mặt đó không thích hợp ở đây, nhưng đã khoác vẻ mặt đó ông không sao giũ ra được, giống như một người buổi sáng khoác chiếc áo đuôi én lên người và đi thăm thú bạn bè vậy.

Bác sĩ rửa tay một cách khoan khoái, như muốn an ủi người bệnh.

- Tôi bị lạnh. Băng giá khiếp. Để tôi sưởi một lát, - ông nói với cái vẻ như chỉ cần đợi một lát để ông sưởi ấm và khi ông đã sưởi ấm rồi thì mọi sự sẽ được chỉnh đốn đâu vào đấy.

- Nào, thế nào?

Ivan Ilích cảm thấy bác sĩ muốn nói: "Tình hình thế nào?" Nhưng chính ông ta cũng thấy không nên hỏi như vậy, nên ông ta nói: - Đêm qua ông ngủ được không?

Ivan Ilích nhìn bác sĩ như muốn hỏi :

"Chả lẽ không bao giờ anh thấy hổ thẹn khi nói dối ư?"

Nhưng bác sĩ không muốn hiểu câu hỏi đó.

Và Ivan Ilích nói:

- Vẫn cứ khủng khiếp thế. Không hết đau, cơn đau không chịu lui. Giá có vị thuốc gì đó!

- Chà bệnh nhân các ông bao giờ cũng cứ thế. Thôi được, bây giờ hình như tôi ấm người lên rồi, ngay đến người cẩn thận có tiếng như bà Praxkôvia Phêđôrôpna chắc cũng không có lý do gì để chê trách tôi đem khí lạnh vào nhà. Nào, chào ông - Và bác sĩ bắt tay Ivan Ilích.

Rồi gạt bỏ tất cả vẻ vui nhộn trước đây, bác sĩ bắt đầu khám bệnh, bắt mạch, đo nhiệt độ với vẻ mặt nghiêm trang và lại bắt đầu gõ gõ, nghe nghe.

Ivan Ilich biết chắc và dứt khoát rằng tất cả những cái đó đều vớ vẩn, đều là trò bịp vô vị, nhưng khi bác sĩ quỳ xuống, nhoài người trên người ông, áp tai khi thì xuống phía dưới khi thì lên phía trên, làm một vài động tác thể dục khác nhau trên người ông với bộ mặt vô cùng trang nghiêm, Ivan Ilích buông mình theo bác sĩ, như ông thường buông mình theo những lời cãi của các luật sư, khi ông biết rất rõ rằng họ toàn nói dối và họ nói dối như thế để làm gì.

Bác sĩ quỳ gối trên đi-văng, còn đang gõ gõ gì đó nữa, thì nghe có tiếng áo lụa sột soạt của Praxkôvia Phêđôrốpna ở cửa ra vào và tiếng bà trách mắng Piốt không báo tin bác sĩ tới cho bà biết.

Bà bước vào phòng, hôn chồng và bắt đầu chứng minh ngay rằng bà đã dậy từ lâu và chỉ vì sơ ý một chút, nên bà mới không có mặt ở đây khi bác sĩ tới.

Ivan Ilích nhìn bà, đưa mắt nhìn khắp người bà có ý chê trách nước da trắng trẻo, vẻ mũm mĩm và đôi tay cùng ngấn cổ sạch sẽ của bà, mái tóc láng bóng và ánh mắt đầy sức sống của bà. Ông vô cùng căm ghét bà. Việc bà chạm vào người ông khiến ông đau đớn vì cơn căm ghét đối với bà sôi sục trong ông.

Thái độ của bà đối với ông và bệnh tật của ông cũng vẫn thế. Cũng như vị bác sĩ đã tạo ra cho mình thái độ đối xử với người ốm, mà ông ta không thể giũ bỏ đi được, bà cũng tạo ra một thái độ đối xử đối với ông và bà cũng không thể bỏ thái độ đó được. Thái độ đó là : bà âu yếm trách móc ông vì ông không làm những gì cần làm và bản thân ông có lỗi.

- Cũng là bởi ông ấy không chịu nghe lời cơ! Có uống thuốc đúng lúc đâu. Cái chính là ông ấy không nằm đúng kiểu, chân cứ giơ cao, tư thế như vậy nhất định sẽ làm hại ông ấy.

Bà kể chuyện ông ấy đã bắt Ghêrêxim đỡ chân mình lên như thế nào.

Vị bác sĩ khinh khỉnh trìu mến mỉm cười : "Biết làm thế nào được, bệnh nhân đôi khi nghĩ ra những trò ngốc nghếch như vậy đấy. Nhưng có thể tha thứ được".

Khi khám bệnh xong, bác sĩ nhìn đồng hồ và lúc đó Praxkôvia Phêđôrốpna báo cho Ivan Ilích biết rằng, thể theo ý muốn của ông, hôm nay bà sẽ mời vị bác sĩ nổi tiếng tới để vị đó cùng với Mikhain Đanilôvích (người ta gọi vị bác sĩ loàng xoàng như vậy) khám bệnh và hội chẩn cho ông.

- Mong mình đừng phản đối. Tôi làm như thế vì tôi đấy, - bà nói một cách mỉa mai làm cho

người ta cảm thấy rằng bà làm tất cả những việc đó vì ông và chỉ riêng điều đó đã khiến ông không có quyền từ chối bà. Ông cau mày và im lặng. Ông cảm thấy sự dối trá vây quanh ông rối tung lên, đến nỗi khó mà lần ra được điều gì.

Bà đã làm tất cả mọi việc cho ông chỉ vì bà, và bảo ông rằng những việc bà đang làm cũng đúng là bà làm vì bà, đó là chuyện khó tin đến nỗi ông phải hiểu trái ngược lại.

Quả thực vị bác sĩ nổi tiếng đã đến vào hồi mười một giờ rưỡi. Người ta lại nghe ngóng trên người bệnh nhân, lại có những cuộc trao đổi quan trọng trước mặt ông và bàn bạc về thận, về manh tràng tại một căn phòng khác. Lại những câu hỏi và câu trả lời với những vẻ mặt trang nghiêm đến mức vấn đề về thận và manh tràng - những cái đang hoạt động xộc xệnh, bởi thế vị bác sĩ loàng xoàng và bác sĩ trứ danh phải tấn công vào chúng để buộc chúng phải sửa chữa - đã lấn chỗ của vấn đề thực tế về cái sống và cái chết, là vấn đề duy nhất đang sừng sững hiện ra trước mắt ông.

Vị bác sĩ nổi tiếng từ biệt ra về với vẻ mặt nghiêm nghị, nhưng không tuyệt vọng. Và khi Ivan Ilich ngước cặp mắt ánh lên nỗi sợ hãi và niềm hy vọng, rụt rè hỏi liệu ông có khả năng bình phục

được không, vị bác sĩ đã đáp rằng ông ta không thể bảo đảm được, nhưng khả năng đó thì có. Ivan Ilích tiễn vị bác sĩ bằng cái nhìn đầy hy vọng, cái nhìn đó thảm hại quá, đến nỗi trông thấy thế, Praxkôvia Phêđrôpna đã oà khóc, khi bà bước ra khỏi cửa phòng làm việc để trả tiền thù lao cho vị bác sĩ trứ danh.

Sự phấn chấn tinh thần do lời hứa hẹn của bác sĩ đem lại kéo dài không lâu. Lại vẫn căn phòng đó, vẫn những bức tranh, những rèm treo cửa sổ, những giấy dán lót tường, những ve thuốc ấy và cũng vẫn cái thân hình bệnh hoạn đau đớn đó. Và Ivan Ilích lại bắt đầu kêu rên. Người ta tiêm thuốc cho ông, ông ngủ thiếp đi.

Khi ông tỉnh dậy, trời đã chạng vạng tối, người ta dọn bữa ăn ra cho ông. Ông gắng sức ăn món thịt hầm. Thế rồi đêm tối lại đến.

Sau bữa ăn, vào khoảng bảy giờ, Praxkôvia Phêđôrốpna bước vào phòng ông. Bà ăn mặc như đi dạ hội, bộ ngực đồ sộ căng phồng lên, mặt đánh phấn khá rõ. Từ sáng bà đã nhắc cho ông biết tối nay bà đi xem kịch. Cô đào Xara Berna vừa tới và họ thì lại có một lô mà trước đây ông đã khẩn khoản thuê bằng được. Giờ đây ông đã quên chuyện đó, thấy bà ăn mặc chưng diện ông cảm thấy khó chịu. Nhưng ông giấu giếm sự khó chịu

của mình,k hi sực nhớ ra rằng chính ông đã khẩn khoản để họ có được lô đó, bởi vì việc xem hát sẽ đem lại khoái cảm thẩm mỹ có ý nghĩa giáo dục đối với con cái.

Praxkôvia Phêđôrốpna tỏ vẻ hài lòng về mình, nhưng bà cảm thấy như có lỗi. Bà ghé ngồi xuống, hỏi han sức khoẻ chồng, ông thấy bà hỏi chỉ để mà hỏi, chứ không phải để biết, vì bà biết rằng chẳng có gì để mà tìm hiểu cả. Rồi bà nói điều bà thấy cần nói : những như bà, chả đời nào bà đi, nhưng lô đã thuê rồi, Êlen, con gái bà và Pêtơrisép (viên dự thẩm, chồng chưa cưới của con gái bà) cũng đi và không thể để họ đi một mình được. Chứ giá ngồi với ông thì bà thích hơn. Bà chỉ mong khi vắng bà ông vẫn theo đúng chỉ dẫn của bác sĩ.

- À, Phêđo Pêtơrisép (chồng chưa cưới của con gái) muốn vào thăm ông, có được không? Cả Êlidavêta nữa.

- Cứ để chúng nó vào.

Cô con gái bước vào phòng, ăn mặc sang trọng để lộ thân hình trẻ trung, cái thân hình khiến ông phải đau đớn xiết bao. Vậy mà cô ta phô trương nó ra. Sung sức, khoẻ mạnh, hiển nhiên đang đắm đuối yêu đương, cô ta căm phẫn bệnh

tật, những nỗi đau khổ và cái chết, vì chung cản trở hạnh phúc của cô ta.

Phêđo Pêtơrôvich cũng bước vào phòng, anh mặc áo đuôi én, tóc uốn quăn *à la Capoul*[*], chiếc cổ dài đầy gân lộ ra sau chiếc cổ bẻ của áo sơ mi màu trắng, ngực trắng, rộng, đôi cẳng chân lực lưỡng bó trong ống quần đen hẹp, một bàn tay đi găng trắng, đội mũ lễ.

Chú học sinh trung học cũng lặng lẽ lò dò vào theo họ, chú bé khốn khổ mặc bộ đồng phục mới, tay đi găng, cặp mắt thâm quầng đến thảm hại, nhìn những vệt thâm quầng đó, Ivan Ilích hiểu rõ lòng con.

Bao giờ ông cũng thấy thương hại cậu con trai. Cái nhìn kinh hãi và đầy thương cảm của nó thực khủng khiếp. Ivan Ilích tưởng như ngoài Ghêraxim ra, chỉ có mình Vaxili hiểu và thương ông.

Mọi người ngồi xuống, lại hỏi về sức khoẻ của ông. Im lặng. Êlidavêta hỏi mẹ về chiếc ống nhòm. Hai mẹ con cãi cọ với nhau, mỗi người nói một phách. Mọi người đâm ra khó chịu.

Phêđo Pêtơrôvich hỏi Ivan Ilích xem ông đã thấy được mặt cô đào Xara Berna chưa. Thoạt đầu Ivan Ilích không hiểu anh ta hỏi gì, sau đó ông nói:

---

[*] Theo kiểu Capul (*tiếng Pháp*)

- Chưa, thế anh thấy cô ấy rồi à?

- Rồi ạ, trong vở "*Adrienne Lecouvreur*"[17].

Praxkôvia Phêđôrôpna nói rằng cô đào này đặc biệt xinh đẹp trong vở đó. Cô con gái phản đối. Họ bắt đầu trò chuyện về vẻ duyên dáng và tính chân thật trong cách diễn xuất của cô đào hát, - vẫn một điệu chuyện trò ấy, giống y như mọi khi.

Giữa những câu chuyện, Phêđô Pêtơrôvich nhìn Ivan Ilích và im bặt. Mọi người cũng nhìn ông và im bặt. Ivan Ilích đưa cặp mắt long lanh nhìn về phía trước mặt, rõ ràng là ông bất bình với họ. Phải cứu vãn tình trạng này, nhưng không tài nào cứu vãn được. Phải làm cách nào đó phá tan sự im lặng này. Chẳng có ai dám quyết định và mọi người đâm ra lo sợ nhỡ bỗng nhiên vì lẽ gì đó sự dối trá lịch thiệp bị phá tan và sự thật sẽ phơi bày rõ mồn một trước mắt mọi người. Êlidavêta là người đầu tiên quyết định. Cô phá tan sự im lặng. Cô muốn che giấu điều mọi người cảm thấy, nhưng cô buột miệng nói ra.

- Ồ, *nếu đi* thì đến giờ rồi đấy, - cô nói, đưa mắt nhìn đồng hồ, quà tặng của ông bố, và khẽ kín đáo mỉm cười với chàng thanh niên, chỉ hai người hiểu được ý nghĩa của nụ cười mỉm đó, rồi cô đứng dậy, tà áo dài sột soạt.

Mọi người đứng dậy, từ biệt ông và đi xem hát.

Khi họ đã ra khỏi phòng, Ivan Ilích tưởng như ông thấy dễ chịu hơn vì không còn sự dối trá nữa, nó đã ra đi cùng với họ, nhưng cơn đau thì vẫn ở lại. Vẫn cơn đau ấy, vẫn sự sợ hãi ấy, chúng làm cho mọi chuyện vẫn như cũ, - chẳng có gì nặng nề hơn, cũng chẳng có gì nhẹ nhõm hơn. Tình hình ngày ngày tồi tệ.

Phút nọ tiếp phút kia, giờ nọ tiếp giờ kia, thời gian lại trôi đi, tất cả cứ thế, triền miên vô tận và cái kết cục không tránh được càng trở nên khủng khiếp hơn.

- Ừ, anh bảo Ghêraxim đến đây, - ông đáp lại câu hỏi của Piốt.

IX

Bà vợ trở về vào lúc khuya. Bà nhón gót bước vào phòng, nhưng ông nghe rõ tiếng chân bà. Ông mở mắt ra và vội vã nhắm lại ngay. Bà muốn cho Ghêraxim đi nghỉ và tự mình ngồi với ông. Ông mở mắt và nói:

- Thôi, mình đi ngủ đi.

- Mình đau lắm à ?

- Đằng nào cũng thế thôi.

- Mình uống tí thuốc phiện nhé.

Ông bằng lòng và uống thuốc. Bà đi ra.

Cho đến ba giờ sáng ông đau đớn thiếp đi. Ông tưởng như người ta nhét cái cơ thể đau đớn của ông vào đâu đó trong một chiếc túi đen hẹp, sâu thăm thẳm, họ cứ ấn ông xuống càng ngày càng sâu thêm và không thể đẩy ông qua cái túi ấy được. Công việc khủng khiếp đó làm cho ông đau đớn. Ông vừa sợ vừa muốn rơi tõm xuống đó, vừa cựa quậy và chống đỡ. Thế rồi ông bỗng bị tuột ra, ngã xuống, và ông tỉnh lại. Ghêraxim vẫn khoanh chân ngồi trên giường thiu thiu ngủ một cách bình thản và kiên nhẫn. Còn ông thì nằm, đôi chân gầy guộc đi bít-tất gác lên vai anh. Vẫn ngọn nến với chiếc chao đèn đó, và cũng vẫn cơn đau không ngớt đó.

- Anh đi ngủ đi, Ghêraxim, - ông thì thào.

- Không sao, tôi ngồi được rồi.

- Không, anh đi ngủ đi.

Ông bỏ chân xuống, nằm nghiêng, đè lên cánh tay và cảm thấy thương thân. Ông chỉ đợi Ghêraxim đi sang phòng bên cạnh để ông òa khóc lên như một đứa trẻ, không phải giữ gìn nữa. Ông khóc về sự bất lực của mình, về cảnh cô đơn khủng khiếp của mình, về sự tàn nhẫn của con người, về sự tàn nhẫn của Chúa trời, và về sự vắng bóng Chúa.

"Người gây ra tất cả những chuyện này để làm gì ? Người dẫn tôi tới đây để làm gì ? Vì sao, vì sao Người đày đọa tôi khủng khiếp như vậy?..."

Ông không chờ đợi câu trả lời và ông khóc vì không có và không thể có câu trả lời. Cơn đau lại dội lên, nhưng ông không nhúc nhích, không gọi ai. Ông tự nhủ: "Nào, nữa đi, đánh nữa đi! Nhưng vì lẽ gì chứ? Tôi đã làm gì Người, thế thì vì lẽ gì?"

Sau đó ông im lặng, không những ngừng khóc, ông còn ngừng thở và toàn thân căng ra chăm chú: tựa hồ ông lắng nghe không phải giọng nói bằng âm thanh,nhưng lắng nghe giọng nói của tâm hồn, lắng nghe suy nghĩ đang trỗi dậy trong ông.

- Anh cần cái gì? - đó là khái niệm đầu tiên rõ ràng, có thể diễn tả bằng lời mà ông nghe thấy. - Anh cần gì? Anh cần cái gì? - ông nhắc lại. - Cần gì ư? - Không phải đau khổ. Sống, - ông đáp.

Và ông lại đắm mình vào sự chú ý căng thẳng đó đến nỗi ngay cơn đau cũng không làm xao lãng sự chú ý của ông.

- Sống ư? Sống như thế nào? - giọng nói tâm tình hỏi.

- Sống như tôi sống trước đây, sung sướng, dễ chịu.

- Như trước đây anh đã sống, sung sướng và dễ chịu ấy ư? - giọng nói đó hỏi. Và ông bắt đầu

điểm trong trí tưởng tượng : những giây phút tốt đẹp nhất trong cuộc sống dễ chịu của mình. Nhưng điều kỳ lạ là tất cả những giây phút tốt đẹp đó của cuộc sống dễ chịu giờ đây hoàn toàn không còn như hồi ấy nữa. Tất cả - trừ những hồi ức đầu tiên của tuổi thơ. Trong thời thơ ấu đó quả thực có điều gì dễ chịu, đáng sống, nếu như nó quay trở lại với mình. Nhưng không còn con người đã nếm trải sự vui thú đó nữa rồi: đây chừng như là hồi ức về một cái gì khác.

Ngay khi xảy ra cái tình trạng dồn đẩy Ivan Ilich đến nông nỗi như hiện nay, thì tất cả những cái lúc đó tưởng là vui thú giờ đây tan biến trước mắt ông và biến thành một cái gì đó vô nghĩa, thường là xấu xa.

Càng xa thời thơ ấu, càng gần với hiện tại, những niềm vui càng vô nghĩa và đáng ngờ hơn. Điều đó bắt đầu từ Trường tư pháp. Ở đó còn có điều gì đấy thực sự tốt lành: ở đó có niềm vui, có tình bạn, có những hy vọng. Nhưng tới các lớp trên những giây phút tốt đẹp đó đã hiếm hoi hơn. Sau đó, trong thời gian đầu làm việc với quan tổng trấn, những phút giây tốt đẹp lại xuất hiện, đó là hồi ức về tình yêu một người đàn bà. Thế rồi tất cả những cái đó xáo trộn với nhau và điều tốt lành càng ít hơn nữa.

Việc cưới vợ... xảy ra một cách thật bất ngờ, nỗi chán chường, mùi hôi trong mồm vợ, sự ham thích nhục dục, và thói giả dối! Rồi cái công vụ chết tiệt này với những lo toan về tiền nong, một năm, hai năm, mười năm, rồi hai mươi năm - tất cả vẫn nguyên một điều như thế. Và càng về sau càng chết cứng hơn. Đúng là mình xuống dốc đều đều, nhưng lại cứ tưởng tượng là mình đang đi lên. Thế đấy. Dư luận xã hội cho là mình đã đi lên, ấy thế mà cuộc sống vẫn đều đều sụt lở dưới chân mình đến nỗi... Và thế là tất cả đã sẵn sàng, hãy chết đi thôi!

Thế là thế nào? Để làm gì? Không có lẽ nào. Không có nào cuộc sống lại vô nghĩa, xấu xa như thế. Còn nếu đúng là cuộc sống xấu xa và vô nghĩa như vậy, thì ngắc ngoải, hấp hối một cách đau đớn như vậy để làm gì? Có cái gì không ổn đây.

"Có lẽ mình đã sống không ra sống chăng?" - Ông bất chợt nghĩ thế. " Nhưng tại sao lại như vậy khi mình đã làm tất cả những gì cần làm? - ông tự nhủ và ngay lập tức gạt bỏ ngay cách giải đáp duy nhất toàn bộ bài toán cuộc đời và cái chết, coi lời giải đáp đó như một cái gì hoàn toàn không thể chấp nhận được.

"Giờ đây anh muốn gì? Sống ư? Sống như thế nào? Sống như anh sống ở toà án, khi viên lục

sự xướng lên : "Toà ra !...". Toà ra, toà ra, - ông nhắc lại. Toà án đấy ! Nhưng mình đâu có lỗi ! - ông hằn học kêu lên. - Vì lẽ gì ?" Rồi ông ngừng khóc, nằm xoay mặt vào tường và chỉ còn nghĩ tới mỗi một điều : chịu đựng tất cả nỗi khủng khiếp này để làm gì, vì sao?

Nhưng nghĩ bao nhiêu thì nghĩ, ông không tìm được câu trả lời và như mọi lần, khi ông nghĩ rằng tất cả đều bắt nguồn từ chỗ ông đã sống không ra sống, ông bèn lập tức xua đuổi ý nghĩ kỳ quặc và nhớ lại toàn bộ cuộc đời mực thước của mình.

X

Thêm hai tuần lễ nữa trôi qua, Ivan Ilích không rời khỏi đi-văng nữa. Ông không muốn nằm trên giường và nằm trên đi-văng. Hầu như lúc nào cũng nằm quay mặt vào tường, đơn độc chịu đựng vẫn những nỗi đau khổ không giải quyết được đó. Đó là cái gì? Lẽ nào cái chết lại là sự thật? Và giọng nói bên trong đáp: đúng, sự thật đấy. Những nỗi giày vò này để làm gì? Và giọng nói bên trong đáp: để mà giày vò thế thôi, chả để làm gì cả. Sau này chẳng có gì ngoài câu trả lời đó cả.

Ngay từ khi phát bệnh, từ dạo Ivan Ilích lần đầu tiên tìm đến bác sĩ, cuộc sống của ông bị chia xẻ giữa hai tâm trạng đối lập, thay thế nhau: khi thì tuyệt vọng chờ đợi cái chết khủng khiếp khó hiểu, khi thì hy vọng và hào hứng theo dõi hoạt động của cơ thể mình. Khi thì trước mắt hiện ra độc có quả thận và khúc ruột tạm thời không làm tròn chức năng của mình, khi thì xuất hiện độc có cái chết khủng khiếp khó hiểu, không làm cách nào thoát được nó.

Lúc mới phát bệnh, hai tâm trạng đó luân phiên nhau, nhưng bệnh càng tiến triển, những suy nghĩ về quả thận càng đáng ngờ hơn, hoang đường hơn và ý nghĩ về cái chết đang tới càng hiện thực hơn.

Chỉ cần ông nhớ tới ba tháng trước đây như thế nào và bây giờ mình ra sao, nhớ tới việc ông đang đều đều xuống dốc là bất kỳ hy vọng nào có thể loé lên cũng đều tan vỡ.

Ông nằm quay mặt vào lưng đi-văng, cô độc giữa một thành phố đông người, giữa vô vàn người quen biết và gia đình mình, ngay dưới đáy biển, trên mặt đất, không đâu có cảnh cô đơn trọn vẹn hơn thế. Trong thời gian cuối của cảnh cô đơn khủng khiếp đó, Ivan Ilích chỉ sống bằng tưởng tượng lại dĩ vãng. Những khung cảnh dĩ vãng lần lượt hiện ra trước mắt ông. Bao giờ cũng bắt đầu

từ những khung cảnh gần nhất rồi chuyển tới những khung cảnh xa xưa nhất, tới thời thơ ấu và dừng lại đó. Ivan Ilích nhớ tới món mứt mận hôm nay người ta đưa cho ông ăn, ông nhớ tới quả mận khô của Pháp, vỏ nhăn nheo trong thời thơ ấu, tới vị ngon đặc biệt của nó và việc nước dãi ứa đầy mồm khi cắn phập tới hạt. Cùng với hồi ức về vị ngon của quả mận kéo theo hàng loạt hồi ức về thời kỳ đó: vú em, người anh, các đồ chơi. "Chả nên nghĩ tới thời đó... Đau đớn quá", - Ivan Ilích tự nhủ và lại chuyển sang nghĩ về hiện tại. Chiếc khuy trên lưng đi-văng và những nếp nhăn trên tấm da dê thuộc: "Da dê thuộc không bền, đắt tiền, không bền, đã xảy ra chuyện cãi cọ về nó. Nhưng có một mảnh da dê thuộc khác và một cuộc cãi cọ khác, khi chúng mình dứt nó ra khỏi cặp của bố và bị trừng phạt, còn mẹ thì mang bánh ngọt đến cho". Lại dừng lại ở thời thơ ấu, Ivan Ilích lại cảm thấy đau đớn, ông cố gắng xua đuổi nó và nghĩ tới chuyện khác.

Ngay lúc đó, cùng với những hồi ức này, trong lòng ông đã diễn ra một loạt hồi ức khác về việc căn bệnh của ông phát triển và nặng lên như thế nào. Càng nghĩ xa về trước càng thấy nhiều sự sống hơn. Nhiều điều lành trong cuộc sống, ngay sự sống cũng nhiều hơn. Những hồi ức đó quyện

lẫn vào nhau. "Nhưng nỗi đau đớn ngày càng tệ hại, cũng như cả cuộc sống ngày càng tệ hại", - ông nghĩ. Ngược về trước chỉ có một chấm sáng ở giai đoạn đầu cuộc đời, còn sau đó tất cả trở nên ngày càng đen tối hơn và diễn ra ngày càng chóng vánh hơn. "Tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách tới cái chết", - Ivan Ilích nghĩ và hình ảnh hòn đá rơi xuống với tốc độ ngày càng nhanh hằn sâu trong tâm trí ông. Cuộc sống với hàng loạt đau khổ tăng thêm lên đang bay mỗi lúc một nhanh hơn tới chỗ kết thúc, tới nỗi đau khổ khủng khiếp nhất. "Mình đang bay..." Ông rùng mình, cựa quậy, muốn chống lại, nhưng ông biết rằng mình không thể chống lại được. Ông lại đưa cặp mắt nhìn lưng đi-văng, cặp mắt nhìn đã mỏi, nhưng không thể không nhìn ra phía trước, và chờ đợi, chờ đợi sự rơi tõm khủng khiếp, sự va đập và tan tành. "Không thể chống lại được, - ông tự nhủ. - Nhưng giá hiểu được vì sao lại thế? Và không thể hiểu được. Có thể giải thích được, nếu như nói rằng mình đã sống không ra sống. Nhưng không thể thừa nhận điều đó được", - ông tự nhủ khi nhớ lại cuộc sống hợp pháp, mực thước và lịch thiệp của mình. "Không thể chấp nhận điều đó được, - ông tự nhủ, nhếch mép cười, tưởng như có người nhìn được nụ cười đó của ông và bị ông

đánh lừa. - Không giải thích được! Sự đau khổ, cái chết... Để làm gì ?"

XI

Hai tuần lễ đã trôi qua như thế. Trong những tuần lễ đó đã xảy ra sự kiện mà Ivan Ilích và vợ ông mong chờ: Pêtơrisép đã chính thức cầu hôn. Việc đó xảy ra vào buổi tối. Hôm sau Praxkôvia Phêđôrốpna đến phòng chồng, bà suy nghĩ xem nên báo tin đó cho chồng như thế nào, nhưng cũng trong buổi tối đó, bệnh tình Ivan Ilích lại trở nên trầm trọng. Praxkôvia Phêđôrốpna bắt gặp ông vẫn nằm trên chiếc đi-văng đó, nhưng nằm trong tư thế mới. Ông nằm ngửa, rên rỉ và nhìn chằm chằm lên trần.

Bà bắt đầu nói về chuyện thuốc men. Ông đưa mắt nhìn bà. Chưa nói hết lời, bà đã nhận ra vẻ hằn học ghê gớm đối với bà chứa chất trong cái nhìn đó.

- Vì Chúa, mình hãy để cho tôi yên thân, - ông nói.

Bà muốn đi ra, nhưng vừa lúc ấy cô con gái bước vào phòng và lại gần giường cha thăm hỏi. Ông cũng nhìn cô con gái như nhìn bà vợ và khi

nghe cô hỏi về sức khỏe, ông chỉ nói một cách khô khan với cô rằng ông sẽ mau chóng giải thoát cho tất cả bọn họ khỏi phải chịu đựng ông. Hai mẹ con ngồi im lặng, rồi ra khỏi phòng.

- Mẹ con mình có lỗi gì cơ chứ? - Êlidavêta nói với mẹ. - Cứ y như chúng ta gây ra chuyện này ấy! Con thương ba, nhưng vì lẽ gì ba lại giày vò chúng ta.

Bác sĩ đến vào giờ thường lệ. Trả lời câu hỏi của bác sĩ, Ivan Ilích nói : "Có, không", không rời cặp mắt hằn học khỏi ông ta và sau cùng ông nói:

- Ông cũng biết ông chẳng thể giúp được gì, vậy hãy thôi đi.

- Chúng tôi có thể làm dịu đau, - bác sĩ nói.

- Cả điều ấy ông cũng không thể làm được, ông thôi đi.

Bác sĩ bước ra phòng khách và báo cho Praxkôvia Phêđôrốpna biết rằng tình hình rất nguy kịch và chỉ còn một phương sách là dùng thuốc phiện để làm dịu đau đớn, những đau đớn hẳn là khủng khiếp.

Bác sĩ nói rằng, những đau đớn thể xác của ông là khủng khiếp. Điều đó đúng, nhưng những đau đớn tinh thần của ông còn khủng khiếp

hơn những đau đớn thể xác, ông bị giày vò chính là vì thế.

Những đau đớn tinh thần của ông là ở chỗ, đêm hôm ấy khi nhìn khuôn mặt ngái ngủ, đôn hậu, có gò má cao của Ghêraxim, ông bất chợt nghĩ: thế ngộ quả thực toàn bộ cuộc đời mình, cuộc sống có ý thức của mình "không ổn" thì sao.

Trước đây ông cho rằng dứt khoát không thể nào nghĩ là ông đã sống không ra sống, bây giờ ông nghĩ điều đó có thể là sự thật. Ông đã từng có những ý định đấu tranh không rõ rệt chống lại điều mà những người ở chót vót trên cao cho là tốt và lập tức gạt bỏ những ý định đó, bây giờ ông nghĩ rằng những ý định đó có thể là chính đáng, còn mọi điều khác có thể là không ổn. Cả công vụ của ông, cả việc thu xếp cuộc sống, cả gia đình của ông lẫn những mối quan tâm về xã hội và công vụ kia, mọi cái đó đều có thể là không ổn. Ông định bảo vệ tất cả những cái đó trước mình. Bỗng nhiên ông cảm thấy tất cả chỗ yếu của những gì ông đang bảo vệ. Và chẳng làm thế nào mà bảo vệ được.

"Nếu quả là như thế, - ông tự nhủ, - mình sẽ rời khỏi cuộc sống với ý thức rằng mình đã huỷ hoại tất cả những gì đã được trao cho mình, không thể cứu vãn được, lúc đó tình hình sẽ ra

sao? " Ông nằm ngửa và điểm lại cuộc đời mình một cách hoàn toàn mới mẻ. Sáng nay ông đã nhìn thấy tên đày tớ, rồi đến bà vợ, cô con gái và vị bác sĩ, - mỗi cử chỉ của họ, mỗi lời nói của họ đều khẳng định với ông chân lý khủng khiếp ông đã phát hiện đêm qua. Ông nhìn thấy mình qua họ, nhìn thấy tất cả những gì ông đã sống và thấy rõ ràng tất cả những cái đó đều không ổn, tất cả những cái đó đều là trò bịp lớn, khủng khiếp, nó che lấp mất cả cuộc sống lẫn cái chết. Ý nghĩ đó tăng thêm, nhân lên gấp mười những đau đớn thể xác của ông. Ông rên rỉ, vật vã và dứt tung quần áo ở trên mình. Ông tưởng như áo quần đè nén ông, làm cho ông nghẹt thở. Và vì thế ông căm ghét họ, những con người đó.

Người ta cho ông uống một liều thuốc phiện lớn, ông ngủ thiếp đi, nhưng đến bữa ăn trưa, cảnh đó lại tái diễn. Ông xua đuổi tất cả mọi người và vật vã tại chỗ.

Bà vợ đến gần ông và nói:

- *Jean* yêu quý ơi, mình hãy làm vì tôi, (vì tôi ư?). Việc đó không có hại đâu, mà đôi khi còn có lợi. Chả việc gì đâu. Ngay những người khỏe đôi khi cũng...

Ông mở to mắt:

- Cái gì? Làm lễ nhập thánh thể à? Để làm gì? Chả cần! Nhưng thôi được...

Bà oà khóc:

- Mình ơi, tôi mời linh mục quen biết nhà ta, ông ấy hiền lắm.

- Tuyệt, hay lắm, - ông thốt lên.

Khi vị linh mục tới và nghe ông xưng tội, ông dịu đi, cảm thấy tựa hồ như mình đã dịu bớt nghi ngờ, do đó đã dịu bớt đau khổ và ông thoáng thấy hy vọng. Ông lại bắt đầu nghĩ tới manh tràng và khả năng chữa lành nó. Khi làm lễ nhập thánh thể thì mắt ông ứa lệ.

Người ta đặt ông nằm sau khi làm lễ, ông cảm thấy dễ chịu một lát và lại hy vọng sống. Ông xoay ra nghĩ tới việc giải phẫu mà người ta đề nghị với ông. "Sống, mình muốn sống", - ông tự nhủ. Bà vợ tới chúc mừng ông, sau khi nói mấy lời theo lệ thường, bà thêm:

- Có đúng là mình thấy dễ chịu hơn không nào?

Không nhìn bà, ông thốt ra: đúng.

Áo quần của bà, vóc dáng của bà, vẻ mặt của bà, giọng nói của bà - tất cả đều nói với ông một điều: "Không ổn. Tất cả những gì mình đã sống và đang sống đều là dối trá, bịp bợm, nó che lấp khiến mình không thấy sự sống và cái chết". Vừa

nghĩ tới đó, lòng căm thù của ông trào lên, kèm theo đó là những đau đớn giày vò về thể xác và ý thức về cái chết gần kề, không tránh khỏi. Một điều gì đó mới mẻ diễn ra: ông cảm thấy như bị đau xoắn, nhức buốt và nghẹt thở.

Vẻ mặt của ông khi ông thốt ra tiếng "đúng" thật khủng khiếp. Sau khi thốt ra tiếng "đúng", ông nhìn thẳng vào mặt bà, rồi tuy yếu như vậy, ông quay người nằm sấp xuống nhanh chóng lạ thường và la lớn:

- Đi đi, đi đi, để cho tôi yên!

XII

Từ phút đó bắt đầu cuộc kêu rên liên tục suốt ba ngày, tiếng kêu rên khủng khiếp đến nỗi cách hai lần cửa, khi nghe thấy, người ta vẫn thấy khiếp sợ. Vào giây phút khi ông trả lời vợ, ông biết rằng ông đã đi đứt rồi, không cứu vãn được, thế là hết rồi, hết hẳn rồi, còn mối hoài nghi thế là đã không được giải quyết và vẫn sẽ cứ là một mối hoài nghi.

- U! U-u! U! - ông kêu la bằng các giọng điệu khác nhau. Ông bắt đầu kêu: "Tôi không muốn!" - và cứ thế tiếp tục kêu theo âm "uốn".

Trong suốt ba ngày, ông không nhận ra thời gian, ông giãy giụa trong chiếc túi đen ngòm mà một sức mạnh vô hình không cưỡng lại được đã ném ông vào đó. Ông giãy giụa như kẻ bị án tử hình giãy giụa trong tay đao phủ, biết rằng mình không thể thoát được. Và cứ mỗi phút ông lại cảm thấy rằng bất chấp mọi nỗ lực đấu tranh, ông đang đi ngày càng gần tới chỗ ông khiếp sợ. Ông cảm thấy nỗi đau đớn giày vò ông cả ở chỗ ông đang bị cuốn vào cái lỗ đen ngòm đó và ông càng bị giày vò đau đớn hơn nữa, vì ông không thể lọt qua cái lỗ đó được. Cái ý nghĩ cho rằng cuộc sống của ông là tốt đẹp đã ngăn trở không cho ông chui lọt qua lỗ đó. Chính sự bào chữa cho cuộc sống của mình đã bám chặt, không thả cho ông lăn đi và nó làm cho ông đau đớn nhiều hơn cả.

Bỗng nhiên, một sức mạnh nào đó thúc vào ngực, vào sườn ông, ông càng thấy nghẹt thở hơn, ông lăn xuống cái lỗ và ở đấy, tại đáy lỗ có cái gì sáng loé lên. Tình hình xảy ra với ông cũng giống như khi ông ngồi trên một toa xe lửa: ông tưởng tàu sẽ chạy về phía trước, nhưng nó lại chạy về phía sau, và ông bỗng nhiên nhận ra hướng đi thật của con tàu.

"Phải tất cả đều không ổn, - ông tự nhủ, - nhưng điều đó cũng chả sao. Có thể, có thể làm cho nó

"ổn". Thế nào là "ổn?" - ông tự hỏi và bỗng nhiên lặng người đi.

Đó là vào cuối ngày thứ ba, một giờ trước khi ông chết. Đúng lúc ấy chú học sinh trung học khe khẽ lén đến với cha và bước lại gần giường ông. Người hấp hối vẫn kêu la tuyệt vọng và dang hai tay ra. Một bàn tay của ông rơi trúng đầu chú học sinh. Chú nắm lấy bàn tay đó, áp sát vào môi mình và òa khóc.

Vừa lúc đấy Ivan Ilích lăn xuống đáy lỗ, nhìn thấy ánh sáng và phát hiện ra rằng ông đã sống không ra sống, nhưng chuyện đó còn có thể sửa chữa được. Ông tự hỏi: thế nào là "ổn", và lặng người đi, chăm chú lắng nghe. Lúc ấy ông cảm thấy có người hôn bàn tay mình. Ông mở mắt nhìn con trai. Ông đâm ra thương hại nó. Bà vợ bước lại gần ông. Ông nhìn bà. Bà há mồm, nước mắt không lau đầm đìa trên mũi và má, bà nhìn ông với vẻ mặt tuyệt vọng. Ông đâm ra thương hại bà.

"Phải, mình giày vò họ, - ông nghĩ. - Họ đáng thương, nhưng khi mình chết, họ sẽ dễ chịu hơn". Ông muốn nói ra điều đó, nhưng không còn sức để nói. "Vả chăng nói để làm gì, phải làm cơ", - ông nghĩ. Ông đưa mắt cho vợ, chỉ đứa con trai và nói:

- Dẫn nó đi... thương... cả mình... - ông còn muốn

nói "hãy tha thứ cho tôi", nhưng ông lại nói "hãy để cho tôi đi", nhưng không đủ sức nói lại, ông khoát tay, vì biết rằng người nào cần nghe sẽ hiểu.

Và bỗng nhiên ông thấy rõ ràng rằng cái đã đày đọa ông và không buông tha ông bỗng nhiên thoát hết ra ngay từ hai phía, từ hàng chục phía, từ tất cả mọi phía. Thương xót họ, làm thế nào để cho họ khỏi phải đau đớn. Cần phải giải thoát họ và tự giải thoát bản thân mình khỏi những đau khổ ấy. "Sung sướng biết bao và đơn giản biết bao, - ông nghĩ. - Còn cơn đau? - ông tự hỏi. - Nó đâu rồi? Ô kìa, cơn đau, mày ở đâu?"

Ông bắt đầu chăm chú lắng nghe.

"A, nó đây rồi. Thôi được, cứ đau đi".

"Còn cái chết? Nó đâu rồi?"

Ông tìm nỗi sợ chết quen thuộc trước đây của mình và không thấy nó. Cái chết ở đâu? Cái chết là thế nào? Chẳng có nỗi sợ nào cả, vì ngay cả cái chết cũng chẳng có.

Thay thế cho cái chết là ánh sáng.

- Ra thế đấy ! - ông bỗng thốt to lên. - Vui sướng biết bao!

Đối với ông mọi cái đó đã xảy ra trong một khoảnh khắc và ý nghĩa của khoảnh khắc đó không thay đổi. Đối với những người chứng kiến, cơn hấp

hối của ông còn kéo dài hai tiếng đồng hồ nữa. Trong ngực ông có cái gì khò khè, cơ thể rã rời của ông rung lên. Sau đó tiếng khò khè và tiếng thở phì phì ngày một thưa thớt đi.

- Thế là hết! - có người nói trước mặt ông.

Ông đã nghe thấy câu nói đó và ông lặp lại nó trong tâm trí mình. "Hết đời cái chết, - ông tự nhủ. - Chẳng còn cái chết nữa".

Ông thở hít vào, dừng lại nửa chừng cơn thở dốc, duỗi người ra và chết.

ĐỨC CHA XERGHI

I

Vào những năm bốn mươi ở Pêterburg đã xảy ra một sự kiện khiến mọi người sửng sốt: một người đẹp trai, một vị công tước, chỉ huy đội ngự lâm của trung đoàn kỵ binh nặng mà mọi người tiên đoán là sẽ được làm sĩ quan tuỳ tùng ngự tiền và bước đường công danh sẽ rực rỡ dưới triều Hoàng đế Nhikôlai I, một tháng trước khi làm lễ cưới với một nữ quan đẹp tuyệt trần, được hoàng hậu đặc biệt ân sủng, đã xin về hưu, cắt đứt quan hệ của mình với vợ chưa cưới, đem cái trang ấp nhỏ của mình cho em gái, rồi vào tu viện với ý định trở thành tu sĩ. Sự kiện ấy tưởng như khác thường và khó giải thích đối với những người không am hiểu những nguyên do bên trong, còn đối với chính bản thân công tước Xtêpan Kaxátxki thì tất cả những chuyện đó đều tự nhiên, đến mức anh không thể hình dung mình có thể xử sự khác được.

Ông thân sinh của Xtêpan Kaxátxki, một đại

tá hồi hưu của quân ngự lâm, đã chết khi con trai ông mười hai tuổi. Mặc dù bà mẹ rất tiếc khi phải để cậu con trai xa nhà, bà đã không dám không thực hiện ý muốn của người chồng đã quá cố, lúc lâm trung ông đã dặn dò lại là không được để con trai ở nhà mà phải đưa nó vào Trường quân sự đặc biệt, vì thế bà đã cho con vào Trường đó. Bản thân người đàn bà góa đã cùng với cô con gái Vácvara chuyển tới sống ở Peterburg, nơi cậu con trai theo học và để đón cậu ta về nhà vào những ngày lễ.

Cậu bé đã bộc lộ những khả năng xuất sắc và lòng tự ái rất lớn, do đó cậu dẫn đầu về các môn khoa học, nhất là về toán học mà cậu đặc biệt say mê và về môn đội ngũ cũng như môn cưỡi ngựa. Cậu đẹp trai và nhanh nhẹn dù vóc dáng có cao hơn mức bình thường. Hơn thế, căn cứ vào tư cách, lẽ ra cậu phải là một thiếu sinh quân mẫu mực, nếu như cậu không có thói hay phát khùng. Cậu không uống rượu, không chơi bời phóng đãng và ngay thật lạ lùng. Chỉ có một điều ngăn trở khiến cậu không trở thành một người mẫu mực, ấy là những cơn giận dữ bùng lên trong người cậu, lúc ấy cậu hoàn toàn mất tự chủ và trở thành con mãnh thú. Có lần cậu đã suýt ném một thiếu sinh quân ra ngoài cửa sổ, vì anh này bắt đầu chế giễu bộ sưu tập các mẫu quặng của

cậu. Một lần khác cậu suýt chết: cậu đã quăng cả một đĩa thịt băm viên vào người viên quản lý, lao vào viên sĩ quan và người ta nói rằng, cậu đã đánh ông ta vì ông ta nuốt lời và đã nói dối một cách trắng trợn. Có lẽ chắc chắn là cậu đã bị giáng xuống làm lính, nếu như ông Hiệu trưởng không che giấu tất cả chuyện này và không đuổi cổ viên quản lý.

Năm mười tám tuổi Kaxátxki tốt nghiệp, ra làm sĩ quan trong trung đoàn ngự lâm quí tộc. Hoàng đế Nhikôlai Páplôvich biết anh từ lúc anh còn theo học trường quân sự và đã để ý tới anh, cả sau khi anh về trung đoàn, bởi vậy mọi người đã tiên đoán rằng anh sẽ là sĩ quan tuỳ tùng của hoàng đế. Và Kaxatxki khao khát được như thế không phải chỉ vì lòng háo danh, mà chủ yếu bởi vì thời còn học ở nhà trường anh đã yêu mến, say mê, đúng là say mê, Hoàng đế Nhikôlai Páplôvich. Cứ mỗi lần Nhikôlai Páplôvich tới thăm trường, - mà ông tới thăm trường luôn, - khi ông hùng dũng bước vào, vóc người cao lớn, vận quân phục, ngực ưỡn, sống mũi chim ưng trên hàng ria mép với bộ râu quai nón tỉa tót, và cất giọng oai nghiêm chào hỏi các thiếu sinh quân, Kaxatxki có cái cảm giác hân hoan phấn khởi của một người đang yêu, sau này anh cũng trải qua cảm giác

đó khi gặp người yêu của mình. Chỉ có điều là cảm giác hân hoan say mê Nhikôlai Páplôivích mạnh hơn. Anh mong muốn được phơi bày trước người lòng trung thành vô hạn của mình, được hy sinh thân mình vì Người. Nhikôlai Páplôvich biết rõ điều gì đã gây nên niềm hân hoan phấn khởi đó và ông đã cố ý làm như thế. Ông chơi đùa với các thiếu sinh quân, để họ quây quần quanh mình, khi thì dung dị như trẻ con, khi thì thân ái, khi thì trang trọng uy nghi trong cách đối xử. Sau khi xảy ra chuyện va chạm gần nhất giữa Kaxatxki với viên sĩ quan, Nhikôlai Páplôvich đã không hề nói gì với Kaxatxki cả, nhưng khi Kaxatxki bước lại gần ông, ông đã gạt anh ra như đóng kịch và chau mày, giơ ngón tay lên đe dọa, rồi sau đó lúc ra đi ông nói:

- Anh hãy nhớ rằng việc gì ta cũng biết, tuy có một vài chuyện ta không muốn biết. Nhưng chuyện đó ở đây này.

Ông chỉ tay vào trái tim.

Khi các thiếu sinh quân đã tốt nghiệp, tới ra mắt ông, ông không nhắc nhở gì tới chuyện đó và nói, như thường lệ, rằng tất cả bọn họ có thể trực tiếp tâu bày thẳng với ông, rằng mong sao họ trung thành phụng sự ông và tổ quốc, còn ông sẽ mãi là người bạn gần gũi nhất của họ. Như

thường lệ, tất cả mọi người đều cảm động, còn Kaxatxki, do nhớ tới câu chuyện đã xảy ra, anh khóc và hứa sẽ hết lòng hết sức phụng sự Sa hoàng yêu quí của mình.

Khi Kaxatxki và trung đoàn, bà mẹ anh đã cùng cô con gái chuyển về Maxcova, rồi sau đó về sống ở nông thôn. Kaxatxki đã cho em gái một nửa tài sản của mình. Phần tài sản còn lại chỉ đủ để anh duy trì cuộc sống xa xỉ trong trung đoàn của mình.

Nhìn bề ngoài Kaxatxki dường như là một sĩ quan ngự lâm xuất sắc, trẻ trung, bình thường nhất, người đang lập công danh, nhưng trong lòng anh đang diễn ra cuộc đấu tranh phức tạp và căng thẳng. Cuộc đấu tranh đó bắt đầu ngay từ thời thơ ấu của anh, tưởng như đó vẫn chỉ là một, nội dung của cuộc đấu tranh đó là: trong mọi công việc mà anh gặp trên đường đời, phải đạt tới sự hoàn thiện và thành công khiến mọi người ngạc nhiên và ca ngợi. Dù đó là học tập hay khoa học, anh đều lăn xả vào và làm việc kỳ cho tới khi mọi người khen ngợi anh và lấy anh làm gương cho kẻ khác. Đạt được việc này rồi, anh bắt tay vào việc khác. Do đó anh đã đứng đầu về các môn khoa học, chẳng hạn lúc còn học ở trong trường, có lần anh nhận thấy mình trò chuyện bằng tiếng Pháp còn chưa thạo, thế là anh đã học cho kỳ

được để có thể nắm tiếng Pháp như tiếng Nga vậy. Và sau đó, lúc hãy còn học ở nhà trường cả khi học chơi cờ, anh cũng đã đạt tới mức chơi một cách xuất sắc.

Ngoài sứ mạng chung của cuộc đời là phụng sự Sa hoàng và tổ quốc, bao giờ anh cũng đặt cho mình một mục đích nào đó, và dù cho mục đích ấy nhỏ bé thế nào đi nữa, anh cũng đem hết sức mình để đạt cho kỳ được, và chỉ sống vì mục đích đó cho đến khi đạt được nó. Nhưng hễ anh đạt được mục đích đã định thì lập tức một mục đích khác lại nảy sinh trong đầu óc anh thay thế cái trước. Cuộc sống của anh tràn đầy khát vọng được nổi bật và khát vọng đạt tới mục đích để được nổi bật. Vì thế khi đã ra làm sĩ quan anh đã đặt cho mình mục đích là phải am hiểu thành thạo hết mức công vụ của mình và chẳng bao lâu anh đã trở thành một sĩ quan mẫu mực, tuy anh vẫn lại mắc cái tính hay phát khùng không kiềm chế được, thiếu sót này trong công vụ đã đẩy anh vào những hành vi không hay và có hại cho sự thành đạt. Sau đó, có lần qua câu chuyện với giới thượng lưu, anh thấy mình còn thiếu trình độ phổ thông, anh quyết tâm bổ sung cho mình và anh đã lao vào đọc sách, đạt cho kỳ được điều mình muốn. Thế rồi anh quyết định đạt cho một vị trí tuyệt vời trong xã hội thượng lưu, anh học khiêu vũ một cách xuất sắc, và chẳng bao lâu anh đã

được mời tới dự tất cả các vũ hội của giới thượng lưu và một số buổi tiếp tân. Nhưng địa vị đó chưa làm anh thoả mãn. Anh đã quen là người đứng đầu, mà trong công việc này thì còn xa anh mới chiếm được vị trí đó.

Xã hội thượng lưu lúc đó, theo như tôi nghĩ, bao giờ và ở đâu cũng gồm 4 hạng người: 1) những người giàu có và những người gần gũi cung đình; 2) những người không giàu có, nhưng sinh ra và lớn lên trong cung đình; 3) những người giàu có xu phụ những người gần gũi cung đình và 4) những người không giàu có và cũng không gần cung đình, nhưng xu phụ hạng người thứ nhất và hạng người thứ hai. Kaxátxki không thuộc hạng người thứ nhất và hạng người thứ hai. Kaxátxki được vui lòng chấp nhận vào hạng cuối. Thậm chí khi bước vào xã hội thượng lưu, anh đã đặt cho mình mục đích là kết giao với một phụ nữ thượng lưu - và điều bất ngờ đối với anh là anh đã nhanh chóng đạt được việc đó. Nhưng anh vẫn nhanh chóng thấy rằng những giới mà anh vẫn thường lui tới là những giới thấp, còn có các giới cao hơn và trong các giới thượng lưu cung đình đó, thì tuy anh vẫn được họ tiếp đón, nhưng anh vẫn cảm thấy mình là người xa lạ; họ lịch thiệp đối với anh, nhưng toàn bộ cách đối xử của họ cho thấy họ có những người của họ và anh không phải là người của họ.

Và Kaxátxki muốn ở đó anh được coi là người của họ. Muốn thế thì hoặc cần phải là sĩ quan tuỳ tùng ngự tiền, - điều này anh đang chờ đợi, hoặc là cưới vợ trong giới đó. Và anh quyết định làm như vậy. Anh đã chọn được một cô gái, một người đẹp, gần gũi cung đình, cô không những là một người thuộc xã hội thượng lưu mà anh muốn ra nhập, cô còn là một trong những người có địa vị cao, và vững chắc nhất trong giới thượng lưu ra sức tìm cách gần gũi. Đó là nữ bá tước Kôrốtkôva. Kaxátxki theo đuổi Kôrốtkôva không phải chỉ vì chuyện công danh, cô là người có sức hấp dẫn phi thường và chẳng bao lâu anh đã yêu cô thật sự. Thoạt đầu, cô đặc biệt lạnh lùng đối với anh, nhưng sau đó mọi sự bỗng nhiên thay đổi, cô trở nên trìu mến, và bà mẹ cô hết sức ân cần mời mọc anh đến nhà.

Kaxatxki đã ngỏ lời cầu hôn và được chấp nhận. Anh ngạc nhiên khi thấy mình đạt tới hạnh phúc một cách dễ dàng và nhận ra trong cách đối xử của bà mẹ và cô con gái có cái gì đặc biệt lạ lùng. Anh đã yêu quá say đắm và mù quáng, bởi vậy anh không nhận ra rằng hầu như tất cả mọi người trong thành phố đều biết người vợ chưa cưới của anh đã trở thành nhân tình của Nhikôlai Páplôvích từ một năm trước đây.

II

Hai tuần lễ trước ngày cưới, Kaxatxki ngồi chơi tại biệt thự của người vợ chưa cưới của mình tại Txarxkôiê Xêlô [3]. Đó là một ngày tháng năm nóng nực. Cặp vợ chồng chưa cưới dạo chơi trong vườn và ngồi trên chiếc ghế dài nhỏ trên con đường rợp bóng cây đoạn. Maria đẹp lạ lùng trong chiếc áo dài trắng bằng sa. Cô dường như là hiện thân của sự trinh bạch và tình yêu. Cô ngồi đó, khi thì cúi đầu xuống, khi thì nhìn con người đẹp trai, cao lớn, đang nói năng rất thận trọng và trìu mến đối với cô, e ngại mỗi lời nói, cử chỉ của mình có thể xúc phạm tới vẻ trong trắng thiên thần của người vợ chưa cưới. Kaxatxki thuộc vào số người của những năm bốn mươi, những người ngày nay không còn nữa, họ có ý thức cho phép mình và không thầm lên án mình về sự không trong sạch trong quan hệ tình dục, nhưng lại đòi hỏi ở vợ sự trong sạch thiên thần, lý tưởng, thừa nhận trong mỗi cô gái thuộc giới mình đều có sự trong sạch rất thiên thần đó và đã đối xử với họ như vậy. Quan niệm này chứa đựng nhiều điều không đúng và có hại, vì nó khiến đàn ông cho phép mình sống phóng đãng, nhưng đối với phụ nữ thì một quan điểm như thế, theo như tôi nghĩ, là có ích, quan điểm đó khác xa với quan

điểm của thanh niên hiện nay - đó là những kẻ nhìn thấy trong mỗi cô gái một con cái đang đi tìm đực. Khi thấy mình được thần thánh hoá như thế, các cô gái đã cố gắng để có thể ít nhiều là những nữ thiên thần. Kaxatxki cũng giữ quan niệm như vậy. Trong ngày hôm ấy anh yêu say đắm và không hề cảm thấy chút dục tình nào đối với vợ chưa cưới, ngược lại, anh âu yếm nhìn cô như nhìn một cái gì không thể động chạm tới được. Vươn thẳng vóc người cao lớn, anh đứng trước cô, hai tay tì lên thanh gươm.

- Chỉ mãi tới bây giờ tôi mới được biết tới cái hạnh phúc mà một con người có thể nếm trải. Chính cô, em - anh nói, mỉm cười bẽn lẽn, - đã đem lại cho tôi hạnh phúc đó!

Anh còn đương ở trong thời kỳ chưa quen miệng lắm với tiếng "em", và khi nhìn cô từ dưới lên một cách đứng đắn, anh cảm thấy kinh hãi khi thốt ra tiếng "em" với đấng thiên thần đó.

- Tôi đã hiểu được mình nhờ có ...em, tôi đã biết rằng tôi tốt hơn là tôi tưởng.

- Tôi biết thế từ lâu. Chính vì thế nên tôi yêu ông.

Chim họa mi lảnh lót ở gần đó, tán lá cây tươi xanh đung đưa trước gió thoảng.

Anh cầm tay cô và hôn, mắt ứa lệ. Cô hiểu rằng anh cám ơn cô, vì cô đã nói là cô yêu anh. Anh đi đi lại lại, im lặng, sau đó bước lại gần và ngồi xuống.

- Cô biết không, em biết không, thôi thì đằng nào cũng thế. Tôi gần gũi em không phải là vô tư, tôi muốn gây dựng quan hệ với giới thượng lưu, nhưng sau đó... Điều đó thật nhỏ nhen xiết bao so với em, khi tôi hiểu rõ em. Em không giận tôi về chuyện đó chứ?

Cô không đáp và chỉ chạm tay vào tay anh.

Anh hiểu cử chỉ đó có nghĩa là: "Không, em không giận đâu".

- À mà em vừa nói... - Anh lúng túng, tưởng như mình quá sỗ sàng, - em nói rằng em yêu tôi, tôi tin, nhưng, em thứ lỗi cho, ngoài cái đó ra còn có điều gì đó ngăn trở và làm cho em lo lắng. Điều đó là gì vậy?

" Phải, bây giờ hoặc là chẳng bao giờ hết, - cô nghĩ. - Thôi thì đằng nào rồi anh ấy cũng sẽ biết. Nhưng bây giờ, anh ấy sẽ không bỏ đi. Chao ôi, nếu như anh ấy bỏ đi thì khủng khiếp xiết bao!"

Và cô đưa cặp mắt yêu đương bao quát toàn bộ vóc dáng to lớn, mãnh liệt, cao thượng của anh. Giờ đây cô yêu anh hơn Nhikôlai, và giá như đó

không phải là Hoàng thượng, thì chắc cô đã đổi ông ta lấy anh.

- Anh hãy nghe đây. Tôi không thể không thẳng thắn được. Tôi cần phải nói rõ mọi sự. Anh hỏi rằng đó là cái gì ư? Đó là vì tôi đã yêu.

Cô đưa tay ngăn cử chỉ cầu xin của anh.

Anh im lặng.

- Anh muốn biết tôi yêu ai phải không? Tôi yêu Người, Hoàng thượng.

- Tất cả chúng ta đều yêu mến Người, tôi tưởng tượng lúc cô ở học viện...

- Không, sau này cơ. Đó là một sự say mê, nhưng sau đó nó đã qua đi. Nhưng tôi phải nói rằng...

- Cái gì mới được chứ?

- Không, chuyện tôi không đơn giản đâu.

Cô đưa tay che mặt.

- Thế nào? Cô đã hiến thân cho ông ta à?

Cô im lặng

- Nhân tình à?

Cô im lặng.

Anh chồm dậy, mặt tái nhợt như xác chết, gò má run bần bật, đứng trước cô. Lúc này anh sực nhớ khi gặp anh trên đại lộ Nhépxki(4), Nhikôlai Páplôvich đã âu yếm chúc mừng anh.

- Trời ơi, tôi đã làm gì vậy, Xtêpan!

- Đừng đụng, đừng đụng vào người tôi. Ôi, đau đớn biết chừng nào! Anh quay ngoắt người lại và bước vào trong nhà. Tại đây, anh gặp bà mẹ.

- Sao thế, công tước? Tôi... - Bà ta im bặt khi nhìn thấy vẻ mặt anh. Máu bỗng phừng phừng dồn lên mặt anh.

- Bà đã biết chuyện này và bà muốn dùng tôi để che đậy cho họ. Nếu như các người không phải là đàn bà, - anh hét lên, vung nắm đấm to tướng trước mặt bà ta, rồi quay ngoắt người, chạy ra khỏi nhà.

Giá như nhân tình của vợ chưa cưới của anh là một người thường, chắc anh đã giết chết hắn, nhưng đây lại là Sa hoàng được sùng bái.

Ngay ngày hôm sau anh đã xin nghỉ phép và xuất ngũ, rồi cáo ốm để khỏi phải gặp ai, anh đi về quê.

Mùa hè, anh sống tại làng quê mình, thu xếp mọi công việc của mình. Hết hè, anh không quay trở lại Pêterburg, mà đi vào tu viện và đã trở thành tu sĩ ở đó.

Mẹ anh đã viết thư khuyên can anh chớ đi tới bước quyết liệt đó. Anh trả lời bà rằng sứ mạng của Chúa cao hơn mọi suy xét khác và anh cảm nhận thấy sứ mạng đó. Riêng cô em gái cũng kiêu

hãnh và háo danh như ông anh, là hiểu được anh.

Cô em hiểu rằng anh trở thành tu sĩ là để đứng cao hơn những kẻ muốn chứng tỏ cho anh biết họ đứng cao hơn anh. Và cô đã hiểu đúng anh. Bước chân vào giới tu sĩ, anh tỏ cho thấy rằng anh khinh miệt tất cả những cái gì tưởng là quan trọng xiết bao đối với những người khác và đối với chính bản thân anh, khi anh còn tại ngũ và anh đứng trên một tầm cao mới, đến mức từ đó anh có thể nhìn xuống những kẻ mà trước đây anh từng ghen tị. Nhưng không phải chỉ có một tình cảm đó chi phối anh, như cô em gái Varvara của anh đã nghĩ. Còn có một tình cảm khác, thật sự có tính chất tôn giáo chi phối anh, cái tình cảm mà Varvara không biết tới, nó xen lẫn với lòng kiêu hãnh và ý muốn vươn lên hàng đầu. Nỗi chán chường đối với Maria (người vợ chưa cưới) mà anh tưởng là một thiên thần, và sự xúc phạm mạnh đến nỗi đẩy anh tới đâu? - tới với Chúa, với đức tin thời thơ ấu, cái đức tin không bao giờ bị huỷ hoại trong anh.

III

Kaxatxki vào tu viện trong ngày lễ Đức Mẹ đồng trinh.

Tu viện trưởng của tu viện là một nhà quí

tộc, một văn nhân thông thái, một cha cả, nghĩa là ông kế tục cái truyền thống bắt nguồn từ Valakhia[5], của các vị tu sĩ nhẫn nhục, phục tòng bậc tôn sư và người hướng dẫn đã lựa chọn. Tu viện trưởng là môn đồ của cha cả Lêônít, môn đồ của Paixi Vêli skốpxki, Kaxatxki phục tòng vị tu viện trưởng này như phục tòng vị cha cả của mình vậy.

Ngoài cái ý thức về ưu thế của mình đối với những người khác trong tu viện, cũng như trong mọi việc đã làm, Kaxatxki ngay cả ở trong tu viện cũng cảm thấy niềm vui khi đạt tới sự hoàn thiện cao nhất ở công việc bên ngoài cũng như trong nội tâm mình. Cũng như khi ở trung đoàn, ông không những chỉ là một sĩ quan không chê trách vào đâu được, mà còn là một con người đã từng làm nhiều hơn so với đòi hỏi và đã mở rộng khuôn khổ sự hoàn thiện, khi đã là tu sĩ ông cố gắng trở nên một tu sĩ hoàn thiện: bao giờ cũng chịu khó làm lụng, biết tiết chế, nhẫn nhục, hiền lành, trong sạch không chỉ qua việc làm, mà cả trong ý nghĩ và việc tuân thủ phận sự. Đặc biệt là việc tuân thủ phận sự, hoặc là sự hoàn thiện, đã làm cho cuộc sống của ông trở nên thanh thản. Có nhiều đòi hỏi trong cuộc đời tu sĩ ở cái tu viện có nhiều khách viếng thăm này mà ông không thích, tuy những cái đó cám dỗ ông, nhưng ông đã loại trừ chúng bằng việc tuân thủ phận sự: công việc của

ta đâu có phải là xét đoán, công việc của ta là biết tuân thủ phận sự theo như qui định, dù là túc trực bên thánh cốt, hát trong ban đồng ca, hay lập bảng thanh toán cho nhà khách. Bất kỳ khả năng hoài nghi nào đi nữa cũng đều đã được loại trừ bằng việc tuân thủ phận sự như vậy đối với vị cha cả. Giá như không có việc tuân thủ phận sự, thì chắc hẳn ông đã cảm thấy nặng nề vì những công việc lễ bái triền miên và đơn điệu của nhà thờ, vì sự lăng xăng của các khách viếng thăm và những nết xấu của đoàn tu sĩ, nhưng giờ đây không những ông đã chịu đựng tất cả những cái đó một cách vui vẻ, mà chúng còn tạo ra sự nâng đỡ và niềm an ủi trong cuộc đời ông. " Ta không biết vì sao mỗi ngày ta lại phải nghe mấy lần cũng những lời cầu kinh đó, nhưng ta biết rằng đó là điều cần thiết. Và một khi biết rằng đó là điều cần thiết, ta tìm thấy niềm vui trong những cái đó". Vị cha cả đã nói với ông rằng cũng như món ăn vật chất cần thiết để duy trì cuộc sống, món ăn tinh thần - những lời cầu kinh của nhà thờ - cũng cần thiết để nâng đỡ đời sống tinh thần. Ông tin vào điều đó, và quả thực việc làm lễ ở nhà thờ mà đôi khi vào buổi sáng ông phải trỗi dậy một cách chật vật để tới dự, đã đem lại cho ông niềm vui và sự thảnh thơi chắc chắn. Ý thức về sự nhẫn nhục và không hoài nghi tất cả

những hành vi do vị cha cả ấn định đã đem lại cho ông niềm vui. Hứng thú của cuộc sống không những chỉ ở trong việc chế ngự ngày càng mạnh ý chí của mình, trong sự nhẫn nhục ngày càng nhiều hơn, mà còn ở trong việc đạt được mọi đức hạnh Ki-tô giáo mà lúc đầu ông tưởng là dễ dàng. Ông đã hiến dâng toàn bộ gia sản của mình cho cô em gái, không tiếc rẻ. Ông không chây lười. Sự nhẫn nhục trước những kẻ dưới chẳng những dễ dàng đối với ông, mà còn đem lại cho ông niềm vui. Thậm chí ông dễ dàng thắng được những tội lỗi xác thịt như thói tham lam cũng như sự dâm đãng. Vị cha cả đặc biệt ngăn ngừa để ông khỏi phạm tội lỗi đó, nhưng Kaxatxki vui mừng thấy rằng ông đã thoát được nó.

Chỉ có sự hồi tưởng về người vợ chưa cưới giày vò ông. Và không chỉ có hồi tưởng mà cả sự hình dung sinh động về những điều đã có thể xảy ra. Bất giác ông tưởng tượng ra người đàn bà ông quen biết được hoàng đế sủng ái, sau đó người ấy đi lấy chồng, trở thành một người vợ, người mẹ tuyệt vời trong gia đình. Chồng bà được bổ nhiệm vào một chức vụ quan trọng, có quyền hành, danh vọng và có một người vợ tốt, biết hối hận. Vào những giây phút tốt đẹp, những ý nghĩ đó không làm cho Kaxatxki xao xuyến. Khi nhớ lại chuyện đó vào những giây phút tốt đẹp ông vui

mừng, vì thấy mình đã thoát khỏi những cám dỗ đó. Nhưng có những giây phút, khi bỗng nhiên tất cả những gì ông coi là lẽ sống mờ đi trước mắt ông, chẳng những ông thôi không còn tin vào những gì khiến ông đã sống, mà còn thôi không nhìn thấy, không gợi nhớ lại được trong mình những gì khiến ông đã sống, và hồi ức - nói ra thật khủng khiếp - cùng cách đối xử của mình choán lấy ông.

Lối thoát trong tình trạng đó là tuân thủ phận sự nghĩa là làm việc và suốt ngày bận bịu với việc cầu kinh. Như thường lệ, ông đã cầu kinh, cúi gập người xuống lễ, thậm chí ông đã cầu kinh nhiều hơn thường lệ, nhưng ông đã cầu kinh bằng phần xác, chứ không phải phần hồn. Và việc đó kéo dài một ngày, đôi khi hai ngày, rồi sau đó qua đi. Nhưng một hoặc hai ngày đó thật khủng khiếp. Kaxatxki cảm thấy ông không nằm trong quyền lực của mình và không nằm trong quyền lực của chúa, mà nằm trong quyền lực của một người xa lạ nào đó. Và tất cả những gì ông có thể làm và đã làm trong thời gian đó là những gì vị cha cả khuyên ông: tiết chế, không làm gì trong thời gian đó và chờ đợi. Nói chung, trong suốt thời gian đó, Kaxatxki đã sống không phải theo ý mình, mà theo ý của vị cha cả, và ông cảm

thấy lòng mình đặc biệt thanh thản trong việc tuân thủ phận sự đó.

Kaxatxki đã sống như vậy suốt bảy năm trong tu viện đầu tiên nơi ông vào tu. Vào cuối năm thứ ba, ông đã được cắt tóc và được phong là linh mục với pháp danh là Xerghi. Trước đây ông cũng cảm thấy niềm an ủi lớn và sự phấn chấn tinh thần khi làm lễ nhập thánh thể; giờ đây khi chính ông phải làm lễ thì việc hoàn thành lễ Prô-xkô-mi-đi-a [7] đã khiến ông hân hoan cảm động. Nhưng về sau cảm giác đó càng chai lì đi, và có lần ông đã làm lễ trong một tâm trạng u uất thường có ở ông, lúc ấy ông cảm thấy rằng tâm trạng đó rồi sẽ qua đi. Và quả thực cảm giác đó đã yếu đi, nhưng thói quen thì còn lại.

Nói chung vào năm thứ bảy trong cuộc sống của mình tại tu viện, Xerghi bắt đầu thấy buồn chán. Tất cả những gì cần phải học tập, tất cả những gì cần phải đạt tới, - ông đều đã đạt được, và chẳng còn gì để mà làm nữa. Nhưng bù lại, trạng thái tê liệt ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Trong thời gian đó ông được tin mẹ mình chết và Maria đi lấy chồng. Ông dửng dưng đón nhận những tin tức đó. Toàn bộ sự chú ý, toàn bộ các mối quan tâm của ông tập trung vào cuộc sống nội tâm.

Vào năm thứ tư sau khi đi tu, vị giám mục tỏ ra đặc biệt trìu mến đối với ông và vị cha cả

đã bảo ông đừng nên từ chối, nếu như người ta bổ nhiệm ông vào những giáo chức cao. Và lúc ấy thói háo danh của tu sĩ, cái thói đáng ghét nhất của các tu sĩ, nổi lên trong ông. Người ta bổ nhiệm ông về coi sóc một tu việc ở gần thủ đô. Ông định từ chối, nhưng vị cha cả đã ra lệnh cho ông phải chấp nhận sự bổ nhiệm đó. Ông chấp nhận sự bổ nhiệm, từ biệt vị cha cả và chuyển tới một tu viện khác.

Việc chuyển tới cái tu viện ở gần thủ đô này là một biến cố quan trọng trong cuộc đời của Xerghi. Có nhiều sự cám dỗ đủ mọi kiểu và mọi sức lực của Xerghi đều hướng vào việc chống lại những cám dỗ đó.

Trong tu viện trước, việc cám dỗ của phụ nữ ít giày vò ông, ở đây sự cám dỗ đó lấn tới với sức mạnh khủng khiếp và đã đi tới chỗ có một hình thù nhất định. Có một phu nhân lừng danh vì tư cách xấu của mình bắt đầu xun xoe trước Xerghi. Bà ta trò chuyện với ông và ngỏ lời mời ông tới thăm bà ta. Xerghi đã nghiêm khắc từ chối, nhưng ông cảm thấy khiếp sợ trước ý muốn dứt khoát đó của mình. Ông sợ hãi đến nỗi đã viết thư cho vị cha cả về chuyện đó và hơn thế nữa, để mau chóng chấm dứt chuyện này, ông đã gọi người thầy dòng trẻ tuổi giúp việc mình tới và vượt qua nỗi xấu hổ, thú nhận với anh ta về sự yếu đuối của mình, yêu cầu anh ta theo dõi

mình và đừng để mình đi đâu, ngoài việc làm lễ và nghe xưng tội.

Ngoài ra, cám dỗ lớn nhất đối với Xerghi là ở chỗ tu viện trưởng của tu viện này, một người thanh lịch, khéo léo, đã làm nên công danh trong giáo hội, là kẻ mà Xerghi hết sức ác cảm. Dù Xerghi vật lộn với bản thân thế nào đi nữa, ông cũng không thể khắc phục được mối ác cảm đó. Ông đã cam chịu, nhưng trong thâm tâm vẫn không ngừng phê phán. Và tình cảm xấu đó bột phát.

Chuyện đó xảy ra vào năm thứ hai trong quãng thời gian ông ở tu viện mới. Câu chuyện như thế này. Trong dịp lễ đức mẹ đồng trinh, cuộc lễ ban đêm được tiến hành tại nhà thờ lớn. Dân chúng tới dự đông. Đích thân tu viện trưởng làm lễ. Cha Xerghi đứng ở chỗ thường ngày của mình và đọc kinh cầu nguyện, nghĩa là ông ở trong trạng thái đấu tranh mà ông luôn luôn lâm vào lúc làm lễ, đặc biệt là trong nhà thờ lớn, khi chính bản thân ông không đứng chủ lễ. Cuộc đấu tranh đó là ở chỗ các khách tới dự lễ, các quí ông, đặc biệt là các quí bà luôn làm cho ông bực tức. Ông cố không nhìn họ, không chú ý đến tất cả những gì xảy ra: không nhìn xem người lính gạt dân chúng ra sao, đưa tiễn họ như thế nào, các phu nhân chỉ trỏ các tu sĩ cho nhau biết như thế nào, thường thường họ hay trỏ vào ông, vì ông nổi tiếng là

một tu sĩ đẹp trai. Ông cố gắng che lấp sự chú ý của mình, không nhìn thấy gì hết ngoài ánh sáng các ngọn nến ở bàn thờ, các bức ảnh thánh và những người phụ lễ, không nghe thấy gì hết ngoài những lời cầu kinh ê a và không cảm thấy cảm giác nào khác ngoài cảm giác tự quên mình trong việc hoàn thành những gì cần phải làm, cái cảm giác mà ông thường trải qua khi nghe và lặp lại những lời cầu kinh đã được nghe trước đó biết bao lần. Vậy là ông đứng đó, nghiêng mình, làm dấu thánh giá lúc cần phải làm và đấu tranh bản thân, khi thì đắm mình vào sự phán xét lạnh lùng, khi thì cố ý làm cho những cảm nghĩ của mình lắng đi, vừa lúc người trông kho đồ lễ, cha Nhikôđim, cũng là một sự cám dỗ lớn đối với cha Xerghi,Nhikôđim, mà ông bất giác trách cứ về thói lấy lòng và nịnh hót tu viện trưởng, bước lại gần ông, cúi gập hẳn người xuống chào ông, nói rằng tu viện trưởng gọi ông vào chỗ ban thờ. Cha Xerghi vén áo choàng, đội chiếc mũ cao của tu sĩ rồi thận trọng đi ngang qua đám đông.

- *Lise, regardez à droite, c'est lui*[*], - ông nghe thấy một giọng nữ vang lên.

- *Où, où? Il n'est pas tellement beau.* [**]

Ông biết họ nói về ông. Khi nghe họ nói, và

---

* Lida, nhìn về phía bên phải ấy, chính ông ta đấy *(tiếng Pháp)*
** Đâu, đâu? Ông ta cũng chả đẹp lắm *(tiếng Pháp)*

như thường lệ vào những phút bị cám dỗ như vậy, ông lặp đi lặp lại mấy tiếng: " Và xin Người đừng dẫn chúng con vào cõi cám dỗ", rồi ông cúi đầu và cụp mắt xuống, đi ngang qua đài giảng kinh và đi vòng qua đám trợ tế mặc áo thụng lúc đó cũng đang băng qua trước khung để tượng thánh, bước vào khuôn cửa ở phía Bắc. Vào trong gian để bệ thờ, theo tục lệ, ông cúi gập hẳn mình xuống, làm dấu thánh giá trước ảnh thánh, sau đó ông ngẩng đầu lên và nhìn vị tu viện trưởng đang đứng cạnh một người ăn vận bảnh bao mà ông chỉ liếc mắt ngó qua, chứ không chú ý tới.

Tu viện trưởng mặc áo lễ đứng ở gần tường, những bàn tay nần nẫn ngắn cũn cỡn thò ra khỏi áo lễ đặt lên bụng và tấm thân phì nộn, ông ta vừa xoa xoa chiếc ngù kim tuyến của áo lễ, vừa mỉm cười nói gì đó với một quân nhân mặc quân phục cấp tướng có thêu những chữ đầu tên họ và đeo dây thao, những thứ mà giờ đây cha Xerghi mới nhìn rõ bằng cặp mắt quân sự quen thuộc của mình. Vị tướng này nguyên là chỉ huy trung đoàn của họ. Giờ đây, rõ ràng ông ta đã giữ một địa vị quan trọng và cha Xerghi lập tức nhận thấy ngay rằng tu viện trưởng biết rõ điều đó, vui mừng vì điều đó, bởi thế khuôn mặt to bè, đỏ lựng với vầng trán hói của ông ta sáng bóng lên. Điều đó làm cho cha Xerghi bực bội, buồn rầu và cảm giác đó càng tăng thêm, khi ông nghe tu viện trưởng

nói rằng việc gọi ông tới đây chẳng có lý do gì khác hơn là để thoả trí tò mò của vị tướng muốn được nhìn thấy người bạn đồng ngũ trước đây của mình, theo như cách ông ta nói.

- Rất vui mừng được nhìn thấy ông trong hình dạng thần thánh này, - vị tướng nói, chìa tay ra, - tôi hy vọng rằng ông không quên người đồng ngũ cũ của mình.

Toàn bộ khuôn mặt đỏ lựng, giữa mái tóc bạc, đang mỉm cười của tu viện trưởng dường như tán thành điều vị tướng nói, bộ mặt núc ních của vị tướng với nụ cười tự đắc, mùi rượu vang từ miệng vị tướng và mùi thuốc lá xì-gà từ chòm râu quai nón của ông toả ra - tất cả những cái đó làm cho đức cha Xerghi nổi xung lên. Ông nghiêng mình một lần nữa trước tu viện trưởng và nói:

- Bẩm cha cho gọi con ạ? - Rồi ông dừng lại, nét mặt và tư thế của ông như có ý hỏi: để làm gì?

Tu viện trưởng nói:

- Để gặp gỡ với tướng quân đây.

- Trình cha con đã rời bỏ cõi tục để cứu mình khỏi những cám dỗ, - Ông nói, mặt tái nhợt và môi run rẩy, - Vì sao người đem con ra trước mặt họ ở đây trong giờ cầu nguyện và trong điện thờ của Chúa.

- Cha đi đi, đi đi, - tu viện trưởng bực mình và chau mày, nói.

Hôm sau, cha Xerghi xin tu viện trưởng và đoàn giáo sĩ tha thứ cho thái độ kiêu hãnh của mình, nhưng đồng thời sau một đêm cầu nguyện, ông quyết định là mình phải bỏ tu viện này và ông đã viết thư cho vị cha cả về việc đó, cầu xin vị cha cả cho phép ông quay trở về tu viện trước đây. Ông viết rằng ông cảm thấy mình yếu đuối và không có khả năng đơn độc chống lại những cám dỗ, nếu thiếu sự giúp đỡ của vị cha cả. Và ông đã tỏ ra ăn năn vì tội kiêu hãnh của mình. Chuyến xe thư sau đã mang thư trả lời của vị cha cả tới, trong đó nói rằng nguyên do mọi sự là ở thói kiêu hãnh của ông. Vị cha cả đã giải thích cho ông rằng cơn giận dữ của ông bùng ra là do ông đã cam chịu nhẫn nhục, từ bỏ những nghi thức tôn giáo không phải vì Chúa, mà vì sự kiêu hãnh của mình, muốn tỏ ra rằng đấy, tôi là người như vậy đó, tôi chả cần gì cả. Chính vì thế mà ông đã không chịu được cách xử sự của tu viện trưởng. Vì Chúa mình đã khinh thường tất cả, vậy mà người ta lại đem mình ra trưng bày như một con mãnh thú. "Nếu như con vì Chúa mà coi thường vinh hoa, thì chắc con đã chịu đựng được. Thói kiêu hãnh thế tục còn chưa tắt lặng ở trong con. Ta nghĩ tới con, Xerghi ạ, và ta đã cầu nguyện, và Chúa đã gợi ý cho ta bảo với con rằng : Con hãy sống như trước đây và hãy khuất phục. Vừa lúc ấy có tin ẩn sĩ Ilariôn đã kết thúc cuộc

đời thánh thiện của mình tại nhà tu nhỏ. Ông ta đã sống ở đó mười tám năm. Tu viện trưởng Tambinô hỏi xem có giáo sĩ nào muốn sống ở đó không. Vừa may nhận được thư con. Con hãy tới gặp đức cha Paixi ở tu viện Tambinô và xin được ở trong tu phòng nhỏ của Ilariôn, ta sẽ viết thư cho ông ta. Không phải vì con có thể thay thế được Ilariôn, mà vì con cần tới sự biệt lập để chế ngự thói kiêu hãnh của mình. Mong Chúa phù hộ cho con".

Nghe lời vị cha cả, Xerghi đã đưa bức thư đó cho tu viện trưởng xem, rồi xin phép ông ta, trả lại tu phòng của mình cùng mọi đồ đạc cho tu viện, và đi tới tu viện Tambinô hoang vắng.

Tu viện trưởng tại tu viện Tambinô là một chủ nhân tuyệt vời, xuất thân từ giới thương gia, ông ta đã tiếp đón Xerghi một cách giản dị và điềm tĩnh và xếp ông vào tu phòng của Ilariôn, thoạt đầu cấp cho ông một người hầu hạ, sau đó, theo ý nguyện của Xeghi, để ông ở một mình. Tu phòng là một cái hang đào trong núi. Ilariôn đã được chôn cất trong tu phòng đó, ở phía sau hang. Gần đó là một cái hõm dùng làm chỗ ngủ, có đệm rơm, một chiếc bàn nhỏ và một cái giá để đặt ảnh thánh và sách. Ở bên ngoài cửa ra vào đóng chặt có một cái giá, hàng ngày một tu sĩ đem thức ăn tu viện ra để trên giá đó.

Và cha Xerghi đã trở thành ẩn sĩ.

IV

Xerghi đã tu hành ẩn dật được sáu năm. Vào dịp lễ tiễn mùa đông, từ thành phố bên cạnh, sau tiệc rượu no say, một tốp những người giàu có gồm cả đàn ông và đàn bà tụ họp vui vẻ, rong xe tam mã đi chơi. Tốp này gồm có hai luật sư, một địa chủ giàu có, một sĩ quan và bốn phụ nữ. Một bà là vợ viên sĩ quan, một người là vợ viên địa chủ, người thứ ba là em gái của viên địa chủ, còn bà thứ tư là người đã ly dị chồng, một người đàn bà đẹp, giàu có và là một người kỳ quặc đã từng làm cho thành phố náo loạn và ngạc nhiên vì những trò oái oăm của mình.

Thời tiết đẹp, đường phẳng lì như sàn nhà. Xe đi được độ một chục dặm, ra khỏi thành phố, họ dừng lại và trao đổi xem nên đi đâu, quay lại hay đi tiếp.

- Thế con đường này dẫn tới đâu nhỉ? - Makốpkina, người đàn bà đã ly dị chồng, người đẹp hỏi.

- Đến Tambinô, từ đây đến đó còn mười hai véc-xta, - ông luật sư nói, ông ta đang ve vãn bà Makốpkina.

- Thế còn sau đó?

- Sau đó con đường dẫn tới L. đi qua tu viện.

- Nơi cha Xerghi sống ấy à?

- Phải.

- Kaxátki ấy à? Vị ẩn sĩ đẹp trai phải không?

- Phải.

- Thưa quý bà! Thưa quý ông! Chúng ta đi tới chỗ Kaxátki. Ta sẽ nghỉ ngơi ăn uống ở Tambinô.

- Nhưng chúng ta sẽ không kịp về nghỉ đêm tại nhà.

- Không sao, ta sẽ nghỉ đêm ở chỗ Kaxátki.

- Chà, ngay cả với mãnh lực toàn năng của bà cũng không thể thế được.

- Không thể được à? Ông cuộc đi.

- Được thôi, nếu bà ngủ đêm được ở chỗ ông ta, thì bà muốn gì, tôi cũng xin vâng.

- *A discrétion* (*).

- Bà cũng thế đấy!

- Thôi được. Ta đi đi.

Họ chuốc rượu vang cho các bác xà ích. Bản thân họ đã kiếm được một hòm bánh rán, rượu vang, kẹo. Các bà cuộn mình trong trong những chiếc áo bằng lông chó trắng. Các xà ích tranh cãi xem ai đi đầu và một người xà ích trẻ ngang tàng quay nghiêng người lại, huơ chiếc roi dài, thét to, - thế là nhạc ngựa vang lên và các càng trượt rít ken két.

Những chiếc xe trượt tuyết rung lên và lúc

(*) Tuỳ thích đấy nhé (tiếng Pháp)

lắc, con ngựa chạy bên lề phóng đều đều vui vẻ, đuôi bị buộc chặt vào chiếc đai lưng, con đường phẳng phiu như bôi mỡ vun vút tụt lại phía sau, anh xà ích ngang tàng giật dây cương, ông luật sư, viên sĩ quan ngồi đối diện nhau, họ nói chuyện gì đó với bà Makốpki ngồi bên cạnh, còn bà này cuộn chặt mình trong áo choàng lông, ngồi bất động và nghĩ: "Cũng cùng một giuộc cả thôi và tất cả đều xấu xa: những bộ mặt đỏ lựng, nhẵn bóng sặc mùi rượu vang và thuốc lá, cũng vẫn những lời lẽ đó, vẫn những ý tưởng đó và tất cả đều xoay quanh chính bản thân sự xấu xa. Tất cả đều hể hả và tin chắc rằng cần phải như thế và có thể tiếp tục sống như thế cho đến chết. Mình thì chịu. Mình thấy chán ngán. Mình thấy cần phải có một cái gì đó có thể làm đảo lộn, xới tung tất cả những thứ đó lên. Chà, giá cứ như những tay ở Xaratốp, hình như họ rong xe đi và đã chết cóng. Thế còn lũ mình thì có thể làm được cái gì? Chúng ta đã xử sự như thế nào? Chắc chắn là đã xử sự một cách ti tiện. Kẻ nào có lẽ cũng vì mình và ngay cả mình có lẽ cũng đã xử sự một cách ti tiện. Nhưng ít ra thì mình cũng còn đẹp. Họ biết như vậy. Thế còn vị tu sĩ này? Chả lẽ ông ta chưa hiểu được điều đó hay sao? Không đúng. Họ chỉ hiểu được có một điều ấy thôi. Như hồi mùa thu với anh chàng học sinh sĩ quan đó. Hắn ta mới ngốc nghếch làm sao..."

- Ivan Nhicôlaiêvich! - bà ta nói.

- Bà bảo gì ạ?

- Thế ông ta bao nhiêu tuổi?

- Ai cơ?

- Kaxátxki ấy mà.

- Hình như khoảng ngoài bốn mươi.

- Thế ông ta tiếp tất cả mọi người chứ?

- Tất cả, nhưng không phải lúc nào ông ta cũng tiếp.

- Ông đắp chân cho tôi đi. Không phải thế. Ông vụng về làm sao! Nào, kéo dịch lên, tí nữa, thế, thế. Và không nên siết chặt chân tôi như vậy.

Thế là họ đã đi tới khu rừng nơi có tu phòng.

Bà ta xuống xe và bảo họ cứ đi tiếp. Họ khuyên ngăn bà ta, nhưng bà ta nổi nóng và ra lệnh cho họ cứ đi. Bấy giờ chiếc xe trượt tuyết đành bỏ đi và bà ta, mình vận chiếc áo choàng bằng lông chó trắng, bước đi trên con đường nhỏ. Vị luật sư xuống xe và đứng lại nhìn.

V

Cha Xerghi đã sống năm thứ sáu trong cuộc đời ẩn dật. Ông đã bốn chín tuổi. Cuộc sống của ông thật gian truân. Không phải là do những khó

nhọc trong việc ăn chay và cầu nguyện, đó không phải là những việc khó nhọc, mà do cuộc đấu tranh nội tâm ông không hề ngờ tới. Có hai nguyên do dẫn tới cuộc đấu tranh đó: sự hoài nghi và tình dục. Và cả hai kẻ thù này bao giờ cũng trỗi lên cùng một lúc. Ông tưởng như đó là hai kẻ thù khác nhau, trong khi chúng chỉ là một mà thôi. Hễ tiêu diệt được sự hoài nghi thì tức là đã tiêu diệt được tình dục. Nhưng ông tưởng rằng đó là hai con quỷ khác nhau và ông đã đấu tranh riêng rẽ với chúng.

"Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! - ông nghĩ - Vì sao Người không cho con đức tin. Phải, tình dục, thánh Antôni và những người khác đã đấu tranh với nó, nhưng họ có niềm tin. Còn con có những giờ phút, có những ngày không có được đức tin. Cả thế giới với toàn bộ vẻ mỹ miều của nó tồn tại để làm gì, nếu như nó đầy tội lỗi và cần phải từ bỏ nó? Vì sao Người đã tạo ra sự cám dỗ này? Sự cám dỗ ư? Nhưng có phải là sự cám dỗ không - Cái việc ta muốn thoát li khỏi những niềm vui trần gian và đang chuẩn bị một cái gì đó ở một nơi có lẽ chả có gì hết. - Ông tự nhủ và khiếp sợ, ghê tởm bản thân mình. - Đồ đê tiện! Đồ đê tiện! Thế mà cũng mong trở thành thánh", - ông bắt đầu chửi rủa mình. Và quay ra cầu nguyện. Nhưng vừa bắt đầu cầu nguyện là ông đã hình dung ra

một cách sinh động bản thân mình là người thế nào ở tu viện: đội mũ cao, mặc áo lễ, dáng vẻ uy nghi. Và ông lắc đầu:" Không, không phải như thế. Đó là sự dối trá. Nhưng mình lừa dối những người khác, chứ không lừa mình và lừa Chúa. Mình không phải là một con người uy nghi, mà là một kẻ thảm hại, nực cười". Và ông gạt tà áo thụng ra, nhìn vào đôi chân thảm hại bó trong quần của mình. Rồi ông mỉm cười.

Sau đó ông thả tà áo xuống và bắt đầu đọc kinh cầu nguyện, làm dấu và gập mình xuống lễ." Chả lẽ cái giường này sẽ là quan tài của mình sao?" - ông xướng lên. Và tựa hồ có một con quỷ nào đó thì thào bên tai ông:" Cái giường đơn độc, và nó cũng là chiếc quan tài. Sự dối trá". Và ông đã nhìn thấy trong trí tưởng tượng đôi vai của người đàn bà góa mà ông đã từng chung sống. Ông giũ bỏ hình ảnh đó và tiếp tục đọc kinh. Sau khi đọc các giáo luật ông cầm lấy quyển kinh Phúc âm, mở ra và thấy ngay đoạn mà ông thường lặp đi lặp lại và thuộc lòng: " Con kính tin, lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ cho sự thiếu đức tin của con". Ông đã thu lại mọi mối hoài nghi vừa ló ra. Giống như người ta điều chỉnh một vật không đứng vững, ông lại điều chỉnh lòng tin của mình trên một cẳng chân chao đảo và thận trọng rời

xa nó, để khỏi xô đẩy và làm nó đổ sụp. Những tấm che mắt lại được kéo lên và ông đã cảm thấy yên tâm. Ông nhắc lại lời nguyện cầu thời thơ ấu: "Lạy Chúa, xin Người hãy đón nhận lấy con", - và không những ông chỉ cảm thấy nhẹ nhõm mà còn thấy hân hoan xúc động. Ông làm dấu thánh giá, rồi nằm lên tấm đệm của mình trải trên chiếc ghế băng hẹp, đặt dưới đầu chiếc áo lễ mùa hè. Và ông thiếp đi. Trong giấc mơ nhẹ nhõm, ông tưởng như nghe thấy tiếng nhạc ngựa. Ông không rõ đó là thực hay mơ. Nhưng tiếng gõ cửa đã đánh thức ông. Ông nhỏm dậy, không tin ở mình. Những tiếng gõ cửa được lặp lại. Đúng rồi, đó là tiếng gõ cửa gần lắm, ở cánh cửa phòng ông, và có tiếng đàn bà.

"Lạy Chúa tôi! Chả lẽ điều mình đã đọc thấy trong truyện đời các thánh, nói rằng con quỷ hiện hình thành đàn bà lại là thực... Đúng rồi, đây là giọng đàn bà. Một giọng nói dịu dàng, rụt rè và đáng yêu! Phỉ phui! - ông nhổ nước bọt. - Không, mình tưởng thế thôi", - ông nói, rồi đi vào góc hầm, nơi kê một chiếc bàn cao để ảnh thánh, quỳ xuống bằng một động tác thành thạo quen thuộc và nhờ động tác đó, ông cảm thấy niềm an ủi và sự hài lòng. Ông quỳ xuống, tóc xoã xuống mặt và áp vầng trán đã trụi tóc xuống nền nhà ẩm ướt, lạnh lẽo. (Gió thổi trên sàn.)

...Ông đọc thánh thi, cha Pimen già đã bảo ông rằng thánh thi giúp cho người ta thoát khỏi cảnh quỷ ám. Ông nhẹ nhàng vươn tấm thân gầy guộc nhẹ bẫng của mình trên đôi chân cứng cáp giật giật và định đọc tiếp, nhưng ông không đọc mà bất giác giỏng tai lắng nghe. Ông muốn nghe. Im lặng hoàn toàn.

Vẫn những giọt nước ấy tí tách rơi từ trên mái nhà xuống chiếc thùng gỗ nhỏ đặt ở một góc. Ngoài sân, sương mù và tuyết che lấp hết mọi vật. Lặng lẽ, lặng lẽ quá. Và bỗng nhiên có tiếng sột soạt ở canh cửa sổ và rõ ràng có tiếng người nói - vẫn là giọng nói dịu dàng, rụt rè, chỉ ở người đàn bà hấp dẫn mới có được giọng nói như thế:

- Xin hãy mở cửa ra. Vì Chúa Ki-tô...

Tưởng như tất cả máu huyết dồn vào tim và dừng lại đó. Ông không thở được nữa." Chúa sẽ phục sinh và lập tức ban phát..."

- Con không phải là quỷ đâu... - Nghe rõ thấy cái miệng đang nói ấy mỉm cười. - Con không phải là ma quỷ, mà là một người đàn bà tội lỗi, bị lạc đường, không phải theo nghĩa bóng mà theo nghĩa đen (bà ta cười vang), con đã bị lạnh cóng rồi và xin được trú nhờ...

Ông áp mặt vào cửa kính. Ngọn đèn nhỏ rọi sáng và ánh lên khắp mặt kính. Ông áp lòng bàn

tay vào hai bên mặt và nhìn ra. Sương mù, thân cây, và kia rồi, ở mé bên phải. Bà ta. Đúng rồi, bà ta, người đàn bà mặc áo choàng lông có lớp lông trắng dài, đội mũ lông, khuôn mặt đôn hậu, sợ hãi, rất dễ thương, bà ta đứng đó cách khuôn mặt ông chừng hai véc-sốc, nghiêng về phía ông. Mắt họ gặp nhau và họ đã nhận ra nhau. Không phải là có lúc họ đã nhìn thấy nhau: họ chưa bao giờ gặp nhau cả, nhưng trong cái nhìn mà họ trao đổi cho nhau đó, họ (đặc biệt là ông) cảm thấy rằng họ biết rõ nhau, hiểu nhau. Sau cái nhìn đó, không thể nào còn nghi ngờ rằng đây là con quỷ, chứ không phải là một người đàn bà bình thường, đôn hậu, dễ thương và rụt rè.

- Bà là ai? Bà đến đây làm gì? - Ông nói.

- Xin cha hãy mở cửa ra đã, - bà ta nói vẻ độc đáo, đỏng đảnh. - Con lạnh cóng cả người. Con đã nói với cha là con bị lạc đường.

- Nhưng tôi là tu sĩ, là ẩn sĩ.

- Được rồi, cha cứ mở cửa ra đi kẻo không thì hoá ra cha muốn con chết cóng ở dưới cửa sổ trong khi cha cầu kinh à.

- Ừ, nhưng sao bà...

- Con sẽ không ăn thịt cha đâu. Vì Chúa, xin cha hãy cho vào. Rốt cuộc con đã bị cóng rồi.

Bản thân bà ta bắt đầu hoảng sợ. Bà ta đã nói câu đó hầu như bằng cái giọng đẫm nước mắt.

Ông rời khỏi cửa sổ, nhìn lên ảnh Chúa Ki-tô giữa vòng hoa gai góc:"Lạy Chúa, xin người hãy giúp đỡ con", - ông thốt lên, làm dấu và cúi gập đôi người xuống, rồi bước về phía cửa ra vào, mở cửa ra buồng hiên. Ông mò mẫn, tìm móc cửa trong buồng hiên và bắt đầu đẩy móc ra. Ông nghe thấy tiếng bước chân ở phía ngoài. Bà ta đi từ cửa sổ đến cửa ra vào. "Ôi!" - Bỗng nhiên bà ta kêu thét lên. Ông hiểu rằng bà ta đã dẫm phải vũng nước đọng ở ngưỡng cửa. Tay ông run lên và ông không tài nào nhấc nổi cái móc bị cánh cửa ép chặt.

- Cha làm sao thế, cho con vào đi. Con ướt hết cả người rồi. Con bị lạnh cóng. Cha nghĩ tới việc cứu rỗi linh hồn, còn con thì lạnh cóng.

Ông kéo cánh cửa về phía mình, nâng chiếc móc lên và không tính tới sự va đập, ông đẩy mạnh cánh cửa ra phía ngoài, đến nỗi sập phải người bà ta.

- Ôi, xin lỗi! - ông nói, bỗng nhiên chuyển hoàn toàn sang cách đối đáp quen thuộc hồi xưa với các phu nhân.

Nghe tiếng "xin lỗi" đó bà ta mỉm cười." A, thế ra ông ta còn chưa đến nỗi đáng sợ lắm", - bà ta nghĩ.

- Không sao, không sao ạ. Cha tha lỗi cho con, - bà ta nói, đi ngang qua trước mặt ông. - Lẽ ra con chẳng bao giờ dám làm như thế này , nhưng đây là một trường hợp đặc biệt.

- Xin mời bà, - ông ta nói, để cho bà đi ngang qua. Mùi nước hoa thanh khiết sực nức, đã từ lâu ông không ngửi thấy, xộc vào mũi ông. Bà ta đi ngang qua buồng hiên vào buồng chính. Ông đóng sập cửa ra vào bên ngoài, không cài chốt, bước qua buồng hiên, rồi đi vào buồng chính.

"Lạy Chúa Giê-su, đức Thánh con, xin Người hãy thương con là kẻ tội lỗi", - ông đọc kinh không ngớt, và không chỉ đọc nhẩm mà bất giác môi cũng lập bập.

- Xin mời, - ông nói.

Bà ta đứng ở giữa phòng, nước ở trên mình chảy ròng ròng xuống sàn và bà ta ngắm nhìn ông. Cặp mắt bà ta cười.

- Xin Cha tha lỗi cho vì con đã phá rối cảnh cô tịch của cha. Nhưng cha cũng thấy tình cảnh của con đấy. Chả là xe chúng con ra đi từ thành phố và con đã đánh cuộc là con sẽ đi một mình từ làng Vôrôbiốpca trở về thành phố, nhưng tới đây thì con bị lạc đường, ấy thế là, giá con mà không lần tới được tu phòng của cha... - bà ta bắt đầu nói dối. Nhưng vẻ mặt của ông khiến bà

ta bối rối, đến nỗi không thể nói tiếp được và bà ta đã im lặng. Bà ta hoàn toàn không ngờ ông lại như vậy. Ông không phải là một người đẹp trai như bà tưởng tượng, nhưng mắt bà ta vẫn thấy ông là đẹp. Mái đầu với những chùm tóc xoăn hoa râm và bộ râu, chiếc mũi dọc dừa thanh tú và cặp mắt rừng rực như hòn than khi ông nhìn thẳng, đã làm bà sửng sốt.

Ông thấy là bà ta nói dối.

- A, ra thế, - ông nói, ngước nhìn bà ta, rồi lại cụp mắt xuống. - Tôi sẽ vào trong kia, còn bà thì xin cứ tự nhiên.

Ông nhấc cây đèn nhỏ, châm nến và nghiêng người rất thấp chào bà, rồi bước vào căn phòng nhỏ xíu ở đằng sau vách ngăn, và bà nghe thấy ông bắt đầu xê dịch cái gì ở đó." Chắc ông ta dùng cái gì đó kê ngăn lại để trốn tránh mình", - bà nghĩ, mỉm cười, hất chiếc áo choàng ngắn không tay bằng chó trắng xuống, bắt đầu tháo chiếc mũ lông quấn vào tóc và chiếc khăn đan ở dưới mũ. Bà ta không hề bị ướt khi đứng dưới cửa sổ, và bà đã nói mình bị ướt chỉ cốt lấy cớ để ông cho vào nhà. Nhưng lúc ở cửa ra vào, đúng là bà đã giẫm phải vũng nước, chân trái của bà đã bị ướt đến tận mắt cá, chiếc giầy cao cổ và chiếc ủng lõng bõng đầy nước. Bà ngồi lên giường của ông

lúc này con cũng chả biết mình ra sao. Người con ướt hết cả, chân lạnh như cục băng.

- Bà tha lỗi cho, - giọng nói khẽ khàng đáp lại, - tôi chẳng giúp gì được cả.

- Không đời nào con lại làm phiền cha. Con chỉ trú nhờ đây đến rạng sáng thôi.

Ông không đáp. Và bà nghe thấy ông thì thào gì đó, rõ ràng là ông đang cầu nguyện.

- Cha không vào đây chứ ạ? - bà ta mỉm cười hỏi. - kẻo con còn phải cởi quần áo để hong cho khô.

Ông không đáp, tiếp tục đọc kinh bằng giọng đều đều ở sau vách.

"Đúng, đó là một con người", - bà nghĩ, chật vật rút chiếc ủng cao cổ òm ọp nước. Bà kéo nhưng không rút được chiếc ủng ra, và bà thấy buồn cười. Bà suýt bật lên cười thành tiếng, nhưng biết rằng ông nghe thấy tiếng cười của mình và tiếng cười đó tác động đến ông đúng như ý bà mong muốn, nên bà cười to hơn, và tiếng cười vui vẻ tự nhiên đôn hậu đó quả thực đã tác động đến ông đúng như ý bà mong muốn.

"Phải, có thể yêu một con người như thế này. Cặp mắt ấy. Và khuôn mặt giản dị, cao thượng - dù ông có lẩm bẩm cầu kinh gì đi nữa - trông say mê như thế! - bà nghĩ. - Ông không đánh lừa được bọn đàn bà chúng tôi đâu. Lúc ghé khuôn

mặt vào sát cửa kính, ông ta đã nhìn thấy mình, đã hiểu, và đã nhận ra. Cặp mắt ông rực sáng và gây ấn tượng mạnh. Ông ta yêu thích và thèm muốn mình. Phải rồi, ông ta đã thèm muốn", - bà nói, rốt cuộc bà cũng đã tháo được ủng, giày cao cổ và đang loay hoay tháo bít-tất dài bằng láng do phải vén váy lên. Bà ta cảm thấy xấu hổ và lên tiếng:

- Cha đừng vào nhé!

Nhưng không có tiếng nào đáp lại ở bên kia bức vách. Vẫn thấy tiếng lẩm bẩm đều đều kéo dài và tiếng xê dịch lịch kịch."Chắc ông ấy lại quỳ xuống sát đất để lễ, - bà nghĩ. - Nhưng ông ấy sẽ không lẩn tránh mình đâu, - bà ta thốt lên. - Ông ấy đang nghĩ tới mình. Cũng như mình đang nghĩ tới ông ấy. Ông ấy đang nghĩ tới những cái chân này với cũng cùng một tình cảm đó", - bà nói, tháo đôi bít-tất ẩm ướt ra và thu cặp chân trần lên giường, rồi ngồi gấp chân lại.

Bà ta ngồi như thế một lát, vòng tay ôm lấy đầu gối và trầm ngâm nhìn về phía trước mặt" Phải, nơi hoang vắng này, cảnh yên tĩnh này. Và có lẽ sẽ chẳng bao giờ có ai biết được..."

Bà đứng dậy, mang đôi bít-tất lại chỗ lò sưởi, treo tất lên ống thông hơi. Cái ống thông hơi mới đặc biệt làm sao. Bà xoay nó lại, rồi sau đó nhẹ

nhàng đi chân đất quay về giường và lại thu chân ngồi lên giường. Bên kia vách hoàn toàn im ắng. Bà nhìn chiếc đồng hồ nhỏ treo ở cổ bà. Đã hai giờ sáng."Cánh cùng đi với mình hẳn sẽ tới đây lúc gần ba giờ". Còn không tới một giờ đồng hồ nữa.

"Ô hay, mình sẽ ngồi một mình ở đây như thế này à. Vớ vẩn thật! Mình không muốn thế. Mình sẽ gọi ông ta ngay lập tức".

- Thưa cha Xerghi! Thưa cha Xerghi! Xergây Đmitoriêvích, công tước Kaxátki

Sau cánh cửa im phăng phắc.

- Cha hãy nghe đây, thật là tàn nhẫn. Lẽ ra con đã không gọi cha, nếu như con không thấy cần. Con ốm. Con không biết mình ra sao, - bà ta lên tiếng bằng giọng đau khổ: - Ôi, ôi! - bà ta rên lên và lăn đùng xuống giường. Và điều kỳ lạ là bà ta cảm thấy y như mình kiệt sức, mệt lả, đau nhừ khắp người và run lên bần bật vì cơn sốt.

- Cha hãy nghe đây, xin cha giúp đỡ con. Con không biết mình bị làm sao ấy. Ôi! ôi! - bà ta cởi khuy áo dài, phơi bộ ngực ra và vén cánh tay áo để trần đến tận khuỷu: - Ôi! ôi!

Trong lúc đó, ông vẫn đứng trong buồng xép chật hẹp của mình và cầu kinh. Đọc hết kinh nguyện

buổi tối, giờ đây ông đứng bất động, mắt chăm chăm nhìn vào chót mũi và thầm lặp đi lặp lại lời cầu nguyện khôn ngoan:" Lạy Chúa Ki-tô, đức thánh con, xin Người hãy xá tội cho con".

Nhưng ông đã nghe thấy hết cả. Ông đã nghe thấy tiếng lụa sột soạt khi bà cởi áo, tiếng bước chân trần của bà bước trên sàn, ông đã nghe thấy bà dùng tay xoa chân. Ông cảm thấy rằng ông yếu đuối và bất cứ giây phút nào cũng có thể bị sa ngã và bởi vậy ông không ngớt cầu kinh. Ông cảm thấy một cái gì giống như cảm giác của một nhân vật trong truyện cổ tích, nhân vật này phải bước đi, không được ngoái nhìn trở lại. Cũng giống như vậy, Xerghi nghe thấy, cảm thấy nguy cơ và sự sa ngã ở đây đang vây bọc lấy ông, lơ lửng trên đầu ông và ông chỉ có thể thoát ra được bằng cách không ngoái nhìn bà ta một giây phút nào cả. Nhưng bỗng nhiên, ý muốn được nhìn xem thử xâm chiếm lấy ông. Đúng lúc ấy, bà ta nói:

- Cha hãy nghe đây, quả thật là vô nhân đạo. Con có thể chết.

"Phải, mình sẽ sang, nhưng mình sẽ làm như đức cha ấy một tay đặt lên mình con chiên lầm lạc, còn tay kia đặt lên lò lửa. Nhưng làm gì có lò lửa". Ông ngoái nhìn. Cây đèn. Ông thò ngón tay lên ngọn lửa và nhăn mặt, sẵn sàng chịu đựng

và ông tưởng như tuy kéo dài đã khá lâu, ông vẫn không cảm thấy gì, nhưng bỗng nhiên - ông còn chưa biết dứt khoát mình có đau đớn không và đau đớn đến mức nào, ông chau mày, rụt tay lại huơ huơ tay lên:" không, mình không thể chịu được điều đó".

- Vì Chúa! Ôi, cha sang với con đi! Con sắp chết, ôi!" Thế ra mình sẽ sa ngã ư? Không thể như thế được".

- Tôi đến chỗ bà ngay đây, - ông thốt lên, rồi mở cửa buồng mình, không nhìn bà, đi ngang qua bà tới chỗ mở cửa ra buồng hiên, nơi ông bổ củi, ông mò mẫm tìm chiếc thớt gỗ mà ông dùng để bổ củi và chiếc rìu để tựa vào tường.

- Tôi sang ngay bây giờ, - ông nói, rồi đưa tay phải nắm lấy chiếc rìu, đặt ngón tay trỏ của bàn tay trái lên chiếc thớt gỗ, vung rìu lên và chém phập xuống dưới đốt tay thứ hai. Ngón tay văng ra, nhẹ nhàng hơn là những mảnh gỗ cùng độ dày như thế, bật ngược, rồi rơi xuống mép thớt, sau đó lăn xuống sàn nhà.

- Ông nghe thấy tiếng đầu ngón tay rơi xuống trước khi cảm thấy đau. Nhưng ông chưa kịp ngạc nhiên vì thấy không đau, thì đã cảm thấy cơn đau buốt bỏng rát và máu nóng trào ra. Ông vội vã dùng tà áo bọc lấy ngón tay bị chặt đứt, ép

sát nó vào hông, rồi quay lại, bước qua cửa vào phòng, dừng lại trước mặt người đàn bà, cụp mắt xuống, khẽ hỏi:

- Bà cần gì?

Bà ta ngước nhìn khuôn mặt nhợt nhạt với má trái giần giật của ông và bỗng nhiên bà ta cảm thấy xấu hổ. Bà ta đứng bật dậy, chộp lấy chiếc áo choàng lông, choàng vào mình.

- Vâng, con đau lắm... con bị cảm lạnh...con... Thưa cha Xerghi...con...

Ông ngước mắt nhìn bà ta, cặp mắt loé lên niềm vui lặng lẽ và nói:

- Cô em đáng yêu ơi, vì sao cô muốn huỷ hoại linh hồn bất tử của mình ? Những sự cám dỗ phải đi vào thế gian, nhưng khổ thay cho kẻ nào bị sự cám dỗ thâm nhập...Cô hãy cầu kinh đi, xin Chúa tha thứ cho chúng ta.

Bà lắng nghe ông nói và nhìn ông. Bỗng nhiên bà ta nghe thấy có tiếng chất lỏng nhỏ giọt xuống. Bà ta nhìn và trông thấy máu chảy từ tay lên chiếc áo thụng của ông.

- Cha đã làm gì tay cha thế? - Bà ta sực nhớ tới cái âm thanh mà bà ta đã nghe thấy, chộp lấy ngọn đèn, bà ta chạy ra buồng hiên và trông thấy ngón tay đẫm máu ở trên sàn. Mặt tái nhợt

hơn cả ông, bà ta quay lại và định nói với ông, nhưng ông lặng lẽ bước sang buồng xép và đóng chặt cửa lại.

- Cha hãy tha lỗi cho con. Con lấy gì chuộc lỗi của mình bây giờ?

- Cô hãy đi đi.

- Cha để con băng bó vết thương cho.

- Cô hãy đi khỏi đây.

Bà ta vội vã và lặng lẽ mặc quần áo. Rồi khi đã mặc áo lông sẵn sàng, bà ta ngồi chờ đợi. Tiếng lục lạc vang lên trước sân.

- Thưa cha Xerghi, cha hãy tha thứ cho con.

- Cô hãy đi đi. Chúa sẽ tha thứ.

- Thưa cha Xerghi, con sẽ cải đổi đời mình. Cha đừng bỏ mặc con.

- Cô hãy đi đi.

- Cha hãy tha thứ và ban phước cho con.

- Nhân danh Cha và con và thánh thần, - nghe có tiếng nói sau bức vách.- Cô hãy đi đi.

Bà ta oà khóc và bước ra khỏi tu phòng. Viên luật sư tiến lại phía bà ta.

- Thế nào, mình thua rồi hả, chả làm gì được đâu. Phải đi đâu nào?

- Đi đâu cũng được.

Bà ta lên xe và cho tới lúc về tới nhà không nói một lời nào.

Một năm sau, bà ta cắt tóc ngắn và sống cuộc đời khổ hạnh trong tu viện dưới sự díu dắt của ẩn sĩ Acxêni, người hoạ hoằn lắm mới viết thư cho bà ta.

VI

Cha Xerghi còn trải qua cảnh tu hành ẩn dật thêm bảy năm nữa. Thoạt đầu, cha Xerghi đã nhận nhiều thứ mà người ta đem tới cho ông: nào chè, đường, bánh mỳ trắng, nào sữa, áo quần và củi. Nhưng càng về sau ông càng quy định cuộc sống của mình một cách khắt khe hơn, từ chối mọi thứ không cần thiết và rốt cuộc ông đã đi tới chỗ không nhận cái gì ngoài bánh mỳ đen, mỗi tuần một lần. Mọi thứ người ta đem đến cho ông, ông đem phân phát cho những người nghèo đến với ông.

Cha Xerghi đã dùng tất cả thì giờ của mình tại tu phòng để cầu kinh hoặc chuyện trò với các khách thăm viếng đến ngày càng đông. Mỗi năm, cha Xerghi chỉ ra nhà thờ có ba lần, cha cũng đi lấy nước hoặc lấy củi khi cần thiết.

Ông sống như vậy được năm năm thì câu chuyện

với Makốpkina nhanh chóng lan rộng khắp nơi: chuyến viếng thăm ban đêm của bà ta, sự chuyển biến của bà ta sau chuyện đó và việc bà ta vào tu viện. Từ đó danh tiếng của cha Xerghi bắt đầu lừng lẫy. Khách viếng thăm tới ngày càng nhiều, các tu sĩ đến trú ngụ tu phòng của ông, nhà thờ và nhà khách được xây dựng gần đó. Danh tiếng của cha Xerghi, như thường lệ, ngày càng lừng lẫy, làm tăng thêm công tích của ông. Từ phương xa, người ta bắt đầu lũ lượt kéo về chỗ ông và bắt đầu đưa người ốm tới chỗ ông, quả quyết rằng ông sẽ chữa khỏi cho họ.

Việc chữa lành bệnh lần đầu tiên xảy ra vào năm thứ tám trong cuộc đời ẩn dật của ông.Đó là việc chữa khỏi bệnh cho một chú bé mười bốn tuổi do bà mẹ đưa tới chỗ cha Xerghi với lời cầu xin ông đặt tay lên đầu nó và ban phước. Cha Xerghi cũng không hề nghĩ là mình có thể chữa khỏi bệnh cho những người ốm. Có lẽ ông coi ý nghĩ như thế là tội lỗi lớn của thói kiêu hãnh; nhưng người mẹ dẫn đứa trẻ tới cứ nằng nặc cầu xin ông, nằm lăn xuống chân ông, nói: vì sao ông chữa lành bệnh cho những người khác, mà lại không muốn giúp đỡ con trai bà ta, bà cầu xin ông hãy vì Chúa mà cứu giúp, Khi nghe cha Xerghi quả quyết rằng chỉ có Chúa mới chữa khỏi bệnh,

bà ta nói rằng bà ta chỉ xin ông đặt tay lên đứa trẻ và cầu kinh. Cha Xerghi từ chối và đi vào tu phòng của mình. Nhưng hôm sau (hồi đó là mùa thu và đêm đã lạnh) khi bước ra khỏi tu phòng lấy nước, ông lại trông thấy người mẹ với đứa con trai của mình, chú bé mười bốn tuổi nhợt nhạt, hốc hác, và ông lại nghe thấy vẫn những lời cầu xin đó. Cha Xerghi sực nhớ tới câu chuyện ngụ ngôn nói về vị quan không công minh và trước đây vốn tin chắc rằng mình phải từ chối, bây giờ ông cảm thấy hoài nghi và một khi cảm thấy hoài nghi, ông bắt đầu cầu nguyện và ông đã cầu nguyện cho tới khi nảy ra quyết định trong lòng mình. Quyết định đó là : ông phải thực hiện yêu cầu của người đàn bà, niềm tin của bà ta có thể cứu được đứa con trai, bản thân cha Xerghi, trong trường hợp này chỉ là một công cụ nhỏ mọn do Chúa lựa chọn.

Thế là ông bước lại gần phía bà mẹ, thực hiện mong ước của bà ta, đặt tay lên đầu, và bắt đầu cầu nguyện.

Bà mẹ đem con trai ra về và một tháng sau chú bé khỏi bệnh, danh tiếng của vị cha cả Xerghi có sức mạnh thần thánh chữa khỏi bệnh vang khắp vùng. Từ đó không có tuần nào là những người ốm không đi bộ, đi xe tới chỗ cha Xerghi. Và một

khi đã không từ chối những người này, ông cũng không thể từ chối những người khác và ông đã đặt tay lên đầu người bệnh, cầu nguyện, nhiều người đã khỏi bệnh, danh tiếng của cha Xerghi càng ngày càng lan rộng.

Chín năm trong tu viện và mười ba năm trong cảnh cô tịch đã trôi qua như vậy. Cha Xerghi đã có dáng vẻ của một vị cha cố: chòm râu của ông dài và bạc trắng như cước, riêng mái tóc ông tuy thưa, nhưng vẫn còn đen nhánh và loăn xoăn.

VII

Đã mấy tuần nay, cha Xerghi sống với một ý nghĩ ám ảnh: liệu ông có làm được điều tốt không khi ông vâng theo cái hoàn cảnh do cha bề trên và tu viện trưởng đặt ông vào nhiều hơn là do tự ý ông muốn. Điều đó bắt đầu sau khi chú bé mười bốn tuổi khỏi bệnh, từ đó tháng nào, tuần nào, ngày nào Xerghi cũng cảm thấy cuộc sống nội tâm của mình bị thủ tiêu và thay thế bằng cuộc sống bề ngoài. Y như thể người ta đã lộn trái ông ra vậy.

Xerghi thấy ông đã trở thành công cụ lôi cuốn khách viếng thăm và dâng cúng cho tu viện, và

vì thế những người cai quản tu viện đã tạo cho ông những điều kiện để ông có thể có ích nhiều nhất. Chẳng hạn như người ta hoàn toàn không để cho ông phải lao động. Người ta cung cấp cho ông tất cả những thứ gì ông có thể cần tới và chỉ yêu cầu ông không từ chối ban phước cho các khách tới viếng thăm ông. Để thuận tiện cho ông, người ta đã quy định ngày tiếp khách của ông. Người ta đã xắp xếp phòng tiếp đón các khách nam và một nơi có các gióng ngăn cách để cho các khách nữ khỏi xô ngã ông, khi họ lao tới với ông, - một nơi để ông có thể ban phước cho các khách viếng thăm. Nếu như người ta nói rằng ông cần thiết cho mọi người, rằng để thực hiện luật lệ tình thương của Chúa Ki-tô, ông không thể từ chối yêu cầu của mọi người muốn được gặp ông, rằng việc xa lánh những người đó có lẽ là tàn nhẫn, ông không thể không đồng ý như thế, nhưng càng dấn mình vào cuộc sống đó ông càng cảm thấy cuộc sống nội tâm của mình đã chuyển thành cuộc sống bề ngoài, nguồn nước thần khô cạn ở trong ông, những gì ông đã làm là làm vì con người nhiều hơn, chứ không phải vì Chúa.

Dù ông lên tiếng dạy bảo mọi người hay chỉ ban phước một cách đơn giản bằng việc cầu nguyện cho những người ốm, dù ông khuyên bảo mọi người

về cách sống của họ hay ông lắng nghe lời cảm ơn của những con người đã được ông hoặc là chữa giúp cho lành bệnh, như người ta nói với ông, hoặc ban cho lời dạy bảo, ông đều không thể lấy đó làm vui, không thể không quan tâm tới những hiệu quả hoạt động của mình, tới ảnh hưởng của hoạt động đó đối với mọi người. Ông tưởng như mình là một ngọn đèn đang cháy, và càng nghĩ như thế ông càng cảm thấy ánh sáng thần của chân lí yếu ớt đi, lụi tắt ở trong ông." Mình làm bao nhiêu vì Chúa và bao nhiêu vì con người?" - đó là câu hỏi thường xuyên giày vò ông và chẳng những ông không bao giờ có thể trả lời được câu hỏi đó, mà ông còn không dám quyết định trả lời mình. Trong thâm tâm, ông cảm thấy rằng con quỷ đã đem hoạt động vì con người đánh tráo lấy toàn bộ hoạt động vì Chúa của ông. Ông cảm thấy thế bởi lẽ, cũng như trước đây ông thấy khó chịu khi người ta dứt ông ra khỏi cảnh cô tịch, thì bây giờ cảnh cô tịch của ông khiến ông khó chịu. Ông thấy nặng nề vì khách khứa viếng thăm, ông mỏi mệt vì họ nhưng trong thâm tâm ông thấy vui sướng vì họ, vui sướng vì những lời ca tụng vây bọc lấy ông.

Thậm chí đã có lúc ông quyết định bỏ đi trốn. Ông đã nghiền ngẫm mọi nhẽ xem nên trốn đi

như thế nào. Ông chuẩn bị cho mình chiếc áo cánh của nông dân, những mảnh vải quấn chân, áo choàng dài káp-tan và chiếc mũ lông. Ông giải thích rằng ông cần tới những thứ đó để cho những người cầu xin . Và ông đã giữ những áo quần đó ở cạnh mình, nghĩ xem nên mặc như thế nào, cắt tóc và bỏ đi ra sao. Thoạt đầu ông sẽ đi xe lửa, đi được độ ba trăm véc-xta thì xuống tàu, đi đến các làng. Ông đã hỏi một người lính già xem nên đi như thế nào, người ta cho phép đi và bố thí ra sao. Người lính đã kể cho ông biết những nơi nào người ta cho đi dễ dàng và bố thí hậu hĩnh và thế là cha Xerghi mong muốn làm theo lời chỉ dẫn đó. Thậm chí có lần vào ban đêm ông đã mặc quần áo và định ra đi, nhưng ông không biết: ở lại hay bỏ đi, đằng nào hay hơn. Thoạt đầu ông do dự, sau đó sự do dự qua đi, ông đã quen dần và khuất phục con quỷ, và chiếc áo nông dân chỉ còn gợi nhắc cho ông nhớ tới những cảm nghĩ của mình.

Khách viếng thăm tới với ông mỗi ngày một nhiều và càng ngày ông càng ít có thì giờ để củng cố tinh thần và cầu nguyện. Đôi khi trong những phút giây trong sáng, ông nghĩ rằng mình giống như cái nơi trước đây có ngọn nguồn của một con suối." Đã từng có nguồn nước thần mảnh mai lặng lẽ chảy ra từ mình ta, qua mình ta. Đó là cuộc sống thật sự, khi "bà ta" (ông luôn luôn thấy hứng

thú mỗi lần nhớ tới đêm hôm ấy, và nhớ tới bà ta, giờ dây là nữ tu sĩ Agonia) cám dỗ ta. Bà ta đã hớp thứ nước thần ấy. Nhưng từ đó nước còn chưa kịp dồn đọng lại, thì những người khát nước đã tới, chen chúc nhau, xô lấn nhau. Và họ đã xéo nát tất cả, chỉ còn bùn trơ lại". Trong những giây phút trong sáng hiếm hoi, ông đã nghĩ như vậy, nhưng trạng thái nhất của ông là: mệt mỏi và thương xót mình vì sự mệt mỏi đó.

Ấy là vào mùa đêm trước ngày lễ Prê-pô-lô-vê-ni-ê[8]. Cha Xerghi làm lễ ban đêm tại nhà thờ đặt trong hang núi của mình. Mọi người chen vào kỳ cho bằng hết chỗ, khoảng độ hai chục người. Tất thảy đều là các quý ông và thương gia, nghĩa là những người giàu có. Cha Xerghi để cho tất cả mọi người vào dự lễ, nhưng sự lựa chọn này là do một tu sĩ được sắp xếp ở cạnh ông, và người trực nhật do tu viện hằng ngày cử tới chỗ ông, quyết định. Đám đông dân chúng, khoảng độ tám chục người hành hương, đặc biệt là đàn bà, tụ tập ở phía ngoài, chờ cha Xerghi ra và ban phước. Cha Xerghi đã làm lễ xong và khi bước ra, ông lại gần quan tài vị tiền bối của mình để cầu kinh ca ngợi...ông lảo đảo và suýt ngã, nếu như người lái buôn và vị tu sĩ làm trợ tế đứng sau ông không đỡ lấy ông.

- Cha làm sao thế, thưa Cha? Cha Xerghi! Cha

thân yêu! Lạy Chúa! - nhiều giọng phụ nữ vang lên. - Người rũ ra như tàu lá kìa.

Nhưng cha Xerghi đã hồi sức ngay và tuy nét mặt rất nhợt nhạt, cha gạt người lái buôn và viên trợ tế ra, rồi tiếp tục hát lễ. Cha Xêrapiôn, viên trợ tế, những người hát lễ và bà quý tộc Xôphia Ivanốpna - bà này luôn sống trong cảnh ẩn dật và chăm sóc cha Xerghi - bèn yêu cầu ông ngừng làm lễ.

- Không sao, không sao, - cha Xerghi thốt ra, thoáng mỉm cười sau hàng ria mép, - các vị đừng làm đứt quãng buổi lễ.

"Phải, các vị thánh vẫn thường làm như thế", - ông nghĩ.

- Vị thánh! Thiên thần! - giọng nói của Xôphia Ivanốpna lập tức vang lên sau lưng ông và thêm cả giọng nói của người lái buôn đã đỡ ông. Ông không nghe lời khuyên nhủ của họ và tiếp tục làm lễ. Mọi người lại chen chúc nhau, tất cả kéo thành hàng dài quay trở về nhà thờ nhỏ, tại đó, cha Xerghi đã làm hết lễ nguyện ban đêm, tuy có hơi rút ngắn lại.

Sau khi làm lễ, cha Xerghi ban phước cho những người có mặt ở đó, rồi bước ra chiếc ghế dài đặt dưới cây du ở cửa hang. Ông muốn nghỉ ngơi, hít thở không khí trong lành, cảm thấy điều đó là

cần thiết đối với mình, nhưng ông vừa bước ra cửa hang, đám đông dân chúng đã lao tới ông, xin ban phước và xin ông khuyên bảo, giúp đỡ. Trong số này có những người đàn bà hành hương, luôn luôn đi từ đất thánh này tới đất thánh kia, từ vị cha cả này đến vị cha cả khác và bao giờ cũng mủi lòng trước bất kỳ vật thiêng nào và bất kỳ vị cha cả nào. Cha Xerghi biết rõ hạng người bình thường, lạnh lùng, ước lệ, chẳng có tính chất tôn giáo tí nào này; ở đây có những người đàn ông hành hương, phần lớn là lính đã xuất ngũ, bị bật ra khỏi cuộc sống định cư, rơi vào cảnh túng quẫn và phần lớn là những ông già say bét nhè, lang thang từ tu viện này đến tu viện khác chỉ cốt để no bụng; ở đây cũng có cả những nam nữ nông dân quen cùng với những đòi hỏi ích kỉ muốn chữa khỏi bệnh của mình là muốn giải quyết những mối nghi ngờ trong những công việc thực tiễn nhất: về việc gả chồng cho con gái, về việc thuê cửa hiệu, về việc chuộc ruộng đất, hay về việc gạt bỏ cho mình tội vô ý ngủ đè chết con, hoặc sinh ra đứa con hoang. Cha Xerghi từ lâu đã quen thuộc và không thích thú tất cả những chuyện đó. Ông biết rằng ônh sẽ chẳng hiểu thêm điều gì mới từ những nhân vật đó, họ không gợi trong ông một tình cảm tôn giáo nào, nhưng ông thích nhìn thấy họ như là nhìn một đám đông

coi lời ban phước của ông, những lời lẽ của ông, là cần thiết và quý giá, bởi vậy, tuy vất vả vì đám đông này, ông đồng thời vẫn thấy thú vị với nó. Cha Xêrapiôn đã toan xua đuổi họ, nói rằng cha Xerghi mệt, nhưng về phần ông, khi nhớ tới những lời trong kinh Phúc âm: "Đừng ngăn cản chúng (trẻ con) đến với ta", ông thấy xúc động và đã bảo để người ta cho họ vào.

Ông đứng dậy, bước lại gần các gióng chắn - họ tụ tập ở cạnh đó - và bắt đầu ban phước cho họ và trả lời những câu hỏi của họ bằng giọng nói yếu ớt khiến chính ông cũng tự mủi lòng. Nhưng tuy có ý muốn tiếp tất cả mọi người, ông đã không thể làm được: mắt ông lại hoa lên, ông lảo đảo và bám lấy gióng chắn. Ông lại cảm thấy máu dồn lên đầu, rồi thoạt tiên mặt ông tái nhợt, sau đó ông thấy người bỗng nhiên bừng bừng.

- Thôi, có lẽ mai nhé. Lúc này tôi không thể tiếp tục được, - ông nói và sau khi ban phước chung cho tất cả mọi người, ông đi tới chiếc ghế dài. Người lái buôn lại đỡ lấy ông, dìu ông đi và đặt ông ngồi xuống.

- Thưa cha! - Có tiếng nói vang lên trong đám đông. - Thưa cha! Xin cha đừng bỏ rơi chúng con. Không có cha chúng con sẽ tiêu ma!

Sau khi đặt cha Xerghi ngồi lên chiếc ghế dài

dưới cây du, người lái buôn lãnh lấy trách nhiệm cảnh sát và xua đuổi mọi người một cách rất kiên quyết. Quả thật ông ta nói khẽ đến nỗi cha Xerghi không thể nghe thấy được, nhưng ông ta đã nói một cách kiên quyết và tức giận:

- Giải tán đi, giải tán đi. Cha đã ban phước rồi, các người còn cần gì nữa nào? Bước cả đi, không tôi sẽ vặn cổ, thật đấy. Này, này! Cái nhà mụ quấn xà cạp đen kia, đi đi, đi đi. Mụ len đi đâu thế hả? Đã bảo đủ rồi mà lại. Đã bảo đến mai Chúa sẽ ban phước, còn bây giờ thì đi cả đi.

- Thưa ông tôi chỉ muốn được liếc mắt nhìn mặt Người một tí thôi ạ, - một bà lão nói.

- Tôi sẽ chú ý, mụ len đi đâu thế hả?

Cha Xerghi nhận thấy người lái buôn hành động có phần nghiêm khắc, ông cất giọng yếu ớt bảo người giúp việc của tu phòng ngăn bác lái buôn đừng xua đuổi mọi người nữa. Cha Xerghi biết rằng dẫu sao người lái buôn cũng sẽ xua đuổi và ông cũng rất muốn được ngồi một mình nghỉ ngơi, nhưng ông vẫn phái người giúp việc tu phòng ra bảo với người lái buôn như thế để gây ấn tượng.

- Được, được. Tôi không xua đuổi, tôi khuyên can họ đấy chứ, - người lái buôn đáp, - bởi vì họ chỉ cốt làm cho người ta chết mệt. Họ có thương

xót gì ai đâu, họ chỉ nghĩ đến mình thôi. Không được đâu, tôi đã bảo mà. Đi đi. Đến mai.

Và người lái buôn đã xua đuổi tất cả.

Người lái buôn sốt sắng như thế, bởi vì ông ta thích trật tự, thích xua đuổi dân chúng, ngược đãi họ, và chủ yếu vì ông ta cần tới cha Xerghi. Ông ta goá vợ, có một đứa con gái độc nhất, ốm đau, chưa lấy chồng và ông ta đã dẫn nó đi một nghìn bốn trăm véc-xta tới chỗ cha Xerghi để cha chữa bệnh cho. Trong hai năm, ông ta đã chạy chữa cho con gái ở nhiều nơi. Thoạt đầu tại bệnh viện của trường đại học tổng hợp ở tỉnh ly - không ăn thua; sau đó ông ta đem con đến chỗ một người mu-gích ở Xamara - hơi đỡ, sau đó ông ta đưa con tới một bác sĩ ở Matxcơva, trả nhiều tiền, - không ăn thua gì. Bây giờ người ta nói với ông rằng cha Xerghi chữa lành bệnh, và thế là ông ta dẫn con tới. Bởi vậy, khi đã xua hết dân chúng đi, người lái buôn bước lại gần cha Xerghi và không rào đón gì, quỳ sụp xuống, cất giọng oang oang nói:

Thưa đức cha chí thánh, xin Người hãy ban phước cho đứa con gái đau ốm của tôi, chữa cho nó khỏi đớn đau bệnh hoạn. Tôi đánh bạo quỳ sụp dưới chân thánh thiện của Người. - Rồi ông ta khum lòng bàn tay nọ lên lòng bàn tay kia. Ông ta nói và làm những điều đó tựa hồ như làm

một việc gì đó đã được phong tục và luật lệ xác định rõ ràng chắc chắn, tựa hồ như cần phải cầu xin chữa bệnh cho con gái bằng chính cách thức đó, chứ không phải cách nào khác. Ông ta làm như thế với niềm tin vững chắc, đến nỗi ngay như cha Xerghi cũng tưởng cần phải nói và làm đúng như thế. Tuy vậy cha đã bảo ông ta đứng dậy và kể cho rõ sự tình. Người lái buôn kể rằng con gái ông ta, cô gái hai mươi hai tuổi, bị bệnh hai năm trước đây, sau khi nó chết đột ngột, nó kêu "ối" lên một tiếng, ông ta nói thế và từ đó lâm bệnh. Và thế là ông ta đã đưa nó đi suốt một nghìn bốn trăm véc-xta tới đây, hiện nay nó đang ở ngoài nhà khách chờ cha Xerghi cho phép đưa nó vào. Ban ngày, nó không đi lại vì sợ ánh sáng, nó chỉ có thể ra ngoài sau lúc hoàng hôn.

- Thế ra nó yếu lắm à? - cha Xerghi nói.

- Không, cháu người to vóc và không yếu ớt gì đặc biệt, chỉ phải cái nó bị suy nhược thần kinh, như lời bác sĩ nói. Thưa cha, nếu bây giờ Cha cho phép đưa nó tới, chắc con sẽ vô cùng phấn khởi. Thưa Đức cha chí thánh, xin Người hãy làm cho trái tim của kẻ làm cha khỏi héo hắt, Người hãy phục hồi dòng giống cho nó, dùng lời cầu nguyện của mình cứu lấy đứa con đau ốm của nó.

Và người lái buôn lại quỳ sụp xuống và nghiêng

đầu trên hai bàn tay khum lại, lặng người đi. Cha Xerghi lại bảo ông ta đứng dậy. Ông nghĩ bụng công việc của ông thật nặng nề xiết bao, và mặc dầu như vậy ông vẫn nhẫn nhục gánh lấy công việc đó, ông thở dài nặng trĩu, im lặng giây lâu, rồi nói:

- Thôi được, chiều tối ông hãy dẫn nó tới đây. Tôi sẽ cầu nguyện cho nó, còn bây giờ tôi mệt rồi. - rồi ông nhắm lại. - Lúc ấy tôi sẽ phái người ra. Người lái buôn nhón chân đi trên cát, vì thế tiếng giày của ông ta nghe lạo xạo mạnh, ông ta đi ra và cha Xerghi ở lại một mình.

Suốt đời cha Xerghi bận bịu với các buổi lễ và khách khứa viếng thăm, nhưng hôm nay là một ngày đặc biệt vất vả. Buổi sáng, một quan chức quan trọng đã tới thăm và trò chuyện lâu với ông; sau đó là bà quý tộc cùng với con trai. Người con trai ấy là một giáo sư trẻ tuổi, không tín ngưỡng, mà bà mẹ - một người sùng đạo nồng nhiệt và trung thành với cha Xerghi - đã dẫn tới đây và cầu xin cha Xerghi trò chuyện với anh ta. Cuộc trò chuyện rất nặng nề. Chàng thanh niên rõ ràng là không muốn tranh luận với vị tu sĩ, đã đồng ý với ông về tất cả mọi điều, như với một con người kém cỏi, nhưng cha Xerghi thấy rằng anh ta không tin, tuy anh ta cũng cảm thấy thú vị,

nhẹ nhõm và thanh thản, Giờ đây cha Xerghi bực mình nhớ lại cuộc trò chuyện đó.

- Xin rước cha dùng bữa, - người giúp việc tu phòng nói.

- Được, anh đem cái gì tới đây.

Người giúp việc đi vào tu phòng xây cách cửa hang chừng một chục bước, còn cha Xerghi ngồi lại một mình.

Đã qua lâu rồi cái thời cha Xerghi sống một mình, tự mình làm lấy mọi việc và nuôi thân bằng độc có bánh lễ và bánh mì. Đã từ lâu người ta chứng minh với ông rằng ông không có quyền coi thường sức khoẻ của mình và ông ta đã nuôi ông bằng những món ăn chay, nhưng bổ béo. Ông ít ăn nhưng nhiều hơn trước đây, và thường ăn với sự hài lòng đặc biệt, chứ không ăn với vẻ kinh tởm và ý thức về tội lỗi như trước đây. Lúc này cũng vậy. Ông ăn món cháo đặc, uống một cốc nước chè và dùng nửa chiếc bánh mì trắng.

Người giúp việc tu phòng đi ra ngoài và ông ngồi lại một mình trên chiếc ghế dài dưới gốc cây du.

Đó là một buổi tối tháng Năm kỳ diệu, tán lá cây chỉ vừa mới xoà rộng ra trên những cây bạch dương, hoàn diệp liễu, dã anh, những cây du và cây sồi. Những bụi dã anh ở đằng sau cây

du đã nở rộ hoa và chưa bị tàn lụi. Đàn chim hoạ mi, một con đậu rất gần và hai hay ba con khác ở ngay phía dưới bụi cây ven sông, hót ríu rít và lảnh lót. Từ mặt sông xa xa vang lên tiếng hát, chắc là của những công nhân đi làm về, mặt trời đã khuất sau rừng cây, loé những tia sáng xuyên qua đám lá cây xanh. Toàn bộ phía ấy đều xanh rờn, sáng rực, còn phía có cây du sẫm tối. Những con bọ dừa bay lên, đập cánh và rơi xuống.

Sau bữa ăn tối cha Xerghi bắt đầu đọc thầm kinh nguyện:" Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, đức thánh con, xin Người hãy xá tội cho chúng con", sau đó ông đọc thánh ca và bỗng nhiên, giữa lúc ông đang đọc, một con chim sẻ không biết từ đâu tới, bay từ bụi cây xuống đất, kêu lích chích và nhảy lách chách lao về phía ông, nó sợ sệt cái gì đó và vội bay đi. Ông đọc kinh nguyện trong đó nói về việc mình từ bỏ thế gian, và vội vã đọc nhanh cho hết để còn phái người ra gặp người lái buôn với đứa con gái đau ốm: ông quan tâm đến đứa con gái đó. Nó làm cho ông quan tâm vì đây là một sự giải trí, một nhân vật mới, bố nó và nó xem ông như một vị thánh mà lời nguyện cầu hằng được thực hiện.Ông đã phủ nhận điều đó, nhưng trong thâm tâm ông tự coi mình là một vị thánh như vậy.

Ông thường ngạc nhiên không hiểu vì sao điều đó xảy ra vì sao ông, Xtêpan Kaxátki, đã trở thành

một vị thánh phi thường như vậy, nhưng việc ông trở thành thánh như vậy thì chả còn gì phải hoài nghi nữa cả: ông không tin vào những phép lạ mà chính ông đã nhìn thấy, bắt đầu từ chú bé ốm đau cho tới một bà lão mù gần đây đã nhìn được do lời cầu nguyện của ông.

Dù điều đó kỳ quặc đến thế nào đi nữa, thì sự thật vẫn là như vậy. Bởi thế cô con gái người lái buôn khiến ông quan tâm, vì cô ta là một nhân vật mới, cô ta tin tưởng ở ông và cũng còn vì qua cô ta tài chữa bệnh và danh tiếng của ông lại được khẳnh định." Người ta đã đi hàng nghìn véc-xta tới, họ viết trên báo, hoàng đế biết, mọi người ở châu Âu, ở cái châu Âu không tín ngưỡng biết, - ông nghĩ. Và bỗng nhiên ông thấy hổ thẹn vì thói háo danh của mình, ông lại bắt đầu cầu Chúa." Lạy Chúa, vua ở trên trời, người an ủi, linh hồn của chân lý, xin Người hãy tới và nhập vào chúng con, tẩy rửa cho chúng con khỏi mọi điều xấu và cứu rỗi cho linh hồn chúng con. Người hãy tẩy rửa cho chúng con khỏi hư danh xấu xa của người đời đang xâm chiếm con", - ông lặp lại và sực nhớ ông đã cầu nguyện biết bao lần như thế và cho đến nay vẫn vô hiệu quả: những lời cầu nguyện của ông đã tạo nên phép lạ cho những người khác, nhưng ông đã không thể cầu xin Chúa giải thoát cho mình khỏi cái dục vọng nhỏ nhen này.

Ông sực nhớ tới những lời cầu nguyện của mình trong thời gian đầu tu hành ẩn dật, khi ông cầu nguyện Chúa ban cho ông sự trong sạch, nhân nhục và tình thương, và lúc đó ông tưởng như Chúa đã nghe thấy lời cầu nguyện của ông, ông đã trở nên trong sạch, đã chặt đứt một ngón tay của mình, và đã nhặt mẩu ngón tay nhăn nheo đó lên, hôn nó, ông tưởng như ông đã trở nên nhẫn nhục vào lúc ông luôn luôn xấu xa vì tội lỗi của mình, và ông tưởng như ông đã có được tình thương, khi ông sực nhớ tới hồi ấy ông đã cảm động xiết bao khi đón tiếp người lính già say rượu tới gặp ông xin tiền và khi đón tiếp bà ta. Nhưng bây giờ? Và ông tự hỏi mình: ông có yêu ai không, có yêu Xôphia Ivanốpna không, có yêu cha Xêrapiôn không, có yêu tất cả mọi người tới với ông ngày hôm nay không, có yêu chàng trẻ tuổi uyên bác mà ông đã trò truyện để răn bảo, chỉ cốt phô trương trí tuệ của mình với anh ta và tỏ ra không lạc hậu về học vấn so với anh ta không? Ông thấy thú vị và cần đến tình yêu của họ, nhưng ông đã không cảm thấy tình yêu thương đối với họ. Giờ đây trong ông chẳng có tình thương yêu, chẳng có sự nhẫn nhục, cũng như chẳng có sự trong sạch.

Ông thú vị khi được biết rằng con gái người lái buôn hai mươi hai tuổi, và ông muốn biết cô

ta có đẹp hay không. Và khi hỏi về sự ngẩn ngơ của cô ta, chính là ông muốn biết cô ta có cái vẻ hấp dẫn của phụ nữ hay không.

"Chả lẽ mình lại xa đọa đến thế? - ông nghĩ. - Lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ con, xin Người hãy phục hồi con, vị chúa tể và Đức chúa của con". Rồi ông chắp tay lại và bắt đầu cầu nguyện. Bầy chim hoạ mi hót lảnh lót. Một con bọ dừa bay lên người ông và bò lên gáy. Ông gạt nó đi." Có Chúa hay không nhỉ? Sự thể sẽ ra sao, khi ta gõ cửa một ngôi nhà khoá chặt ở ngoài...Khoá ở trên cửa ra vào và có lẽ ta đã nhìn thấy cái khoá ấy. Cái khoá đó là bầy chim hoạ mi, những con bọ dừa, thiên nhiên. Có lẽ anh chàng thanh niên ấy nói đúng". Ông bắt đầu lớn tiếng cầu nguyện và cầu nguyện mãi cho tới khi những ý nghĩ đó biến mất và ông cảm thấy mình trở lại thật bình tĩnh, tin tưởng. Ông kéo chuông và bảo người giúp việc tu phòng là lúc này hãy để cho người lái buôn dẫn con gái vào.

Người lái buôn khoác tay con gái, dẫn nó vào tu phòng rồi lập tức đi ra ngay.

Đó là một cô gái tóc vàng, trắng nõn, tái nhợt, phốp pháp, cực kỳ hiền lành với vẻ mặt trẻ thơ sợ sệt và với thân hình phụ nữ rất phát triển. Cha Xerghi ngồi lại trên ghế dài ở cửa ra vào.

Khi cô gái đi ngang qua và dừng lại gần ông, ông đã ban phước cho cô, và ông thấy khiếp sợ bản thân mình, khi ông ngắm nghía cơ thể cô ta. Cô ta đã đi qua, còn ông cảm thấy mình như bị ong đốt. Qua nét mặt cô ta, ông thấy cô ta là người ham tình dục và ngẩn ngơ. Ông đứng dậy và đi vào tu phòng. Cô ta ngồi trên chiếc ghế đẩu và chờ ông.

Khi ông vào phòng, cô ta đứng dậy.

- Con muốn đến với ba con cơ, - cô nói.

- Con đừng sợ, - ông nói. - Con đau thế nào?

- Con đau khắp cả, -cô nói và bỗng nhiên khuôn mặt cô ta ánh lên nụ cười.

- Con sẽ khoẻ mạnh, - ông nói. - Con hãy cầu nguyện đi.

- Cầu nguyện làm gì, con đã cầu nguyện rồi, chẳng ăn thua gì. - Và cô ta vẫn cứ mỉm cười. - Cha hãy cầu nguyện và đặt tay lên mình con đi.Con đã nằm mơ thấy cha.

- Con đã thấy như thế nào?

- Con đã thấy cha đặt tay lên ngực con như thế này này. - Cô cầm lấy tay ông và áp lên ngực mình. - Đây, chỗ này.

Ông chìa tay phải cho cô.

- Tên con là gì? - ông hỏi, toàn thân run bắn

lên và cảm thấy mình đã chiến bại, tình dục đã vượt ra khỏi sự kiềm chế.

- Maria. Sao cơ ạ?

Cô ta cầm lấy tay ông và hôn, sau đó dùng một tay ôm lấy ngang lưng ông và ép sát vào mình.

- Con làm gì thế? - ông nói. - Maria. Con là ma quỷ.

- Chà, có lẽ chả sao đâu.

Và cô ôm lấy ông ta, ngồi cùng với ông ở trên giường.

Lúc rạng sáng ông bước ra ngoài thềm.

"Chả lẽ mọi chuyện đó đã xảy ra? Ông bố sẽ tới. Cô ta sẽ kể lại chuyện. Cô ta là ma quỷ. Mình sẽ làm gì nhỉ? Đây kia chiếc rìu mình đã dùng để chặt đứt ngón tay". Ông vớ lấy chiếc rìu và đi vào tu phòng.

Người giúp việc tu phòng gặp ông.

- Cha sai bổ củi ạ? Cha cứ để rìu đấy cho con.

Ông trao chiếc rìu. Ông bước vào tu phòng. Cô ta nằm ngủ. Ông khiếp sợ nhìn cô ta. Ông đi vào cuối phòng, lấy chiếc áo nông dân mặc vào, lấy kéo cắt tóc, rồi bước ra lần theo con đường nhỏ ở sườn đồi dẫn xuống sông, nơi đã bốn năm nay ông không đặt chân đến.

Con đường lớn chạy dọc ven sông; ông đi theo

con đường đó đến tận giờ ăn trưa. Tới giờ ăn trưa ông bước vào ruộng lúa mạch và nằm trong đó. Chiều tối ông đi tới một làng ở ven sông. Ông không đi vào trong làng, mà đi tới chỗ bờ dốc đứng ở ven sông.

Đó là buổi sáng sớm, trước lúc mặt trời mọc độ nửa tiếng đồng hồ. Mọi vật đều mờ xám và âm đạm, ngọn gió lạnh lẽo lúc ban mai thổi từ phía Tây tới."Phải rồi, cần phải kết thúc. không có Chúa. Kết thúc thế nào nhỉ? Lao mình xuống sông à? Mình biết bơi, nên sẽ không chết đuối. Tự treo cổ chăng? À, dây lưng đây, treo mình lên cành cây kia". Điều đó tưởng như có thể gần gũi quá, đến nỗi ông thấy khiếp sợ. Ông muốn cầu kinh như thường lệ, vào những giây phút tuyệt vọng, nhưng chẳng có ai để mà cầu nguyện. Có Chúa đâu. Ông nằm, chống khuỷu tay. Và bỗng nhiên ông cảm thấy buồn ngủ đến mức không thể dùng tay đỡ đầu lâu hơn nữa, ông duỗi tay ra, kê dưới đầu và lập tức thiếp đi ngay. Nhưng giấc ngủ đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc, ông lập tức bừng tỉnh dậy và bắt đầu nhìn thấy nửa trong giấc mơ, nửa trong hồi tưởng.

Và thế là ông nhìn thấy mình hầu như hãy còn là một chú bé ở trong nhà mẹ tại làng quê. Một chiếc xe ngựa đi tới gần nhà và từ trên xe

bước xuống là : bác Nhikôlai Xergâyêvich với chòm râu đen rậm, xoè ra như cái quạt, cùng với cô bé Pasenka gầy gò với cặp mắt to hiền lành và bộ mặt bẽn lẽn tội nghiệp. Thế là họ đưa cô bé Pasenka này tới nhập bọn với lũ trẻ con trai. Phải chơi đùa với cô bé, nhưng chán ngắt. Cô ta ngốc nghếch. Rốt cuộc lũ trẻ trêu trọc cô bé, bắt cô ta phải chứng tỏ là cô biết bơi. Cô ta nằm trên sàn và làm động tác trên cạn. Lũ trẻ cười khanh khách và biến cô thành con bé lố bịch. Cô ta thấy rõ như vậy, nên đỏ bừng mặt và trở nên đáng thương, đáng thương đến mức xấu hổ, và không bao giờ có thể quên được nụ cười nhăn nhó hiền lành, nhẫn nhục ấy của cô ta. Và Xerghi nhớ lại lúc gặp cô ta sau đó. Ông đã gặp cô ta rất lâu về sau, trước khi ônh trở thành tu sĩ. Cô ta đã lấy một điền chủ nào đó, người này phá tan hết tài sản của cô và đánh đập cô. Cô có hai đứa con: một trai và một gái. Đứa con trai chết lúc còn nhỏ.

Xerghi nhớ lại ông đã trông thấy người đàn bà bất hạnh đó như thế nào. Sau đó ông gặp bà ta ở tu viện, lúc này bà đã goá chồng. Bà vẫn như thế - không thể nói là ngốc nghếch nhưng vô duyên, tầm thường và đáng thương. Bà đã cùng với con gái và chồng chưa cưới của nó tới thăm tu viện ở một huyện ly và bà rất nghèo túng." Mà tại sao mình nghĩ tới bà ta nhỉ? - ông tự hỏi. Nhưng ông không thể thôi không nghĩ tới bà. -

Bà ta ở đâu? Tình cảnh bà ta ra sao? Bà ta vẫn bất hạnh như khi phải nhoai mình trên sàn nhà làm động tác bơi lội chăng? Vì sao mình lại nghĩ tới bà ta? Mình làm sao thế? Phải kết thúc thôi".

Ông lại cảm thấy khiếp sợ và để thoát ra khỏi ý nghĩ đó, ông lại xoay ra nghĩ về Pasenka

Ông nằm như thế hồi lâu, suy nghĩ khi thì về cái kết cục không thể tránh được của mình, khi thì về Pasenka. Ông hình dung Pasenka như là một sự cứu rỗi. Sau cùng ông ngủ thiếp đi. Trong giác mơ ông thấy một vị thiên thần bay tới với ông và nói:" Con hãy tới chỗ Pasenka và hỏi bà ta xem con cần phải làm gì, tội lỗi của con do đâu và đâu là sự cứu rỗi của con".

Ông bừng tỉnh dậy và sau khi quyết định rằng đây là sự báo mộng của Chúa, ông cảm thấy vui mừng và quyết tâm làm theo những lời Chúa phán bảo ông trong giấc mơ. Ông biết cái huyện lỵ, nơi bà sinh sống, - huyện đó ở cách đây khoảng ba trăm véc-xta, - và ông đi tới chỗ đó.

VIII

Đã lâu Pasenka không còn là Pasenka nữa mà là Praxkôvia Mikhailốpna già nua, héo hắt, da nhăn

nheo, mẹ vợ của Mavrikiép, một viên chức nghiện rượu, một kẻ không thành đạt. Bà sống ở huyện ly, nơi làm việc cuối cùng của con rể, và tại đây bà làm lụng nuôi sống gia đình: nuôi cả con gái, con rể đau ốm vì bệnh loạn thần kinh, lẫn năm đứa cháu. Bà nuôi sống họ bằng cách đi dạy âm nhạc cho các cô gái con lái buôn, mỗi giờ năm mươi kô-pếch. Mỗi ngày bà dạy bốn, đôi khi năm tiếng đồng hồ, bởi thế mỗi tháng bà kiếm được khoảng sáu chục rúp. Cho tới nay trong khi chờ xin một chỗ làm mới, họ sống bằng số tiền đó. Để kiếm việc cho con rể, Praxkôvia Mikhailốpna đã gửi thư cầu xin tới tất cả bà con thân thuộc và những người quen biết của mình, trong đó có Xerghi. Nhưng bức thư đó đã không đến tay ông.

Đã thứ bảy rồi, Praxkôvia Mikhailốpna tự mình nhào bột mì với sữa và nho khô để làm thứ bánh mà người đầu bếp nông nô của cha bà đã từng làm rất khéo. Praxkôvia Mikhailốpna muốn chiêu đãi các cháu nhân dịp ngày lễ sáng hôm sau.

Masa con gái bà, đang chăm sóc đứa con nhỏ nhất, những đứa lớn, một trai một gái, đi học. Người con rể đêm không ngủ được, nên bây giờ ngủ thiếp đi. Tối hôm qua Praxkôvia Mikhailốpna mãi vẫn không ngủ được, vì còn phải cố dẹp cơn thịnh nộ của con gái đối với chồng.

Bà thấy con rể là một kẻ yếu đuối, không thể nói năng và sống khác thế được, những lời trách móc của vợ đối với anh ta chẳng ăn thua gì và bà đã đem hết sức ra để xoa dịu họ, để không có những lời trách móc, không có chuyện độc ác. Hầu như bà không thể chịu đựng về mặt thể chất những quan hệ không tốt đẹp giữa người với người. Bà thấy rõ rằng những quan hệ kiểu đó không thể dẫn tới điều gì tốt đẹp hơn, mà tất cả sẽ ngày càng tệ hơn. Thậm chí bà cũng không nghĩ tới chuyện đó, bà chỉ cảm thấy đau khổ trước cảnh hằn thù, giống như bà khổ sở trước mùi hôi, âm thanh chói tai, hoặc những đòn đánh vào người.

Bà vừa mới đắc ý dạy cho Lukêria cách nhào bột như thế nào, thì Misa, đứa cháu lên sáu tuổi, mặc áo có yếm, chân đi đôi tất đã mạng vá, chạy vào bếp với vẻ mặt sợ hãi:

- Bà ơi, có một ông lão trông kinh lắm hỏi bà.

Lukêria nhìn ra ngoài.

- Đúng thế, một người hành hương nào ấy, thưa bà.

Praxkôvia Mikhailốpna cọ hai cẳng tay gầy guộc vào nhau, lau tay vào tạp-dề và đã toan bước vào trong nhà tìm ví lấy năm kô-pếch để bố thí, nhưng sau bà sực nhớ là không có tiền lẻ nhỏ hơn đồng một hào, nên bà quyết định sẽ

cho bánh mì và bà quay lại phía chiếc tủ, nhưng bỗng nhiên bà đỏ mặt khi thấy mình tiếc của, thế là bà ra lệnh cho Lukêria cắt một khoanh bánh mì, rồi tự mình leo lên lấy mười kô-pếch. "Thế là nhà ngươi bị trừng phạt nhé, - bà tự nhủ, - lại phải cho gấp đôi".

Bà đã đem những thứ đó cho người hành hương, vừa cho vừa xin lỗi và khi đem cho như vậy, không những bà không thấy hãnh diện vì sự hào phóng của mình, mà ngược lại bà cảm thấy hổ thẹn vì mình cho quá ít. Vẻ mặt người hành hương trông trang trọng quá.

Mặc dầu ông đã nhân danh Chúa đi suốt ba trăm véc-xta tới đây, quần áo rách rưới, người gầy tọp đi, da đen nhẻm, mái tóc ông đã cắt ngắn, chiếc mũ lông kiểu nông dân cũng tàng tàng như thế, mặc dù ông đã nghiêng mình chào một cách khiêm nhường, Xerghi vẫn giữ được vẻ trang trọng đầy sức hấp dẫn như vậy. Nhưng Praxkôvia Mikhailốpna không nhận ra ông. Bà không thể nào nhận ra ông được, vì hầu như đã ba chục năm nay bà không gặp ông.

- Xin ông lượng thứ cho. Có lẽ ông muốn ăn phải không?

- Praxkôvia. Tôi đến với bà. Xin bà hãy đón nhận tôi.

Và cặp mắt đen đẹp của ông nhìn bà chằm chằm, ra ý khẩn cầu, long lanh nước mắt. Dưới hàng ria bạc trắng, đôi môi ông run lên một cách đáng thương.

Praxkôvia Mikhailốpna ôm lấy bộ ngực héo hắt, hé miệng và cụp tròng mắt xuống, lặng người đi nhìn khuôn mặt người hành hương.

- Chả có lẽ nào! Xtêpan! Xerghi! Cha Xerghi.

- Đúng, chính là hắn đấy, - Xerghi khẽ thốt lên. - Chỉ có điều đây không phải là Xerghi, không phải là cha Xerghi mà là kẻ tội trọng Xtêpan Kaxat-xki, con người đã chết rồi, kẻ có tội trọng. Xin bà hãy đón nhận, hãy giúp đỡ tôi.

- Nhưng chả có lẽ nào, mà trông ông cam phận như thế? Ta vào nhà đi.

Bà chìa tay ra, nhưng ông không nắm lấy bàn tay đó và đi theo sau bà.

Nhưng biết dẫn ông vào đâu? Căn hộ nhỏ quá. Thoạt đầu đã ngăn ra một phòng nhỏ xíu, gần như cái buồng xép nho nhỏ, dành riêng cho bà, nhưng sau đó ngay cả cái buồng xép nho nhỏ đó bà cũng cho nốt đứa con gái. Và lúc này Masa ngồi trong đó, đưa nôi cho đứa con còn bú.

- Ông ngồi đây, hiện giờ thì thế đã, - bà nói với Xerghi, chỉ tay lên chiếc ghế dài ở trong bếp.

Xerghi lập tức ngồi xuống và tháo gỡ chiếc túi rết khỏi vai này, rồi đến vai kia, rõ ràng là bằng động tác quen thuộc.

- Trời ơi, trời ơi, sao mà trông ông cam phận quá! Danh tiếng vang lừng như thế, ấy thế mà bỗng dưng lại...

Xerghi không đáp mà chỉ mỉm cười một cách hiền lành, đặt chiếc túi ở gần mình.

- Masa, con có biết ai đây không?

Rồi Praxkôvia Mikhailốpna thì thào kể cho con gái biết Xerghi là ai và họ cùng nhau đem chăn nệm và chiếc nôi ra khỏi buồng xép, dọn sạch cho Xerghi.

Praxkôvia Mikhailốpna dẫn Xerghi vào căn buồng bé tí đó.

- Ông sẽ nghỉ ở đây. Xin ông lượng thứ cho. Còn tôi có việc phải đi.

- Bà đi đâu?

- Tôi có giờ dạy ở đây, nói ra thật xấu hổ - tôi dạy âm nhạc.

- Dạy âm nhạc thì tuyệt quá. Chỉ có điều, Praxkôvia Mikhailốpna ạ, tôi đến chỗ bà có chút việc. Khi nào thì tôi có thể nói chuyện với bà?

- Tôi rất sung sướng được ông tới thăm. Chiều được không?

- Được, chỉ xin bà một điều nữa: bà đừng nói tôi là ai. Tôi chỉ bộc lộ với bà thôi. Không ai biết tôi đi đâu. Cần phải như vậy.

- Chao, thế mà tôi đã nói với con gái tôi rồi.

- Vậy thì bà hãy xin cô ấy đừng nói.

Xerghi tháo giày, nằm xuống và lập tức thiếp đi ngay sau một đêm không ngủ và chặng đường bốn chục véc-xta.

Khi Praxkôvia Mikhailốpna trở về nhà, Xerghi đã ngồi trong căn buồng nhỏ xíu của mình và chờ đợi bà. Ông không ra dùng bữa trưa mà ăn cháo và súp do Lukêria đưa vào cho ông.

- Sao bà về sớm hơn giờ đã hẹn thế? - Xerghi nói. - Bây giờ có thể nói chuyện được không?

- Do đâu mà tôi có diễm phúc được đón một vị khách như thế này? Tôi đã bỏ giờ dạy. Để sau...tôi đã từng luôn mơ ước đi tới chỗ ông, viết thư cho ông, thế mà bỗng nhiên lại có cái may mắn này.

- Praxkôvia! Xin bà hãy xem những lời tôi nói với bà lúc này đây là lời thú tội, là lời tôi nói trước mặt Chúa lúc lâm chung. Praxkôvia! Tôi không phải là một con người thánh thiện, thậm chí cũng không phải là một con người bình dị, thông thường: tôi là kẻ có tội, một kẻ có tội bẩn thỉu, xấu xa, lầm lạc, kiêu hãnh, tôi không

biết mình có xấu hơn tất cả không, nhưng xấu hơn những con người tồi tệ nhất.

Thoạt đầu Praxkôvia trố mắt ra nhìn; bà đã tin. Sau đó, khi đã tin hoàn toàn, bà chạm bàn tay vào tay ông và mỉm cười thương hại, nói:

- Xtêpan, có lẽ ông nói quá chăng?

- Không, Praxkôvia ạ. Tôi là một kẻ lầm lạc, một tên giết người, một đứa sàm báng và một thằng lừa dối.

- Trời ơi ! Sao lại như vậy? - Praxkôvia Mikhailốpna thốt lên.

- Nhưng cần phải sống. Và tôi, kẻ từng nghĩ rằng mình hiểu biết hết, mình đã dạy người khác nên sống như thế nào, - tôi chẳng hiểu gì hết và tôi xin bà dạy bảo tôi.

- Sao thế, Xtêpan. Ông cứ giễu cợt. Vì sao bao giờ ông cũng giễu cợt tôi như vậy?

- Thôi được, cứ cho là tôi giễu cợt đi; chỉ có điều bà hãy nói cho tôi biết bà sống như thế nào và cuộc sống đã trôi qua ra sao?

- Tôi ấy à? Tôi đã sống cuộc đời ti tiện, xấu xa nhất và bây giờ Chúa trừng phạt tôi, quả là đáng đời, tôi sống tồi tệ quá, tồi tệ quá...

- Thế bà đã đi lấy chồng như thế nào? Bà đã sống với chồng ra sao?

- Tất cả đều tồi tệ. Tôi đã đi lấy chồng, đã yêu một cách xấu xa nhất. Ba tôi không tán thành chuyện đó. Tôi đã không suy xét gì cả và đi lấy chồng. Và khi lấy chồng rồi, đáng lẽ phải giúp đỡ chồng, tôi đã giày vò nhà tôi bởi cái máu ghen mà tôi không thể nào chế ngự được.

- Tôi nghe nói ông ấy rượu chè.

- Phải, nhưng còn tôi thì đã không biết cách can ngăn ông ấy. Tôi đã trách móc nhà tôi. Mà đó là một căn bệnh. Ông ấy không thể kìm mình được, còn tôi bây giờ nhớ lại, lúc ấy tôi đã không cho ông ấy tiền để uống. Thế là giữa chúng tôi xảy ra những cảnh lục đục khủng khiếp.

Và khi hồi tưởng lại chuyện đó, bà ngước cặp mắt đẹp, đau khổ nhìn Kaxátxki.

Kaxátxki nhớ lại, người ta đã kể cho ông biết chồng Praxkôvia đánh đập bà ta. Và giờ đây khi nhìn cái cổ gầy gò, héo hắt, với những mạch máu lớn ở phía dưới tai và cụm tóc thưa màu hung nhạt đã điểm bạc, tựa hồ như ông đã nhìn thấy cảnh đánh đập đó diễn ra như thế nào.

- Sau đó tôi sống một mình với hai đứa con và chẳng có chút của nả gì cả.

- Bà có trang trại cơ mà.

- Ngay từ thời còn sống với nhà tôi, chúng tôi đã bán sạch cả... và đã tiêu hết ráo...Cần phải

sống, vậy mà tôi chả biết làm gì, giống như tất cả lũ tiểu thư chúng tôi. Nhưng lúc ấy tình cảnh của tôi đặc biệt tồi tệ và bất lực. Chúng tôi sống cực khổ, tôi dạy dỗ lũ trẻ - bản thân tôi cũng đã học hành được chút ít. Michia học đến lớp bốn, thì bị ốm và Chúa đã rước nó đi. Masa yêu Vania, anh con rể tôi. Biết làm sao được, anh ta là người tốt, chỉ có điều bất hạnh. Anh ta ốm đau.

- Mẹ ơi, - con gái bà ngắt lời bà. - Mẹ hãy đón thằng Misa cho con, con không thể xẻ mình làm đôi làm ba được.

Praxkôvia Mikhailốpna giật mình, đứng dậy và đi nhanh trên đôi giày vẹt gót, bước qua cửa và quay trở lại ngay, bế chú bé lên hai trên tay, chú bé ngật người về đằng sau và đưa đôi bàn tay bé xíu túm lấy đuôi khăn của bà.

- À mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? Ấy thế, con rể tôi cũng đã kiếm được một chỗ làm tốt đáo để, quan trên cũng dễ thương, nhưng Vania không thể đi làm được và đã xin về hưu.

- Anh ta ốm bệnh gì?

- Suy nhược thần kinh, đấy là một căn bệnh khủng khiếp lắm. Chúng tôi đã bàn bạc là cần phải đi nơi khác, nhưng tiền nong không có. Tuy vậy tôi vẫn hy vọng rồi mọi việc sẽ qua đi. Anh ấy không đau đớn gì đặc biệt, nhưng...

- Lukêria! - giọng nói của anh ta vang lên, tức bực và yếu ớt. - Lúc cần đến nó là y như rằng bao giờ người ta cũng sai nó đi đâu đấy. Mẹ ơi!...

- Tôi vào ngay đây, - Praxkôvia Mikhailốpna lại ngắt lời. - Anh ấy chưa ăn trưa. Anh ấy không thể ăn cùng với chúng tôi được.

Bà bước ra ngoài, thu xếp gì ở đó, rồi quay trở lại, lau đôi tay gầy guộc rám nắng.

- Đấy, tôi sống như vậy đó. Cứ luôn luôn phàn nàn và luôn luôn không hài lòng, ấy thế nhưng, lạy Chúa, lũ cháu tôi tất cả đều kháu khỉnh khoẻ mạnh, nên còn có thể sống được. Với lại nói đến tôi làm gì.

- Vậy thì bà sống bằng cái gì?

- Tôi cũng kiếm ăn được chút ít. Tôi đã từng chán ngấy âm nhạc, vậy mà nay âm nhạc cũng có ích cho tôi đấy.

Bà đặt bàn tay nhỏ nhắn lên chiếc tủ nhỏ cạnh chỗ bà ngồi và lướt những ngón tay gầy guộc như thể dạo một bài tập về âm nhạc.

- Thế người ta trả bà bao nhiêu một giờ?

- Người ta trả khi thì một rúp, khi thì năm mươi kô-pếch, cũng có khi ba chục kô-pếch. Tất cả bọn họ đều tốt bụng với tôi lắm cơ.

- Thế học trò học hành tiến bộ chứ? - mắt thoáng cười, Kaxátxki hỏi.

Praxkôvia Mikhailốpna không tin ngay rằng đó là một câu hỏi nghiêm chỉnh và bà ngước mắt nhìn ông có ý dò hỏi.

- Học trò cũng có tiến bộ. Có một cô bé cừ khôi lắm, con gái ông hàng thịt. Cô bé hồn hậu, tốt bụng. Giá như tôi là một phụ nữ chín chắn thì cố nhiên, dựa vào những chỗ quen biết của cha tôi, chắc tôi đã có thể tìm được chỗ làm cho con rể. Ấy thế nhưng tôi chả biết cách gì cả, và thế là tôi đã dẫn tất cả chúng nó đến nông nỗi này.

- Ra thế, - Kaxátxki cúi đầu. - à, bà Praxkôvia này, bà có tham dự vào sinh hoạt của nhà thờ không? - ông hỏi.

- Chao ôi, ông đừng nói làm gì. Tôi đã xao nhãng, tồi tệ lắm. Tôi cũng ăn chay cùng với lũ trẻ và đi nhà thờ, ấy thế nhưng có khi hàng tháng tôi không đi. Tôi cho lũ trẻ đi. - Thật tình mà nói, - bà đỏ mặt lên, - đi nhà thờ mà ăn vận rách rưới thì ngượng với con cái và lũ cháu lắm, quần áo mới không có. Với lại chẳng qua là tôi lười thôi.

- Vậy bà cầu nguyện ở nhà à?

- Tôi cầu nguyện, mà kinh kệ gì đâu, tôi đọc một cách máy móc thế thôi. Tôi biết là không nên

thế, nhưng không có tình cảm thật sự, chỉ có tất cả sự xấu xa của mình thôi, ông ạ...

- À, ra thế, ra thế đấy, - Kaxátxki đế vào như thể tán thành.

- Tôi vào ngay, vào ngay đây, - bà đáp lại tiếng gọi của con rể và sau khi sửa lại bím tóc trên đầu, bà bước ra khỏi phòng.

Lần này mãi bà mới trở lại. Khi bà quay lại, Kaxátxki vẫn ngồi nguyên trong tư thế đó, khuỷu tay tựa trên đầu gối và đầu cúi xuống. Nhưng chiếc túi đi đường của ông ta đã được đeo lên lưng.

Khi bà bước vào phòng cùng với chiếc đèn sắt tây không có chụp, ông ngước cặp mắt đẹp, mệt mỏi của mình nhìn bà, rồi thở dài rõ sâu.

- Tôi không nói cho chúng nó biết ông là ai, - bà bắt đầu nói một cách rụt rè, - tôi chỉ nói rằng đây là một người hành hương trong số những con người cao quý và tôi có quen biết. Ta đi sang phòng ăn uống trà đi.

- Không...

- Thế để tôi đem đến đây vậy.

- Không, không cần gì cả. Chúa sẽ cứu vớt bà, Praxkôvia ạ. Tôi đi đây. Nếu bà thương tôi, bà đừng nói với ai là bà đã gặp tôi. Nhân danh Chúa hằng sống, tôi van xin bà: bà đừng nói với ai. Cám

ơn bà. Giá tôi quỳ sụp xuống chân bà thì phải, nhưng tôi biết rằng làm như thế khiến bà bối rối. Cảm ơn, vì Chúa, xin bà lượng thứ cho.

- Xin ông hãy ban phước.

- Chúa sẽ ban phước. Vì Chúa, xin bà hãy lượng thứ cho.

Ông định đi, nhưng bà không cho ông đi và đem bánh mì, bánh vòng và bơ tới cho ông. Ông nhận tất cả và bước ra khỏi phòng.

Trời đã tối và ông ra đi mới cách độ hai nhà, bà đã không nhìn thấy ông nữa, và chỉ căn cứ vào tiếng con chó của vị tu sĩ trưởng sủa theo ông, bà mới biết là ông đang đi.

"Đấy, giấc mộng của ta có nghĩa là như vậy đấy. Praxkôvia chính là mẫu người mà ta phải đạt tới và ta đã không đạt được. Ta đã sống vì người đời, lấy cớ là sống vì Chúa, bà sống vì Chúa, nhưng lại tưởng tượng rằng mình sống vì người đời. Phải rồi, chỉ một việc làm tốt đẹp, một chén nước đem cho mà không nghĩ tới phần thưởng, còn quý hơn những gì ta đã ban ơn cho mọi người. Nhưng cũng có một phần ý muốn thành thực phụng sự Chúa chứ ?" - ông tự hỏi và trả lời: "Phải, nhưng tất cả những cái đó đã bị hư danh của

người đời bám vào, làm cho nhơ nhớp. Phải, đối với những kẻ như ta, sống vì hư danh của người đời, thì không có Chúa. Ta sẽ đi tìm Chúa".

Và ông ra đi như ông đã đi tới nhà Praxkôvia, từ làng này tới làng kia, gặp gỡ và chia tay với những người đàn ông và đàn bà hành hương và cầu Chúa kiếm miếng bánh ăn và chỗ nghỉ đêm. Thỉnh thoảng một bà chủ độc ác xỉ vả ông, một bác nông dân say bét nhè chửi bới ông, nhưng phần lớn người ta cho ông ăn uống, thậm chí cho ông thức ăn đi đường. Bộ dạng quý tộc của ông khiến một số người có thiện cảm với ông. Ngược lại một vài người chừng như thể hể hả vì thấy một nhà quý tộc cũng đã rơi vào cảnh cùng khốn. Nhưng vẻ hiền lành của ông đã chinh phục tất cả mọi người.

Thông thường khi thấy trong nhà có cuốn kinh Phúc âm, ông đọc to lên, và mọi người ở khắp nơi, bao giờ cũng xúc động và ngạc nhiên như thể họ nghe ông đọc một cái gì mới mẻ, đồng thời đã quen thuộc từ lâu.

Nếu như ông đã giúp đỡ được mọi người bằng lời khuyên bảo, hoặc bằng vốn học vấn, hay bằng lời can ngăn những kẻ cãi nhau, thường ông không nhận sự cám ơn, vì trước đó ông đã bỏ đi. Và Chúa đã bắt đầu thoáng xuất hiện ở trong ông.

Có lần ông đi cùng với hai bà già và một người lính. Một ông và một bà quý tộc ngồi trên chiếc xe ngựa hai bánh thắng con ngựa chạy nước kiệu và một người đàn ông cùng một phu nhân cưỡi ngựa chặn bọn ông lại. Chồng của bà quý tộc cùng với cô con gái cưỡi ngựa, còn trên xe có lẽ là bà quý tộc đi cùng với một nhà du lịch người Pháp.

Đám người quý tộc chặn bọn ông lại để chỉ cho nhà du lịch Pháp thấy *les pélérin* (*), theo thói mê tín cố hữu của dân Nga, những người hành hương này đáng lẽ làm việc thì lại đi lang thang từ nơi này đến nơi kia.

Đám quý tộc nói tiếng Pháp, tưởng rằng bọn ông không hiểu họ nói gì.

- *Demandez leur,* - người Pháp nói, - *s'ils sont bien sûrs de ce leur pélérinage est argéable à dieu* (**).

Đám quý tộc hỏi bọn ông. Các bà lão đáp:

- Chúa tiếp nhận như thế nào là tuỳ ý Người. Chúng tôi đi bằng đôi chân mình, thành tâm là ở đấy chăng.

- Đám quý tộc hỏi người lính. Người lính nói rằng có một mình biết đi đâu được.

Đám quý tộc hỏi Kaxátxki rằng ông là ai.

(*) Những người hành hương (tiếng Phap)

(**) Anh hãy cho họ xem, - họ có tin chắc rằng cuộc hành hương của họ làm cho Chúa hài lòng không? (tiếng Pháp).

- Nô lệ của Chúa.

- *Qu'est ce qu'il dit? Il ne répond pas* (*).

- *Il dit qu'il est un serviteur de dieu* (**).

- *Cela doit être un fils de prêtre.Il a de la race.Avez vous de la petite monnaie?* (***).

Người Pháp có tiền lẻ. Và hắn phân phát cho tất cả mọi người, mỗi người hai mươi kô-pếch.

- *Mais dites leur que ce n'est pas pour des cierges que je leur donne, mais pour qu'ils se régalent de thé* (****). *Chè,chè,* - hắn ta mỉm cười,- *pour vous mon vieux* (*****), - hắn nói, đưa bàn tay đeo đeo găng vỗ vai Kaxátxki.

- Chúa sẽ cứu rỗi, - Kaxátxki đáp, không đội mũ lông vào và nghiêng mái đầu hói của mình cúi chào.

Kaxátxki đặc biệt vui mừng vì cuộc gặp gỡ đó, bởi vì ông đã khinh thường dư luận của người đời và đã làm cái việc hời hợt, hão huyền nhất - ông đã nhẫn nhục cầm lấy hai mươi kô-pếch và đã cho một người bạn của họ, một người hành khất

---

* Lão ta nói gì thế? Lão ta không trả lời (tiếng Pháp).

** Lão ấy nói rằng lão là kẻ tôi tớ của Chúa (tiếng pháp).

*** Chắc lão là con một cố đạo. Ra dáng con nhà nòi lắm. Anh có tiền lẻ đấy không? (tiếng Pháp)

**** Nhưng anh hãy bảo với bọn họ rằng tôi cho họ tiền không phải để mua nến mà để họ làm một chầu nước chè (tiếng Pháp)

***** Cho ông đấy, ông lão ạ (tiếng Pháp).

mù. Càng ít coi trọng dư luận của người đời, thì càng được cảm nhận thấy Chúa một cách mạnh mẽ hơn.

Kaxátxki đã đi phiêu bạt như vậy được tám tháng, tới tháng thứ chín ông bị người ta bắt giữ tại một quán trọ ở tỉnh ly, nơi ông nghỉ đêm cùng với những người hành hương, và vì không có giấy thông hành nên người ta đã đưa ông về đồn cảnh sát... Trả lời câu hỏi giấy thông hành của ông đâu và ông là ai, ông đáp rằng ông không có giấy thông hành và ông là nô lệ của Chúa. Người ta xếp ông vào hạng người lang thang, kết án và đày ông đi Xibiri

Tại Xibiri ông ngụ trong trại của một nông phu giàu có và bây giờ vẫn sống tại đó. Ông làm lụng trong vườn rau của chủ nhà, dạy trẻ học và đi chăm sóc người ốm.

SAU ĐÊM VŨ HỘI

I

- Vừa đấy các vị nói rằng con người không thể tự mình hiểu được điều gì tốt, điều gì xấu, rằng mọi việc phụ thuộc vào môi trường xã hội, mà môi trường xã hội lại ăn mòn ta. Nhưng tôi nghĩ: Mọi việc đều do chuyện tình cờ. Đây tôi xin nói về bản thân tôi.

Ông Ivan Vaxiliêvích được mọi người kính trọng đã ngỏ lời như vậy sau câu chuyện bàn tán giữa chúng tôi, rằng để tự hoàn thiện bản thân, trước hết phải thay đổi hoàn cảnh sống của con người. Thực ra, không có ai lại nói rằng tự bản thân mình lại không hiểu được cái tốt, cái gì xấu, nhưng ông Ivan Vaxiliêvích có cái cung cách trả lời như vậy cho những ý nghĩ riêng của mình nảy sinh ra sau câu chuyện, và nhân những ý nghĩ ấy, kể lại những tình tiết lấy trong cuộc đời mình. Thường khi mải

mê câu chuyện, ông hoàn toàn quên hẳn nguyên cớ đã thúc đẩy ông kể, hơn thế, ông rất chân thành và rất thực.

Và bây giờ ông cũng làm như vậy.

- Tôi sẽ nói về tôi. Cả cuộc đời tôi đã hình thành thế này, chứ không thế khác, chẳng phải vì hoàn cảnh chung quanh, mà hoàn toàn vì một lí do khác.

- Vì chuyện gì kia? - chúng tôi hỏi.

- Vâng, đó là một câu chuyện dài. Để hiểu được, phải nói nhiều.

- Thì ông cứ kể đi.

Ông Ivan Vaxiliêvich tư lự, lắc đầu.

- Vâng, - ông lên tiếng. - Tất cả cuộc đời thay đổi chỉ sau một đêm, hay đúng hơn là một buổi sáng.

- Nhưng chuyện gì kia chứ?

- Nó là thế này: bấy giờ tôi đang yêu, yêu say đắm. Trong đời tôi đã yêu thương nhiều bận, nhưng đấy là mối tình mạnh mẽ nhất của đời tôi. Chuyện thuộc về dĩ vãng: con gái người ấy giờ đã lấy chồng. Đó là bà B... Vâng bà Varia B..., - ông Ivan Vaxiliêvich nói cái họ ấy ra. - Ngay ở cái tuổi năm mươi, bà ta vẫn là một giai nhân tuyệt đỉnh. Nhưng thuở thanh xuân, giữa tuổi mười tám, nàng thật là tuyệt sắc: người dong dỏng cao, cân đối, yêu kiều và

uy nghi. Bao giờ nàng đi đứng cũng đoan trang khác thường, dường như không thể nào khác được, mái đầu hơi ngả ra sau, và điều đó, cùng với nhan sắc cũng như vóc dáng cao của nàng, mặc dù người nàng gầy, thậm chí xương xương, vẫn làm cho nàng có một vẻ vương giả, làm cho người khác hẳn phải sợ hãi lánh xa nàng, nếu như không có nét cười dịu dàng, bao giờ cũng tươi rói nơi khoé miệng, và cặp mắt xinh đẹp sáng ngời, cùng toàn bộ dáng hình yêu kiều, tươi trẻ của nàng.

- Ông Ivan Vaxiliêvích tô vẽ mới ghê chưa?

- Dù có tô vẽ thế nào đi nữa, cũng không thể nào làm cho các vị hình dung ra được nàng thực sự ra sao. Tuy nhiên chuyện không phải ở chỗ đó: chuyện tôi muốn kể xảy ra vào những năm bốn mươi. Bấy giờ tôi đang là một sinh viên Trường đại học tổng hợp địa phương. Tôi không biết như vậy là tốt, hay xấu, nhưng lúc đó ở trong trường chúng tôi chẳng có nhóm, có bè, cũng chẳng hề có lý thuyết nào, mà chỉ biết là chúng tôi trẻ trung và sống như tuổi trẻ vốn dĩ vẫn sống: chúng tôi chỉ học hành và vui chơi. Bấy giờ tôi là một gã trai vui nhộn và lanh lợi, và còn giàu có nữa. Tôi có một con ngựa phi nước kiệu ngổ ngáo, cùng các cô tiểu thư trượt xe từ trên núi xuống (bấy giờ còn chưa có cái mốt chơi trượt băng), cùng

các bạn bè nhậu nhẹt (thời đó không uống gì khác ngoài rượu sâm-banh, không có tiền thì thôi không uống gì, chứ không uống vốt-ka như bây giờ). Hứng thú chủ yếu của tôi lại là các tối truy hoan và các đêm vũ hội. Tôi nhảy khá và mặt mũi cũng không đến nỗi khó coi.

- Ấy xin ông, chẳng có gì mà phải nhún nhường, - một trong số các bà có mặt ngắt lời ông Iva Vaxiliêvích. - Chúng tôi còn biết cả bức ảnh chân dung của ông kia. Không đến nỗi khó coi, mà ông còn là người điển trai nữa.

- Điển trai thì điển trai, nhưng chuyện không ở chỗ đó. Mà sự thể là giữa lúc mối tình của tôi đối với nàng mạnh mẽ nhất, vào ngày cuối cùng của lễ tống tiễn mùa đông, tôi đến dự đêm vũ hội của thống đốc tỉnh, một ông lão hồn hậu, một phú gia hiếu khách và là bậc đại quý tộc. Tiếp khách là bà vợ ông, cũng hồn hậu như ông, đầu gài cái đai kim cương, mặc áo dài bằng nhung màu nâu, nhưng để hở hai vai và ngực mũm mĩm, trắng ngần, như chân dung của nữ hoàng Êlidavêta Pêtơốpna [1]. Đêm vũ hội tuyệt vời: phòng nhảy lộng lẫy, có chỗ dành riêng cho ban hát, các nhạc công - những nông nô nổi tiếng thời ấy của nhà địa chủ - tay chơi, quầy giải khát điểm tâm thật xuất sắc và rượu sâm-banh, tuôn chảy lênh láng.

Dù tôi vốn là một kẻ hâm mộ sâm-banh, nhưng tôi không uống, bởi vì không cần rượu tôi vẫn say vì tình, song le tôi lại nhảy đến quy gối, nhảy cả khúc đối vũ, cả điệu van-xơ, cả điệu pôn-ca, tất nhiên, trong chừng mực có thể được, đều nhảy với Varia. Nàng mặc áo dài trắng, thắt lưng hồng và tay đi găng bằng da mềm trắng muốt dài đến gần khuỷu tay gầy, còn chân đi giầy vải láng màu trắng. Tôi bị tranh trước điệu ma-dur-ca: cái gã kỹ sư Anhiximốp cực kỳ đáng ghét - cho đến nay tôi vẫn không thể tha thứ cho anh ta - đã ngỏ lời mời nàng, khi nàng vừa bước vào phòng, còn tôi phải rẽ vào chỗ người thợ cắt tóc để lấy đôi găng, nên bị chậm. Như vậy là điệu ma-dur-ca tôi đã không nhảy với nàng, mà nhảy với một cô gái Đức, trước đó tôi có theo đuổi ít nhiều. Nhưng, tôi e rằng buổi tối hôm đó tôi đã tỏ ra khiếm nhã đối với cô ta: tôi đã không chuyện trò với cô ta, không nhìn cô ta, mà chỉ nhìn thấy hình dáng cao cao, cân đối trong chiếc áo dài màu trắng dải thắt lưng hồng, gương mặt rạng rỡ, ửng hồng với đôi má lúm đồng tiền và cặp mắt dịu dàng, đáng yêu của nàng. Không phải riêng một mình tôi, mà tất cả mọi người đều nhìn nàng và ngắm nàng, cả cánh đàn ông, cả đám các bà đều nhìn ngắm nàng, mặc dù nàng làm cả đám họ bị lu mờ đi. Không thể không ngắm nhìn nàng được.

Nói cho đúng ra thì tôi không được nhảy điệu ma-dur-ca với nàng. Nàng, không hề ngượng ngùng, đi ngang qua cả gian phòng đến với tôi, thế là tôi bật dậy, không chờ phải mời, và nàng mỉm cười cám ơn vì sự tinh ý của tôi. Mỗi lần nhạc đưa chúng tôi đến bên nàng và do không đoán được bạn nhẩy tiếp sau của tôi, nàng đã không đưa tay cho tôi, mà chỉ nhún đôi vai gầy và mỉm cười với tôi ra chiều luyến tiếc và an ủi tôi. Khi điệu ma-đur-ca được thay bằng diệu van-xơ, tôi cùng nàng quay tròn mãi, và nàng ,vừa thở gấp, vừa mỉm cười bảo tôi: "*Encore*" (*). Và tôi tiếp tục quay tròn, quay tròn nữa và không còn cảm thấy thân mình.

- Nói thế, làm sao lại không cảm thấy, tôi cho rằng ông cảm thấy quá đi chứ, khi ông ôm ngang thân người ấy, không những cảm thấy thân mình, mà còn cả thân hình của người ấy, - một trong các vị khách nói.

Ông Ivan Vaxiliêvích đột nhiên đỏ mặt và bực bội gần như quát lên:

- Phải, thanh niên ngày nay các ông là thế đấy. Ngoài thân thể ra các ông chẳng thấy gì nữa hết. Vào thời chúng tôi đâu có thế. Tôi càng yêu

* Nữa đi (*tiếng Pháp*)

say đắm bao nhiêu, nàng càng trở nên không còn là một thân thể cụ thể nữa đối với tôi. Các ông bây giờ nhìn thấy chân, mắt cá chân và còn gì gì nữa, các ông lột áo sống những người đàn bà, mà các ông say đắm, còn đối với tôi, như lời Alphonse Karr [2], - một nhà văn xuất sắc, - trên mình người yêu của tôi bao giờ cũng là những bộ trang phục bằng đồng thau. Chúng tôi không lột áo xống, mà còn cố che kín những chỗ hở hang đi kia, giống như người con trai hiền hậu của Nôi [3] vậy. Nói thế, chứ các ông chẳng hiểu...

- Xin ông đừng để ý đến anh ta. Rồi tiếp theo ra sao? - một người trong chúng tôi lên tiếng.

- Vâng. Vậy là tôi nhảy với nàng nữa và không nhận thấy thời gian trôi đi. Các nhạc công đã bải hoải mệt mỏi thế nào đó, thì các vị biết đấy, thường vào cuối đêm vũ hội, họ cứ phải dạo đi dạo lại mãi một điệu nhảy ma-dur-ca, các ông bô, bà bô đã đứng dậy rời các bàn đánh bài ở phòng khách chờ đợi bữa ăn tối, bọn đày tớ chạy ra chạy vào nhiều hơn, để chuyển cái gì đó. Đã ba giờ đêm, cần phải tranh thủ những giây phút cuối cùng. Một lần nữa, tôi lại chọn nàng, và chúng tôi lượn tròn hàng trăm lượt quanh gian phòng.

- Sau bữa ăn, điệu ka-đrin là phần tôi nhé? - tôi nói với nàng, đưa nàng về chỗ của nàng.

- Tất nhiên rồi, nếu như em không phải ra về, - nàng mỉm cười đáp.

- Tôi không để ai bắt nàng về, - tôi nói.

- Trả lại cho em cái quạt, - nàng nói.

- Tiếc lắm, - tôi nói, trao lại cho nàng chiếc quạt lông trắng rẻ tiền.

- Thì đây tặng chàng để chàng khỏi tiếc, nàng nói, bứt một chiếc lông ở chiếc quạt ra và đưa cho tôi.

Tôi nhận lấy chiếc lông quạt và chỉ có thể bằng ánh mắt bày tỏ tất cả nỗi niềm hân hoan và biết ơn của mình, Tôi không chỉ vui mừng và hài lòng, tôi thấy mình thật hạnh phúc, sung sướng, bấy giờ tôi thật hiền hậu, bấy giờ tôi không còn là tôi mà là một sinh vật không phải của thế gian, không biết điều ác, mà chỉ có khả năng làm việc thiện. Tôi giấu chiếc lông quạt vào trong găng tay và đứng đó, không đủ sức rời khỏi nàng.

- Chàng xem kìa, mọi người đang đề nghị ba em nhảy kìa, - nàng vừa nói vừa chỉ cho tôi thấy thân hình cao lớn gọn gàng của cha nàng, một ông đại tá mang ngù vai bạc, đang đứng bên cửa ra vào cùng bà chủ nhà và đám các bà khác.

- Varia, cô lại đây, - chúng tôi nghe tiếng gọi to của bà chủ nhà đầu đội cái đài kim cương và đôi vai trần của Êlidavêta.

Varia đi về phía cửa, và tôi đi theo nàng.

- *Ma chère* [*], cô nói để ba cô ra nhảy với cô đi. Nào, xin mời, ông Piốt Vlađixlavôvich, - bà chủ nói với ông đại tá.

Cha Varia là một ông già đẹp lão, cân đối, cao lớn và tươi tỉnh. Bộ mặt ông ta rất hồng hào, với bộ ria bạc uốn cong *à la Nikolas I* [**], bộ râu quai nón cũng bạc trắng, vòng xuống ăn vào ria và hai bên mái tóc mai chải cong ra phía trước, và nụ cười cũng dịu dàng tươi vui, như nự cười của cô con gái, lấp lánh trong đôi mắt sáng ngời và trên khoé miệng. Thân hình ông ta thật đẹp, ngực rộng, ưỡn ra đúng kiểu nhà binh, được trang điểm bằng số huân chương không lấy gì làm nhiều cho lắm, đôi vai cứng cáp và đôi chân dài, cân đối. Ông ta là một chỉ huy quân sự, loại công thần bắt chước quân phong thời hoàng đế Nhicôlai I.

Khi chúng tôi đến bên cửa ra vào, ông đại tá đang từ chối, thoái thác rằng ông ta đã quên nhảy rồi, nhưng tuy vậy, vẫn mỉm cười, hất tay sang phía bên trái, gỡ thanh gươm ra khỏi dây đeo, trao cho một chàng trai trẻ tuổi sốt sắng đỡ lấy và, sau khi nong chiếc găng bằng da mịn vào tay phải, - "mọi cái cần phải đúng quy cách", - ông

---

* Cô em thân mến (*tiếng Pháp*).

** *Theo kiểu hoang đế Nhicôlai I (tiếng Pháp)*

ta nói, mỉm cười, cầm tay con gái và đứng nghiêng nghiêng chờ nhịp nhảy.

Chờ đến khi mở đầu điệu ma-dur-ca, ông ta linh hoạt giậm một chân, hất cao chân kia, và thân hình cao lớn, nặng nề của ông ta khi nhẹ nhàng và uyển chuyển, khi sôi nổi và ồn ào, đế giày nện thình thịch và chân nọ nối chân kia, chuyển động quanh gian phòng. Thân hình cân đối của Varia lướt êm bên cạnh ông ta, đôi chân nhỏ nhắn đi giày bằng vải láng trắng muốt bước lúc nhanh lúc chậm rất đúng nhịp. Cả gian phòng theo dõi từng cử động của cặp nhảy. Tôi không chỉ ngắm, mà nhìn họ với một niềm cảm kích hoan hỉ. Đặc biệt làm tôi cảm kích là đôi ủng của ông ta có dây buộc ôm sát chân - đôi ủng rất tốt, nhưng không phải loại ủng thời thượng, mũi không nhọn, mà vuông theo kiểu cổ, và không có gót cao. Chắc hẳn đôi ủng do người thợ giày của tiểu đoàn đóng. "Để đưa con gái yêu quý ra mắt xã hội và may mặc cho cô con gái ấy, ông ta không mua sắm đôi ủng thời thượng, mà mang ủng tự gia công", - tôi nghĩ bụng, và đôi mũi ủng vuông cạnh ấy đặc biệt làm tôi cảm kích. Rõ ràng là trước đây đã có thời ông ta nhảy rất đẹp, nhưng bây giờ ông đã nặng nề, và đôi chân không còn đủ dẻo dai đối với những bước đẹp và nhanh, mà ông ta cố làm cho nổi bật. Nhưng

tuy vậy, ông ta cũng vẫn đi được hai vòng một cách khéo léo. Đến khi ông ta nhanh nhẹn choãi chân ra, rồi thu lại và, mặc dù cũng hơi nặng nề, quỳ một gối xuống, còn nàng, mỉm cười và sửa lại váy áo mà cha nàng vướng phải, êm ái lướt đi quanh ông, thì mọi người vỗ tay ran lên. Phải cố một chút mới đứng dậy được, ông ta đưa hai tay dịu dàng âu yếm ôm lấy hai bên thái dương của con gái và, sau khi hôn lên trán nàng, ông dắt tay nàng trao cho tôi, cho rằng tôi đang nhảy với nàng. Tôi bảo rằng tôi không phải là người bạn nhảy của nàng.

- Thì sao nào, bây giờ anh cùng lượn đi với em nó, ông ta nói, mỉm cười dịu dàng và mắc gươm vào dây đeo.

Thông thường, sau khi đã có một giọt chảy từ trong chai ra, thì toàn bộ phần chứa trong chai theo đó ộc ra thành từng dòng lớn, trong tâm hồn tôi cũng vậy, tình yêu đối với Varia giải thoát tất cả khả năng yêu đương ẩn giấu trong tâm hồn tôi. Trong thời khắc đó, tôi ôm gọn cả thế gian trong vòng tay tràn đầy yêu thương của tôi. Tôi yêu cả bà chủ mang đài kim cương trên đầu, với nửa người phía trên giống như Êlidavêta, cả ông chồng của bà, cả khách khứa của bà, cả đám tôi tớ của bà, thậm chí cả gã kỹ sư Anhiximốp đã

chơi xỏ tôi. Còn đối với cha nàng, với đôi ủng đóng lấy của ông ta và nụ cười dịu dàng, giống nụ cười của nàng, lúc đó, tôi thấy có một tình cảm hoan hỉ dịu dàng đặc biệt.

Điệu ma-dur-ca kết thúc, bà chủ mời khách khứa vào bữa tối, nhưng ông đại tá B. từ chối, bảo rằng sáng mai ông ta phải dậy sớm, và cáo từ ông bà chủ. Lúc ấy tôi đã hoảng, sợ nàng phải về theo, nhưng nàng ở lại với mẹ nàng.

Sau bữa ăn tối, tôi nhảy với nàng điệu ka-đrin đã được hứa trước, và mặc dù tôi cảm thấy mình đã hạnh phúc vô chừng, nhưng niềm hạnh phúc của tôi vẫn cứ lớn lên, lớn mãi. Chúng tôi không nói gì với nhau về tình yêu. Tôi không hỏi nàng cũng như bản thân mình thậm chí cả chuyện nàng có yêu tôi không. Chỉ một điều tôi yêu nàng đối với tôi cũng là đủ. Và tôi chỉ sợ một điều là có chuyện gì đó có thể làm tan vỡ niềm hạnh phúc của tôi.

Khi tôi về tới nhà, thay quần áo và nghĩ đến chuyện ngủ, tôi nhận ra rằng tôi hoàn toàn không thể ngủ được. Trong tay tôi là chiếc lông bứt ở cái quạt của nàng và cả một chiếc găng của nàng, chiếc găng nàng đã cho tôi, khi nàng lên xe ngựa và tôi đỡ mẹ nàng ngồi vào chỗ, sau đó đỡ nàng. Tôi nhìn những kỷ vật này và, mắt mở trừng trừng,

tôi vẫn nhìn thấy trước mắt mình cái phút mà nàng chọn giữa hai bạn nhảy, đoán được ý tôi, và tôi nghe thấy giọng nói đáng yêu của nàng khi nàng bảo: "*Kiêu hãnh?* phải không anh?" - nàng sung sướng đưa tay cho tôi, hay khi trong bữa ăn tối, kề môi nhấm nháp cốc rượu sâm-banh, nàng ngước nhìn tôi bằng cặp mắt âu yếm. Nhưng rõ hơn hết tôi thấy nàng nhảy đôi với cha nàng, khi nàng uyển chuyển lướt đi bên cạnh cha nàng và với niềm tự hào và vui sướng vì bản thân mình cũng như cha mình, nàng đưa mắt nhìn những người đứng quanh đang chăm chú theo dõi. Và tôi bất giác liên kết chả nàng và nàng trong một tình cảm dịu dàng xúc động.

Bấy giờ tôi sống riêng với người anh trai nay đã quá cố. Anh tôi nói chung không ưa thích giới thượng lưu và không đi dự các đêm vũ hội, anh tôi đang lo chuẩn bị thi phó tiến sĩ và sống một cuộc sống mực thước nhất. Lúc đó anh đang ngủ. Tôi nhìn mái đầu anh vùi vào gối và nửa mặt đắp kín dưới chăn phla-nen, và tôi cảm thấy thương hại anh, thương vì anh không biết và không chia sẽ cùng tôi niềm hạnh phúc kia, niềm hạnh phúc mà tôi đang trải qua. Tên đày tớ nông nô Piốt của anh em chúng tôi cầm nến ra đón tôi và định giúp tôi thay quần áo, nhưng tôi cho hắn đi ngủ. Bộ dạng ngái ngủ với mái tóc rối bù của hắn khiến

tôi mủi lòng xúc động. Cố không làm ồn, tôi rón chân đi về phòng mình và ngồi xuống giường. Không, lúc ấy tôi quá hạnh phúc, tôi không thể ngủ được. Thêm vào đấy, trong những căn phòng có lò sưởi ấm này tôi thấy nóng và không cởi lễ phục, tôi nhẹ chân bước ra phòng ngoài, mặc áo khoác, mở cửa và bỏ ra ngoài trời.

Tôi rời đêm vũ hội vào lúc bốn giờ sáng, đi đường về, ngồi ở nhà một lúc, qua thêm hai tiếng đồng hồ nữa, như vậy là khi tôi ra ngoài, trời đã hửng sáng. Tiết trời đúng là tiết đông qua xuân tới, sương mù, tuyết sũng nước tan chảy trên đường, và từ các mái nhà giỏ giọt xuống. Gia đình B. bấy giờ sống ở cuối thành phố, gần một bãi rộng, một đầu là chỗ dạo chơi công cộng và đầu kia là trường nữ sinh cao đẳng. Tôi đi qua hết ngõ vắng của chúng tôi và ra phố lớn, nơi bắt đầu gặp cả khách bộ hành, cả những người phu chở củi đánh các xe trượt, càng trượt chạm mặt đường. Và những con ngựa nhịp nhàng lúc lắc cái đầu ướt dưới những vòng gỗ bóng lộn và những người đánh xe phủ các bao gai, đi những đôi ủng lớn bước lép nhép bên cạnh xe, và những ngôi nhà của đường phố, trong sương mù tưởng như rất cao, tất cả đối với tôi đều đặc biệt đáng yêu và có ý nghĩa.

Khi tôi ra tới bãi rộng, nơi nhà nàng ở đó,

tôi nhìn thấy ở đầu đằng kia, lối đi đến chỗ dạo chơi, có một đám gì khá đông, đen đen và nghe từ đó vẳng ra tiếng sáo tây và tiếng trống. Trong lòng tôi lúc nào cũng rộn rã tiếng ca và thỉnh thoảng lại văng vẳng nhạc điệu ma-dur-ca. Nhưng đây là một điệu nhạc khác, khắc nghiệt, khó chịu thế nào ấy.

"Gì thế nhỉ?" - tôi nghĩ và theo con đường trơn ở giữa bãi rộng đi tới phía có tiếng sáo, tiếng trống. Đi khoảng một trăm bước, từ trong đám sương mù tôi bắt đầu nhận ra rất nhiều hình người đen đen. Chắc hẳn đó là binh lính. "Có lẽ họ tập luyện", - tôi nghĩ và, cùng với một người thợ rèn mặc áo lông cộc lấm lem ngoài khoác tạp-dề, mang cái gì đó đi phía trước tôi, bước lại gần hơn. Binh lính mặc quân phục đen đứng hai hàng đối diện nhau, cầm súng hạ dưới chân, và không động đậy. Phía sau họ là người đánh trống và thổi sáo, và hai người đó không ngừng lặp đi lặp lại cái âm điệu khó chịu, nhức nhối.

- Họ làm gì thế không biết? - tôi hỏi bác thợ rèn đứng bên cạnh tôi.

- Họ phạt lùa gã Tatarơ vì tội chạy trốn, - bác thợ rèn bực bội nói, đưa mắt nhìn về phía cuối hàng quân.

Tôi cũng nhìn về phía đó và thấy ở giữa hai

hàng quân một vật gì kinh khủng đang tiến về phía tôi. Vật tiến về phía tôi là một người cởi trần bị trói vào hai khẩu súng của hai người lính áp tải. Đi bên cạnh bọn họ là một sĩ quan người cao lớn mặc áo khoác và mũ cát-két, hình dáng tôi cảm thấy quen quen. Giật thót toàn thân, chân lội bì bọp trong tuyết tan, người bị xử tội lê bước dưới những đòn giáng xuống anh ta từ hai phía, tiến đến phía tôi, lúc giật ra sau - khi ấy hai viên đội áp giải, lại đẩy anh ta về phía trước, khi chúi về đằng trước - khi ấy hai viên đội lại giữ cho anh ta khỏi ngã, kéo giật ra sau. Và viên sĩ quan cao lớn bước những bước chắc chắn khẽ rung rung, nhưng không chịu tụt lại. Đó chính là cha nàng, với bộ mặt hồng hào, cặp ria và bộ râu quai nón bạc.

Mỗi lần gậy vút xuống, người chịu tội lại dường như ngạc nhiên, quay bộ mặt nhăn nhúm vì đau đớn về phía cây gậy giáng xuống và nhe hàm răng trắng, nhắc đi nhắc lại mãi những lời gì đó.

Chỉ khi anh ta đến gần hẳn, tôi mới nghe rõ những lời ấy. Không phải anh ta nói, mà rên rỉ: "Anh em ơi, xin anh em rủ lòng thương. Anh em, xin anh em rủ lòng thương"! Nhưng những người anh em không rủ lòng thương, và khi đám người đi qua chỗ tôi, tôi thấy người lính đứng trước tôi

bước một bước dứt khoát lên phía trước và, vung cây gậy lên đến vút một tiếng, giáng mạnh xuống lưng anh lính Tatarơ. Anh lính Tatarơ liền ngã xiêu về phía trước nhưng hai viên đội giữ anh ta lại, tiếp theo là một đòn khác như vậy giáng xuống anh ta từ phía kia và lại từ phía này, rồi lại từ phía kia. Viên đại tá đi sóng bên cạnh và, khi nhìn xuống dưới chân, khi nhìn kẻ bị tội phùng má, hít không khí và chúm môi tròn, chậm chạp thở ra. Khi đám người diễu qua chỗ tôi đứng, qua hàng quân, tôi thoáng nhìn thấy cái lưng kẻ bị hình phạt. Đó là một cái gì loang lổ, ướt nhoẹt đỏ lòm không bình thường, đến nỗi tôi không tin rằng đó là một thân người.

- Ôi, lạy Chúa! - bác thợ rèn bên cạnh tôi thốt lên.

Đám diễu hành kéo đi xa dần, vẫn như vậy, từ hai phía, đòn giáng xuống lưng con người bước loạng choạng, rúm ró, và vẫn như vậy, bằng bước đi chắc nịch, thân hình cao lớn, oai vệ của ông đại tá chuyển động theo bên cạnh kẻ bị hình phạt. Chợt ông đại tá dừng lại và tiến nhanh đến trước một người lính:

- Rồi ta sẽ xuê xoa cho mày, - tôi nghe thấy giọng nói giận dữ của ông ta. - Mày còn định xuê xoa nữa không? Nữa không?

Và tôi thấy ông ta vung bàn tay khoẻ mạnh đi găng da mềm của mình tát vào mặt người lính, vóc dáng bé nhỏ, yếu đuối đang sợ hết hồn vì tội anh ta quất roi không đủ mạnh xuống cái lưng đỏ lòm của người lính Tatarơ.

- Đưa chiếc gậy mới đến đây! - ông ta quát to, nhìn ngoái lại và thấy tôi. Làm ra bộ không biết tôi, ông ta nghiêm khắc và giận dữ cau mặt, vội quay nhìn đi chỗ khác. Lúc tôi cảm thấy xấu hổ đến mức không còn biết nhìn đi đâu, dường như tôi vừa bị bắt quả tang chính trong lúc đang làm một việc xấu xa nhất. Tôi cụp mắt nhìn xuống và vội vã bỏ về nhà. Suốt dọc đường bên tai tôi ong ong khi thì tiếng trống và tiếng sáo, khi lại là những tiếng van nài:" Anh em ơi xin anh em rủ lòng thương", khi tôi lại nghe rõ giọng nói giận dữ, tự tin của ông đại tá quát: " Mày còn định xuê xoa nữa không? Nữa không? " Trong lúc đó, lòng tôi trào lên một nỗi phiền muộn về thể xác, phiền muộn đến mức phát buồn nôn, đến mức tôi phải dừng lại mấy lần, và tôi có cảm giác, chỉ giây lát nữa thôi là bản thân tôi sẽ bung ra bởi tất cả nỗi kinh hoàng ấy nỗi kinh hoàng đã len vào tôi do cảnh tượng nọ. Tôi không nhớ tôi đã về tới nhà và đi nằm ra sao. Nhưng chỉ thiu ngủ là tôi lại nghe thấy tiếng và nhìn thấy mọi chuyện vừa xảy ra, và tôi bật dậy.

"Chắc hẳn ông ta biết điều gì đó mà mình không biết, - tôi suy nghĩ về ông đại tá. - Nếu như mình biết được điều mà ông ta biết, thì hẳn mình đã hiểu cả cái chuyện mà mình vừa nhìn thấy và chuyện đó, hẳn không giày vò mình". Nhưng dù tôi có suy nghĩ bao nhiêu đi nữa, tôi vẫn không thể hiểu điều mà viên đại tá biết. Và mãi cho đến khi tôi tìm đến nhà một người bạn và cùng anh ta uống đến say khướt, tôi mới ngủ thiếp đi vào lúc chiều tối.

Thế đấy, các vị tướng, bấy giờ tôi đã cho rằng chuyện mà tôi nhìn thấy là chuyện xấu xa ư? Không hề như vậy." Nếu như việc đó được làm với một sự tin tưởng như vậy và mọi người đều thừa nhận là cần thiết, thì có nghĩa là họ biết được điều gì đó mà tôi không biết", - tôi nghĩ vậy và cố biết cho ra điều ấy. Nhưng dù tôi có cố gắng đến mức nào đi nữa - cả sau này, tôi cũng không biết ra được. Mà không biết được, thì tôi không thể nào phục vụ việc nhà binh, như trước đó tôi đã muốn, và không những không vào phục vụ việc nha binh, mà cũng chẳng phục vụ ở đâu hết và, như các vị thấy đấy, tôi là kẻ chẳng được tích sự gì hết.

- Đâu có, chúng tôi biết rõ ông vô tích sự như thế nào rồi, - một người trong chúng tôi nói. - Xin ông cứ nói thế này mới phải: có biết bao nhiêu

người đáng ra chẳng được tích sự gì, nếu như không có ông.

- Chà, điều đó thì thật vớ vẩn, ông Ivan Vaxiliêvích đáp lại, giọng buồn bực chân thành.

- Thế còn mối tình thì sao? - chúng tôi hỏi.

- Mối tình ư? Mối tình từ bữa ấy phai nhạt dần. Như thường lệ, khi nàng mỉm cười , trở nên đăm chiêu suy nghĩ, tôi lại nhớ ngay đến ông đại tá trên quảng trường, và tôi trở nên ngượng ngùng, khó chịu như thế nào ấy, vì vậy , tôi dần dần thưa đến gặp nàng. Và mối tình thế là trở thành mây khói. Có những sự đời như vậy đó, và cả cuộc đời con người vì thế mà thay đổi và xuôi theo. Vậy mà các vị cứ nói... - ông kết luận.

Iaxnaia Pôliana.
20 tháng Tám năm 1909.

KHÁTGI-MURÁT

Tôi trở về nhà theo đường đồng. Lúc này đang độ hè. Đồng cỏ đã được cắt và người ta chỉ vừa mới bắt tay sửa soạn gặt lúa mạch đen.

Đây là mùa hái hoa tuyệt diệu trong năm: hoa chả ba thơm phức, có nhiều lông tơ, màu đỏ, màu trắng, màu hồng; hoa đại cúc ngạo nghễ; hoa "yêu-không-yêu" trắng như sữa, vàng thắm và ở giữa với múi hắc, ủng, cay xè; hoa sơn giới vàng, thơm như mật ong; những cây hoa chuông cao cao màu tím nhạt và trắng, trông giống như hoa uất kim hương; những cây hoa đậu tầm bò là là sát đất; hoa luân phong cúc đoan trang màu vàng, đỏ, hồng, tím nhạt; hoa mã đề với túm lông phơn phớt hồng và hương thơm nhè nhẹ; hoa xa cúc xanh tươi dưới ánh nắng và lúc còn mơn mởn ngả màu xanh da trời, hơi đo đỏ vào lúc xế chiều hoặc khi hoa đã tàn; hoa tơ hồng mỏng manh, chóng tàn, thơm như hoa hạnh nhân.

Tôi đã lượm được một bó to đủ các loại hoa và đi về nhà, bỗng tôi nhìn thấy dưới khe một bông hoa ngưu bàng đang nở xoè, màu huyết dụ diệu kỳ, ở vùng tôi người ta gọi đó là hoa "Tatarin" và người ta cố gắng tránh cắt nó, còn khi vô tình phạt phải nó, những người cắt cỏ vứt nó khỏi đồng cỏ để khỏi bị gai của nó đâm vào tay. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ hái bông hoa ngưu bàng này và đặt nó vào giữa bó hoa. Tôi tụt xuống lòng khe xua con ong lỗ xù lông bám chặt ở giữa bông hoa, đang lờ đờ nằm ngủ ngon lành trên đó, và toan ngắt bông hoa. Nhưng rất khó hái: thân cây đầy gai đâm ra tua tủa khắp tứ phía, thậm chí đâm ra cả chiếc khăn tay tôi cuộn bọc bàn tay, - đã thế nó lại cứng kinh khủng, tôi loay hoay với nó tới gần năm phút mới bẻ được cái vỏ ngoài. Sau cùng, khi tôi ngắt được bông hoa, cuống hoa đã nát tươm và bông hoa trông không còn tươi tắn, đẹp đẽ nữa. Ngoài ra, do vẻ thô kệch và vô vị, nó không hợp với bó hoa óng ả của tôi. Tôi tiếc là đã huỷ hoại bông hoa một cách vô ích, nó chỉ đẹp khi ở trên cây và tôi ném nó đi. "thế nhưng nghị lực và sức sông của nó thật ghê sợ, - tôi nghĩ bụng, nhớ lại những nỗ lực mà mình đã dùng để hái bông hoa. - Nó đã tự vệ mạnh mẽ và bắt người ta phải trả giá đắt biết chừng nào cho cuộc đời của nó".

Đường về nhà tôi chạy qua cánh đồng đất đen bỏ hoá mới cày lật lên. Tôi leo lên con đường đất đen dốc thoai thoải, bụi mù. Cánh đồng đã cày là của địa chủ, rộng mênh mông đến nỗi từ hai lề đường cũng như phía trước, tít tắp tận chân núi không nhìn thấy gì cả ngoài thứ đất bỏ hoá màu đen đã cày luống đều đặn tuy chưa bừa. Đất cày kĩ, trên khắp cánh đồng không chỗ nào thấy một ngọn cỏ cây, tất cả đều đen xì." Con người tàn nhẫn phá huỷ khiếp thật, nó đã huỷ hoại biết bao nhiêu cỏ cây tươi tốt khác nhau để duy trì đời sống của mình", - tôi nghĩ, bất giác đưa mắt tìm một cái gì đó còn sống giữa cánh đồng chết lặng màu đen này. Trước mặt tôi phía bên phải con đường nhô lên một bụi cây gì đó. Khi tôi đi lại gần, tôi nhận ra trong bụi cây đó cũng có "hoa tatarin", giống như bông hoa tôi đã ngắt một cách vô ích và vứt đi.

Bụi "hoa tatarin mọc lên từ ba chồi cây. Một chồi cây đã bị đứt, giống như một cánh tay bị chặt, mẩu cành còn lại vươn lên rất khoẻ mạnh. Trên mỗi chồi cây kia có một bông hoa, Những bông hoa này trước đây màu đỏ giờ đã ngả màu đen. Một cành bị gãy ở giữa đoạn, bông hoa đầy bụi đất ở phía ngọn giờ đây lủng lẳng sát đất. Còn bông kia tuy bị lấm đất đen, vẫn còn nhô lên phía trên. Hình như cả bụi cây đã bị bánh xe đè lên,

sau đó lại trỗi dậy, tuy thân cành đổ nghiêng, nhưng dẫu sao nó vẫn cứ đứng đó, y như thể người ta cắt xẻo cơ thể nó, lộn ruột gan nó, chặt cánh tay và móc mắt nó, nhưng nó vẫn cứ đứng đó và không chịu khuất phục con người đã tiêu diệt tất cả anh em họ hàng nhà nó ở xung quanh.

"Nghị lực mới ghê chứ! - tôi nghĩ bụng. - Con người đã chiến thắng tất cả, đã tiêu diệt hàng triệu cỏ cây, vậy mà cây hoa này vẫn không chịu khuất phục."

Và tôi sực nhớ tới một câu chuyện xảy ra đã lâu ở vùng núi Kápkadơ, phần thì tôi được mục kích, phần thì tôi nghe người chứng kiến kể lại, còn một phần do tôi tưởng tượng ra. Theo như ký ức và trí tưởng tượng của tôi thì câu chuyện đó như sau.

I

Đó là vào cuối năm 1851.

Vào một buổi chiều giá lạnh tháng Mười một. Khátgi-Murát đi ngựa vào bản làng Makhkét sặc mùi khói phân súc vật hăng hắc. Đây là một bản[2] của người Tsétsen chưa chịu quy thuận.

Tiếng hát lễ căng thẳng của thầy tu hồi giáo

vừa lặng đi, trong bầu không khí trong lành của miền núi quện mùi khói phân khô nghe rõ tiếng đàn ông cãi nhau oang oang, và tiếng đàn bà, tr ẻ con ở phía dưới máng nước át cả tiếng bò rống và tiếng be be của những con cừu đang chen chúc bên nhau chật chội như ở trong những tầng ong, để rồi tản mát đi về các nhà trong làng.

Khátgi-Murát là na-íp [3] của Samin. Ông nổi tiếng vì những chiến công của mình, đi đâu cũng mang theo cờ hiệu và có hàng chục vệ sĩ cưỡi ngựa ngang tàng bao quanh. Giờ đây cuộn mình trong chiếc mũ chùm đầu và chiếc áo choàng bur-ka4, khẩu súng trường nhô ra khỏi áo choàng - ông ta đi cùng với một vệ sĩ, cố gắng để càng ít người nhận ra mình càng tốt. Thận trọng đưa cặp mắt đen linh lợi của mình nhìn vào mặt những người gặp trên đường.

Vào đến giữa bản, Khátgi-Murát không đi theo con đường dẫn tới bãi đất trống mà rẽ ngoặt về phía tay trái đi vào một ngõ hẹp. Đến gần căn nhà thứ hai trong ngõ ăn sâu một nửa vào núi, ông dừng lại, đưa mắt nhìn quanh. Dưới mái hiên trước nhà không có ai, trên mái nhà, đằng sau chiếc ống khói còn ướt đất sét mới trát, một người nằm đắp chiếc áo choàng.Khátgi-Murát dùng cán roi thúc ngựa khẽ chạm vào người nằm trên mái

lá và chậc lưỡi. Một ông già ngóc dậy khỏi chiếc áo choàng, ông đội mũ ngủ đêm và mặc chiếc áo be-smét5 rách rưới, bóng nhẫy. Cặp mắt ông già không có lông mi, đỏ lựng và ướt, để cho mắt khỏi dấp dính ông phải chớp chớp mấy cái. Khatgi-Mu rát thốt ra lời chào:" Xêliam alê-ikum" thường lệ, rồi bỏ khăn che mặt ra.

- *Alêkum xêliam* (*), - ông già mỉm cười, miệng móm mém thốt lên khi nhận ra Khátgi-Murát và ông vươn người đứng dậy trên đôi chân khẳng khiu, lấy chân khều đôi giày đế gỗ nằm gần ống khói lò sưởi. Đi giày xong ông thong thả xỏ tay vào chiếc áo da lông nhăn nhúm đã trụi cả lông, rồi quay lưng tụt xuống chiếc thang tựa sát mái nhà. Khi mặc áo và khi tụt xuống thang, ông già lắc lư đầu trên chiếc cổ ngắng, nhăn nheo, rám nắng và cái miệng móm mém của ông không ngừng phều phào nói, xuống đến đất ông niềm nở nắm lấy dây cương ngựa của Khátgi-Murat và bàn đạp bên phải, nhưng chàng vệ sĩ khoẻ mạnh nhanh nhẹn của Khátgi-Murát đã vội vã xuống ngựa, gạt ông già ra, thay ông giữ ngựa cho chủ xuống.

Khátgi-Murát xuống ngựa, chân đi hơi thọt, ông bước vào dưới mái hiên. Một chú bé chừng mười lăm tuổi từ trong cửa vụt chạy ra đón khách, ngạc nhiên đưa cặp mắt lóng lánh, đen

như trái phúc bồn tử chín nhìn chằm chằm vào những người mới tới.

- Cháu chạy đến giáo đường gọi bố đi, - ông già ra lệnh cho chú bé, rồi vượt lên trước Khátgi-Murát, mở cánh cửa khẽ kêu cót két vào nhà. Khi Khátgi-Murát bước vào trong nhà, một người đàn bà đã đứng tuổi, gầy guộc, thanh mảnh mang gối đệm ở trong buồng đi ra, bà ta mặc chiếc áo cánh màu vàng, ngoài khoác chiếc áo ba-smét đỏ, quần rộng ống màu xanh lam.

- Mừng ông tới nơi được bình yên, - bà nói, cúi rạp người xuống, rồi bắt đầu xếp gối ở phía trước tường để khách ngồi tựa.

- Cầu mong con cái bà được khoẻ mạnh, - Khátgi-Murát đáp, cởi áo bur-ka, tháo súng trường, kiếm rồi trao cho cho ông già.

Ông già cẩn thận treo súng và kiếm lên những chiếc đinh liền chỗ treo súng của chủ nhà, giữa hai chiếc chậu thau lớn sáng loáng trên nền tường trắng sạch nhẵn bóng.

Khátgi-Murát sửa lại khẩu súng đeo ở lưng, bước lại gần những chiếc gối người đàn bà đã bày ra, khép vạt áo tser-ke-xka [6], ngồi lên đó. Ông già ngồi xổm đối diện với ông, nhắm mắt lại, giơ hai tay lên, lòng bàn tay để ngửa, Khatgi-Murat

cũng làm như vậy. Sau đó cả hai đọc lời cầu nguyện, đưa bàn tay lên vuốt mặt, rồi chắp lại trước ngực.

- Ne khabarơ ? - Khatgi-Murat hỏi ông già, có nghĩa là :" Có tin gì mới không?"

- Khabarơ iốk - "không có gì mới" , - ông già đáp cặp mắt đỏ lựng đờ đẫn của ông không nhìn thẳng vào mặt mà nhìn vào ngực Khatgi-Murat. - Tôi sống ở trại nuôi ong, vừa tới thăm con trai hôm nay. Nó biết đấy.

Khátgi-Murat hiểu rằng ông già không muốn nói điều ông biết và điều Khatgi-Murat cần biết nên chỉ khẽ gật đầu, không hỏi han gì thêm nữa.

- Chả có tin gì mới tốt đẹp, - ông già bắt đầu nói. - Chỉ có một tin mới là tất cả lũ thỏ đã họp lại để bàn tính cách xua đuổi những con chim phượng hoàng.Còn những con chim phượng hoàng vẫn xé xác khi thì con thỏ này lúc thì con thỏ kia. Tuần lễ trước, lũ chó Nga đã đốt cỏ khô của dân bản Mitsik, mong sao lũ chó ấy sớm bị vỡ mặt đi cho, - ông già hằn học nói giọng khàn khàn .

Viên vệ sĩ của Khátgi-Murát bước vào, đôi chân lực lưỡng sải những bước dài nhẹ nhõm trên nền đất, cũng như Khátgi-Murat, anh ta cởi áo bur-ka, tháo súng và kiếm, chỉ để lại dao găm và súng lục trên mình, tự mình treo chúng lên những chiếc đinh đã treo vũ khí của Khátgi-Murat.

- Anh ta là ai thế? - ông già hỏi Khátgi-Murat, tay chỉ người mới vào.

- Vệ sĩ của tôi đấy. Tên anh ta là Enđar, - Khátgi-Murat nói.

- Tốt lắm, - ông già nói và chỉ cho Enđar chỗ ngồi trên tấm thảm gần Khátgi-Murat.

Enđar ngồi xếp chân vòng tròn và lặng lẽ đưa cặp mắt đẹp như mắt cừu nhìn chằm chằm vào mặt ông già đang nói chuyện. Ông già kể rằng tuần trước, trai tráng trong bản của họ đã bắt được hai người lính Nga: họ giết một người, còn một người thì họ giải tới chỗ Samin ở Vêđenô. Khatgi-Murat lơ đãng nghe chuyện, nhìn về phía cửa ra vào và lắng nghe những tiếng động bên ngoài. Có tiếng bước chân ở dưới mái hiên trước nhà, cánh cửa cọt kẹt và chủ nhân bước ra.

Xađô, chủ nhân ngôi nhà là một người trạc bốn mươi tuổi, với chòm râu nho nhỏ, chiếc mũi dài, cặp mắt đen, tuy không lóng lánh như mắt đứa con trai mười lăm tuổi chạy theo sau và cùng với bố bước vào nhà, rồi ngồi ở cửa ra vào. Sau khi tháo đôi giầy đế gỗ ở cửa ra vào, chủ nhân hất chiếc mũ lông cáo cũ kỹ nhầu nát từ mái đầu đã lâu không cạo mọc đầy tóc đen xuống gáy, rồi lập tức ngồi xổm xuống đối diện với Khatgi-Murát.

Cũng làm giống như ông già, ông ta nhắm mắt

lại giơ cao tay để ngửa lòng bàn tay lên, đọc lời cầu nguyện, đưa hai tay vuốt mặt, rồi mới bắt đầu nói. Ông nói rằng Samin đã ra lệnh bắt giữ Khatgi-Murat, bắt sống hoặc giết chết, các sứ giả của Samin mới đi ra chiều qua, dân chúng sợ trái ý của Samin và vì thế cho nên phải cẩn thận.

- Đã vào nhà tôi, - Xađô nói, - là ku-nak (*) của tôi, thì chừng nào tôi còn sống, không ai làm gì được hết. Còn ở ngoài cánh đồng thì thế nào? Phải nghĩ tới chuyện đó.

Khátgi-Murat chăm chú lắng nghe và gật đầu tán thành. Khi Xađô dứt lời, ông nói :

- Thôi được. Bây giờ phải cử người đưa thư tới chỗ người Nga. Viên vệ sĩ của tôi sẽ đi, chỉ cần có người dẫn đường.

- Tôi sẽ cho người anh em của tôi là Bata đi, - Xađô nói. - Mày đi gọi chú Bata đi, - ông bảo con trai.

Chú bé bật đứng dậy trên đôi chân nhanh nhẹn như bàn chân lò xo, rồi huơ tay , nhanh chóng ra khỏi nhà. Chừng mươi phút sau, chú quay trở về cùng với một người Tsétsen da rám nắng đen sạm, gân guốc, chân ngắn ngủn, mặc chiếc áo tser-ke-xka rách tả tơi mau vàng, tay áo rách tướp,

---

* Tức là khách, bạn.

lủng lẳng như tua, xà cạp đen trễ xuống. Khatgi-Murat chào hỏi người mới tới và không dài lời, nói vắn tắt ngay vào việc:

- Anh có thể dẫn viên vệ sĩ của tôi tới gặp người Nga không?

- Được ạ, - Bata vui vẻ nói nhanh. - làm gì cũng được. Không một người Tsétsen nào dám chống lại tôi . Kẻ khác tới, hứa hẹn đủ điều, nhưng sẽ chẳng làm gì cả. Còn tôi, tôi làm được.

- Được, - Khátgi-Murat nói. - Anh sẽ được thưởng công ba rúp, - ông vừa nói vừa xoè ba ngón tay ra.

Bata gật đầu tỏ ý hiểu, nhưng nói thêm rằng anh ta không hám tiền mà sẵn sàng phụng sự Khatgi-Murat vì coi đó là vinh dự.Mọi người ở miền núi đều biết Khátgi-Murat đã choảng cho chú lợn Nga như thế nào.

- Tốt lắm, - Khátgi-Murat nói. - Thừng dài thì tốt,nhưng lời nói cần ngắn gọn.

- Tôi sẽ không hé môi hở cho ai biết, - Bata nói.

- Chỗ con sông Argun uốn khúc,đối diện với bờ dốc dựng đứng có một khoảng rừng thưa, trên đó có hai đụn cỏ khô. Anh biết chỗ ấy không?

- Tôi biết.

- Ba kỵ sĩ của tôi chờ ở đó, - Khátgi-Murat nói.

- Aya [*] ! - Bata gật đầu nói.

- Anh hãy hỏi Khan-Magôma. Khan-Magôma biết cần phải làm gì và nói gì. Anh dẫn anh ta đến thượng cấp người Nga, tới công tước Vôrôntxốp[7]. Được không?

- Tôi sẽ dẫn đi.

- Dẫn đi và dẫn về. Được không?

- Được.

- Anh đưa đi, rồi trở về chỗ rừng. Tôi sẽ đợi ở đó.

- Tôi sẽ làm mọi điều ngài dặn, - Bata nói, vươn người đứng dậy, tay chắp lên ngực, rồi ra đi.

- Còn phải cử người đi Ghêkhi nữa, - Khátgi-Murat nói với chủ nhà, khi Bata bước ra ngoài. - Đến Ghêkhi thì làm thế này, - ông toan tiếp tục nói, sờ tay vào một ngăn của túi áo tser-ke-xka[8], nhưng lập tức buông tay ra và im lặng, khi nhìn thấy có hai người đàn bà bước vào trong nhà.

Một người là vợ Xađô, đó chính là người đàn bà đứng tuổi gầy gò đã xếp gối cho khách ngồi. Người kia là một cô gái rất trẻ mặc quần ống rộng màu đỏ, áo be-smét màu xanh, ngực phủ chiếc riềm kết bằng những đồng bạc. Bím tóc đen không dài nhưng dày, cứng quèo nằm giữa đôi vai gầy

---

* Vâng (tiếng Tuyếc)

sau lưng cô, đầu bím tóc đeo một đồng rúp bằng bạc. Đôi mắt cô cũng đen như trái phúc bồn tử, giống mắt cha và em của cô, vui vẻ long lanh trên khuôn mặt trẻ trung cố làm ra nghiêm chỉnh. Cô không nhìn khách nhưng rõ ràng là cảm thấy sự có mặt của họ.

Vợ Xađô bê ra một chiếc bàn tròn nhỏ thấp, trên bày nước trà, món pin-ghi-si [9], bánh xèo tẩm mỡ, phó-mát , bánh mì tròn dẹt và mật ong. Cô gái bê ra chiếc chậu thau, bình nước và cái khăn mặt.

Xađô và Khatgi-Murat đều im lặng, khi hai người đàn bà rón rén đi trên đôi giày không đế màu đỏ của họ, lặng lẽ bày các thứ ra trước mặt khách. Suốt thời gian những người đàn bà có mặt ở trong nhà, Enđar đưa cặp mắt cừu của mình chăm chú nhìn hai cẳng chân bắt chéo vào nhau, ngồi im như pho tượng. Mãi đến khi những người đàn bà đã đi ra ngoài và bước chân nhẹ nhàng của họ đã lặng hẳn đi sau cánh cửa , Enđar mới thở phào nhẹ nhõm, còn Khatgi-Murat đưa tay lên một túi áo tser-ke-xka rút ra một viên đạn, và rút ở đó ra một tờ giấy cuộn tròn như điếu thuốc.

- Chuyển cho con trai tôi, - ông đưa mảnh giấy nói.

- Chuyển thư trả lời cho ai? - Xađô hỏi.

- Cho anh, rồi anh sẽ chuyển cho tôi.

- Tôi sẽ chuyển, - Xađô nói, rồi nhét mảnh giấy vào túi áo tser-ke-xka của mình. Sau đó ông cầm bình nước lên và đẩy chiếc chậu thau về phía Khatgi-Murat. Khatgi-Murat vén ống tay áo be-smét lên quá bắp tay trắng trẻo lực lưỡng của mình, rồi chìa bàn tay xuống dưới tia nước lạnh trong vắt mà Xađô đổ từ bình ra. Sau khi lau tay bằng chiếc khăn mặt khô sạch, Khatgi-Murát nhích người lại gần mâm thức ăn. Enđar cũng làm như vậy. Trong khi khách ăn, Xađô ngồi đối diện với họ và mấy lần cảm ơn họ đã đến thăm nhà. Chú bé ngồi ở cửa ra vào, đôi mắt đen lóng lánh không rời khỏi Khátgi-Murát, chú mỉm cười, nụ cười của chú như khẳng định lời của cha nói.

Mặc dầu Khátgi-Murát không ăn uống đã hơn một ngày đêm rồi, ông vẫn chỉ nhấm nháp chút bánh mỳ phó-mát và mở con dao nhíp ở dưới dao găm ra, khều mật ong phết lên bánh mỳ.

- Mật của chúng tôi ngon lắm. Năm nay được mùa mật hơn mọi năm, mật vừa nhiều vừa ngon, - ông già nói, hình như ông hể hả vì Khátgi-Murát đã ăn mật nhà ông.

- Cảm ơn, - Khátgi-Murát nói và ngồi dịch xa mâm thức ăn.

Enđar còn muốn ăn nữa, nhưng cũng giống

như chủ tướng, anh ta nhích người ra xa bàn ăn rồi đưa chậu và bình nước cho Khátgi-murát.

Xađô biết rằng tiếp đón Khátgi-Murát có cơ nguy đến tính mạng, bởi vì sau cuộc cãi cọ giữa Samin với Khátgi-Murát, toàn thể dân chúng vùng Tsétsnia[(10)] đã được bố cáo cho biết không ai được tiếp đón Khátgi-Murát nếu không sẽ bị tử hình. Ông biết rằng bất cứ giây phút nào dân chúng trong bản cũng có thể biết việc Khátgi-Murát có mặt tại nhà ông và có thể yêu cầu đem nộp vị khách đó. Nhưng điều đó không những không làm Xađô bối rối mà còn làm cho ông vui thích. Xađô coi việc bảo vệ Ku-nak - vị khách, là bổn phận của mình, dù có thể vì thế mà thiệt thân, ông vui sướng hãnh diện vì mình đã xử sự phải lẽ.

- Chừng nào ngài còn ở nhà tôi và đầu tôi còn dính trên vai không ai làm gì được ngài, - ông ta nhắc lại với Khátgi-Murát.

Khátgi-Murát chăm chú nhìn cặp mắt long lanh của chủ nhà và hiểu rằng đó là sự thật.Ông ta nói một cách hơi trang trọng:

- Anh sẽ nhận được niềm vui và sự sống.

Xađô im lặng áp tay lên ngực, tỏ ý cảm ơn về lời nói tốt đẹp đó.

Sau khi đóng cửa sổ và cho thêm củi khô vào lò sưởi, cảm thấy lòng mình đặc biệt vui vẻ và

phấn chấn, Xađô bước ra khỏi phòng khách và bước sang gian nhà nơi cả gia đình ông sống. Mấy người đàn bà vẫn chưa ngủ và trò chuyện về những vị khách nguy hiểm nghỉ đêm tại nhà họ.

II

Cũng ngay trong đêm hôm đấy, ba người lính và một viên hạ sĩ quan rời khỏi công sự đi qua cửa Tsakhơghirin ra khỏi pháo đài tiền tiêu Vôđơđvigienxkaia nằm cách bản làng, nơi Khátgi-Murát nghỉ đêm mười lăm véc-xta đường. Những người lính mặc áo lông cộc và đội mũ lông cao, áo choàng cuộn lại vắt qua vai, đi những đôi ủng lớn quá đầu gối, loại ủng lính ở Cápcađơ thời đó thường đi. Súng khoác trên vai thoạt đầu họ đi trên đường cái, đi được chừng dăm trăm bước họ rẽ vào, rời khỏi đường cái, giẫm ủng lên lá cây khô lạo xạo, đi về bên phải chừng hai chục bước, rồi đứng lại cạnh cây tiêu huyền bị gẫy, nhìn rõ cành cây đen trong đêm tối. Đài quan sát bí mật thường được đặt ở chỗ cây tiêu huyền này.

Những ngôi sao sáng như chạy trên các ngọn cây khi những người lính trong rừng,bây giờ dừng lại, sáng lấp lánh giữa các cành cây trần trụi.

- Ơn trời, khô ráo đây, - viên hạ sĩ quan Panốp vừa nói vừa tháo khẩu súng dài có cắm lưỡi lê khỏi vai làm cho súng kêu lách cách, rồi tựa khẩu súng vào thân cây. Ba người lính cũng làm như vậy.

- Có hẳn hoi - thế mà lại mất, - Panốp bực tức càu nhàu, hoặc là tôi quên hoặc là đánh rơi ở dọc đường.

- Anh tìm cái gì cơ? - một người lính hỏi bằng giọng phấn khởi vui vẻ.

- Cái tẩu thuốc, có quỷ biết nó rơi đi đằng nào mất !

- Thế ống điếu còn nguyên không? - giọng nói tươi vui hỏi.

- Ống điếu đây rồi.

- Nằm thẳng xuống đất mà hút nhé?

- Nằm ở đâu nào.

- Chúng tôi thu xếp nhanh thôi.

Có lệnh cấm hút thuốc ở đài quan sát bí mật, nhưng đài quan sát bí mật này hầu như không phải là một đài quan sát bí mật, mà đúng hơn là một trạm gác tiền tiêu để ngăn không cho đám thổ dân miền núi có thể lén lút đưa vũ khí tới và bắn vào công sự như chúng thường làm trước đây, vì vậy Panốp thấy không cần phải nén nhịn cái thú hút thuốc, anh đồng ý với đề nghị của

người lính vui tính. Người lính rút ở túi ra một con dao nhíp và bắt đầu khoét đất. Khoét được một lỗ nhỏ, anh ta xoa cho nhẵn, đặt ống hút thuốc vào đó, nhồi thuốc vào chiếc lỗ nhỏ, nén chặt và thế là đã có được chiếc tẩu hút thuốc. Mảnh lưu huỳnh bừng cháy soi sáng chốc lát khuôn mặt có gò má cao của người lính nằm áp bụng xuống đất. Chiếc ống điếu kêu lọc xọc và Panốp ngửi thấy mùi thơm dễ chịu của thuốc lá mới bén lửa.

- Ổn chứ? - anh vừa nói vừa duỗi chân.

- Tất nhiên rồi.

- Apđếep cừ thật! Tay này khá. Đã rồi ư?

Apđếep xoay người nằm nghiêng, nhường chỗ cho Panốp, rồi phả khói thuốc khỏi miệng.

Sau khi đã hút thuốc thoả thuê, những người lính bắt đầu trò chuyện.

- Này, nghe nói ông đại đội lại khoắng tay vào hộp tiền rồi, chắc là thua bạc, - một người lính nói uể oải.

- Rồi ông ấy sẽ trả, - Panốp nói.

- Ai trả biết ông ấy là một sĩ quan tốt, - Apđếep ủng hộ.

- Tốt với chả tốt, - người mào đầu câu chuyện rầu rĩ nói, -theo ý tôi, đại đội phải nói chuyện

với ông ấy: nếu đã lấy tiền, thì phải nói lấy bao nhiêu, khi nào sẽ trả.

- Cứ theo ý đại đội phân xử thôi, - Panốp nói nhả tẩu thuốc.

- Ai chả biết tập thể đại đội là một người lớn, - Apđêep ủng hộ.

- Phải mua lúa kiều mạch và sắm giày cho mùa xuân, cần đến tiền, thế mà ông ấy lại lấy... - người lính bất mãn khăng khăng giữ ý kiến.

- Tôi đã bảo đại đội phân sử theo ý mình mà, - Panốp nhắc lại - Đây có phải lần đầu tiên đâu: ông ấy lấy rồi ông ấy sẽ trả lại.

Thời đó ở Kapkadơ mỗi đại đội cử ra một số người lo tất cả việc hậu cần của mình. Công quỹ chi cho mỗi đầu người sáu rúp năm mươi kô-pếch và đại đội tự lo lấy việc ăn uống: trồng bắp cải, cắt cỏ khô, giữ xe tải riêng của mình, trưng ra để khoe những con ngựa béo tốt của đại đội. Tiền lương của đại đội để trong một cái hộp, chìa khoá hộp do chỉ huy đại đội giữ và thường xảy ra chuyện chỉ huy đại đội vay tiền trong hộp của đại đội. Bây giờ lại vừa xảy ra chuyện đó và những người lính đang bàn tán xung quanh việc ấy. Anh lính Nikitin rầu rĩ muốn yêu cầu đại đội trưởng thanh toán chuyện này, còn Panốp và Apđêep cho rằng không cần phải làm như vậy.

Nikitin hút thuốc sau Panốp, hút xong anh trải chiếc áo choàng ra, ngồi lên đó, tựa người vào thân cây. Những người lính im lặng. Chỉ nghe tiếng gió lay động các ngọn cây ở phía trên đầu họ. Bỗng tự nhiên qua tiếng xào xạc nhè nhẹ không dứt đó vang lên tiếng rú, tiếng rít, tiếng hú, tiếng gào của lũ chó núi.

- Này, lũ khốn kiếp đó gào mới khiếp chứ, - Apđêep nói.

- Chúng nó cười cậu, vì mặt cậu méo đấy, - người lính thứ tư nói bằng giọng Ukraina thanh thanh.

Tất cả lại lặng đi, chỉ nghe tiếng gió thổi làm cành cây khô xào xạc, khi che khuất, lúc hé ra cho ánh sao rọi xuống.

- À này, - Apđêep vui tính bỗng hỏi Panốp, - anh có bao giờ buồn chán không

- Buồn chán cái gì mới được chứ? - Panốp miễn cưỡng trả lời.

- Còn tôi có lần tôi buồn chán làm sao ấy, buồn chán đến mức hình như tôi chả còn biết làm gì với mình nữa.

- Ồ, cái cậu này! - Panốp nói.

- Lúc ấy tôi đem tiền uống rượu hết, cũng là do buồn chán cả. Buồn ơi là buồn. Tôi nghĩ bụng: mình phải say tuý luý cho nó khuây khoả.

- Nếu uống rượu vang thì lại càng tệ hơn.

- Đúng thế. Nhưng biết trốn vào đâu?

- Nhưng vì sao cậu buồn?

- Tôi ấy à? Tôi buồn vì việc nhà.

- Nhà cậu sống phong lưu chứ?

- Nhà tôi chả giàu có gì, nhưng cũng sống đàng hoàng. Sống khá nữa là khác.

Và Apđêep bắt đầu câu chuyện mà anh đã nhiều lần kể cho Panốp nghe.

- Chả là tôi tình nguyện đi lính thay cho anh tôi [(11)] - Apđêep kể. -Anh ấy có bốn con! Còn tôi chỉ vừa mới cưới vợ. Mẹ tôi cầu xin tôi.Tôi nghĩ: mình đi thì có sao! Có lẽ mọi người sẽ nhớ tới lòng tốt của mình. Tôi đến nhà lãnh chủ. Lãnh chủ của chúng tôi tốt lắm, ông ấy nói: " Cừ lắm! Cứ đi đi". Thế là tôi đi lính thay cho anh tôi.

- Thế thì tốt chứ sao, - Panốp nói.

- Anh Panốp ơi, anh có tin không, bây giờ tôi buồn chán. Và tôi buồn chán nhiều hơn cả vì , như người ta nói, tôi đi lính thay cho anh tôi để làm gì. Họ bảo: bây giờ anh ấy cai quản cả cơ ngơi, còn cậu thì chịu khổ sở. Càng nghĩ tôi càng não ruột. Khốn khổ thế đấy.

Apđêep im lặng.

- Hay là ta lại hút thuốc? - Apđêep hỏi.

- Được thôi, chuẩn bị đi!

Nhưng những người lính không hút thuốc được. Apđêep vừa mới đứng dậy định nhồi lại tẩu thuốc, thì qua tiếng gió vi vu nghe rõ tiếng bước chân đi ở trên đường. Panốp cầm lấy súng và dùng chân thúc Nikitin. Nikitin đứng dậy, nhặt áo choàng lên. Anh lính thứ ba là Bônđarenkô cũng nhổm người dậy.

- Còn tớ, các cậu ạ, tớ vừa nằm mơ thấy...

Apđêep suyt Bônđarenkô và những người lính lặng im, chăm chú lắng nghe. Bước chân nhẹ nhàng của những người không đi giày tiến lại gần. Ngày càng nghe thấy rõ hơn lá cây và cành cây khô lạo xạo trong bóng tối. Sau đó nghe rõ tiếng nói bằng giọng cổ đặc biệt của người Tsétsen. bây giờ những người lính không chỉ nghe thấy, mà còn nhìn thấy hai bóng người đi ngang qua khoảng sáng giữa các cây to. Một bóng thấp, bóng kia cao hơn. Khi các bóng đó tới ngang chỗ những người lính, Panốp súng lăm lăm trong tay cùng với hai đồng đội của mình xông ra cản đường.

- Ai đó? - Anh hô lên.

- Thường dân Tsétsen đây mà, - bóng thấp hơn lên tiếng.Đó là Bata.- Không mang súng,gươm cũng không, - anh ta vừa nói vừa chỉ vào mình. - Cần gặp công tước.

Bóng cao hơn lặng lẽ đứng gần bạn mình. Trên người cũng không có vũ khí.

- Quân do thám. Nghĩa là phải đưa tới chỉ huy trung đoàn, - Panốp nói, giải thích cho đồng đội của mình.

- Cần gặp công tước Vôrôntxốp lắm lắm ,có việc lớn lắm đấy, - Bata nói.

- Được, được, chúng tôi sẽ dẫn đi, - Panốp nói. - Thế nào, cậu với Bônđarenkô dẫn họ đi được không? - anh nói Ápđêép, - giao cho sĩ quan thường trực xong các cậu quay lại đây nhé. Cẩn thận đấy, bắt chúng nó đi phía trước mình. kẻo không cái bọn trán bóng này nhanh như cắt đấy.

- Thế cái gì đây? - Ápđêép nói, cầm súng có cắm lưỡi lê làm động tác như đâm. - Tôi cho một nhát là hết đời ngay.

- Nếu cậu đâm chết, thì nó còn có ích gì nữa, - Bônđarenkô nói. - Nào, đi!

Khi tiếng bước chân của hai người lính và lũ do thám đã lặng đi, Panốp và Nikitin quay về chỗ của mình.

- Quỷ tha ma bắt hay sao mà chúng nó đi đêm đi hôm thế! - Nikitin nói.

- Có lẽ có việc cần, - Panốp nói. - Trời mát, - anh nói thêm rồi giở áo choàng ra, mặc vào và ngồi tựa mình vào thân cây.

Chừng hai giờ sau, Ápđêep và Bônđarenkô quay trở lại.

- Thế nào, giao rồi chứ? - Panốp hỏi.

- Giao rồi. Mọi người ở chỗ trung đoàn trưởng còn chưa ngủ. Tôi dẫn thẳng chúng nó đến chỗ ngài; người anh em ạ, cái bọn trán bóng ấy hay ra phết. Thật thế! Tôi đã nói chuyện với chúng nó.

- Ai chả biết là cậu đã nói chuyện với chúng nó rồi, Nikitin bất bình nói.

- Chúng nó y như người Nga ấy, đúng thế đấy. Một thằng đã có vợ. Tôi nói: *Maruska barơ* (*)? - Nó bảo : barơ. - Tôi hỏi: *barantsúc barơ* (**)? - Nó bảo: barơ. - Nhiều không? - Một đôi. - Chúng tôi cứ thế nói chuyện thoải mái. Mấy thằng ấy hay lắm.

- Hay lắm với chả hay lắm, - Nikitin nói, - chỉ cần một mình cậu tay đôi với nó là nó cho cậu lòi ruột ra.

- Có lẽ trời sắp sáng, - Panốp nói.

- Đúng, sao bắt đầu lặn rồi, Ápđêep vừa ngồi xuống vừa nói.

Và những người lính lại im lặng.

---

* Maruska - người đàn bà, vợ (tiếng địa phương). Barơ có (tiếng Tuyếc)
** Barantsúc - con (tiếng địa phương)

III

Cửa sổ các ngôi nhà nhỏ dành cho lính ở trong trại đã tối om từ lâu, nhưng các cửa sổ ở một trong những ngôi nhà đẹp nhất của pháo đài vẫn còn le lói ánh đèn. Đó là ngôi nhà của chỉ huy trung đoàn Kurinxki, sĩ quan phụ tá ngự tiền, công tước Xêmiôn Mikhailôvích Vôrôntxốp, con trai của tổng tư lệnh mặt trận. Vôrôntxốp sống với vợ là Maria Vaxiliepna, một người đàn bà đẹp nổi tiếng ở Pêterburg, ông sống một cách trang trọng trong pháo đài nhỏ bé ở vùng Kapkadơ này, ở đây chưa từng có ai sống như thế bao giờ. Vôrôntxốp, và đặc biệt là vợ ông, vẫn tưởng rằng họ sống ở đây không những eo hẹp mà còn thiếu thốn nữa. Cuộc sống sang trọng lạ thường của họ làm cho cư dân ở đây ngạc nhiên.

Lúc này, đã mười hai giờ đêm, chủ nhân và các khách khứa đang ngồi chơi bài quanh một chiếc bàn lớn thắp bốn ngọn nến trong căn phòng khách rộng rãi, khắp sàn giải thảm, cửa buông rèm bằng vải dày nặng. Chủ nhà là một người tóc vàng, mặt dài, đeo lon đại tá với những huy hiệu và dây tua của sĩ quan phụ tá ngự tiền. Người chơi cùng cặp với ông là một chàng thanh niên đầu tóc bù xù, mặt mày cau có, thạc sĩ ở trường đại

học Pêteburg, mới được nữ công tước Vôrôntxôva mời về làm thày dạy cho đứa con trai nhỏ tuổi thuộc đời chồng trước của bà. Ngồi đối diện với họ là hai sĩ quan: một người là Pôntôratxki chỉ huy đại đội, mặt rộng, da dẻ hồng hào, mới chuyển ở quân cận vệ sang, người kia là sĩ quan tuỳ tùng ở trung đoàn, ngồi rất ngay ngắn, khuôn mặt đẹp tỏ vẻ lạnh lùng. Nữ công tước Maria Vaxililepna Vôrôntxôva, người đàn bà đẹp, cao lớn, có cặp mắt to, lông mày đen nhánh, ngồi gần Pôntôrátki, chiếc váy xoè rộng của bà chạm cả vào chân anh, bà đưa mắt nhìn bài của anh. Từ lời lẽ, cặp mắt, nụ cười cho chí mọi cử động của thân hình bà và hương thơm toả ra từ người bà, tất cả đều làm cho Pôntôrátki mụ mẫm người đi, chỉ còn nhớ mình được ngồi gần bà và anh đánh nhầm hết quân này đến quân khác, khiến cho người đánh cùng cặp ngày càng bực bội.

- Không, không thể được! Anh lại đánh phí mất con chủ bài rồi! - viên sĩ quan tuỳ tùng đỏ mặt tía tai nói khi Pôntôratki ném con chủ bài ra.

Y như người sực tỉnh, Pôntôratki mở to cặp mắt đen hiền lành nhìn viên sĩ quan tuỳ tùng đang bực mình mà chẳng hiểu vì sao.

- Thôi ông hãy tha thứ cho ông ấy! - Maria Vaxililepna mỉm cười nói.- Ông thấy không, tôi đã bảo mà, - bà nói với Pôntôrátki.

- Bà có nói thế đâu, - Pôntôrátki mỉm cười nói.

- Chả lẽ tôi không nói thế sao, - bà nói và cũng mỉm cười.

Và nụ cười mỉm đáp lại đó làm cho Pôntôratki hết sức vui sướng và xúc động, đến nỗi mặt anh đỏ ửng lên, anh vớ lấy những quân bài và bắt đầu tráo.

- Anh không được tráo bài, - viên sĩ quan tuỳ tùng nghiêm khắc nói, rồi dùng bàn tay trắng trẻo có đeo nhẫn xỉa các quân bài ra, y như thể anh ta muốn thoát khỏi chúng càng nhanh càng tốt.

Người hầu phòng của công tước vào phòng khách và bẩm rằng sĩ quan thường trực xin được gặp công tước.

- Xin lỗi các ngài, - Vôrôntxốp nói tiếng Nga bằng giọng Anh. - Maria, em cầm bài thay cho anh nhé.

- Các ngài có đồng ý không nào? - nữ công tước hỏi, vóc người cao lớn, bà nhanh nhẹn và nhẹ nhàng vươn thẳng dậy làm áo lụa kêu sột soạt, mặt rạng rỡ nụ cười của một người đàn bà hạnh phúc.

- Bao giờ tôi cũng đồng ý tất, - viên sĩ quan tuỳ tùng nói, rất hể hả vì đối diện với anh ta giờ đây là nữ công tước, một người chẳng biết chơi bài gì cả. Pôntôratki chỉ dang tay mỉm cười.

Lúc công tước quay trở lại phòng khách, họ đã chơi hết hội. Công tước đặc biệt vui vẻ và phấn khởi.

- Các ông có biết tôi sẽ đề nghị các ông làm gì không nào?

- Gì vậy?

- Chúng ta uống sâm-banh.

- Việc đó thì tôi luôn sẵn sàng, - Pontôratki nói.

- Khỏi phải nói, việc đó rất thú vị, - viên sĩ quan tuỳ tùng nói.

- Đem rượu ra đây, Vaxili! - Công tước nói.

- Họ mời anh ra có việc gì thế? - Maria Vaxililepna hỏi.

- Người trực nhật đến cùng với một người nữa.

- Ai, cái gì cơ? - Maria Vaxililepna vội vã hỏi.

- Anh không thể nói được, - Vôrôntxốp nhún vai đáp.

- Anh không thể nói được ạ? - Maria Vaxililepna lặp lại. - Được, để rồi xem.

Gia nhân đem rượu sâm-banh ra. Khách khứa mỗi người uống một cốc, chấm dứt chơi bài, thanh toán với nhau, rồi từ biệt.

- Đại đội của anh sáng mai được điều vào rừng(12), phải không? - công tước hỏi Pôntôrátki.

- Vâng, đại đội tôi . Sao ạ?

- Thế thì mai tôi sẽ gặp anh, - công tước nói hơi mỉm cười.

- Rất hân hạnh, - Pôntôratki nói, anh không hiểu rõ lắm điều Vôrôntxốp nói với anh, mà chỉ quan tâm tới việc lát nữa đây anh sẽ được bắt bàn tay to trắng trẻo của Maria Vaxililepna.

Maria Vaxililepna, như mọi khi, không chỉ nắm mạnh mà còn lắc nhẹ bàn tay Pôntôratki. Và một lần nữa bà nhắc cho anh nhớ tới nước bài sai của anh khi anh đi con rô, bà mỉm cười với anh, Pôntôratki tưởng như đó là một nụ cười duyên dáng, âu yếm và đầy ý nghĩa.

*

* *

Pôntôrátki đi về nhà trong một tâm trạng phấn chấn chỉ có những người lớn lên và được giáo dục trong giới thượng lưu như anh mới hiểu được, nhất là khi lại được gặp một người phụ nữ thuộc giới mình trước kia, sau hàng tháng ròng sống cuộc đời quân nhân đơn chiếc. Mà lại được gặp một người đàn bà, như nữ công tước Vôrôntxốp!

Bước tới ngôi nhà nhỏ, nơi anh sống cùng với một sĩ quan khác, anh đẩy cửa ra vào, nhưng cửa

đã đóng chặt. Anh đã gõ cửa. Cửa vẫn không mở. Anh đâm ra cáu và bắt đầu dùng chân và thanh kiếm gõ liên hồi vào cánh cửa đóng chặt. Có tiếng bước chân vang lên sau cửa và Vavilô, người nông nô đầy tớ của Pôntôratki ra tháo móc cửa.

- Sao mày lại nghĩ ra cái trò cài cửa thế hả?! Đồ ngốc!

- Thưa ông Alếchxây Vlađimirôvích, lẽ nào có thể...

- Lại say rồi! Rồi tao sẽ cho mày biết sao lại có thể...

Pôntôratki định đánh Vavilô, nhưng anh nghĩ lại, nên lại thôi.

- Hừ, đồ quỷ. Thắp nến lên.

- Có ngay lại.

Vavilô quả đã uống rượu thật, hắn uống vì đi dự lễ đặt tên thánh tại nhà người hạ sĩ phụ trách quân phu. Trở về nhà, hắn suy nghĩ, so sánh đời mình với Ivan Makâyêvích, người phụ trách quân nhu đó. Ivan Makâyêvich có thu nhập, đã cưới vợ và hy vọng một năm nữa sẽ được giải ngũ. Vavilô là một chú bé đã được cất nhắc nghĩa là được đưa lên hầu các ông chủ, và thế là lúc đã dư bốn chục tuổi rồi, hắn ta vẫn chưa có vợ, và sống cuộc đời dã chiến cùng với ông chủ buông

thả của mình. Ông chủ là người tốt, ít đánh, nhưng sống thế này mà là sống ư!" Ông ấy đã hứa khi ở Kapkadơ về sẽ cho mình được tự do, nhưng mình biết đi đâu với cuộc sống tự do đó. Cuộc sống chó má!" - Vavilô nghĩ. Và hắn muốn đi ngủ, nhưng lại sợ có người vào phòng cuỗm mất cái gì, hắn bèn gài móc cửa lại, rồi lăn ra ngủ.

Pôntôratki bước vào phòng, nơi anh ở cùng với một đồng đội là Tikhônốp.

- Thế nào, thua hả? - Tikhônốp thức giấc hỏi.

- Đâu, mình được 17 rúp, và được uống một chai rượu sâm-banh kli-kô.

- Và ngắm Maria Vaxiliepna chứ.

- Và ngắm Maria Vaxiliepna, - Pônpôrátxki lặp lại.

- Sắp phải dậy rồi, - Tikhônốp nói, - sáu giờ đã phải xuất quân.

- Vavilô, - Pôntôrátxki hét to. - Liệu đấy, nhớ đánh thức tao vào năm giờ sáng mai.

- Ông hùng hổ thế, thì đánh thức ông làm sao được.

- Tao bảo là nhớ đánh thức. Nghe rõ chưa?

- Rõ ạ.

Vavilô bước ra ngoài, mang theo giày và áo dài.

Còn Pôntôrátxki nằm xuống giường, mỉm cười,

hút thuốc lá và tắt nến. Anh nhìn thấy trước mặt mình khuôn mặt mỉm cười trong bóng đêm.

*

* *

Vợ chồng Vôrôntxốp cũng không đi ngủ ngay. khi khách khứa đã về hết, Maria Vaxiliepna bước lại gần chồng, dừng lại trước mặt ông nghiêm khắc nói:

- *Eh bien, vous allez me dire ce que c'est?*

- *Mais, ma chère...*

- *Pas de "ma chère"! C' est un émissaire, n' est ce pas ?*

- *Quand même je ne puis pas vous le dire .*

- *Vous ne pouvez pas ? Alors c'est moi qui vais vous le dire!*

- *Vous ?* (*)

- Nào bây giờ anh nói cho em biết có chuyện gì chứ?

- Nhưng em yêu dấu...

- Không có" yêu dấu yêu diếc" gì cả ! Một tên quân do thám tới phải không ?

- Dù sao anh cũng không thể nói cho em biết được.

- Anh không thể nói được ư?thế thì chính em sẽ nói cho anh biết!

- Em ấy à (tiếng Pháp)

- Khátgi-Murat chứ gì? Dúng không? - nữ công tước nói, mấy hôm nay bà đã nghe nói về những cuộc thương thuyết với Khatgi-Murat và bà cho rằng chính Khatgi-Murat đã đến chỗ chồng bà.

Vôrôntxốp không thể chối được, nhưng ông làm cho vợ chán ngán, khi nói rằng không phải chính Khatgi-Murat đã tới, mà chỉ có một tên do thám đến cho biết ngày mai Khatgi-Murat sẽ tới gặp ông ở chỗ đốn gỗ đã định trước.

Giữa cuộc sống đơn điệu trong pháo đài, biến cố lớn lao này làm cho cặp vợ chồng trẻ Vôrôntxốp rất vui mừng. Họ trò chuyện với nhau, cho rằng được tin này bố Vôrôntxốp sẽ vui thích, hai vợ chồng đi ngủ vào khoảng ba giờ sáng.

IV

Sau đêm mất ngủ vì phải chạy trốn bọn vệ binh do Samin sai đi truy nã ông, Khatgi-Murat ngủ ngay lập tức sau khi Xađô chúc ông ngon giấc và ra khỏi phòng khách. Ông nằm ngủ không cởi quần áo, gối đầu lên cánh tay ngập đến tận khuỷu,

trong đống gối lông đỏ do chủ nhân xếp. Enđa nằm ngủ ở chân tường không xa chỗ ông. Hắn nằm ngửa, tứ chi khoẻ khoắn trẻ trung dang rộng thành thử bộ ngực nở nang của hắn với những chiếc túi đen trên áo tser-ke-xka trắng nhô cao hơn mái đầu xanh xanh mới cắt, ngoẹo đi, trật ra khỏi gối. Giống như trẻ con, môi trên mới lún phún hàng lông tơ của hắn hé mở y như thể nó đang nhai, khi mím vào lúc mở ra. Hắn nằm ngủ, cũng như Khátgi-Murat: Vẫn mặc quần áo, lưng dắt súng lục và dao găm. Những thanh củi khô cháy nốt trong lò sưởi và một ngọn đèn đêm trên mặt bếp cháy sáng mờ mờ.

Tới nửa đêm, cánh cửa vào phòng khách kẹt mở và Khátgi-Murat nhổm ngay dậy, nắm lấy súng lục. Người nhẹ bước trên nền đất đi vào phòng là Xađô.

- Anh cần gì? - Khátgi-Murat hỏi một cách tỉnh táo, tựa hồ ông ta chưa ngủ tí nào .

- Tôi thấy cần nói cho ngài biết để liệu cách, - Xađô nói, ngồi xổm trước mặt Khatgi-Murat. - Người đàn bà ngồi trên mái nhà đã trông thấy ngài đến đây, mụ ta kể cho chồng nghe và bây giờ khắp bản đều biết tin này. Bà hàng xóm vừa chạy tới chỗ vợ tôi nói rằng các bô lão đã tụ tập ở giáo đường và họ muốn chặn bắt ngài.

- Thế thì phải đi thôi, - Khátgi-Murat nói.

- Ngựa đã sẵn sàng, - Xađô nói, Và bước nhanh ra khỏi nhà.

- Enđar, - Khátgi-Murat thì thào gọi và Enđar nghe thấy tên mình, chủ yếu là nghe thấy giọng nói của thủ lĩnh, liền chồm ngay dậy trên đôi chân lực lưỡng, đưa tay sửa lại chiếc mũ lông cao. Khátgi-Murat đeo vũ khí lên và mặc áo bur-ka. Enđar cũng làm như vậy. Rồi cả hai lặng lẽ bước từ trong nhà ra mái hiên chú bé mắt đen dẫn ngựa ra. Nghe tiếng vó ngựa nện trên đường làng khấp khểnh, có một người thò đầu ra khỏi cửa nhà bên cạnh, rồi người đó khươ giày đế gỗ lách cách chạy về phía giáo đường ở trong núi.

Không có trăng, nhưng những ngôi sao lấp lánh sáng trên bầu trời đen thẫm và trong bóng đêm nhìn rõ đường nét của những mái nhà và rõ hơn cả là toà giáo đường có tháp ở phía trên bản làng. Từ giáo đường vọng tới những tiếng nói lao xao.

Khátgi-Murat chộp nhanh lấy khẩu súng, đặt chân lên chiếc bàn đạp hẹp, rồi lặng lẽ, không một tiếng động, tung mình lên chiếc đệm yên ngựa cao.

- Trời sẽ phù hộ cho anh! - Khátgi-Murat nói với chủ nhà, rồi bằng một động tác quen thuộc ông đưa chân phải tìm chiếc bàn đạp kia và dùng roi khẽ đẩy chú bé bé đang giữ ngựa để chú tránh

ra xa. Chú bé dịch sang một bên và con ngựa tựa hồ như chính nó biết mình cần phải làm gì, cất vó nhanh nhẹn rời khỏi ngõ băng tới con đường chính trong làng.

Enđar phi ngựa theo sau. Xađo mặc áo khoác lông nhanh nhẹn tay chạy theo họ, lúc thì chạy theo mép đường hẹp bên này, lúc thì chạy theo mép bên kia. ở cổng làng có một bóng người, rồi hai bóng người đi ngang qua đường.

- Đứng lại. Ai đó? Đứng lại! - một giọng thét lên và mấy người xông ra chặn đường.

Đáng lẽ dừng lại, Khatgi-Murat rút súng lục ra khỏi thắt lưng, tăng tốc độ thúc ngựa xông thẳng vào đám người chặn đường. Những người đứng ở trên đường tản ra và Khatgi-Murat không ngoái đầu nhìn lại, phi nước đại xuống dốc. Enđar phóng nước kiệu theo sau ông. Hai phát súng vang lên sau lưng họ, đạn rít lên, nhưng không trúng Khatgi-Murat và Enđar . Khatgi-Murat tiếp tục phóng nhanh như trước. Đi được chừng ba trăm bước ông ghìm con ngựa thở phì phò nhè nhẹ và chăm chú lắng nghe. Phía đằng trước, ở mé dưới có tiếng nước chảy xiết. ở phía sau đã nghe thấy tiếng gà thi nhau gáy trong bản. Đằng sau những âm thanh đó nghe rõ tiếng vó ngựa đang lại gần và tiếng người nói ở sau lưng Khátgi-Murat. Khátgi-Murat

thúc ngựa và lại phóng đều đều nước kiệu.

Các ky sĩ ở phía sau phóng ngựa và nhanh chóng đuổi kịp Khatgi-Murat, họ có khoảng hai chục người. Đó là những người dân trong bản định bắt giữ Khatgi-Murat hoặc chỉ ít cũng làm ra vẻ muốn bắt giữ ông để giữ tiếng trước Samin. Khi họ lại gần tới mức có thể thấy rõ họ trong đêm tối, Khatgi-Murat dừng lại buông dây cương và bằng một động tác quen thuộc của tay trái, ông mở bao súng trường, rồi dùng tay phải rút súng ra. Enđar cũng làm như vậy.

- Các anh cần gì? - Khátgi-Murat thét lớn. - Các anh muốn bắt giữ hả? Này nhận lấy! - và ông nâng súng trường lên. Những người dân trong bản dừng lại.

Vẫn giữ khẩu súng trường trong tay, Khátgi-Murat bắt đầu cho ngựa đi xuống thung lũng. Những người cưỡi ngựa đi sau ông không sáp lại gần. Khi Khátgi-Murat đã sang tới phía bên kia thung lũng, những người đi ngựa sau ông gào lên để ông nghe rõ điều họ muốn nói. Để đáp lại, Khatgi-Murat bắn một phát súng trường và thúc ngựa phóng đi.Khi ông dừng ngựa lại, không còn nghe tiếng vó ngựa đuổi theo nữa, không nghe thấy cả tiếng gà gáy, chỉ nghe thấy rõ hơn tiếng nước róc rách ở trong rừng và đôi khi là tiếng cú kêu. Khu

rừng đen thẫm như một bức tường đã gần lắm rồi. Đó chính là khu rừng nơi các vệ sĩ của Khátgi-Murat chờ ông. Phi ngựa tới rừng, Khatgi-Mu rat dừng lại, hít không khí đầy lồng ngực, huýt sáo rồi im lặng chăm chú lắng nghe. Một phút sau từ trong rừng vang lên tiếng huýt sáo như vậy. Khátgi-Murat rời khỏi con đường, ngoặt vào rừng. Đi được chừng một trăm bước, ông thấy qua các lùm cây một đống lửa trại, những bóng người ngồi quanh đống lửa và con ngựa đóng sẵn yên cương, bị chằng chân, được ánh lửa hắt lên soi rõ nửa mình.

Một trong những người ngồi quanh đống lửa đứng phắt dậy, bước lại gần Khátgi-Murat, nắm lấy dây cương và bàn đạp. Đó là Khanephi, người Avarơ (13), anh em kết nghĩa của Khátgi-Murat, người quản lý cơ ngơi của ông.

- Tắt lửa đi, - Khátgi-Murat xuống ngựa nói. Mọi người bắt đầu cào tung đống lửa và dập tắt những cành cây đang cháy.

- Bata ở đây rồi chứ? - Khátgi-Murat hỏi, bước lại gần chiếc áo bur-ka trải trên đất.

- Rồi, anh ấy đã đi cùng với Khan-Magôma từ lâu rồi.

- Họ đi theo đường nào?

- Đi theo đường này, - Khanephi đáp, đưa tay chỉ về hướng ngược hướng Khátgi-Murat đi tới.

- Được, - Khátgi-Murat nói và nhấc khẩu súng trường xuống, nạp đạn,- Phải cẩn thận, chúng nó đuổi theo tôi, -ông nói hướng về phía người đang dập lửa.

Đó là Gamdalô, người Tsétsen. Gamdalô bước lại gần chiếc áo bur-ka, nâng khẩu súng trường để trong bao đặt trên tấm áo và lặng lẽ đi ra bìa khoảng rừng thưa, tới chỗ Khatgi-Murat vừa đi qua để tới đây. Enđar xuống ngựa, dắt con ngựa của Khatgi- Murat, kéo đầu hai con ngựa cao lên, buộc chúng vào cây. Sau đó, cũng làm như Gamdalô, hắn khoác khẩu súng trường lên vai đi ra đầu đằng kia khoảng rừng thưa. Đống lửa đã được dập tắt và khu rừng không còn tối om như ban nãy, ánh sao nhấp nháy trên nền trời tuy yếu ớt.

Ngửa mặt nhìn trời thấy chòm sao Thiên Cầm đã mọc ở giữa trời, Khatgi-Murát cho rằng trời gần sáng và giờ cầu nguyện ban đêm đã tới từ lâu rồi. Ông bảo Khanephi đưa cho ông cái bình lúc nào cũng đem theo trong túi xắc, rồi mặc áo bur-ka vào,ông đi lấy nước.

Sau khi tháo giày, rửa tay, Khatgi-Murat bước chân không lên chiếc áo bur-ka trải trên mặt đất, ngồi lên bắp chân rồi bắt đầu đưa ngón tay bịt tai, nhắm mắt lại, hướng về phương Đông đọc lời cầu nguyện thường lệ.

Cầu nguyện xong, ông quay về chỗ của mình, nơi để những túi đi đường, ngồi lên chiếc áo bur-ka, chống khuỷu tay lên đầu gối và gục đầu xuống suy nghĩ.

Khatgi-Murat bao giờ cũng tin vào vận may của mình. Làm việc gì ông cũng đinh ninh tin trước rằng sẽ thành công và ông luôn luôn may mắn. Trừ những ngoại lệ hiếm hoi, suốt cuộc đời chinh chiến đầy sóng gió của ông đều như thế cả. Bởi thế giờ đây ông hy vọng mình cũng sẽ thành công như vậy. Ông tưởng tượng mình cầm đầu một đạo quân do Vôrôntxốp trao cho ông, tấn công Samin, bắt y làm tù binh, trả thù y, rồi ông sẽ được Nga hoàng khen thưởng, sẽ lại cai quản không chỉ vùng Avaria, mà toàn bộ vùng Tsétsnia phải khuất phục ông. Ông không để ý rằng mình đã thiếp ngủ đi cùng với ý nghĩ đó.

Ông nằm mơ thấy mình cùng với đám vệ sĩ cử khôi vừa hát vừa la hét " Khatgi-Murat ra quân", xông vào đánh Samin, bắt được y cùng với lũ vợ của y và ông nghe thấy tiếng vợ con y khóc lóc nức nở. Ông tỉnh dậy. Tiếng hát "Lia illiakha" và tiếng la hét " Khatgi-Murat ra quân" và tiếng khóc lóc của lũ vợ Samin mà ông nghe thấy trong mơ thực ra là tiếng hú, tiếng rít và tiếng gào của lũ chó núi khiến ông thức giấc. Khatgi-Murat ngẩng đầu lên nhìn bầu trời đang rạng dần ở phương Đông giữa các thân cây và hỏi một người ngồi ở

xa ông về Khan-Magôma. Được biết Khan-Magôma vẫn chưa trở về, Khatgi-Murat gục đầu xuống và lại thiu thiu ngủ ngay.

Giọng nói vui vẻ của Khan-Magôma đi công cán cùng với Bata trở về làm ông thức giấc. Khan-Magôma ngồi ngay xuống trước mặt Khatgi-Murat và bắt đầu kể cho ông nghe binh lính trong đồn đã tiếp đón họ và dẫn họ tới thẳng chỗ công tước như thế nào, hắn đã nói gì với chính công tước, công tước vui vẻ ra sao và hứa sáng nay sẽ tiếp đón họ ở chỗ những người Nga thường đốn gỗ, trên khoảng rừng thưa Salinxkaia , phía bên kia sông Mitsik. Bata nói chen ngang lời đồng đội của mình, kể thêm các chi tiết anh ta nắm được.

Khatgi-Murat đã kể tỉ mỉ xem Vôrôntxốp nói gì về những đề nghị của ông xin chạy sang phía người Nga. Cả Khan-Magôma và Bata đều nhất trí nói rằng công tước hứa tiếp nhận Khatgi-Murat như một vị khách và sẽ tạo điều kiện để ông được sống yên ổn, Khatgi-Murat lại hỏi về đường đi và khi Khan-Magôma nói để ông tin rằng hắn rất thuộc đường đi và dẫn ông đi thẳng tới đó, Khatgi-Murat rút tiền ra đưa cho Bata ba rúp như đã hứa. Ông sai quân rút từ trong túi ngựa thồ ra khẩu súng nạm vàng của mình và chiếc mũ lông cao có đính chiếc khăn xếp, và bảo các vệ sĩ lau chùi các vũ khí của họ cho sạch sẽ, để có thể đến

với người Nga một cách tề chỉnh. Lúc họ lau chùi vu khí, yên cương và những con ngựa là lúc những ngôi sao mờ đi, trời đã sáng hẳn, và ngọn gió banmai hiu hiu thổi.

V

Rạng sáng, lúc trời hãy còn nhá nhem tối, hai đại đội lính mang theo rìu, dưới sự chỉ huy của Pônpôrátki rời khỏi cổng thành Tsakhơghirin đi ra ngoài pháo đài chừng mười vec-xta, rải các tay súng thành một tuyến dài và khi trời vừa sáng, thì bắt tay vào đốn gỗ. Quãng tám giờ sáng, sương mù quện lẫn với làn khói thơm bốc lên từ những đống lửa nhóm bằng cành khô ẩm nổ lép bép bắt đầu bốc lên cao và những người đốn gỗ trước đây cách năm bước không nhìn thấy nhau, mà chỉ nghe tiếng nói của nhau, bây giờ đã nhìn rõ được cả những đống lửa lẫn con đường ngổn ngang cành lá chạy qua rừng. Mặt trời khi thì hiện ra như một vệt sáng trong sương mù, khi thì lại khuất đi. Pônpôrátki cùng với sĩ quan dưới quyền mình là Tikhônốp ngồi lên những cái trống ở cách xa đường cái, trên khoảng rừng thưa. Cùng ngồi với họ còn có hai sĩ quan thuộc đội ba, nam tước Phrede, bạn học của Pônpô rátki ở Trường thiếu sinh quân,

nguyên là sĩ quan ky binh cận vệ, bị giáng xuống làm lính vì tham gia đấu súng. Xung quanh những chiếc trống đó ngổn ngang giấy bọc thức ăn, đầu mẩu thuốc lá và những vỏ chai rỗng. Các sĩ quan uống rượu Vốt-ka, rượu bia và nhấm nháp thức ăn. Người lính đánh trống đã mở đến chai rượu thứ tám. Mặc dù không được ngủ đẫy giấc, Pônpôrátki vẫn đặc biệt phấn chấn, tốt bụng, vui vẻ vô tư lự, đó là tâm trạng mà anh luôn luôn cảm thấy khi ở giữa binh lính và đồng đội của mình tại nơi có thể xảy ra nguy hiểm.

Các sĩ quan sôi nổi trò chuyện về những tin tức mới nhất, về cái chết của tướng Xléptxốp. Chẳng ai nhìn thấy qua cái chết đó yếu tố quan trọng nhất trong cuộc đời này, đó là sự kết thúc cuộc đời và quay trở về với cội nguồn xuất phát của nó. Người ta chỉ nhìn thấy cái hăng hái trẻ trung của một sĩ quan can đảm vung gươm xông vào đám thổ dân miền núi và ra sức đâm chém họ.

Tất cả mọi người đặc biệt là các sĩ quan đã ra trận, đều biết và đã có thể biết rằng trong cuộc chiến tranh ở Kápkadơ hồi đó, không bao giờ và không ở đâu xảy ra đánh giáp lá cà bằng gươm như người ta thường giả định và mô tả cả(còn nếu như xảy ra trận đánh giáp lá cà bằng gươm và lưỡi lê như vậy, thì bao giờ người ta cũng chỉ

đâm chém những kẻ bỏ chạy). Mặc dầu vậy kiểu đánh giáp là cà tưởng tượng này vẫn được các sĩ quan thừa nhận và đem lại cho họ niềm kiêu hãnh bình thản và sự vui vẻ khi họ ngồi trên những chiếc trống - một số người rất ngang tàng, số khác trái lại ngồi theo tư thế khiêm tốn nhất - hút thuốc, uống rượu và đùa cợt, không hề quan tâm tới cái chết bất cứ giây phút nào cũng có thể ập xuống đầu mỗi người trong bọn họ cũng như nó đã ập đến với Xléptxốp vậy. Và quả thực, như để khẳng định sự chờ đợi của họ, giữa lúc họ đang nói chuyện một tiếng súng trường đanh gọn chát chúa, làm náo nức lòng người vang lên ở phía trái con đường, viên đạn vui vẻ rít lên, bay ngang qua không trung mù sương và cắm phập vào thân cây. Binh lính giương súng bắn ầm ầm mấy phát, để đáp lại tiếng súng của kẻ thù.

- Ê-hê! - Pônpôrátki kêu lên bằng một giọng vui vẻ, - chắc nó bắn vào tuyến của quân ta! Này anh bạn Kônxtantin, - anh nói với Phrede, - vận may của cậu đấy. Về đại đội đi. Chúng tôi sẽ bố trí ngay một trận đánh thật tuyệt vời! Và chúng ta sẽ lập danh sách đề nghị khen thưởng.

Viên nam tước bị giáng làm lính nhẩy chồm dậy và bước nhanh về chỗ có đám khói nơi đại đội của anh ta bố trí. Người ta dẫn ra cho Pônpôrátki

con ngựa tía hoang trắng nhỏ bé nòi Kabarđa, anh nhẩy lên ngựa, chỉnh đốn hàng ngũ của đại đội, rồi dẫn nó tới tuyến bố trí ở hướng có tiếng súng. Tuyến này nằm ở bìa rừng, trước một khe sâu trần trụi. Gió thổi vào rừng, không chỉ nhìn rõ bờ khe dốc bên này, mà thấy rõ cả bờ khe bên kia.

Khi Pôntôratki tới gần tuyến bố trí quân, mặt trời đã ló ra khỏi màn sương và ở phía bên kia bờ khe, đầu một cánh rừng nhỏ, cách xa đó khoảng một trăm xa-gien, thấp thoáng mấy người cưỡi ngựa. Đó là những người Tsét sen đuổi theo Khatgi-Murat và muốn nhìn xem ông chạy sang với quân Nga như thế nào. Một người trong bọn họ nã súng vào tuyến quân Nga. Mấy người lính trong tuyến bắn trả. Những người Tsétsen phi ngựa lùi lại phía sau và tiếng súng ngừng bặt. Nhưng khi Pôntôratki cùng với đại đội tới gần, anh ra lệnh bắn và lệnh vừa truyền đi, trên khắp tuyến tiếng súng đì đùng, phấn chấn vui vẻ vang lên không ngừng, kèm theo những làn khói toả ra đẹp mắt. Binh lính náo nức với trò giải trí, vội vã nạp đạn và bắn hết loạt này đến loạt khác. Rõ ràng là những người Tsétsen cảm thấy hăng máu, họ phóng ngựa tiến lên và lần lượt nã mấy phát đạn vào những người lính. Một người lính trúng đạn của họ, bị thương. Đó

chính là Ápđêep, anh lính đã có mặt ở trạm quan sát bí mật. Khi đồng đội lại gần, anh nằm sấp, hai tay ôm lấy vết thương ở bụng và vặn vẹo người đều đều.

- Tôi vừa mới nạp đạn vào súng, thì nghe xoẹt một cái, - anh lính đi cùng cặp với Ápđêep nói, - Tôi nhìn, đã thấy anh ấy buông súng ra rồi.

Ápđêep thuộc đại đội của Pôntôratki. Thấy binh lính xúm xít, Pôntôratki lại gần họ.

- Thế nào, người anh em, trúng đạn hả! - anh nói. - Bị vao đâu?

Ápđêep không đáp.

- Tôi vừa mới nạp đạn, thưa ngài, - người lính đi cùng cặp với Ápđêep nói, - thì nghe đánh xoẹt một cái, tôi nhìn : đã thấy anh ấy buông súng ra rồi.

- Chậc, chậc, - Pôntôratki tặc lưỡi. - Có đau không, anh Ápđêep?

- Không đau, nhưng không đi được. Chắc là đạn chì, thưa ngài.

Người ta tìm được Vốt-ka, nghĩa là rượu cồn mà binh lính ở Kápkađơ thường uống, và Panốp cau mày nghiêm nghị nâng ca rượu cồn lên cho Ápđêep uống. Ápđêep nhấp một tí, rồi lấy tay gạt ca rượu ra ngay.

- Lòng dạ tôi cứ cồn cào lên không uống được, - anh nói. - Anh uống đi.

Panốp uống hết chỗ rượu cồn. Ápđêép lại định nhổm dậy và lại ngồi xẹp xuống. Người ta dải chiếc áo choàng ra và đặt Ápđêép lên.

- Thưa ngài, đại tá đến, - viên chánh quản nói với Pôntôratki.

- Thôi được, anh lo liệu nhé, - Pôntôratki, rồi vung roi phi nước kiệu ra đón Vôrôntxốp.

Vôrôntxốp cưỡi con ngựa màu hung thuần chủng nòi Anh của mình, cùng đi có viên sĩ quan tuỳ tùng của trung đoàn, một người lính Kô-đắc và một người Tsétsen phiên dịch.

- Chỗ anh có chuyện gì thế? - ông hỏi Pôntôratki.

- Một tốp lính địch vừa xuất hiện, chúng tấn công vào tuyến quân ta,- Pôntôratki trả lời ông.

- Chà, anh đến là hay gây chuyện.

- Đâu phải tôi ạ, thưa công tước, - Pôntôratki mỉm cười nói, - chúng nó tự dẫn xác tới.

- Tôi nghe nói chúng làm một người lính bị thương phải không?

- Vâng tiếc quá, anh lính tốt lắm.

- Bị thương nặng không?

- Hình như nặng, vào bụng.

- Thế anh có biết tôi đi đâu không ? - Vôrôntxốp hỏi.

- Tôi không biết.

- Chả lẽ anh không đoán ra à.

- Không.

- Khatgi-Murat sắp tới gặp chúng ta.

- Có lẽ nào!

- Hôm qua ông ta đã cử quân do thám tới, - Vôrôntxốp nói, khó khăn kìm nụ cười vui sướng. - Bây giờ ông ta phải đợi tôi ở khoảng rừng thưa Salinxkaia, vậy anh bố trí các tay súng tới tận khoảng rừng thưa, rồi sau đó đến chỗ tôi.

- Rõ, - Pôntôratki nói, đưa bàn tay lên mũ lông cao, rồi phi ngựa về đại đội của mình. Anh đích thân dẫn tuyến quân đi về phía bên phải và ra lệnh cho viên chánh quản dẫn tuyến quân đi về phía bên trái. Trong lúc đó bốn người lính khiêng người bị thương về pháo đài.

Lúc quay lại chỗ Vôrôntxốp, Pôntôratki trông thấy mấy người cưỡi ngựa đuổi theo sau lưng mình. Anh dừng ngựa và chờ họ.

Người đi đầu cưỡi con ngựa bờm trắng, mặc áo tser-ka-xka đội mũ lông cáo có quấn vành khăn xếp, đeo vũ khí nạm vàng, dáng vẻ oai nghiêm. Đó chính là Khatgi-Murat. Ông phóng ngựa lại

gần Pôntôratki và nói gì với anh bằng tiếng Tataro. Pôntôratki rướn lông mày, dang tay ra tỏ ý không hiểu và mỉm cười. Khatgi-Murat cũng mỉm cười đáp lại, nụ cười đó khiến Pôntôratki ngạc nhiên vì vẻ hồn hậu ngây thơ của nó. Pôntôratki không ngờ lại gặp người thổ dân miền núi đáng sợ này trong bộ dạng như vậy. Anh tưởng sẽ gặp một con người ảm đạm, khô khan xa lạ, nhưng trước mặt anh là một con người giản dị nhất đang mỉm cười đôn hậu, đến mức anh thấy dường như đó không phải là một người xa lạ, mà là một người bạn đã quen biết từ lâu. Con người đó chỉ có một nét đặc biệt: đó là cặp mắt mở to chăm chú nhìn vào mắt những người khác một cách bình tĩnh và sáng suốt.

Đoàn tuỳ tùng của Khatgi-Murat gồm có bốn người. Trong đoàn tuỳ tùng đó có Khan-Magôma, đêm qua đã tới chỗ Vôrôntxốp. Đó là một người hồng hào, mắt đen không có mí, mặt tròn vành vạnh ngời lên vẻ yêu đời. Còn có một người vạm vỡ, tóc rậm, lông mày chổi xể. Đó là Khanephi, người quản lí toàn bộ của cải của Khátgi-Murát. Anh ta dẫn một con ngựa giống đầy những túi thồ hàng. Có hai người nổi bật trong đám tuỳ tùng đó: một người trẻ, thanh mảnh như phụ nữ, lưng eo, vai rộng, bộ râu nhỏ mầu hung mới lún phún, đó là anh chàng Enđar đẹp trai với cặp mắt cừu

và người kia chột mắt, không có cả lông mày lẫn lông my, bộ râu mầu hung tỉa ngắn với một vết sẹo chạy ngang mũi và mặt, đó la Gamdalô, người Tsétsen.

Pontôrátki chỉ cho Khátgi-Murát thấy Vôrôntxốp thấp thoáng ở trên đường. Khátgi-Murát đi về phía ông và khi tới gần, đặt tay phải lên ngực, nói gì đó bằng tiếng Tataro, rồi dùng ngựa. Anh phiên dịch người Tsétsen dịch:

- Tôi xin quy thuận Nga hoàng, tôi muốn phụng sự Người. Từ lâu rồi tôi đã muốn thế. Samin không thả cho tôi đi.

Sau khi nghe người phiên dịch nói, Vôrôntxốp chìa bàn tay đeo găng bằng lông chồn cho Khátgi-Murát. Khatagi-Murát nhìn bàn tay đó, trù trừ giây lát, sau đó nắm chặt lấy nó và còn nói câu gì đó, khi thì nhìn người phiên dịch, khi thì nhìn Vôrôntxốp.

- Ông ta bảo ông ta không muốn quy thuận ai cả, mà chỉ muốn quy thuận ngài vì ngài là con trai của đức ông. Ông ta kính trọng ngài lắm lắm.

Vôrôntxốp gật đầu tỏ vẻ cảm ơn. Khatgi-Murat còn nói gì đó, tay chỉ đoàn tuỳ tùng của mình.

- Ông ta bảo rằng những người này là các vệ sĩ của ông ta, cũng như ông ta, họ sẽ phục vụ người Nga.

Vôrôntxốp ngoái nhìn họ và cũng gật đầu với họ.

Khan-Magôma vui tính, mắt đen không mí cũng gật, chắc hắn nói điều gì đó buồn cười với Vôrôntxốp, vì anh chàng Khanephi tóc rậm, người Avarơ nhe bộ răng trắng bóng ra cười. Con mắt độc nhất đỏ lựng của Gamdalô tóc hung chỉ loé lên trong giây lát nhìn Vôrôntxốp, rồi lại chằm chằm nhìn tai con ngựa của mình.

Khi Vôrôntxốp và Khatgi-Murat cùng với đoàn tuỳ tùng phi ngựa quay trở lại pháo đài, binh lính rời khỏi tuyến bố trí túm tụm lại và nêu lên nhận xét:

- Hắn đã giết hại bao nhiêu là người, thằng khốn khiếp. Ấy thế mà bây giờ người ta sẽ săn đón chiều ý hắn cho mà xem, - một người lính nói.

- Hắn là thế rồi. Tuỳ tướng số một của Samin đấy. Bây giờ có lẽ...

- Nói gì thì nói, chứ trông hắn cừ khôi, ngang tàng ra phết.

- Còn cái thằng tóc hung, cái thằng tóc hung ấy mà, nó cứ ngó nghiêng như con thú rừng ấy.

- Chà, hắn là đồ con chó.

Mọi người đều đặc biệt lưu ý đến tên tóc hung.

Binh lính ở chỗ gỗ gần đường cái chạy ùa ra xem. Viên sĩ quan quát mắng họ, nhưng Vôrôntxốp ngăn anh ta lại.

- Cứ để mặc cho họ nhìn người quen cũ của mình. Anh có biết ai đấy không? - Vôrôntxốp hỏi người lính đứng gần, thong thả buông ra từng lời với giọng Anh của mình:

- Bẩm ngài, biết làm sao được ạ.

- Khatgi-Murat đấy, anh có nghe nói đến ông ta không?

- Thưa ngài, sao lại không ạ, chúng tôi đã nện hắn bao nhiêu lần.

- Và cũng được xơi đòn của ông ta nữa chứ.

- Đúng thế ạ, thưa ngài, - người lính đáp, hể hả vì đã được nói chuyện với cấp trên.

Khatgi-Murat hiểu rằng người ta đang nói về mình và nụ cười vui vẻ ánh lên trong mắt ông. Vôrôntxốp quay trở về pháo đài, lòng vô cùng phấn chấn.

VI

Vôrôntxốp rất hả hê, vì ông, chính ông, đã nhử được và tiếp nhận sự quy thuận của kẻ thù chủ yếu, hùng mạnh của nước Nga, đứng hàng thứ hai sau Samin. Chỉ có một điều khó chịu là: người chỉ huy các đạo quân ở Vôđđvigienxkaia là tướng Malerơ-Dakômenxki và đúng ra phải tiến hành

mọi việc thông qua ông ta. Vôrôntxốp đã tự động làm tất cả, không báo cáo ông ta, bởi thế có thể xảy ra chuyện rầy rà. Và ý nghĩ này đã phần nào làm nguội lạnh sự đắc ý của Vôrôntxốp.

Phi ngựa về gần tới nhà mình, Vôrôntxốp giao các vệ sĩ của Khatgi-Murat cho sĩ quan tuỳ của trung đoàn, rồi đích thân dẫn Khatgi-Murat về nhà mình.

Nữ công tước Maria Vaxiliepna ăn mặc diêm dúa, mỉm cười cùng với đứa con trai, chú bé xinh xắn lên sáu, tóc xoăn, đón tiếp Khatgi-Murat trong phòng khách. Khatgi-Murat chắp tay lên ngực nói một cách hơi trang trọng qua người phiên dịch cùng vào với ông, rằng ông coi mình là ku-nak của công tước vì công tước đã đón tiếp ông về nhà mình và bởi thế cả gia đình của ku-nak - công tước cũng thiêng liêng đối với ông., như chính công tước vậy. Vẻ ngoài và phong độ của Khatgi-Murat khiến Maria Vaxiliepna hài lòng. Thấy mặt ông bừng đỏ lên, khi bà chìa bàn tay trắng mập mạp của mình cho ông bắt, bà càng có cảm tình với ông ta. Bà mời ông ngồi và hỏi xem ông có uống cà phê không để bà sai người lấy. Tuy nhiên, Khatgi-Murat từ chối không uống cà phê, khi người ta đem ra cho ông. Ông nghe hiểu đôi chút tiếng Nga, nhưng không nói được và khi không hiểu, ông mỉm

cười và nụ cười của ông làm cho Maria Vaxiliepna hài lòng. Cậu con trai tóc xoăn mắt xếch mà Maria Vaxiliepna gọi là Bunka, đứng gần mẹ, không rời mắt khỏi Khatgi-Murat mà cậu đã được nghe nói như là một chiến sĩ phi thường.

Để Khatgi-Murat ngồi với vợ, Vôrôntxốp đến văn phòng để làm báo cáo lên cấp trên về việc quy thuận của Khatgi-Murat. Sau khi viết song báo cáo gửi lên tư lệnh mặt trận cánh trái là tướng Kôdlốpxki ở xứ Grôdnaia và bức thư gửi cho cha, Vôrôntxốp vội vã trở về nhà, sợ bà vợ phật lòng, vì bắt bà phải tiếp một con người xa lạ đáng sợ, một con người cần phải đối xử thế nào để không xúc phạm và cũng không quá vuốt ve. Nhưng ông đã lo sợ một cách vô ích. Khatgi-Murat ngồi trong ghế bành, bế Bunka trên đùi, chú bé là con trai đời chồng trước của vợ Vôrôntxốp, và nghiêng đầu chăm chú lắng nghe người phiên dịch truyền đạt lại những lời của bà Maria Vaxiliepna đang mỉm cười. Maria Vaxiliepna và bảo ông ta rằng nếu ông ta cho bất kỳ ku-nak nào đồ vật mà người ku-nak đó khen ngợi, thì chả mấy chốc ông ta sẽ trần như nhộng...

Khi công tước bước vào, Khatgi-Murat nhấc chú bé Bunka khỏi đầu gối mình khiến chú ngạc nhiên và phật ý, rồi ông đứng dậy, chuyển ngay vẻ mặt từ vui vẻ sang nghiêm nghị và trang trọng. Chỉ

mãi tới khi Vôrôntxốp ngồi xuống, ông ta mới ngồi. Tiếp tục câu chuyện đang nói, ông trả lời Maria Vaxiliepna rằng dân tộc ông ta có cái lệ phải biếu ku-nak tất cả những gì ku-nak thích.

- Con trai bà cũng là ku-nak, - ông vừa nói bằng tiếng Nga vừa nhìn mái tóc xoăn của chú bé Bunka, lúc này đã lại leo lên đùi ông.

- Tên kẻ cướp của anh hấp dẫn đấy, - Maria Vaxiliepna nói với chồng bằng tiếng Pháp. - Bunka vừa mới ngắm nghía con dao găm của hắn, thế là hắn tặng luôn nó con dao ấy.

Bunka chìa con dao găm cho bố dượng xem.

- *C'est un objet de prix*(*), - Maria Vaxiliepna nói.

- *Il faudra trouver l'occasion de lui faire cadeau*(**), - Vôrôntxốp nói.

Khatgi-Murat ngồi, đưa mắt nhìn xuống mái tóc xoăn của đứa bé và nói:

- Đgi-ghít, đgi-ghít (***).

- Con dao găm đẹp lắm, đẹp tuyệt, - Vôrôntxốp nói,khẽ tuốt lưỡi dao bằng thép sắc bén có rãnh ở giữa ra xem. - Xin cảm ơn.

- Anh hãy hỏi ông ta xem tôi có thể giúp gì

---

* Đây là vật có gía trị đấy (tiếng Pháp)

** Phải tìm dịp để tặng hắn cái gì (tiếng Pháp).

*** Người kỵ sĩ giỏi và dũng cảm ở vùng núi Kapkađơ

được ông ta, - Vôrôntxốp nói với người phiên dịch.

Sau khi nghe người phiên dịch nói, Khatgi-Murat trả lời ngay rằng ông ta không cần gì cả, nhưng ông yêu cầu đưa ông tới chỗ ông có thể cầu nguyện bây giờ. Vôrôntxốp gọi người hầu phòng và sai anh ta làm theo ý muốn của Khatgi-Murat.

Lúc chỉ còn lại một mình trong căn phòng dành riêng cho ông, vẻ mặt Khatgi-Murat thay đổi hẳn: vẻ thoả mãn, ân cần đã biến mất, nhường chỗ cho sự băn khoăn.

Sự đón tiếp mà Vôrôntxốp dành cho ông vượt quá sự mong đợi của ông. Nhưng sự đón tiếp đó càng trọng thể, Khatgi-Murat càng ít tin ở Vôrôntxốp và các sĩ quan của ông ta. Ông sợ đủ điều: sợ người ta bắt mình, đóng xiềng vào và đày đi Xibiri, hoặc sợ bị giết một cách đơn giản, bởi vậy ông ta đâm ra dè chừng.

Lúc Enđar vào, ông hỏi xem người ta để các vệ sĩ ở đâu, ngựa buộc ở chỗ nào và người ta có thu mất vũ khí của họ không. Enđar báo cáo rằng ngựa để ở trong chuồng ngựa của công tước, các vệ sĩ ở trong nhà kho vẫn được mang theo vũ khí bên người và anh phiên dịch đã khoản đãi họ ăn uống.

Khatgi-Murat phân vân, lắc lắc đầu, rồi cởi áo ngoài và bắt đầu cầu nguyện. Cầu nguyện xong,

ông sai đem con dao găm bằng bạc tới cho mình, mặc áo choàng, thắt đai lưng, rồi co chân ngồi lên ghế chàng kỷ chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra.

Đến bốn giờ người ta mời ông tới ăn trưa với công tước.

Trong bữa ăn, Khátgi-Murát không ăn gì cả, ngoài món cơm trộn thịt mà ông xẻ vào đĩa từ đúng cái chỗ mà Maria Vaxilépna xẻ để ăn.

- Hắn sợ chúng ta đầu độc, Maria Vaxilépna nói với chồng. Hắn xúc chỗ nào em xúc, - và bà quay ngay sang nói chuyện với Khátgi-Murát qua người phiên dịch, hỏi xem đến lúc nào ông ta sẽ lại cầu nguyện. Khátgi-Murát xoè năm ngón tay ra và chỉ lên mặt trời.

- Có lẽ sắp tới giờ đó rồi.

Vôrôntxốp rút chiếc đồng hồ ra và ấn lò xo nhỏ - chiếc đồng hồ đánh chuông chỉ bốn giờ mười lăm phút. Khátgi-Murát rõ ràng ngạc nhiên vì tiếng chuông, ông yêu cầu cho đồng hồ đánh chuông lần nữa và ngắm chuông đồng hồ.

- *Voilà l'ócasion. Donne-lui la montre*[*], - Maria Vaxilépna nói với chồng.

Vôrôntxốp biếu ngay Khátgi-Murát chiếc đồng hồ đó. Khátgi-Murát chắp tay lên ngực và nhận

---

* Có dịp rồi đấy, cho hắn chiếc đồng hồ thôi (tiếng Pháp)

chiếc đồng hồ. Mấy lần ông ta ấn lò xo, lắng nghe và lúc lắc đầu tán thưởng.

Sau bữa ăn, người ta báo cáo với công tước rằng sĩ quan tuỳ tùng của tướng Melerơ-Dakômen-xki đã tới.

Viên sĩ quan tuỳ tùng nói với công tước rằng tướng quân rất không hài lòng, vì ông không báo cáo cho tướng quân biết về việc quy thuận của Khátgi-Murát và tướng quân yêu cầu đưa ngay Khátgi-Murát tới chỗ tướng quân. Vôrôntxốp nói mệnh lệnh của tướng quân sẽ được thực hiện và thông qua người phiên dịch của ông nói cho Khátgi-Murát biết yêu cầu của tướng quân, đề nghị ông ta cùng đi với mình tới trình diện Melerơ.

Được biết viên sĩ quan tuỳ tùng đến về việc gì, Maria Vaxilíepna hiểu ngay rằng giữa chồng bà và vị tướng có thể xảy ra chuyện rầy rà, và mặc mọi lời can ngăn của chồng, bà vẫn sửa soạn để cùng đi với ông và Khátgi-Murát tới chỗ vị tướng.

- *Vous feriez beaucoup mieux de rester; c'est mon affaire, mais pas la vôtre* (*).

- *Vous ne pouvez pas m'empêcher d'aller voir madame la générale* (**).

(*) Em ở lại tốt hơn. Việc của anh, chú có phải việc của em đâu (tiếng Pháp)
(**) Anh không thể ngăn em đến thăm phu nhân của tướng quân được (tiếng Pháp)

- Có thể đi vào lúc khác.

- Nhưng em muốn đi bây giờ cơ.

Chả làm thế nào khác được, Vôrôntxốp đồng ý và cả ba người cùng đi.

Khi họ bước vào, với vẻ lễ độ rầu rĩ Melerơ dẫn Maria Vaxiliepna tới chỗ vợ mình, ra lệnh cho sĩ quan tuỳ tùng đưa Khátgi-Murát vào phòng đợi và không được thả cho hắn đi đâu trước khi có lệnh của ông.

- Xin mời, - ông vừa nói với Vôrôntxốp vừa mở rộng cửa vào phòng làm việc, nhường bước cho công tước vào trước mình.

Vào trong phòng làm việc, ông dừng lại trước mặt công tước và không mời Vôrôntxốp ngồi, ông nói:

- Ở đây tôi là thượng cấp về quân sự, bởi vậy mọi cuộc thương lượng với kẻ thù đều phải tiến hành thông qua tôi. Tại sao ông không báo cáo cho tôi biết về việc quy thuận của Khátgi-Murát?

- Một tên do thám đến chỗ tôi và báo cho tôi biết Khátgi-Murát tỏ ý muốn quy thuận tôi, - Vôrôntxốp mặt tái nhợt đi vì xúc động, chờ đợi cơn thịnh nộ thô bạo của vị tướng đang nổi giận và đồng thời ông cũng bị lây cơn thịnh nộ đó.

- Tôi hỏi tại sao ông không báo cáo cho tôi biết?

- Thưa nam tước, tôi đã định báo cáo, nhưng...

- Đối với anh tôi không phải là nam tước, anh phải gọi tôi là đại nhân.

Đến đây cơn thịnh nộ bị nén giữ mãi của nam tước bỗng bùng ra. Ông nói ra tất cả những điều từ lâu đã sôi sục trong lòng ông.

- Tôi đã phụng sự hoàng đế của mình hai mươi bẩy năm không phải để cho những kẻ mới bước vào nghề hôm qua lợi dụng những quan hệ họ hàng của mình xông ra giải quyết ngay trước mũi tôi những việc không liên quan gì đến họ.

- Thưa đại nhân ! Tôi yêu cầu ngài không được nói những điều sai sự thật, - Vôrôntxốp ngắt lời ông...

- Tôi đã nói sự thật và tôi không cho phép... - viên tướng càng tức giận nói.

Vừa lúc đó nghe có tiếng váy sột soạt, Maria Vaxiliepna và theo sau là một phu nhân người tầm thước ăn mặc giản dị, vợ của Melerơ-Dakômenxki bước vào.

- Thôi, đủ rồi đấy, nam tước ạ. *Simon*(*) không muốn làm ông khó chịu đâu,- Maria Vaxiliepna bắt đầu nói.

- Thưa phu nhân tôi đâu có nói về chuyện ấy...

- Chắc ông cũng biết đấy, tốt hơn hết ta gác chuyện ấy lại. Hẳn ông còn nhớ câu tục ngữ: cuộc

tranh luận dở còn tốt hơn cuộc cãi cọ hay [**]. Tôi muốn nói là ... - Bà cười vang.

Và viên tướng đang tức giận chịu khuất phục nụ cười mê hồn của người đẹp, dưới chòm ria của ông thấp thoáng một nụ cười.

- Tôi thừa nhận rằng tôi sai, - Vôrôntxốp nói, - nhưng...

- Và tôi thì đã nói nổi nóng, - Melerơ-Dakômenxki nói và chìa tay cho công tước

Hoà bình đã được thiết lập, và mọi người quyết định tạm thời để Khatgi-Murat ở chỗ Melerơ-Dakômenxki, rồi sau đó sẽ giải hắn tới tư lệnh mặt trận cánh trái.

Khatgi-Murat ngồi ở phòng bên và mặc dầu không biết người ta nói gì, ông cũng hiểu ra điều ông cần phải hiểu: họ tranh cãi về ông và việc ông bỏ chạy khỏi Samin, một việc có tầm quan trọng lớn đối với người Nga, bởi vậy nếu người ta không đưa ông đi đày hay giết chết ông, thì ông sẽ có thể đòi hỏi họ nhiều thứ. Ngoài ra, ông hiểu rằng tuy Melerơ-Dakômenxki là cấp trên, nhưng ông ta không quan trọng như Vôrôntxốp, cấp dưới của ông ta, Vô rôntxốp là nhân vật quan trọng chứ không phải là Melerơ-Dakômenxki. Do suy nghĩ như vậy, nên khi Melerơ-Dakômenxki gọi Khatgi-Murat tới chỗ mình và bắt đầu hỏi

cung, Khatgi-Murat tỏ ra kiêu hãnh và trang trọng nói rằng ông rời khỏi miền núi để phụng sự Sa hoàng, và ông sẽ lên trình báo tất cả với đức ông nghĩa là với quan tổng tư lệnh, công tước Vôrôntxốp ở Tiphlit [14].

VII

Người ta đưa Apđêep bị thương đến bệnh viện đặt trong một ngôi nhà nhỏ lợp bằng gỗ ván ở gần cổng pháo đài, đặt anh nằm trên một chiếc giường trống trong phòng lớn. Trong phòng có bốn người bệnh: một người đang vật vã trong cơn sốt thương hàn, một người khác xanh nhợt, quầng mắt tím xẫm đang chờ đợi cơn sốt kịch phá, ngáp luôn miệng và hai người bị thương trong trận đột kích ba tuần lễ trước, một người bị thương vào cổ tay (anh này đi lại được), một người bị thương vào vai (anh này ngồi trên giường). Trừ người bị thương hàn, mọi người vây quanh Ápđêép và hỏi han những người đưa anh tới.

- Cái lần chúng nó bắn như vãi đạn thì không sao, còn ở đây chúng nó bắn cả thảy có năm phát, - một trong những người khiêng Ápđêép kể.

- Phải ai nấy chịu!

- Ôi! - Ápđêep nén cơn đau, rên to lên, khi người ta đặt anh vào giường. Lúc người ta đặt anh nằm, anh chau mày, không rên nữa, chỉ không ngừng ngọ nguậy bàn chân. Anh đưa tay ôm vết thương và trân trân nhìn ra phía trước.

Bác sĩ tới và sai lật nghiêng thương binh lên để ông xem đạn ra phía sau lưng chưa.

- Cái gì thế này? - bác sĩ hỏi, tay chỉ vào những vết sẹo trắng ngoằn ngoèo trên lưng và mông thương binh.

- Thưa quan lớn, đó là chuyện cũ, Ápđêep thở hổn hển nói.

Đó là dấu vết cuộc trừng phạt Ápđêep vì đã lấy tiền uống rượu hết.

Người ta lại xoay người Ápđêep lại và bác sĩ dùng que thông chọc mãi vào bụng Ápđêep để thăm dò viên đạn, nhưng không tìm thấy nó. Sau khi băng bó vết thương và dán miếng băng dính trên đó, bác sĩ đi ra. Suốt quãng thời gian bác sĩ thăm dò vết thương và băng bó, Ápđêep nằm nghiến chặt răng và nhắm nghiền mắt. Khi bác sĩ đi ra anh mở mắt và ngạc nhiên ngó nhìn xung quanh mình. Mắt anh hướng về những người ốm và người y tá, nhưng tựa hồ như anh không nhìn thấy họ, mà nhìn thấy một cái gì khác làm anh rất ngạc nhiên.

Panốp và Xêriôghin, các bạn đồng đội của Ápđêép tới. Ápđêép vẫn nằm như thế, ngạc nhiên nhìn ra phía trước mặt. Mãi anh vẫn không nhận ra các bạn đồng đội, mặc dầu mắt anh nhìn thẳng vào họ.

- Píôt ơi, cậu có muốn nhắn gì về nhà không? - Panốp nói.

Ápđêép không đáp, tuy anh nhìn vào mặt Panốp.

- Tôi nói: cậu có muốn nhắn gì về nhà không? - Panốp hỏi lại và sờ vào bàn tay to xương lạnh ngắt của Ápđêép.

Ápđêép sực tỉnh.

- À, Panốp đã tới!

- Ừ, mình tới rồi đây. Cậu có muốn nhắn gì về nhà không? Xêriôghin sẽ viết thư.

- Xêriôghin sẽ viết hả? ... - Ápđêép nói, chật vật đưa mắt sang nhìn Xêriôghin - thế thì cậu viết thế này: "con trai các cụ là Piôt đã qua đời". Tôi đã ghen tị với anh tôi sáng nay, tôi đã nói với cậu như thế. Bây giờ bản thân tôi thấy vui mừng. Anh ấy cứ sống, đừng băn khoăn. Tôi vui mừng cầu Chúa phù hộ anh ấy. Đấy, cậu viết như thế.

Nói xong anh im lặng hồi lâu, mắt chằm chằm nhìn Panốp.

- Thế có tìm thấy cái tẩu thuốc không? - bỗng nhiên anh hỏi.

Panốp lắc đầu không đáp.

- Cái tẩu thuốc, tôi nói cái tẩu thuốc có tìm thấy không? - Ápđêep nhắc lại.

- Ở trong túi dết.

- À, ra thế. Thôi, bây giờ đưa nến cho tôi, tôi sắp chết rồi, Ápđêep nói.

Vừa lúc ấy Pôntôratki tới thăm người lính của mình:

- Thế nào anh bạn, gay lắm hả? - anh nói.

Ápđêep nhắm mắt lại và lắc đầu phủ nhận. Khuôn mặt có gò má cao của anh tái nhợt và nghiêm nghị. Anh không trả lời gì cả, chỉ hướng về phía Panốp, nhắc lại:

- Đưa cây nến cho tôi. Tôi sắp chết.

Người ta đặt cây nến vào tay anh, nhưng các ngón tay không co lại được, người ta phải đặt cây nến giữa các ngón tay anh và giữ lấy nó. Pôntôratki đi ra ngoài, năm phút sau khi anh đi ra, y tá áp tai vào ngực Ápđêep và nói rằng anh đã chết.

Trong bản báo cáo gửi về Tiphlit người ta đã mô tả cái chết của Ápđêep như sau:" Ngày 23 tháng Mười một, hai đại đội thuộc trung đoàn

Kurinxki đã rời khỏi pháo đài đi đốn gỗ. Khoảng giữa trưa một tốp đáng kể thổ dân miền núi đã bất ngờ tấn công những người đốn gỗ. Tuyến của quân ta đã bắt đầu rút và lúc đó đại đội hai đã dùng lưỡi lê đẩy lùi bọn thổ dân. Trong trận này có hai binh sĩ bị thương nhẹ và một bị giết. Bọn thổ dân bị giết và bị thương khoảng một trăm tên".

VIII

Đúng vào ngày Piôt Ápđêep bị chết ở bệnh viện, ông bố già của anh, vợ của người anh mà anh phải đi lính thay và đứa cháu gái con ông anh, một cô gái đã đến tuổi lấy chồng, đập lúa mạch trên sân đập lạnh giá. Ngày hôm trước, tuyết rơi phủ đầy mặt đất và sớm mai trời lạnh cóng. Từ lúc gà gáy lần thứ ba ông già đã thức giấc, ông nhìn ánh trăng vằng vặc chiếu qua cửa sổ đã phủ băng, tụt khỏi bếp lò, đi giày, mặc áo choàng lông, đội mũ, rồi đi ra sân đập lúa. Sau khi làm việc ở đó hai tiếng đồng hồ, ông già quay trở về nhà, đánh thức con trai và cánh đàn bà dậy. Khi mấy người đàn bà và cô gái ra tới nơi, sân đập lúa đã được dọn sạch, chiếc xẻng gỗ cắm phập trong đống tuyết xốp trắng, bên cạnh

là cái chổi cắm ngược và những bó lúa mạch đã được dải thành hai dãy, bông liền bông, nằm thành một chuỗi dài trên sân đập sạch bong, họ chọn đòn và bắt đầu đập, đập đều đều ba nhát một. Ông già đập mạnh bằng chiếc đòn nặng làm cho rơm tơi tả, cô gái đập đều đều ở phía trên, người con dâu đảo rơm lên.

Trăng đã lặn và trời bắt đầu sáng. Lúc họ đập hết một dãy, thì người con trai cả là Akim mặc áo choàng lông ngắn và đội mũ đi ra chỗ mọi người đang làm.

- Sao mày trây lười thế hả? - ông bố dừng tay đập, tì trên chiếc đòn đập, quát mắng anh ta.

- Tôi còn phải dọn dẹp ở chỗ mấy con ngựa.

- Dọn dẹp ở chỗ mấy con ngựa! - ông bố nhai lại. - Rồi bà lão khắc dọn. Cầm lấy đòn đập đi. Đã béo phì ra rồi đấy, đồ bợm rượu!

- Dễ ông cho tôi uống đấy à? - người con trai lầu bầu.

- Cái gì? - ông già chau mày giận dữ hỏi, nhỡ mất một nhịp đập.

Người con trai lặng lẽ cầm lấy đòn đập và họ đập tay tư: bịch, bị-ịch, bịch, bị-ịch,...bịch! - chiếc đòn đập nặng nề của ông già giáng xuống sau ba đòn kia.

- Trông cái mặt nó kìa, cứ y như mặt ông chủ ấy. Xem này, quần của tao sắp bung ra đến nơi rồi, - ông già thốt lên, bỏ qua một nhát đập và để cho khỏi lỡ nhịp, ông phải quay đòn đập một vòng trong không khí.

Họ đập xong một dãy lúa, mấy người đàn bà bắt đầu dùng cào vun rơm lại.

- Thằng Piôt ngốc nghếch, nên nó mới đi thay mày. Cái ngữ mày nếu có đi lính cũng chả ra gì, chứ nó mà ở nhà ấy à, nó đáng gấp năm thằng như mày.

- Thôi đủ rồi đấy, ông ạ, - người con dâu vừa nói vừa gẩy những dây bó lúa bện bằng rơm bị đập nát.

- Một mình tao làm nuôi cả nhà sáu đứa chúng mày, chẳng có một ai mó đến công việc.Những như thằng Piôt, nó làm việc bằng hai người khác, chứ không như...

Bà lão chân cuốn xà cạp bằng mảnh len đan dầy dặn, xỏ đôi giầy bện bằng vỏ cây còn mới, đi trên con đường mòn từ nhà ra sân đập lúa, làm tuyết kêu lạo xạo. Mấy người đàn ông vun những hạt lúa chưa quạt lại thành đống, mấy người đàn bà và đứa cháu gái quét dọn.

- Trưởng thôn vừa đến nhà ta. Đợt lao dịch này mọi người phải đi chở gạch cho ông chủ, -

bà lão nói. - Tôi đã sửa soạn bữa ăn lót dạ rồi đấy. Về mà ăn thôi chứ.

- Được. Mày thắng con ngựa xám vào, rồi đi đi, - ông già bảo Akim. - Coi chừng đấy, đừng để họ trách móc tao vì mày như hôm nọ. Hãy nhớ tới thằng Píôt.

- Hễ chú ấy ở nhà thì chửi chú ấy, - lúc này Akin hậm hực với ông bố, - vắng chú ấy lại xoay ra day dứt tôi.

- Mày là đáng thế lắm, - bà mẹ cũng tức giận nói. - Không thể đánh đổi Píôt lấy mày được.

- Thôi được! - người con trai nói.

- Được, được thế nào! Bán hết bột đi mà nốc rượu cho đã đời, rồi bây giờ mở mồm ra nói: được, được.

- Bới bèo ra bọ làm gì, - người con dâu nói, rồi tất cả mọi người đặt đòn đập xuống, đi về nhà. Mối bất hoà giữa ông bố và người con trai cả bắt đầu từ lâu hầu như từ khi Píôt đăng lính. Ngay lúc ấy ông lão đã cảm thấy rằng mình đã đổi con chim ưng lấy con chim cu. Quả thật, theo như ông lão hiểu, theo lệ luật thì phải đưa người chưa có con đi thay cho người nặng gánh gia đình. Akim đã có bốn con, Piốt chưa có đứa nào nhưng Piốt là đứa hay lam hay làm giống y như ông bố; nhanh nhẹn, khéo léo, khoẻ mạnh, dẻo dai và cái chính

là cần cù. Anh làm việc luôn chân luôn tay. Khi anh đi ngang qua chỗ những người đang bận công việc, anh cũng xử sự giống như ông cụ, bắt tay vào giúp đỡ ngay: hoặc là anh dùng hái phang cho hai loạt cỏ, hoặc là chất rơm lên xe tải, hoặc là đốn cây hay bổ củi. Ông lão thương anh nhưng chả biết làm gì được. Đi lính thì cũng cầm bằng như chết. Người lính cũng như một mẩu bánh bị cắt rời ra và cũng chả nên nhắc nhở tới anh ta làm gì cho não lòng não ruột. Chỉ thỉnh thoảng để châm chọc người con trai cả, như hôm nay, ông mới nhắc tới Piôt. Bà mẹ thì thương nhớ tới người con út, và đã từ hai năm nay bà xin ông lão gửi tiền cho Piôt. Nhưng ông lão lờ đi.

Gia đình Ápđêép khá giả và ông lão đã cất giấu được ít tiền, nhưng không đời nào ông có ý định động đến số tiền dành dụm đó. Bây giờ khi bà lão nghe thấy ông nhắc tới người con trai út, bà định bụng lại xin ông gửi cho con trai dẫu là một rúp, khi ông có tiền bán lúa mạch. Nghĩ thế nào bà làm thế. Ngồi lại tay đôi với ông lão, sau khi đám trẻ đã đi làm lao dịch, bà bảo chồng lấy tiền bán lúa mạch gửi cho Piôt một rúp. Khi hơn mười hai tséc-vếch(*) lúa mạch đã rê sạch được đổ vào các bao trên ba chiếc xe trượt tuyết và

* Tséc-vếch - một đơn vị đo thể tích của Nga cổ xưa, bằng 210 lít.

các bao đó đã được ghim lại cẩn thận bằng những dăm gỗ, bà lão đưa cho ông già lá thư do bà nhờ ông thầy tư viết hộ, ông lão đã hứa ra tỉnh ông sẽ gửi bức thư đi đúng địa chỉ, kèm theo một đồng rúp.

Ông lão mặc chiếc áo choàng lông còn mới và áo kap-tan chân quấn xà cạp bằng những mảnh len trắng sạch, cầm lấy bức thư nhét vào ví, rồi ngồi lên phía trước xe trượt, cầu Chúa và giong xe ra tỉnh. Thằng cháu trai ngồi ở phía sau xe. Ra đến tỉnh, ông lão nhờ ông chủ quán trọ đọc hộ bức thư, chăm chú lắng nghe và biểu đồng tình.

Trong thư bà mẹ Piôt viết rằng một là chúc phúc cho con, hai là gửi lời chào tất cả đồng đội của con, báo tin về cái chết của ông bố đỡ đầu, và sau hết báo tin Akxinia (vợ Piôt) "không muốn sống với nhà ta nữa và đã đi ở. Nghe nói nó sống sướng và đứng đắn". Thư cũng nhắc món quà là đồng một rúp gửi kèm theo và trong thư có những lời bà lão nẫu ruột nẫu gan, nước mắt ròng ròng, bảo ông thầy tư viết đúng từng lời của mình:

"Với lại , con thân thương của mẹ ơi, con bồ câu nhỏ Piôt của mẹ ơi, phiền muộn vì con, mẹ đã khóc hết nước mắt. Mặt trời yêu quý của mẹ ơi, con để mẹ lại cho ai..." Đến đoạn này bà lão rú lên, oà khóc nức nở và nói:

- Thôi thế được rồi.

Thư viết như thế đấy, nhưng Piôt không nhận được tin vợ anh đã rời khỏi nhà, không nhận được đồng rúp, cũng như những lời lẽ cuối cùng của mẹ anh. Bức thư đó và món tiền đã được gửi trả lại kèm theo tin Piốt đã chết trận " để bảo vệ Sa hoàng, Tổ quốc và Chính giáo". Viên thư ký trong quân đội đã viết như vậy.

Nhận được tin đó bà lão gào lên chả biết đến bao lâu, rồi sau đó lại bắt tay làm lụng. Vào ngày chủ nhật đầu tiên sau khi được tin con chết, bà đến nhà thờ, phân phát những mẩu bánh thánh "cho những người tốt bụng để tưởng nhớ tới nô lệ của Chúa là Piôt".

Cô vợ lính Akxinia cũng gào lên, khi được biết tin "người chồng yêu quý" mà cô "chỉ sống chung được có mỗi một năm" đã chết. Cô thương tiếc người chồng và cả cuộc đời đã bị huỷ hoại của mình. Cô gào rú lên để tưởng nhớ tới " nào những mớ tóc xoăn màu hung của Piôt, tình yêu của anh, nào cuộc sống cay đắng của mình cùng với thằng Ivan côi cút" và cay đắng trách móc " Piôt vì anh đã thương anh trai, chứ không thương người vợ hẩm hiu của mình phải lang thang sống giữa những người xa lạ".

Trong thâm tâm, Akxinia vui mừng trước cái chết của Piôt. Cô ta đã lại phình bụng ra với anh

chàng chào hàng, khi sống ở nhà anh ta, và bây giờ không ai có thể xỉ vả cô, người chào hàng có thể lấy cô như anh ta đã nói khi tán tỉnh cô.

IX

Mikhain Xêmiônôvích Vôrôntxốp, con của một vị sứ thần Nga, được giáo dục ở nước Anh. Trong số các quan lại cao cấp ở Nga, ông là người có trình độ học vấn Âu châu hiếm có ở thời đó, trong cách đối xử với những kẻ dưới, ông tỏ ra mềm mỏng, dịu dàng và háo danh, trong quan hệ với cấp trên, ông giữ giọng điệu cung đình tế nhị. Ông không thể hiểu được cuộc sống thiếu quyền và thiếu sự phục tùng. Ông có đủ mọi loại huân chương và tước vị cao và tự xem mình là một người cầm quân tài ba, thậm chí như người chiến thắng Napôlêông ở Kraxnưi [(15)]. Tới năm 1851, ông đã ngoại bảy mươi tuổi, nhưng vẫn còn rất tươi trẻ, đi lại nhanh nhẹn và cái chính là trí tuệ tinh tế và đáng mến của ông vẫn giữ được đầy đủ sự khéo léo để duy trì quyền lực, khẳng định và loan truyền danh tiếng của ông. Ông rất giàu có - kể cả tài sản của ông và của vợ ông là nữ bá tước Branítxkaia - và lại được nhận khoản tiền lương to với cương vị quan toàn quyền. Ông

đã chi phí phần lớn tiền của mình vào việc xây dựng lâu đài và vườn cây ở bờ phía Nam vùng Krưm.

Chiều ngày mùng 7 tháng Chạp năm 1851 một chiếc xe tam mã làm nhiệm vụ liên lạc phóng tới lâu đài của ông ở Tiphlit. Viên sĩ quan mệt mỏi, người đen nhẻm vì bụi, mang tin từ chỗ tướng Kôdlốpxki tới, báo tin Khatgi-Murat đã quy thuận người Nga. Anh khởi động đôi chân, rồi đi ngang qua những người lính canh tới chiếc thềm rộng của dinh toàn quyền. Đã sáu giờ chiều, lúc Vôrôntxốp sắp ăn bữa chiều người ta báo cáo với ông rằng có sĩ quan liên lạc tới.

Vôrôntxốp tiếp ngay người liên lạc không trì hoãn, bởi vậy ông tới ăn chiều chậm mất vài phút. Khách khứa được mời tới ăn, có khoảng độ ba chục người, ngồi gần nữ công tước Êlidavêta Kxaver-iepna và đứng thành từng nhóm cạnh cửa sổ, khi ông bước vào phòng khách, họ đứng dậy quay mặt về phía ông. Vôrôntxốp mặc chiếc áo đuôi én nhà binh màu đen có cầu vai nhỏ, như thường lệ, không đeo lon, và cổ đeo một chiếc huân chương chữ thập mầu trắng. Khuôn mặt mày râu nhẵn nhụi của ông mỉm cười một cách thích thú, cặp mắt của ông nheo lại, nhìn khắp lượt tất cả các quan khách.

Bước vội vã và nhẹ nhõm vào phòng khách, ông xin lỗi các phu nhân vì đã đến trễ, chào hỏi các vị khách nam giới, đi tới chỗ nữ công tước người Grudia Manana Ôrbeliani, một người đàn bà đẹp, cao lớn đẫy đà, tuổi trạc bốn mươi lăm, có phong độ phương Đông, đưa tay cho bà tựa, rồi dẫn bà tới bàn ăn. Nữ công tước Êlidavêta Kxaveriepna tự mình đưa tay cho viên tướng vừa tới có bộ ria rễ tre màu hung. Vị công tước người Grudia đưa tay đỡ nữ bá tước Suadiôn, bạn của nữ công tước. Bác sĩ Anđrâyêpxki, các sĩ quan tuỳ tùng và các vị khác, người thì dẫn các phu nhân, người thì không, đi tiếp sau ba cặp đó. Các gia nhân mặc áo káp-tan, đi giày và bít-tất, sắp xếp và đẩy ghế tựa cho khách khứa. Người đầu bếp trang trọng múc xúp còn bốc khói từ chiếc bát to bằng bạc.

Vôrôntxốp ngồi ở quãng giữa chiếc bàn dài. Đối diện với ông là nữ công tước vợ ông ngồi cùng với một vị tướng. Bên phải ông là một phu nhân kiều diễm Ôrbeliani của ông, bên trái là nữ công tước tiểu thư người Grudia hồng hào, tóc đen, vóc người cân đối, đeo nhiều đồ trang sức lóng lánh, mỉm cười luôn miệng.

- *Excellentes, chère amie,* - Vôrôntxốp trả lời câu hỏi của nữ công tước về những tin tức ông

nhận được từ viên sĩ quan liên lạc. - *Simon a eu de la chance* [*].

Và ông bắt đầu kể to để mọi người ở bên kia bàn cũng có thể nghe thấy được về tin tức lạ lùng này, - đối với riêng ông, đó không phải là tin tức hoàn toàn mới mẻ vì các cuộc thương lượng đã được tiến hành từ lâu, - và việc Khatgi-Murat, người phụ tá nổi tiếng, can đảm nhất của Samin đã chạy sang phía quân Nga và nay mai sẽ được đưa tới Tiphlít.

Tất cả những người dự bữa ăn, ngay cả đám thanh niên, các sĩ quan tuỳ tùng và các viên chức ngồi ở tít tận đầu bàn, trước khi nghe chuyện đang cười khe khẽ về cái gì đó, bây giờ đều im lặng lắng nghe.

- Tướng quân đã gặp anh chàng Khatgi-Murat này rồi chứ? - khi công tước nói xong, nữ công tước hỏi viên tướng có bộ ria rễ tre màu hung ngồi cạnh mình.

- Đã, và không phải một lần, thưa phu nhân.

Rồi vị tướng kể việc Khatgi-Murat vào năm 1843, sau khi đám thổ dân miền núi chiếm được Gherghebin [16], đã tấn công đội quân của tướng

---

* Tuyệt lắm, bà bạn ạ. Ximóng gặp may (tiếng Pháp).

Paxêk và giết chết viên đại tá Dôlôtukhin hầu như ngay trước mặt họ.

Vôrôntxốp lắng nghe viên tướng với nụ cười thích thú, rõ ràng ông hể hả vì viên tướng đã bắt chuyện. Nhưng bỗng nhiên vẻ mặt Vôrôntxốp trở nên lơ đãng và rầu rĩ.

Mải mê câu chuyện, viên tướng bắt đầu kể về một trận đụng độ khác giữa ông với Khatgi-Murat.

- Thưa quan lớn, bởi chính hắn, - viên tướng nói, - chắc ngài còn nhớ, đã tổ chức phục kích quân cứu viện trong cuộc viễn chinh của ta.

- Ở đâu nhỉ? - Vôrôntxốp nheo mắt hỏi lại.

Khi viên tướng dũng cảm nêu lên chuyện "quân cứu viện" là muốn nói tới trận đánh trong chiến dịch Đarghi [17] bất hạnh trong trận đó toàn bộ đội quân do công tước Vôrôntxốp chỉ huy quả thực có thể bị tiêu diệt, nếu như đạo quân đi sau không tới cứu viện cho ông. Mọi người đều biết rằng toàn bộ chiến dịch Đarghi do Vôrôntxốp chỉ huy là một sự kiện đáng sỉ nhục trong đó quân Nga chết và bị thương nhiều và mất vài khẩu đại bác. Bởi vậy nếu có ai nói về chiến dịch này trước mặt Vôrôntxốp thì chỉ nối theo kiểu Vôrôntxốp đã viết trong báo cáo gửi lên Sa hoàng, nghĩa là xem đây là một chiến công rực rỡ của quân đội Nga. Tóm lại, tiếng "quân cứu viện" trực tiếp nói lên rằng đấy không

phải là một chiến công rực rỡ mà là một sai lầm đã giết hại nhiều người. Mọi người đều hiểu như thế và một số làm ra vẻ không để tâm đến ý nghĩa lời lẽ của vị tướng, số khác sợ hãi chờ đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo đó, một vài người mỉm cười, đưa mắt nhìn nhau?

Chỉ riêng viên tướng có bộ ria rễ tre màu hung không nhìn thấy gì cả và say mê câu chuyện của mình, ông bình thản đáp:

- Nó đánh vào đám quân cứu viện đấy, thưa quan lớn.

Và một khi đã bị lôi cuốn vào đề tài ưa thích, viên tướng kể tỉ mỉ cho mọi người biết "tên Khatgi-Murat đã khéo léo cắt đôi đội quân của ta ra làm sao, nếu như quân ta không được cứu viện, - tựa hồ như ông đặc biệt ưa thích nhắc lại tiếng "quân cứu viện", - thì chắc tất cả sẽ gửi xác lại đấy bởi vì..."

Viên tướng chưa kịp chứng minh mọi sự thì Manana Ôrbeliani hiểu rõ sự tình, cắt ngang lời ông, hỏi han ông về những tiện nghi nơi ở của ông ở Tiphlít. Viên tướng ngạc nhiên, đưa mắt nhìn mọi người cùng viên sĩ quan tuỳ tùng của mình ngồi ở cuối bàn đang nhìn chằm chằm vào ông, cái nhìn đầy ý nghĩa, và ông chợt hiểu. Không trả lời nữ công tước, ông cau mày, im lặng và bắt

đầu ăn vội vã, không nhai, món ăn ngon lành nằm trên đĩa trước mặt ông mà ông chẳng hiểu rõ hình dạng và thậm chí chẳng cảm thấy mùi vị gì cả.

Mọi người đâm ra lúng túng. Nhưng vị công tước người Grudia, một kẻ rất ngu xuẩn, một tên nịnh hót khéo léo và tinh tế phi thường, một triều thần ngồi ở bên kia nữ công tước Vôrôntxốp, đã sửa chữa tình thế lúng túng đó tựa hồ như chả để ý gì cả, ông ta bắt đầu oang oang lên tiếng kể chuyện Khatgi-Murat bắt cóc bà vợ goá của Akhmét-Khan-Mekhtulinxki:

- Ban đêm hắn vào làng, chộp lấy cái mà hắn cần, rồi cùng với đồng bọn phóng ngựa bỏ đi mất.

- Vì lẽ gì hắn lại cần đến chính người đàn bà đó? - Nữ công tước hỏi.

- Hắn là kẻ thù của chồng bà ta, hắn đã truy nã Akhmét-Khan nhưng có đến khi ông ta chết hắn cũng không gặp được ông ta, bởi vậy hắn báo thù bà vợ goá.

Nữ công tước dịch những câu này sang tiếng Pháp cho người bạn già của mình là nữ bá tước Suadiôn,ngồi gần vị công tước người Grudia, nghe:

- *Quelle horreur!* - Nữ bá tước nhắm mát lại và lắc đầu nói.

- Ồ, không phải thế đâu, Vôrôntxôp mỉm cười

nói, - người ta nói với tôi rằng hắn đã đối xử với nữ tù binh của mình một cách kính trọng kiểu hiệp sĩ và sau đó đã thả bà ta.

- Đúng, hắn cho chuộc.

- Cố nhiên, nhưng dầu sao hắn cũng đã xử sự một cách cao thượng.

Những lời nói đó của công tước đã cầm trịch cho những câu chuyện tiếp đó về Khátgimurat. Đám triều thần hiểu rằng càng gán nhiều tầm quan trọng cho Khatgi-Murat càng làm cho công tước Vôrôntxốp thích thú.

- Con người đó có lòng can đảm lạ kỳ, một con người tuyệt diệu.

- Hẳn rồi, năm bốn mươi chín, giữa ban ngày ban mặt, hắn đã đột nhập vào Temirơ-Khan-Sura(18) và cướp phá các cửa hiệu.

Một người Acmênia ngồi ở cuối bàn, hồi ấy đã từng ở Temirơ-Khan-Sura, kể chi tiết về chiến công đó của Khatgi-Murat.

Nói chung trong suốt bữa ăn người ta toàn nói chuyện về Khatgi-Murat Mọi người không ngớt khen ngợi lòng can đảm, trí thông minh và sự độ lượng của ông. Có người kể chuyện Khatgi-Murat đã ra lệnh giết hai mươi sáu tù binh, nhưng nghe chuyện đó người ta thường quen miệng bác bỏ:

- Biết làm sao được! *A la guerre, comme à la guerre* (**).

- Đó là một con người vĩ đại.

- Nếu như sinh trưởng ở châu Âu, có lẽ hắn đã là một Napôlêông mới, - vị công tước ngốc nghếch người Grudia có tài nịnh hót hỏi.

Vị công tước này biết rằng bất kỳ sự nhắc nhở nào tới Napôlêông đều làm cho Vôrôntxốp thích thú, vì chính do chiến thắng Napôlêông, Vôrôntxốp đã được thưởng huân chương chữ thập màu trắng đeo trên cổ.

- Chẳng phải là Napôlêông, thì ít ra hắn cũng là một viên tướng ky binh dũng cảm, đúng thế, - Vôrôntxốp nói.

- Nếu không phải là Napôlêông, thì cũng là Muyra (19).

- Chả thế mà tên của hắn lại là Khatgi-Murat.

- Khátgi-Murat ra hàng, bây giờ thế là hết đời Samin, - có người nói.

- Chúng nó cảm thấy bây giờ (bây giờ có nghĩa là dưới quyền cai quản của Vôrôntxốp) chúng nó không chống cự nổi, - một người khác nói.

---

* Khủng khiếp quá (tiếng Pháp)
** Chiến tranh là chiến tranh mà lại (tiếng Pháp)

- *Tout cela est grâce à vous*[*], - Manana Ôrbaliani nói.

Công tước Vôrôntxốp cố gắng giảm nhẹ những lời nịnh hót đã bắt đầu ào ạt trùm lên ông như những làn sóng. Nhưng ông tỏ ra thích thú và khi dẫn vị phu nhân của mình rời khỏi bàn ăn sang phòng khách, lòng dạ ông đặc biệt phấn chấn.

Sau bữa ăn, khi người ta mang cà-phê tới phòng khách, công tước Vôrôntxốp tỏ ra đặc biệt mơn trớn đối với tất cả mọi người, và ông bước lại gần vị tướng có bộ ria rễ tre màu hung, cố gắng chứng tỏ cho vị này thấy rằng ông không để ý tới sự vụng về của ông ta.

Đi vòng một lượt tất cả các khách khứa xong, công tước ngồi xuống chơi bài. Ông chỉ biết chơi một thứ bài cổ là lôm-be-rơ. Ngồi hầu bài công tước có: công tước người Grudia, viên tướng người Acmênia đã được người hầu phòng của công tước dạy cho cách chơi bài lôm-be-rơ và người thứ tư nổi tiếng vì quyền lực của mình là bác sĩ Anđrâyépxki.

Sau khi để hộp thuốc lá mạ vàng có khắc chân dung hoàng đế Nga Alếchxanđrơ Đệ nhất[20] xuống bên cạnh, Vôrôntxốp bốc cỗ bài mới nhẵn bóng và toan chia bài, thì anh hầu phòng người Ý

* Mọi cái đó là nhờ ở như ngài (tiếng Pháp)

Giôvani bê chiếc khay bạc trên để bức thư bước vào phòng.

- Bẩm quan lớn, lại có liên lạc tới.

Vônrôntxốp đặt cỗ bài xuống, xin lỗi, bóc thư và bắt đầu đọc.

Thư của con trai ông. Con trai ông mô tả việc quy thuận của Khátgi-Murát và sự xung đột của mình với Melerơ-Da-Kômenxki.

Nữ công tước đến và hỏi con trai viết gì.

- Vẫn là chuyện ấy.*Il a eu quelques désagréments avec le commandant de la place. Simon a eu tort. But all is well what ends well* (*), - ông nói và trao bức thư cho vợ, rồi hướng về phía những người chơi bài đang kính cẩn chờ đợi, ông đề nghị lên bài.

Khi người ta ra bài đợt đầu, Vônrôntxốp mở hộp thuốc lá và làm như ông thường làm khi tinh thần đặc biệt phấn chấn:bàn tay nhăn nheo già nua trắng trẻo của ông bốc một dúm thuốc lá Pháp đưa lên mũi và hít.

---

* Có chuyện rầy rà với viên chỉ huy pháo đài. Ximon sai (tiếng Pháp). Nhưng mọi việc kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp(tiếng Anh).

X

Ngày hôm sau, Khi Khátgi-Murát tới trình diện Vôrốntxốp, phòng tiếp khách của công tước đầy người. Có mặt ở đây vị tướng chiều qua tới dự bữa ăn, với bộ ria rễ tre, mặc quân phục chỉnh tề, đeo huân chương; ông này đến để chào chia tay với công tước. Ở đây có mặt cả viên chỉ huy trung đoàn đang bị đe dọa đưa ra toà án binh vì lạm dụng tiền mua lương thực của trung đoàn. Ở đây có mặt vị phú hào người Ascmênia được bác sĩ Anđrâyêpxki che chở, vị này bao thầu rượu vốt-ka và bây giờ chạy chọt để xin ký lại hợp đồng. Cả bà vợ goá mặc đồ đen của viên sĩ quan chết trận cũng có mặt ở đây, bà ta đến để xin tiền tuất hoặc xin cho con được trợ cấp bằng tiền của nhà nước. Có mặt ở đây vị công tước phá sản người Grudia, mặc bộ đồng phục lộng lẫy của dân tộc mình, ông ta đang chạy vạy xin cho mình được quản lý giáo khu.

Ngoài ra còn có viên cảnh sát trưởng cắp một cuộn giấy to trong để bản dự thảo về cách thức mới nhằm chinh phục vùng Kápkadơ và một khan[21] tới chỉ để có thể về nhà kể rằng mình đã đến chỗ công tước.

Mọi người chờ đợi để được viên sĩ quan tuỳ

tùng, một thanh niên đẹp trai tóc vàng, dẫn họ lần lượt vào phòng của công tước.

Khi Khátgi-Murát, chân hơi bị thọt, nhanh nhẹn bước vào phòng tiếp khách, mọi cặp mắt đổ dồn vào ông và ông nghe thấy tiếng thì thào nhắc đến tên mình từ mọi phía.

Khátgi-Murát mặc áo tse-ke-xka trắng dài phủ ngoài áo be-smét màu nâu có đính lon bạc mảnh dẻ trên cổ áo. Chân ông quấn xà cạp đen và đi đôi giày mòn không đế bó sát lấy chân, cũng màu đen, đầu tóc cắt ngắn, đội mũ lông cao kèm khăn xếp, chính vì chiếc khăn này, do sự mật báo của Akhmét-Khan, ông đã bị tướng Kliughenau bắt và nó cũng là nguyên nhân khiến ông chạy sang phía Samin.Khátgi-Murát đi, bước nhanh trên sàn phòng tiếp khách, đung đưa toàn bộ vóc người mảnh dẻ của mình, vì ông hơi bị thọt, chân này ngắn hơn chân kia một tí. Cặp mắt ông mở to, bình thản nhìn về phía trước và hình như không trông thấy ai.

Sau khi chào hỏi, viên sĩ quan tuỳ tùng đẹp trai mời Khátgi-Murát ngồi, trong khi anh ta vào báo cáo công tước.Nhưng Khátgi-Murát từ chối không ngồi và dừng bước, đặt tay lên dao găm, choãi chân, tiếp tục đứng, khinh khỉnh đưa mắt nhìn những người có mặt.

Người phiên dịch, công tước Tarkhanốp bước lại gần Khátgi-Murát và nói chuyện với ông. Khátgi-Murát miễn cưỡng trả lời nhát ngừng. Một vị công tước xứ Kumứk [22] bước ra khỏi phòng làm việc, ông đến để khiếu nại về viên cảnh sát trưởng. Viên sĩ quan tuỳ tùng đi ra sau ông, gọi Khátgi-Murát, dẫn ông tới cửa phòng làm việc và để ông vào.

Vôrôntxốp đứng ở đầu bàn tiếp Khátgi-Murát. Khuôn mặt già lão trắng trẻo của vị tổng tư lệnh không tươi cười như chiều qua mà có vẻ nghiêm nghị và trang trọng.

Bước vào căn phòng lớn có cái bàn to và những cửa sổ rộng với cửa chớp màu xanh lá cây, Khatgi-Murát chắp đôi bàn tay nhỏ nhắn rám nắng của mình lên ngực, nơi hai vạt áo tser-ke-xke trắng bắt chéo nhau, đoạn thong thả, rành rọt và kính cẩn cụp mắt xuống nói bằng tiếng Kumứk mà ông rất thành thạo:

- Tôi xin quy thuận, đặt mình dưới sự bảo trợ của Sa hoàng vĩ đại và của ngài. Tôi xin hứa sẽ trung thành phụng sự Sa hoàng da trắng đến giọt máu cuối cùng và tôi cũng hy vọng sẽ là người hữu ích trong cuộc chiến tranh với Samin, kẻ thù của tôi và của các ngài.

Sau khi nghe người phiên dịch nói, Vôrôn-

txốp nhìn Khátgi-Murát và Khatgi-Murát nhìn Vôrôntxốp.

Mắt của hai con người đó gặp nhau, nói với nhau nhiều điều không diễn tả được bằng lời, và hoàn toàn phải là điều mà người phiên dịch truyền đạt. Không cần dùng lời, họ trực tiếp nói với nhau tất cả sự thật: cặp mắt Vôrôntxốp nói rằng ông không tin một lời nào trong tất cả những lời Khátgi-Murát đã nói, rằng ông biết hắn là kẻ thù của tất cả người Nga, mãi mãi là kẻ thú và giờ đây hắn chịu khất phục chẳng qua chỉ vì tình thế bắt buộc. Và Khátgi-Murát hiểu điều đó, nhưng dẫu sao vẫn cứ làm cho người ta tin vào sự trung thành của mình. Cặp mắt của Khátgi-Murát nói rằng nhẽ ra lão này phải nghĩ tới cái chết, chứ không phải nghĩ tới chiến tranh, nhưng tuy đã già, lão là người ranh mãnh và phải thận trọng đối với lão. Vôrôntxốp hiểu rõ điều đó, nhưng vẫn cứ nói với Khátgi-Murát rằng ông coi ông ta là người hữu ích đối với thành công của cuộc chiến.

- Hãy bảo ông ta rằng, - Vôrôntxốp nói với người phiên dịch, - hoàng đế của chúng ta là đấng nhân từ, cũng như đầy uy lực và có lẽ theo lời thỉnh cầu của tôi, Người sẽ tha thứ cho ông ta và cho phép ông ta được phụng sự Người. Anh đã dịch xong chưa? - ông hỏi, đưa mắt nhìn Khátgi-Murát.

- Hãy nói với ông ta rằng cho tới khi ta nhận được quyết định nhân từ của hoàng thượng, ta sẽ tiếp nhận ông ta ở đây và làm cho thời gian ông ta lưu lại chỗ chúng ta được dễ chịu.

Khátgi-Murát lại một lần nữa chắp tay lên giữa ngực và bắt đầu nói gì đó một cách sôi nổi.

Như người phiên dịch truyền đạt lại, ông ta nói rằng trước đây, khi ông ta cai quản vùng Avaria vào năm 1839, lẽ ra ông đã phải trung thành phục vụ người Nga và không bao giờ phản bội họ, nếu như không có kẻ thù của ông ta là Akhmét-Khan, kẻ thù vu khống ông trước mặt tướng Kliughenau vì muốn hãm hại ông.

- Tôi biết, tôi biết, - Vôrôntxôp nói (tuy rằng nếu như ông có biết thì ông đã quên điều đó từ lâu rồi). - Tôi biết, - nói đoạn, ông ngồi xuống và chỉ cho cho Khátgi-Murát ngồi. Khátgi-Murát không ngồi, mà nhún đôi vai lực lưỡng của mình tỏ ý không dám ngồi trước mặt một nhân vật quan trọng như vậy.

- Cả Akhmét-Khan và Samin, hai người đó là kẻ thù của tôi, - Khátgi-Murát hướng về phía người phiên dịch nói tiếp. - Anh hãy nói với công tước rằng Akhmét-Khan đã chết, tôi không thể báo thù y được, nhưng Samin hãy còn sống và tôi chưa thể chết được, khi chưa thanh toán xong

với y, - Khátgi-Murát vừa nói vừa nhíu mày và nhíu chặt quai hàm.

- Phải, phải, - Vôrôntxốp bình thản thốt lên. - Ông ta muốn thanh toán với Samin bằng cách nào? - ông nói với người phiên dịch. - Và bảo với ông ta rằng ông ta có thể ngồi xuống.

Khátgi-Murát lại từ chối không ngồi, và khi nghe dịch câu hỏi, ông đáp rằng ông quy thuận người Nga nhằm giúp họ tiêu diệt Samin.

- Tốt lắm, tốt lắm, - Vôrôntxốp nói. - Cụ thể là ông ta muốn gì nào? Ngồi xuống, ngồi xuống đi...

Khátgi-Murát ngồi xuống và nói rằng chỉ cần cử ông ta tới tuyến Ledoghin [(23)], và trao cho ông một đạo quân, ông đảm bảo sẽ phát động cả vùng Đaghextan nổi dậy và Samin sẽ không thể nào chống cự được.

- Hay đấy. Điều đó có thể được, - Vôrônxtốp nói. - Tôi sẽ suy nghĩ.

Người phiên dịch dịch lời của Vôrôntxốp cho Khátgi-Murát, Khátgi-Murát trầm ngâm suy nghĩ, rồi nói thêm:

- Anh hãy nói với đức ông rằng gia đình tôi nằm trong tay kẻ thù của tôi; và chừng nào gia đình tôi còn ở trên núi, tôi bị trói chân trói tay và không thể phụng sự được. Kẻ thù sẽ giết vợ

tôi, giết mẹ tôi, giết các con tôi, nếu như tôi trực tiếp đi đánh y. Chỉ cần công tước cứu giúp gia đình tôi, lúc đó tôi sẽ xin hoặc là chết hoặc là diệt được Samin.

- Tốt lắm, tốt lắm, - Vôrôntxốp nói. - Chúng tôi sẽ suy nghĩ về điều đó. Bây giờ hãy để ông ta đến gặp tham mưu trưởng để trình bày chi tiết với ông ấy về tình hình của mình, ý định và nguyện vọng của mình.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Khátgi-Murát và Vôrôntxốp chấm dứt ở đó.

Ngay buổi tối hôm đó, tại rạp hát mới được xây dựng theo kiểu phương Đông, diễn vở ca kịch của Ý. Vôrôntxốp ngồi trong lô của mình và dáng người dễ nhận ra của Khátgi-Murát thọt chân, đội khăn, xuất hiện ở tầng dưới. Ông đi cùng với Lôrít-Melikốp, sĩ quan tuỳ tùng của Vôrôntxốp được giao trách nhiệm kèm sát ông và ông ngồi ở hàng ghế đầu. Với vẻ trang nghiêm của người Hồi giáo phương Đông, chẳng những ông tỏ vẻ ngạc nhiên mà còn lộ vẻ thờ ơ, ngồi xem hết hồi một, Khátgi-Murát đứng dậy bình thản, đưa mắt nhìn khán giả, và bỏ ra ngoài khiến tất cả khán giả dồn mắt nhìn ông.

Hôm sau là ngày thứ hai, buổi tiếp tân ở nhà Vôrôntxốp diễn ra theo lệ thường. Dàn nhạc ẩn

trong vườn cây mùa đông tấu lên, tiếng nhạc vọng vào căn phòng lớn sáng choang. Các bà trẻ trung và cả những bà không còn trẻ trung nữa đều ăn vận quần áo để hở cả cổ, cánh tay và cả bộ ngực nữa, các bà xoay tròn trong vòng tay của những người đàn ông mặc sắc phục rực rỡ. Cạnh quầy thức ăn nguội, đám giai nhân mặc áo đuôi tôm màu đỏ, chân đi tất và giầy, rót rượu sâm-banh và mang mứt kẹo tới cho các vị phu nhân. Tuy chẳng còn trẻ trung gì, bà vợ "đức ông " cũng ăn mặc khá hở hang đi lại giữa khách khứa. Tiếp sau bà chủ nhà, những người đàn bà khác ăn mặc hở hang cũng bước lại gần Khátgi-Murát và tất cả bọn họ không hề e thẹn đứng trước mặt ông ta, mỉm cười và hỏi đi hỏi lại mãi một chuyện: ông có thấy những điều ông thấy ở đây hay không. Bản thân Vôrôntxốp mặc quân phục có đeo dây tua và lon mạ vàng, chiếc huân chương chữ thập màu trắng có dải băng đeo trên cổ, bước lại gần Khátgi-Murát và cũng hỏi ông ta điều ấy, rõ ràng là cũng như mọi người khác, ông tin chắc rằng Khátgi-Murát không thể không vui thích về những cái ông ta đã được thấy. Khátgi-Murát trả lời Vôrôntxốp như ông đã trả lời rằng: ở quê ông ta có thứ này, chứ không nói rõ cái thứ ở quê hương ông không có đó hay hay dở.

Khátgi-Murát đã thử lên tiếng nói với Vôrôntxốp ở đây, ngay tại vũ hội này, về việc chuộc

gia đình mình, nhưng Vôrôntxốp làm ra vẻ như ông không nghe thấy những lời ông nói và rời khỏi ông. Sau đó Lôrít- Melikốp bảo với Khátgi-Murát rằng đây không phải là chỗ để bàn công việc. Khi đồng hồ điểm mười một tiếng, Khátgi-Murát so giờ với chiếc đồng hồ do Maria Vaxiliépna tặng ông, rồi hỏi Lôrít-Melikốp xem có thể ra về được chưa. Lôrít-Melikốp nói rằng có thể về được, nhưng tốt hơn là nên ở lại. Mặc dầu vậy, Khátgi-Murát không ở lại và lên chiếc xe ngựa người ta trao cho ông sử dụng, trở về căn nhà dành riêng cho ông.

XI

Khátgi-Murát lưu trú ở Tiphlít tới ngày thứ năm, thì quan toàn quyền phái sĩ quan tùy tùng của mình là Lôrít-Melikốp tới gặp ông.

- Cả cái đầu lẫn chân tay tôi đều vui mừng được phụng sự đức ông, - Khátgi-Murát nói với lối ngoại giao quen thuộc của mình, cúi đầu và chắp tay lên ngực - Xin cứ ra lệnh - ông nói, trìu mến nhìn vào mắt Lôrít-Melikốp.

Lôrít-Melikốp ngồi trên chiếc ghế bành kê ở cạnh bàn, Khátgi-Murát buông mình xuống chiếc tràng kỷ thấp đối diện với anh và tì tay trên đầu gối, cúi đầu chăm chú lắng nghe anh nói. Lôrít-

Melikốp nói thạo tiếng Tatarơ, anh nói: tuy biết rõ quá khứ của Khátgi-Murát, công tước vẫn muốn được biết toàn bộ tiểu sử của ông do chính ông kể.

- Ông hãy kể cho tôi nghe, - Lôrít-Melikốp nói, - tôi ghi lại sau đó dịch sang tiếng Nga và công tước sẽ gửi sang hoàng thượng.

Khátgi-Murát im lặng (chẳng những ông không bao giờ ngắt lời mà còn luôn luôn chờ đợi xem người đối thoại với mình còn nói gì nữa không), sau đó ngẩng đầu lên, hất chiếc mũ lông cáo ra sau gáy, mỉm cười nụ cười ngây thơ đặc biệt đã khiến cho cả Maria-Vaxilíepna cũng say mê.

- Được, - ông nói, rõ ràng lấy làm mãn nguyện khi nghĩ rằng tiểu sử của mình sẽ được hoàng thượng đọc.

- Ông hãy thong thả kể cho tôi nghe tất cả từ đầu, - Lôrít-Melikốp nói, rút từ túi ra quyển sổ tay.

- Được, chỉ có điều là rất nhiều chuyện, nhiều lắm, có thể đem ra kể. Rất nhiều chuyện, - Khátgi-Murát nói.

- Một ngày không kịp thì hôm sau ông kể tiếp, - Lôrít-Melikốp nói.

- Bắt đầu từ đầu à?

- Phải, từ đầu: ông sinh ở đâu, sống ở đâu.

Khátgi-Murát cúi đầu xuống và ngồi yên như

thế hồi lâu, sau đó ông với lấy chiếc gậy nằm cạnh tràng kỷ, cậy lưỡi dao díp bằng thép sắc như lưỡi con dao cạo dưới con dâo găm có cán bằng ngà voi nạm vàng và bắt đầu dùng dao díp gọt chiếc gậy, đồng thời kể chuyện:

- Anh ghi đi: Tôi sinh ở Txenmets, một bản nhỏ bằng cái đầu lừa, như người ta thường nói ở miền núi chúng tôi.Các khan sống ở Khun-dakhơ[24] không xa chỗ chúng tôi lắm, cách độ hai tầm súng. Gia đình tôi vốn gần gũi các khan. Mẹ tôi cho khan trưởng là Abununtxan-khan bú mớm, vì thế tôi bắt đầu gần gũi các khan. Có ba khan: Abununtxan-Khan, người anh em cùng bú sữa mẹ với anh Ôxman của tôi, Umma-Khan, anh em kết nghĩa với tôi và Bulát-Khan, người em út mà Samin đã quẳng xuống vực sâu. Nhưng đó là chuyện về sau. Năm tôi mười lăm tuổi các vệ sĩ bắt đầu đi tới các bản. Họ dùng kiếm gỗ chém lên đá và thét: "Hỡi bà con Hồi giáo, kha-da-vát! [25]".Mọi người Tsétsen đều chuyển sang phía các vệ sĩ và người Avarơ cũng bắt đầu chạy sang phía họ. Lúc ấy tôi sống trong cung điện. Tôi được xem như anh em của các khan: tôi muốn gì được nấy và trở nên giàu có. Tôi có cả ngựa lẫn vũ khí và có tiền. Tôi sống phong lưu và chẳng phải nghĩ ngợi gì. Tôi sống cứ như thế cho tới khi người ta giết Kadi-

Mulla và Gamdát[26] thay thế ông. Gamdát cho sứ giả đến báo với các khan rằng nếu như họ không nhận tham gia Kha-da-vat, ông ta sẽ phá tan tành Khundakhơ. Phải suy nghĩ về chuyện này. Các khan sợ người Nga, sợ tham gia Ka-da-vát và mẹ của các khan đã cử tôi với người con trai thứ là Umma- Khan đến tiphlít xin quan tư lệnh Nga ở đó giúp đỡ để chống Gamdát. Lúc ấy nam tước Rôden là tư lệnh ở Tiphlit. Ông không tiếp cả tôi lẫn Umma-Khan. Ông sai người nói với tôi rằng ông sẽ giúp đỡ, nhưng ông chẳng làm gì cả. Chỉ có các sĩ quan của ông lui tới chỗ chúng tôi chơi bài với Umman- Khan. Họ chuốc rượu vang cho Umman-Khan và đưa anh ta tới những nơi ăn chơi, anh đã chơi bài và thua họ hết số tiền mình có. Vóc người anh mạnh như bò mộng, dũng cảm như sư tử, nhưng tâm hồn anh yếu lắm. Có lẽ anh đã thua bạc hết cả vũ khí và con ngựa cuối cùng, nếu như tôi không đưa anh ra khỏi chỗ đó. Sau khi ở Tiphlít về, tư tưởng tôi thay đổi, tôi bắt đầu khuyên nhủ bà mẹ và các khan trẻ tuổi chấp nhận Kha-da-vát.

- Tại sao tư tưởng của ông lại thay đổi? - Lò-rít-Me-likốp hỏi, - ông không ưa người Nga à?

Khátgi-Murát lặng thinh.

- Không, không ưa, - ông nói dứt khoát và nhắm

mắt lại. - Với lại còn có một lý do nữa khiến tôi muốn tham gia kha-da-vát.

- Lý do gì vậy?

- Ở Txenmét, tôi với khan đã va chạm với ba vệ sĩ: hai người bỏ chạy, còn lại người thứ ba bị tôi giết bằng súng lục. Khi tôi bước lại gần để tước vũ khí, anh ta vẫn còn sống anh ta nhìn tôi và nói: "Thế là anh giết tôi. Tôi sung sướng. Còn anh là một tín đồ Hồi giáo vừa trẻ vừa khoẻ, anh hãy nhận tham gia Kha-da-vát. Đức thánh phán truyền như vậy".

- Thế là anh nhận tham gia?

- Không tham gia, nhưng tôi bắt đầu suy nghĩ, - Khátgi-Murát nói và tiếp tục câu chuyện của mình. - Khi Gamdát tiến tới gần Khundakhơ, chúng tôi cử các bô lão đến gặp ông và nói rằng chúng tôi chấp nhận tham gia kha-da-vát miễn là ông cử một nhà thông thái đến giảng giải cho chúng tôi xem phải tiến hành Kha-da-vát như thế nào. Gamdát đã ra lệnh cạo ria của các ông già, chọc thủng lỗ mũi, xỏ dây đeo bánh dẹt lên mũi họ, rồi gửi họ về. Các bô lão nói rằng Gam-dát sẵn sàng cử một giáo sĩ tới để dạy cho chúng tôi tiến hành Kha-da-vát, chỉ cần mẹ các khan gửi người con trai út của mình tới chỗ ông ta làm con tin. Mẹ các khan cả tin và đã cử Bulát-Khan

tới chỗ Gamdát. Gamdát đã tiếp đón Bulát-Khan chu đáo và sai người đến chỗ chúng tôi triệu cả hai người anh. Ông đã sai sứ giả nói rằng ông muốn phục vụ các khan cũng như bố ông đã từng phục vụ bố các khan. Mẹ các khan là một người đàn bà yếu đuối, ngốc nghếch và táo tợn giống như mọi người đàn bà, khi họ sống theo ý thích của mình. Bà sợ gửi cả hai con trai đi và chỉ cử một mình Umman-Khan. Tôi đi cùng với anh. Các vệ sĩ đi xa tới hơn một véc-xta để đón chúng tôi, họ ca hát, bắn súng và diễu võ dương oai xung quanh chúng tôi. Khi chúng tôi phóng ngựa tới nơi, Gamdát bước ra khỏi lều lại gần bàn đạp của Umma-Khan và đón tiếp anh như đón tiếp một vị khan. Ông nói:" Tôi đã không làm điều gì xấu đối với nhà anh và tôi không muốn làm thế. Chỉ có điều anh đừng đanh tôi và đừng ngăn cản tôi dẫn dắt mọi người tham gia Kha-da-vát. Còn tôi sẽ phụng sự anh với toàn bộ đạo quân của tôi như cha tôi đã phụng sự cha anh. Hãy để tôi vào sống ở nhà anh. Tôi sẽ khuyên nhủ giúp đỡ anh và các anh muốn làm gì thì làm". Umman-Khan ứng đối chậm chạp rằng nếu thế thì Gamdát cứ tới Khundakhơ, bà mẹ các khan và khan sẽ đón tiếp ông một cách trọng thể. Nhưng người ta đã không để cho tôi nói hết, và ở đây lần đầu tiên tôi va chạm với Samin. Ông ta cũng

co mặt ở đó, đứng đằng sau vị giáo trưởng." Người ta không hỏi anh, mà hỏi khan", - ông ta bảo tôi. Tôi im lặng và Gamdát dẫn Umma-Khan vào trong lều. Sau đó Gamdát gọi tôi tới và ra lệnh đi cùng với các sứ giả của ông về Khundakhơ. Tôi ra đi. Các sứ giả bắt đầu khuyên nhủ các mẹ khan cho cả khan trưởng tới chỗ Gam-dát. Tôi đã nhìn thấy sự phản bội và nói với mẹ các khan để bà đừng cử con trưởng đi. Nhưng đầu óc đàn bà chẳng qua chỉ như cơi trầu đầy. Mẹ các khan tin theo và sai con trưởng đi. Lúc ấy bà nói: "chắc là mày sợ". Giống như con ong, bà biết nên châm vào chỗ nào khiến anh đau nhất. Abununxtan bừng bừng tức giận, không nói thêm gì với bà nữa và sai đóng yên cương vào ngựa tới doanh trại, Gamdát dẫn anh vào trong lều. Còn tôi đứng lại giữ ngựa. Tôi đang ở dưới chân núi, thì nghe thấy trong lều của Gamdát có tiếng súng bắn. Tôi chạy lại gần lều. Umman-Khan nằm sấp mặt trong vũng máu còn Abunutxan đang đánh nhau với các vệ sĩ. Một nửa mặt anh đã bị chém đứt treo lủng lẳng. Một tay anh ôm mặt, tay kia dùng đoản kiếm chém những kẻ lại gần anh. Ngay trước mặt tôi, anh đã chém xả người anh em của Gamdát và toan xông vào đánh một tên khác, nhưng lúc đó bọn vệ sĩ bắn trúng anh và anh đã gục ngã.

Khátgi-Murát dừng lại, khuôn mặt rám nắng của ông đỏ bừng lên và mắt ông vằn tia máu.

- Tôi khiếp sợ và bỏ chạy.

- Thế à? - Lorít-Melikốp nói. - Tôi cứ nghĩ rằng ông chẳng bao giờ sợ cái gì cả.

- Sau đó thì chẳng bao giờ tôi sợ. Từ đó tôi luôn nhớ tới mối nhục này và khi nhớ tới nó tôi chẳng sợ gì cả.

XII

- Bây giờ kể đến đây là đủ. Tôi còn phải cầu nguyện, - Khátgi-Murát nói, rút từ túi ngực bên trong áo tser-ke-xka chiếc đồng hồ của Vôrôntxốp, thận trọng ấn lò-xo nhỏ và nghiêng đầu lắng nghe, miệng cố ghìm một nụ cười thơ ngây. Đồng hồ điểm mười hai giờ mười lăm.

- Ku-nát Vôrôntxốp *pes-kes* (*), - ông mỉm cười nói. - Người tốt lắm.

- Phải, tốt, - Lôrít-Melikốp nói. - Và đồng hồ cũng tốt. Ông cứ cầu nguyện đi, tôi đợi.

- Được, - Khátgi-Murát nói và đi vào phòng ngủ.

Còn lại một mình, Lôrít-Melikốp ghi vào sổ tay của mình những nét chính trong câu chuyện Khátgi-Murát kể cho anh nghe, sau đó cuốn điếu

---

* *Pes-kes* : quà tặng (tiếng Tuyếc).

thuốc lá và bắt đầu đi bộ trong phòng. Tới cửa ra vào, đối diện với cửa phòng ngủ, Lôrít-Melikốp nghe thấy nhiều giọng nói sôi nổi bằng tiếng Tatarơ liến thoắng. Đoán rằng đây là các vệ sĩ của Khátgi-Murát, anh mở cửa bước vào chỗ họ.

Trong phòng phảng phất mùi da chua đặc biệt., thường thấy ở những người miền núi. Gamdalô chột mắt, tóc hung, mặc chiếc áo be-smét rách rưới, dính đầy dầu mỡ, ngồi trên chiếc áo bur-ka rải trên sàn cạnh cửa sổ, buộc bộ yên cương ngựa nhỏ. Hắn đang nói gì đó một cách sôi nổi bằng giọng khàn khàn của mình, nhưng khi thấy Lôrít-Melikốp vào hắn im bặt ngay và không chú ý tới anh, tiếp tục công việc của mình. Khan-Magôma đứng đối diện với hắn, nhe hàm răng trắng cặp mắt đen không có lông mi, lấp lánh, lặp đi lặp lại mỗi một câu. Anh chàng Endar đẹp trai xắn tay áo để lộ những bắp tay mập mạp lau đai bụng của bộ yên cương treo trên chiếc đinh. Khanephi, người lo liệu chính mọi công việc quản lý tài sản, không có mặt ở trong phòng. Hắn đang nấu ăn trong bếp.

- Các anh tranh luận về cái gì thế? - Lôrít-Melikốp hỏi Khan-Magôma, sau khi chào hắn.

- Hắn vẫn cứ ca ngợi Samin, - Khan Magôma nói, chia tay cho Lôrít-Melikốp. - Hắn bảo Samin

là con người vĩ đại. Vừa là nnà thông thái, vừa là vị thánh, lại vừa là một tráng sĩ.

- Tại sao hắn đã bỏ ông ta mà đi, lại còn cứ ca ngợi.

- Đã bỏ đi, mà lại ca ngợi, - Khan-Magôma thốt lên, nhe răng, mắt long lanh.

- Thế anh cũng coi ông ta là vị thánh nữa cơ à? - Lôrít-Melikốp hỏi.

- Nếu không phải là vị thánh, thì dân chúng đã chẳng nghe theo ông ta,- Gamdalô nói nhanh.

- Không phải Samin, mà Manxurơ mới là thánh, - KhanMagòma nói. - Đó là một vị thánh thật sự. Khi ông là giáo trưởng, toàn thể dân chúng khác cơ.

Ông đi ngựa tới các bản, dân chúng ra đón ông, hôn tà áo tser-ke-xka của ông, hối lỗi và thề không làm điều xấu. Các cụ bảo: lúc ấy mọi người sống như các vị thánh, không hút thuốc, không uống rượu, và không bỏ qua buổi nguyện nào, tha thứ cho nhau những sự xúc phạm, thậm chí tha cả cho nhau những món nợ máu. Lúc đó, hễ bắt được tiền và đồ vật, người ta buộc chúng vào đầu sào và cắm ở giữa đường. Lúc đấy đức thánh cho dân chúng được phồn thịnh mọi mặt, chứ không như bây giờ.

Bây giờ ở trên núi người ta cũng không uống rượu và không hút thuốc, - Gamdalô nói.

- Samin của cậu là la-mô-roi - Khan-Magôma nói, nháy nháy mắt với Lôrít-Melikốp.

"La-mô-roi" là tên gọi những người miền núi một cách khinh bỉ.

- La-mô-roi nghĩa là người dân miền núi. Trên núi có phượng hoàng, - Gamdalô đáp.

- Tay cừ thật! đối đáp sắc sảo ghê, - Khan-Magôma nhe răng nói, vui thích về cách ứng đối nhanh nhẹn của đối thủ của mình.

Trông thấy hộp thuốc lá bằng bạc ở trong tay Lôrít-melikốp, hắn hỏi xin thuốc để hút. Khi Lôrít-Melikốp nói rằng bọn hắn bị cấm không được hút, hắn nháy con mắt độc nhất, hất đầu về phía phòng ngủ của Khátgi-Murát và nói rằng nếu không bị ai trông thấy thì có thể hút được. Rồi hắn bắt đầu hút ngay, không rít và vụng về chúm cặp môi đỏ của mình khi nhả khói ra...

- Làm thế không tốt, - Gamdalô nghiêm khắc nói, rồi đi ra khỏi phòng. Khan-Magôma nháy mắt về phía Gamdalô và vừa hút thuốc vừa xoay sang hỏi Lôrít-Melikốp xem mua áo be-smét với mũ lông cao màu trắng ở đâu tốt hơn.

- Anh có nhiều tiền thế cơ à?

- Có, đủ dùng, -KhanMagôma nháy mắt đáp.

- Anh hãy hỏi hắn xem hắn lấy đâu ra tiền, - Enđar nói, vẻ mặt đẹp đẹp tươi cười, quay nhìn Lôrít-Melikốp.

- Tôi được bạc, - Khan-Magôma nói nhanh, hắn kể lại rằng chiều qua khi đi dạo ở Tiphlít, hắn thấy một đám người gồm những anh linh cần vụ, người Nga và những người Ácmênia đang chơi "sấp ngửa" [27]. Tiền đặt cửa lớn lắm: ba rúp vàng và nhiều đồng bằng bạc. Khan-Magôma hiểu ngay họ đang chơi gì và khua mớ tiền đồng loèng xoèng ở trong túi áo mình, hắn bước vào cuộc và nói rằng hắn chấp nhận tất cả.

- Sao lại chấp nhận tất cả? lẽ nào anh có nhiều tiền đến thế? - Lôrít- Melikốp hỏi.

- Tôi chỉ có cả thảy mười hai kô-pếch, - Khan-Magôma nhe răng nói.

- Thế ngộ nhỡ anh thua thì sao?

- Thì đây?

Và Khan-Magôma chỉ khẩu súng lục.

- Anh sẽ đưa súng lục cho họ chắc?

- Đưa để làm gì? Tôi đã bỏ chạy và nếu ai ngăn cản, tôi sẽ giết chết. Thế là xong.

- Nhưng mà anh được chứ gì?

- Vâng, tôi vơ tất cả và bỏ đi.

Lôrít-Melikốp hiểu đầy đủ về Khan-Magôma và Enđar. Khan-Magôma là một tay vui nhộn, ưa chè chén, dạt dào sức sống, lúc nào cũng vui vẻ, nông nổi, đùa giỡn với vận mệnh của mình cũng như của người khác, vì trò đùa giỡn mà giờ đây hắn quy thuận người Nga cũng y như ngày mai, với trò đùa ấy hắn có thể quay về với Samin. Enđar cũng là một người rất dễ hiểu: đó là một con người rất mực trung thành với thủ lĩnh, bình tĩnh khỏe mạnh và cương quyết. Chỉ có Gamdalô tóc hung là khó hiểu đối với Lôrít-Melikốp. Anh thấy con người này chẳng những chỉ trung thành với Lôrıt-Melikốp. Anh thấy con người này chẳng những chỉ trung thành với Sa-min, mà còn nuôi lòng khinh bỉ, kinh tởm và căm thù không cưỡng được đối với mọi cái gì dính tới người Nga. Bởi thế Lôrít-Melikốp không thể hiểu được vì sao hắn lại quy thuận quân Nga. Lôrít-Melikốp này ra ý nghĩa - ý nghĩ này được cả một vài vị cấp trên tán thành, - cho rằng việc quy thuận của Khátgi-Murát cũng như câu chuyện của ông ta về sự thù địch với Samin là trò bịp bợm, y ra quy thuận chỉ để dò xét những những chỗ yếu của quân Nga, rồi lại chạy về núi, điều lực lượng đến những điểm yếu ấy. Toàn bộ con người Gamdalô khẳng định giả thiết này: "Bọn chúng và ngay cả bản thân Khátgi-Murát biết che giấu ý định của mình, - Lôrít-Melikốp

nghĩ,- nhưng Gamdalô để lộ mình do lòng căm thù không che giấu được của hắn".

Lôrít-Melikốp định thử nói chuyện với hắn ta. Anh hỏi hắn ở đây có chán không. Nhưng không rời bỏ công việc, Hắn liếc con mắt độc nhất của mình nhìn Lôrít-Melikốp, làu bàu nhát ngừng bằng giọng khàn khàn:

- Không, không chán.

Đối với mọi câu hỏi khác, hắn cũng trả lời như vậy.

Lúc Lôrít-Melikốp còn ở trong phòng các giai nhân, thì vệ sĩ thứ tư của Khátgi-Murát là Khanephi người Avarơ, mặt và cổ đầy lông lá, ngực nở, bước vào. Đó là một người làm công khỏe mạnh, không suy tính, bao giờ cũng say mê công việc, phục tùng ông chủ của mình, không suy xét gì cả, giống như Enđar.

Khi Khanephi bước vào phòng, lấy gạo, Lôrít-Melikốp chặn hắn lại và hỏi hắn từ đâu tới, ở chỗ Khátgi-Murát đã lâu chưa?

- Năm năm, - Khanephi đáp. - Tôi là người cùng bản với ông ấy. Bố tôi giết bác ông ấy, nên họ muốn giết tôi, - Hắn nói, cặp mắt dưới bộ lông mày chổi sể nhìn thẳng vào mặt Lôrít-Melikốp. - Lúc đó tôi xin ông ta nhận tôi làm anh em.

- Nhận làm anh em có nghĩa là thế nào?

- Hai tháng liền tôi không cắt tóc, không cắt móng tay và tìm đến chỗ ông. Họ để cho tôi tới gặp Patimát, mẹ của ông, Patimát cho tôi bú và thế là tôi thành anh em của ông.

Giọng nói của Khátgi-Murát vang lên ở phòng bên, Enđar nhận ngay ra tiếng gọi của chủ, hắn lau tay, sải bước đi nhanh vào phòng khách.

- Ngài gọi anh, - hắn nói khi quay trở lại.

Sau khi cho anh chàng Khan-Magoma vui tính thuốc lá một lần nữa, Lôrít-Melikốp bước vào phòng khách.

XIII

Khi Lôrít-Melikốp bước vào phòng khách, Khátgi-Murát tiếp anh với bộ mặt vui vẻ:

- Thế nào, tiếp tục chứ ? - ông ngồi xuống tràng kỷ nói.

- Vâng, tất nhiên, - Lôrít-Melikốp nói. - Tôi vừa ghé vào chỗ đám tuỳ tùng của ông, nói chuyện với họ. Có một anh vui tính lắm.

- A, Khan-Magôma, hắn là người nhẹ miệng lắm đấy, - Khátgi-Murat nói.

- Tôi ưa thích anh chàng đẹp trai trẻ tuổi.

- À Enđar. Hắn tuy trẻ, nhưng kiên quyết và đanh thép lắm.

Họ im lặng.

- Nói tiếp nhé?

- Vâng, vâng.

- Tôi đã nói rằng họ đã giết mất các khan. Giết các khan xong Gamdát đến Khundakhơ và ở trong lâu đài của khan, - Khatgi-Murát bắt đầu kể. - Còn lại bà mẹ của các khan, Gamdát gọi bà tới. Bà bắt đầu trách mắng ông ta. Ông ta nháy mắt cho vệ sĩ của mình là Axenđer và tên náy chém từ sau lưng, giết chết bà.

- Tại sao ông lại giết bà ấy? - Lôrít-Melikốp hỏi.

- Làm thế nào được: đã đâm lao thì phải theo lao. Phải triệt cả nòi giống. Họ đã làm như vậy. Samin đã giết người con trai út của bà, rồi ném xuống vực. Toàn bộ vùng Avaria khuất phục Gamdát, chỉ có tôi với anh tôi không chịu khuất phục. Chúng tôi phải trả món nợ cho các khan. Chúng tôi làm ra bộ khuất phục, nhưng chỉ nghĩ cách làm sao lấy đầu ông ta. Chúng tôi bàn với ông và quyết định chờ khi nào Gamdát ra khỏi lâu đài sẽ mai phục giết chết ông ta. Có người nghe lỏm được chúng tôi, nói với Gamdát, Gamdát bèn

gọi ông tôi tới và bảo: "Coi chừng đấy, nếu quả thực các cháu ngươi nghĩ chuyện xấu xa để chống lại ta, ta sẽ treo ngươi với lũ chúng cùng trên một giá treo cổ. Ta làm việc thần thánh, không thể ngăn cản ta được. Đi đi và hãy nhớ lấy lời ta nói". Ông tôi về nhà và nói cho chúng tôi biết. Lúc đó chúng tôi quyết định không chờ đợi nữa, tiến hành công việc ngay trong ngày lễ ở giáo đường. Bạn bè khước từ, còn lại có anh tôi và tôi. Chúng tôi lấy mỗi người hai súng lục, mặc áo bur-ka vào và đi đến giáo đường. Gamdát bước vào cùng với ba chục vệ sĩ. Tất cả bọn chúng đều cầm gươm tuốt trần. Đi ngang cạnh Gamdát là Axenđe, vệ sĩ yêu quý của ông ta, chính kẻ đã chặt đầu bà mẹ các khan. Trông thấy chúng tôi, hắn quát bảo chúng tôi cởi áo bur-ka ra và bước lại gần tôi. Tay cầm dao găm, tôi giết chết hắn và xông lại phía Gamdát. Nhưng anh Ôxman đã bắt ông ta. Gamdát hãy còn sống và vung dao găm xông vào anh, nhưng tôi đã đánh một nhát vào đầu làm cho ông ta chết hẳn. Bọn vệ sĩ có ba chục người, chúng tôi có hai. Chúng giết mất anh Ôxman, còn tôi chống cự, rồi nhảy qua cửa sổ trốn đi. Khi được tin Gamdát đã chết, toàn thể dân chúng vùng dậy, các vệ sĩ bỏ chạy, những tên không chạy được đều bị giết chết.

Khátgi-Murát dừng lại và nặng nề lấy lại hơi.

- Tất cả mọi việc đó đều tốt đẹp, - ông nói tiếp, - sau đó mọi việc đâm hỏng. Samin lên thế chân Gamdát. Ông ta cho sứ giả đến bảo tôi cùng với ông ta chống cự lại người Nga, nếu như tôi từ chối, ông ta dọa sẽ phá Khundakhơ và giết chết tôi. Tôi nói rằng tôi không đi với ông ấy và cũng không để ông ấy đến chỗ tôi.

- Tại sao ông không đến chỗ ông ta? - Lôrít-Melikốp hỏi.

Khatgi-Murát chau mày và không trả lời ngay:

- Không thể thế được. Đối với tôi, Samin có món nợ máu, Vì giết anh Oxman và Abununtxan-Khan.Tôi không đến chỗ anh ta. Tướng Rôden phong cho tôi hàm sĩ quan và ra lệnh cử tôi làm chỉ huy xứ Avaria. Mọi việc lẽ ra đã tốt đẹp, nhưng Rôden đã bổ nhiệm thoạt tiên một khan người Kumưk giả hiệu là Magômét-Mirda,sau đó là Akhmét-Khan cai quản xứ Avaria. Ông này căm ghét tôi, ông ta xưa kia hỏi con gái của bà mẹ các khan, cô Xantanét, cho con trai mình. Bà không gả và ông ta nghĩ rằng ông có lỗi trong chuyện này. Ông ta căm ghét tôi và sai người đến giết tôi, nhưng tôi đã bỏ họ ra đi. Lúc đó ông ta nói xấu tôi với tướng Kluighenau rằng tôi không ra lệnh cho người Avarơ cung cấp củi cho binh lính.

Ông ta còn nói rằng tôi quấn chiếc khăn, chiếc khăn này đây, - Khátgi-Murát nói, tay chỉ vào chiếc khăn, - và như thế có nghĩa là tôi đã chạy sang phía Samin. Tướng Kluighenau không tin và không ra lệnh đụng chạm đến tôi. Nhưng khi tướng này đi Tiphlít, Akhmét-Khan đã làm theo ý muốn của mình: ông ta đưa một đại đội lính đến bắt tôi, xiềng tôi lại và cột vào cỗ đại bác. Họ giữ tôi sáu ngày đêm như vậy. Sang ngày thứ bảy họ cởi trói và dẫn tôi tới Temirơ-Khan-Sura. Bốn chục lính súng ống đã nạp đạn đi áp giải. Tay tôi bị trói và có lệnh giết tôi, nếu tôi định chạy trốn. Tôi biết như vậy. Khi sắp đến nơi, tới con đường hẹp ở gần Mốcxôkhơ, phía bên phải có bờ dốc dựng đứng, sâu hàng trăm mét, tôi tách khỏi những người lính, dịch sang phía tay phải, trên bờ dốc. Một người lính định chặn tôi lại nhưng tôi đã nhảy xuống chỗ dốc đứng và kéo theo người lính. Người lính ngã chết, còn tôi thế là vẫn sống. Đầu xương sườn, chân tay, tất cả đều gãy dập. Tôi toan bò đi, nhưng không được. Đầu choáng váng, tôi thiếp đi. Tỉnh dậy, người tôi nhớp máu. Một người chăm sóc gia súc trông thấy tôi. Anh gọi người đến đem tôi về bản. Đầu và xương sườn lên da non, chân cũng khỏi, chỉ hơi thọt.

Và Khátgi-Murát chìa cẳng chân thọt ra.

- Còn dùng được thế là tốt rồi, - ông nói. -

Dân chúng biết tin kéo đến chỗ tôi. Tôi đã bình phục và chuyển về Txen-mét. Người Avarơ lại mời tôi ra cai quản họ, - Khátgi-Murát nói với vẻ nghiêm khắc bình thản, tự tin. - và tôi đã ưng thuận.

Khátgi-Murát đứng nhanh dậy. Ông lấy chiếc cặp ở trong túi đồ, rút từ cặp ra hai lá thư đã ngả màu vàng và trao chúng cho Lôrít-Melikốp, Đó là những bức thư của tướng Kliu-ghenau. Lôrít-Melikốp đọc. Trong bức thư ấy viết:

"Chuẩn uý Khátgi-Murát! Anh đã phục vụ trong quân ngũ của ta. Ta hài lòng về anh và coi anh là một người tốt. Mới đây thiếu tướng Akhmét-Khan báo cho ta biết rằng anh là một kẻ phản bội, anh đã quấn khăn, anh có quan hệ với Samin và anh bảo dân chúng không tuân theo các quan trên người Nga. Ta đã hạ lệnh bắt anh và giải anh về chỗ ta, anh đã bỏ chạy. Ta không rõ điều đó là tốt hay là xấu, vì ta không biết anh có lỗi hay không. Bây giờ anh hãy nghe ta, nếu như lương tâm anh trong sạch trước Sa hoàng vĩ đại, nếu như anh không có lỗi gì cả, anh hãy tới chỗ ta. Anh đừng sợ ai cả - ta là người bảo vệ anh. Khan sẽ không làm gì anh đâu, bản thân ông ta ở dưới quyền ta, vậy anh chẳng có gì phải e sợ cả."

Tiếp đó, Kliughenau viết rằng ông ta bao giờ

cũng giữ lời hứa, trọng công bằng và lại khuyên nhủ Khátgi-Murát đến chỗ ông.

Khi Lôrít-Melikốp đọc xong bức thứ nhất, Khátgi-Murát rút ra bức thư thứ hai, nhưng chưa trao cho anh vội, kể cho anh biết ông đã trả lời bức thư thứ nhất như thế nào.

- Tôi đã viết cho ông rằng tôi đã quấn khăn, nhưng không phải vì Samin mà để cứu vớt linh hồn, tôi không muốn và không thể chạy sang phía Samin, bởi vì qua tay ông ta, bố tôi, các anh tôi và những người bà con của tôi đã bị giết chết, nhưng tôi cũng không thể quy thuận người Nga được vì người ta đã sỉ nhục tôi. Ở Khundakhơ khi tôi bị trói, một tên vô lại đã... đái vào tôi. Và tôi không thể quy thuận các ông, chừng nào con người đó chưa bị giết chết. Cái chính là tôi sợ bị tên bịp bợm Akhmét-Khan. Lúc ấy tướng quân đã gửi cho tôi bức thư này, - Khátgi-Murát nói, trao cho Lôrít-Melikốp tờ giấy đa ngả màu vàng kia.

"Cám ơn anh đã trả lời bức thư của ta, Lôrít-Melikốp đọc. - Anh viết rằng anh không sợ quay trở lại, nhưng sự sỉ nhục do một kẻ dị giáo gây ra cho anh ngăn cản anh làm như vậy, còn anh thì đoán chắc với anh ta rằng pháp luật Nga công bằng, và anh sẽ được thấy kẻ dám xúc phạm anh bị trừng phạt ngay trước mắt anh, - ta đã ra

lệnh điều tra việc này. Hãy nghe ta, Khátgi-Murát. Ta có quyền bất bình với anh, vì anh không tin ta và danh dự của ta, nhưng ta tha thứ cho anh vì biết rõ người miền núi nói chung hay có tính ngờ vực. Nếu như lương tâm anh trong sạch, nếu anh quấn khăn chỉ để cứu vớt linh hồn, thì anh đúng và anh có thể mạnh dạn nhìn thẳng vào mắt ta, cũng như nhà cầm quyền Nga, còn kẻ đã sỉ nhục anh, ta tin chắc rằng, sẽ bị trừng phạt, *tài sản của anh sẽ* được trao trả , *và anh sẽ thấy và sẽ biết thế* nào là luật pháp Nga. Hơn thế, người Nga nhìn mọi chuyện một cách khác, trong con mắt họ anh đã không mất phẩm giá vì bị một tên vô lại nào đó sỉ nhục. Ta sẽ đích thân cho phép những người ở Ghimri được quấn khăn và xem xét cẩn thận hành động của họ; do đó, ta nhắc lại anh không có điều gì phải e sợ cả.

Anh hãy đến chỗ ta cùng với phái viên ta cử đến chỗ anh: người này trung thành với ta, *anh* ta không phải là nô lệ của kẻ thù của anh, *mà là bạn* của người con được chính phủ chú ý ".

Tiếp đó Kliughenau lại khuyên nhủ Khátgi-Murát quy thuận.

- Tôi không tin điều đó, - Khátgi-Murát nói, khi Lôrít-Melikốp đọc xong bức thư, - và tôi đã

không tới chỗ Kliu-ghenau. Cái chính là tôi phải báo thù Akhmét-Khan bao vây Txenmét và muốn bắt hoặc giết tôi. Tôi có quá ít người, tôi không thể đánh lùi ông ta được. Đúng lúc ấy Samin sai người đưa thư đến cho tôi. Ông ta hứa giúp tôi chống trả Akhmét-Khan, giết hắn và cho tôi cai quản vùng Avaria. Tôi suy nghĩ mãi, rồi chạy sang phía Samin. Và từ đó tôi không ngừng đánh nhau với quân Nga.

Đến đây, Khátgi-Murát kể lại tất cả các trận đánh của mình. Số trận đánh đó rất nhiều và Lôrít-Meklikốp cũng đã biết một phần. Tất cả các cuộc hành quân và đột kích của Khátgi-Murát đều khiến người ta sửng sốt vì sự mau lẹ phi thường khi chuyển quân và sự táo bạo khi tấn công, các trận đó bao giờ cũng kết thúc thắng lợi.

- Giữa tôi với Samin không bao giờ có tình bạn cả, - Khátgi-Murát kết thúc câu chuyện của mình, - nhưng ông ta sợ tôi và ông ta cũng lại cần tôi. Nhưng đến đây xảy ra chuyện người ta hỏi tôi ai sẽ là giáo trưởng sau Samin. Tôi nói rằng ai có lưỡi gươm sắc bén, người đó sẽ là giáo trưởng. Người ta mách điều đó với Samin và ông ta muốn đẩy tôi đi. Ông ta cử tôi đến Tabaxran. Tôi ra đi, tôi đã lấy lại được một ngàn con cừu, ba trăm con ngựa. Nhưng ông ta nói rằng tôi làm

không ra gì và bãi chức *na-íp* củ tôi, rồi hạ lệnh cho tôi gửi tất cả số tiền cho ông ta. Tôi gửi cho ông ta một nghìn rúp vàng. Ông ta cử các vệ sĩ của mình đến và tịch thu tất cả tài sản của tôi. Ông ta đòi tôi trình diện; tôi biết rằng ông ấy muốn giết tôi, nên tôi không đi. Ông ta sai người đến bắt tôi. Tôi chống lại và ra quy thuận Vôrôntxốp. Chỉ có điều tôi không đem được gia đình đi theo. Cả mẹ, cả vợ tôi, lẫn con trai tôi đều ở chỗ ông ta. Anh hãy nói với đức ông rằng chừng nào gia đình tôi còn ở đó, tôi không thể làm gì được cả.

- Tôi sẽ nói, - Lôrít-Melikốp nói.

- Anh cố gắng xin hộ tôi nhé. Cái gì của tôi là của anh, chỉ có điều hãy nói với công tước giúp tôi. Tôi đã bị trói buộc và đầu dây lại ở trong tay Samin.

Bằng những lời lẽ đó, Khátgi-Murát chấm dứt câu chuyện của mình với Lôrit-Melikốp.

XIV

- Ngày hai mươi tháng Chạp, Vôrôntxốp đã viết thư sau đây cho bộ trưởng bộ chiến tranh Tsarnưsép. Thư viết bằng tiếng Pháp.

"Thưa công tước kính mến, trong chuyến xe

thư gần đây tôi không viết cho ngài, vì muốn trước hết quyết định xem chúng ta phải làm gì với Khátgi-Murát và vì hai ba hôm nay tôi cảm thấy trong người không được khoẻ lắm. Trong bức thư gần đây tôi đã báo cho ngài biết việc Khátgi- Murát ra quy thuận : hắn đã tới Tiphlíp ngày mồng 8; hôm sau tôi đã làm quen với hắn, tôi đã nói chuyện với hắn tám, chín ngày và suy nghĩ xem hắn có thể làm gì được cho chúng ta sau này và đặc biệt là suy nghĩ xem chúng ta làm gì với hắn bây giờ vì hắn hết sức quan tâm đến số phận gia đình mình và nói rất chân thành rằng chừng nào gia đình hắn còn ở trong tay Samin, hắn còn bị tê liệt và không thể giúp đỡ và bày tỏ lòng biết ơn chúng ta đã tha thứ và đón tiếp hắn một cách thân ái. Vì tin tức của gia đình thân thích, hắn phát sốt phát rét lên và những người được tôi cắt cử sống cùng với hắn ở đây đoán chắc với tôi rằng đêm đêm hắn không ngủ, hầu như hắn chẳng ăn uống gì, thường xuyên cầu nguyện và chỉ xin được phép cưỡi ngựa dạo chơi cùng với mấy người lính Kô-dắc, - đây là trò giải trí duy nhất có thể được đối với hắn và sự vận động này là cần thiết do thói quen lâu ngày. Hàng ngày, hắn đến chỗ tôi hỏi xem tôi có được tin tức gì về gia đình hắn không, và xin tôi ra lệnh tập hợp tất cả các tù binh trên các mặt trận khác nhau của chúng ta

để đề nghị Samin trao đổi, hắn sẽ thêm vào đó một ít tiền. Có những người cho hắn tiền để làm việc ấy hắn cứ luôn luôn nhắc lại với tôi: ông hãy cứu gia đình tôi và sau đó hãy tạo điều kiện cho tôi giúp đỡ các ông (tốt nhất là trên tuyến Ledoghin, theo ý hắn ta) và nếu trong vòng một tháng tôi không giúp được các ông việc gì lớn, xin hãy trừng phạt tôi đúng mức các ông thấy cần thiết.

Tôi trả lời hắn rằng mọi việc đối với tôi dường như rất hợp lý, rằng ở phía ta thậm chí có nhiều người sẽ không tin hắn, nếu như gia đình hắn vẫn còn ở trên núi, chứ không ở chỗ chúng ta như là những con tin, rằng tôi sẽ làm hết cách để thu lượm tù binh trên thế giới của chúng ta, cấp tiền cho hắn để hắn bù thêm vào số tiền đã có nhằm chuộc gia đình mình, rằng bản thân tôi có lẽ sẽ tìm đến những phương sách khác để giúp đỡ hắn. Sau đó, tôi đã nói thẳng cho hắn biết ý kiến của tôi là Samin không đời nào trao trả gia đình cho hắn, có lẽ y sẽ tuyên bố hắn với hắn như vậy, và hứa hẹn sẽ tha thứ hoàn toàn và khôi phục chức vụ cũ cho hắn, đe dọa rằng nếu hắn không quay trở về sẽ giết mẹ, vợ và sáu đứa con của hắn. Tôi hỏi hắn liệu hắn có dám nói thẳng cho biết hắn sẽ làm gì, nếu như hắn nhận được lời tuyên bố như thế của Samin không. Khátgi-Murát

ngước mắt giơ tay lên trời và nói với tôi rằng tất cả đều ở trong tay Đức Thánh, nhưng hắn sẽ không bao giờ tự nộp mình cho kẻ thù, vì hắn hoàn toàn tin chắc rằng Samin sẽ không tha thứ cho hắn và lúc đó chắc chắn hắn sẽ chẳng còn được sống bao lâu nữa. Còn về việc giết hại gia đình hắn, thì hắn nghĩ rằng Samin sẽ không xử sự nông nổi đến như thế: một là việc đó làm cho kẻ thù của Samin trở nên liều lĩnh hơn và nguy hiểm hơn, thứ hai là ở Đaghextan có nhiều nhân vật thậm chí rất có thế lực ngăn cản y làm việc đó. Sau cùng, hắn nhắc lại với tôi mấy lần rằng dù ý Đức Thánh thế nào đi nữa về việc tương lai, giờ đây hắn chỉ độc nghĩ tới việc chuộc gia đình. Hắn cầu xin tôi nhân danh Chúa, giúp đỡ hắn và cho phép hắn quay lại vùng Tsétnia, tại đó, thông qua trung gian và được cấp trên của ta cho phép, hắn có thể liên lạc được với gia đình mình, biết tin tức thường xuyên về tình hình thật của gia đình và về các phương sách giải thoát nó. Hắn cho biết có nhiều nhân vật và thậm chí vài viên na-íp tại khu vực thuộc vùng đất của kẻ thù này ít nhiều gắn bó với hắn; hắn sẽ dễ dàng, với sự giúp đỡ của chúng ta, đặt quan hệ với tất cả đám cư dân hoặc trung lập hoặc đã bị người Nga chinh phục, những quan hệ này rất có ích để đạt tới mục đích ngày đêm hắn theo đuổi, đạt tới mục

đích đó hắn mới yên tâm, mới có khả năng hoạt động vì lợi ích của chúng ta và xứng đáng với lòng tin cậy của chúng ta. Hắn xin lại cử hắn về Grôdnania [28] với đoàn hộ tống gồm chừng hai mươi hoặc ba mươi lính Kô-dắc dũng cảm, các binh lính này sẽ giúp hắn chống lại kẻ thù, còn đối với chúng ta, sự có mặt của họ là để đảm bảo rằng những ý định hắn đã bày tỏ là chân thực.

Thưa công tước quý mến, ngài hiểu rằng tất cả những việc đó khiến tôi rất băn khoăn, vì dù làm gì đi nữa, trách nhiệm lớn vẫn đổ lên đầu tôi. Sẽ cực kỳ bất cẩn nếu ta tin hắn hoàn toàn; nhưng nếu như chúng ta muốn tước bỏ phương tiện chạy trốn của hắn, thì phải giam hắn lại, mà làm như thế, theo ý tôi, có lẽ không đúng và nếu không mềm dẻo, tiếng đồn về việc áp dụng biện pháp như thế sẽ nhanh chóng lan đi khắp vùng Dangextan, điều đó rất có hại cho chúng ta, vì nó tước bỏ mất ý muốn của tất cả những ai (số này đông) sẵn sàng ít nhiều công khai chống lại Samin và quan tâm tới tình trạng của người phụ tá tháo vát và cam đảm nhất của giáo trưởng, kẻ đã bắt buộc phải đặt mình vào tay chúng ta. Một khi chúng ta định xử sự với Khátgi-Murát như với một tù binh, chúng ta sẽ để mất cả hiệu quả tốt đẹp của việc hắn phản bội Samin.

Bởi vậy tôi nghĩ rằng không thể xử sự khác với cách tôi đã xử sự, tuy nhiên tôi cảm thấy rằng có lẽ mình bị kết tội là phạm sai lầm lớn nếu như Khátgi-Murát lại nghĩ đến việc bỏ ra đi. Trong công vụ, cũng như trong những việc rắc rối như thế này, có thể nói rằng đi theo một đường thẳng, mà lại không liều phạm sai lầm và không dám hứng chịu trách nhiệm về mình là một điều không dễ dàng gì; nhưng một khi đường hình như thẳng tắp, thì cứ phải đi trên đó thôi - rồi muốn ra sao thì ra.

Công tước quý mến, tôi xin ngài tâu việc này lên để hoàng thượng xem xét và tôi xẽ được sung sướng nếu như đấng chí tôn của chúng ta vui lòng chấp nhận cách xử sự của tôi. Tất cả những điều viết trên đây tôi cũng đã viết cho tướng Davađốpxki và Kôdlốpxki. Tôi yêu cầu Kôdlốpxki giữ quan hệ trực tiếp với Khági-Murát và báo cho Khátgi-Murát biết rằng, nếu không được Kôdlốpxki cho phép hắn không được làm gì và đi đâu cả. Tôi đã cho hắn biết rằng đối với chúng ta, tốt hơn cả là hắn cứ cưỡi ngựa dạo chơi cùng với đoàn hộ tống của chúng ta, kẻo không Samin lại phao lên rằng chúng ta giam giữ Khátgi-Murát nhưng đồng thời tôi cũng bắt hắn hứa rằng hắn không bao giờ được đi với Vôdđvigienxkôiê, vì lúc đầu hắn đã ra hàng con trai tôi ở đó và coi con trai tôi như ku-nák (người

bạn) của mình, nhưng con trai tôi lại không phải là người chỉ huy ở đây và do đó có thể xảy ra hiểu lầm. Vả chăng Vôđđvigienxkôiê ở quá gần vùng có nhiều dân cư thù địch với chúng ta trong khi đó thì Grôdnaia thuận tiện về mọi phương diện để hắn có thể bắt liên lạc với những người được uỷ nhiệm của mình.

Ngoài hai chục lính Kô-dắc chọn lọc, - theo yêu cầu của hắn, sẽ không rời hắn nửa bước, - tôi đã cử đại uý ky binh Lôrít-Melikốp theo hắn, anh ta là một sĩ quan rất xứng đáng, xuất sắc và rất thông minh, nói thạo tiếng Tatarơ, biết rõ Khátgi-Murát và hình như hắn cũng hoàn toàn tin cậy anh ta. Trong mười ngày Khátgi-Murát ở đây, hắn đã sống cùng nhà với trung tá công tước Tarkhanốp, viên chỉ huy Susa tới đây vì công vụ, đó là một con người thực sự xứng đáng và tôi hoàn toàn tin cậy ở anh ta. Anhta cũng được Khági-Murát tin cậyvì thế thông qua một mình anh ta, vì anh ta nói rất thạo tiếng Tatarơ, chúng tôi đã bàn luận về những công việc hết sức tế nhị và cơ mật. Tôi trao đổi với Tarkhannốp về Khátgi-Murát và anh ta hoàn toàn đồng ý với tôi rằng: hoặc xử sự như tôi đã làm, hoặc bỏ tù Khátgi-Murát và canh gác hắn bằng mọi biện pháp hết sức nghiêm ngặt, - vì một khi đã đối xử tệ

với hắn thì không dễ giữ được hắn, - hoặc trục xuất hắn ra khỏi đất nước. Nhưng hai biện pháp sau chẳng những chỉ thủ tiêu tất cả lợi ích của chúng ta, nảy sinh từ sự bất hoà giữa Khátgi-Murát và Samin, mà còn chặn đứng những lời ta thán nhất định sẽ tăng thêm và khả năng phẫn nộ của những người miền núi muốn chống lại chính quyền Samin. Công tước Tarkhanốp nói với ông rằng bản thân anh ta tin chắc vào sự chân thực của Khátgi-Murát, rằng Khátgi-Murát đinh ninh là Samin sẽ không bao giờ tha thứ cho hắn và sẽ ra lệnh hành hình hắn, mặc dầu đã hứa tha thứ. Điều duy nhất có thể làm cho Tarkhanốp băn khoăn về Khátgi-Murát là Khátgi-Murát gắn bó với tôn giáo của mình và hắn không giấu giếm rằng Samin có thể tác động đến hắn về phương diện này. Nhưng như tôi nói ở trên, Samin không bao giờ làm cho Khátgi-Murát tin rằng ông sẽ không giết hắn ngay lập tức, hoặc ít lâu sau khi hắn quay trở lại với y.

Thưa công tước quý mến, đó là tất cả những điều tôi muốn nói với ngài về một mảng công việc ở đây".

XV

Bản báo cáo này đã được chuyển từ Tiphlít ngày 24 tháng Chạp. Ngày hôm trước tết đầu năm 1852, một phái viên đã phóng ngựa, làm kiệt sức hàng chục con và đánh toé máu hàng chục xà ích, kịp chuyển bản báo cáo đó tới công tước Tsernưsép, lúc đó là bộ trưởng bộ chiến tranh.

Và ngày mồng một tháng Giêng năm 1852, Tsernưsép đã đệ trình bản báo cáo đó của Vôrôntxốp cùng với một số vụ việc khác lên hoàng đế Nhikôlai[29].

Tsernưsép không ưa Vôrôntxốp, vì ông được mọi người kính trọng, vì ông quá giàu có và cũng vì Vôrôntxốp là một người quí tộc thật sự, còn Tsernưsép dẫu sao cũng chỉ là *parvenu* [*], nhưng cái chính là vị hoàng đế đặc biệt nể vì Vôrôntxốp. Bởi vậy Tsernưsép đã lợi dụng mọi cơ hội có thể được để làm hại Vôrôntxốp. Trong bản báo cáo trước về tình hình ở Kápkadơ, Tsernưsép đã thành công trong việc làm cho hoàng đế Nhikôlai không hài lòng về Vôrôntxốp, vì do sự sơ suất của Vôrôntxốp, một đội quân nhỏ ở Kápkadơ đã bị người dân miền núi tiêu diệt hầu như hoàn toàn. Giờ đây ông có

---

[*] Kẻ hãnh tiến (tiếng Pháp)

ý định bày tỏ thái độ của Vôrôntxốp với Khatgi-Murát theo khía cạnh bất lợi cho Vôrôntxốp. Ông muốn gợi ý với hoàng đế rằng Vôrôntxốp luôn làm thiệt hại đến người Nga, khi bao dung hoặc thậm chí nhân nhượng dân bản xứ, để cho Khátgi-Murát ở lại vùng Kapkadơ, tức là đã xử sự một cách không chín chắn, rằng rất có thể Khátgi-Murát chỉ quy thuận chúng ta để dò xét các phòng thủ của chúng ta và thế tốt hơn là đưa Khátgi-Murát về trung tâm của nước Nga, chỉ sử dụng hắn khi gia đình hắn đã được cứu thoát khỏi vùng núi và khi đã có thể tin cậy ở sự trung thành của hắn.

Nhưng kế hoạch đó của Tsernưsếp không thành công, chỉ vì sáng ngày mùng một tháng Giêng đó Nhikôlai cảm thấy đặc biệt không vui, và hoàng đế không chấp nhận bất kì đề nghị nào của bất kỳ ai chỉ là do ý thích muốn nói ngược lại: hơn thế nữa hoàng đế không muốn chấp nhận đề nghị của Tsernưxép là người mà ông còn phải chịu đựng khi chưa tìm được ai thay thế, và vì biết rõ những nỗ lực của ông ta nhằm làm hại Dakhar Tsernưxép trong vụ án những người tháng Chạp [30] và mưu toan chiếm đoạt tài sản của Dakhar, ông coi viên bộ trưởng của mình là một tên đê tiện hết sức. Thành thử do tâm trạng không vui của Nhikôlai, Khátgi-Murát đã được ở lại Kápkadơ và số phận của khátgi-Murát đã không thay đổi như nó có

thể thay đổi, nếu như Tsernưxép báo cáo vào một lúc khác

Vào lúc chín giờ rưỡi, trong sương mù lạnh giá hai mươi độ âm, người đánh xe râu ria xồm xoàm của Tsernưxép đội chiếc mũ nhung màu xanh da trời có tai nhọn, ngồi trên ghế đánh xe trong cỗ xe trượt nhỏ, giống như cỗ xe Nhikôlai Páplôvích thường dạo chơi đánh xe đến chiếc cổng nhỏ của cung điện Mùa Đông(31) và thân ái gật đầu chào người bạn của mình là người đánh xe cho công tước Đôngôruki, anh này sau khi đỡ chủ xuống xe, đã đứng khá lâu ở cổng cung điện, và để hai bàn tay lạnh cóng vào phía sau dây cương dày cộm quấn bông, xoa xoa cho ấm.

Tsernưxép mặc áo choàng cổ bằng lông hải ly trắng xoá, đội chiếc chiếc mũ ba góc đúng nghi thức, có đính lông gà trống. Gạt mảnh da gấu che chân, ông thận trọng nhấc đôi chân lạnh cóng không đi giày cao-su (ông hãnh diện vì không cần đi giày cao-su) ra khỏi xe, rồi nhanh nhẹn khua đinh thúc ngựa lách cách đi lên tấm thảm tiến vào khung cửa do người gác cửa kính cẩn mở rộng trước mặt ông. Đến phòng trước, Tsernưxép hất chiếc áo choàng vào tay viên thị vệ già đang chạy vội về phía ông để đỡ, rồi bước lại gần tấm gương, cẩn thận bỏ chiếc mũ lhỏi bộ tóc giả uốn soăn, soi mình vào gương, bằng một động tác quen thuộc, đôi bàn tay

già nua của ông vuốt tóc trên thái dương và chỏm tóc ở đỉnh đầu, sửa lại huân chương chữ thập, các dây thao sĩ quan và những chiếc lon lớn thêu hoa văn, rồi yếu ớt đưa cặp chân già nua không chịu vâng theo ý ông leo lên cầu thang thoai thoải trải thảm.

Sau khi đi ngang qua các vệ sĩ mặc lễ phục đứng ở cửa và nghiêng mình chào ông một cách khúm núm, Tsernuxép bước vào phòng khách. Người thường trực là viên sĩ quan phụ tá ngự tiền mới được bổ nhiệm kính cẩn đón tiếp ông, viên sĩ quan này mặc bộ quân phục mới tinh, đeo lon và dây thao, khuôn mặt hồng hào hãy còn tươi tắn, bộ ria đen nhánh và những món tóc trên thái dương cũng được chải xoè ra tận mắt y như cách chải của hoàng đế Nhikôlai. Công tước Vaxili Đôngôruki, thứ trưởng bộ chiến tranh, vẻ mặt đần độn, chán ngán, cũng trang điểm bộ râu quai nón, hàng ria mép và những món tóc trên thái dương y như hoàng đế Nhikôlai, đứng dậy ra đón Tsernuxép và chào hỏi ông.

- *L'empereur?* (*) - Tsernuxép hướng về viên sĩ quan phụ tá ngự tiền, đưa cặp mắt về phía cửa phòng làm việc có ý hỏi.

---

* Hoàng đế? (tiếng Pháp)

- *Sa majesté vient de rentrer*[*], - viên sĩ quan phụ tá ngự tiền nói, rõ ràng là hể hả được nghe giọng nói của mình, anh ta bước nhẹ đều đều đến mức giá có đặt một cốc nước đầy trên đầu anh ta, cốc nước cũng không sóng sánh, anh bước lại gần khuôn cửa mở ra không một tiếng động, cúi rạp xuống chào, rồi bước vào phòng, khuất mình sau khung cửa.

Trong lúc ấy, Đôngôruki mở cặp, kiểm tra các giấy tờ ở trong.

Tsernưxép cau mày đi đi lại lại, duỗi chân và nhớ lại tất cả những điều cần phải báo cáo với hoàng đế. Lúc Tsernưxép đến gần cửa phòng làm việc, cửa lại mở, viên sĩ quan phụ tá ngự tiền bước ra, trông anh ta còn rạng rỡ và cung kính hơn trước, anh ra hiệu mời bộ trưởng và thứ trưởng vào phòng hoàng đế.

Sau khi bị cháy, cung điện Mùa Đông đã được xây dựng lại từ lâu và Nhikôlai sống ở tầng trên tại đó. Phòng làm việc, nơi ông nghe các bộ trưởng và các quan chức cao cấp tới báo cáo, là một căn phòng rất cao rộng, có bốn của sổ lớn. Bức chân dung lớn của hoàng đế Alếchxanđrơ Đệ nhất treo trên bức tường chính. Hai chiếc bàn làm việc kê

---

* Hoàng thượng vừa ve (tiếng Pháp)

giữa hai cửa sổ. Dọc tường có mấy chiếc ghế tựa, ở giữa phòng kê cái bàn làm việc to, trước bàn là ghế bành của Nhikôlai, các ghế tựa dành cho khách.

Nhikôlai mặc áo đuôi én màu đen, không có lon, chỉ đeo quân hàm nhỏ, ngồi sau bàn, ngả cái thân hình của mình ra phía sau, bụng phưỡn thắt đai chật cứng và ngồi yên đưa cặp mắt không sinh khí nhìn những người bước vào. Khuôn mặt trắng dài với vầng trán rộng, lướt, nhô ra khỏi những cụm tóc mượt ở thái dương được khéo léo kết lại với bộ tóc giả để che lấp những chỗ đầu hói, khuôn mặt đó hôm nay đặc biệt lạnh lùng và cứng đờ. Cặp mắt thường đục của ông trông đục hơn mọi ngày, đôi môi mím chặt với bộ ria cong vểnh lên, đôi má béo phị mới cạo tựa vào chiếc cổ áo cao, trên má còn để lại những hàng râu quai nón đều đặn như những thỏi xúc-xích và cái cằm bị ép vào cổ áo khiến khuôn mặt ông lộ vẻ bất bình, thậm chí tức giận.

Nguyên nhân của tâm trạng đó là sự mệt mỏi. Nguyên nhân của sự mệt mỏi đó là tối hôm trước, trong buổi vũ hội hoá trang, như thường lệ, ông đội chiếc mũ kỵ binh cận vệ có hình con chim ở trên chỏm đầu, len lách giữa đám công chúng chen chúc gần ông và rụt rè né tránh vóc dáng

đồ sộ, tự tin của ông, ông lại gặp chiếc mặt nạ trong buổi vũ hội hoá trang trước, thân hình đẹp đẽ trắng trẻo và giọng nói của người đeo mặt nạ đó đã kích thich tình dục già nua trong ông, người này lẩn tránh ông, hứa sẽ gặp ông trong buổi vũ hội sau. Trong buổi vũ hội hoá trang tối qua, cô ta bước lại gần ông và ông đã không buông cô ta. Ông dẫn côta vào một buồng đã được sửa soạn riêng cho việc này, tại đó ông có thể ngồi một mình với người bạn nhảy nữ của mình.

Lặng lẽ đi tới cửa buồng, Nhicôkai ngoái nhìn, đưa mắt tìm người sắp xếp chỗ, nhưng không thấy anh ta đâu. Nhicôlai cau mày, tự tay đẩy cửa buồng và để người bạn nhảy nữ vào trước mình.

- *Il y a quelqu'un* (*), - cô gái đeo mặt nạ dừng lại nói. Quả thật buồng này đã có người chiếm. Một viên sĩ quan khinh kỵ và một người đàn bà trẻ, đẹp, tóc vàng xoăn, mặc áo choàng đô-mi-nô, tháo mặt nạ ngồi sát bên nhau trên chiếc đi-văng nhỏ bọc nhung. Trông thấy dáng người cao sừng sững và vẻ mặt tức giận của Nhicôlai, người đàn bà tóc vàng vội vã đeo mặt nạ che mặt, viên sĩ quan khinh kỵ sững người ra vì khiếp sợ, không đứng dậy khỏi đi văng, nhìn Nhikôlai chằm chằm.

---

* Có người ở đây (tiếng Pháp).

Tuy đã quen làm cho mọi người khiếp sợ, ông vẫn luôn luôn thích sự khiếp sợ này và đôi khi ông còn thích làm cho những kẻ khiếp sợ ngạc nhiên bằng cách nói với họ những lời dịu dàng, ngược với vẻ đáng sợ của ông. Bây giờ ông cũng xử sự như thế.

- Này, anh bạn, anh trẻ hơn tôi, - ông nói với viên sĩ quan đang sững người ra vì khiếp sợ, - anh có thể nhường chỗ cho tôi.

Viên sĩ quan nhảy bổ dậy và mặt khi thì tái nhợt, khi thì đỏ bừng, lặng lẽ khom mình đi sau người đàn bà đeo mặt nạ ra khỏi buồng, thế là Nhicôlai ở lại một mình với bạn nhảy nữ của mình.

Hoá ra người đeo mặt nạ là một cô gái đẹp, ngây thơ, hai mươi tuổi, con gái một nữ gia sư người Thuy Điển. Cô gái đã kể cho Nhikôlai biết rằng từ thuở nhỏ, nhìn chân dung ông cô đã đem lòng yêu ông, sùng bái ông và quyết định dù thế nào cũng phải làm cho ông chú ý tới mình. Và thế là bây giờ cô ta đã đạt được ý nguyện, cô nói rằng cô chẳng cần gì nữa. Cô gái được đưa tới chỗ Nhikôlai thường hò hẹn với đàn bà, và Nhikôlai đã ở lại với cô hơn một giờ.

Đêm hôm ấy, khi quay trở về buồng mình và nằm trên chiếc giường cứng hẹp mà ông lấy làm hãnh diện và đắp chiếc áo choàng của mình mà

ông coi (cũng như ông đã nói) là nổi tiếng như chiếc mũ Napôlêông vậy, mãi ông vẫn không chợp mắt được. Khi thì ông nhớ lại vẻ trắng trẻo, sợ sệt và phấn khởi của cô gái đó, khi thì ông nhớ tới đôi vai đầy đặn, chắc nịch của người tình hàng ngày của mình là Nêhđôra và ông so sánh cô này với cô kia. Ông không nghĩ rằng sự phóng đãng của một người đã có vợ là không tốt và chắc ông sẽ rất ngạc nhiên, nếu có người lên án ông vì chuyện đó. Nhưng tuy ông đã tin chắc rằng mình xử sự phải lẽ, ông vẫn cảm thấy trong mình một dư vị khó chịu nào đó và để xua tan cảm giác đó, ông xoay ra nghĩ tới cái điều bao giờ cũng khiến ông yên tâm: Ông là một con người xiết bao vĩ đại.

Mặc dầu ông ngủ muộn, nhưng cũng như mọi khi, ông dậy lúc tám giờ sáng, trang điểm theo lệ thường, dùng nước đá lau rửa tấm thân đồ sộ, mập mạp của mình, và khi cầu Chúa, ông đọc những bài kinh nguyện đã quen từ thuở nhỏ: " Lạy đức mẹ", " Kính tín", " Lạy cha" không gắn cho những lời ông xướng lên một ý nghĩa nào cả, rồi ông đi qua cổng nhỏ ra đường bờ sông, mình khoác áo choàng, đầu đội mũ lưỡi trai.

Tới giữa đường bờ sông, ông gặp một học sinh Trường tư pháp mặc đồng phục và đội mũ, vóc người cũng to như ông. Trông thấy bộ đồng phục của cái trường mà ông không ưa vì đầu óc hoài

nghi của nó, Nhikôlai cau mày, nhưng tầm vóc cao lớn, dáng đứng thẳng đơ, cố ưỡn ngực ra của chú học sinh đã làm dịu bớt sự bất bình của ông.

- Họ là gì? - ông hỏi.

- Pôlôxatốp, tâu bệ hạ.

- Cừ lắm!

Chú học sinh vẫn đứng, tay đưa lên vành mũ. Nhikôlai dừng lại:

- Anh có muốn phục vụ trong quân đội không?

- Tâu bệ hạ, không ạ.

- Đồ ngốc! - và Nhikôlai quay mình đi tiếp, bắt đầu thốt to lên những lời đầu tiên chợt đến với ông: "Kôpervêin, Kôpervêin, - ông lặp lại mấy lần tên cô gái hôm qua. - Xấu xa, xấu xa". - Ông không nghĩ tới điều mình nói, nhưng dằn cảm giác của mình xuống bằng cách chú ý tới điều mình nói:" Phải, nước Nga sẽ ra sao nếu không có ta, - ông tự nhủ, cảm thấy lại sắp sửa rơi vào cảm giác bất bình. - Phải, không phải mình nước Nga, mà cả châu Âu nữa, sẽ ra sao nếu không có ta".

Rồi ông nhớ tới người anh vợ của mình, ông vua Phổ, nhớ tới nhược điểm và sự ngu ngốc của ông này, rồi lắc đầu.

Quay trở lại gần tới bậc thềm cung điện, ông trông thấy chiếc xe ngựa của Êlêna Páplôpna, bà

này có người đày tớ mặc bộ quần áo đỏ hộ tống đã tới gần cổng Xantưkốp. Đối với ông, Êlêna Páplốpna là hiện thân của những con người trống rỗng, những người này chẳng những bàn luận về khoa học, thơ ca, mà còn bàn luận cả về cách cai quản con người, cứ tưởng rằng mình có thể cai quản mình tốt hơn ông, Nhikôlai, cai quản họ. Ông biết rằng dù ông có đè nén những con người đó bao nhiêu đi nữa, họ vẫn cứ nảy nòi và xuất đầu lộ diện. Và ông nhớ tới người anh mới chết của ông là Mikhain Páplôvich. Một cảm giác buồn bã và bực bội xâm chiếm ông. Ông rầu rĩ cau mày và lại bắt đầu thì thào những lời đầu tiên chợt đến với ông. Chỉ mãi đến khi bước vào cung điện ông mới thôi không thì thào nữa. Vào tới phòng mình, ông đến trước gương vuốt lại bộ râu quai nón và mớ tóc trên thái dương, chiếc khoá thắt lưng, rồi ông xoắn ria mép, đi thẳng đến phòng làm việc, nơi đây ông sẽ nghe các báo cáo.

Ông tiếp Tsernưsép trước tiên. Qua vẻ mặt và chủ yếu là qua cặp mắt của Nhikôlai, Tsernưsép hiểu rằng hôm nay hoàng đế đặc biệt không vui và vì biết chuyện ve vãn tối qua của hoàng đế, ông hiểu rõ vì sao lại sinh ra như vậy. Nhikôlai lạnh lùng đáp lễ và mời Tsernưsép ngồi, chằm chằm nhìn ông bằng cặp mắt không sinh khí của mình.

Trước hết Tsernưsép báo cáo về việc khám phá ra vụ ăn cắp của các viên chức quân nhu, sau đó ông nói về việc chuyển quân trên biên giới nước Phổ, rồi đến việc bổ sung một vài nhân vật bị bỏ quên trong danh sách khen thưởng đầu tiên nhân dịp Năm Mới, tiếp đến bao cáo của Vôrôntxốp về sự qui thuận của Khátgi-Murát và sau hết là vụ án khó chịu về anh sinh viên học viện y khoa đã mưu sát một vị giáo sư.

Nhikôlai lặng lẽ bặm môi, dùng đôi bàn tay trắng trẻo của mình, ngón tay đeo nhẫn đeo một chiếc nhẫn vàng, vuốt những tờ giấy và nghe báo cáo về vụ ăn cắp, không rời mắt khỏi vầng trán và chỏm tóc của Tsernưsép.

Nhikôlai tin chắc rằng tất cả mọi người đều ăn cắp. Ông biết rằng giờ đây sẽ phải trừng phạt bọn viên chức quân nhu và quyết định giáng cả bọn chúng xuống làm lính , nhưng ông cũng biết rằng điều đó không cản những kẻ thay thế bọn bị bãi chức lặp lại như vậy . Đặc tính của bọn viên chức là ở chỗ ăn cắp, trách nhiệm của ông là trừng phạt bọn chúng và dù ngán thế nào đi nữa ông vẫn phải làm tròn trách nhiệm đó một cách tận tâm.

- Hình như ở nước Nga chúng ta chỉ có một người trung thực, - ông nói.

Tsernưsép hiểu ngay rằng con người trung thực duy nhất đó ở nước Nga chính là Nhicôlai và ông mỉm cười đồng tình.

- Đúng như thế thưa bệ hạ - ông nói.

- Thôi để đấy ta sẽ quyết định, - Nhicôlai nói, cầm lấy tờ giấy để sang phía bên trái bàn.

Sau đó Tsernưsép bắt đầu báo cáo về việc khen thưởng và chuyển quân. Nhicôlai xem qua danh sách, gạch bỏ một số tên và sau đó ra lệnh một cách ngắn gọn và kiên quyết về việc chuyển hai sư đoàn tới biên giới nước Phổ.

Nhicôlai không tài nào tha thứ cho vua Phổ vì bản hiến pháp ban hành năm 1848, bởi vậy tuy viết thư và nói với ông anh vợ [32] bằng những lời lẽ thân ái nhất , ông vẫn thấy cần thiết phải đưa quân đội tới biên giới Phổ để phòng mọi bất trắc. Quân đội đó có thể cần dùng tới trong trường hợp có nhễu loạn trong dân chúng nước Phổ (Nhicôlai nhìn thấy ở khắp nơi tinh thần sẵn sàng nhiễu loạn) thì đưa số quân đó ra để bảo vệ ngai vàng của ông anh vợ , như ông đã từng bảo vệ nước Aó chống lại người Hungari. Quân đội đó cần thiết ở biên giới để cho các lời khuyên của ông đối với vua nước Phổ tăng thêm sức mạnh và ý nghĩa.

((Phải nước Nga giờ đây sẽ ra sao nếu như không có ta)), ông ta nghĩ bụng.

- Nào còn gì nữa? - ông nói .

- Có phái viên từ Kápkadơ về, - Tsernưsép nói và bắt đầu báo cáo về việc quy thuận của Khátgi Murát như trong thư Vôrônxốp đã viết cho ông.

- Ra thế, - Nhicôlai nói. - Khởi đầu tốt đấy.

- Rõ ràng kế hoạch do hoàng thượng soạn thảo đã bắt đầu mang lại kết quả, - Tserưsép nói.

Lời ca ngợi tài năng thao lược của ông khiến Nhicôlai đặc biệt thích thú, vì tuy ông kiêu hãnh về tài thao lược của mình, trong thâm tâm ông nhận thức rõ rằng ông không có những tài đó. Và bây giờ ông muốn nghe những lời khen ngợi tỉ mỉ hơn.

- Kiêu hãnh thế nào ? - ông nói.

- Hạ thần hểu rằng nếu như chúng ta làm theo kế hoạch của hoàng thượng, nghĩa là từ từ tiến lên trước, tuy rằng chậm, vừa tiến vừa đốn gỗ, triệt phá dự trữ lương thực, thì Kápkadơ đã bị chinh phục từ lâu. Theo thần chỉ vì thế nên Khátgi-Murát mới phải quy thuận. Hắn hiểu rằng hắn không thể chống cự được nữa.

- Đúng thế. - Nhicôlai nói.

Mặc dầu kế hoạch tiến quân vào vùng đồn địch bằng cách đốn gỗ và triệt phá lương thực là kế hoạch của Ermôlốp và Vêliaminốp [33] hoàn toàn

đối lập với kế hoạch của Nhicôlai - theo kế hoạch này cần phải chiếm ngay lấy soái phủ của Samin, phá tan tành cái ổ kẻ cướp đó và theo kế hoạch này cuộc viễn chinh Đarghi đã được tiến hành năm 1845 làm thiệt hại biết nhiêu mạng người, - mặc dầu như vậy, Nhicôlai đệ nhất đã đặt kế hoạch tấn công từ từ, lần lượt đốn rừng và triệt phá lương thực đó cho mình. Tưởng như kế hoạch đốn rừng và triệt phá lương thực là kế hoạch của ông thì cần phải che giấu việc chính ông đã khăng khăng bảo vệ những biện pháp quân sự hoàn toàn ngược lại vào năm 1845. Nhưng ông không giấu giếm điều đó và ông tự hãnh diện cả về kế hoạch viễn chinh năm 1845 của mình, cả về kế hoạch tiến quân từ từ về phía trước, mặc dầu hai kế hoạch này mâu thuẫn với nhau một cách rõ ràng. Thói nịnh hót thường xuyên, hiển nhiên, trái với sự thật của đám người vây quanh ông ta đã đẩy ông ta tới chỗ không nhìn thấy các mâu thuẫn của mình, không đối chiếu các hành vi của mình với thực tế, với logic hoặc với ý nghĩa lành mạnh giản đơn, mà hoàn toàn tin chắc rằng tất cả các mệnh lệnh của ông, dù chúng vô nghĩa, sai trái và thiếu nhất quán thế nào đi nữa, đều trở nên có nghĩa, đúng đắn và nhất quán, chỉ vì ông ta đã ban ra những mệnh lệnh đó.

Quyết định của ông về anh sinh viên học viện y khoa giải phẫu cũng như vậy. Sau báo cáo về Kápkadơ, Tsernưsép đã báo cáo với ông về chuyên này.

Đầu đuôi câu chuyện là: một chàng thanh niên đã hai lần thi trượt, đến lần thứ ba mới đỗ, nhưng viên giám khảo không cho anh đỗ,lúc đó anh sinh viên vô cùng bực tức cho như thế là không công bằng, anh vớ lấy con dao díp gọt bút lông ở bàn và trong cơn điên khùng, anh ta nhảy bổ vào vị giáo sư và gây cho ông ta một vài vết thương không đáng kể.

- Họ gì? - Nhicôlai hỏi.

- Bgiedốpxki.

- Người Ba Lan à?

- Người gốc Ba lan và theo đạo Ki-tô, - Tsernưsép đáp.

Nhicôlai cau mày.

Ông đã làm nhiều điều ác đối với người Ba Lan (34). Để giải thích việc làm nhiều điều ác đó, ông cần phải tin chắc rằng tất cả những người Ba Lan đều là những người đe tiện. Nhicôlai đã coi họ như vậy và căm thù họ đúng với mức độ điều ác mà ông đã gây ra cho họ.

- Khoan chút đã, ông nói và nhắm mắt lại, cúi đầu xuống.

- Tsernưsép hiểu, vì đã nghe Nhicôlai nói nhiều lần rằng khi ông quyết định một vấn đề gì quan trọng, ông chỉ cần tập trung trong vài giây và lúc đó ông chợt loé lên một phương án giải quyết, và phương án này tự nó là đúng đắn nhất, tựa hồ như có một tiếng nói từ bên trong mách bảo cho ông biết cần phải làm gì. Giờ đây ông nghĩ cách làm thế nào thoả mãn đầy đủ lòng căm thù của mình đối với người Ba Lan, câu chuyện của anh sinh viên đã khơi dậy lòng căm thù đó ở trong ông và tiếng nói trong ông mách bảo cách giải quyết như sau. Ông cầm lấy bản báo cáo và ghi bên lề bằng nét chữ to của mình: (Đáng tử hình. Nhưng ơn Chúa ở nước ta không còn án tử hình nữa. Và ta không phải là người áp dụng nó. Dẫn đi mười hai lần qua hàng quân gồm một nghìn người[35]. Nhicôlai), - ông ký xuống dưới bằng nét chữ to tướng không tự nhiên của mình.

Nhicôlai biết rằng người bị phạt lùa mười hai nghìn gậy không những cầm chắc cái chết đau đớn, mà còn phải chịu đựng sự tàn bạo quá quắt, bởi bì chỉ cần năm nghìn gậy là đủ để giết chết một người khoẻ mạnh nhất. Nhưng ông thích thú vì sự tàn bạo nghiệt ngã của mình và thích thú nghĩ rằng ở nước ta không có án tử hình.

Ghi xong quyết định về anh sinh viên, ông đẩy nó cho Tsernưsép.

- Đây đọc đi, - ông nói.

Tsernưsép đọc và cúi đầu tỏ ý ngạc nhiên một cách kính cẩn về cách giải quyết đúng đắn này.

- Và đưa tất cả sinh viên tới thao trường để họ chứng kiến sự trừng phạt này, - Nhicôlai nói thêm.

"Sẽ có ích cho chúng ta. Ta sẽ loại trừ, đào tận gốc cái tinh thần cách mạng này", - ông nghĩ.

- Xin tuân lệnh, - Tsernưsép nói và im lặng một giây lát, sửa lại chỏm tóc của mình và quay lại bản báo cáo về Kápkadơ.

- Bệ hạ truyền viết cho Mikhain Xêmiônôvích Vôrônxốp như thế nào ạ?

- Giữ vững đường lối của ta là huỷ hoại nhà cửa, triệt phá lương thực của Tsétsia và làm cho chúng hoang mang bằng những cuộc đột kích, - Nhicôlai nói.

- Còn về Khátgi-Murát bệ hạ truyền thế nào ạ? - Tsernưsép hỏi.

- Vôrôntxốp viết rằng ông ấy muốn dùng hắn ở Kápkadơ cơ mà?

- Như thế có liều lĩnh không? - Tsernưsép nói, tránh cái nhìn của Nhicôlai. Thần e rằng Mikhain Xêmiônôvich Vôrônxốp cả tin quá.

- Thế khanh nghĩ như thế nào? - Nhicôlai xẵng giọng hỏi lại, ông nhận ra ý định của Tsernưsép

trình bày kế hoạch của Vôrôntxốp dưới khía cạnh bất lợi.

- Dạ, thần nghĩ rằng đưa hắn về Nga thì đỡ nguy hiểm hơn.

- Khanh nghĩ thế hả, - Nhikôlai nói một cách giễu cợt. - Còn ta thì không nghĩ thế và đồng ý với Vôrôntxốp. Hãy viết cho ông ta như thế.

- Xin tuân lệnh, - Tsernưsép nói rồi đứng dậy, và cúi chào.

Đôngôruki cũng cúi chào, trong suốt thời gian báo cáo, ông này chỉ nói được vài lời về việc chuyển quân khi nghe Nhikôlai hỏi.

Sau Tsernưsép, Nhikôlai tiếp tướng Bibikốp, tổng trấn miền Tây [36], tới vái chào từ biệt. Ông tán thành những biện pháp Bibikốp đã dùng để chống lại nông dân nổi loạn không muốn theo Chính giáo [37] ông ra lệnh cho Bibikốp đưa tất cả những kẻ không phục tùng ra xét xử trước toà án binh. Điều đó có nghĩa là kết án phạt lùa trước hàng quân. Ngoài ra ông còn hạ lệnh giáng một viên chủ bút xuống làm lính, vì báo của ông ta đưa tin về việc chuyển mấy nghìn nông dân của Nhà nước thành nông dân trong các thái ấp [38].

- Ta làm như thế vì thấy điều đó là cần thiết, ông nói. Và ta không cho phép xét đoán về chuyện đó.

Bibikốp hiểu tất cả sự tàn bạo của mệnh lệnh về những người theo giáo phái hợp nhất và tất cả sự sai trái trong việc chuyển những nông dân của nhà nước, nghĩa là những người duy nhất được tự do lúc đó, thành nông dân trong các thái ấp, nghĩa là nông nô thuộc hoàng gia. Nhưng không thể phản đối được. Không đồng ý với mệnh lệnh của Nhikôlai có nghĩa là tự tước bỏ toàn bộ cái địa vị rực rỡ mà ông đã kiếm được sau bốn mươi năm và đang hưởng nó. Và ông nhẫn nhục cúi mái đầu đen đã lốm đốm bạc của mình xuống tỏ vẻ phục tòng và sẵn sàng chấp hành ý nguyện tàn bạo, điên cuồng và bất lương của hoàng thượng.

Sau khi tiếp Bibikốp, Nhikôlai vươn vai cảm thấy mình đã làm tốt phận sự, ông nhìn đồng hồ, rồi đi thay quần áo để thiết triều. Mặc bộ quân phục đính lon, các huân chương có dải, ông bước ra phòng khách lớn, nơi hơn một trăm người đàn ông mặc sắc phục và đàn bà mặc áo dài đẹp, hở cổ đứng theo thứ bậc, run rẩy chờ đón ông lâm triều.

Với cái nhìn không sinh khí, bộ ngực ưỡn và cái bụng thắt đai quá chặt nên nó vẫn phình ra ở phía trên và phía dưới đai lưng, ông bước tới chỗ mọi người chờ đợi và cảm thấy rằng tất cả các cặp mắt đều run sợ, quy luy đổ dồn vào ông,

ông càng lấy bộ dạng trang trọng hơn nữa. Khi trông thấy những người quen biết, ông nhớ ra họ là những ai, dừng lại nói một vài lời khi thì bằng tiếng Nga, khi thì bằng tiếng Pháp, và đưa cặp mắt lạnh lùng không sinh khí xoi mói nhìn họ, nghe họ nói với ông. Sau khi nhận những lời tung hô, chúc tụng [39], Nhikôlai đến nhà thờ.

Thông qua những người tu hành tôi tớ của mình, Chúa, cũng như những người thế tục, đã chào mừng và ca ngợi Nhikôlai và tuy chán ngấy, ông cũng phải chấp nhận những lời chào mừng và ca tụng ấy như một bổn phận. Mọi việc ắt hẳn phải như thế, vì rằng sự hưng thịnh và hạnh phúc của cả thế giới lệ thuộc vào ông và tuy đã mệt mỏi về chuyện đó, ông vẫn không từ chối góp sức cùng với mọi người bày ra những trò này. Cuối buổi lễ, khi viên trợ tế tóc chải mượt tung hô " vạn tuế" và những người hát lễ đồng thanh cất giọng du dương lặp lại những lời này, Nhikôlai ngoái nhìn và nhận ra Nêliđôva với cặp vai tròn trịa đứng cạnh cửa sổ và khi so sánh cô này với cô gái tối qua, ông cho rằng Nêliđôva hơn.

Sau buổi lễ ông đến chỗ Hoàng hậu và sống ít phút với gia đình, đùa cùng với vợ và con cái. Sau đó ông đi qua tu viện Ermitagiơ [40] tới chỗ Vôncônxki, bộ trưởng phụ trách cung điện và

nhân tiện giao cho ông ta việc trích khoản tiền riêng của mình để trợ cấp hàng năm cho bà mẹ cô gái tối qua. Rồi ông lên xe đi dạo như lệ thường.

Bữa ăn trưa hôm đó dọn ở phòng Pompêi(41), ngoài các cậu con trai nhỏ của ông là Nhikôlai và Mikhain, còn có các khách mời, nam tước Liven, bá tước Rgievuxki, Đôngôruki, viên công sứ Phổ và sĩ quan phụ tá ngự tiền của vua Phổ.

Trong khi chờ đợi hoàng hậu và hoàng đế, viên công sứ Phổ và nam tước Liven hứng thú trò truyện với nhau về những tin tức đáng lo ngại mới nhận được ở Ba Lan.

- *La Pologne et le Caucase ce sont les deux cautères de la Russie,*- Liven nói. - *Il nóu faut cent mille hommes à peu près dans chacun de ces deux pays* (*).

Nghe thấy thế viên công sứ giả vờ tỏ vẻ ngạc nhiên.

- *Vous dites la Pologne* (**), - ông ta nói.

- Ồ, vâng, đó là một ngón xảo trá của Metterních(42) nhằm gây khó khăn cho chúng tôi.

Câu chuyện đến đó thì hoàng hậu với mái đầu lúc lắc và nụ cười băng giá bước vào, theo sau bà là Nhikôlai.

---

* Ba Lan và Kápkadơ là hai cái nhọt của nước Nga. Trong mỗi xứ đó chúng tôi cần phải có ít ra là mười vạn quân (tiếng Pháp).
** Ông nói là Ba Lan... (tiếng Pháp).

Ngồi vào bàn, Nhikôlai kể chuyện về việc Khátgi-Murát quy thuận và cho biết chiến tranh ở Kapkadơ giờ đây chắc chắn là sắp kết thúc do kết quả những mệnh lệnh của ông về việc đẩy lùi dân miền núi bằng cách đốn gỗ và hệ thống đồn luỹ.

Viên công sứ đưa mắt rất nhanh nhìn viên sĩ quan phụ tá ngự tiền của vua Phổ, mới sáng hôm nay ông ta đã nói với viên sĩ quan này về nhược điểm bất hạnh của Nhikôlai tự coi mình là một nhà chiến lược vĩ đại, lúc này viên công sứ ra sức ca ngợi kế hoạch đó, một lần nữa chứng minh tài thao lược vĩ đại của Nhikôlai.

Sau bữa ăn, Nhikôlai đi xem vũ ba-lê, tại đó hàng trăm phụ nữ mặc áo nịt hở hang bước uốn éo. Có một cô đặc biệt vừa mắt ông, ông gọi người vũ sư đến, cám ơn ông ta và sai tặng ông ta một chiếc nhẫn đính kim cương.

Hôm sau nghe Tsernưsép báo cáo, Nhikôlai lại khẳng định một lần nữa mệnh lệnh của mình gửi cho Vôrôntxốp, nói rằng giờ đây khi Khátgi- Mu rát đã qui thuận, cần phải đẩy mạnh việc làm cho dân chúng Tsétsnia hoang mang và xiết chặt vòng vây vùng này bằng tuyến biên phòng.

Tsernưsép đã viết thư cho Vôrôntxốp theo tinh thần đó và một phái viên khác ruổi ngựa, đánh vỡ mặt nhiều xà ích, phóng tới Tiphlít.

XVI

Để thực hiện mệnh lệnh của Nhikôlai, cuộc đột kích vào Tsétsnia được tiến hành ngay trong tháng Giêng năm 1852.

Đội quân đột kích gồm 4 tiểu đoàn bộ binh, hai trăm kỵ binh Kô-dắc và tám khẩu đại bác. Hàng quân đi trên đường. Những người lính thiện xạ đi giày cao cổ, mặc áo choàng lông ngắn, đội mũ lông cao, vai khoác súng và đeo băng đạn đi ở hai bên hàng quân thành một tuyến liên tục, lên lên xuống xuống, băng qua các khe. Cũng như mọi khi, quân đội tiến trên đất địch, hết sức giữ im lặng. Chỉ thỉnh thoảng khi đi qua những cái rãnh, súng ống mới nảy lên kêu lách cách hoặc do không hiểu mệnh lệnh giữ im lặng con ngựa kéo pháo thở phì phì hay hí lên, hoặc viên chỉ huy bằng giọng khàn khàn cố nén, quát lính dưới quyền mình vì tuyến quân đi hoặc kéo dài quá hoặc gần hay xa hàng quân quá. Chỉ có một lần, sự im lặng bị phá vỡ vì một con dê cái, bụng và đuôi trắng, lưng màu xám và một chú dê đực giống như thế với bộ sừng nhỏ cong trên lưng nhảy từ bụi gai nhỏ nằm giữa tuyến rải quân và hàng quân ra. Những con vật đẹp đẽ, nhút nhát đó co hai chân trước lại nhảy những bước dài, lao tới hàng

quân gần đến nỗi mấy người lính hét vang lên, cười khanh khách và đuổi theo chúng, định dùng lưỡi lê đâm chúng, nhưng những con dê quay ngoắt trở lại, nhảy băng qua tuyến rải quân, bị mấy con chó của kỵ binh và bộ binh đuổi theo, chúng phóng vun vút vào núi như những con chim.

Còn đang mùa đông nhưng mặt trời lên cao và tới giữa trưa, khi đội quan khởi hành từ sáng sớm đã đi được gót một chục véc-xta, mặt trời sưởi ấm tới mức cảm thấy nóng bức, nắng chói chang đến nỗi làm loá mắt khi nhìn vào những lưỡi lê bằng thép và những mảnh đồng ở các cỗ đại bác bất chợt sáng loé lên như những vầng mặt trời nhỏ.

Đằng sau là con sông nhỏ trong vắt, nước chảy xiết, mà đội quân vừa vượt qua, phía trước mặt là những dồng cỏ và cánh đòng đã cày bừa với những khe lạch không sâu lắm, xa hơn nữa về phía trước là những dãy núi đen bí ẩn được cây rừng phủ kín, đằng sau những dãy núi đen thẫm đó là núi đá, xa xa phía chân trời cao, những ngọn núi phủ tuyết, vĩnh viễn mỹ lệ, vĩnh viễn không đổi thay, lóng lánh dưới ánh nắng như kim cương.

Đi ở phía trước đại đội năm là viên sĩ quan cao lớn đẹp trai Butle mới chuyển từ cận vệ sang, mặc áo đuôi én màu đen và đội mũ lông cáo và

đeo kiếm trên vai. Anh cảm thấy niềm vui sống sảng khoái, đồng thời cũng cảm thấy nguy cơ của cái chết, khát vọng hoạt động của anh và ý thức được rằng mình đang nhập thân vào cái toàn thể lớn lao do một ý chí điều khiển. Đây là lần thứ hai Bútle ra trận, anh sung sướng nghĩ rằng thế là lát nữa đây, chúng nó sẽ bắn vào bọn anh và anh chẳng những không cúi đầu dưới những quả đạn đang bay, hoặc không chú ý đến tiếng đạn réo, mà còn ngẩng cao đầu, như trong trận trước, mỉm cười nhìn vào mặt đồng đội và binh lính, và anh sẽ nói bằng giọng thờ ơ nhất về một chuyện xa xôi gì đó.

Đội quân rẽ ngoặt khỏi con đường dễ đi và bước sang con đường ít người qua lại chạy giữa những gốc ngô, và bắt đầu tiến sát rừng cây, rít lên ghê rợn, rồi rơi xuống quãng giữa đoàn xe, chỗ ruộng ngô ven đường cái, nổ bùng làm đất bắn tung toé.

- Bắt đầu rồi, - Bútle vui vẻ mỉm cười nói với một bạn đồng đội đang đi lại phía anh.

Quả nhiên tiếp theo sau tiếng nổ đó, một toán đông ky binh Tsétsen mang cờ hiệu xuất hiện từ sau rừng. Ở giữa đám này có một lá cờ hiệu to, màu xanh và viên chánh quản già của đại đội, một người rất tinh mắt đã báo cáo cho Bútle cận thị biết rằng có lẽ đó chính là Samin.

Toán quân đó đi xuống núi, rồi xuất hiện trên đỉnh khe hẻm gần đó ở phía tay phải, rồi lại tụt xuống phía dưới. Một viên tướng nhỏ nhắn mặc áo đuôi én màu đen ấm áp và đội mũ lông cáo có gù trắng lớn, phi nước kiệu tới đại đội của Bútle và ra lệnh cho anh ta biết đi về phía tay phải để đánh lại các kỵ binh đang xuống núi. Bútle nhanh chóng dẫn đại đội của mình đi theo hướng đã được chỉ định, nhưng anh chưa kịp tụt xuống lòng khe đã nghe thấy sau lưng mình hai phát đại bác nổ liên tiếp. Anh ngoái đầu nhìn lại: hai cụm khói xám bốc lên từ hai cỗ đại bác và kéo dài dọc lòng khe. Rõ ràng toán quân địch không ngờ đối phương có pháo binh nên quay trở lại. Đại đội của Bútle bắn duổi theo toán quân miền núi này và khắp thung lũng phủ đầy khói súng. Chỉ có ở phía trên thung lũng mới nhìn rõ những người miền núi, và tới bờ dốc khe thứ hai, họ nhìn thấy một bản làng.

Bútle cùng với đại đội của mình chạy theo đám kỵ binh Kô-dắc vào bản. Trong bản không có ai cả. Đám khói hăng hắc trùm lên khắp bản làng, binh lính xông vào đám khói đó, kéo từ các nhà ra những gì họ tìm được chủ yếu là họ bắt và bắn gà, những thứ dân miền núi không thể đưa đi được. Các sĩ quan ngồi xa đám khói, ăn lót dạ

và uống rượi. Viên chánh quản mang tới cho họ mấy bọng mật ong để trên mảnh gỗ. Không thấy tăm hơi người Tsétsen đâu. Quá trưa một lúc, có lệnh rút quân. Các đại đội chỉnh đốn hàng ngũ ở ngoài bản và Bútlephải đi hậu vệ. Họ vừa lên đường đã thấy những người Tsétsen xuất hiện, đuổi theo đội quân của họ và tiễn họ bằng những loạt đạn.

Khi đội quân ra tới quãng trống, những người dân miền núi dừng lại. Đại đội của Bútle không có ai bị thương và anh quay trở về với tâm trạng rất phấn chấn, vui vẻ.

Khi đội quân quay trở lại, lội qua con sông nhỏ buổi sáng ở chỗ nông, rồi trải dài ra trên đồng cỏ và cánh đồng ngô, các quản ca của các đại đội tiến lên trước và tiếng hát vang lên. Trời lặng gió, không khí tươi mát sạch tinh và trong suốt đến mức những ngọn núi tuyết phủ ở xa hàng trăm dặm tưởng như rất gần, và khi những người quản ca dứt tiếng, nghe rõ tiếng bước chân đi đều đều, tiếng súng ống lách cách, những âm thanh làm nền đệm cho khúc hát. Bài hát mà đại đội năm của Butle hát là của học sinh sĩ quan soạn để ca ngợi trung đoàn, theo điệu múa với điệp khúc: "Cừ hơn nhiều, cừ hơn nhiều, lính thiện xạ, lính thiện xạ!"

Bútle cưỡi ngựa đi cạnh cấp trên trực tiếp của mình là thiếu tá Pêtơrốp, người cùng sống với anh và anh hết sức vui mừng vì đã quyết định ra khỏi quân cận vệ và đi Kápkadơ. Lý do chính khiến anh rời bỏ quân cận vệ là anh đã thua bạc ở Pêterburg đến mức trong tay không còn gì cả. Anh sợ rằng ở lại quân cận vệ anh sẽ không đủ sức kìm mình không chơi bài, mà anh thì chẳng còn gì để mà chơi. Giờ đây thế là đã chấm dứt. Bắt đầu một cuộc sống khác, tốt đẹp và tốt đẹp biết mấy. Lúc này anh đã quên chuyện phá sản của mình, cũng như những món nợ anh chưa trả hết. Kápkadơ, chiến tranh, binh lính, các sĩ quan, thiếu tá Pêtớôp, con người dũng cảm tốt bụng và say rượu, - anh thấy dường như tất cả đều tốt, đến nỗi đôi khi anh không tin là mình không còn ở Pêterburg nữa, không còn gấp góc quân bàu, ghi điểm được thua [43] trong những căn phòng khói um ùm thuốc lá, căm ghét gã hồ li và cảm thấy đau đầu như búa bổ, không tin rằng mình lại ở đây, ở cái vùng kỳ diệu này, giữa những người dân Kapkadơ cừ khôi.

"Cừ hơn nhiều, cừ hơn nhiều, lính thiện xạ, lính thiện xạ!" - các quản ca của anh hát. Con ngựa của anh vui vẻ bước trong tiếng hát đó. Con chó xám Tơredorka lông xù của đại đội cụp

đuôi, vẻ băn khoăn, y như một vị chỉ huy, chạy trước đại đội của Bútle. Anh cảm thấy lòng sảng khoái, thanh thản và vui vẻ. Chiến tranh đối với anh chỉ có nghĩa là anh dấn thân vào hiểm nguy. có thể chết và do đó đáng được khen thưởng, được đồng đội ở đây cùng bạn bè người Nga của mình kính trọng. Nói ra thật lạ lùng, nhưng anh không tưởng tượng, hình dung được khía cạnh của chiến tranh là cái chết, vết thương của binh lính, của các sĩ quan, của những người dân miền núi. Thậm chí để duy trì một cách vô ý thức quan niệm thơ mộng của mình về chiến tranh, anh không bao giờ nhìn những người bị chết và bị thương. Giờ đây cũng vậy, - bên ta có ba người bị giết và mười hai người bị thương. Anh đi qua một xác chết nằm ngửa và chỉ liếc một mắt ngó tư thế kỳ quặc của bàn tay như làm bằng sáp ong và một vết đỏ thẫm trên đầu xác chết, chứ không dừng lại nhìn. Anh chỉ hình dung những người miền núi như những tráng sĩ cưỡi ngựa mà anh phải chống lại.

- Cảnh tượng ở đây như thế đấy, anh bạn ạ, - thiếu tá nói giữa chừng khúc hát. - Chứ không như ở Pêterburg của các anh: bên phải là đồng bằng. Bọn mình đã xong công việc và đang lên đường về nhà. Maria Đmitowrepna sẽ cho chúng

mình ăn súp ngon và bánh ngọt. Cuộc sống tuyệt vời ! Phải thế không ? Thôi nào". Khi bình minh dâng lên", - anh ra lệnh hát bài hát ưa thích của mình.

Thiếu tá sống với Maria Đmitơriépna - cô con gái ông y sĩ - như vợ chồng. Maria Đmitơriépna là một người đàn bà không có con, đẹp, tóc vàng, mặt đầy tàn nhang, tuổi trạc ba mươi. Dù quá khứ cô thế nào đi nữa, giờ đây, cô là người bạn gái tin cậy của thiếu tá, chăm sóc anh như con và điều đó là cần đối với thiết tá, con người thỉnh thoảng nốc rượu đẫy tễ đến mất trí.

Khi họ về tới pháo đài, tất cả đều đúng như thiếu tá đã nhìn thấy trước. Maria Đmitơriépna dọn cho anh, Bútle và hai sĩ quan khác trong đội quân được mời tới, một bữa ăn no nê, ngon miệng, thiếu tá đã ăn và uống đẫy tễ, đến nỗi líu lưỡi không nói được và về phòng mình đi nằm. Bútle cũng mệt, nhưng anh hể hả, uống thêm chút rượu vang đỏ nữa, bước vào căn phòng nhỏ của mình và chỉ vừa kịp cởi quần áo, gối mái đầu tóc xoăn đẹp đẽ của mình lên bàn tay, anh đã ngủ say tít, không thức giấc và mộng mị gì cả.

XVII

Bản làng bị cuộc đột kích thiêu huỷ chính là nơi Khátgi-Murát đã nghỉ một đêm trước khi ra quy thuận quân Nga.

Xađô, người chủ ngôi nhà mà Khátgi-Murát đã dừng lại đê hôm đó, cùng với gia đình chạy vào núi khi quân Nga tới gần bản. Trở về bản, Xađô thấy ngôi nhà của mình đã bị phá huỷ: mái bị sập, của và các cột hàng hiên bị đốt, trong nhà bừa bãi bẩn thỉu. Đứa con trai xinh đẹp của anh, cậu bé từng đưa cặp mắt lonh lanh phấn khởi nhìn Khátgi-Murát, đã bị giết chết, Xađô quấn chú vào chiếc áo bur-ka đưa lên ngựa mang tới giáo đường. Chú bé bị một nhát lê đâm suốt lưng. Người đàn bà tươi tắn từng phục dịch lúc Khátgi-Murát tới thăm, bây giờ mặc chiếc áo sơ-mi bị toạc, phơi ra bộ ngực già nua thõng thẹo, tóc xổ tung, chị đứng trước xác con trai, cào vào mặt mình để chảy máu và không gớt gào khóc. Xađô đem cuốc chim và xẻng cùng với người nhà đi đào huyệt con trai. Người ông già nua của chú bé ngồi ở chân tường ngôi nhà bị phá hủy và vừa vót chiếc gậy vừa đờ đẫn nhìn về phía trước mặt. Cụ vừa từ chỗ nuôi ong của mình trở về. Hai đồng cỏ khô ở đó đã bị đốt cháy; những cây

mơ và anh đào do cụ trồng và chăm sóc một cách say mê dã bị chặt gãy và cái chính là tất cả các tổ ong cùng với đàn ong đã bị đốt cháy. Hai xác chết nữa được đưa tới bãi làng, ở đó cũng như trong khắp mọi nhà vang lên tiếng gào khóc của phụ nữ. Lũ trẻ nhỏ oà khóc cùng với các bà mẹ. Gia súc đói, không có gì cho chúng ăn, cũng rống lên. Đám trẻ lớn không nô đùa, nhìn người lớn bằng cặp mắt sợ sệt.

Vòi nước đã bị làm ô uế, rõ ràng là cố ý, bởi thế không thể lấy nước ăn ở đó được. Giáo đường cũng bị làm ô uế, ông từ và các chú sãi phải đi cọ rửa.

Các bô lão tụ tập trên bãi làng và ngồi xổm bàn bạc tình hình. Không ai nói tới lòng căm thù đối với người Nga. Cảm xúc mà tất cả những người Tsétsen từ bé đến lớn đã trải qua còn mạnh hơn lòng căm thù. Đó không phải là lòng căm thù, mà là sự không thừa nhận lũ chó Nga này là người, là nỗi băn khoăn, ghê rợn và kinh tởm trước sự tàn bạo vô lý của lũ chúng nó, vì thế ý muốn tiêu diệt chúng như tiêu diệt lũ chuột, đám nhện độc và bày chó sói trở thành một tình cảmtự nhiên như tinh thần tự vệ vậy.

Dân bản đứng trước sự lựa chọn : ở lại tại chỗ và bằng những nỗ lực ngê gớm khôi phục lại

tất cả cái cơ ngơi phải mất bao công sức mới gây dựng nên và đã bị phá huỷ một cách dễ dàng, vô lý đến như thế, và chờ đợi sự tái diễn những cảnh đó vào bất cứ giây phút nào, hoặc đi ngược lại luật lệ tôn giáo và cảm giác khinh bỉ, kinh tởm đối với người Nga, chịu khuất phục họ.

Các bô lão cầu nguyện và nhất trí quyết định cử sứ giả tới chỗ Samin xin ông ta giúp đỡ, rồi họ bắt tay ngay vào việc khôi phục lại nhà cửa bị phá hoại.

XVIII

Ba ngày sau cuộc đột kích, lúc trời đã sáng được một lúc, Bútle đi từ thềm nhà đằng sau ra phố, anh định đi dạo và thở hít khí trời trước khi uống nước chè buổi sáng theo thường lệ cùng với Pêtơrốp. Mặt trời đã nhô ra khỏi dãy núi và nhìn vào những ngôi nhà bằng đất quét vôi trắng phía bên phải đường phố thật nhức mắt, nhưng bù lại, cũng như mọi khi, nhìn về bên trái thật vui vẻ và yên lòng: những quả núi đen thẫm được cây rừng phủ kín nhô cao, chạy tít ra xa và dãy núi tuyết mờ đục thấp thoáng sau hẻm núi, trông lúc nào cũng tưởng là mây.

Bútle nhìn những rặng núi đó hít thở căng lồng ngực và vui mừng vì anh đang sống, chính anh đang sống trên cõi đời đẹp đẽ này. Anh cũng hơi vui mừng vì anh đã xử sự tốt trong trận đánh hôm trước, lúc tấn công, đặc biệt là khi rút lui, lúc trận đánh trở nên khá ác liệt. Anh cũng vui mừng nhớ lại lúc hành quân trở về, Maria Đmitơriépna, người sống chung với Pêtơrốp, đã khoản đãi bọn anh và tỏ ra đặc biệt giản dị, dễ thương đối với tất cả mọi người, nhưng anh tưởng như cô đặc biệt âu yếm đối với riêng anh. Với bím tóc dày, đôi vai rộng, bộ ngực cao và khuôn mặt đôn hậu, tươi cười, rạng rỡ, phủ đầy tàn nhang, Maria Đmitơriépna vô tình toả sức hấp dẫn đối với Bútle, một con người chưa vợ, trẻ trung, khoẻ mạnh và thậm chí anh tưởng như cô ta ham muốn anh. Nhưng anh coi việc đó là xấu chơi đối với người bạn chất phác tốt bụng, nên anh đối xử với Maria Đmitơriépna một cách hết sức giản dị, kính nể và anh lấy thế làm vui mừng. Hiện giờ anh nghĩ tới chuyện đó.

Anh bị dứt ra khỏi suy nghĩ khi nghe tiếng vó ngựa dồn dập trước mặt mình trên con đường mù bụi, như thể có vài người phóng ngựa đi tới. Anh ngẩng đầu lên và trông thấy một đám kỵ sĩ đang ở cuối phố. Hai người phi ở đằng trước

hai chục lính Kô-dắc, một người mặc áo tser-ke-xka trắng, đội mũ lông cao kèm theo vành khăn, người kia là một sỹ quan phục vụ trong quân đội Nga, tóc đen, mũi khoằm, mặc áo tser-ke-xka màu xanh lam, quần áo và vũ khí dát nhiều bạc. Người ky sĩ quấn khăn cưỡi con tuấn mã màu hung, đầu nhỏ, mắt đẹp; viên sĩ quan cưỡi con ngựa cao to bảnh bao, nòi miền Karabakhơ. Bútle là người mê ngựa, anh đánh giá ngay được sức vóc mãnh liệt của con ngựa đi đầu và dừng lại để xem những người này là ai. Viên sĩ quan hướng về phía Bútle.

- Phải đây là nhà vị chỉ huy quân sự không? - anh ta hỏi, giơ roi ngựa chỉ ngôi nhà của Ivan Matvâyêvích, lời lẽ không biến cách và giọng nói anh ta chứng tỏ anh không phải gốc gác người Nga.

- Đúng nhà này. - Bútle nói.

- Đây là ai thế? - Bútle bước lại gần viên sĩ quan, đưa mắt chỉ người quấn khăn và hỏi.

- Đó là Khátgi-Murát. Ông ấy tới đây và sẽ ở lại nhà vị chỉ huy quân sự, - viên sĩ quan nói.

Bútle đã biết Khátgi-Murát và việc ông ta quy thuận người Nga, nhưng anh không hề ngờ lại thấy ông ta ở đây, tại cái đồn nhỏ bé này.

Khátgi-Murát thân thiện nhìn anh.

- Chào các ông, *kôskônđư* (*), - anh chào bằng tiếng Tatarơ mới học được.

- *Xaubun* (**), - Khátgi-Murát gật đầu, đáp. Ông cho ngựa đi lại gần Bútle và chìa tay, chiếc roi ngựa lủng lẳng trên hai ngón tay ông.

- Vị chỉ huy? - ông hỏi.

- Không, vị chỉ huy ở đây, tôi sẽ đi gọi ông ấy, - Bútle nói với viên sĩ quan, rồi bước lên thềm nhà và đẩy cánh cửa.

Nhưng cửa "thềm chính" như Maria Đmitơriépna gọi, đã đóng chặt. Bútle gõ, nhưng không nghe thấy tiếng trả lời, anh đi vòng ra cửa sau. Sau khi thét gọi cần vụ của mình và chẳng tìm thấy người nào trong hai anh cần vụ, anh bước vào bếp. Maria Đmitơriépna, đầu choàng khăn, mặt đỏ ửng, ống tay áo xắn lên để lộ hai cánh tay trắng đầy đặn, chị đang cắt tảng bột đã vê lại, trắng nõn như tay chị, thành những cục bột nhỏ để làm bánh ngọt.

- Bọn cần vụ trốn đâu nhỉ? - Bútle nói.

- Chúng nó đi uống rượu, - Maria Đmitơriépna nói. - Có việc gì thế anh?

---

* Chúc các ông khỏe (*tiếng Tuyếc*).

** Chúc ông khỏe (*tiếng Tuyếc*).

- Mở cửa ra. Trước cửa nhà chị có cả một đám dân miền núi kia kìa. Khátgi-Murát đã tới.

- Anh lại bịa rồi, - Maria Đmitơriépna mỉm cười nói.

- Tôi không nói đùa đâu. Thật đấy. Họ đang đứng ở cạnh thềm.

- Thật thế ư? - Maria Đmitơriépna nói.

- Tôi bịa chuyện với chị làm gì. Chị ra mà xem, họ đứng ở cạnh thềm ấy.

- Lạ thật đấy, - Maria Đmitơriépna nói, buông tay áo xuống và đưa tay lần chiếc trâm trên bím tóc dày của mình. - Thế thì tôi phải đánh thức Ivan Matvâyêvich dậy mới được.

- Thôi, để tôi đi cho. Còn chị, Bônđarenkô, đi mở cửa đi, - Bútle nói.

- Thôi, thế cũng được, - Maria Đmitơriépna nói và lại bắt tay vào công việc của mình.

Ivan Matvâyêvich Pêtơrốp đã nghe nói Khátgi-Murát ở Grôdnaia, biết tin Khátgi-Murát tới, anh không hề ngạc nhiên, anh nhỏm dậy, quấn điếu thuốc lá hút, bắt đầu mặc quần áo, ho sù sụ và càu nhàu cấp trên đã cử "của nợ" đó tới chỗ anh. Mặc quần áo xong, anh đòi cần vụ đưa "thuốc" tới. Người cần vụ, biết rằng thuốc đây tức là rượu vốt-ka, đã đem ra cho anh.

- Không có gì tệ hơn thứ nước hổ lốn này, - anh vừa càu nhàu, vừa uống rượu vốt-ka nhắm với bánh mì đen. -Hôm qua mình uống rượu vang đỏ và bị nhức đầu. Bây giờ xong rồi đây, - nói xong anh ta bước vào phòng khách. Bútle đã đưa Khátgi-Murát và viên sĩ quan đi theo ông vào đây.

Viên sĩ quan hộ tống Khátgi-Murát chuyển cho Ivan Matvâyêvích mệnh lệnh của vị chỉ huy cánh trái là phải tiếp nhận Khátgi-Murát, cho phép ông ta tiếp xúc với dân miền núi thông qua dân do thám, tuyệt đối không được cho ông ta đi ra khỏi đồn, nếu không có lính Kô-dắc đi kèm.

Đọc xong tờ lệnh, Ivan Matvâyêvích nhìn chằm chằm vào Khátgi-Murát, rồi lại chăm chú đọc tờ lệnh. Anh đã mấy lần đưa mắt từ tờ lệnh sang nhìn khách, sau cùng anh nhìn Khátgi-Murát và nói:

- *Iaksi, bek-iaksi* (*). Ông ấy sống ở đây cũng được. Anh hãy bảo cho ông ấy biết rằng tôi được lệnh không để cho ông ấy đi ra khỏi đồn. Mà mệnh lệnh là thiêng liêng lắm. Bútle này, anh nghĩ nên để ông ta ở đâu? Ở trong văn phòng chăng?

Bútle chưa kịp trả lời, Maria Đmitơriépna từ bếp ra đứng ở cửa ra vào, nói với Ivan Matvâyêvích:

- Đưa đến văn phòng làm gì? Anh hãy để cho

(*) Tốt, rất tốt (*tiếng Tuyếc*)

ông ta ở đây. Ta sẽ dành cho ông bạn gian nhà kho. Ít ra mình cũng còn để mắt tới được, - chị nói, nhìn Khátgi-Murát, bắt gặp cái nhìn của ông, vội vã quay xuống bếp.

- Tôi nghĩ rằng Maria Đmitơriépna nói đúng, - Bútle nói.

- Ôi dào, đi đi, đàn bà thì biết cái quái gì ở đây, - Ivan Matvâyêvích cau mày nói.

Trong lúc họ trao đổi, Khátgi-Murát ngồi, tay để lên cán dao găm và mỉm cười khinh khỉnh. Ông nói rằng ông sống ở đâu cũng thế thôi. Ông chỉ cần một điều và điều này đã được đức ông cho phép, là bắt liên lạc với dân miền núi, vì thế ông mong ước người ta để cho họ đến chỗ ông. Ivan Matvâyêvích nói sẽ làm như vậy và nhờ Bútle tiếp khách, trong khi chờ người ta mang thức ăn tới cho họ và sửa soạn phòng ở, còn bản thân anh đi tới văn phòng để viết những giấy tờ cần thiết và ra những mệnh lệnh cần thiết.

Quan hệ của Khátgi-Murát với những người quen mới của ông bây giờ đã được xác định rất rõ ràng. Đối với Ivan Matvâyêvích, ngay từ lúc mới thoạt làm quen, Khátgi-Murát đã cảm thấy khinh bỉ ghê tởm, nên bao giờ cũng đối xử với anh ta một cách kiêu ngạo. Ông đặc biệt ưa thích Maria Đmitơriépna, người nấu nướng và mang thức

ăn cho ông. Ông ưa vẻ giản dị của chị, vẻ đẹp đặc biệt của một người khác dân tộc với ông và thiện cảm của chị đối với ông, mà chị đã vô tình để lộ cho ông thấy. Ông cố gắng không nhìn chị, không nói với chị, nhưng cặp mắt ông cứ bất giác hướng về chị và dõi theo các cử chỉ của chị.

Đối với Bútle, ngay từ lúc mới làm quen, ông đã đối xử thân ái và vui lòng nói chuyện nhiều với anh, hỏi han về đời sống của anh, kể cho anh nghe về đời sống của mình, thông báo cho anh biết những tin tức về gia đình mình do quân do thám đưa đến, thậm chí còn trao đổi với anh xem ông nên làm gì.

Tin tức do quân do thám đem tới cho ông không tốt lành. Trong vòng bốn ngày ông ở đồn này, họ đã hai lần tới chỗ ông và những tin tức trong cả hai lần đó đều xấu.

XIX

Ngay sau khi Khátgi-Murát quy thuận người Nga, gia đình của ông đã bị chuyển tới bản Vêđenô và bị canh giữ ở đó, chờ lệnh của Samin. Cánh đàn bà - bà lão Patimát và hai người vợ của Khátgi-Murát cùng năm đứa trẻ nhỏ sống ở trong một

ngôi nhà dưới sự canh phòng của viên đội Ibraghim Rasit: còn con trai của Khátgi-Murát, chàng thanh niên Iuxúp mười tám tuổi bị bỏ tù, nghĩa là bị giam trong một cái hố sâu hơn hai mét cùng với bốn tội phạm nữa chờ đợi số phận được quyết định.

Chưa có quyết định gì về số phận của họ vì Samin đi vắng. Ông đang tham gia cuộc hành quân chống quân Nga.

Ngày mùng 6 tháng Giêng năm 1852, Samin trở về nhà ở Vêđenô, sau khi đánh nhau với quân Nga, trong trận này, theo ý kiến người Nga, ông đã bị đánh tan và chạy về Vêđenô, theo ý kiến của bản thân ông và của tất cả các vệ sĩ thì ông đã giành được thắng lợi và đuổi quân Nga bỏ chạy. Trong trận đánh đó đã xảy ra một điều hiếm có là ông đích thân bắn bằng súng trường, rồi tuốt gươm ra toan thúc ngựa xông thẳng vào quân Nga, nhưng các vệ sĩ hộ tống ông đã ngăn ông lại. Hai người trong số các vệ sĩ này đã bị giết ngay cạnh Samin.

Samin về tới chỗ ở của mình vào giữa trưa, một tốp vệ sĩ vây quanh ông, diễu võ dương oai, bắn súng trường và súng lục và luôn miệng hát bài "Lia illiakha il alla" (*).

Toàn thể dân chúng bản Vêdenô rộng lớn đổ ra đường, leo lên mái nhà chào đón vị chủ soái

của mình và cũng bắn súng trường, súng lục để mừng chiến thắng. Samin cưỡi con ngựa Ả Rập màu trắng, vui vẻ chỉnh lại dây cương khi tới gần nhà. Trang phục của con ngựa rất giản dị, không có đồ trang sức gì bằng vàng bạc: bộ dây cương nhỏ màu đỏ thanh mảnh, giữa có xẻ rãnh, những chiếc bàn đạp bằng kim loại trông giống như những chiếc cốc nhỏ, cái chăn phủ ngựa màu đỏ lộ ra dưới yên ngựa. Trên mình vị giáo trưởng Samin khoác chiếc áo choàng bằng dạ nâu trông rõ nẹp bằng da lông đen ở gần cổ và ống tay áo, cái đai lưng có đeo dao găm bó chặt thân hình thanh mảnh và cao của ông. Đầu ông đội chiếc mũ lông cao đáy bằng, có tua ngù đen, ngoài quấn vòng khăn trắng, đầu khăn thõng xuống tận cổ. Chân ông đi giày không đế màu xanh lá cây, bắp chân quấn xà cạp đen buộc bằng một sợi dây đơn giản.

Nói chung trên người giáo trưởng không có vàng bạc gì hào nhoáng, dáng người cao, thẳng, cường tráng của ông trong bộ quần áo không tô điểm, giữa đám vệ sĩ đeo vũ khí và mặc quần áo trang sức đầy vàng bạc, đã gây được ấn tượng về sự vĩ đại mà ông mong ước và biết cách gieo trong dân chúng. Khuôn mặt nhợt nhạt có bộ râu tỉa ngắn màu hung bao quanh, với cặp mắt nhỏ lúc nào cũng nheo lại, trông cứng đờ như đá. Khi đi dọc bản làng, ông thấy hàng nghìn cặp mắt đổ

dồn vào mình, nhưng ông chẳng nhìn ai. Các bà vợ Khátgi-Murát cùng với lũ con cũng cùng với mọi người trong nhà đi ra hàng hiên nhìn giáo trưởng trở về. Chỉ có mình bà lão Patimát, mẹ của Khátgi-Murát, không đi ra cửa, mà ngồi lại trên nền nhà như bà thường ngồi, mái tóc bạc rũ rượi, hai cánh tay dài ôm lấy cặp đầu gối khẳng khiu và nhấp nháy cặp mắt đen cháy bỏng nhìn những cành cây đang cháy nốt trong lò sưởi. Giống như con trai bà, lúc nào bà cũng căm ghét Samin, giờ đây bà càng căm ghét hơn trước kia và không muốn nhìn mặt ông ta.

Cả con trai của Khátgi-Murát cũng không được nhìn thấy chuyến trở về long trọng của Samin. Ngồi dưới đáy hố tối tăm hôi hám của mình, hắn chỉ nghe thấy tiếng súng, tiếng hát và hắn đau khổ như những chàng thanh niên, những con người tràn đầy sức sống, đau khổ vì bị tước mất tự do. Ngồi trong cái hố hôi hám và nhìn mãi vẫn những con người bất hạnh bẩn thỉu kiệt quệ bị giam chung với hắn, những kẻ phần lớn căm ghét nhau, giờ đây hắn hết sức ghen tị với những người được hưởng khí trời, ánh sáng, tự do, lúc này đang cưỡi trên những con tuấn mã vây quanh chủ soái, bắn súng và hoà nhịp hát bài "Lia illiakha il alla".

Sau khi đi dọc bản, Samin phi ngựa vào một

cái sân rộng ở phía tư thất của mình. Hai người Ledơghin có võ trang đón Samin ở cổng sân trước rộng mở. Trên sân đầy người. Ở đây có những người từ xa tới vì công việc của mình, có cả những người dân đến kêu cầu và những người do chính Samin triệu tới để xét xử và kết án. Khi Samin bước vào, tất cả những người có mặt ở trên sân đều đứng dậy chắp tay lên ngực cung kính chào giáo trưởng. Một vài người quỳ xuống và cứ quỳ mãi như thế lúc Samin phi ngựa qua sân, đi từ nhưng cổng ngoài vào các cổng khác bên trong sân. Tuy Samin biết rằng trong số những kẻ chờ đợi ông có nhiều người ông không ưa và có nhiều kẻ yêu cầu tẻ ngắt, đòi hỏi quan tâm đến họ, khuôn mặt sắt đá của ông vẫn không thay đổi, khi ông đi ngựa ngang qua họ. Qua khỏi cổng vào đến sân trong, ông rẽ sang bên trái và xuống ngựa trước hiên nhà mình.

Sau cuộc hành quân căng thẳng, về tinh thần nhiều hơn là về thể xác, bởi vì Samin nói cuộc hành quân đó thắng lợi, nhưng ông biết rằng cuộc hành quân của ông đã thất bại, nhiều bản làng của người Tsétsen bị đốt cháy và phá huỷ, dân chúng Tsétsen nông nổi hay thay đổi đã dao động và một số người trong bọn họ, những kẻ gần gũi nhất với người Nga đã chuẩn bị chạy sang phía quân Nga, tình hình đó thật gay go, cần phải có

biện pháp đối phó, nhưng lúc này Samin không muốn làm gì cả, không muốn nghĩ ngợi tới một cái gì hết. Giờ đây ông chỉ muốn một điều: nghỉ ngơi và được người vợ yêu quý nhất của mình, cô Aminét, người dân tộc Kítxin, mười tám tuổi, mắt đen, nhanh nhảu, vuốt ve âu yếm.

Nhưng chẳng những không thể nghĩ tới chuyện gặp Aminét bây giờ được, mà cũng không thể đi tới chỗ cô, không thể nằm nghỉ thoải mái trên chiếc giường nệm lông cho đỡ mệt. Lúc này Aminét ở ngay đằng sau hàng rào ngăn cách nơi ở của các bà vợ ở sân trong với khu nam giới (Samin tin chắc rằng thậm chí ngay lúc này đây, lúc ông xuống ngựa, Aminét và các bà vợ của ông đã nhìn ông qua khe hàng rào). Trước hết phải làm lễ nguyện buổi trưa, lúc này ông chẳng lòng dạ nào nghĩ đến lễ đó, nhưng chẳng những không thể không làm lễ được, vì ông là thủ lĩnh tôn giáo của dân chúng, mà đối với chính bản thân ông, lễ đó cũng cần thiết như thức ăn hàng ngày vậy. Và ông đã rửa tay và làm lễ nguyện. Cầu nguyện xong, ông cho gọi những người chờ được ông tiếp vào.

Người đầu tiên bước vào là Đgiêman-Eđin, bố vợ và thầy học của ông, một ông già đẹp lão, cao lớn, tóc bạc phơ, bộ râu trắng như tuyết, khuôn mặt hồng hào đỏ au. Cầu nguyện xong, ông già bắt đầu hỏi Samin về các biến cố trong cuộc hành

quân và kể lại những gì xảy ra ở trên núi trong lúc Samin đi vắng.

Ông già kể cho Samin nghe đủ mọi loại sự kiện diễn ra: những vụ giết người để trả nợ máu[44], những vụ ăn cắp gia súc, những kẻ bị kết tội không tuân thủ luật Ta-ri-kát[45]: cấm hút thuốc, uống rượu vang. Đồng thời Đgiêman-Eđin báo Samin biết rằng Khátgi-Murát đã cử người tới để đưa gia đình mình chạy sang chỗ quân Nga, nhưng công việc bị bại lộ và gia đình ông đã bị đưa tới Vêđenô, chịu sự quản thúc ở đây, chờ lệnh giáo trưởng. Các bô lão đã tụ họp trong phòng khách bên cạnh để bàn bạc tất cả các công việc đó và Đgiêman-Eđin khuyên Samin nên để họ ra về trong ngày hôm nay, vì họ đã đợi ông tới ba ngày rồi.

Sau khi ăn cơm trưa ở phòng mình do bà vợ cả của ông là Daiđét, người đàn bà mũi nhọn, tóc đen, bộ mặt khó đăm đăm và không được ông sủng ai đem tới, Samin bước vào phòng khách.

Sáu người thuộc hội đồng của ông gồm các bô lão với những bộ râu bạc phơ, xám và hung hung, quấn khăn hay không quấn khăn, đội mũ lông cao, mặc áo Be-smét hoặc áo tser-ke-xka mới, lưng thắt đai đeo dao găm, đứng dậy đón ông. Samin cao hơn tất cả bọn họ một cái đầu. Cũng như ông, tất cả bọn họ đều để ngửa lòng bàn

tay, giơ cánh tay lên, rồi nhắm mắt, đọc lời cầu nguyện sau đó đưa tay xoa mặt, hạ tay xuống vuốt râu, rồi chắp tay vào nhau. Xong đâu đấy, mọi người ngồi xuống, Samin ngồi ở giữa trên chiếc gối đệm cao hơn và họ bắt đầu bàn luận mọi công việc trước mắt.

Người ta xét xử những kẻ bị tố cáo phạm tội ác theo luật Sa-ri-át [46]: họ tuyên án chặt tay hai người vì tội ăn cắp, chặt đầu một người vì tội giết người, tha bổng ba người. Sau đó họ bàn tới công viêc chính: suy xét tìm biện pháp chống lại việc người Tsétsen chạy sang phía quân Nga. Để chống lại những cuộc di tản đó, Đgiêman-Eđin đã soạn ra lời bố cáo sau đây:

"Ta cầu mong cho các ngươi được yên bình vĩnh viễn với Thượng đế toàn năng. Ta nghe nói quân Nga vuốt ve các ngươi và kêu gọi khuất phục họ.

Các ngươi đừng tin họ, đừng khuất phục và hãy chịu đựng. Nếu như không vì thế mà được thưởng ở cõi đời này thì các ngươi sẽ được nhận phần thưởng trong mai sau. Các ngươi hãy nhớ tới lúc người ta tước vũ khí của các ngươi trước đây. Nếu như thời gian ấy năm 1840, Thượng đế không làm cho các ngươi tỉnh ngộ thì chắc các ngươi đã thành lính, đeo lưỡi lê thay cho dao găm và vợ con các ngươi chắc đã không mặc quần ống

rộng nữa và đã bị làm nhục. Các ngươi hãy căn cứ vào quá khứ và xét đoán về tương lai. Thà chết trong sự thù địch với người Nga, còn hơn sống với những kẻ dị giáo. Các ngươi hãy chịu đựng, ta sẽ mang Koran và thanh kiếm tới với các ngươi, ta sẽ chỉ huy các ngươi chống lại quân Nga. Giờ đây ta nghiêm ngặt ra lệnh không ai được có không phải chỉ là dự định, mà ngay cả ý nghĩ khuất phục người Nga".

Samin tán thành lời bố cáo đó, ký tên xuống dưới, rồi quyết định cho đem lan truyền.

Sau những việc đó, họ bàn đến việc của Khátgi-Murát. Việc này rất quan trọng đối với Samin. Tuy không muốn thừa nhận, nhưng ông biết rằng nếu Khátgi-Murát với tài khéo léo, tinh thần gan dạ và dũng cảm của mình mà còn ở với ông, thì tình hình ở Tsetsnia chắc đã không xảy ra như hiện nay. Hoà giải được với Khátgi-Murát và lại sử dụng ông ta thì tốt; nếu như không làm thế được, thì dẫu sao cũng không thể để cho ông ta giúp đỡ người Nga. Bởi vậy vô luận thế nào cũng phải kêu gọi ông ta quay về và gọi về được rồi, sẽ giết ông ta. Phương sách để làm việc đó là hoặc cử tới Tiphlít người nào có thể giết ông ta ở đó, hoặc gọi ông ta về, rồi thủ tiêu ông ta. Chỉ có một cách để làm việc đó là lợi dụng gia đình ông

ta và chủ yếu là con trai ông ta mà Samin biết rằng Khátgi-Murát vô cùng quý. Vì vậy phải tác động thông qua đứa con trai.

Khi các cố vấn bàn về chuyện đó, Samin nhắm mắt lại và im lặng.

Các cố vấn biết rằng như thế có nghĩa là giờ đây ông đang lắng nghe tiếng của vị tiên tri nói với ông, chỉ cho ông biết phải làm như thế nào. Sau năm phút im lặng trang trọng, Samin mở mắt ra, nheo mắt nhiều hơn nữa, rồi nói:

- Dẫn con trai Khátgi-Murát tới đây cho ta.

- Hắn đã ở đây, - Đgiêman-Eđin nói.

Quả thực Iuxúp, con trai Khátgi-Murát, chàng thanh niên gầy gò, xanh lướt, quần áo rách rưới và hôi hám, nhưng dáng người và khuôn mặt vẫn đẹp, có cặp mắt đen như mắt bà nội Patimát, đã đứng ở cổng sân ngoài chờ được gọi. Iusxúp không tán thành thái độ của cha đối với Samin. Hắn không biết tất cả những việc đã xảy ra hoặc có biết, nhưng chưa trải qua, nên không hiểu vì sao cha hắn lại thù địch dai dẳng như vậy với Samin. Hắn chỉ mong ước có một điều, tiếp tục cuộc sống thoải mái, phóng đãng như hắn đã từng sống ở Khundakhơ với tư cách là con trai của Na-íp, hắn tưởng như hoàn toàn không cần thiết phải thù địch với Samin. Trái ngược và chống đối lại cha,

hắn đặc biệt thán phục Samin và, giống như nhiều người dân miền núi hắn hân hoan tôn sùng Samin. Giờ đây, với thái độ sùng kính run sợ đặc biệt đối với giáo trưởng, hắn bước vào phòng khách, dừng lại ở cửa, bắt gặp cặp mắt của Samin nheo lại chằm chằm nhìn mình. Hắn đứng lại đó một lát, rồi bước lại gần Samin và hôn bàn tay trắng có những ngón to dài của ông.

- Anh là con trai của Khátgi-Murát?

- Chính tôi, thưa giáo trưởng.

- Anh có biết ông ấy đã làm gì không?

- Thưa giáo trưởng, tôi biết và tôi lấy làm tiếc về việc đó.

- Anh có biết viết không?

- Tôi đã được học để làm ông từ.

- Vậy anh hãy viết thư cho cha anh nói rằng nếu như bây giờ đây ông ấy quay trở về với ta trước ngày hội *bai-ran* (47), ta sẽ tha thứ cho ông ấy và mọi việc sẽ như trước đây. Bằng không, nếu ông ấy vẫn ở lại với quân Nga thì, - Samin cau mày giận dữ - ta sẽ cho giong bà anh, mẹ anh đi khắp các bản, và chặt đầu anh.

Không một bắp thịt động đậy trên mặt Iuxúp, hắn ta cúi đầu tỏ vẻ hiểu lời nói của Samin.

- Hãy viết như vậy và đưa cho sứ giả của ta.

Samin im lặng và nhìn Iuxúp hồi lâu.

- Hãy viết rằng ta thương hại anh và sẽ không giết anh, nhưng ta sẽ chọc mù mắt anh, như ta đã làm với tất cả những kẻ phản bội. Đi đi.

Iuxúp dường như bình tĩnh trước mặt Samin, nhưng khi người ta dẫn hắn ra khỏi phòng khách, hắn nhảy bổ vào người dẫn hắn, rút dao găm của người đó ra khỏi bao, định dùng nó để tự sát, nhưng người ta túm lấy tay hắn, trói hắn lại và lại dẫn hắn giam xuống hố.

Chiều tối hôm đó, khi đã xong lễ nguyện buổi chiều, lúc trời xẩm tối, Samin khoác chiếc áo choàng lông trắng đi sang chỗ ở của các bà vợ ở phía bên kia sân, sau hàng rào và hướng tới phòng Aminét. Nhưng Aminét không có ở đó. Cô ta ở chỗ các bà vợ khác của ông. Lúc ấy Samin cố gắng để không ai trông thấy mình, đứng ở đằng sau cửa phòng chờ đợi cô ta. Nhưng Aminét giận Samin, vì ông đã tặng vải lụa không phải cho cô, mà cho Daiđét. Cô đã trông thấy ông đi sang và vào phòng tìm cô, nhưng cô cố ý không về phòng mình. Cô đứng mãi ở cửa phòng Daiđét, cười khe khẽ, nhìn bóng người trăng trắng thập thò ở cửa phòng cô. Sau khi đã uổng công chờ đợi cô, Samin quay trở về phòng mình vào giờ nguyện nửa đêm.

XX

Khátgi-Murát đã sống được một tuần lễ tại nhà Ivan Matvâyêvích trong đồn. Mặc dầu Maria Đmitơriépna đã cãi nhau với anh chàng lông lá (Khátgi-Murát chỉ mang theo có hai người là Khanephi và Enđar) và có lần đã đẩy hắn ra khỏi bếp khiến suýt nữa hắn chém chết chị, rõ ràng chị vẫn có tình cảm đặc biệt, lòng kính trọng lẫn thiện cảm với Khátgi-Murát. Bây giờ chị không mang thức ăn cho ông nữa, chuyển việc đó cho Enđar, nhưng chị đã lợi dụng mọi cơ hội để trông thấy ông và khoản đãi ông. Chị cũng rất quan tâm tới các cuộc thương lượng về gia đình ông, biết ông có mấy vợ, con cái ông và tuổi của chúng, và lần nào sau khi quân do thám đến thăm ông, chị cũng dò hỏi về kết quả các cuộc thương lượng.

Trong tuần lễ đó, Bútle đã kết bạn hắn với Khátgi-Murát. Đôi khi Khátgi-Murát tới phòng anh, thỉnh thoảng anh đến phòng ông ta. Lúc thì họ trò chuyện qua người phiên dịch, có lúc họ nói bằng những phương tiện riêng, bằng cách ra hiệu và chủ yếu là bằng những nụ cười. Rõ ràng là Khátgi-Murát yêu quý Bútle. Khi Bútle bước vào phòng Khátgi-Murat, Enđar đón gặp anh ta, vui sướng nhe hàm răng trắng loá của mình và vội

vã đem gối đệm ra cho anh ngồi, tháo gươm cho anh, nếu anh mang theo.

Bútle cũng làm quen và giao du cả với anh chàng Khanephi lông lá, anh em kết nghĩa của Khátgi-Murát. Khanephi thuộc nhiều bài hát miền núi và hát hay. Để chiều lòng Bútle, Khátgi-Murát gọi Khanephi và bảo hắn hát những bài mà ông cho là hay. Giọng của Khanephi là giọng nam cao, hắn hát rõ ràng và diễn cảm lạ lùng. Một trong những bài hát đó được Khátgi-Murát đặc biệt ưa thích và làm cho Bútle ngạc nhiên vì âm điệu trang trọng buồn buồn của nó. Bútle nhờ người phiên dịch dịch nội dung bài hát để anh ta ghi chép.

Bài hát nói về việc trả nợ máu, giống như câu chuyện xảy ra giữa Khanephi và Khátgi-Murát.

Bài hát như sau:

"Đất sẽ khô trên mồ con và mẹ sẽ quên con, ôi mẹ thân yêu của con! Cỏ trên mồ sẽ mọc lan trên nghĩa địa - cỏ sẽ xua tan nỗi đau buồn của bố, ôi bố già của con. Những giọt lệ sẽ khô trên cặp mắt em gái tôi, cả nỗi đau buồn rồi cũng rời khỏi trái tim nó bay đi.

Nhưng anh đừng quên em, ôi người anh cả của em, chừng nào anh chưa báo thù cho cái chết của em. Anh đừng quên, cả anh hai của em nữa, chừng nào anh chưa nằm xuống bên em.

Đan ơi, ngươi nóng bỏng và mang lại cái chết, nhưng chẳng phải ngươi là nô lệ trung thành của ta đó sao? Đất đen ơi, ngươi phủ lên mình ta, nhưng chẳng phải ta đã cưỡi ngựa giày đạp lên ngươi đó sao? Cái chết ơi, ngươi lạnh lẽo, nhưng ta đã là ông chủ của ngươi. Đất đón lấy xác ta, trời nhận lấy hồn ta".

Khátgi-Murát bao giờ cũng nhắm mắt khi nghe bài hát đó và lúc bài hát kết thúc bằng một nốt nhạc kéo dài, lặng dần đi, bao giờ ông cũng nói bằng tiếng Nga:

- Bài hát hay, bài hát thông minh.

Cùng với việc Khátgi-Murát tới, cùng với việc làm quen với ông và các vệ sĩ của ông, thơ ca về đời sông kiên cường, đặc biệt của miền núi, càng xâm chiếm Bútle nhiều hơn. Anh đã đặt may cho mình áo be-smét, áo tser-ke-xka, xà cạp và anh tưởng như bản thân mình đã là người miền núi, cũng sống cuộc sống như họ.

Ngày Khátgi-Murát ra đi, Ivan Matvâyêvích tập hợp mấy sĩ quan tới để tiễn biệt ông. Khi Khátgi-Murát mặc đồ đi đường, đeo vũ khí, tập tễnh bước nhanh, nhẹ vào phòng, thì các sĩ quan kẻ đã ngồi ở bàn nước, nơi Maria Đmitơriépna rót nước trà, kẻ đã ngồi ở bàn khác có rượu vốt-ka, rượu vang đỏ địa phương và thức nhắm.

Mọi người đứng dậy và lần lượt bắt tay chào ông. Ivan Matvâyêvích mời ông ngồi lên tràng kỷ nhưng sau khi cám ơn, ông ngồi lên chiếc ghế tựa cạnh cửa sổ. Rõ ràng ông không hề bối rối khi thấy mọi người bỗng im lặng lúc ông bước vào phòng. Ông chăm chú đưa mắt nhìn tất cả các khuôn mặt và dửng dưng nhìn cái bàn có đặt ấm xa-mô-va và đồ nhắm. Viên sĩ quan hoạt bát Pêtơrôkốpxki, lần đầu tiên trông thấy Khátgi-Murát, đã thông qua phiên dịch hỏi ông có thích Tiphlít không.

- *Aia*, - ông nói.

- Ông ấy nói rằng có, - người phiên dịch đáp.

- Thế ông ấy thích cái gì ở đó?

Khátgi-Murát trả lời gì đó.

- Ông ấy thích nhà hát hơn cả.

- Thế lúc dự vũ hội ở nhà quan tổng tư lệnh, ông ấy có thích không ?

Khátgi-Murát cau mày.

- Mỗi dân tộc có phong tục riêng của mình. Phụ nữ ở chỗ chúng tôi không ăn mặc như vậy, - ông nói, đưa mắt nhìn Maria Đmitơriépna.

- Thế ông ấy không thích cái gì?

- Chúng tôi có câu tục ngữ, - ông nói với người phiên dịch, - chó đem thịt thết lừa, còn lừa đem

cỏ khô thết chó, - cả hai con đều đói, - ông mỉm cười. - Dân tộc nào cũng có phong tục hay.

Cuộc trò chuyện dừng ở đó. Các sĩ quan người thì uống nước trà, người thì nhấm rượu. Khátgi-Murát đỡ lấy cốc nước chè người ta mời ông, rồi đặt xuống trước mặt mình.

- Sao thế? Kem nhé? Bánh mì nhé? - Maria Đmitơriépna đưa các thứ đó cho ông và nói.

Khátgi-Murát nghiêng đầu

- Thôi, tạm biệt nhé! - Bútle nói, vỗ vào đầu gối ông. - Bao giờ gặp lại nhau?

- Tạm biệt! Tạm biệt! - Khátgi-Murát mỉm cười nói bằng tiếng Nga. - Ku-nak Bútle, ku-nak thân thiết nhiều. Đã đến lúc lên đường, - ông nói, hất đầu chỉ về hướng ông phải đi.

Enđar xuất hiện ở cửa phòng, vai mang một cái gì đó to trắng và tay cầm thanh kiếm. Khátgi-Murát vẫy gọi hắn, Enđar bước những bước dài tới chỗ Khátgi-Murát và đưa cho ông chiếc áo bur-ka trắng, cùng với thanh kiếm. Khátgi-Murát đứng dậy, cầm áo bur-ka vắt lên tay, trao cho Maria Đmitơriépna và nói gì đó với người phiên dịch. Người phiên dịch nói:

- Ông ấy bảo: chị đã khen chiếc áo bur-ka, chị hãy cầm lấy.

- Tại sao lại thế? - Maria Đmitơriépna đỏ mặt nói.

- Phải thế, - Khátgi-Murát nói.

- Thôi được, tôi cảm ơn, - Maria Đmitơriépna nói, cầm lấy cái áo bur-ka. - Cầu Chúa giúp ông cứu được con trai. *Ulan iaksi* (*). Anh hãy phiên dịch cho ông ấy biết rằng tôi chúc ông ấy cứu thoát được gia đình.

Khátgi-Murát nhìn Maria Đmitơriépna và gật đầu đồng tình. Sau đó ông cầm lấy thanh kiếm ở tay Enđar và trao tặng Ivan Matvâyêvích. Ivan Matvâyêvích đỡ lấy thanh kiếm và nói với người phiên dịch:

- Anh hãy bảo ông ấy lấy con ngựa thiến màu nâu của tôi, chả có gì để tặng lại ông ấy nữa.

Khátgi-Murát khua tay trước mặt, ý muốn nói ông không cần gì hết cả và ông không nhận ngựa, sau đó ông chỉ tay vào trái tim mình và về phía núi, rồi đi ra cửa. Mọi người đi theo ông. Các sĩ quan còn lại ở trong phòng rút thanh kiếm ra ngắm nghía lưỡi kiếm và cho rằng đây là loại kiếm Gurđa (48) thật.

Bútle đi cùng với Khátgi-Murat ra thềm. Nhưng bỗng xảy ra một chuyện không ai ngờ tới, có thể

---

* Ông giỏi lắm, tốt lắm (*tiếng Tuyếc*).

làm thiệt mạng Khátgi-Murát, nếu như ông không nhanh nhẹn, kiên quyết và khéo léo.

Dân chúng trong bản làng Tát-Kitsu của người Kumứk rất quý trọng Khátgi-Murat và đã nhiều lần tới đồn chỉ để được nhìn thấy vị naíp nổi tiếng, ba ngày trước khi Khátgi-Murát ra đi, họ đã cử người tới chỗ ông yêu cầu ông đến giáo đường của họ vào ngày thứ sáu. Các công tước người Kumứk sống ở Tát-Kitsu có món nợ máu với Khátgi-Murát và căm thù ông, biết tin đó, đã báo cho dân chúng biết rằng họ sẽ không để cho Khátgi-Murát vào giáo đường. Dân chúng xôn xao và đã xảy ra cuộc đánh nhau giữa họ với các lính canh của các công tước. Nhà đương cục Nga đã dẹp yên đám dân miền núi và cử người tới bảo Khátgi-Murát đừng đi đến giáo đường. Khátgi-Murát không đi và mọi người tưởng câu chuyện đến đó là xong.

Nhưng đúng vào lúc Khátgi-Murát ra đi, khi ông đã bước ra thềm và ngựa đã đứng sẵn ở cổng, thì công tước Arơxlan-Khan người Kumứk, quen biết cả Bútle lẫn Ivan Matvâyêvích đã phóng ngựa tới nhà Ivan Matvâyêvích.

Trông thấy Khátgi-Murát, ông ta rút súng lục ở thắt lưng ra và giơ súng nhằm vào Khátgi-Murát. Nhưng Arơxlan-Khan chưa kịp bắn, thì Khátgi-Murát mặc dầu bị thọt, nhanh như một con mèo

lao từ thềm xuống chỗ ông ta. Aroxlan-Khan bắn, nhưng không trúng. Khátgi-Murát chạy tới sát ông ta, một tay túm lấy dây cương ngựa của ông ta, tay kia rút thanh đoản kiếm và thét to gì đó bằng tiếng Tatarơ.

Cùng lúc đó Bútle và Enđar chạy lại phía hai địch thủ và túm lấy tay họ. Nghe tiếng súng nổ, cả Ivan Matvâyêvích cũng bước ra.

- Anh Aroxlan-Khan, tại sao lại gây chuyện xấu xa như thế ở nhà tôi! - sau khi biết chuyện, anh nói. - Làm như thế không tốt, anh bạn ạ. Ra ngoài cánh đồng thì mặc sức hai người, chứ sao lại tính chuyện giết người như thế ở nhà tôi.

Aroxlan-Khan, một người nhỏ nhắn, ria mép đen, mặt tái nhợt và run rẩy, xuống ngựa, hằn học nhìn Khátgi-Murát, rồi đi cùng với Ivan Matvâyêvích vào phòng khách. Khátgi-Murát cũng quay lại chỗ để ngựa, thở phào và mỉm cười.

- Vì sao ông ta muốn giết ông? - Bútle hỏi qua người phiên dịch.

- Ông ấy bảo luật lệ của các ông ấy như thế, - người phiên dịch chuyển lời của Khátgi-Murát. - Aroxlan-Khan báo thù ông ấy vì món nợ máu. Vì thế ông ta muốn giết.

- Thế ngộ nhỡ Aroxlan-Khan đuổi kịp ông ấy ở dọc đường thì sao? - Bútle hỏi.

Khátgi-Murát mỉm cười.

- Thì ông ấy sẽ giết, nghĩa là thánh Alla muốn thế. Thôi, tạm biệt, - ông lại nói bằng tiếng Nga và túm lấy bờm ngựa, ông đưa mắt nhìn khắp lượt những người đi tiễn ông và âu yếm bắt gặp cái nhìn của Maria Đmitơriépna.

- Tạm biệt bà, - ông nói với chị, - cảm ơn.

- Cầu Chúa, cầu Chúa giúp ông cứu được gia đình, - Maria Đmitơriépna nhắc lại.

Ông không hiểu lời, nhưng hiểu sự thông cảm của chị đối với ông và ông gật đầu với chị.

- Này, đừng quên ku-nak đấy nhé, - Bútle nói.

- Anh hãy bảo anh ấy rằng tôi là người bạn trung thành của anh ấy, tôi sẽ không bao giờ quên, - ông trả lời qua người phiên dịch và mặc dầu chân bị thọt, chỉ vừa mới chạm vào bàn đạp ông đã nhanh chóng và nhẹ nhàng cất mình lên chiếc yên cao, sửa lại kiếm, sờ khẩu súng lục bằng một động tác quen thuộc, với tư thế đặc biệt kiêu hãnh hùng dũng của người miền núi khi cưỡi ngựa, ông phóng ngựa rời khỏi nhà Ivan Matvâyêvích. Khanephi và Enđar cũng đã ngồi trên mình ngựa, họ thân ái chia tay với các chủ nhân và các sĩ quan, rồi phóng nước kiệu đi theo thủ lĩnh của mình.

Như thường lệ, người ta bắt đầu bàn tán về người ra đi.

- Tay cừ thật!

- Ông ta đã xông vào Aroxlan-Khan như một con sói, mặt mũi trông khác hẳn.

- Ông ta đánh lừa đấy, hắn là tay đại bịp, - Pêtơrôkốpxki nói.

- Cầu Chúa sao cho người Nga có nhiều kẻ bịp bợm được như thế, - bỗng nhiên Maria Đmitơriépna bực bội xen vào. - Ông ấy đã sống ở nhà chúng tôi một tuần lễ, ngoài điều tốt người ta chả thấy gì khác ở ông ấy, - chị nói.- Con người xởi lởi, thông minh, công bằng.

- Tại sao chị biết tất cả những chuyện đó?

- Có lẽ do tôi đã tìm hiểu.

- Cô đâm mê rồi hả? - Ivan Matvâyêvich bước vào nói. - Hẳn thế rồi còn gì.

- Ừ thì mê. Việc gì đến anh nào? Chỉ có điều tại sao lại lên án người ta khi người ta là một người tốt. Ông ấy là dân Tatarơ, nhưng là một người tốt.

- Đúng thế, Maria Đmitơriépna ạ, - Bútle nói. - Chị bênh vực thế cừ lắm.

XXI

Cuộc sống của những người ở trong các đồn tiền tiêu trên tuyến Tsétsnia vẫn trôi qua như cũ. Từ dạo đó tới nay đã có hai lần báo động, các đại đội chạy ùa ra, lính Kô-dắc và các đội dân binh miền núi đã về với quân Nga phóng ngựa đi, nhưng cả hai lần họ đều không thể chặn được dân miền núi. Những người dân miền núi rút lui và có lần tại Vôđđvigienxkaia họ đã rượt đuổi tám con ngựa của lính Kô-dắc. Kể từ sau cuộc đột kích trong đó có một bản làng đã bị phá tan hoang, không có cuộc đột kích nào nữa. Do việc bổ nhiệm công tước Bariatinxki làm chỉ huy mới của cánh trái, người ta chỉ chờ đợi một cuộc viễn chinh lớn vào vùng Đại Tsétsnia.

Công tước Bariatinxki, bạn của người kế vị ngai vàng(49), nguyên là chỉ huy trung đoàn Kabarđa. Giờ đây với tư cách là người chỉ huy toàn bộ cánh trái, vừa mới đến Grôdnaia, ông lập tức tập hợp một đội quân để tiếp tục thức hiện những mệnh lệnh của hoàng đế mà Tsernưsép đã truyền đạt cho Vôrôntxốp. Đội quân tập kết ở Vôđđvigienxkaia, rồi tiến ra vị trí xuất phát theo hướng Kura. Quân đội dừng ở đó và đốn gỗ.

Công tước Vôrôntxốp trẻ sống trong căn lều

lộng lẫy bằng dạ, vợ ông, Maria Vaxiliépna thường đến doanh trại và nghỉ đêm tại đó. Chẳng có ai không biết quan hệ của Bariatinxki với Maria Vaxiliépna, vì thế các sĩ quan không thuộc giới cung đình và binh lính xỉ vả bà ta một cách thô lỗ, vì do sự có mặt của bà ta ở doanh trại, mà ban đêm họ bị cử tới những trạm gác bí mật. Những người dân miền núi thường chở đại bác tới gần và nã đạn vào doanh trại. Phần lớn đạn không rơi trúng vào doanh trại và vì thế vào lúc bình thường người ta không đề ra biện pháp nào để chống lại việc nã pháo đó, nhưng để cho dân miền núi không thể di chuyển pháo và làm cho Maria Vaxiliépna sợ hãi, người ta đặt các trạm gác bí mật. Đêm nào cũng phải đi tuần phòng ở những trạm gác bí mật để làm cho bà lớn khỏi sợ hãi, đây là việc có tính chất xúc phạm, trái lòng người, vì thế binh lính và những sĩ quan không được tiếp nhận vào giới thượng lưu đã dùng những lời lẽ không tốt đẹp để mạt sát Maria Vaxiliépna.

Bútle đã xin nghỉ phép và rời khỏi đồn của mình tới chỗ đóng quân này để gặp gỡ các bạn học ở Trường thiếu sinh quân, các bạn đồng ngũ và cùng phục vụ trong trung đoàn Kura, các sĩ quan tuỳ tùng và sĩ quan phụ tá. Lúc mới đến, anh cảm thấy rất vui vẻ. Anh nghỉ tại căn lều của Pôntôrátxki, và tìm thấy ở đó nhiều người quen biết vui vẻ đón tiếp anh. Anh cũng tới chỗ

Vôrôntxốp mà anh hơi quen biết vì có lúc đã phục vụ ở cùng một trung đoàn với ông. Vôrôntxốp tiếp anh rất trìu mến, giới thiệu anh với công tước Bariatinxki và mời anh tới dự bữa ăn tiễn biệt tướng Kôdlốpxki, vị chỉ huy cánh trái trước khi Bariatinxki đến thay.

Bữa ăn rất linh đình. Sáu chiếc lều bạt đã được chở tới và căng liền nhau. Bàn kê suốt dọc chiều dài sáu lều đó, trên để bát đĩa và các chai rượu. Tất cả những thứ đó ngợi nhớ tới cảnh sống của quân cận vệ ở Pêterburg. Khoảng hai giờ chiều, mọi người ngồi vào bàn. Kôdlốpxki và Briantinxki ngồi ở quãng giữa bàn: mỗi người một bên. Vôrôntxốp ngồi ở bên phải Kôdlôpxki, vợ ông ngồi ở phía bên trái. Các sĩ quan thuộc trung đoàn Kabarna và Kura ngồi suốt dọc hai bên bàn. Bútle ngồi bên cạnh Pôntôrátxki, cả hai vui vẻ trò chuyện và uống rượu với các sĩ quan ngồi bên cạnh. Khi hơi men đã bốc và cần vụ bắt đầu rót rượu sâm-banh vào các cốc lớn, Pôntôrátxki thật sự sợ hãi và thương hại nói với Bútle :

- Cánh mình sẽ ngượng "ra trò" đấy.

- Sao thế?

- Vì ông ấy phải nói vài lời. Mà ông ấy có thể nói được gì?

- Đúng đấy, câu ạ, đây có phải là xông pha

tên đạn để chiếm thành luỹ đâu. Lại còn vị phu nhân và các ngài thuộc nhóm cung đình ngồi liền ngay bên cạnh nữa. Trông ông ấy quả thật tội nghiệp, - các sĩ quan nói với nhau.

Nhưng giây phút trang trọng đã tới. Bariatinxki đứng lên, nâng cốc, hướng về Kôdlốpxki nói mấy lời ngắn ngủi. Khi Bariatinxki nói xong Kôdlốpxki đứng lên và bắt đầu nói bằng giọng khá đanh thép:

- Thưa các ngài sĩ quan, theo lệnh của hoàng thượng tôi ra đi, chia tay với các ngài. Nhưng xin hãy xem tôi như lúc nào cũng ở bên các ngài... Chắc các ngài cũng biết một chân lý là: một cây làm chẳng nên non. Bởi vậy tất cả những gì tôi đã làm được trong công vụ của mình, tất cả các phần thưởng mà đức hoàng thượng quảng đại đã ban phát cho tôi, tất cả địa vị của tôi cũng như tài sản của tôi, tất cả những cái đó, tất cả những cái tôi có được đó nhất định là do... - đến đây giọng ông run lên, - tôi đã chịu ơn chỉ riêng các ngài và chỉ riêng các ngài mà thôi, những người bạn thân mến của tôi! - Và khuôn mặt đầy nếp nhăn của ông càng nhăn thêm. Ông sụt sịt và ứa nước mắt. - Tự đáy lòng mình, tôi xin bày tỏ với các ngài sự biết ơn chân thành của mình...

Kôdlốpxki không thể nói tiếp được nữa, ông đứng đó ôm hôn các sĩ quan bước lại gần ông.

Tất cả mọi người đều xúc động. Nữ công tước lấy khăn tay che mặt. Nhiều sĩ quan cũng ứa nước mắt. Tuy rất ít biết Kôdlốpxki, Bútle cũng không cầm được giọt lệ. Tất cả những việc này làm cho anh cực kỳ hài lòng. Tiếp đó người ta bắt đầu nâng cốc chúc mừng Bariatinxki, chúc mừng Vôrôntxốp, chúc mừng các sĩ quan, chúc mừng binh lính. Và rồi khách khứa rời khỏi bàn đều say khướt, vì uống đầy rượu vang và vì con nhà lính vốn hay dễ bốc.

Trong nắng đẹp tuyệt vời, tĩnh mịch, không khí tươi mát trong lành. Tiếng củi ở các đống lửa nổ tí tách, tiếng hát vang lên từ mọi phía. Tưởng như người ta đang dự hội hè gì đó. Bútle hết sức vui sướng, cảm động, đi tới chỗ Pôntôrátxki. Các sĩ quan tụ tập ở nhà Pôntôratxki, kê bàn đánh bài và viên sĩ quan tuỳ tùng cầm cái, đặt một trăm rúp. Đã hai lần Bútle đi ra khỏi lều, tay giữ chắc cai ví trong túi quần, nhưng sau cùng không nhịn được và tuy đã hứa với mình và anh em là không chơi bài nữa, anh lại chơi.

Và chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, Bútle đã đỏ mặt tía tai, mồ hôi nhễ nhại, lem luốc vì phấn trắng, ngồi chống hai tay lên bàn và ghi số tiền đặt của mình vào góc những quân bại quăn mép. Anh đã thua nhiều đến nỗi anh sợ không dám tính số tiền đã ghi. Tuy không tính, anh biết rằng

dù có đem tất cả tiền lương mà anh có thể lĩnh trước và tiền bán ngựa của mình ra, anh vẫn không thể trả hết được số tiền mà người sĩ quan tuỳ tùng không quen biết đã ghi cho anh. Anh còn định chơi nữa, nhưng viên sĩ quan tuỳ tùng nghiêm mặt, dùng hai bàn tay trắng trẻo sạch sẽ của mình hạ bài xuống và bắt đầu tính cột số ghi bằng phấn số tiền Bútle thua. Bútle bối rối xin lỗi anh ta, vì không thể trả được ngay tất cả số tiền đã thua và nói rằng về nhà anh sẽ gửi trả. Anh nhận thấy khi anh nói thế, mọi người đâm ra thương hại anh và tất cả, ngay cả Pôntôrátxki nữa, đều tránh cái nhìn của anh. Đây là buổi chơi bài cuối cùng của anh. Giá anh không chơi bài mà đến chỗ Vôrôntxốp theo lời mời của ông "thì chắc mọi việc đã tốt đẹp", - anh nghĩ, bây giờ sự tình chẳng những không tốt đẹp mà còn khung khiếp nữa.

Chia tay với đồng đội và người quen, anh ra về, tới nhà anh đi nằm ngay và ngủ liền một giấc mười tám tiếng đồng hồ, như người ta thường ngủ sau khi thua bạc. Thấy anh hỏi vay mình năm mươi kô-pếch để làm tiền chè nước cho người lính Kô-kắc đã đưa anh về, qua nét mặt buồn bã và câu trả lời cụt lủn của anh, Maria Đmitơriépna hiểu rằng anh đã thua bạc và chị trách móc Ivan Matvâyêvich vì sao lại thả cho anh đi.

Hôm sau Bútle tỉnh giấc vào lúc mười hai giờ và sực nhớ tới tình cảnh của mình, anh lại muốn vùi mình vào sự quên lãng mà anh vừa mới thoát ra, nhưng không được. Phải có biện pháp để trả bốn trăm bảy mươi rúp mà anh còn nợ con người không quen biết. Một trong những biện pháp đó là viết thư cho ông anh, ăn năn về tội lỗi của mình và xin ông anh gửi cho mình một lần chót năm trăm rúp, tính vào tiền chiếc cối xay thuộc sở hữu chung của hai anh em. Sau đó anh viết thư cho một người bà con keo kiệt của mình,

xin bà ta cho anh vay năm trăm rúp, bà muốn tính lãi bao nhiêu thì tính. Rồi anh đi tới phòng Ivan Matvâyêvích và khi biết anh ta hoặc đúng hơn là Maria Đmitơriépna có tiền, anh hỏi vay anh ta năm trăm rúp.

- Tôi sẽ đưa anh, - Ivan Matvâyêvích nói, - tôi sẽ đưa anh ngay, nhưng Maria Đmitơriépna sẽ không cho vay đâu. Các bà ấy rất bủn xỉn, có trời biết được họ. Thế mà lại phải gỡ thế bí, khỉ thật. Liệu cái thằng cha bán hàng cho bọn nhà binh chúng mình có tiền không?

Nhưng đừng hòng hỏi vay của người bán hàng cho nhà binh. Bởi thế việc cứu Bútle chỉ còn có thể trông chờ ở ông anh trai hoặc người bà con keo kiệt.

XXII

Không đạt được mục đích của mình ở Tsetsnia, Khátgi-Murát đã quay trở lại Tiphlít, hàng ngày đi tới nhà Vôrôntxốp và khi được tiếp, đã xin Vôrôntxốp cho tập trung số tù binh người miền núi để đổi lấy gia đình mình.

Ông nhắc lại rằng không thế thì ông bị bó tay và ông không thể phung sự người Nga và tiêu diệt Samin như ông mong muốn. Vôrôntxốp đã hứa hẹn một cách lơ mơ rằng sẽ làm những gì có thể được, nhưng trì hoãn, nói rằng sẽ quyết định công việc khi tướng Arơgutinxki tới Tiphlít, và ông sẽ trao đổi với tướng đó. Lúc ấy Khátgi-Murát xoay ra xin Vôrôntxốp cho phép ông tạm thời sống ở Nukha, một thị trấn nhỏ thuộc vùng phía Nam Kápkadơ, nơi ông cho là thuận tiện trong việc tiến hành thương lượng với Samin và và với những người trung thành với ông về gia đình mình. Ngoài ra ở Nukha, một thị trấn theo Hồi giáo, có giáo đường, ông có thể làm lễ nguyện một cách thuận tiện theo như luật lệ Hồi giáo đòi hỏi. Vôrôntxốp đã báo cáo với Pêterburg về chuyện đó, trong khi ấy ông vẫn cho phép Khátgi-Murát chuyển tới Nukha.

Đối với Vôrôntxốp, đối với chính quyền Pêterburg

cũng như đối với phần đông người Nga biết chuyện Khátgi-Murát, thì chuyện này hoặc là một bước ngoặt may mắn trong cuộc chiến tranh ở Kápkadơ, hoặc chỉ đơn giản là một trường hợp đặc biệt thú vị. Đối với bản thân Khátgi-Murát, đặc biệt vào thời gian cuối, đây là một bước ngoặt khủng khiếp trong đời ông. Ông đã bỏ chạy khỏi vùng núi, một phần để thoát thân, một phần do căm thù Samin và dù việc chạy trốn đó khó khăn thế nào đi nữa, ông đã đạt được mục đích của mình, lúc đầu ông vui mừng vì thành công của mình và thực sự nghiền ngẫm kế hoạch tấn công Samin. Nhưng hoá ra việc cứu gia đình ông lại khó khăn nhiều, chứ không dễ dàng như ông nghĩ. Samin đã nắm bắt và cầm tù gia đình ông, doạ sẽ đưa các bà vợ ông đi bêu ở các bản, giết chết hoặc chọc mù mắt con trai ông. Giờ đây Khátgi-Murát chuyển tới Nukha với mưu toan thông qua những người trung thành với mình ở Đaghextan, dùng mưu mẹo hoặc dùng sức mạnh cứu gia đình ông khỏi tay Samin. Tên do thám cuối cùng đến chỗ ông ở Nukha báo cho ông biết rằng những người Avarơ trung thành với ông định bí mật bắt cóc gia đình ông, rồi cùng với gia đình chạy sang phía quân Nga.

Nhưng số người để làm việc đó rất ít và họ không dám làm việc đó ở Vêđenô, nơi giam giữ gia đình Khátgi-Murát, họ sẽ chỉ làm việc đó trong

trường hợp người ta chuyển gia đình này từ Vêđenô tới một nơi khác. Họ hứa lúc ấy sẽ tiến hành công việc ở trên đường đi. Khátgi-Murát cho người nói với bạn bè mình rằng ông hứa thưởng ba nghìn đồng rúp cho việc cứu gia đình ông.

Ở Nukha, Khátgi-Murát sống trong một ngôi nhà nhỏ gồm năm phòng, không xa giáo đường và lâu đài của khan. Các sĩ quan đặc trách ông, người phiên dịch và các vệ sĩ của ông cũng sống trong ngôi nhà đó. Cuộc sống của Khátgi-Murát đã trôi qua trong sự chờ đợi và đón tiếp quân do thám ở miền núi tới và trong những cuộc cưỡi ngựa dạo chơi mà ông được phép tại các vùng xung quanh Nukha.

Ngày 8 tháng Tư, lúc đi dạo chơi trở về, Khátgi-Murát được biết một viên chức đã từ Tiphlít tới khi ông vắng mặt. Tuy nóng lòng muốn biết tin tức do viên chức đó đem tới, trước khi bước vào phòng, nơi cảnh sát trưởng và viên chức đó chờ đợi ông, ông trở về phòng mình làm lễ nguyện buổi trưa. Cầu nghuyện xong, ông bước sang phòng khác dùng làm phòng tiếp khách. Viên chức từ Tiphlít tới là viên cố vấn nhà nước 50 Kirilốp béo phục phịch, ông ta báo cho Khátgi-Murát biết rằng Vôrôntxốp mong muốn ông tới Tiphlít vào ngày 12 để gặp tướng Arơgutinxki.

- Được rồi, - Khátgi-Murát tức giận nói. Ông không ưa viên chức Kirilốp.

- Thế có mang tiền đến không?

- Có mang, - Kirilốp nói.

- Bây giờ hãy đưa tiền chi cho tôi trong hai tuần lễ đi. - Khátgi-Murát nói và xoè mười ngón tay ra, rồi xoè thêm bốn ngón nữa.

- Chúng tôi sẽ đưa ngay, - viên chức nói, rút ví ở túi đi đường của mình ra, - ông ấy cần tiền làm gì nhỉ? - Kirilốp nói bằng tiếng Nga với viên cảnh sát trưởng, tưởng Khátgi-Murát không hiểu. Nhưng Khátgi-Murát hiểu và tức giận nhìn Kirilốp. Trong khi lấy tiền ra, Kirilốp muốn nói chuyện với Khátgi-Murát để biết xem ông ta có nhắn nhe gì với công tước Vôrôntxốp không, và hỏi qua người phiên dịch xem ở đây ông ta có buồn chán không, Khátgi-Murát khinh khỉnh liếc mắt nhìn con người phục phịch thấp lùn mặc đồ dân sự, không đeo vũ khí và không trả lời gì cả. Người phiên dịch nhắc lại câu hỏi:

- Anh hãy bảo với ông ấy rằng tôi không muốn nói chuyện với ông ấy. Ông ấy cứ việc giao tiền đi. Nói xong Khátgi-Murát lại ngồi cạnh bàn, chuẩn bị đếm tiền. Kirilốp rút những đồng tiền vàng ra và xếp thành bảy cọc, mỗi cọc mười đồng, rồi đẩy tiền lại phía Khátgi-Murát (mỗi ngày Khátgi-Murát

được lĩnh năm rúp vàng). Khátgi-Murát thả những đồng tiền vàng vào ống tay áo tser-ke-xka đứng lên và vỗ vai viên cố vấn nhà nước một cách hoàn toàn bất ngờ, rồi đi ra khỏi phòng. Viên cố vấn nhà nước chồm đứng dậy và sai người phiên dịch nói rằng Khátgi-Murát không được làm như thế, bởi vì ông ta mang hàm đại tá. Viên cảnh sát trưởng cũng khẳng định như vậy. Nhưng Khátgi-Murát gật đầu tỏ ý hiểu, rồi bước ra khỏi phòng.

- Biết làm gì được với y, - viên cảnh sát trưởng nói. - Cứ xọc cho một lưỡi dao thế là xong. Đừng nói chuyện với lũ giòi bọ này cho phí lời. Tôi thấy hắn bắt đầu phát khùng rồi đấy. Trời vừa xẩm tối, hai tên do thám đội mũ trùm đầu che kín tận mắt, từ vùng núi tới. Cảnh sát trưởng dẫn họ vào phòng Khátgi-Murát. Đó là một người Tavlin tóc đen, mập mạp và một ông già gầy gò.

Họ mang đến cho Khátgi-Murát những tin tức không vui. Bạn bè ông, những người đã bắt tay lo cứu gia đình ông, bây giờ từ chối thẳng vì sợ Samin, kẻ đe dọa sẽ dùng hình phạt khủng khiếp nhất để trừng trị những ai giúp đỡ Khátgi-Murát. Nghe quân do thám kể xong, Khátgi-Murát chống tay vào hai chân xếp bằng tròn, gục đầu trong chiếc mũ lông cao, im lặng hồi lâu. Khátgi-Murát suy nghĩ và đã suy nghĩ một cách dứt khoát. Ông

biết rằng giờ đây ông suy nghĩ lần cuối cùng và nhất thiết phải quyết định. Khátgi-Murát ngẩng đầu lên, lấy tiền vàng, cho mỗi người do thám một đồng và nói:

- Thôi các người đi đi.

- Chúng tôi sẽ trả lời thế nào?

- Câu trả lời sẽ do Đức thánh phán truyền. Đi đi.

Những người do thám đứng dậy và ra đi, còn Khátgi-Murát tiếp tục ngồi bên thảm, khuỷu tay tựa trên đầu gối. Ông ngồi mãi như thế và suy nghĩ. "Biết làm gì đây? Tin lời Samin và quay về với hắn ta ư? - Khátgi-Murát nghĩ, - hắn quỷ quyệt như con cáo. Giá như hắn không lừa bịp, thì cũng không thể chịu khuất phục tên bịp bợm râu hung đó được. Không thể làm thế được vì giờ đây, sau khi ta đã về bên phía quân Nga, hắn không còn tin ta nữa rồi".

Và ông sực nhớ tới câu chuyện cổ tích của người Tavlin nói về con chim ưng: chim ưng bị bắt, sống với người, rồi quay trở về núi với loài chim của mình. Nó bay trở về, nhưng chân bị xiềng xích và trên xiềng xích đó có đeo lục lạc. Và những con chim ưng khác đã không tiếp nhận nó. Chúng nói: "Mày hãy bay về nơi người ta đeo những chiếc lục lạc bằng bạc này cho mày. Lũ ta không có

lục lạc, cũng không có xích xiềng". Con chim ưng không muốn rời bỏ quê hương và đã ở lại. Nhưng những con chim ưng khác không tiếp nhận và nhảy vào mổ nó.

"Chúng cũng sẽ mổ ta như vậy", - Khátgi-Murát nghĩ. "ở lại đây ư? Chịu khuất phục viên chúa tể vùng Kápkadơ người Nga, chạy theo vinh quang, chức tước, giàu sang ư?"

"Có thể được đấy", - ông nghĩ khi nhớ tới những cuộc gặp gỡ của mình với Vôrôntxốp và những lời lẽ phỉnh nịnh của vị công tước già".

"Nhưng phải quyết định ngay, kẻo không Samin sẽ giết gia đình ta". Suốt đêm Khátgi-Murát suy nghĩ, không ngủ.

XXIII

Tới giữa đêm ông đã tìm ra cách giải quyết. Ông quyết định phải chạy vào núi, rồi cùng với những người Avarơ trung thành đột nhập vào Vêđenô để hoặc là chết hoặc là giải thoát được gia đình. Ông có đưa gia đình quay trở lại với quân Nga không hay cùng gia đình chạy về Khundakhơ, rồi chiến đấu chống Samin, điều đó Khátgi-Murát chưa quyết định. Ông chỉ biết một điều là phải chạy

trốn người Nga vào vùng núi. Và ông bắt tay ngay vào việc thực hiện quyết định đó. Ông rút ở dưới gối ra chiếc áo be-smét đen lót bông và tới nơi ở của các vệ sĩ của mình. Họ sống cách ông một buồng hiên. Vừa bước chân ra buồng hiên mở rộng cửa, không khí tươi mát đẫm sương của đêm trăng phả vào ông và tiếng mấy con hoạ mi hót lảnh lót từ vườn cạnh nhà đập vào tai ông.

Băng qua buồng hiên, Khátgi-Murát mở cửa phòng các vệ sĩ. Trong phòng không thắp đèn, chỉ có vầng trăng non đầu tháng rọi vào cửa sổ. Chiếc bàn và hai ghế dựa đặt ở một bên, cả bốn vệ binh đều nằm trên áo bur-ka trải trên thảm lót nền nhà. Khanephi ngủ ở ngoài sân để coi ngựa. nghe tiếng cánh cửa kẹt mở, Gamdalô nhổm dậy, ngoái nhìn Khátgi-Murát, nhận ra ông, hắn lại nằm xuống. Enđar nằm bên cạnh chồm dậy, bắt đầu mặc áo be-smét, đợi lệnh. Kurban và Khan-Magôma vẫn ngủ. Khátgi-Murát đặt áo be-smét lên bàn, chiếc áo be-smét chạm vào mặt bàn đánh bịch một cái như đeo theo vật gì nặng. Đó là những đồng tiền vàng đã được khâu vào trong đó.

- Anh khâu cả những đồng này vào nữa, - Khátgi-Murát nói, trao cho Enđar những đồng tiền vàng mới nhận được hôm nay.

Enđar cầm lấy những đồng tiền vàng, đi ngay

ra chỗ có ánh sáng, rút con dao nhíp ở dưới dao găm ra, và rạch lần lót áo be-smét. Gamdalô nhổm dậy, ngồi xếp bằng tròn.

- Còn anh, Gamdalô, anh hãy bảo họ xem xét súng trường, súng lục và chuẩn bị thuốc súng. Ngày mai chúng ta sẽ đi xa, - Khátgi-Murát nói.

- Thuốc súng có, đạn cũng có. Sẽ sẵn sàng cả, - Gamdalô nói và làu bàu gì đó không rõ.

Gamdalô hiểu Khátgi-Murát ra lệnh nạp đạn vào súng để làm gì. Ngay từ đầu hắn chỉ ao ước một điều, ao ước đó ngày càng mãnh liệt: giết chết, chém chết càng nhiều lũ chó Nga càng tốt, rồi chạy vào núi. Lúc này thấy chính Khátgi-Murát cũng muốn như vậy, hắn lấy làm hả hê. Khi Khátgi-Murát đã ra khỏi phòng, Gamdalô đánh thức đồng đội dậy và suốt đêm bốn tên xem xét lại súng trường, súng lục, kíp nổ, đá lửa, thay những cái xấu, đổ thuốc úng mới vào các kíp đạn, nhét thuốc súng đã nạp và các viên đạn bọc trong mỡ giẻ tẩm mỡ vào đầy các túi áo, mài kiếm và dao găm, lấy mỡ bôi trơn lưỡi kiếm.

Trước khi trời rạng sáng, Khátgi-Murát lại bước ra buồng hiên để lấy nước làm lễ nguyện. Đứng ở buồng hiên nghe tiếng chim hoạ mi hót lảnh lót trước ban mai còn rõ hơn hồi đêm. Nghe thấy tiếng bọn vệ sĩ mài kiếm ở trong phòng, tiếng

sắt thép siết vào đá mài xoèn xoẹt. Khátgi-Murát múc nước trong thùng gỗ về tới cửa phòng mình, thì bỗng nghe thấy ngoài tiếng mài kiếm, giọng thanh thanh của Khanephi hát bài hát quen thuộc đối với ông. Khátgi-Murát dừng lại và lắng nghe.Bài hát kể rằng chàng tráng sĩ Gamdát cùng với các chàng trai dũng mãnh của mình lùa đàn ngựa trắng từ phía quân Nga về. Sau đó vị công tước Nga đuổi kịp anh ở sông Têrêk và đạo quân lớn của ông như một khu rừng dày đặc đã bao vây anh. Gamdát đã chém chết những con ngựa và cùng với các chàng trai dũng mãnh của mình nấp sau cái luỹ đẫm máu bằng xác các con ngựa đó để đánh nhau với quân Nga cho tới khi súng còn đạn, đoản kiếm còn ở thắt lưng và máu còn chảy trong huyết quản. Nhưng trước khi chết, Gamdát đã trông thấy những con chim ở trên trời, anh hét to bảo chúng: "Bầy chim di chú ơi, các người hãy bay về nhà chúng ta và nói với các chị em, các bà mẹ của chúng ta và những cô gái trắng trẻo rằng chúng ta đã chết vì kha-da-vát. Các ngươi hãy nói với họ rằng xác của chúng ta sẽ không nằm trong mộ, lũ chó sói thèm khát sẽ tha và ngốn ngấu xương cốt chúng ta và quạ đen sẽ móc mắt chúng ta".

Bài ca kết thúc bằng những lời đó. Giọng hát

phấn chấn của Khan-Magôma vui tính hoà vào những lời cuối cùng được hát bằng âm điệu buồn bã đó, lúc kết thúc bài hát hắn hét to: "Lia illiakha il alla" và rít lên the thé. Sau đó tất cả lặng đi và lại chỉ nghe thấy tiếng chim hoạ mi hót lảnh lót ở ngoài vườn và tiếng mài kiếm xoèn xoẹt đều đều, thỉnh thoảng tiếng sắt trượt nhanh trên đá mài rít lên sau cánh cửa.

Khátgi-Murát mải mê suy nghĩ, đến nỗi không nhận thấy chiếc bình nghiêng và nước chảy tràn ra ngoài, ông lắc lắc mái đầu, rồi đi về phòng mình.

Sau khi làm lễ nguyện buổi sáng, Khátgi- Murát xem xét lại vũ khí của mình, rồi ngồi trên giường nệm. Chả còn việc gì làm nữa cả. Muốn đi ra khỏi thị trấn phải xin phép viên cảnh sát trưởng. Nhưng ngoài sân hãy còn tối và viên cảnh sát còn đang ngủ.

Bài hát của Khanephi khiến ông nhớ tới một bài hát khác do mẹ ông đặt lời. Bài hát kể lại những việc đã xảy ra thật lúc Khátgi-Murát mới đẻ, và mẹ ông đã nói lại cho ông biết.

Bài hát như thế này:

"Lưỡi kiếm thép của anh xuyên qua bộ ngực trắng của tôi, tôi đã ấp đứa con trai của tôi, mặt trời của tôi vào ngực, đã tắm cho nó bằng dòng máu nóng của mình và vết thương đã lên da non

không cần rịt cỏ hay rễ cây thuốc, tôi không sợ chết và đứa con trai - tráng sĩ cũng sẽ không sợ chết". Lời hát hướng về người cha của Khátgi-Murát và ý nghĩa của bài hát là: khi Khátgi-Murát ra đời, bà mẹ các Khan cũng sinh hạ người con trai khác của mình là Umma-Khan và đòi mẹ của Khátgi-Murát người đã từng cho con trai cả của bà là Abununtxan-Khan bú, đến làm vú nuôi. Nhưng bà Patimát không muốn để con trai bị bỏ mặc, nên bảo bà sẽ không đi. Cha của Khátgi-Murát tức giận và ra lệnh cho vợ phải đi. Lúc bà mẹ Khátgi-Murát từ chối, ông đã dùng thanh đoản kiếm chém bà và nếu như người ta không đưa bà trốn đi, chắc ông đã giết bà. Thế là bà đã không đem cho đứa con, nuôi nấng nó và bài hát nói về việc đó.

Khátgi-Murát nhớ tới mẹ, khi bà đặt con ngủ cạnh mình trên nóc nhà, đắp chiếc áo choàng lông, hát cho con nghe bài ca đó và Khátgi-Murát đã đòi mẹ cho xem vết tích của vết thương ở cạnh sườn bà. Ông như nhìn thấy bà mẹ ngay trước mắt mình, không phải một bà già tóc bạc da nhăn nheo và hàm răng móm mém như khi ông từ giã mẹ, mà trẻ trung, xinh đẹp và khoẻ mạnh, đến nỗi lúc Khátgi-Murát đã lên năm, bà vẫn địu được cả đứa con chắc nịch đó đi xuyên qua núi tới thăm ông ngoại.

Và Khátgi-Murát nhớ tới ông mình: da mặt nhăn nheo với chòm râu nhỏ trắng như cước, ông là thợ làm đồ bạc, nhớ tới lúc đứng xem đôi bàn tay gân guốc của ông chạm bạc như thế nào và ông đã bắt cháu đọc kinh cầu nguyện ra sao. Khátgi-Murát nhớ tới vòi nước ở chân núi, nơi ông thường bám gấu quần mẹ, theo mẹ đi lấy nước. Ông nhớ tới con chó gầy guộc đã liếm mặt ông và đặc biệt là nhớ tới mùi vị khói và sữa chua khi ông đi theo mẹ vào gian nhà kho, nơi bà vắt sữa bò và nấu sữa. Ông nhớ khi bà mẹ cắt tóc cho ông lần đầu tiên và ông đã ngạc nhiên nhìn mái đầu nhỏ xanh xanh tròn trĩnh của mình phản ánh trong chiếc chậu bằng đồng sáng loáng treo trên tường như thế nào. Và khi nhớ tới mình lúc còn bé, ông cũng nhớ tới Iuxúp, đứa con trai yêu quý mà chính ông đã cắt tóc cho nó lần đầu tiên. Giờ đây thằng Iuxúp đó đã là một chàng trai tuấn tú, một tráng sĩ. Ông nhớ tới đứa con trai như khi ông thấy nó lần cuối cùng. Đó là ngày ông rời khỏi Tsenmét. Đứa con đã dắt ngựa ra cho ông và xin phép được đi tiễn ông. Nó đã mặc quần áo, đeo vũ khí và nắm lấy dây cương con ngựa của mình. Khuôn mặt trẻ trung hồng hào đẹp trai của Iuxúp và toàn bộ vóc dáng thanh mảnh cao cao của nó (nó cao hơn cha) đều toát ra tinh thần quả cảm của tuổi

trẻ và niềm vui sống. Là người cha, ông luôn luôn sung sướng ngắm nhìn con, nhìn đôi vai rộng của nó tuy nó hãy còn trẻ, bộ hông rộng trẻ trung, thân mình dài, những cánh tay dài lực lưỡng và những cử động mạnh mẽ, mềm dẻo, khéo léo của nó. - Tốt hơn hết là con hãy ở lại. Bây giờ trong nhà chỉ còn có mình con. Con hãy trông nom mẹ và bà, - Khátgi-Murát nói.

Khátgi-Murát nhớ tới vẻ mặt trẻ trung, kiêu hãnh của Iuxúp lúc nó đỏ mặt lên vì khoái trá, khi nói rằng chừng nào nó còn sống, không ai làm gì được mẹ và bà nó. Tuy vậy Iuxúp vẫn ngồi trên mình ngựa tiễn cha đến tận bờ suối. Tới bờ suối, nó quay trở lại và từ đó Khátgi-Murát không còn thấy cả vợ, cả mẹ lẫn đứa con trai nữa.ấy thế mà Samin muốn làm mù mắt đứa con trai đó! Còn về việc người ta sẽ làm gì vợ mình, thì ông không muốn nghĩ tới. Những ý nghĩ đó làm cho Khátgi-Murát xúc động, đến nỗi ông không thể ngồi lâu hơn nữa. Ông đứng phắt dậy, tập tễnh, nhanh nhẹn bước ra cửa, mở cửa hét gọi Enđar. Mặt trời chưa mọc, nhưng đã sáng hẳn. Chim họa mi vẫn không ngừng hót.

- Anh hãy nói với viên cảnh sát trưởng rằng ta muốn cưỡi ngựa dạo chơi, và các anh hãy đóng yên cương vào ngựa đi, - ông nói.

XXIV

Niềm an ủi duy nhất của Bútle trong thời gian đó là cái thi vị chiến chinh nó làm anh say đắm không chỉ trong công vụ, mà cả trong cuộc sống riêng nữa. Anh mặc áo tser-ke-xka, cưỡi ngựa một cách ngang tàng và đã đi phục kích hai lần cùng với Bốcđanôvích, tuy trong cả hai lần đó họ không rình rập và cũng không giết ai. Tinh thần dũng cảm này và tình bạn với Bốcđanôvích vốn nổi tiếng là người can đảm, đối với Bútle hình như là một điều thú vị và quan trọng. Anh đã trả xong món nợ của mình bằng cách vay tiền của một người Do Thái với lãi suất lớn, nghĩa là anh chỉ trì hoãn và đẩy lùi cái tình cảnh nan giải. Anh cố gắng không nghĩ đến tình cảnh của mình và ngoài cái thi vị chiến chinh, anh đã cố lãng quên bằng rượu vang. Anh uống ngày càng nhiều và dần dà anh ngày càng yếu đuối về tinh thần. Giờ đây anh chẳng còn là một anh chàng đẹp trai đối với Maria Đmitơriépna nữa, ngược lại, anh bắt đầu ve vãn chị một cách thô lỗ, nhưng điều kỳ lạ đối với anh là anh đã gặp phải sự chống đối kiên quyết của chị, sự chống đối làm anh rất hổ thẹn. Vào cuối tháng Tư, một đội quân tới đồn, tướng Bariatinxki định dùng đội quân này để tiến hành một cuộc hành quân mới qua suốt vùng Tsetsnia, mà người

ta cho là không thể đi qua được. Trong đội quân này có hai đại đội của trung đoàn Kabarđa và theo phong tục vùng Kápkadơ, các đại đội này được các đại đội thuộc trung đoàn Kura đón tiếp như những vị khách. Binh lính được phân tán vào các trại lính và được khoản đãi không chỉ bữa ăn với món cháo, thịt bò rán, mà cả rượu vốt-ka nữa. Các sĩ quan chia nhau tới ở nhà các sĩ quan và theo lệ, các sĩ quan ở đây thết đãi những người mới tới.

Sự khoản đãi kết thúc bằng việc chuốc rượu với các bài hát và Ivan Matxâyêvích say mềm, mặt không còn đỏ mà tái nhợt, xám ngoét, cưỡi trên một chiếc ghế dựa, rút kiếm ra vung kiếm lên giết những kẻ thù tưởng tượng, khi thì chửi rủa, cười khanh khách, khi thì ôm hôn mọi người, hoặc nhảy múa theo bài ca yêu thích của mình: "Samin đã bắt đầu nổi loạn vào năm ngoái năm xưa, tơ-ra-ra-ta-ta, vào năm ngoái năm xưa".

Bútle cũng có mặt ở đây. Anh cố gắng nhìn thấy trong đó thi vị chiến chinh, nhưng trong thâm tâm anh thương hại Ivan Matxâyêvích mà không có cách nào ngăn anh ta lại. Cảm thấy hơi men đã bốc lên đầu, Bútle lặng lẽ ra khỏi phòng và đi về nhà.Vầng trăng tròn vành vạnh chiếu sáng những ngôi nhà nhỏ màu trắng và

những viên đá lát đường. Trăng sáng vằng vặc đến mức trông rõ bất kỳ hòn sỏi, cọng rơm và đám phân súc vật nào ở trên đường. Về gần tới nhà, Bútle gặp Maria Đmitơriépna đội khăn choàng kín cả đầu và vai. Sau khi bị Maria Đmitơriépna cự tuyệt, Bútle hơi xấu hổ, tránh gặp gỡ chị. Giờ đây dưới ánh trăng và vì bén hơi rượu, Bútle sung sướng được gặp gỡ chị và muốn lại ve vãn chị. - Chị đi đâu đấy? - anh hỏi.

- Đi xem ông già Ivan của tôi ra sao, - chị thân ái trả lời. Chị đã hoàn toàn chân thành và kiên quyết gạt bỏ sự ve vuốt của Bútle, nhưng chị thấy khó chịu vì gần đây anh lảng tránh chị.

- Thăm ông ấy làm gì, ông ấy sắp về rồi đấy.

- Ông ấy sắp về rồi à?

- Không phải ông ấy về, mà người ta đưa ông ấy về.

- Thế à, thế thì không hay rồi, - Maria Đmitơriépna nói. - Thế ra ông ấy không đi được à?

- Không, không đi được. Thôi, tốt hơn hết là ta quay về nhà.

Maria Đmitơriépna quay lại và đi về nhà, bên cạnh Bútle. Trăng sáng đến nỗi quầng sáng xung quanh đầu xê dịch ở gần những cái bóng đang chuyển động ở cạnh đường. Bútle nhìn quầng sáng

đó ở gần bóng của mái đầu mình và định nói với chị rằng anh vẫn yêu thích chị, nhưng chẳng biết bắt đầu như thế nào. Chị chờ xem anh nói gì. Họ im lặng như thế, đi gần sát tới nhà, thì thấy có người cưỡi ngựa nhô ra ở góc đường. Một sĩ quan với đoàn hộ tống phi ngựa tới.

- Ai thế chả biết? - Maria Đmitơriépna nói và tránh sang một bên. ánh trăng chiếu vào phía sau người cưỡi ngựa đang đi tới, vì thế Maria Đmitơriépna chỉ nhận ra người đó, khi anh ta đã tới gần như ngang chỗ họ đứng. Đó là Kamênép, trước đây cùng phục vụ trong một đơn vị với Ivan Matxâyêvích, vì thế Maria Đmitơriépna biết anh ta.

- Anh đấy à, Piốt Nhikôlaiêvích,

- Maria Đmitơriépna nói với anh ta.

- Chính tôi, - Kamênép nói. - A, Bútle! Xin chào! Anh chưa ngủ ư? Anh dạo chơi với Maria Đmitơriépna đấy à? Coi chừng đấy, Ivan Matxâyêvích sẽ cho anh biết tay. Ông ấy đâu?

- Anh nghe đấy, - Maria Đmitơriépna nói, đưa tay chỉ về phía có tiếng trống cái và tiếng hát. - Họ đang chè chén.

- Cái gì thế, quý vị đang chè chén à?

- Không, họ chuyển quân từ Khaxáp-Iurta tới, thế là chúng tôi chiêu đãi họ.

- À đó là việc tốt. Và tôi đến vừa kịp. Tôi cũng chỉ đến gặp ông ấy một tí thôi.

- Có việc gì thế hở? - Bútle hỏi.

- Có một việc nho nhỏ.

- Lành hay dữ?

- Cái đó còn tuỳ từng người! Đối với ta đó là việc lành, đối với ai đó lại là việc xấu, - và Kamênép cười vang. Lúc đó cả những người đi bộ và Kamênép đã tới gần nhà Ivan Matxâyêvích.

- Tsikhirép! - Kamênép thét gọi người lính Kô-dắc. - Đi lại đây.

Anh lính Kô-dắc vùng sông Đông tách ra khỏi những người đi cùng và phi ngựa tiến lại. Anh ta mặc theo kiểu thông thường ở sông Đông, chân đi giày, mình khoác áo choàng, dưới yên ngựa có túi thồ hàng.

- Nào,rút cái đó ra, - Kamênép vừa nói vừa xuống ngựa. Người lính Kô-dắc cũng xuống ngựa và rút ở túi thồ hàng ra một cái bao gì đó. Kamênép đỡ bao đó từ tay người lính Kô-dắc, rồi thọc tay vào trong bọc.

- Cho các vị xem của lạ này nhé! Chị có sợ không? - anh nói với Maria Đmitơriépna.

- Sợ gì, - Maria Đmitơriépna nói.

- Của lạ đây này, - Kamênép nói, rút một cái

đầu người và giơ ra dưới ánh trăng, - Chị có nhận ra ai không?

Đó là một cái đầu tóc cắt ngắn màu đen và hàng ria mép tỉa ngắn, một đôi mắt mở, một mắt he hé, xương sọ bị chém xả, nhưng chưa bị bổ rời ra và màu đen ngòm đông lại trên sống mũi. Cổ quấn một chiếc khăn mặt đẫm máu. Tuy cái đầu bị nhiều vết thương, làn môi tái nhợt vẫn lộ vẻ trẻ thơ đôn hậu. Maria Đmitơriépna nhìn, không nói gì, rồi quay ngoắt đi và bước nhanh vào nhà.

Bútle không thể rời mắt khỏi cái đầu khủng khiếp đó. Đấy là cái đầu của chính Khátgi-Murát, người mà mới đây anh đã từng cùng ngồi chơi, trò chuyện thật thân ái trong những buổi tối.

- Sao lại thế? Ai giết ông ta? ở đâu? - anh hỏi.

- Ông ta muốn chuồn, người ta bắt lại, - Kamênép nói và chuyển cái đầu cho anh lính Kô-dắc, rồi đi vào nhà cùng với Bútle.

- Ông ta chết một cách dũng cảm, - Kamênép nói.

- Thế chuyện xảy ra như thế nào?

- Khoan đã, lúc Ivan Matxâyêvich tới, tôi sẽ kể chi tiết ngọn ngành. Tôi được phái tới để làm việc đó mà lại. Tôi sẽ đem cái đầu này tới mọi đồn luỹ, đến khắp các bản làng cho mọi người xem.

Người ta cho người đi gọi Ivan Matxâyêvích và anh say mềm quay trở về nhà cùng với hai sĩ quan cũng uống rất nhiều rượu, anh ôm hôn Kamênép.

- Tôi đem đầu của Khátgi-Murát tới cho ông, - Kamênép nói.

- Nói bậy! Người ta giết rồi à?

- Rồi, ông ta muốn chạy trốn.

- Tôi đã nói là ông ta lừa bịp mà. Thế nó đâu? Đầu lâu đâu? Đưa xem nào. Người ta gọi anh lính Kô-dắc và anh lính mang bao đựng cái đầu vào. Người ta lôi cái đầu ra và Ivan Matxâyêvích đưa cặp mắt say đờ nhìn nó hồi lâu.- Dẫu sao ông ta cũng là một tay cừ khôi, - anh nói. - Để tôi hôn ông ấy.

- Đúng, quả thật là một cái đầu dũng mãnh, - một sĩ quan nói. Khi mọi người đã xem cái đầu Khátgi-Murát, người ta lại trao nó cho anh lính Kô-dắc. Anh lính cho cái đầu vào bao, cố gắng thả nó trên sàn thế nào để nó cụng thật nhẹ.

- Kamênép này, thế sao anh bảo là anh sẽ đem trưng bày cho mọi người xem? - một sĩ quan nói.

- Không, để tôi hôn ông ấy. Ông ấy đã tặng tôi thanh kiếm, - Ivan Matxâyêvích gào lên.

Bútle bước ra ngoài thềm nhà. Maria Đmitơ-

riépna ngồi trên bậc thềm thứ hai. Chị ngoái nhìn Bútle, rồi lập tức tức giận quay ngoắt đi.

- Chị làm sao thế, Maria Đmitơriépna? - Bútle hỏi.

- Tất cả bọn các anh là quân ăn tươi nuốt sống người. Tôi không thể chịu được. Quân ăn tươi nuốt sống người, đúng thế, - chị nói rồi đứng dậy.

- Việc đó có thể xảy ra với tất cả mọi người, - Bútle nói, chẳng biết mình nói gì, - chiến tranh mà lại.

- Chiến tranh! - Maria Đmitơriépna la to. - Chiến tranh nào? Quân ăn tươi nuốt sống người, có thể thôi. Phải đem chôn xác chết xuống đất, ấy thế mà người ta lại đem nó ra giễu cợt. Quân ăn tươi nuốt sống người, đúng thế, - chị nhắc lại và rời khỏi thềm, vòng cửa sau đi vào nhà. Bútle trở lại phòng khách và đề nghị Kamênép kể lại tỉ mỉ toàn bộ sự việc.

Và Kamênép kể lại.

Câu chuyện như thế này.

XXV

Khátgi-Murát được phép cưỡi ngựa dạo chơi gần thị trấn, nhưng nhất thiết phải có một toán lính Kô-dắc hộ tống. ở Nukha có khoảng năm mươi

lính Kô-dắc, trong đó độ một chục người được phân đi theo hầu các quan trên, số còn lại nếu cắt cử họ, thì theo điều lệnh phải cắt cử từng tốp mười người, do đó cứ cách một ngày họ lại bị cắt cử đi làm việc. Bởi vậy ngày đầu tiên người ta cử motọ chục lính Kô-dắc, rồi sau đó quyết định cử năm người một và yêu cầu Khátgi-Murát không đem theo tất cả vệ sĩ của mình, nhưng ngày 25 tháng Tư, Khátgi-Murát đã đem theo cả năm vệ sĩ cưỡi ngựa đi dạo chơi. Lúc Khátgi-Murát đã ngồi trên mình ngựa, viên chỉ huy quân sự nhận thấy cả năm vệ sĩ đều chuẩn bị để đi theo Khátgi-Murát, liền nói với ông ta rằng ông không được phép mang tất cả vệ sĩ đi theo mình, nhưng Khátgi-Murát tựa hồ như không nghe thấy, thúc ngựa ra đi và vị chỉ huy quân sự cũng không nằng nặc đòi ông theo đúng quy định. Trong số lính Kô-dắc có viên hạ sĩ quan Nadarốp, đã từng được thưởng huân chương thánh Ghêorghi, tóc cắt ngắn theo kiểu để trái đào, người trẻ khoẻ hồng hào, tóc màu vàng thẫm. Anh là con trai cả trong một gia đình nghèo Cựu giáo, lớn lên không biết mặt cha và phải nuôi nấng bà mẹ già với ba con gái và hai em trai.

- Nadarốp này, coi chừng, đừng để ông ấy đi xa! - viên chỉ huy quân sự hét to.

- Rõ, thưa quan lớn, - Nadarốp đáp và rướn

mình trên bàn đạp, súng khoác trên vai, cho con ngựa thiến màu hung, cao to, mũi khoằm rất tốt của mình phi nước kiệu. Bốn người lính Kô-dắc phi ngựa theo sau anh: Phêrapôntốp người dãi ngoẵng, gầy gò, tên bợm số một và là một tay kiếm chác, chính hắn đã bán thuốc súng cho Gamdalô; Igơnatốp đã hết hạn tại ngũ, là một người đứng tuổi, một mu-gích khoẻ mạnh thường khoe khoang sức vóc của mình; Miskin yếu sức vì nhỏ tuổi, thường bị mọi người chế giễu và Pêtơrakốp, một anh chàng trẻ tuổi tóc màu sáng, lúc nào cũng dịu dàng và vui vẻ, con trai độc nhất của một bà mẹ goá.

Sáng sớm có sương mù, nhưng tới giờ ăn sáng, thời tiết đã thay đổi và mặt trời lấp lánh sáng trên những tán lá mới xoè rộng, trên đám cỏ non mơn mởn, trên đám lúa non và trên những gợn sóng của con sông nước chảy xiết thấp thoáng ở bên trái con đường.

Khátgi-Murát cho ngựa đi bước một thong thả. Những người lính Kô-dắc và các vệ sĩ của ông cưỡi ngựa theo sát sau ông. Họ thong thả cưỡi ngựa đi trên đường ra khỏi pháo đài. Họ gặp những người phụ nữ đội thúng ở trên đầu, những người lính đánh xe tải và những chiếc xe trâu kẽo kẹt. Đi được độ hai véc-xta, Khátgi-Murát thúc con ngựa nòi Kabarđa màu trắng của mình đi nước kiệu

khiến các vệ sĩ của ông phải chuyển sang đi nước kiệu nhanh. Những người lính Kô-dắc cũng tế ngựa phi nước kiệu.

- Khiếp, con ngựa của ông ta tốt thật, - Phêra-pôntốp nói. - Gặp lúc bất kham, chắc hẳn nó sẽ quật ngã ông ta.

- Ở Tiphlít người ta đã trả con ngựa đó ba trăm rúp đấy, anh bạn ạ.

- Thế mà con ngựa tôi theo kịp đấy, - Nada-rốp nói.

- Còn phải nói, hẳn là anh đuổi kịp rồi, - Phêra-pôntốp nói.

Khátgi-Murát ngày càng cho ngựa phi nhanh hơn.

- Ê, ku-nak, không được thế. Đi chậm chứ! - Nadarốp hét to, đuổi kịp Khátgi-Murát.

Khátgi-Murát ngoái nhìn lại, không nói gì cả, vẫn tiếp tục cho ngựa đi vượt lên như trước, không giảm tốc độ.

- Coi chừng, lũ quỷ này nghĩ ra trò gì đây, - Igơnatốp nói. - Trông kìa, chúng nó ra roi thúc ngựa. Họ đã đi được một véc-xta đường nữa hướng về vùng núi.

- Tôi bảo đây, không được thế! - Nadarốp lại quát to.

Khátgi-Murát không trả lời và không ngoái nhìn lại, chỉ cho ngựa đi nhanh thêm, từ nước kiệu chuyển sang nước đại.

- Mày nói láo, mày không đi thoát đâu, - Nadarốp quát ta vì thấy như bị chọc tức.

Anh vung roi quất con ngựa thiến, cao lớn màu hung của mình, rồi nhổm người trên bàn đạp, cúi rạp mình về phía trước, cho ngựa chạy hết tốc lực đuổi theo Khátgi-Murát.

Bầu trời trong sáng quá, không khí tươi mát quá, sức sống hân hoan tràn dâng trong tâm hồn Nadarốp, khi anh hoà mình làm một với con ngựa tốt dũng mãnh, lướt bay trên con đường bằng phẳng đuổi theo Khátgi-Murát, đến mức anh không hề nghĩ tới khả năng xảy ra chuyện gì đó không tốt, đáng buồn hoặc khủng khiếp. Anh vui sướng, vì cứ mỗi đợt phi nước đại đuổi theo Khátgi-Murát anh lại càng tới gần ông ta. Dựa theo tiếng vó ngựa của anh lính Kô-dắc đang tiến sát mình, Khátgi-Murát cho rằng chả mấy chốc anh ta sẽ đuổi kịp, ông đưa tay phải rút súng lục, tay trái khẽ ghìm con ngựa Kabarđa đang hăng vì nghe tiếng vó ngựa đuổi theo nó.

- Tôi bảo không được làm thế cơ mà! - Nadarốp quát, anh hầu như đã sóng ngang hàng với Khátgi-Murát và thò tay ra định túm cương ngựa của ông. Nhưng anh chưa kịp túm lấy cương ngựa,

thì một tiếng súng vang lên. - Mày làm gì thế? - Anh thét lên, túm lấy ngực. - Choảng chúng nó đi anh em ơi, - anh thốt lên, rồi tuột khỏi mố yên ngựa.

Nhưng những người miền núi đã rút súng trước đám lính Kô-dắc, rồi dùng súng lục bắn và vung kiếm chém họ. Nadarốp lủng lẳng ở cổ con ngựa sợ hãi mang anh đi giữa các đồng đội của anh. Con ngựa của Igơnatốp quỵ xuống, đè lên chân anh. Hai người miền núi tuốt gươm, không xuống ngựa, bổ xuống đỉnh đầu và tay anh. Pêtơrakốp xông đến chỗ đồng đội của mình, nhưng vừa lúc ấy hai phát súng, một vào lưng, một vào mạng sườn rát bỏng làm anh rụng khỏi mình ngựa như một cái túi. Miskin quay ngựa trở lại và phi về đồn. Khanephi cùng với Khan-Magôma lao theo Miskin, nhưng anh đã phóng đi xa và chúng không thể đuổi kịp anh.

Biết không thể đuổi kịp anh lính Kô-dắc, Khanephi và Khan-Magôma quay trở lại với đồng bọn. Gamdalô dùng đoản kiếm giết Igơnatốp chết hẳn, chém xả vào người Nadarốp và hất xác anh khỏi mình ngựa. Khan-Magôma gỡ các túi đạn của những người bị giết. Khanephi muốn đoạt con ngựa của Nadarốp, nhưng Khátgi-Murát quát bảo hắn không nên làm thế, rồi thúc ngựa phi trên đường. Các

vệ sĩ của ông phóng ngựa theo ông, xua con ngựa của Pêtơrakốp chạy theo chúng. Khi tiếng súng báo động vang lên từ tháp pháo đài, bọn họ đã đi cách Nukha ba véc-xta, giữa cánh đồng lúa.

Pêtơrakốp nằm ngửa, bụng bị chém, khuôn mặt trẻ trung của anh hướng lên trời, anh ngớp ngớp như con cá, hấp hối.

- Trời ơi, cha mẹ ơi, các anh đã làm trò gì thế này! - viên chỉ huy pháo đài la hét, ôm lấy đầu khi nghe tin Khátgi-Murát chạy trốn. - Người ta lấy đầu mình mất. Lũ kẻ cướp, chúng bay đã để nó xổng mất! - ông gào lên khi nghe Miskin báo cáo.

Lệnh báo động được ban ra khắp nơi và không phải chỉ những người lính Kô-dắc có mặt được cử đi đuổi theo bọn chạy trốn, mà người ta tập hợp tất cả những ai có thể tập hợp được, cả những dân binh miền núi đã về với quân Nga ở các bản làng thanh bình. Người ta tuyên bố thưởng một nghìn rúp cho ai bắt sống hoặc giết chết được Khátgi-Murát. Và hai giờ sau khi Khátgi-Murát cùng đồng đảng thoát khỏi mấy người lính Kô-dắc phóng đi, hơn hai trăm kỵ binh đã phi theo viên cảnh sát trưởng để truy lùng và bắt những kẻ chạy trốn.

Sau khi đi được vài véc-xta trên đường cái,

Khátgi-Murát kìm con ngựa trắng thở phì phì và vã mồ hôi tái nhợt của mình, rồi dừng lại. Những mái nhà và tháp giáo đường của bản làng Bêlargích hiện ra ở bên phải con đường, phía bên trái con đường là cánh đồng, cuối cánh đồng thấp thoáng một dòng sông. Mặc dầu đường lên núi nằm ở phía tay phải, Khátgi-Murát đã quay ngựa về phía ngược lại, về phía tay trái, vì ông tính toán rằng người ta sẽ đuổi theo ông về phía tay phải. Còn ông, dù không có đường sá sau khi vượt qua được sông Aladan, sẽ đi ra con đường cái, ở đó sẽ chẳng có ai chờ đón ông và ông sẽ đi dọc đường cái cho tới khu rừng, lúc ấy ông sẽ lại vượt sông quay trở lại, rồi băng qua rừng lên núi. Quyết định thế, nên ông quay ngựa về phía tay trái. Nhưng té ra không thể đi tới bờ sông được. Cánh đồng lúa mà họ phải vượt qua, như thường xảy ra vào mùa xuân, vừa mới bị ngập nước và biến thành một bãi lầy, bùn bám đến cổ chân ngựa. Khátgi-Murát và các vệ sĩ của ông ngoặt sang phải, rồi lại ngoặt sang trái, nghĩ rằng họ có thể tìm kiếm được một chỗ khô ráo, nhưng họ đã bị rơi vào một cánh đồng giờ đây chỗ nào cũng bị ngập nước như nhau. Mấy con ngựa rút cẳng chân sa lầy trong bùn đặc quánh, gây ra những tiếng phòm phọp như khi người ta mở nút chai và đi thêm được mấy bước nữa, chúng dừng lại thở phì phò. Họ cứ loay hoay

mãi như thế, đến nỗi trời nhá nhem tối mà vẫn chưa tới được bờ sông. Phía tay trái họ có một gò đất đầy bụi cây, cành lá loà xoà, và Khátgi-Murát đã quyết định đi vào đám bụi cây đó nghỉ đêm, để cho mấy con ngựa mệt lử nghỉ ngơi.

Vào tới bụi rậm, Khátgi-Murát và các vệ sĩ của ông xuống ngựa, chằng chân chúng lại, thả cho chúng gặm cỏ, rồi họ ăn bánh mì và phó-mát mang theo. Vầng trăng non thoạt đầu chiếu sáng, rồi lặn xuống sau núi và đêm tối đen. Ở Nukha đặc biệt có nhiều chim hoạ mi. Trong bụi cây này cũng có hai con. Khi Khátgi-Murát cùng với người của mình ồn ào đi vào bụi rậm, chim hoạ mi ngừng hót. Nhưng khi mọi người im lặng, chúng lại lảnh lót hót đối đáp với nhau. Lắng nghe tiếng động ban đêm, Khátgi-Murát bất giác nghe thấy tiếng chim hót.

Tiếng chim họa mi hót gợi cho ông nhớ tới bài hát về Gamdát, mà ông đã nghe đêm qua, khi đi lấy nước. Giờ đây, bất kỳ giây phút nào ông cũng có thể lâm vào tình trạng của Gamdát. Ông suy nghĩ thấy tình hình sẽ là như thế và bỗng trở nên nghiêm trang. Ông trải chiếc áo bur-ka ra và làm lễ nguyện. Vừa mới cầu nguyện xong, ông nghe thấy có những tiếng động chuyển gần về phía bụi rậm. Đó là tiếng rất nhiều vó ngựa

đi trên bãi lầy. Khan-Magôma tinh mắt chạy ra phía ven bụi rậm, nhìn thấy trong đêm tối những bóng người và ngựa đen đen đang tiến gần tới bụi rậm. Khanephi cũng đã nhìn thấy một toán như thế đi từ phía khác tới. Đó là đoàn dân binh miền núi của Karganốp, chỉ huy quân sự hàng huyện.

"Thì đã sao, chúng ta sẽ đánh nhau như Gamdát", Khátgi-Murát nghĩ. Sau khi ban bố lệnh báo động, Karganốp cùng với hàng trăm dân binh miền núi và lính Kô-dắc lao đi đuổi theo Khátgi-Murát, nhưng không tìm thấy ông ở đâu cả, cũng không thấy dấu vết của ông. Karganốp đã tuyệt vọng quay về, vừa lúc ấy, trước khi chiều tối, ông gặp một ông già người Tatarơ. Karganốp hỏi ông cụ có thấy sáu người cưỡi ngựa không. Ông cụ trả lời là có thấy. Ông cụ đã trông thấy sáu người cưỡi ngựa loanh quanh trên cánh đồng lúa, họ đi vào bụi rậm, nơi ông lượm củi. Karganốp đem theo ông cụ quay trở lại và khi trông thấy con ngựa bị chằng chân tin chắc rằng Khátgi-Murát ở trong đó, ông đã bao vây bụi rậm vào ban đêm, rồi chờ sáng để bắt sống hoặc giết chết Khátgi-Murát.

Hiểu rằng mình đã bị bao vây, Khátgi-Murát nhìn thấy một cái rãnh cũ ở giữa bụi rậm và quyết định ngồi trong đó kháng cự, chừng nào còn thuốc

súng và sức lực. Ông nói cho đồng đội biết điều đó, rồi ra lệnh cho họ đắp luỹ trên cái rãnh. Các vệ sĩ lập tức đốn cành cây, dùng dao găm đào đất đắp luỹ. Khátgi-Murát cùng làm với họ. Trời vừa rạng sáng, một viên đội cảnh sát đi ngựa tới gần bụi rậm và hét lớn:

- Ê! Khátgi-Murát! Đầu hàng đi! Quân ta đông, quân anh ít lắm. Để trả lời tiếng quát đó, một cụm khói nhỏ bốc lên trong bụi rậm, tiếng súng trường nổ và viên đạn xuyên trúng con ngựa của viên đội dân binh, nó lảo đảo, rồi lăn kềnh ra. Tiếp đó súng trường của dân binh đứng ở rìa bụi rậm nổ ran, đạn của họ rít lên víu víu, làm gẫy những cành lá, rồi rơi xuống luỹ đất, nhưng không trúng những người ngồi sau luỹ. Chỉ có mình con ngựa lạc đàn của Gamdalô bị trúng đạn. Con ngựa bị thương vào đầu. Nó không quy, nhưng rứt đứt dây chằng chân, cọ mình vào các bụi rậm, lao tới chỗ những con ngựa khác, nép mình vào chúng làm máu chảy lênh láng trên đám cỏ non.

Khátgi-Murát và người của ông chỉ bắn khi có một dân binh nhô người ra phía trước và ít khi họ bắn trượt. Ba người trong số dân binh đã bị thương và dân binh chẳng những không quyết định xông vào chỗ Khátgi-Murát và quân của ông, mà ngày càng lùi xa họ, chỉ bắn hú hoạ từ xa.

Tình hình kéo dài như thế hơn một giờ đồng hồ. Mặt trời đã lên đến lưng thân cây và Khátgi-Murát đã nghĩ tới chuyện lên ngựa, mưu toan băng tới bờ sông, vừa lúc ấy vang lên tiếng reo hò của một toán quân lớn mới đến. Đó là quân của Gátgi-Aga ở xứ Mekhtuli. Họ có độ hai trăm người. Gátgi-Aga trước đây là ku-nák của Khátgi-Murát và đã sống với ông ở vùng núi, nhưng sau đó chạy sang phía quân Nga. Cùng đi với ông có Akhmét-Khan con trai kẻ thù của Khátgi- Murát. Gátgi-Aga, cũng như Karganốp, bắt đầu bằng việc thét gọi Khátgi-Murát đầu hàng, nhưng cũng như lần trước, Khátgi-Murát trả lời bằng một phát súng.

- Tuốt gươm ra, anh em! - Gátgi-Aga thét lớn, rút gươm ra và hàng trăm người hò reo xông vào bụi rậm.

Dân binh chạy vào bụi rậm, nhưng từ sau luỹ đất vang lên mấy phát súng kế tiếp nhau. Ba người ngã, những người tấn công dừng lại và từ ven bụi rậm người ta cũng bắt đầu bắn. Họ vừa bắn vừa nhích gần lại luỹ đất, chạy từ bụi cây này tới bụi cây khác. Một vài người đã kịp chạy vượt lên trước, một số bị trúng đạn của Khátgi-Murát và quân của ông. Khátgi-Murát đã bắn không trượt, cũng như Gamdalô, ít khi bắn

phí đạn, và lần nào hắn cũng sung sướng rít lên khi thấy đạn của hắn bắn trúng người. Kurban ngồi ở đầu rãnh hát "Lia illiakha il alla" và bắn thong thả, nhưng ít khi trúng. Enđar toàn thân run lên vì sốt ruột, muốn dùng dao găm lao vào quân thù, hắn bắn dồn dập, được chăng hay chớ, không ngừng ngoái nhìn Khátgi-Murát và nhô người ra khỏi luỹ đất, Khanephi râu tóc bù xù, tay áo xắn cao, làm công việc phục vụ. Hắn nạp đạn vào những khẩu súng do Khátgi-Murát và Kurban chuyển cho hắn. Hắn cố dùng que thông nòng bằng sắt lùa đạn bọc trong giẻ tẩm mỡ và dùng chiếc ống dốc thuốc súng khô vào súng kíp. Khan-Magôma không ngồi ở trong rãnh như những người khác mà chạy từ rãnh tới chỗ những con ngựa, lùa chúng vào một chỗ an toàn hơn, và không ngừng thét lên, cầm súng bắn không cần bệ tì. Hắn là người đầu tiên bị thương. Đạn trúng vào cổ hắn, hắn ngồi ngả người ra đằng sau, nhổ máu ra và chửi rủa. Sau đó đến lượt Khátgi-Murát bị thương. Đạn xuyên vào vai ông. Khátgi-Murát móc bông ở áo be-smét ra, bịt vết thương của mình và tiếp tục bắn.

- Chúng ta hãy dùng kiếm xông lên, - lần thứ ba Enđar nói. Hắn nhô người ra khỏi luỹ đất, định xông vào kẻ thù, nhưng ngay phút đó, một viên

đạn rót trúng người hắn, hắn lảo đảo, rồi ngã ngửa ra đè lên chân Khátgi-Murát. Khátgi-Murát nhìn hắn. Cặp mắt đẹp như mắt cừu chăm chú và nghiêm trang nhìn Khátgi-Murát. Cái miệng với môi trên nhô ra như trẻ con giật giật, không há ra được. Khátgi-Murát rút chân ra khỏi người hắn và tiếp tục nhằm bắn. Khanephi cúi trên người Enđar đã chết và nhanh chóng rút những kẹp đạn chưa bắn khỏi túi áo tser-ke-xka của hắn. Trong lúc ấy, Kurban vẫn hát, thong thả nạp đạn và nhằm bắn.

Quân địch chạy từ bụi rậm này tới bụi rậm khác, la hét, gào rú, tiến lại ngày càng gần hơn. Thêm một viên đạn nữa bắn trúng vào sườn trái của Khátgi-Murát. Ông nằm trong rãnh và lại móc nắm bông ở áo be-smét ra rịt vào vết thương. Vết thương ở sườn rất nặng và ông cảm thấy mình sắp chết. Các hồi ức và các hình ảnh liên tiếp thay thế nhau nhanh chóng lạ thường trong trí tưởng tượng của ông. Khi thì ông thấy trước mắt mình lực sĩ Abununtxan-Khan một tay đỡ lấy bên má đã bị chém đứt lủng lẳng, một tay cầm dao găm xông vào kẻ thù, khi thì ông trông thấy ông già Vôrôntxốp yếu đuối nhợt nhạt với khuôn mặt trắng trẻo ranh mãnh và nghe thấy giọng nói nhẹ nhàng của ông ta, rồi ông lại trông thấy đứa con trai Iuxúp, người vợ Xôphiát, có lúc ông lại thấy

khuôn mặt xanh lướt với chòm râu hung hung và cặp mắt nheo lại của Samin, kẻ thù của ông.

Và tất cả những hồi ức ấy lướt nhanh qua trí tưởng tượng của ông, không gợi nên cho ông một cảm xúc gì cả: không gợi lòng thương hại, lòng thù hằn cũng như một ước vọng nào đó. Tất cả những cái đó dường như vô nghĩa so với những gì đang bắt đầu và đã bắt đầu đối với ông. Trong lúc ấy, cái cơ thể cường tráng của ông vẫn tiếp tục công việc đã bắt đầu. Ông thu hết tàn lực vươn người ra khỏi luỹ đất, dùng súng lục bắn một người đang chạy tới gần và đạn đã trúng đích. Người đó ngã xuống. Sau đó, ông bò hẳn ra khỏi rãnh và chân tập tễnh nặng, ông cầm dao găm đi thẳng về phía quân thù. Mấy tiếng súng vang lên, ông lảo đảo và ngã khuỵu. Mấy dân binh rít lên đắc thắng, xông vào cái thể xác đã ngã khuỵu. Nhưng cái thể xác mà họ tưởng là đã chết bỗng cựa quậy. Thoạt tiên là cái đầu cắt tóc ngắn đẫm máu, không đội mũ lông cất lên, sau đó thân mình nhổm dậy và ông bám lấy thân cây, rướn thẳng người lên. Trông ông đáng sợ, đến nỗi những người chạy lại gần dừng lại. Nhưng bỗng nhiên ông rùng mình loạng choạng, rời khỏi thân cây, toàn thân ngã sấp xuống như một cành hoa ngưu bàng bị phạt ngang và không cựa quậy nữa. Ông không cựa quậy nữa, nhưng hãy còn cảm giác. Khi Gátgi-Aga, người đầu tiên chạy lại gần ông, dùng thanh đoản

kiếm lớn chém một nhát vào đầu ông, ông tưởng như người ta lấy búa đập vào đầu mình và ông không hiểu nổi ai làm việc đó và làm như thế để làm gì. Đó là ý thức cuối cùng gắn với thể xác ông. Ông không còn cảm thấy gì nữa cả, và kẻ thù đã chà đạp và băm vằm cái không có gì chung với ông nữa hết. Gátgi-Aga giẫm chân lên lưng xác chết, chém hai nhát đứt đầu và thận trọng lấy chân hất cái đầu ra để máu khỏi vấy bẩn giày của mình. Máu thắm đỏ vọt ra từ những động mạch cổ và máu đen chảy ra từ cái đầu lâu lênh láng trên cỏ. Cả Karganốp, Gátgi-Aga, Akhmét-Khan lẫn tất cả những người dân binh, như người đi săn đứng trước con thú đã bị giết, tụ tập xung quanh cái xác chết của Khátgi-Murát và người của ông ta (Khanephi, Kurban và Gamdalô đã bị trói) và đứng giữa đám khói súng trong bụi rậm, vui vẻ trò chuyện, mừng thắng lợi của mình. Những con chim họa mi im tiếng trong lúc có tiếng súng, lại cất tiếng hót, thoạt đầu một con người ở gần, rồi sau đó những con khác ở đầu kia hót lanh lảnh.

Đấy, bông hoa ngưu bàng bị đè nát giữa cánh đồng đã cày gợi cho tôi nhớ tới chính cái chết này.

CHÚ THÍCH

NÓI VỀ TÔNXTÔI

1. Lêônhít Lêônốp (sinh năm 1899) - nhà văn Nga Xôviết, Anh hùng lao động Xã hội chủ nghĩa, tác giả tiểu thuyết "Rừng Nga" và nhiều tác phẩm văn học và kịch khác...

2. Tsêkhốp Antôn (1860-1904) - nhà văn Nga vĩ đại.

3. Ianta - thành phố nghỉ mát ở Krưm, bên bờ Biển Đen.

4. Turghênhép Ivan (1818-1883) - nhà văn Nga vĩ đại, tác giả tiểu thuyết "Ruđin", "Ổ quý tộc","Cha và con" v.v.,và nhiều truyện vừa, truyện ngắn khác.

5. Blốc Alếchxanđrơ (1880-1921) - nhà thơ lỗi lạc.

6. Ôlênhin - nhân vật chính trong truyện "Những nhười Kô-dắc" (1863) của L. Tônxtôi.
   Nhêkhơliuđốp - nhân vật trong tiểu thuyết "sống lại" 1889-1899" của L. Tônxtôi.

7. Puskin Alếchxanđrơ (1799-1837) - nhà thơ Nga vĩ đại.

8. Ruxô Giăng Giắc (1712-1778) - nhà văn và triết học Pháp.

9. Biêlinxki Vixariôn (1811-18480) - nhà phê bình văn

học, nhà chính luận, một trong những nhà hoạt động tích cực nhất của phong trào dân chủ cách mạng Nga.

10. Hécquyn - anh hùng trong thần thoại Hy-Lạp. Được phú cho một sức khoẻ phi thường, chàng đã thực hiện một chiến công hiển hách.

TRUYỆN NGẮN XÊVAXTÔPÔN

Trong những năm 1853-1856 nước Nga tiến hành cuộc chiến tranh với Thổ-Nhĩ-Kỳ nhằm giành quyền thống trị vùng Cận-Đông. Năm 1854, Anh và Pháp đứng về phía Thổ-nhĩ-kỳ chống lại nước Nga. Năm 1854 các độ quân thù địch đã đổ bộ vào Krưm ở vùng Xêvaxtôpôn. Cuộc phòng thủ Xêvaxtôpôn anh hùng của đội quân Nga vào các năm 1854-1855 là một trong những trang rực rỡ nhất của lịch sử nước Nga.

Khi các tàu chiến của Anh, Pháp và Thổ-Nhĩ-Kỳ kéo đến vùng bờ biển Krưm, L. Tônxtôi xin chuyển được từ Kápkadơ, là nơi lúc đó ông đang tòng ngũ, đếnXêvaxtôpôn. Với tư cách là sĩ quan pháo binh ông đã ở đây cho tới cuối giai đoạn thành phố bị bao vây. L. Tônxtôi đã sống nhiều ngày tại pháo đài nổi tiếng - khu vực nguy hiểm nhất trên tuyến phòng thủ Xêvaxtôpôn ... "Tôi xin được đến Krưm, một phần là để tận mắt thấy chiến tranh... nhưng cái chính là do lòng yêu nước hồi đó, phải thừa nhận rằng, đang sôi sục ở trong tôi", - trong một bức thư L. Tônxtôi đã viết như vậy.

Truyện ngắn "Xêvaxtôpôn tháng chạp" được viết vào tháng Ba-tháng Tư năm 1855 trong những điều kiện

của cuộc sống chiến đấu ở pháo đài bốn. Cuối tháng tư năm 1855 truyện ngắn được gửi về toà soạn tạp chí "Người đương thời là tạp chi tiến bộ nhất của Nga hồi đó Nhikôlai Nhêkraxốp, nhà thơ Nga và là nhà cách mạng dân chủ nổi tiếng làm chủ bút. truyện ngắn này được in trên tạp chí số 6 năm 1855. Truyện ngắn "Xêvaxtôpôn tháng Năm" được viết vào tháng Sáu năm 1855 và được gửi về cho "Người đương thời" vào đầu thang Bảy Truyện ngắn này bị sở kiểm duyệt làm méo mó hẳn đi bằng cách cắt bỏ những đoạn tuyệt tác nhất. Toà soạn "Người đương thời" buộc lòng phải cho in truyện ngắn đó (tháng chín năm 1855) không có tên tác giả. Chỉ sau Cách Mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười Vĩ đại truyện ngắn đó mới được công bố một cách đầy đủ.

"Xêvatxtôpôn tháng Năm" đã gây nên một ấn tượng mạnh mẽ trong bạn đọc đương thời. "Một tác phẩm đáng sợ!" - I.Turghênhép đã thốt lên, sau khi đọc song truyện ngắn đó. Cũng lúc đó, nhà văn Nga Pixemxki viết: "Truyện ngắn đã được viết một cách trung thực đến mức tàn nhẫn khiến ta thấy nặng nề khi đọc nó".

Truyện ngắn "Xevaxtôpôn tháng Tám năm 1855" được L. tônxtôi viết từ tháng Chín đến tháng Chạp năm 1855 và đã được công bố trên tạo chi " Người đương thời" (Quyển I năm 1856).

L. Tônxtôi đã chỉ huy năm khẩu đội pháo trực tiếp tham gia bảo vệ Xêvaxtôpôn vào ngày 27 tháng Tám - ngày Xêvaxtôpôn bị các quân đội thù địch tiến công.

*

1. Mạn Bắc - một phần của thành phố Xevaxtôpôn nằm ở phía bắc vũng biển lớn Xevaxtôpôn.
2. Grápxkaia - bến tàu ở trung tâm Xêvaxtôpôn.

3. Luỹ phòng ngự gồm những cọc gỗ, dây xích và dây cáp bảo vệ lối vào vũng biển. Để ngăn chặn hạm đội địch kéo vào vũng biển Lớn Xevaxtôpôn, ở lối vào này người ta đã đánh đắm bảy chiếc tàu chiến cũ của Nga.

4. Kornilốp Vlađimia (1806-1854) - phó đô đốc hải quân Nga. Trong thời gian chiến tranh Krưm ông chỉ đạo việc bố phòng Xêvaxtôpôn ở trên bộ. Ông bị tử nạn ngay trong trận pháo kích đầu tiên của địch vào thành phố.

5. Xbi-ten - đồ uống nóng làm bằng mật ong và gia vị, dùng thay thế nước trà.

6. Ngày 5 tháng Mười năm 1854 là ngày quân đội địch pháo kích lần đầu tiên vào Xêvaxtôpôn.

7. Đây muốn nói đến trận đánh thất bại của quân Nga ở Inkerman - một khu dân cư ở xế phía đông Xêvaxtôpôn.

8. Pháo đài bốn - pháo đài ở chính nam trong tuyến phòng thủ Xêvaxtôpôn, trực diện với trận địa địch.

9. Các ngôi sao ở đây chỉ các cấp bậc khác nhau của các sĩ quan trong quân đội Nga những năm đó.

10. Trận Alma - trận đánh đầu tiên giữa quân Nga với quân địch đổ bộ lên Xêpaxtôpôn ở vùng sông Alma ngày 8 tháng Chín năm 1854.

11. Cứ điểm Iadôn - một cứ điểm dã chiến khép kín bởi những chiến hào. Cứ điểm này do những thuỷ thủ tàu "Iadôn" xây dựng ở tiếp sau pháo đài bốn.

12. Huân chương thánh Ghêorghi - Huân chương hạng bốn của quân đội Nga trước Cách mạng tháng Mười

1917 dùng để tặng thưởng các quân nhân và các đơn vị quân đội thể hiện lòng dũng cảm trong chiến đấu.

13. Huân chương các thánh Anna và Vlađimia - các loại huân chương của nước Nga Sa hoàng dùng để ban tặng cho các quan chức dân sự và quân sự.

14. Núi Xanh - điểm cao ở phía Nam Xêvaxtôpôn, trên đó có những khẩu đội pháo của quân đội Anh.

15. "Thương binh nước Nga" - tờ báo chính thức của quân đội Nga, xuất bản từ năm 1813 đến năm 1917.

16. Trong thời kỳ chiến tranh Krưm 1854-1855, hoàng đế Pháp lúc đó là Napôlêông III.

17. Epatpôria - thành phố trên bờ biển Đen, ở phía Tây-Bắc Xêpaxtôpôn; Balaklava - một làng ở phía Nam Xêvaxtôpôn.

18. Hôme - nhà thơ sử thi, theo truyền thuyết cổ Hy-Lạp là người đã sáng tác "Iliat"và "Ôđixê".

19. U. Sếchxpia (1564-1616) - nhà soạn kịch và nhà thơ Anh vĩ đại.

20. Đó là những cuốn tiểu thuyết của nhà văn Anh U. Thaccơrê (1811-1863).

21. Do lòng dũng cảm, các sĩ quan quân đội Nga trước cách mạng được tặng thưởng thanh kiếm vàng.

22. Bước thăng trầm của người kỹ nữ" - tiểu thuyết của nhà văn pháp vĩ đại Ban-Dắc (1799-1850).

23. Kadarxki Alếchxanđrơ (1797 - 1833) - anh hùng trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829.

24. Lính bộ binh của quân đội Pháp, vốn xuất thân từ bộ tộc Duavơ (An-eri).

25. Bakhtsixarai - một thành phố thuộc tỉnh Krưm.

26. Ximphêrôpôn - thành phố chính của tỉnh Krưm (nước Nga cũ).

27. Kôrabenaia - một khu vực của Xêvaxtôpôn, cách trung tâm thàn phố thuộc vũng biển Nam.

28. Đồi Malaikhốp - điểm cao ở xế đông nam Xêvaxtôpôn, một trong những cứ điểm chủ chốt của tuyến phòng thủ.

29. Trường học sinh sĩ quan - là trường trung học quân sự dành cho con em quý tộc của nước Nga trước cách mạng.

30. Pêrêkốp - một khu dân cư ở eo đất Pêrêkốp nối liền bán đảo Krưm với đất liền.

31. Hội Tam điểm - tổ chức của những người chủ trương phong trào đạo đức tôn giáo, phát triển ở nhiều nước châu Âu hồi thế kỷ XVII-XIX, đầu tiên tự đặt ra nhiệm vụ là đoàn kết một cách hoà bình nhân loại trong một liên minh thống nhất.

32. Thang điểm 12 bậc - thang điểm dùng trong nhà trường ở nước Nga trước Cách mạng tháng Mười 1917. - 90.

33. Tốtlêben Eđuarđơ (1818-1884) - thiếu tướng công binh Nga, chỉ đạo các hoạt động kỹ thhuật công binh trong cuộc phòng thủ Xêvartôpôn.

34. Tiền vàng - đồng tiền có giá trị bằng 10 rúp.

35. Sông Benbếch - con sông chảy song song với vũng biển Lớn Xêvaxtôpôn và đổ vào Biển Đen.

36. Pêliie Giăng Giắc - từ tháng Năm 1855 là tổng chỉ

huy quân đội Pháp bao vây Xêvaxtôpôn.

37. Gortsakốp Mikhain (1793-1861) - thiếu tướng Nga, tổng chỉ huy quân đội Nga ở Krưm năm 1855.

38. Piốt I - vua Nga trị vì từ 1682 đến 1725, hoàng đế đầu tiên của nước Nga, nhà hoạt động chính trị và quân sự lỗi lạc, người đã thực hiện một loạt những cải cách quan trọng nhất.

39. "Luxia đi Lamermur" - nhạc kịch của nhà soạn nhạc Đônixetti (1797-1848).

40. Khẩu đội pháo phòng thành bố trí ở Mạn Bắc vũng biển lớn Xêvaxtôpôn.

41. Khẩu đội Nhicôlaiépxkaia - khẩu đội pháo phòng thành mạnh nhất Xêvaxtôpôn, bố trí ở Mạn Nam.

42. Varêniki - một loại bánh hấp nhỏ có nhân bằng phó-mát tươi, hoa quả.

43. "Ký sự Tổ Quốc" - tạp chí có khuynh hướng cách mạng-dân chủ, ra hàng tháng, xuất bản từ năm 1839 đến năm 1884.

44. Khẩu đội Kornilốp - một trong những khẩu đội ở đồi Malakhốp, tại đó đô đốc Kornilốp đã bị tử nạn.

45. Trường bắn Vônkôvô - một nơi tập bắn ở Pêterburg.

46. Kônxtantin - trong thời gian chiến tranh Krưm, hoàng đế Nga lúc đó là Alếchxanđrơ II, trị vì từ 1855 đến 1881. Anh trai của hoàng đế, đại công tước Kônxtantin, lúc đó chỉ huy hạm đội hải quân Nga.

47. Một tháng được coi như một năm - trong thời gian Krưm, một tháng tham gia chiến đấu được tính như một năm tại ngũ của binh lính.

48. Khẩu đội pháo Alếchxanđrốpkaia - khẩu đội pháo bờ biển ở Mạn Nam Xêvaxtôpôn.

49. Khi quân Nga rút khỏi Xêvaxtôpôn, tất cả các tàu chiến còn lại đều bị đánh đắm ở vùng biển Lớn Xevaxtôpôn.

BUỔI SÁNG CỦA MỘT TRANG CHỦ

Tháng Năm năm 1852, lúc đang còn ở Kápcadơ, L. Tônxtôi đã có ý định viết "Tiểu thuyết của một trang chủ Nga", trong đó, theo ông cho biết, ông muốn tố cáo "sự độc ác của nhà cầm quyền Nga" lúc đó - tức là chế độ nông nô.

L.Tônxtôi viết tác phẩm này cho đến tận năm 1857, nhưng rồi cuốn tiểu thuyết vẫn còn dở dang và mới chỉ có một phần của nó với nhan đề "Buổi sáng của một trang chủ" được đăng trên tạp chí "Ký sự Tổ quốc" số tháng Chạp năm 1856.

Truyện ngắn này được Nhicôlai Tsernưsepxki, nhà phê bình và nhà chính luận Nga lỗi lạc, nhà hoạt động tích cực nhất của nền dân chủ cách mạng Nga đánh giá cao.

*

1. "*Maison rustique*" ("Trang trại") - tên gọi một cuốn sách chỉ dẫn về nông học của Pháp.

2. Những ngôi nhà kiểu Hêrácđơ - là những ngôi nhà được xây dựng theo thiết kế của A.I.Hêrácđơ, một chủ nông hộ nổi tiếng sống vào đầu thế kỷ XIX.

Trong những ngôi nhà này, người ta bố trí những khoảng trống giữa tường trong và tường ngoài để giữ ấm.

3. Nông dân Nga thế kỷ XIX thường áp dụng phương pháp luân canh ba thửa - một thửa để trồng các loại cây mùa xuân, một thửa trồng các loại cây mùa thu và một thửa bỏ hoá, nghĩa là bỏ một năm không gieo trồng gì nhằm phục hồi lớp đất màu.

4. Kavát - nước giải khát có vị chua nấu bằng bánh mỳ và mạch nha hoặc bằng hoa quả.

5. Thánh Nhicôlai - một trong các vị thánh được tín đồ Chính giáo trân trọng tôn thờ.

6. Lao dịch - chế độ bắt buộc nông dân Nga phải làm việc phục dịch cho địa chủ ít nhất là ba ngày trong một tuần.

7. Kit-ca - một kiểu mũ Nga ngày xưa dùng cho những phụ nữ đã có chồng đội trong ngày hội.

8. Di-pun - một kiểu áo khoác ngoài của nông dân Nga, không có cổ, thường may bằng dạ thô.

9. Theo mê tín trong dân gian, đây là một trong những cách có thể làm hại người ta.

10. Theo mê tín trong dân gian, thứ nước này có thể giúp chống lại ốm đau và bệnh tật.

11. Tức là cho phép kiếm sống bằng cách cam kết hàng năm nộp cho địa chủ một phần thu nhập nhất định (bằng tiền hoặc bằng hiện vật).

LUYXERNƠ

L.Tônxtôi viết truyện ngắn trong chuyến du lịch đầu tiên ra nước ngoài (1857).

Sau khi đi thăm một loạt các thành phố của Pháp, Ý và Thuỵ Sĩ, ngày 6 tháng Bảy 1857 L.Tônxtôi đến Luyxernơ, thành phố nghỉ mát của Thuỵ Sĩ và nghỉ lại ở khách sạn "Sveixergốp". Ngày 7 tháng Bảy ông đã ghi lại trong nhật ký câu chuyện xảy ra có liên quan tới ông ngày hôm đó và đã tái hiện lại đúng y nguyên trong chuyện ngắn này.

Truyện được viết rất nhanh - trong vòng 8 ngày (từ 11 đến 18 tháng Bảy) nó đã được sửa tới hai lần.

Lần sửa chữa cuối cùng là vào tháng Tám 1857." Luyxernơ" được đăng trên tạp chí"Người đương thời" cuối tháng Chín năm 1857.

*

1. Murray - tác giả hướng dẫn cuấn sách hướng dẫn du lịch nổi tiếng hồi giữa thế kỉ XIX.
2. "Thần khúc" - Trường ca của thi hào Ý vĩ đại Đăngtơ Alighêri (12651321).
3. Điện Tuylơri - điện ở Pari, một trong số các cung điện của các hoàng đế Pháp.
4. Phriôsenburg - một làng gần Luyxernơ ở Thuỵ Sĩ.
5. Giọng kim (phixtula) - giọng nam cao khác thường; luyến láy kiểu xứ Tirôn - giọng hát đặc biệt của những người dân xứ Tirôn - một vùng núi nằm ở sườn phía Bắc và phía Nam dãy Đông Anpơ.

6. Argôvia - một trong những tổng thuộc niềm Bắc Thụy Sĩ.

7. Xăng-tim - đơn vị tiền tệ bằng một phần trăm đồng phrăng.

8. St.Berna - hai hành lang núi thuộc day Tây Anpơ (Lớn và Nhỏ) nối nước Ý với nước Pháp và nước Ý với nước Thuy Sĩ; St.Gôtard - một lối đi qua núi thuộc dãy Trung Anpơ.

9. Nghĩa là ở Xêvaxtôpôn bị quân đội Anh , Pháp bao vây năm 1854-1855 trong cuộc chiến tranh Krưm (xem "Truyện ngắn Xêvaxtôpôn").

10. Đây muốn nói đến cuộc chiến tranh ăn cướp của thực dân Anh chống Trung Quốc bắt đầu vào năm 1856.

11. Từ 1848 đến 1857 chính phủ Pháp tiến hành cuộc chiến tranh tàn bạo chống lại những người Kabin, một bộ phận cư dân gốc Angiêri, Tuynidi và Marốc. Những người Kabin đã anh dũng chiến đấu chống bọn· xâm lược.

12. Đây muốn nói tới Napôlêông III, hoàng đế Pháp (1852-1870); Plom-bieres một nơi nghỉ mát của Pháp.

CÁI CHẾT CỦA IVAN ILÍCH

Truyện được viết vào những năm 1884-1886. Chủ đề của truyện có thể nảy sinh ở L. Tônxtôi từ năm 1881 do ấn tượng cái chết của Ivan-Ilich Mêtsnhicốp, viên bệnh lý của toà án vùng Tula, gợi lên.

Truyện đã phải chịu hàng loat những sửa chữa, thay đổi qua trọng trong quá trình viết của nhà văn. Nhưng ngay từ đầu truyện đã được xây dựng như là một tác phẩm có tính chất tố cáo xã hội sâu sắc.

Cái chết của Ivan-Ilich" được công bố lần đầu tiên trong "Các tác phẩm của bá tước L. N. Tôixtôi", Phần 12. Các sáng tác của những năm gần đây. M. 1886.

*

1. Viện tư pháp - cơ quan tư pháp ở nước Nga từ năm 1917. Xem xét các vụ án dân sự và hình sự lớn, cũng như các đơn kháng án đối với cách gải quyết của toà án cấp dưới.

2. Trường tư pháp - trường cao dẳng pháp lý dành cho trẻ em quý tộc ở Pêterburg (thủ đô nước Nga trước năm 1918, hiện nay là Lêningrát) từ năm 1835 đến năm 1917.

3. Cố vấn cơ mật - theo bảng phân loại ngạch bậc, cố vấn cơ mật là phẩm hàm bậc ba, một trong những bậc cao nhất của ngạch quan chức dân sự.

4. Nghĩa là sau khi tốt nghiệp Trường tư pháp, Ivan Ilích đã được ban phẩm hàm bậc mười.

5. Sarmer - chủ một hiệu may đắt khách ở Pêterburg.

6. Đônôn - chủ một tiệm ăn đắt khách ở Pêterburg.

7. Những người ly giáo (cựu giáo) - tín đồn của những nhóm Thiên chúa giáo không thừa nhận những cải cách tôn giáo tiến hành ở nước Nga hồi thế kỷ XVII và trở thành thù địch đối với giáo hội Chính giáo.

8. Năm 1864 nước Nga đã tiến hành cuộc cải cách tư pháp ban bố quyền độc lập xét xử của các quan tòa, tính chất công khai trong quá trình xét xử và bãi bỏ toà án đẳng cấp.

9. Viên chức bậc năm - cố vấn nhà nươc, tương đương hàm đại tá.

10. Ở đây muốn nói đến một số cơ sở dạy học giáo dục và nhà nuôi trẻ mồ côi.

11. Trong bản tường trình đầu tiên gửi cấp trên, các quan chức mới nhậm chức thường đề nghị về việc bổ nhiệm những người mới, việc thuyên chuyển v.v..

12. Ở đây L.Tônxtôi tỏ ý khinh miệt về sự say mê của đám phụ nữ quý tộc trong các hội từ thiện đủ loại.

13. Theo quy định về một phong thái tốt thì việc chống cùi tay lên bàn trong bữa ăn bị coi là bất lịch sự.

14. Dôla Êmin (1840-1902) - nhà văn Pháp.

15. Kideveter (1762-1819) - triết gia duy tâm Đức. Sách giáo khoa lô-gích học của ông đã được dịch ra tiếng Nga.

16. Xara Berna (18441923) - nữ nghệ sĩ sân khấu Pháp. Đã từng biểu diễn ở Nga.

17. "Adrienne Lecouvreur" - vở kịch của hai nhà soạn kịch Pháp Ô. Xkríp và G. Lơguvê kể về số phận của Adrien Lơcuvrơ - nữ diễn viên bi kịch nổi tiếng của Pháp.

ĐỨC CHA XERGHI

L. Tônxtôi viết truyện này trong những năm 1890-1891, 1895 và 1898.

Khi nhà văn còn sống, truyện này chưa được xuất bản, lần đầu tiên nó được công bố trong tập II "Các tác phẩm của L. Tônxtôi được xuất bản sau khi tác giả qua đời" vào năm 1912. Trong lần xuất bản đó sở kiểm duyệt đã cắt bỏ đoạn nói đến hoàng đế Nhicôlai I và các câu truyện trăng hoa của ông ta.

*

1. Tức là chỉ huy một phân đội (gồm 2, 3 trung đội) của trung đoàn ky binh nặng được biệt phái bảo vệ triều đình Nga hoàng.

2. Nữ quan là tước hiệu cung đình ở nước Nga cũ, được ban cho những phụ nữ thuộc các dòng họ quý tộc nổi tiếng. Các nữ quan họp thành đoàn hậu cận của các nữ hoàng và các công chúa, quận chúa trong hoàng tộc.

3. Txarxkôiê Xêlô - một địa điểm ở gần Pêterburg, là nơi xây cung điện mùa hè của các Nga hoàng và

các biệt thự của giới quý tộc cung đình và các nhân vật có nhiều đặc quyền khác.

4. Nhikôlai Páplôvich - tức hòng đế Nhikôlai I; đại lộ Nhépxki - đường phố chính của Pêterburg..

5. Valakhai - một vùng đất lịch ở miền Nam Rumani, giữa dãy núi Karpát và sông Đanuýt.

6. Kaxátxki phải chịu nghi lễ thiên chúa giáo tuyên nhập cuộc đời tu hành. Để chứng tỏ sự khước từ cuộc sống trước đây, các tu sĩ được mang tên gọi mới.

7. Lễ Prô-xkô-mi-đi-a một phần của buổi lễ trang trọng trong đó các lễ vật được dâng lên bệ thờ để làm phép thánh.

8. Lễ Prê-pô-lô-vê-ni-ê - buổi lễ vào ngày thứ tư của tuần lễ thứ tư sau lễ Phục sinh..

SAU ĐÊM VŨ HỘI

Cơ sở của truyện ngắn này là một tình tiết trong cuộc đời của Xergây Nhicôlaiêvich đã yêu tha thiết Varia Anđrâyêpna, con gái viên chỉ huy quân sự thành phố Kadan là A.Koráysơ. quan hệ của X. Nh. Tônxtôi và Varia Koráysơ đã bị gián đoạn sau khi anh được tận mắt thấy cuộc trừng phạt nhục hình mà ông bố của người anh yêu đứng ra tự chỉ huy.

L. Tônxtôi đã viết phác lần đầu tiên truyện ngắn này vào đầu tháng Tám năm 1903 dưới nhan đề "Cô con gái và ông bố". Tuyện ngắn được sửa cữa lần cuối cùng vào cuối tháng Tám năm 1903.

Khi L. Tônxtôi còn sống, truyện ngắn này chưa được công bố. Lần đầu tiên truyện được in trong tập I "Các tác phẩm của L. Tôixtôi được xuất bản sau khi tác giả qua đời" vao năm 1911.

*

1. Êlidavêta Pêtơrốpna - nữ hoàng Nga, trị vì từ năm 1741 đến năm 1762. - 357.

2. Alphonse Karr (1808-1890) - nhà văn và nhà báo Pháp. - 358.

3. Đây muốn nói tới huyền thoại trong kinh thánh về Nôi, một tộc trưởng thời xa xưa và các con trai của ông. Một lần sau khi say tuý luý, Nôi đã thiếp đi trong tư thế trần truồng. Kham, con trai ông, vừa cười vừa kể cho các anh trai mình là Xim và Iaphét biết truyện đó, nhưng hai người anh vốn kính trọng cha, đã che kín phần trần truồng của cha đi. - 358.

KHÁTGI-MURÁT

"Khátgi-murát" là một cuốn truyện lịch sử. Những sự kiện miêu tả trong truyện xảy ra vào đầu những năm 50 của thế kỉ trước, trong thời kỳ chiến tranh nhằm sáp nhập Kapkadơ vào nước Nga, mà L. Tônxtôi đã từng tham gia.

Cuộc chiến tranh Kápkadơ là do chính quyền Nga hoàng tiến hành từ năm 1817. Bất chấp các biện pháp tàn bạo chống lại các dân tộc sống ở vùng Kápkadơ và chế độ thực dân do chính quyền Nga hoàng thiết

lập, việc sát nhập Kápkadơ vào nước Nga đã góp phần phát triển kinh tế xã hội, chính trị và văn hoá của các dân tộc ở vùng này.

Cuôc đấu tranh giải phóng của nhân dân vùng núi Káp- kadơ đã tiến hành dưới ngọn cờ của kha-da-vát "cuôc chiến tranh thần thánh" của các tín đồ đạo Hồi, (các dân tộc ở Tsétsnia, Daghexnia và Tây-Bắc Kapkadơ điều theo đạo hồi) chống lại những người dị giáo. Samin (1799- 1871), người thành lập Imamát nhà nước quân sự thần quyền đã lãnh đạo cuộc đấu tranh từ đó 1834 đến 1859.

Samin là giáo trưởng thứ ba của Đaghextan và Tsétsnia. Ngày 26 tháng Tám 1859 ông bị quân đội Nga bắt làm tù binh ở Gunip và bị đầy đi Kaluga. Ông chết ở Mêđina (Ả Rập) trên đường đi đến thánh đường Meca.

Một trong số những Na-íp của Samin cai quản một phần lãnh thổ của Kapkadơ là Khátgi-Murát (cuối những năm 90 của thế kỷ XVIII-1852), người đã đánh thắng quân Nga nhiều trận. Năm 1851 ông chạy sang phía quân Nga. Ông bị giết chết năm 1852, khi mưu sự trốn chạy khỏi người Nga để lên núi.

Tônxtôi có dự định viết cuốn truyện về Khátgi-Murat từ năm 1896. Bản nháp dầu tiên của cuốn truyện đề ngày 14 tháng Tám năm 1896. Sau đó việc viết cuốn truyện có nhiều lần bị ngắt quãng.

Tônxtôi nghiên cứu sâu sắc các tư liệu lịch sử về thời kỳ chiến tranh Kápkadơ, các hồi ký và thư từ của những người đồng thời và những người chứng kiến những sự kiện mà ông miêu tả.

Bản thảo "Khátgi-Murát" được sửa chữa tới lần thứ mười vào mùa thu 1902, nhưng tác giả vẫn không hài lòng với tác phẩm của mình và vẫn tiếp tục sửa chữa.

Khi L. Tônxtôi còn sống, cuốn truyện chưa được

in ra. Nó được công bố lần đầu tiên năm 1912 trong tuyển tập các tác phẩm của L. N. Tônxtôi được xuất bản sau khi tác giả qua đời với nhiều đoạn đáng bị cơ quan kiểm duyệt cắt bỏ. Cuốn truyện được in hoàn chỉnh lần đầu tiên vào năm 1912 tại Berlin.

*

1. "Tatarin" - đây là một lối chơi chữ. Trong tiếngNga từ "tatarin" chỉ gọi tên một loại cây, và cũng là tên gọi của dân tộc Tatarơ, một dân tộc thuộc nhóm Tuyếc.
2. Bản của người Tsétsen chưa kịp quy thuận - một bản thuộc vùng Kapkadơ, dân bản là người Tsétsen (một trong số các dân tộc miền núi) không chịu đi theo người Nga.
3. Na-íp - người được Samin uỷ quyền cai trị một vùng nào đó.
4. Bur-ka - một loại áo khoác hoặc áo choàng ơe vùng Kapkadơ, may bằng nỉ mỏng dệt kèm với lông dê.
5. Be-smét - một loại áo khoác của vùng Tuyếc, dài đến gối, ôm gọn lấy vai, ngực và eo lưng.
6. Tser-ke-xka - áo khoác nam, bằng dạ cài cúc ở giữa, không có cổ, có li ở eo lưng, dài quá gối một chút.
7. Công tước Vôrôntốp Xêmiôn (1823-1882) - đại tá, chỉ huy trung đoàn Kura, con trai của tổng tư lệnh quân đội vùng Kápkadơ, công tước Mikain Vôrôntxốp.
8. Ở đây muốn nói đến một lại túi có nhiều ngăn nhỏ bằng kim loại hoặc bằng gỗ được đính thành nhiều dãy trên ngực áo tser-ke-xkơ để cài đạn.

9. Pin-ghi-si - một loại mằn thắn hơc viên bột có nhân dùng để nấu canh.

10. Tsésnia - vùng đất lịch sử nằm ở phía trước dãy núi Đại Kápkadơ. Từ năm 1859 đã sáp nhập vào lãnh thổ nước Nga.

11. Nghĩa là tự nguyện làm quân dịch trong 25 năm thay thế cho anh trai.

12. Nghĩa là được điều đi đốn gỗ. Trong thời gian chiến tranh ở Kápkadơ quân đội Nga vừa hành quân vừa mở đường xuyên qua rừng, để ngăn chặn khả năng tiến công của địch.

13. Người Avarơ - một trong số các dân tộc ở Đaghextan - một vùng đất lịch sử ở phía trước dãy núi Đại Kápkadơ...
Avaria - vào những năm 50, của thế kỉ XIX là một trong những tiểu vương quốc thuộc vùng núi Đaghextan.

14. Quan tổng tư lệnh, công tước Mikhain Vôrôntxốp (1782 -1856), từ 1844 cai trị vùng Kápkadơ với những quyền lực vô hạn, tổng tư lệnh quân đội Kápkad; Tiphlít - tên gọi cũ của Tbilít, hiện nay là thủ đô Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô-viết Gru-di-a.

15. Ở đây muốn nói đến trận đánh ở Kraxnưi vào những ngày 4-6 (16-18) tháng Mười một năm 1812.

16. Gherghebin - một bản được bố phòng kiên cố ở phía Bắc Đaghextan, bị giành đi giật lại nhiều lần trong cuộc chiến tranh với Samin.

17. Đarghi một bản ở phía Bắc Đaghxtan, một căn cứ quân sự của Samin.

18. Temirơ-Khan-Sura - một pháo đài lớn ở Đaghextan.

19. Muyra - nguyên soái kỵ binh dưới thời hoàng đế Pháp Napônêông I.

20. Alêchxanđrơ Đệ nhất - hoàng đế Nga, trị vì từ 1801 đến 1825.

21. Khan - vua hoặc vương hầu phong kiến có quyền cai trị ở một số vùng dân tộc Tuyếch hoặc Mông cổ.

22. Công tước xứ Kumứk - tức công tước xứ Kadi-Kumứk, một vùng thuộc Đaghextan.

23. Tuyếch Ledơghin - tức là tuyến công sự nằm dọc phía nam Đaghextan, nơi sinh sống của người Ledơghin, một bộ tộc miền núi.

24. Khundakha - trung tâm của tiểu vương quốc Avaria.

25. Kha-da-vát - có nghĩa là cuộc chiến tranh thần thánh của người Hồi giáo chống lại người dị giáo.

26. Kadi-Mulla (khoảng 1785-1832) giáo trưởng (người nắm quyền tối cao về thần quyền và pháp quyền) đầu tiên ở Tsétsnia và Đa-ghextan; Gamdát-bếch (1789-1834) giáo trưởng thứ hai.

27. "Sấp ngửa" - một kiểu chơi bạc ngày xưa, người chơi đoán xem đồng tiền được tung lên khi rơi xuống sẽ phơi mặt nào lên: mặt có quốc huy (ngửa hay mặt bên kia (sấp).

28. Grôdnaia - một pháo đài ở Kapkadơ, trung tâm của Tsetsnia. Hiện nay là thành phố Grôdnưi.

29. Nhicôlai I, Nhicôlai Páplôvích - hoàng đế Nga từ 1825 đến 1855.

30. Dakhar Tsernusép và vụ những người tháng Chạp - Tsernusép Dakhar (1796-1862) bị đưa ra toà trong vụ án những người tháng Chạp - những nhà quý

tộc Nga tham gia cách mạng đã phát động khởi nghĩa chống chính quyền chuyên chế ngày 4 tháng Chạp năm 1825. Tsernusép Dakhar bị kết án tù khổ sai, sau khi mãn hạn tù bị đưa đến mặt trận Kápkadơ làm lính thường.

31. Cung điện Mùa Đông - trước cách mạng là cung của cá hoàng đế Nga ở Pêterburg. Được xây từ giữa thế kỷ XVIII.

32. Ở đây muốn nói đến vua Phổ Phriđrich Vinhem IV. Nhicôlai I kết hôn cùng em gái vua Phổ.

33. Ermôlốp Alếchxây (1772-1861) từ 1817 đến 1829 là tổng trấn Gruđia và chỉ huy đội quân vùng Káp kadơ; Veliaminốp Alếchxây (1785-1838) - thiếu tướng, phụ tá, và sau đó là người kế nhiệm của Ermôlốp.

34. Hồi thế kỷ XIX Ba Lan sắp sáp nhập với đế quốc Nga. Cuộc khởi nghĩa 1830-1831 của Ba Lan nhằm chống lại chế độ Nga hoàng đã bị Nhicôlai I đàn áp khốc liệt.

35. Đây là một biện pháp trừng phạt hà khắc tồn tại ở nước Nga hồi nửa đầu thế kỉ XIX, áp dụng chủ yếu đối với binh lính. Kẻ có tội bị lột trần đến thắt lưng, rồi bị giải qua một dãy lính xếp hàng đôi quay mặt vào nhau được trang bị bằng những chiếc gậy lùa. Mỗi người lính đều phải dùng gậy quất vào kẻ có tội.
Như vậy là anh sinh viên kia bị Nhicôlai I ký án phạt 12 nghìn gậy.

36. Miền Tây nước Nga hồi thế kỷ XIX- đầu XX gồm lãnh thổ của Ucraina,Biêlôruxia và Litva ngày nay. Tổng trấn Nga trước cách mạng là người cai quản cả một Miền, có quyền lực cao nhất cả về mặt hành

chính và quân sự.

37. Những người nông dân sống ở miền Tây người Ucraina và Biêlôru-xia - từ thế kỷ XVII phần lớn thuộc giáo phái hợp nhất, thừa nhận những giáo điều cơ bản của đạo Thiên chúa, tuy vẫn giữ những nghi lễ Chính giáo. Vào thế kỷ XIX họ bị cưỡng bức phải theo Chính giáo.

38. Nông dân của nhà nước sống bằng ruộng đất của nhà nước, gánh chịu những tạp dịch phong kiến phục vụ cho nhà nước, về mặt cá nhân được coi là lớp người tự do (khác với nông nô). Nông dân trong các thái ấp nông dân thuộc gia đình hoàng tộc.

39. Nhicôlai I nhận những lời tung hô chúc tụng nhân dịp Năm Mới thường tổ chức ở nước Nga vào ngày 1 tháng Giêng.

40. Ermitagiơ - Viện bảo tàng nghệ thuật và lịch sử văn hoá lớn nhất, được bố trí trong các toà nhà của cung điện Mùa Đông.

41. Phòng Pômpêi là phòng được trang hoàng bằng các đồ dùng và tượng điêu khắc theo mẫu của thành phố Pômpêi, một thành phố cổ LaMã.

42. Metternich Klêmen (1773-1859) - công tước, thủ tướng Áo từ 1821 đến 1848, kẻ có mưu đồ ngăn cản việc củng cố vị trí của Nga ở Châu Âu.

43. Gấp góc quân bài, tính điểm được thua - lối chơi bằng cách đặt một số tiền lớn hơn nhà cái trong ván bài đang đánh.

44. Ở Káp kadơ ngày trước tồn tại tập quán "trả nợ máu" - đó là tập quán trả thù cho người trong dòng họ mình bị giết bằng cách giết một người thuộc dòng

họ của kẻ giết người.

45. Luật Ta-ri-kát - giới luật tôn giáo của đạo Hồi đòi hỏi mọi tín đồ phải khước từ mọi lác thú ở cõi đời và tuân thủ một cách mù quáng người chăn dắt tinh thần của mình.

46. Luật Sa-ri-át - bộ luật dân sự dựa trên cơ sở kinh Koran (kinh của tín đồ Hồi giáo trình bày các giáo điều và quy định của đạo Hồi, cũng như cá huyền thoại của đạo Hồi và các tiêu chuẩn pháp lý) và các sách kinh khác của đạo Hồi.

47. Hội bai-ram - hội của tín đồ đạo Hồi kéo dài ba ngày.

48. Một loại kiếm được đánh giá cao ở Kápkadơ, mang tên người thự rèn ra nó là Gurđa.

49. Người kế vị hoàng đế Nhicôlai I là Alêchxanđrơ, con trưởng của ông, sau khi vua cha chết (1855) đã trở thành hoàng đế Alêchxanđrơ II (trị vì đến năm 1881).

50. Theo bảng phân loại ngạch bậc tồn tại ở nước Nga đến tận năm 1917, một văn bản có tính chất pháp lý quy định trình tự thăng trât trong ngạch quan lại, tất cả các quan chức dân sự được chia làm 14 hạng (bậc) - cao nhất là bậc một, thấp nhất là bậc 14.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

LÉP TÔN-XTÔI
Truyện chọn lọc

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG

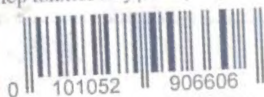
Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : NGUYỄN BÍCH HẰNG
Kỹ thuật vi tính: MAI PHƯƠNG
Trình bày: NGỌC BẢO
Sửa bản in : THU HẰNG
Vẽ bìa : TRỌNG HÒA

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm. In tại xí nghiệp in Bắc Thái.
Giấp phép xuất bản số: 231-CXB/32 - VHTT.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2001.

LÉP TÔNXTÔI

TRUYỆN CHỌN LỌC



Giá : 88.000đ